

VIÊN GIÁC



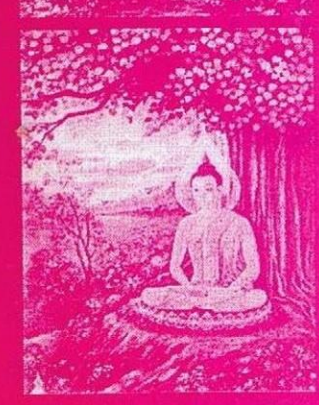
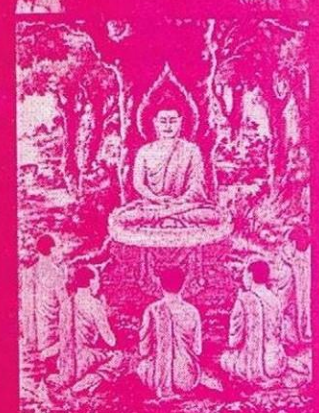
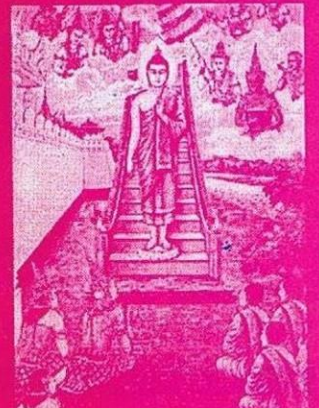
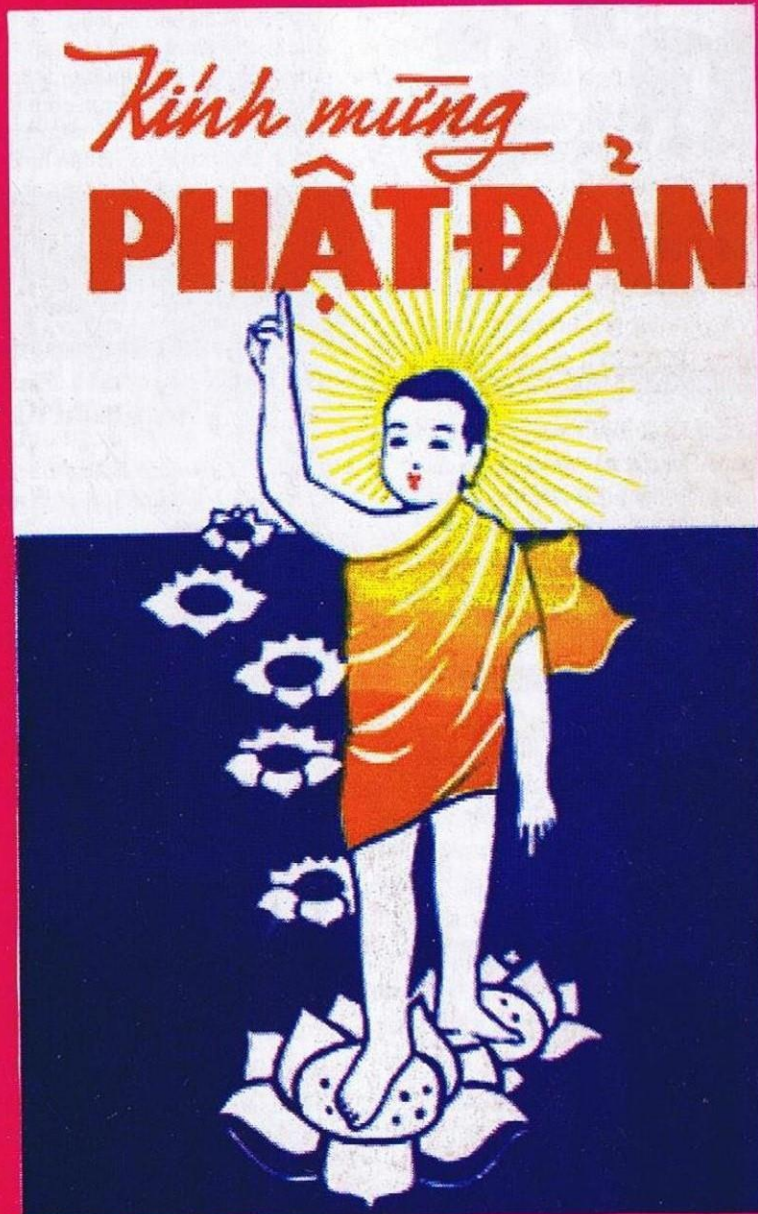
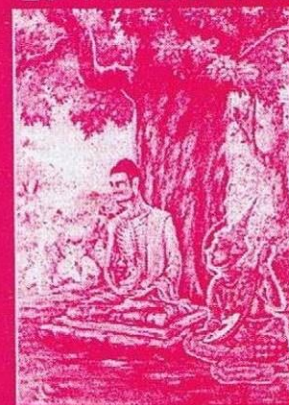
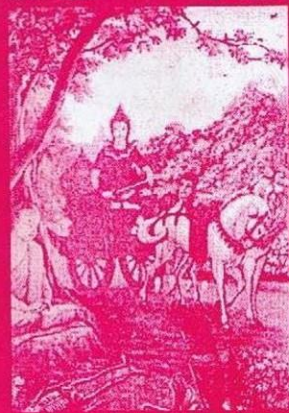
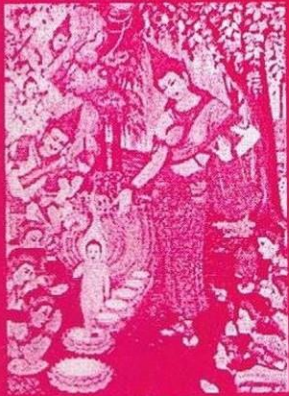
SỐ - NR.

TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

111

Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

PL. 2543 ■ NĂM THỨ 21 ■ THÁNG 6 ■ JAHRGANG 21. ■ JUNI 1999 ■ AUSGABE IN VIETNAMESSISCHE & DEUTSCH



Phật lịch 2543



Con người sanh ra trong cuộc đời, mấy ai sống được trăm tuổi. Nhưng đâu có được trăm tuổi mà không gặp được Phật Pháp và không gặp được chư Tăng cũng như những bạn hữu đồng học và thực hành giáo pháp ấy. Quả là điều mất mát vô cùng cho một kiếp nhân sinh.

Ngày xưa Lão Tử cũng đã từng nói: "*sống mà hiểu đạo, chỉ một ngày cũng có giá trị*". Đây là sự thật, mà chúng ta thì cứ mãi giống ruồi trong khắp chốn luân hồi. Cũng tại vì cái chỗ không hiểu đó, mà mình phải mãi mê trong vòng sanh tử.

Sống là đi, là học, là tu, là tìm hiểu v.v... đó là những nhu cầu của cuộc sống tâm linh cho những ai muốn tìm về bản lai diện mục của mình. Đức Phật cũng đã từng dạy: "*khổ ải mệnh mông, quay đầu thấy bến*". Điều ấy hẳn đúng. Chỉ có những kẻ quay đầu để tự nhìn thấy mình, thì kẻ ấy là kẻ hiểu đạo. Tất cả đều phải do nhân duyên mới tạo thành được và tất cả cũng do nhân duyên mà thay đổi.

Mỗi năm, tại mỗi nước ở Âu Châu đều có mở những khóa giáo lý căn bản cũng như những khóa giáo lý nghiên cứu. Phật Tử ở khắp nơi lại có cơ hội quay về. Họ về để cùng nhau tu tập, cùng nhau thể nghiệm lại bản thân mình. Cùng nhau học hỏi giáo lý huyền diệu của Đức Phật, mà bình thường, chúng ta không có thì giờ nhiều để đi sâu vào con đường nội tâm ấy.

Tại Âu Châu, năm nay kỳ giáo lý thứ 11 sẽ được tổ chức tại Na-Uy, cũng chỉ với một mục đích duy nhất là làm sao cho nhiều người học Phật và hiểu Phật cũng như đem giáo lý Phật Đà vào áp dụng trong đời sống tâm linh của mình càng nhiều càng tốt. Con số ban đầu của những khóa giáo lý Âu Châu như thế, chỉ có vài trăm người tham dự trong 10 ngày; nhưng nay thì số ấy đã lên đến hàng ngàn. Rồi một mai đây, số này sẽ nâng lên cấp số nhân, chủ không còn là cấp số cộng nữa.

Ăn thì phải no, tu thì phải chứng. Đó là một nguyên tắc. Ai đó trong chúng ta, ăn mà không no, tu mà không chứng, điều ấy có nghĩa là việc tu và việc ăn ấy không đúng với chân lý. Cần phải soi rọi lại nội tâm của mình. Phải giáo nghiệm lại nhiều lần nữa để thấy pháp môn của mình tu có giải quyết được tham, sân, si; được sanh tử luân hồi hay không? hay chỉ là những phương thuốc đón thuận chỉ làm

xoa dịu nỗi khổ đau bình thường của nhân thế? rồi đâu cũng vào đấy cả.

Tinh thần cầu tiến tu học của chư Tăng Ni và Phật Tử Âu Châu rất đáng trân quý và mong rằng tinh thần tu học này sẽ ảnh hưởng các châu khác hay ngay cả nơi quê mẹ thân thương của chúng ta. Tại hải ngoại việc tu học đã quý hóa và cần thiết như thế, thì tại quốc nội lại còn gấp rút hơn để sống và thực hiện tinh thần từ bi cũng như trí tuệ trong một xã hội đầy nhiễu nhương như một xã hội Việt Nam trong hiện tại.

Ngày Đản Sanh của Đức Phật lần thứ 2543 lại trở về với người con Phật năm nay trên khắp năm châu hoàn vũ này và đâu đâu cũng không ngớt những lời ca tụng, tán dương một bậc vĩ nhân, một bậc giác ngộ của nhân loại, đã đón và đưa không biết bao nhiêu triệu sinh linh vào con đường tri hành hợp nhất ấy. Mong rằng tinh thần từ bi và hùng lực của những lợi tha này sẽ ảnh hưởng đến mọi nơi trên quả địa cầu này, để cho bạo lực, hận thù, không còn có cơ hội để đâm hoa, kết trái nữa. Muốn vậy, tất cả chúng ta phải một lòng: bỏ mê, khai ngộ.

Người có tôn giáo là người có một đức tin vững chắc. Do đó khi ra khỏi họ không sợ bởi sóng cả hay gió to. Vì chính họ đã trang bị một niềm tin rồi. Niềm tin đó, là một chiếc phao cứu mạng vậy. Con người không có tôn giáo, không tin vào nhân quả, cũng chẳng khác nào người không có lòng tin, ngay cả nơi chính mình, và khi ra đi, họ chẳng biết đi về đâu, trên đoạn đường thiên lý ấy; nếu có chông gai xảy đến, chắc chắn tự lực của chính mình không đủ khả năng để tự cứu, nhất là những vấn đề thập tử nhất sinh kia.

Tôn giáo hay nói đúng hơn là Phật Giáo như là một chất liệu dưỡng sinh, nhằm chuyển hóa không biết bao nhiêu tâm hồn tục lụy trở về bờ giác. Tuy nhiên cũng còn có lắm kẻ đắm say nơi cõi trần ai, chưa chịu lên đường; trong khi ấy, vị Đạo Sư đang đứng chờ đợi chúng ta đã hằng bao nhiêu thế kỷ rồi, mà chúng ta vẫn còn chần chừ suy nghĩ, chưa muốn lên thuyền để ra khơi, và đi vào một cảnh giới an nhiên tự tại khác.

Tiếng súng tại Kosovo đã nổ và cũng sẽ ngừng. Rồi đây còn tiếp tục nhiều tiếng súng khác như thế nữa trên thế giới này sẽ xảy ra, khi mà con người vẫn còn tham lam ích kỷ. Chỉ nghĩ đến mình mà không nghĩ đến tha nhân. Nhân loại sẽ sinh trường nhiều hơn và điều ấy cũng có nghĩa là, con người sẽ cấu xé với nhau nhiều hơn để tranh đất sống; nếu không có một đạo lý để giải quyết, thì chắc rằng con người sẽ luôn luôn sống bất ổn trên quả địa cầu này. Đạo lý đó là lòng từ bi, bao dung và tha thứ. Đạo lý ấy là trí tuệ vạn năng của con người. Nếu tất cả mọi vấn đề của thế giới đặt trên căn bản của từ bi và trí tuệ để giải quyết, thì chắc chắn rằng chiến tranh sẽ khó xảy ra, mà chúng ta luôn có hòa bình và an lạc.

Mùa Đản Sanh và mùa Tu học Phật Pháp đã về, xin chấp tay cầu nguyện cho mọi người và mọi loài có một cái nhìn thật vững chãi nơi nội tâm, để từ đó chúng ta tự soi rọi nơi cõi lòng mình, nhằm minh tâm kiến tánh vậy.

Mong lắm thay

● Ban Biên Tập Báo Viên Giác

THÔNG ĐIỆP HƯỚNG VỀ THẾ KỶ XXI

Thế giới đang chuẩn bị hành trang bước vào thế kỷ XXI, khép lại hai thiên niên sử đầy ấn tượng và biến động do chính con người gây nên trong chuỗi dài tiến hóa của loài người.

Đó là hai thiên niên kỷ mà mốc thời gian phần lớn được đánh dấu bằng những cuộc chinh phục, và chinh phạt. Quốc gia chinh phục và thống trị các quốc gia. Dân tộc chinh phạt và nô dịch các dân tộc. Văn minh hủy diệt các văn minh. Tôn giáo bức hại tôn giáo.

Đó là hai thiên niên kỷ mà những tham vọng vô minh, vị kỷ của con người đã nhân danh chân lý mặc khải, đặt ra những giá trị thần quyền làm chuẩn mực cho sự sống, đồng thời thiết lập chế độ nô lệ và những tòa án dị giáo, tạo nên sự phân chia giai cấp trầm trọng trong xã hội và hợp lý hóa những áp bức bất công bạo ngược của con người đối với con người. Máu xương và những khổ đau trầm thống khốc liệt của những kẻ bị tước đoạt phẩm giá và quyền làm người đã bồi đắp cho một nền văn minh vật chất hào nhoáng với những công trình vĩ đại, những kiến trúc hoành tráng, những cái được gọi là di tích lịch sử, được chiêm ngưỡng và thần phục như là những biểu hiện cụ thể tài năng sáng tạo của con người.

Trong hai thiên niên kỷ đó, con người càng lúc càng trưởng thành, càng khám phá thêm những sự thật, và rồi sự thật sau thay thế sự thật trước; mà những khám phá mới mẻ nhất của con người càng lúc càng gần gũi hơn với các nguyên lý của Phật giáo đã từng có mặt năm trăm năm trước hai thiên niên kỷ đen tối này.

Về mặt vũ trụ quan, cái nhìn của con người cũng đã thay đổi. Thiên nhiên, từ hình ảnh là hợp thể của những hạt nguyên tử đặc cứng, cuối cùng xuất hiện như là giả tượng của những gói năng lượng không định hình, tồn tại như dòng thác của những hạt giống liên tục chảy xiết nhưng không hề trôi chảy vì chúng xuất hiện và biến mất trong từng khoảnh khắc sát na tâm. Trái đất không còn là một khối vật thể duy nhất trong vũ trụ được sáng tạo từ hư vô để tôn vinh quyền năng siêu việt của Đấng Tạo Hóa, mà chỉ là khối ngưng kết nhất thời trong chu kỳ vô tận Thành - Trụ - Hoại - Không, theo quy luật tương quan duyên khởi. Chân lý mặc khải, đã từng được bảo vệ bằng quyền lực và bạo lực, nay chỉ còn là những giá trị ước lệ.

Về mặt nhân sinh quan, cùng lúc với sự bành trướng của các thế lực đế quốc và thực dân, tầm nhìn về thế giới và con

người của một bộ phận trí thức mà một thời đã đem hết tài năng trí tuệ của mình biện giải cho đặc quyền thiên khai, nay được mở rộng, do sự giao tiếp với nhiều nền văn minh khác nhau. Giá trị nhân bản với những tính chất đặc thù và phổ quát của nó ngày càng được xác lập. Không phải là thiên mệnh, hay thiên ý, mà chính con người, từng cá nhân một, với những hành động, nói năng và suy nghĩ của mình, trong mối quan hệ hỗ tương giữa ta và những người quanh ta, giữa ta và các sinh vật khác, giữa ta và thiên nhiên, chính những quan hệ hỗ tương ấy đã biến đổi hình thái thiên nhiên và xã hội, đã sáng tạo ra những giá trị từ khát vọng hoặc tạm thời hoặc vĩnh cửu của con người.

Rồi những cuộc cách mạng làm rung chuyển mấy góc trời Tây. Tầng lớp khốn cùng của xã hội đã đứng dậy đòi quyền sống, quyền làm người. Cả thế giới cũng rung chuyển bởi những cuộc nổi dậy của các dân tộc bị áp bức. Thế kỷ XXI, cuối thiên niên kỷ thứ hai, chứng kiến hàng loạt biến động và những thay đổi triệt để các định chế xã hội và trạng thái ý thức ở cả phương Đông và phương Tây, báo hiệu sự cáo chung của hai nghìn năm vong thân và nô lệ của con người. Lúc này con người tự ý thức rằng chính con người đã sáng tạo ra một thế giới cho mình. Chính con người là kẻ thừa tự những gì mình đã làm trong quá khứ, do đó con người phải chịu trách nhiệm những gì mình làm. Một kỷ nguyên mới sẽ bắt đầu, kỷ nguyên của tự giác.

Thế nhưng, những ngọn đuốc hy vọng chợt tắt ngúm. Tham lam, thù hận, cuồng tín, quyền lực tự ngã, vãn y nguyên là dưỡng chất cho con người tồn tại với ý thức là ta đang tồn tại và sẽ tồn tại, là năng lượng cho con người hoạt động để cạnh tranh, để tiếp tục chiếm hữu và thống trị. Những thiên đường hạnh phúc ngay trên mặt đất được dự phóng, với ý định thay thế thiên đường tôn giáo, đã cổ vũ không ít dân tộc vùng dậy. Sau hơn hai phần ba thế kỷ thực hiện công trình xây dựng bằng biển máu và nước mắt, bóng dáng thiên đường ấy phút chốc tan biến như sương mai dưới ánh mặt trời, để lộ nguyên hình là một quái thai lịch sử. Ý thức tự giác của nhân loại lại thêm một lần nữa, chỉ là bóng mờ, chỉ là biến dạng của những tồn tại quá khứ.

Cho đến ngày nay, những năm tháng cuối cùng của thế kỷ, hằng ngày, nhiều nơi trên mặt đất, loài người vẫn giết nhau, bức hại nhau một cách không thương tiếc; hoặc vì quyền lợi vật chất hoặc vì khác biệt tín ngưỡng, hoặc do bất đồng chính kiến, hay kỳ thị chủng tộc. Tuy nhiên, kiến thức về con người và về vũ trụ được tích lũy, cung cấp phương tiện sinh hoạt và thụ hưởng cho con người. Tình yêu nhân loại được nói đến nhiều hơn. Những tương trợ vật chất giữa các cộng đồng nhân loại cũng thường xuyên hơn trước. Những hỗ trợ mang tầm cỡ toàn cầu cho những cá nhân và những dân tộc bị áp bức và bóc lột đứng lên đòi quyền sống, quyền con người, càng lúc càng trở thành mối quan tâm của phần lớn nhân loại.

Đứng từ quá khứ mà nhìn, những hình thái sinh hoạt ấy rõ ràng đang vẽ lên hình ảnh một thiên đường trên trái đất. Nhưng con người, từng cá nhân, đang sống trên mặt đất này, vẫn còn đau khổ, vẫn cảm thấy bất an. Biên giới vũ trụ đang được thu hẹp dần, nhưng quan hệ gần bó giữa người và người còn lỏng lẻo. Tranh chấp, ly dị, tự tử, những con số thống kê ấy là những mô tả chính xác về thế giới hiện tại. Người càng xa cách với người hơn. Mỗi cá nhân trở thành những ốc đảo. Khoảng cách giàu nghèo giữa các thành viên

xã hội, giữa các cộng đồng chủng tộc, giữa các quốc gia, tạo thành những bất công và những áp bức, bóc lột kiểu mới. Cướp bóc, khủng bố, hằng ngày gieo rắc sợ hãi cho những người dân tại các đô thị phát triển bậc nhất của thế giới.

Thế giới đang phân hóa thành hai cực đối kháng rõ rệt, tạo nên mâu thuẫn mà toàn nhân loại phải có nhiệm vụ giải quyết trên phạm vi toàn cầu, nếu con người muốn tồn tại và truyền lại cho con cháu mình một xã hội tươi sáng. Thế giới hai cực đó là thế giới của những cộng đồng nước giàu và nước nghèo. Mức độ và tốc độ phân cực của hai thế giới ấy càng ngày càng khốc liệt do thế lực lãnh đạo chính trị của các cộng đồng này chứa ý thức trợn vện mối tương quan duyên khởi của sự sống nói chung và sự tồn tại của loài người nói riêng. Hậu quả là sự tàn phá không tiếc thương môi trường sống của chính con người bao gồm không khí, đất nước, cây cỏ và sinh vật, để thỏa mãn nhu cầu tích lũy của cải do lòng tham chi phối. Nguy cơ phân cực này chỉ có thể được giải quyết một cách dứt khoát khi các thế lực lãnh đạo chính trị của các quốc gia biết ý thức quan hệ giữa sự tồn vong và hưng thịnh của quốc gia mình với sự tồn vong và hưng thịnh của quốc gia khác. Các quốc gia giàu có không được quyền làm ngơ trước sự nghèo đói của các quốc gia khác; và ngược lại, các quốc gia nghèo phải tự phấn đấu để trở thành giàu có trong xu thế phát triển toàn cầu.

Nhân loại đã đạt nhiều thành quả trong hai thiên niên kỷ vừa qua. Nhưng mục đích mà từng cá nhân hướng đến, là sống hạnh phúc chân thật thì chưa hề đạt được trên quy mô xã hội. Theo Phật giáo, trái đất này được mệnh danh là ngũ thú tạp cư địa, là trú xứ của con người, của các loài động vật; có thiên đường, cũng có địa ngục. Nhiều khi còn là thế giới của loài quỷ đói. Đây chính là môi trường hành đạo của các Bồ Tát, và đây cũng là chỗ các Đức Phật nhập Niết Bàn. Do đó, lịch sử hai nghìn năm chỉ là một giai đoạn ngắn trong một chu kỳ sinh thành và hủy diệt của thế giới, và của vũ trụ. Nơi này, một thế giới hủy diệt thì nơi kia một thế giới mới được hình thành. Không thể biết được bắt đầu từ đâu và chấm dứt từ đâu. Chỉ có giới hạn tận cùng của trí năng, không có giới hạn tận cùng của sự sống.

Và trong lịch sử thế giới, văn minh nhân loại không chỉ mới hai nghìn tuổi. Không thể phủ nhận rằng nền văn minh hiện tại là kế thừa và phát triển liên tục của hàng vạn năm lịch sử. Những hình thái ý thức trong suốt hai nghìn năm này có những biến đổi so với thời thái cổ. Có những hình thái biến đổi nhanh chóng và có những hình thái biến đổi từ từ.

Kết thúc hai nghìn năm lịch sử, là đánh dấu một giai đoạn trong dòng tương tục vô tận của sự sống, để biết trong giai đoạn đó con người đã làm được những gì với minh triết của mình, và đã gây nên những tai họa gì cho người khác với những tham lam, ích kỷ, hận thù, cuồng tín và vô minh.

Trong suốt hai nghìn năm ấy, lịch sử Phật Giáo Việt Nam luôn luôn gắn bó với dân tộc. Đạo Phật được truyền vào đất nước này không theo sau những gót giày xâm lược, cũng không cố vinh danh Đức Phật Thích Ca Mâu Ni như đấng Chúa Tể bất mọi thần dân phải cúi đầu tuân phục. Giáo lý của Đức Phật được truyền vào đây chỉ với mục tiêu dựng dậy những gì cần được dựng dậy nếu đã bị quáng ngả, nâng đỡ những gì đã được dựng dậy nhưng chưa được đứng vững, phát triển những gì đã đứng vững nhưng chưa phát triển.

Lịch sử phát triển của Phật Giáo Việt Nam đồngnhịp với sự phát triển của ý thức dân tộc Việt Nam. Hai dòng lịch sử từ hai khởi nguyên khác biệt, trong những điều kiện môi sinh và hoàn cảnh lịch sử khác biệt, đã cùng tồn tại, cùng bổ sung và cùng phát triển thành một chỉnh thể. Ý thức cá biệt tương liên và hòa điệu phát triển lên hình thái phổ quát. Quan hệ cá nhân và tập thể, hay quan hệ đặc thù và phổ quát, là mối quan hệ biện chứng, tức quan hệ duyên khởi, nghĩa là, một là tất cả, tất cả là một. Trong quan hệ đó, cái đặc thù không hy sinh nó cho sự tồn tại của cái phổ quát; cái phổ quát không bị phân mảnh thành những ốc đảo riêng biệt. Trên phổ quát tính, mọi cá nhân đều có giá trị ngang nhau, và mọi dân tộc đều bình đẳng. Trên cơ sở bản thể học đó, ý thức dân tộc được hình thành trong mối quan hệ giữa các dân tộc. Nó không phải đơn giản chỉ là quan hệ ngoại giao giữa các tập đoàn thống trị để phụ thuộc lẫn nhau hay bảo vệ quyền lợi giai cấp cho nhau. Mà thực chất còn là ý nghĩa sinh tồn của từng cá thể tồn tại như một đặc thù trong một cộng đồng nhân loại.

Cho đến thế kỷ VI Phật lịch, tức thế kỷ đầu Tây lịch, Phật giáo đã là tố chất cho một hình thái phổ quát như thế trên toàn châu Á. Giáo lý của Phật đặt trên nền tảng quan hệ duyên khởi, xác nhận giá trị bình đẳng giữa các chúng sinh. Sự khác biệt về tầng bậc xã hội không phải do định mệnh thiên khai mà do quá trình phân công xã hội. Vua không phải là người được đặt lên ghế thống trị do ý muốn của Thượng đế. Kinh Phật gọi hình thái chính quyền đầu tiên là **chính quyền Đại tuyền** (Mahāsammato), được chọn lựa từ đại chúng, và vua là người làm hài lòng những người khác bằng luật pháp chân chính chứ không phải là ông chủ cai trị theo tư ý chuyên chính. Đức Phật đã thuyết giảng như thế những trong suốt hai mươi lăm thế kỷ phát triển, ý nghĩa đó chưa được suy tư và quảng diễn đúng mức. Chưa hề có một quân vương Phật tử nào có ý định thiết lập một chế độ xã hội trên một cơ cấu chính quyền Đại tuyền. Đó là hạn chế lịch sử. Phải đến một giai đoạn phát triển nhất định của các hình thái sinh hoạt xã hội thì ý nghĩa Đại tuyền mới có thể nhận thức đầy đủ và thực hiện quy mô.

Theo ý nghĩa đó, trong lịch sử đấu tranh để tồn tại và phát triển của dân tộc Việt, đạo Phật đã hỗ trợ cho sự hình thành ý thức dân tộc và độc lập trong hai khúc quanh lịch sử trọng yếu. Giai đoạn thứ nhất, chống lại sự thống trị và đồng hóa dân tộc của các triều đại phong kiến phương Bắc. Giai đoạn thứ hai, thời hiện đại, chống lại sự rập khuôn các định chế dân chủ phương Tây không phù hợp với xã hội và truyền thống Đông phương qua hai mô thức dân chủ tư sản và dân chủ vô sản.

Trong cả hai giai đoạn, ý thức đấu tranh cho giải phóng và độc lập dân tộc không thuần túy là do động lực kinh tế, mà do ý thức vươn lên của một dân tộc muốn khẳng định giá trị văn hóa của dân tộc mình. Qua mười thế kỷ phát triển cơ sở vật chất của xã hội đã chứng minh điều đó. Nhiều triều đại thay nhau cai trị đất nước, những không có triều đại nào để lại những cung điện huy hoàng tráng lệ biểu trưng mức độ xa hoa trụy lạc của các vua chúa. Các triều đại ấy không phải là không có lấy một hôn quân bạo chúa. Nhưng sự thiếu vắng các công trình kiến trúc đáng lý phải có, chứng tỏ mối quan hệ đặc biệt giữa tầng lớp vua quan và tầng lớp dân dã, giữa cái bị gọi là giai cấp bóc lột và giai cấp bị bóc lột. Các vua chúa của các triều đại Việt Nam đã không

hưởng thụ trên mức mà thần dân có thể cố gắng trong khi hiếm có công trình vĩ đại xa xưa nào trên thế giới tồn tại đến ngày nay mà không được xây dựng bằng mồ hôi và nước mắt, thậm chí bằng cả xương máu, của tầng lớp lao động khổ cực.

Qua một nghìn năm đấu tranh gian khổ, một dân tộc nhỏ bé, với một nền văn minh vật chất tương đối phát triển, với hình thái ý thức xã hội thuần phác, đã dần dần khẳng định những giá trị đặc thù của một dân tộc trong tổng thể phổ quát ngang tầm nhân loại. Đó là những giá trị nhân bản với những biểu hiện nhân ái và khoan dung.

Chiến tranh là những biến cố thường xuyên tại nước ta, và cũng có thể nói là trường kỳ. Nhưng ít có những cuộc tàn sát man rợ. Nói là ít có vì đã có những vụ giết chóc trong cái gọi là đấu tranh giai cấp, cái gọi là giải phóng dân tộc, vốn đã thảm sát không run tay bất cứ ai bị lên án là kẻ thù của giai cấp. Đây là những vết đen trong lịch sử cận đại. Trong khi đó, những vết son của lịch sử nước ta thì lại được sáng rõ qua lòng đại lượng khoan dung của các vua nhà Trần đối với những người bị buộc tội chạy theo giặc.

Trong suốt hai nghìn năm truyền bá, đạo Phật Việt chưa hề là nguyên nhân trực tiếp hay gián tiếp gây nên những xung đột tôn giáo dù trên quy mô nhỏ. Ngay từ những ngày đầu tiên mỗi du nhập, những người Phật tử Việt Nam đã chứng tỏ tinh thần khoan dung tôn giáo và tư tưởng. Cho đến những thời kỳ được coi là hưng thịnh nhất, đạo Phật chưa hề, mặc dù với ưu thế sẵn có, tìm cách chiếm lĩnh địa vị độc tôn.

Vào lúc mà phần lớn phương Tây đang đắm chìm trong bóng tối Trung cổ, với những pháp đình tôn giáo phi nhân, với quyền lực của các lãnh chúa đối với các thần dân được thi hành như là quyền lực vô nhân, đất nước Việt Nam đã bước vào thời kỳ độc lập tự chủ, không chỉ với ý nghĩa một triều đình cát cứ riêng biệt, mà là một dân tộc đã xác định được tinh thần và hình thái dân tộc của mình, đã vươn đến những giá trị phổ quát của con người. Lịch sử cho thấy những xã hội được gọi là văn minh tiêu biểu cho nhiều dân tộc noi theo chưa hẳn là những xã hội toàn hảo. Bởi vì một xã hội mà các thành viên của nó chưa hề có ý thức về những giá trị bình đẳng giữa các dân tộc, và chủng tộc, chưa có thái độ sống hòa đồng và bao dung tôn giáo và tư tưởng, thì xã hội đó chưa thể được coi là đã vươn lên trình độ xã hội loài người. Đó vẫn chỉ là trình độ của cộng đồng mà quan hệ giữa các thành viên không được ràng buộc bởi sợi dây thông cảm và tôn trọng phẩm giá của nhau. Có chăng chỉ là sự ràng buộc quyền lợi vật chất với nhau để hình thành những tầng bậc, đẳng cấp phi nhân.

Tuy vậy, trong quá khứ, không phải Việt Nam đã là đất nước của hạnh phúc. Mặc dù dân chúng đã có thể hạnh phúc trong mức độ nào đó với điều kiện vật chất phát triển vào từng thời đại. Không phải không có hay ít có những hôn quân bạo chúa, những cường hào ác bá, những địa chủ và phú nông làm giàu bằng thủ đoạn gian xảo và áp bức bóc lột. Cũng có lúc và có khi chúng đạt đến mức độ ác liệt, dẫn đến những mâu thuẫn gay gắt, những cuộc khởi nghĩa của nhân dân chống lại triều đình. Nhưng mức độ không ác liệt như những sử gia duy vật biện chứng rập khuôn theo hình thái xã hội phong kiến phương Tây để mô tả cái gọi là đấu tranh giai cấp, qua sự cấu kết của bọn quý tộc vua chúa và tầng lớp. Trên đất nước này chưa hề có một xã hội phong

kiến kiểu phương Tây, với uy quyền tuyệt đối của các lãnh chúa đối với nông nô. Ở Việt Nam, hình ảnh một ông vua khi nhìn thấy cảnh vàng son nhung lụa của con gái yêu của mình liền chạnh lòng nghĩ đến những tù nhân bị đọa đày, cơ cực trong lao ngục, và tự nhận một trách nhiệm của chế độ đối với hành vi phạm pháp của dân đen; hình ảnh những đại thần cực phẩm triều đình sống hòa đồng với nông dân cùng khổ trong các thôn xóm là hình ảnh mà phương Tây thời Trung cổ không thể hình dung nổi.

Thế nhưng, lịch sử nhân loại không tiến hóa theo quy luật tuyến tính một cách giản dị và máy móc. Đức Phật đã dạy, tội ác nguyên thủy trong xã hội loài người chỉ bắt đầu từ khi con người có ý niệm tích lũy do lòng tham. Quá trình tham lam đưa đến xung đột. Trật tự sinh hoạt xã hội cộng đồng nguyên thủy bị phá vỡ, loài người tiến dần vào xã hội phân công rồi phân hóa thành xã hội có đẳng cấp. Xung đột càng ngày càng khốc liệt để thỏa mãn lòng tham. Tham tài sản, tham quyền lực, tham kiến thức. Tham để sống hạnh phúc. Nhưng có người do tư duy chiêm nghiệm đã phát hiện những hậu quả tai hại của lòng tham và xung đột, nên đi tìm con đường an ổn khác dẫn đến hạnh phúc. Đó là con đường hòa bình, bao dung, nhân ái, biết thương yêu và tôn trọng phẩm giá của tha nhân.

Suối nguồn trong mát khi chảy xuyên núi rừng, băng qua các đồng bằng để đổ vào đại dương bao la xanh biếc, không phải tự thủy chí chung vẫn là dòng suối trong mát. Nó mang theo mình càng lúc càng nhiều những rác rưởi. Lịch sử tiến hóa xã hội loài người cũng thế. Lịch sử tiến hóa xã hội Việt Nam cũng thế.

Ở Việt Nam, ngay từ buổi đầu, trong cuộc đấu tranh để giải phóng và khẳng định độc lập dân tộc, người Phật tử Việt Nam đã khẳng định mọi dân tộc đều bình đẳng như nhau, trong đó có dân tộc Việt Nam và dân tộc Trung Quốc. Từ trong khói lửa đấu tranh ở thế kỷ thứ II, Mâu Tử, một nhà tư tưởng của Phật giáo, đã đồng đặc công khai tuyên bố: Mọi loài có máu đỏ đều có thuộc tính Phật; và đất Hán vị tất là trung tâm của trời đất. Đến khi đất nước thu hồi độc lập tự chủ, tầng sĩ Phật giáo tiếp tục là lực lượng xã hội chủ yếu cùng cố ý thức dân tộc bình đẳng. Các thiền sư là những cố vấn chính trị xã hội cho các ông vua thoát thai từ nhiều gia tầng xã hội mà lên. Nhưng khi định chế chính trị xã hội trên cơ sở ý thức bình đẳng dân tộc đã được ổn cố, các Ngài dứt áo ra đi, không quan hệ gì đến địa vị xã hội hay bổng lộc triều đình. Các Ngài sống giữa dân và trong lòng dân, ẩn mình trong các sơn môn mà vẫn không quên sự nghiệp hoằng hóa của mình, tạo nên mạch suối ngầm nuôi dưỡng ý thức độc lập, tự chủ, nhân ái và bao dung của dân tộc.

Nếu đạo Phật không tồn tại như mạch suối ngầm trong dòng lịch sử dân tộc thì ngày nay cái tên "Người Việt" chỉ tồn tại trong sử sách người Trung Quốc, và thời kỳ được nói là độc lập dân tộc chỉ được chép trong lịch sử Trung Quốc như là những giai đoạn hùng cứ của bọn phản nghịch mà do đức hiếu sinh, Thiên triều đã không tàn sát và chỉ cải tạo dần bằng cuộc nô dịch văn hóa.

Ngay từ lúc chế độ thực dân Pháp thiết lập tại Việt Nam, đã bùng lên những phong trào đấu tranh quyết liệt, liên tục và bền bỉ suốt hơn một trăm năm. Một phần, đấu tranh giành độc lập vì quyền lợi vật chất bị tước đoạt; phần khác, chiến đấu để bảo vệ di sản văn hóa và mạch sống ngầm của dân tộc.

Trong những ngày đầu, khi triều đình đầu hàng, nhân dân tự phát khởi nghĩa. Các thiền sư ẩn cư, tách biệt với triều đình, sống giữa lòng dân, đã tích cực tham gia các tổ chức kháng chiến.

Khi quyền lực không còn xuất phát từ triều đình, Phật giáo trở thành chỗ dựa cho các lực lượng kháng chiến. Đồng lúc, các thiền sư ẩn cư trong các sơn môn lần lượt phát động các phong trào Chấn hưng Phật giáo. Phật giáo phải được tổ chức lại để có thể trở thành lực lượng tiền phong trên mặt trận bảo vệ văn hóa dân tộc. Không ai có thể phủ nhận được sự thật lịch sử này. Dù có những thế lực chính trị mù quáng trước sức mạnh phương Tây, đã lên án các công cuộc Chấn hưng Phật giáo là liều thuốc phiện ru ngủ tinh thần chiến đấu của nhân dân. Chính thái độ cuồng tín ấy mà một phần lớn di sản quý giá của văn hóa Việt Nam đã bị triệt phá không nường tay. Thêm vào đó, nỗ lực phá hoại về mặt tín ngưỡng và xâm phạm các cơ sở vật chất về mặt văn hóa, đã gieo rắc quá nhiều mất mát và đau thương cho dân tộc Việt.

Hiện trạng mà người bên này tố cáo Phật giáo làm lợi cho bên kia, người bên kia tố cáo Phật giáo làm lợi cho bên này, đã nói lên một sự thật: Phật giáo thoát ly khỏi mọi sự lạm dụng và lợi dụng của các thế lực chính trị hoạt đầu.

Trong hai cuộc chiến vừa qua, chiến tranh giải phóng thuộc địa và chiến tranh ý thức hệ, Phật giáo càng lúc càng ý thức vai trò của mình. Trong chiến tranh chống thực dân và nô dịch văn hóa, Phật giáo là pháo đài bảo vệ di sản văn hóa dân tộc. Trong chiến tranh ý thức hệ, Phật giáo tự nhận vai trò hóa giải hận thù, thể hiện hòa bình dân tộc, để chấm dứt cuộc chiến huynh đệ tương tàn. Một cuộc chiến mà hậu quả không đem lại chiến thắng cho nhân dân Việt, trái lại chỉ dẫn đến nghèo đói và lạc hậu.

Sau khi chiến tranh chấm dứt, đất nước tưởng chừng sẽ có được một vận hội mới cho công cuộc xây dựng tái thiết, nhưng thực tế cho thấy, nhà tù dựng lên khắp nơi, máu người Việt tiếp tục đổ vì chính những người anh em không cùng ý thức hệ; và dù rằng với sự giúp đỡ nhiệt tình của các quốc gia phương Tây một thời là kẻ thù giai cấp và ý thức hệ, thế nhưng, thành tựu đạt được không cân xứng với sự hy sinh hàng mấy triệu người qua nhiều thế hệ đấu tranh cho chủ quyền đất nước. Một đất nước mà sau hơn hai mươi năm chấm dứt chiến tranh, vết thương vẫn chưa lành, hận thù giai cấp vẫn chia rẽ dân tộc. Thêm vào đó là một hệ thống chính trị nuôi dưỡng tham nhũng, hối lộ, bóc lột nhân dân, hà hiếp quần chúng, những tội ác mà hàng triệu người đổ máu để dẹp bỏ càng lúc càng trở thành căn bệnh xã hội trầm kha. Một đất nước như vậy thì không mong gì gắng cao đầu nhìn những bè bạn chung quanh; những nước mà một thời đã cùng chung số phận nhục tiếu chịu các ách thống trị của thực dân đế quốc. Những nước đó không có những cuộc chiến làm thế giới chú ý, những có những nhà lãnh đạo biết làm cho dân mình vượt qua ngưỡng của nghèo khó.

Nay, khi toàn cầu đang chuẩn bị khép lại quá khứ hai nghìn năm mà trong thời gian đó loài người sống hạnh phúc và vinh quang thì ít, những đau khổ và tội ác thì nhiều, để rồi hy vọng thiên niên kỷ tới là kỷ nguyên của hòa bình, khoan dung, với các giá trị nhân bản trên cả hai phương diện đặc thù và phổ quát được xác lập.

Một lần nữa, Phật Giáo Việt Nam ý thức rõ lực lượng và sứ mệnh lịch sử của mình đối với dân tộc và nhân loại trong thiên niên kỷ sắp tới. Lực lượng này không xây dựng trên vũ khí, bè đảng, nhằm mục tiêu tranh quyền cố vị. Lực lượng này xây dựng trên tinh thần Bi, Trí, Dũng; nói rõ là: tôn trọng sự sống, sáng suốt hành động và dũng cảm tự tồn. Sứ mệnh lịch sử của Phật giáo là hóa giải mọi xung đột giữa các cộng đồng xã hội, các xu hướng chính trị, tôn giáo dị biệt, giữa các dân tộc mà do hoàn cảnh lịch sử đã trở thành kẻ thù truyền kiếp của nhau. Sứ mệnh ấy khởi phát từ lòng bi mẫn khoan dung, tôn trọng và đề cao phẩm giá con người, vì con người là nhân cách trung tâm trong việc chuyển hóa gia đình, xã hội, đem lại hạnh phúc, tự do và giải thoát cho quần chúng.

Một xã hội mà các quyền tự do thiêng liêng và căn bản được tôn trọng sẽ là một xã hội mà các thành viên sống hạnh phúc. Ý thức tự giác là nền tảng cho ý niệm tự do. Hiểu biết ý nghĩa và bản chất tồn tại của thiên nhiên, của xã hội, của các cá nhân, trong mối quan hệ duyên khởi; đó là hiểu biết những giá trị nhân bản, hiểu biết phẩm giá của mình, hiểu biết và tôn trọng phẩm giá của người khác.

Một nền văn minh dân chủ là sản phẩm của trí tuệ, chứ không phải chỉ là định chế xã hội dựa trên nguyên tắc phân chia quyền lực. Trí tuệ đó không chỉ là những kiến thức thuần túy khoa học, xã hội, mà là sự hiểu biết lẫn nhau và sự tương kính hội thông giữa người và người trong việc xây dựng một thế giới an lạc, ấm no.

Trong tinh thần tự giác và quy ngưỡng đại chúng như thế, không có một quốc gia nào tự xác định những giá trị truyền thống cá biệt hay đặc thù để chối bỏ những giá trị phổ quát của nhân loại. Trong những năm cuối thế kỷ này, thế giới đang chứng kiến nhiều dấu hiệu khích lệ. Chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai, đói kém, không còn là những vấn đề nội bộ của riêng lẻ mỗi quốc gia hay dân tộc. Nói nào mà một cá nhân bị ức hiếp, một tập thể bị đàn áp, thì các nơi khác trên năm châu đều nỗ lực can thiệp và áp lực đổi thay. Nhân phẩm con người và các quyền cơ bản về dân sự và chính trị đã được toàn cầu hóa. Không thể có một chính quyền nào trên trái đất này còn được thao túng cai trị nhân dân mình một cách tùy tiện theo một hệ tư tưởng nào đó do tự mình và phe nhóm của mình bày đặt ra, trái chống với lòng dân.

Thế giới văn minh là tổng viện lực cho các dân tộc bị áp bức. Quần chúng tự giác là đại chủ lực cho mọi cuộc đổi thay xã hội. Người Phật tử tin rằng mọi loài chúng sinh có một định hướng duy nhất, đó là định hướng thành Phật. Tất cả chúng sinh đều là Phật tướng lai.

Phật là người đã giác ngộ mà cũng là người đi giải phóng nhân sinh qua hành động Bồ Tát cứu khổ trừ nguy.

Đón mừng Phật Đản, Phật tử Việt Nam cũng hoan hỷ đón chào thế kỷ XXI với tinh thần khoan dung, bi mẫn mà Đức Thích Tôn đã truyền dạy và thể hiện. Cầu mong tất cả các tôn giáo trên hoàn vũ, các hệ tư tưởng dị biệt, đều được phát triển như ý, chung hòa trong tâm nguyện và phát huy trọn vẹn tiềm năng giáo hóa của mình, để cho loài người bước lên cõi Chí Thiện.

Phật Đản 2543

Thừa Ủy nhiệm Hội Đồng Trưởng Lão Viện Tăng Thống
Hòa Thượng Thích Huyền Quang
(Ký tên)

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT

DIỄN VĂN

CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI VIII CỦA VIỆN TRƯỞNG VIỆN HÓA ĐẠO

Kính bạch Chủ Tôn Trưởng Lão,
Kính bạch Chủ Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni,
Thưa toàn thể Phật tử,

Thay mặt Hội Đồng Trưởng Viện, nhân danh Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, tôi kính chuyển lời chào mừng của Chủ Tôn Trưởng Lão, Chủ Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni và toàn thể Phật Tử trong nước đến với Đại Hội hôm nay; đồng thời kính chuyển đến Đại Hội tâm nguyện thiết tha của những người đang sống tại một góc trời tâm tối, nơi mà bạo lực chuyên chính đang là một tiền đề triết học thách đố những dòng minh triết Đông và Tây; nơi mà phẩm giá con người đang bị thử thách và lương tâm nhân loại đang được trắc nghiệm. Đồng thời, thông qua Đại Hội, tôi xin thay mặt các Tăng Ni và Phật Tử trong nước, những người đã và đang bị trấn áp, - vì quyết tâm giữ vững đức tin, kiên cường không khuất phục -, bày tỏ tình cảm sâu sắc đến các Tổ chức Quốc tế về nhân quyền, các chính khách, các nhà hoạt động tôn giáo và xã hội, mà trong suốt một phần tư thế kỷ, đã liên tục không ngừng yểm trợ tiếng nói chính nghĩa, đã kêu gọi lương tri của loài người để cho một đất nước dù nghèo đói và lạc hậu không bị tách rời khỏi phần còn lại của thế giới loài người văn minh.

Kính thưa liệt quý vị,

Kể từ sau Đại Hội VII, hơn hai mươi năm đã trôi qua. Thời gian đủ cho một con người trưởng thành, có đủ trí khôn để nhận biết những gì làm nên phẩm giá của con người, nhưng tiếc thay, thời gian ngàn ấy lại chưa đủ cho một đất nước có bốn nghìn năm văn hiến lớn lên ngang tầm ý thức thời đại. Tuy nhiên, thời gian như thế cũng quá dài để kiểm chứng huyền thoại bách chiến bách thắng của chủ nghĩa bài trừ tôn giáo. Trong suốt thời gian ấy, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, kẻ thù chính thống của hai nghìn năm lịch sử, được xây dựng và trưởng thành từ máu và lửa của tinh thần bất bạo động, đã không ngớt là đối tượng trấn áp chỉ vì không chịu khuất phục bạo lực, không chịu hóa thân làm công cụ chuyên chính, không chịu bóp méo những lời dạy cao cả của Phật và Tổ để bênh vực quyền lợi của tập đoàn giai cấp mới.

Thế nhưng, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất vẫn tồn tại. Mặc dù các cấp chính quyền luôn luôn tuyên bố đó là Giáo Hội không còn cơ sở pháp lý để tồn tại. Bởi vì không có một hệ thống pháp chế nào tồn tại như một phạm trù tiên nghiệm, mà Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất là một thực thể xã hội, là tổng thể của những ước nguyện, lý tưởng, chủ không phải là một phạm trù tiên nghiệm, nên vẫn tồn tại, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đã tồn tại như là biểu tượng sinh động cho phẩm giá của con người, là thể hiện tinh thần hy sinh, vô úy, tinh thần Bi-Trí-Dũng của những người Phật Tử Việt Nam. Đó không phải duy chỉ nội dung Đại Hội VII, cũng không chỉ là một trong các nội dung cần được minh giải trong Đại Hội VIII này. Đó còn là tâm thức, là hiện thực của Phật giáo mọi thời đại nói chung, và Phật Giáo Việt Nam nói riêng. Không một thế lực hung bạo nào có đủ sức mạnh thần kỳ để xóa mờ tâm thức ấy, để triệt tiêu hiện thực ấy.

Tuy nhiên hiện nay, một bộ phận tăng sĩ Việt Nam đang là những thừa sai đắc lực của chính quyền, đứng theo sách lược kinh điển

"đàng phải thông qua tôn giáo để tập hợp quần chúng". Một số trong các thừa sai ấy được hù dọa một cách có kế hoạch, để cho Tam Bảo không thể là nơi nương tựa an toàn cho cuộc sống, giới hạnh không còn là yếu tố làm nên phẩm chất đáng trọng của tăng lữ. Đấy không phải làm nguy cơ tiềm tàng cho sự sụp đổ của tổ chức, mà nguy cơ chính là sự dao động niềm tin không chân chánh, thuần tịnh, của Phật tử tại gia.

Cho nên, tuy hoan nghênh và tán thán khi nhiều tự viện đồ sộ được dựng lên, nhiều trường Phật học được mở. Nhưng nếu các cơ sở tôn giáo này hiện hữu để thi hành sách lược chính trị, nghĩa là thông qua các cơ sở đó cánh tay của Đảng vươn dài đến quần chúng, thì sự nghiệp hoàng pháp, cứu độ chúng sinh của Phật giáo đã bị biến tướng hòng tiêu diệt.

Và đây là một chủ đề khác mà tôi đề nghị Đại Hội cần thảo luận. Chủ đề chính giáo phân ly.

Mặt khác, trong suốt hai nghìn năm truyền bá, qua các chặng thăng trầm cùng chung số phận với dân tộc, Phật Giáo Việt Nam chưa hề là thế lực thống trị, hay cấu kết với các thế lực chính trị để bóc lột nhân dân, như luận điểm được chấp nhận là kinh điển của các sử gia duy vật lịch sử. Trái lại, trong những thời kỳ có ảnh hưởng chính trị lớn nhất, người Phật tử Việt Nam chưa hề sử dụng quyền lực chính trị để trấn áp các hệ tư tưởng khác. Phật Giáo Việt Nam cũng chưa bao giờ là thế lực chính trị đe dọa cướp quyền thống trị. Nhưng nếu quần chúng bị áp bức, bất kể đó là thế lực ngoại xâm hay thế lực thống trị trong nước, những người Phật tử Việt Nam không quên lý tưởng mà mình tôn thờ nơi Đức Phật: đại hùng, đại lực, đại từ bi.

Ngày nay, vào những năm cuối của thiên niên kỷ, tâm thức nhân loại đang chuẩn bị rũ bỏ quá khứ bạo lực, bất khoan dung, để mở rộng cánh cửa Từ-Bi-Hỷ-Xả cho thiên niên kỷ tới. Đó sẽ là kỷ nguyên dân chủ, tự do, bình đẳng giữa các dân tộc, khoan dung trong tư tưởng và tôn giáo. Đấy là những phẩm giá cao quý của loài người mà Đức Phật luôn luôn đề cao, đấy cũng là những giá trị mà Phật tử Việt Nam đã thể hiện. Khi mà cánh cửa thế giới mở rộng, Phật tử Việt Nam ý thức rõ sự đóng góp tích cực của mình trong cộng đồng nhân loại. Đây cũng là chủ đề mà tôi hy vọng Đại Hội sẽ có thời gian và điều kiện để thảo luận.

Và cũng còn nhiều nội dung quan trọng khác, xác định điểm nhìn của Phật tử Việt Nam đối với quá khứ cũng như những dự phóng cho thế giới tương lai. Thế nhưng, ở trong nước, các tổ chức Phật giáo và tiếng nói Phật giáo chỉ được cho phép chừng nào những thủ ấy chúng tôi là công cụ đắc lực để Đảng buộc chặt được quần chúng Phật tử thành một khối và dẫn đi bất cứ phương hướng nào mà Đảng muốn. Vì vậy, Giáo Hội và toàn thể Tăng Ni, Phật tử, những người mà tín tâm không hề dao động, phẩm chất không hề bị hù dọa, tha thiết gọi tất cả tư duy và nguyện ước của mình vào Đại Hội này. Hy vọng Đại Hội sẽ phát huy tích cực tinh thần Phật Giáo Việt Nam, thể hiện bản lĩnh của Phật tử Việt Nam, để cho mặc dù đang chịu số phận của một dân tộc nghèo đói, lạc hậu nhưng vẫn có đủ lý tưởng và nghị lực để khẳng định những giá trị và những cống hiến của mình cho một thế giới hòa bình, hạnh phúc và khoan dung.

Cầu mong Đại Hội nói lên những tiếng nói thầm lặng mà Tăng Ni và Phật tử trong nước không nói được, để cho cộng đồng nhân loại nghe rõ giai điệu chân thành đang cùng hòa tiết nhịp theo bước tiến văn minh.

Kính chúc Đại Hội thành công.

Và nhân ngày Phật Đản Phật lịch 2543, Giáo Hội kính chúc Chủ Tôn Trưởng Lão đạo lực tăng trưởng, tuệ mạng diên trường, để làm bóng cây bồ đề che mát Phật tử trong sa mạc nóng bức của thế kỷ. Kính chúc Chủ Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni giới đức tiến tu, phước trí trang nghiêm, viên thành đạo quả.

Kính chúc toàn thể Phật tử tâm bồ đề kiên cố, sống hằng ngày an lạc với chính tín và chính trí, thể hiện giáo lý màu nhiệm của Phật ngay giữa dòng đời ô trược.

Viết tại Sài Gòn, Phật lịch 2543
Viện trưởng Viện Hóa Đạo
Hòa Thượng **Thích Quảng Độ**
(Ký tên)

THÔNG CÁO BÁO CHÍ CỦA PHÒNG THÔNG TIN PHẬT GIÁO QUỐC TẾ

ngày 16.5.1999

- **THÀNH QUẢ RỰC RỠ CỦA ĐẠI HỘI VIII ĐƯỢC CÔNG BỐ TRƯỚC 200 CHƯ TÔN ĐỨC TĂNG NI VÀ 20.000 PHẬT TỬ THAM DỰ ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN TẠI SANTA ANA, MIỀN NAM CALIFORNIA, HOA KỲ.**
- **NHÂN SỰ HỘI ĐỒNG LƯỜNG VIỆN TRONG NƯỚC ĐƯỢC BỔ SUNG: HÒA THƯỢNG THÍCH HUYỀN QUANG, XỬ LÝ THƯỜNG VỤ VIỆN TĂNG THỐNG; HÒA THƯỢNG THÍCH QUẢNG ĐỘ, VIỆN TRƯỞNG VIỆN HÓA ĐẠO; HÒA THƯỢNG THÍCH ĐỨC NHUẬN, CỔ VẤN CHỈ ĐẠO VIỆN HÓA ĐẠO; HÒA THƯỢNG THÍCH HỘ GIÁC, PHÓ VIỆN TRƯỞNG VIỆN HÓA ĐẠO, ĐẶC TRÁCH VĂN PHÒNG II VIỆN HÓA ĐẠO TẠI HOA KỲ; THƯỢNG TỌA THÍCH TUỆ SỸ, PHÓ VIỆN TRƯỞNG VIỆN HÓA ĐẠO KIỂM TỐNG THƯ KÝ.**

Đại Hội VIII của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) vừa diễn ra tại Phật Học Viện Quốc Tế ở thị trấn North Hills, miền Nam California, Hoa Kỳ, trong ba ngày 14, 15, 16.5.1999 và kết thúc Đại Lễ Phật Đản tổ chức tại Santa Ana College - 15430 West 17th Street - thành phố Santa Ana, California trước 20.000 Phật tử và trên 200 chư Tôn đức Tăng Ni Việt Nam, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đại Hàn, Miến Điện, Thái Lan, Tích Lan, Tây Tạng, Trong Hoa, Cam Bốt.

Từ 22 năm qua, đây là biến cố lịch sử chưa từng có trong dòng sinh hoạt của Phật Giáo Việt Nam ở trong nước cũng như ở hải ngoại. Đã có rất nhiều đại hội được tổ chức, nhưng chỉ có tính cách địa phương. Chưa bao giờ một Đại Hội kết hợp cùng lúc khối Phật giáo trong nước và ngoài nước, như Đại Hội VIII này. Trước đây, Đại Hội VII của GHPGVNTN được tổ chức tại Tổ Đình Ấn Quang ở Sài Gòn ngày 23.1.1977. Nhưng liền đó, để chuẩn bị cho ra đời một tổ chức Phật giáo làm công cụ cho Đảng và Nhà nước, nhà cầm quyền Cộng Sản đã thẳng tay đàn áp Phật giáo, làm tê liệt mọi sinh hoạt của Giáo Hội. Hầu hết hàng Giáo phẩm lãnh đạo hai Viện Tăng Thống và Viện Hóa Đạo bị bắt bớ, quản chế, tù đày, bức tử. Các cơ sở văn hóa, giáo dục, từ thiện, đại học, trung và tiểu học cũng như chùa viện bị chiếm dụng. Từ đó đến nay, nhà cầm quyền Cộng Sản tưởng rằng đã thành công phá vỡ mọi cơ cấu hoạt động của GHPGVNTN.

Nhưng không. Cuộc đấu tranh âm i nhưng bền bỉ, khi gây động, khi bộc phát, khi đánh thức lòng dân, khi làm thế giới thán phục, GHPGVNTN vẫn mãnh liệt sống trong lòng dân, giữa lòng đất nước.

Giáo lệnh của Hội Đồng Luồng Viện trong nước gửi ra 21 ngày trước đây, chỉ thị cấp tốc tổ chức Đại Hội VIII tại hải ngoại. Kế tục Đại Hội VII để hoàn thành sứ mệnh hoàng pháp, đáp ứng tình hình và dẫn dắt Giáo Hội bước vào Thế Kỳ XXI, mở ra tiền đồ xán lạn cho Phật Giáo Việt Nam.

209 Đại biểu gồm có chư Tôn đức Giáo phẩm Tăng Ni và Cư sĩ, trực thuộc Văn Phòng II Viện Hoá Đạo, các Hội Đồng Đại Diện, Hội Đồng Điều Hành, Hội Đồng Giám Luật, Hội Đồng Giám Sát, Ban Nghiên Cứu Kế hoạch và Phát Triển Giáo Hội, Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế, cùng với 38 Đại diện các Phòng, Miền, Cơ sở, Đơn vị, Gia Đình Phật Tử của GHPGVNTNHN-HK, các Đại biểu của GHPGVNTN Âu Châu, Canada, Úc Châu và Nhật Bản đã vân tập về Phật Học Viện Quốc Tế tham dự Đại Hội VIII, để nghe Giáo chỉ, Thông điệp, từ trong nước gửi ra, thảo luận con đường hành động mới của Phật Giáo Việt Nam bước vào Thế Kỳ XXI.

Đại Hội VIII cũng là dịp suy tôn nhân sự vừa được bổ sung vào Hội Đồng Luồng Viện qua một khóa họp cấp cao trong nước của chư Tôn đức lãnh đạo Giáo Hội. Danh sách bổ sung gồm chư vị sau đây:

- **Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang,**
Xử Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống,
- **Hòa Thượng Thích Đức Nhuận,**
Cổ Vấn Ban Chỉ Đạo Viện Hóa Đạo,
- **Hòa Thượng Thích Quảng Độ,**
Viện Trưởng Viện Hóa Đạo,
- **Hòa Thượng Thích Hộ Giác,**
Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, Đặc Trách Lãnh đạo điều hành Văn Phòng II Viện Hóa Đạo tại Hoa Kỳ,
- **Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ,**
Phó Viện Trưởng kiêm Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo,
- **Thượng Tọa Thích Viên Lý,**
Phụ Tá Phó Viện Trưởng Đặc Trách Văn Phòng II Viện Hóa Đạo tại Hoa Kỳ kiêm Phó Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo.

Do hoàn cảnh trong nước, Giáo Hội còn gặp phải nhiều khó khăn, chưa có thể hoạt động bình thường và rộng khắp, nên nhân sự đảm nhận các chức vụ Tổng Vụ Trưởng trong Hội Đồng Viện Hóa Đạo chưa tiện công bố.

Đại Hội đã cung thỉnh Hòa Thượng **Thích Tâm Châu**, Hòa Thượng **Thích Huyền Vi**, Hòa Thượng **Thích Truyền Ấn** vào các Hội Đồng Trưởng Lão và Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương thuộc hai Viện; và mời làm Thành viên Văn Phòng II Viện Hóa Đạo chư vị sau đây: Hòa Thượng **Thích Minh Tâm** tại Âu Châu, Hòa Thượng **Thích Như Huệ** tại Úc Châu, Thượng Tọa **Thích Thiện Tâm** tại Canada, và Thượng Tọa **Thích Chơn Lễ** tại Nhật Bản.

Danh sách cung thỉnh này còn mở rộng trong thời gian tới, và sẽ được chuyển về Viện Tăng Thống và Viện Hóa Đạo trong nước để duyệt xét và chuẩn y.

Đại Hội lắng nghe Thông điệp Hưởng về Thế Kỳ XXI của Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang và Diễn Văn chào mừng Đại Hội VIII của Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo. Hai văn kiện quan trọng này là bản tổng kết 2000 năm sinh hoạt, khi đau khổ, biến loạn, khi tiến hóa, hy vọng, của nhân loại ở phương Đông cũng như phương Tây, và vạch ra sứ mệnh lịch sử của Phật Giáo Việt Nam trong việc kiến tạo một thế giới hòa bình, hạnh phúc, khoan dung.

Thông điệp Hướng về Thế Kỳ XXI của Viện Tăng Thống đánh cái nhìn ưu ái vào thân phận con người qua giai đoạn đen tối thời Trung cổ, với những chế độ nông nô, những tòa án dị giáo, hợp thức hóa những áp bức bất công và bạo ngược của con người đối với con người. Tử vũ trụ quan đến nhân sinh quan đều bị khống chế bởi đặc quyền thiên khai và định mệnh tiền chế. Rồi nhiều cuộc cách mạng nổi lên đòi quyền sống, quyền làm người. Dù đối nghịch với chủ nghĩa duy tâm, chủ nghĩa duy vật vẫn quan niệm lịch sử hay Đảng như chân lý tuyệt đối, như thần linh thượng đế. Thủ thiên đường trên mặt đất ấy đã không là giải pháp cho nhân sinh, nên thất bại thảm nào theo sự sụp đổ của bức tường Bá Linh và sự tan vỡ của Liên Bang Xô Viết. Nhân sinh quan ấy, nói theo Thông Điệp, là "một quái thai của lịch sử" (...) "Con người, từng cá nhân, đang sống trên mặt đất này, vẫn còn đau khổ, vẫn cảm thấy bất an (...) Mỗi cá nhân trở thành những ốc đảo. Người càng xa cách với người hơn".

Bản Thông Điệp nhắc đến nguy cơ đang rình rập nhân loại ngày nay, đó là khoảng cách giàu nghèo ngày càng khốc liệt, giữa những cộng đồng các nước tiên tiến phương Bắc và các nước lạc hậu phương Nam. Cũng như vấn đề sinh thái đang hăm hại trái đất và loài người. Các sự trạng ấy, theo Thông Điệp, là do "các thế lực lãnh đạo chính trị của các cộng đồng này chưa ý thức trọn vẹn mối tương quan duyên khởi của sự sống chung và sự tồn tại của loài người nói riêng".

Thế những trái đất được mệnh danh là ngũ thú tạp cư địa (con người, các loài động vật, thiên đường, địa ngục, có khi còn là thế giới của loài quỷ đói), lại là "môi trường hành động của các Bồ Tát, và cũng là chỗ các Đức Phật nhập Niết Bàn". Ở đây Thông Điệp nhấn mạnh tới con đường hành động của Phật Giáo để cứu chúng sinh, và con đường chấm dứt hành động, trong nghĩa chấm dứt luân hồi đau khổ. Cứu chúng sinh vì thương chúng sinh. Thương chúng sinh vì quan hệ duyên khởi. Điều động quan hệ duyên khởi giữa các dân tộc, giữa cá nhân với tập thể, là do đã nhận thức tính bình đẳng. Một người thấy người khác là Phật sẽ thành, thì người đó không phải là kẻ đi chinh phục, kẻ đàn áp, bóc lột. Mà là Kẻ Cứu Độ.

Điều quan trọng nhất của bức Thông Điệp này là đã nói lên mô thức chính quyền nơi trần thế. Mô thức này có khả năng biến nô lệ thành tự do, biến khổ đau thành hạnh phúc, biến chính sách ngu dân thành trí tuệ, biến độc tài thành dân chủ. Đó là **Chính quyền Đại tuyền** (Mahāsammato) mà Đức Phật thuyết giảng từ hơn 2500 năm trước. Nhưng chưa ai chịu đào sâu và thực hiện, nên xã hội loài người bị con vật chính trị xâu xé từ triều đại này sang triều đại khác. Điều mà nhiều thế chế độc tài toàn trị hay độc tài phát-xít không hiểu được là **"Một nền văn minh dân chủ là sản phẩm của trí tuệ, chứ không phải là định chế xã hội dựa trên nguyên tắc phân chia quyền lực (đặc quyền đặc lợi)"**

Trong sự dao động và khổ đau của nhân loại nói chung và dân Việt nói riêng, "đạo Phật đã hỗ trợ cho sự hình thành ý thức dân tộc độc lập trong hai khúc quanh lịch sử trọng yếu. Giai đoạn thứ nhất, chống lại sự thống trị và đồng hóa dân tộc của các triều đại phong kiến phương Bắc. Giai đoạn thứ hai, thời hiện đại, chống lại sự rập khuôn các định chế dân chủ phương Tây không phù hợp với xã hội và truyền thống Đông phương, qua hai mô thức dân chủ tư sản và dân chủ vô sản (...). Trong hai cuộc chiến vừa qua, chiến tranh giải phóng thuộc địa và chiến tranh ý thức hệ, Phật Giáo càng lúc càng ý thức vai trò của mình. Trong chiến tranh chống thực dân và nô dịch văn hóa, Phật Giáo là pháo đài bảo vệ di sản văn hóa dân tộc. Trong chiến tranh ý thức hệ, Phật Giáo tự nhận vai trò hóa giải hận

thù, thể hiện hòa bình dân tộc, để chấm dứt cuộc chiến huynh đệ tương tàn. Một cuộc chiến mà hậu quả không đem lại chiến thắng cho nhân dân Việt, trái lại chỉ dẫn đến nghèo đói và lạc hậu.

Trong suốt hai nghìn năm có mặt tại Việt Nam, "Phật Giáo luôn gắn bó với dân tộc. Đạo Phật được truyền vào đất nước này không theo sau gót giày xâm lược; cũng không cốt vinh danh Đức Thích Ca Mâu Ni như đấng Chúa Tể bắt mọi thần dân phải cúi đầu tuân phục". Giáo lý của Đức Phật được truyền vào đây với mục tiêu duy nhất là xây dựng con người và xã hội văn minh, tiến bộ. "Trong suốt hai nghìn năm truyền bá, đạo Phật Việt chưa hề là nguyên nhân trực tiếp hay gián tiếp gây nên những xung đột tôn giáo dù trên quy mô nhỏ. Ngay từ những ngày đầu tiên mới du nhập, những người Phật Tử Việt Nam đã chứng tỏ tinh thần khoan dung tôn giáo và tư tưởng. Cho đến những thời kỳ được coi là hưng thịnh nhất, đạo Phật chưa hề, mặc dù với ưu thế sẵn có, tìm cách chiếm lĩnh địa vị độc tôn". "Hiện trạng mà người bên này tố cáo Phật Giáo làm lợi cho bên kia, người bên kia tố cáo Phật Giáo làm lợi cho bên này, đã nói lên một sự thật: Phật Giáo thoát ly mọi sự lạm dụng và lợi dụng của các thế lực chính trị hoạt đầu".

Từ các nhận thức và phân tích trên, Thông Điệp nói lên ý thức của Phật Giáo Việt Nam về "lực lượng và sứ mệnh lịch sử của mình đối với dân tộc và nhân loại trong thiên kỷ thứ ba sắp tới. Lực lượng này không xây dựng trên vũ khí, bệ đảng, nhằm mục đích tiêu tranh quyền cố vị. Lực lượng Phật Giáo xây dựng trên tinh thần Bi, Trí, Dũng; nói rõ là: tôn trọng sự sống, sáng suốt hành động và dũng cảm tự tồn. Sứ mệnh lịch sử của Phật Giáo là HÓA GIẢI mọi xung đột giữa các cộng đồng xã hội, các xu hướng chính trị, tôn giáo dị biệt (...). Sứ mệnh ấy khởi phát từ lòng khoan dung, tôn trọng và đề cao phẩm giá con người. Vì con người là nhân cách trung tâm trong việc chuyển hóa gia đình và xã hội, đem lại hạnh phúc, tự do và giải thoát cho quần chúng".

Do thấy rõ xu thế mới của nhân loại ở kỷ nguyên đối thoại và cộng tác, ví dụ như, "Chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai, đói kém, không còn là những vấn đề nội bộ riêng lẻ của một quốc gia. Nơi nào một cá nhân bị ức hiếp, một tập thể bị đàn áp, thì các nơi khác trên năm châu cùng lên tiếng can thiệp và áp lực đòi thay. Nhân phẩm con người và các quyền căn bản về dân sự và chính trị đã được toàn cầu hóa. Không một chính quyền nào trên trái đất này còn được thao túng cai trị nhân dân mình một cách tùy tiện, theo một hệ tư tưởng do tự mình và đảng phái mình bày đặt ra, trái chống với lòng dân".

Nên Thông Điệp đã đề ra cho người Phật Tử một phương pháp mới trong việc hoạt động giải trừ Quốc nạn và Pháp nạn qua tiêu đề ngắn: "Thế giới văn minh là tổng viện lực cho các dân tộc bị áp bức. Quần chúng tự giác là đại chủ lực cho mọi cuộc đổi thay xã hội". Quần chúng tự giác đây, là toàn dân, đặc biệt người Phật Tử Việt Nam, những người kế thừa nền giáo lý vô thượng của Phật đà. Trong một thế giới tương liên duyên khởi theo quan niệm Phật Giáo, hẳn nhiên đại chủ lực của quần chúng còn phải sở cậy đến viện lực quốc tế. Một tổng viện lực xúc tác cho đại chủ lực thay đổi thời cơ. Hiểu một cách thông thường, đây chính là cuộc vận động quốc tế, phát khởi và thu đạt nhiều thành công từ năm 1992 đến nay, và còn khai triển quy mô trong thời gian tới.

Nếu bức Thông điệp Hướng về Thế Kỳ XXI của Viện Tăng Thống vẽ ra bức sơ đồ địa lý của tâm thức nhân loại sau 2000 năm tiến triển, và vạch ra hướng chiến lược phục vụ chúng sinh,

THÔNG CÁO BÁO CHÍ CỦA PHÒNG THÔNG TIN PHẬT GIÁO QUỐC TẾ

ngày 18.5.1999

- TỬ TRONG NƯỚC HÒA THƯỢNG THÍCH HUYỀN QUANG VÀ HÒA THƯỢNG THÍCH QUẢNG ĐỘ GỬI THỦ TÁN THÁN SỰ THÀNH CÔNG RỰC RỎ CỦA ĐẠI HỘI VIII TỔ CHỨC TẠI HOA KỲ.
- QUYẾT NGHỊ CỦA ĐẠI HỘI VIII GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT

Được thông báo kết quả của Đại Hội VIII tổ chức tại Hoa Kỳ từ ngày 14 đến 16.5.1999, Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Xứ Lý Viện Tăng Thống đã gửi khẩn điện đề ngày 17.5.99 cho Hòa Thượng Thích Hộ Giác, viết rằng: "Thay mặt Chư Tôn Trưởng Lão Viện Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) ở trong nước, tôi kính gởi lời tán thán công đức vô lượng của Chư Vị đã đóng góp cho sự thành công viên mãn của Đại Hội.

"Tăng Ni và Phật Tử trong nước thông qua Đại Hội mà có thể nghe được tiếng nói chính thức của Giáo Hội, và từ đó, nhận thức được giá trị thiết thực của Giáo Pháp của Đức Phật trong kỷ nguyên sắp tới của thế giới, đồng thời ý thức được hạnh nguyện học Phật và tu Phật của mình vì hòa bình và an lạc cho dân tộc và cho nhân loại" (...)

Còn Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, khẩn điện đề ngày 17.5.99 ghi: "Tôi thật vô cùng hoan hỷ khi nhận được tin từ Văn Phòng Báo Chí của VP II GH về việc Đại Hội VIII đã thành công viên mãn. Xin chân thành tán thán công đức vô lượng của Hòa Thượng, cùng toàn thể Chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni, Phật Tử hải ngoại, đã đóng góp hăng sảng hăng tâm, với tâm nguyện thiết tha vì dân tộc và nhân loại, cho sự thành công của Đại Hội. Tăng Ni Phật Tử trong nước không hội đủ duyên lành để tham dự Đại Hội lịch sử này. Tuy vậy, tôi hy vọng thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng hiện đại mà VP II hiện có, Phật tử trong nước sẽ có đủ duyên lành để nghe và hiểu được nhiều về Đại Hội VIII" (...)

Sau đây là Quyết Nghị đã được thông qua tại Đại Hội VIII GHPGVNTN:

thì bức Diễn văn Chào mừng Đại Hội VIII của Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, nói lên tiếng nói của "những người đã và đang bị trấn áp", tức chư Tôn đức Tăng Ni và Phật tử trong nước. Tiếng nói này không than vãn, yếm thế, mà khẳng định 3 trọng tâm suy nghĩ, thảo luận để tìm phương trị liệu. Các khẳng định đã được Đại Hội chấp tri và đồng tâm nhất trí đưa vào Quyết Nghị của Đại Hội.

Khẳng định thứ nhất là bản chất của GHPGVNTN. Bản chất này "kế thừa chính thống của 2000 năm lịch sử, được xây dựng và trưởng thành từ máu và lửa của tinh thần bất bạo động (...) không chịu hóa thân làm công cụ chuyên chính, không chịu bóp méo những lời dạy cao cả của Phật và Tổ để bênh vực quyền lợi của tập đoàn giai cấp mới. Phật Giáo Việt Nam chưa hề là thể lực thống trị, hay cấu kết với các thế lực chính trị để bóc lột nhân dân, chưa hề sử dụng quyền lực chính trị để trấn áp các hệ tư tưởng khác, cũng chưa bao giờ là thế lực chính trị đe dọa cướp quyền thống trị".

Khẳng định thứ hai về "Chính giáo phân ly". Đây là nạn sử tử trùng, nạn phân hóa, vu khống và mạ lỵ, nhằm gây hoang mang và biến tướng Chánh pháp cứu khổ và bảo vệ con người của đạo Phật. Hiện trạng này biểu trưng qua "một bộ phận Tăng sĩ Việt Nam đang là những thừa sai đắc lực của chính quyền, đứng theo sách lược kinh điển "đảng phải thông qua tôn giáo để tập hợp quần chúng". Cái gọi là "Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam" do Đảng thành lập năm 1981, mà quần chúng trong nước gọi là Giáo Hội Nhà Nước hay Giáo Hội Quốc Doanh, sự thực chỉ là một Hội Đoàn thông tục hoạt động theo quy chế của Dự số 10 dưới thời Pháp thuộc. Năm ngoái, khi ông Amor, Đặc sứ Liên Hiệp Quốc về điều tra đàn áp tôn giáo tại Việt Nam, tiếp xúc với nhà cầm quyền Hà Nội, với Ban Tôn Giáo chính phủ, cũng như mỗi đây, ngày 09.4.99 tại LHQ ở Genève, Trưởng Phái đoàn Hà Nội, khi nhắc đến cái gọi là "Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam" vẫn chỉ dùng danh xưng "Hội Phật Giáo Việt Nam" hoặc "Hội Những Người Phật Tử Việt Nam" (Association des Bouddhistes Vietnamiens / Vietnamese Buddhist Association).

Khẳng định thứ ba, là gửi niềm tin tưởng vào Đại Hội VIII, đặc biệt vào chư Tôn đức Tăng Ni và Phật Tử Việt Nam ở hải ngoại để: Một, "phát huy tích cực tinh thần Phật Giáo Việt Nam"; Hai, "thể hiện bản lĩnh của Phật Tử Việt Nam cho một thế giới hòa bình, hạnh phúc và khoan dung"; Ba, "nói lên những tiếng nói thầm lặng mà Tăng Ni và Phật Tử trong nước không nói được".

Trong khi Đại Hội VIII họp, thì trong cùng thời khoản ấy tại Hà Nội, từ ngày 12 đến ngày 14.5.99, Ban Tôn Giáo chính phủ cũng họp một Hội nghị Tôn giáo toàn quốc. Nhưng Hội nghị này khác Đại hội VIII ở điểm căn bản. Trong khi Đại Hội VIII lo việc chấn hưng và bảo vệ Phật Giáo, bảo vệ phẩm giá con người, an lạc thế giới, thì Hội nghị của Ban Tôn Giáo biến tướng tôn giáo làm công cụ chính trị, nếu không là phá tôn giáo, tiêu diệt tôn giáo chính truyền.

Đại Hội cũng đồng thanh lên tiếng yêu sách nhà cầm quyền trả tự do tức khắc cho Hòa Thượng Thích Huyền Quang bị quản chế từ 18 năm, không lý do, không xét xử; yêu sách trả lại tài sản, chùa viện, quyền tự do đi lại và cấp hộ khẩu cho chư Tăng vừa được trả tự do, như trường hợp của Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ, Thượng Tọa Thích Không Tánh, Thượng Tọa Thích Nhật Ban; ngưng phong tỏa các chùa viện thuộc GHPGVNTN, và cấm cản việc đi lại cũng như việc công an ngược đãi vô cớ các Thượng Tọa Thích Hải Tạng, Đại Đức Thích Minh Tuấn, Đại Đức Thích Đồng Trụ, Ni cô Thích Nữ Hạnh Toàn; và yêu sách việc phục hồi tự do sinh hoạt của GHPGVNTN.

Làm tại North Hills, ngày 16.5.1999
Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế

QUYẾT NGHỊ

của Đại Hội VIII Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất họp tại Phật Học Viện Quốc Tế từ ngày 14 đến 16.5.1999

209 Chủ Tôn đức Giáo phẩm Tăng Ni và Cư sĩ đại biểu trực thuộc Văn Phòng II Viện Hóa Đạo, các Hội Đồng Đại Diện, Hội Đồng Giám Luật, Hội Đồng Giám Sát, Hội Đồng Điều Hành, Ban Nghiên Cứu và Phát Triển Giáo Hội, Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế, các Phòng, Miền, Cơ sở, Đón vị, các Gia Đình Phật Tử của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất hải ngoại tại Hoa Kỳ, Đại biểu của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất ở Canada, Âu Châu, Úc Châu, Nhật Bản, cùng với Chủ tôn đức Giáo phẩm đang được trường dưỡng, phục vụ hoặc có liên hệ, cảm tình với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) trong và ngoài nước, tuân hành Giáo lệnh của Hội Đồng Lưỡng Viện trong nước, đã vân tập về Phật Học Viện Quốc Tế tại North Hills, miền Nam California, Hoa Kỳ, tham dự Đại Hội VIII của GHPGVNTN suốt các ngày 14, 15, 16.5.1999, mà lễ bế mạc Đại Hội trùng hợp huy hoàng và đầy ý nghĩa với Đại Lễ Phật Đản lần thứ 2623 tổ chức hôm 16.5.1999. Nhận định rằng, khoảng cách từ Đại Hội VII của GHPGVNTN tổ chức tại Tổ đình Ấn Quang ở Sài Gòn năm 1977 đến Đại Hội VIII là 22 năm. Khoảng cách xa đẳng đẳng ấy nói lên Pháp nạn bi thống của Phật Giáo Việt Nam. Vì ngoại chủng; vì đa số hàng Giáo phẩm lãnh đạo Hội Đồng Lưỡng Viện bị bắt bớ, quản chế, tù đầy, bức tử; vì những cấm đoán tùy tiện của Nhà cầm quyền, mà GHPGVNTN, một Giáo hội Dân lập, trở thành Giáo hội thềm lạng, bị bức bách và khủng bố, tề liệt tưởng như đến độ tiêu diệt. Nhưng thực tế cho thấy GHPGVNTN vẫn sống, mà sống mãnh liệt. Hành động mà Hội Đồng Lưỡng Viện ban Giáo chỉ cho Văn Phòng II Viện Hóa Đạo tại Hoa Kỳ tổ chức Đại Hội VIII là tín hiệu hùng hồn của sức sống ấy, một sức sống đang hồi sinh và chuyển động;

Nhận định rằng, toàn thể các Đại biểu tham dự Đại Hội, 209 người như một, đã cực kỳ xúc động và phấn khích khi lắng nghe Thông điệp Hưởng về Thế Kỳ XXI của Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Xứ Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống, và Diễn văn Chào mừng Đại Hội VIII của Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, chứng tỏ tinh thần nhất thống của Phật Giáo Việt Nam. Không gian không làm ly cách chí nguyện Bồ Tát. Thời gian không làm dao động tín tâm; Nhận định rằng, từ khi nhận Giáo lệnh tổ chức Đại Hội VIII cho đến khi khai mạc Đại Hội, thời gian không quá 21 ngày. Thế mà, từ bốn châu lục xa xôi, 209 đại biểu đã hiện diện vào đúng giờ khai hội. Trên 200 chư Tăng Ni đại biểu các quốc gia Việt Nam, Hoa Kỳ, Ấn Độ, Đại Hàn, Tích Lan, Tây Tạng, Thái Lan, Miến Điện, Trung Hoa, và 20.000 Phật Tử Việt Nam tham gia mừng Khánh Đản lần thứ 2623, đều nghiêm trang lắng lòng đón nghe thành quả của Đại Hội và danh sách hàng Giáo phẩm suy tôn vào Hội Đồng Lưỡng Viện. Tất cả đó đạt kỳ lục trong vấn đề tổ chức, vượt quá sức tưởng tượng, vượt mọi dự trù khả thể được tiên liệu và ấn định trong Quy Chế hay Hiến Chương. Chứng tỏ ý lực kim cương của người con Phật luôn thắng lướt mọi chướng ngại, thắng lướt mọi chống phá để hoàn thành sự nghiệp cứu khổ trừ nguy của chư Bồ Tát.

Do đó, tất cả Chủ tôn đức Giáo phẩm Tăng Ni và Cư sĩ đại biểu tham gia Đại Hội VIII đồng thanh quyết nghị:

1. Khâm thừa Thông điệp Hưởng về Thế Kỳ XXI của Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Xứ Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống, và Diễn văn Chào mừng Đại Hội VIII của Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, lấy đó làm căn bản cho tinh thần và hành động của mọi cơ cấu, cơ sở, đơn vị các cấp trực thuộc GHPGVNTN, để:

- phát huy tích cực tinh thần Phật Giáo Việt Nam;
- thể hiện bản lĩnh của Phật Tử Việt Nam cho một thế giới hòa bình, hạnh phúc và khoan dung;

2. Văn Phòng II Viện Hóa Đạo tại Hoa Kỳ cùng với tất cả các GHPGVNTN tại Canada, Châu Âu, Châu Úc, Nhật Bản, khâm thừa Giáo chỉ của Viện Hóa Đạo trong các công tác ưu tiên là chuyển vận và phát ngôn tiếng nói thầm lặng hoặc bị ức chế mà Tăng Ni và Phật Tử trong nước không nói được, để toàn thể thế giới được thấu hiểu hầu can thiệp và áp lực đổi thay thảm trạng của Phật Giáo Việt Nam;

3. Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất ở hải ngoại tương liên duyên khởi với Phật tử ở các nước Á Châu cũng như các nước Âu, Mỹ, Phi, Đông Âu và Liên Bang Nga, v.v... để lực lượng của lòng Từ Bi hóa giải mọi tranh chấp, xung đột, vì lý do chủng tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, giai cấp, để san bằng hố sâu chênh lệch giàu nghèo giữa các nước quá giàu và các nước quá nghèo, và để dẫn thân bảo vệ sinh thái cho cuộc sống hỗn nhiên, trong sạch của nhân loại vào thế kỷ XXI;

4. Toàn thể các đại biểu tham dự Đại Hội VIII cất lời kêu gọi Đảng và Nhà nước CHXHCN Việt Nam:

a) hãy tức khắc trả tự do vô điều kiện cho Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Xứ Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống, bị quản chế tại Quảng Ngãi từ năm 1982, mà không cho biết lý do hay xét xử;

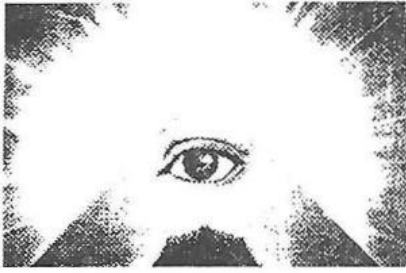
b) trả lại tài sản, chùa viện, trả lại quyền tự do đi lại, quyền hành đạo, và cấp hộ khẩu cho tất cả chư Tăng vừa được trả tự do, như trường hợp của Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ, Thượng Tọa Thích Không Tánh, Thượng Tọa Thích Nhật Ban;

c) chấm dứt việc phong tỏa các chùa viện thuộc GHPGVNTN, việc ngăn cấm tự do đi lại, ngược đãi chư Tăng Ni không chịu gia nhập vào tổ chức Phật Giáo của Nhà Nước. Điển hình là trường hợp đang xảy ra đối với Thượng Tọa Thích Hải Tạng, Đại Đức Thích Minh Tuấn, Đại Đức Thích Đồng Trụ và Sư cô Thích Nữ Hạnh Toàn;

5. Toàn thể các đại biểu tham dự Đại Hội VIII yêu cầu Đảng và Nhà nước CHXHCN Việt Nam ngưng ngay việc cấm đoán GHPGVNTN sinh hoạt tự do, vì pháp lý của GHPGVNTN đã có từ trước năm 1975, dù chế độ có thay đổi thì luật bất hồi tở luôn được công nhận trong các quốc gia văn minh tôn trọng pháp quyền.

Bản Quyết Nghị trên đây đã được toàn thể các đại biểu thông qua tại Khoáng đại 5 của Đại Hội VIII.

Phật lịch 2543 - Làm tại North Hills, ngày 16.5.1999



● ĐOÀN VĂN THÔNG

Từ xưa đến nay, đã có nhiều nhà nghiên cứu chuyên nghiệp và tài tử về hiện tượng siêu hình đã đi sâu vào những nơi mà họ cho là trung tâm của các sự kiện huyền bí để chứng kiến tận mắt những hiện tượng lạ lùng mà không thể giải thích được. Thời đó có các nhà khoa học và dân tộc học nổi tiếng như James Frazer, R. Muller, William Halse Rivers, Ions Veronica, Mbiti John, Wentz W. -E, Osborne Harold... Đặc biệt là một người đàn bà, một người nữ văn sĩ tên là Alexandra David Neel đã đơn phương độc mã trèo đèo vượt núi trong tuyết lạnh để vào xứ sở của đỉnh Trời là xứ Tây Tạng không ngoài mục đích là nghiên cứu tìm hiểu tận chỗ những gì thuộc lãnh vực siêu linh huyền bí. Nhờ đó mà thế giới phương Tây mới biết được những cuộc sống lạ lùng của các vị Lạt Ma Tây Tạng, nhất là biết về những năng lực tâm linh kỳ bí của những vị sư sống trong các hang động, nơi mà Trời và Đất như hòa vào nhau thành một.



Điểm đặc biệt đáng nhắc đến là nơi đây các vị sư đều có khả năng cao về nhận thức, bộ não luôn luôn được trong sáng nên họ có thể hiểu nhau qua không gian hơn là phải biểu lộ bằng lời nói hay hành động. Nhờ khả năng đọc được tư tưởng người khác

Bí ẩn về con mắt thứ ba huệ nhãn

mà nhiều vị Lạt Ma Tây Tạng biết trước được những gì mà người nước khác đang dự định trong đầu. Ngoài ra những vị này còn có khả năng kỳ diệu là phân tích vàng màu sắc tỏa ra từ đầu bất cứ ai để từ đó biết được ý tưởng xấu hay tốt mà người đó đang dự định. Vào thời Đại sư Lobsang còn

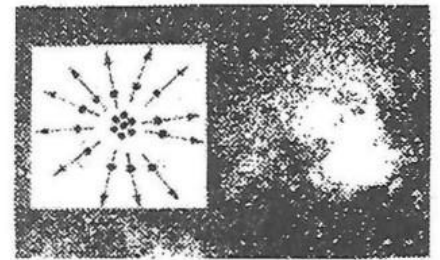


tại thế, Ngài thường ngồi sau màn quan sát các Sư bộ nước ngoài đến thăm Tây Tạng. Thời đó Trung Hoa thường cử phái đoàn tới thăm nhưng bao giờ cũng mang theo ý đồ xấu xa là muốn chiếm đóng và cai trị đất nước Tây Tạng. Tuy nhiên mọi ý tưởng ấy đều biểu lộ rõ qua cặp mắt của Ngài Lobsang đang ngồi sau bức màn. Tây Tạng cũng có lần bị thực dân Anh chiếm đóng khoảng năm 1904. Vào thời đó chính thân phụ của Đại sư cũng đã nhờ nhân lực mà biết được tình trạng bất ổn do quân đội Anh gây ra và Đức Đạt Lai Lạt Ma thời đó cũng đã phải rời Tây Tạng sang Mông Cổ cho qua cơn Pháp nạn.

THUYẾT VỤ NỔ LỚN BIG BANG VỚI HIỆN TƯỢNG TẬP TRUNG NĂNG LƯỢNG

Thuyết về vụ nổ lớn Big Bang của nhà Vật Lý học George Gamov nêu ra (khoảng năm 1948) cho rằng cách

đây khoảng hơn 15 tỷ năm, vũ trụ được tạo thành từ một đám mây Hydrogene. Đám mây này gồm có vô số nguyên tử Hydrogene quy tụ san sát nhau tạo nên một mật độ vô cùng lớn. Toàn thể đám mây quay cuồng với một tốc độ khủng khiếp vừa quay lại càng co rút hơn nữa khiến các nguyên tử khí kết tụ sát lại nhau dồn nén cực độ tạo ra một phản ứng nhiệt hạch khiến đám mây phải nổ tung, vụ nổ vĩ đại này làm phát sinh nên vô số thiên hà.



BIG BANG: Sự phát sinh vũ trụ

Qua thuyết trên ta thấy một khi có sự tập trung thì kéo theo một hậu quả quan trọng. Khi một vị Đạo Sư tập trung tư tưởng thì sự tập chú ấy cũng giống như sự quy tụ các phân tử lại và càng tập chú thì sự cọ xát giữa các nguyên tử càng tăng làm phát sinh năng lượng. Ở đây tưởng cũng nên nhớ lại rằng ngay những người bình thường như chúng ta mỗi khi tập trung tư tưởng để suy nghĩ điều gì thì đầu óc chúng ta như nóng lên khiến đôi lúc nhức đầu chóng mặt khó chịu. Từ lâu giải thích của các nhà khoa học là khi suy nghĩ luồng thần kinh và tế bào thần kinh hoạt động mạnh và tiêu thụ một số năng lượng. Như vậy cho đến ngày nay sự kiện phát sinh năng lượng nhiệt hay tiêu thụ nhiệt trong khi tập trung tư tưởng hay suy nghĩ vẫn chưa được lý giải hoàn toàn. Tuy nhiên có lẽ nơi có thể và nhất là bộ não của các vị Đạo Sư năng lượng phát sinh trong khi họ tập trung tư tưởng là điều có thật và chắc chắn là khi tập trung tư tưởng họ không bị tình trạng nóng hay nhức đầu khó chịu như chúng ta thường cảm nhận.

Sự kiện khác có liên quan đến năng lượng cơ thể mà các trường hợp đã xảy ra trên thế giới qua những con người kỳ lạ làm phát sinh các thắc mắc về nguồn gốc phát sinh năng lượng. Câu hỏi được nêu ra là có phải

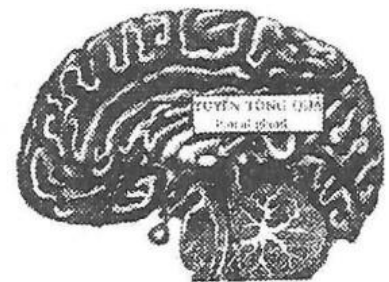
luôn luôn cần tập trung tư tưởng mới phát tỏa được năng lượng không? Một người Nga tên là Krivorotop và con trai là Victor đã có một dạng năng lượng lạ lùng chuyển từ cơ thể ra đôi bàn tay. Mỗi khi cha con người này dùng tay di chuyển dọc theo phần cơ thể của người mắc bệnh thì một thời gian ngắn sau người bệnh lành hẳn. Ở đây điều kỳ lạ là bàn tay của hai cha con này không nóng bỏng như mọi người tưởng mà trái lại lạnh giá. Một người Nga khác, cô Djuna cũng có đôi bàn tay kỳ diệu có thể khám phá ra nơi bệnh trên cơ thể một người nghi là có bệnh. Theo Djuna thì nhờ trường sinh học mà cô có thể áp dụng để truy ra vị trí bệnh trên cơ thể bệnh nhân. Bất cứ cơ thể người nào cũng đều phát ra một vùng điện gọi là vùng điện sinh học. Tùy theo tình trạng cơ thể mà vùng điện sinh học này biến đổi trạng thái. Đôi tay của Djuna có một cảm ứng rất nhạy với vùng điện sinh học ấy. Qua kinh nghiệm, cô suy đoán sự thay đổi tương ứng với loại bệnh nào và từ đó xác định vị trí có bệnh nơi cơ thể bệnh nhân. Dĩ nhiên từ đôi tay Djuna cũng đã có nguồn năng lượng nào đó phát ra. Trong cuốn Con người và Trường sinh học của Giáo sư Nguyễn Hoàng Phương, Giáo sư đã nói đến trường hợp một nhân vật nổi tiếng có khả năng thuộc lãnh vực tâm thần. Đó là bà Nina Kulaghina, bà này đã dùng bàn tay mình đặt cách chiếc la-bàn chỉ hướng một khoảng ngắn và đã làm kim la-bàn chuyển động. Khi bà dùng ngón tay vạch thành vòng trên la-bàn, cách la-bàn vài centimet thì thấy kim la-bàn quay thành nhiều vòng. Thí nghiệm đáng kinh ngạc hơn là bà Nina còn dùng tư tưởng tập trung để khiến cho kim con ếch đặt trong bình thủy tinh đang hoạt động và phải ngừng đập. Bà Nina cũng còn dùng năng lượng tinh thần để làm cho một số đồ vật di chuyển. Điều đáng lưu tâm là sau mỗi lần thí nghiệm, bà Nina tỏ ra mệt mỏi, tay chân rũ rượi, cơ thể nóng lên. Các nhà khoa học Nga đã tham gia cuộc thí nghiệm của bà. Họ dùng máy đo nhiệt độ để đo trước và sau cuộc thí nghiệm, kết quả cho thấy năng lượng phát sinh không phải từ sự tập trung tư tưởng như các vị Đạo Sư Tây Tạng mà là năng lượng từ bên ngoài chuyển vào tích tụ trong cơ thể

bà Nina. Cơ chế nào đã giúp bà Nina tiếp thu nguồn năng lượng lớn từ ngoài vào? Còn các vị Đạo Sư, các vị Lạt Ma Tây Tạng, những nhà huyền thuật nổi tiếng họ lấy năng lượng từ ngoài (vũ trụ tự nhiên) vào cơ thể hay chính sự tập trung năng lượng đã tạo ra nhiệt lượng? Cho đến nay, với sự tham gia nghiên cứu của các nhà khoa học trong lãnh vực này, các báo cáo khoa học chưa có thể dừng lại ở một kết luận chắc chắn nào. Ít nhất có 2 lý giải khác biệt nhau. Một cho rằng, qua công phu tu luyện nơi những địa điểm mà "Trời và Đất như giao hòa với nhau" như tại xứ Tây Tạng chẳng hạn thì công phu tu luyện của các nhà huyền thuật thật vô song và thành quả đạt được của họ là thu năng lượng vào cơ thể ở những trung tâm nào đó như trung tâm lực Kundalini (Con Rắn Lửa) hay ở phần đầu thì có trung tâm lực nằm giữa hai chân mày. Con mắt thứ 3, tuyến Pineal gland và cả tuyến Yên cũng có liên hệ chặt chẽ với cơ phận của con mắt thứ 3.

NĂNG LỰC CỦA CON MẮT THỨ 3 : THẦN NHÂN HAY HUỆ NHÂN

Trở lại vấn đề khả năng thông hiểu ý tưởng kẻ khác cũng như thấy rõ và phân biệt vàng màu mà các vị Lạt Ma Tây Tạng có được thì đó lại là sự kiện có vẻ bình thường đối với người dân Tây Tạng. Lý do dễ hiểu là từ tấm bé, họ đã được cha mẹ kể cho nghe chuyện cổ tích về người Tây Tạng thời cổ xưa, theo chuyện cổ tích này thì thời xa xưa ấy, người Tây Tạng ai cũng có một nhân lực đặc biệt, nhân lực này không phải từ đôi mắt thông thường của con người mà là từ một con mắt thứ 3 rất kỳ bí. Vì tính cách huyền diệu của con mắt thứ 3 này mà người xưa gọi là Thần Nhân hay nói theo kinh điển thì gọi là Huệ Nhân. Về sau, vì con người bị lôi kéo dần vào đường vật chất, ích kỷ, tham lam, sân hận, mê mờ nên trí óc không còn trong sạch, sáng suốt nữa. Cuối cùng như tấm gương bị bụi mờ che kín, con mắt thứ 3 trở thành u tối không còn sử dụng được nữa. Các nhà nghiên cứu về Huệ Nhân đã bắt gặp trong các giới động vật hình ảnh trung thực nhất về Con Mắt Thứ 3 một cách rõ rệt không chối cãi. Tuy nhiên câu hỏi tại sao lại

có sự hiện hữu và công dụng thực tế thì lại còn lắm mơ hồ. Đặc biệt lạ lùng là ngay trong giới động vật có xương sống cấp dưới thì lại thấy hiện diện một cấu tạo giống cấu tạo con mắt bình thường, nghĩa là cũng có dây thần kinh, thủy tinh thể và võng mạc v.v... Theo tài liệu của Giáo sư Tiến sĩ Nguyễn Hoàng Phương thì ngay cả loài cá, lưỡng thể, bò sát, chim, cả động vật có vú kể cả con người cũng đều có dấu tích của Con Mắt Thứ 3. Khi khảo sát cấu tạo bộ xương của loài Khủng Long thời tiền sử, các nhà cổ sinh vật học cũng chú ý tới một chỗ lõm nơi phần sọ của loài bò sát khổng lồ này và đã suy đoán nơi đây là vị trí của một cơ quan thị giác hay nói theo suy tưởng của sự kiện đang bàn là Con Mắt Thứ 3. Công dụng của con mắt này có lẽ để giúp các loài động vật thời cổ không những thấy mà còn biết thêm hay cảm nhận trước được tình trạng chung quanh như mưa, gió, nhất là các vật thể nằm khuất ở vị trí phía trên đầu. Những khám phá mới đây nhất (vào năm 1996) từ một số nhà khoa học đã cho biết là trong não người có một cái tuyến tuy rất nhỏ, chỉ bằng hạt đậu xanh, nhưng nhiệm vụ của tuyến này rất kỳ diệu, chỉ tiết ra loại phân hóa tố đặc biệt với một lượng rất nhỏ trong trường hợp con người đang chú tâm cầu nguyện với tất cả thành tâm hay vào các giai đoạn con người ở tình trạng nguy hiểm, thập tử nhất sinh. Cái tuyến lạ lùng đó là tuyến Tùng Quả Pineal gland. Khi phân hóa tố của tuyến đi vào máu thì cơ thể sẽ có những phản ứng kỳ diệu bất ngờ mà lúc bình thường không có được. Các nhà sinh vật học còn khám phá ra rằng tuyến Pineal gland còn có liên quan với bộ phận mà người Tây Tạng gọi là Con Mắt Thứ 3.



người đệ tử ngồi cạnh nhau để chuyên tư tưởng cho nhau. Khi họ bắt được tư tưởng của nhau được rồi thì khoảng

cách tính tọa giữa hai người này sẽ ở vị thế xa hơn. Cụ thể về lâu về dài họ có thể đạt tới khả năng truyền tư tưởng cho nhau qua khoảng cách rất xa: hoặc từ Đạo viện này đến Đạo viện khác, từ hang động này tới hang động khác... Theo bà Alexandra David Neel thì nói đây Hy Mã Lạp Sơn tuyệt phủ im lìm hoang vắng nhưng lại là nơi các luồng tư tưởng của các vị ẩn tu giăng bủa khắp nơi.



Một tài liệu kể rằng: Một hôm tại Tu viện Séra ở Tây Tạng xảy ra một tai nạn. Vị Sư già ở đây bị té ngã xuống đất dập xương sọ. Trong cơn nguy khốn ấy, vị Sư già đã dùng Thần lực để chuyển di tư tưởng đến ngay điện Potala, nơi Ngài tin chắc là Đại sư Mingyar Dondup đang có mặt tại điện. Luồng tư tưởng này đã được Đại sư Mingyar tiếp nhận. Tức thì, Ngài gọi ngay đệ tử là Lobsang đến ngay Tu viện Séra để kịp thời cứu chữa cho vị Sư già... Chuyện khác kể lại trường hợp một vị Sư ẩn tu trong động đá. Bữa kia sau buổi tính tọa, vị Sư gọi đệ tử lại bảo rằng: "Sáng mai sẽ có một người đi ngang qua đây, con nhỏ cho họ nước uống và ít trái cây lót lòng và chỉ hướng khác xuống núi giúp họ vì tối mai sẽ có trận bão tuyết chôn vùi con đường này. Quả nhiên sáng hôm sau có một người xuất hiện gần hang núi. Người đệ tử vội chạy lại giúp đỡ đúng như những gì thầy đã căn dặn từ hôm qua. Tối hôm đó, một trận bão tuyết nổi lên làm biến mất con đường xuống núi. Chính nhờ Huệ Nhân mà vị Sư đã cứu người lữ hành lạc lối thoát nạn. Câu chuyện này người Tây Tạng thường kể lại cho con cháu nghe và Nữ ký giả Pháp, bà Alexandra David Neel cũng có lần kể lại câu chuyện tương tự trong tác phẩm du ký của bà. Tác giả Nguyên Phong trong các phóng tác theo các sách của bà Alexandra David Neel về xứ Tây Tạng Huyền Bí cũng đã đưa ra nhiều chi tiết liên quan đến sự kiện chuyển di tư tưởng hay thông suốt ý nghĩ người khác của các vị Đạo sư Tây Tạng. Tất

cả nói lên cái thâm sâu vi diệu của cơ phận gọi là Con Mắt Thủ 3 hay Huệ Nhân.

CÁC CƯỜNG QUỐC ĐANG NGHIÊN CỨU VỀ CON MẮT THỦ 3

Nga Sô, Trung Quốc, Mông Cổ và cả Hoa Kỳ và Anh Quốc đều đã và đang nỗ lực nghiên cứu, thí nghiệm về năng lực chuyển di tư tưởng mà con người có thể đạt được hoàn hảo dựa vào những gì mà các nhà nghiên cứu về năng lực lạ lùng của các vị Lạt Ma và Đại sư Tây Tạng. Năm 1959, Hải quân Hoa Kỳ đã thực hiện một cuộc thí nghiệm bí mật về chuyển di tư tưởng (thí nghiệm kéo dài trong 5 ngày - từ 22.6.59 đến 26.6.59) Hai nhân vật có khả năng về chuyển di tư tưởng được bí mật chở tới hai địa điểm X và Y cách xa nhau 2000 cây số. Một người vào trong một phòng kín ở địa điểm X, còn người kia vào trong chiếc tàu ngầm Nautilus xuống sâu 2 nghìn cây số ở vị trí Y. Từ 2 vị trí xa nhau ấy, hai nhân vật vừa kể đã bắt đầu cuộc thí nghiệm chuyển di tư tưởng cho nhau. Tại vị trí Y, người làm thí nghiệm lần lượt tập trung tư tưởng nhìn vào những con bài khác biệt nhau rồi đưa tư tưởng có các hình ảnh ấy qua không gian hướng về người đang ở vị trí X. Thủ tục về các con bài, giờ giấc và số lần thực nghiệm chuyển di tư tưởng của người thí nghiệm ở X và Y đều được ghi chép lại cẩn thận. Kết quả so sánh đối chiếu cho thấy độ tiếp nhận đạt chính xác đến tỷ lệ 92%. Hoa Kỳ và Nga đã cùng nhau hợp tác thí nghiệm hiện tượng tương tự nhưng dưới hình thức hơi khác. Bác sĩ người Nga tên là Dzhusma Davitashvili và Bác sĩ Hoa Kỳ là Keith Harry được bí mật đưa đến 2 vị trí cách xa nhau trên đất Hoa Kỳ (thuộc San Francisco) vậy mà họ mô tả được hình ảnh, vị trí, địa điểm của nhau rất rõ ràng. Trong các năm từ 1976 đến 1979 nhiều cuộc thí nghiệm về lãnh vực này cũng đã được thực hiện tại Tiểu bang Chicago (Hoa Kỳ). Tại Nga vào năm 1967, báo Sự Thật đã đưa tin rằng: "Cuộc thực nghiệm chuyển di tư tưởng giữa 2 nhà thí nghiệm ở hai vị trí cách xa nhau: Leningrad và Moscow đã đạt kết quả thành công"



Tàu ngầm được dùng làm thí nghiệm chuyển di tư tưởng qua khoảng cách 2000 cây số.

TUESDAY LOBSANG RAMPA : LẠT-MA BÁC-SĨ Y-KHOA

Đối với những vị Đại Sư, những vị Lạt Ma Tây Tạng những người đã trải qua những công phu tu luyện tuyệt vời thì sự tập trung năng lượng của họ không gây nên sự mỏi mệt khó chịu như người bình thường.

Phùng Hồ, qua cuốn The Third Eye (Con Mắt Thủ Ba) của một Lạt Ma Bác Sĩ Tây Tạng (Tuesday Lobsang Rampa) đã cung cấp thêm cho đề tài này một số tư liệu liên quan về khả năng kỳ diệu của Lạt Ma Rampa: "Bác sĩ Tuesday Lobsang Rampa lúc còn bé đã được gia đình giáo dục chu đáo. Thân phụ được giao quyền nhiếp



chính, trong khi Đức Đạt Lai Lạt Ma rời Tây Tạng qua nạn ở Mông Cổ vì quân đội Anh xâm chiếm đất đai Tây Tạng vào năm 1904". Khi Ngài Lobsang lên bảy tuổi, việc học hành và chuẩn bị cho tương lai do các chiêm tinh gia quyết định. Ngài được thu nhận vào Tu viện Chakpori. Ngay ở lứa tuổi này, Ngài đã tiếp xúc với nhiều nhân vật và thật sự đã có thể nhìn và nhận xét ai là người tốt qua tư tưởng người đó. Sư phụ Ngài là Đại Sư Mingyar, căn cứ theo lý giải của các

nhà chiêm tinh, đã quyết định luyện Thần Nhân cho Ngài sau ngày sinh nhật thứ tám của Ngài. Sư phụ Ngài đã từng bảo rằng: "Khi Thần Nhân đã được khai mở, Ngài có thể nhìn rõ chân tướng thâm sâu của con người chỗ không phải chỉ thấy cái vẻ bên ngoài của con người mà thôi.

Chính Sư Trưởng tu viện Chakpori là Y-si cận kề của Đức Đạt Lai Lạt Ma đã căn dặn Ngài Lobsang là người có được Thần Lực mà nhiều người không có. Việc sử dụng Thần Lực ấy rất hạn chế và cẩn thận. Chỉ được sử dụng khi khả năng Thần Nhân của mình để giúp đời, cứu người bệnh tật, cứu người gặp cảnh khổ đau và nhất thiết không mưu cầu lợi lộc cho riêng bản thân mình. Chính Đức Đạt Lai Lạt Ma đã nói với Ngài Lobsang rằng: Ta đã nghe nhiều điều lạ lùng về con. Ngay từ lúc mới chào đời vốn đã có Thần Lực tự nhiên nơi đôi mắt con và Thần Lực đó tăng lên nhờ luyện phương pháp Mật truyền nhằm khai mở Thần Lực của Con Mắt Thứ Ba.

Trong điện Potala có nhiều phẩm vật quý giá do các quốc gia khác cống hiến. Ngài Lobsang đã có lần dùng Thần Lực ngắm say sưa các phẩm vật để phát hiện tâm tình mà người tặng quà muốn gởi gắm. Sau khi Ngài trình bày nhận xét của mình về mỗi tặng vật thì Sư phụ của Ngài lấy một cuốn sách đọc cho nghe sự việc liên quan tới món đó và khen tặng Ngài thực sự có nhận xét chính xác, đã có nhiều tiến bộ trong lãnh vực Thần Nhân...". Chính nhờ Thần Nhân hay Huệ Nhân mà Ngài Lobsang Rampa đã quan sát tìm hiểu qua tử tưởng của các phái đoàn nước ngoài đến tham viếng hay ngỏ ý muốn hợp tác với Tây Tạng về nhiều lãnh vực. Những ý đồ xấu xa tàng ẩn trong các nhân vật của các phái đoàn đều không thoát khỏi Con Mắt Thứ Ba mà Ngài Lobsang soi tới. Nhờ đó mà ngày nay mặc dù đất nước Tây Tạng trải qua bao thăng trầm, dòm ngó của thực dân (Anh) và ngày nay là chính quyền Trung Quốc, Tây Tạng vẫn thoát hiểm được nhiều lần nhờ biết trước được ý đồ của đối phương nhờ Thần Lực hay Con Mắt Thứ Ba của các vị Đạo Sư hay các vị Lạt Ma.

Năng lực của Thần Nhân rất thâm sâu và phát triển qua nhiều dạng. Do tập

trung tử tưởng mà luồng tử tưởng qua đôi mắt để có thể soi thấu tâm can, tử tưởng kẻ khác. Cũng vậy, qua Thần Nhân mà các bệnh tật ẩn tàng trong cơ thể dễ dàng được khám phá còn hơn khoa học ngày nay dùng quang tuyến hay tia sáng Laser. Một lãnh vực khác cũng không kém phần quan trọng là Tập Trung Tử Tưởng làm phát sinh năng lượng. Sự kiện này thể hiện qua những phương thức tập luyện mà các Lạt Ma Tây Tạng thường áp dụng cho các môn đệ từ thời xa xưa cho đến ngày nay.

Theo phương thức vừa kể thì các đệ tử khi luyện tập họ phải quyết tâm trì chí vì trong tuyết giá, họ phải tập ngồi tĩnh tọa một cách bình yên như đang ngồi nơi mát mẻ bình thường. Dù nhiệt độ hạ thấp dưới không độ, người thực tập phải mình trần, chỉ một miếng khố quấn ngang hạ bộ những phải cố gắng tập trung tử tưởng, trì chú chịu đựng cái rét như xé nát thịt xương. Sau một thời gian tập chịu đựng giá lạnh ấy, họ sẽ tập trung tử tưởng để tạo năng lượng làm cho cơ thể nóng lên để chống lạnh. Lần lần chuyển qua giai đoạn tập trung tử tưởng làm phát sinh năng lượng mạnh mẽ để làm cho tuyết giá quanh mình tan ra. Nhiều người thực tập theo phương cách đào một lỗ trong tuyết và tự chôn mình vào trong đó để rồi tập trung tử tưởng khiến cho tuyết phủ quanh mình tan ra thành nước.

Năng lượng nhiệt phát ra từ tập trung tử tưởng là điều mà các nhà khoa học hiện nay đang quan tâm nghiên cứu. Một số nhà Thiên Văn vũ trụ từ lâu đã nghiên cứu hiện tượng bùng nổ vũ trụ hay hiện tượng Big Bang. Họ tìm thấy ở đó một tia sáng cho sự giải thích về sức mạnh vạn năng của năng lượng tập trung là như thế nào?

MỘT SỐ TỬ LIỆU LIÊN QUAN ĐẾN CON MẮT THỨ BA HAY HUỆ NHÂN

Sự kiện liên quan đến Huệ Nhân hay Con Mắt Thứ Ba đã có một số tử liệu Đông Tây nói đến. Tại Việt Nam vấn đề con mắt thứ 3 cũng được nhắc đến từ lâu trong các Kinh điển Phật Giáo, trong các báo phát hành khoảng năm 1950 tới 1960 như báo Đại Chúng và các báo liên quan đến khoa học huyền bí. Các sách vở trong nước cũng như

hải ngoại thịnh hành cũng bàn về sự kiện này. Đặc biệt trong các tác phẩm viết về đất nước huyền bí Tây Tạng của tác giả Nguyễn Phong đã có nhiều tử liệu quý giá liên quan đến Con Mắt Thứ Ba. Thí dụ như phần nói về nghệ thuật chuyển di tử tưởng là một trong các bộ môn huyền thuật ở Tây Tạng. Theo khoa này thì người thực tập cần phải tự mình huấn luyện làm sao để có được khả năng tập trung cao để có thể phát ra những luồng tử tưởng. Phải giữ gìn cho đầu óc mình minh mẫn và mẫn cảm để dễ dàng tiếp thu luồng tử tưởng của người khác.

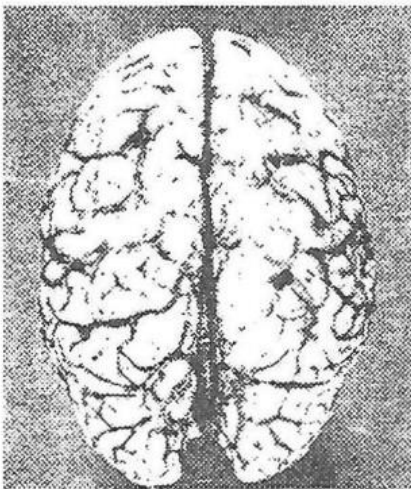
TỬ TƯỞNG CON NGƯỜI LÀ NHỮNG LÀN SÓNG THUỘC VỀ TÂM THỨC



Một số tử liệu, sách vở hiện nay tìm hiểu về lãnh vực này theo hướng khoa học thì tử tưởng con người là những làn sóng thuộc về tâm thức. Một khi tử tưởng được tập trung thì cường độ của làn sóng này sẽ được gia tăng mạnh mẽ. Làn sóng nhờ đó mà lan rộng hơn và rung động theo làn sóng nào đó. Khi hai người trao đổi, truyền đi luồng tử tưởng cho nhau thì đồng thời họ sẽ tri tụng thần chú để tạo những âm thanh rung động nhờ đó mà phát sinh được những chu kỳ rung động của tử tưởng và các tần số sẽ dễ dàng bắt được khiến họ nhận rõ tử tưởng của nhau.

Chỉ những ai chịu vứt bỏ lòng tham luyến ái mê mờ, quyết tâm giữ lòng trong sạch và tu trì thì mới có được Huệ Nhân. Chính phần lớn các vị Đại sư tại Tây Tạng, những người ẩn tu nơi vùng núi cao tuyết giá hay trong

các Đạo viện thâm nghiêm là có thể có được năng lực thượng thừa ấy mà thôi. Tuy nhiên theo các vị Đại sư thì không phải tất cả các vị chân tu Tây Tạng đều có Thần Nhân hay Huệ Nhân như ta tưởng, vì muốn có được Thần Nhân thì người đó không những phải hội đủ các điểm cần yếu như đã nói trên mà còn phải có Thần Lực đặc biệt kết hợp với các pháp môn tu luyện cao siêu mới được. Pháp tu luyện cao siêu đó có mục đích là để khai mở Huệ Nhân. Một khi đã có Huệ Nhân rồi thì dù ngồi tĩnh tọa trong đạo viện, nơi núi cao hay trong rừng sâu vẫn có thể thấy được những gì xảy ra ở khoảng cách rất xa, hay chuyển đi từ tưởng đến một nơi nào đó cho ai.



**NĂNG LƯỢNG TINH THẦN
BỘ NÃO NGƯỜI: BÌNH AC-QUY
THU PHÁT ĐIỆN NĂNG**

Những nhà khoa học tiên phong xâm nhập thế giới huyền bí để nghiên cứu tìm hiểu đã xem năng lượng tinh thần là phần quan trọng trong vấn đề nghiên cứu hiện tượng siêu hình. Theo họ não bộ người là một cái bình Ac-Quy, nhưng là cái bình Ac-Quy siêu đẳng và huyền bí rất nhiều. Bộ não người phát sóng và thu sóng, phát điện và thu điện trong tự nhiên vũ trụ. Tuy nhiên sự vận hành, thu phát, chuyển biến còn tùy ở cơ thể người mang bộ não. Dưới mắt nhà khoa học họ không chỉ tập chú vào các vị Lạt Ma, các nhà tu hành nơi các hang động thâm sâu hay trong các đạo viện khuất sau rừng tuyết sơn để nghiên cứu một cách riêng rẽ, trái lại họ nghiên cứu toàn thể bộ não người không phân biệt ai, miễn là có khả

năng kỳ diệu lạ lùng mà người bình thường không có được. Trên thế giới từ cổ đại đến nay đã có những con người không trải qua quá trình tu luyện nào cả nhưng vẫn có được một năng lượng tinh thần rất lớn, họ có thể nhìn xuyên qua vách tường, xuyên qua sắt thép, xuyên qua khoảng cách rất xa. Có người còn dùng năng lượng tinh thần để làm cháy đồ vật hay làm cho các hạt này mầm, có người sử dụng năng lượng tinh thần để chữa bệnh hay chuyển đi từ tưởng, tiếp nhận ý nghĩ của người khác v.v...



Năng lượng từ hai bàn tay của bà Julien Chorowicz làm cho cái kéo ló lũng và chuyển đi trong không khí.

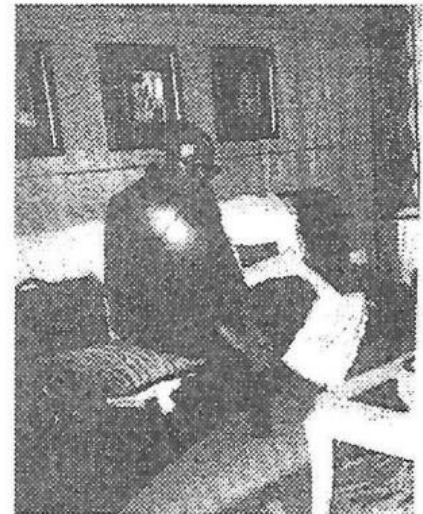
**NĂNG LƯỢNG Ở TRUNG TÂM
ANAHATA**

Theo kinh điển Tây Tạng thì trong cơ thể con người ẩn tàng một năng lượng mạnh mẽ nhưng chỉ gặp ở các vị Đạo sư vì những vị này có khả năng sử dụng được năng lượng kỳ bí ấy. Cũng theo tư liệu bản về các trung tâm lực tàng trữ trong các Đạo viện cổ xưa của Tây Tạng thì 7 trung tâm lực phát sinh năng lượng mạnh mẽ là:

1. Ajna nằm giữa hai chân mày.
2. Sahasrara - Brahmarandhra ở ngay trên đỉnh đầu.
3. Vishoudha ở yết hầu.
4. Anahata ở ngay tim.
5. Svadhithana ở lá lách.
6. Manipoura ở rốn.
7. Mulhadhara ở xương sống.

Theo lý thuyết thì đôi khi người thường có thể thấy được năng lượng phát sáng từ các trung tâm lực đó phát ra từ các vị Đạo sư. Tuy nhiên chỉ thấy gián tiếp qua hình ảnh chụp. Một

trường hợp điển hình đã chứng minh là một nhà sư Miến Điện thuộc phái Theravada trong một cuộc hành hương qua Mỹ đã đến thăm một gia đình người Miến. Trong khi vị Sư đang tập trung tư tưởng thì người con rể trong gia đình này chụp ảnh Sư đang tĩnh tọa. Lạ lùng thay khi ảnh được sang ra thì mọi người đều thấy trong bức ảnh có một nguồn sáng tỏa ra từ ngực của Sư. Nếu để ý sẽ thấy có làn nếp áo, như vậy chúng tỏ rằng nguồn sáng đó phát ra từ bên trong cơ thể Sư, hay nói cách khác là từ trung tâm lực Anahata.



Phần tia sáng nơi ngực vị Sư đang tĩnh tọa phải chăng đang phát ra từ trung tâm lực Anahata?

Ngày nay loài người đã sống văn minh hơn nhưng vẫn còn một số vùng hoang vắng được xem như tận cùng quả đất, nơi đó có vài bộ lạc vẫn còn sống cuộc đời man dã giống như thời đại đồ đá của loài người trước đây. Điều kỳ lạ là nhiều nhà thám hiểm đã len lỏi vào tận các vùng xa xôi hẻo lánh để tiếp xúc với loài người được xem là sơ khai, họ bắt gặp được nhiều điều kỳ diệu mà các phù thủy ở đó đã thực hiện. Một thí dụ điển hình là nhóm nhà báo của Paris Match nổi tiếng của Pháp đã lặn lội tiến vào một nơi được xem là sống biệt lập với thế giới loài người tại một hoang đảo xa xôi tận Thái Bình Dương. Trên đường đi có một kỳ giả bị té ngã khi leo qua một con suối và bị gãy chân phải khiêng cáng. Khi đoàn kỳ giả này tới thì thấy một người đàn ông ngồi yên lặng, trên người chỉ một miếng da thú

quấn ngang hạ bộ mà thôi. Người đàn ông ra dấu đặt người ký giả bị gãy xương nằm xuống trên một miếng da gấu, hai bên đặt hai bó thuốc bằng gỗ thông. Xong ông đưa tay lên trời huơ huơ mấy cái, vừa huơ tay vừa đọc một tràng thổ ngữ kỳ lạ rồi bất ngờ chỉ vào người bị gãy xương và ra hiệu ngồi dậy. Lạ lùng thay, người ký giả này tự nhiên không còn đau đớn nữa và đứng dậy một cách tự nhiên. Người đàn ông sau khi ra tay cứu giúp người ký giả bị nạn liền quay qua bên cạnh chỉ vào một cái thùng sắt sét rỉ ra dấu như ngấm bảo: "Các ông hãy đem vật này ra khỏi nơi đây!". Rồi lặng lẽ đi vào một cái hang sâu đầy rêu và rễ cây che phủ. Cùng lúc đó dân trong bộ lạc đứng nhìn từ xa trên các gộp đá cũng thoãn thoắt chạy vào các hang động. Đoàn ký giả quan sát kỹ cái thùng sắt thì thấy ngoài thùng có chữ mờ nhạt về dấu hiệu quân đội Đức. Có lẽ vật này từ một máy bay Đức bị lạc hướng và rơi xuống trong thời Thế chiến II và dân trong bộ lạc không muốn giữ lại những gì từ thế giới đầy vật chất bên ngoài. Sự lẩn tránh của họ đã nói lên điều đó. Đoàn ký giả đã không tìm ra được người nào khác trong bộ lạc, tất cả như ẩn tránh không muốn tiếp xúc với thế giới bên ngoài. Các hang động đều đóng kín bởi các khối đá lớn. Các ký giả Pháp suy đoán rằng người đàn ông ngồi chờ họ là trưởng bộ lạc hoặc nhà phù thủy. Điều kỳ lạ là không hiểu nhờ đâu mà ông ta biết được đoàn ký



giả này sẽ đến và trong đoàn có người bị tai nạn gãy chân để chuẩn bị trước mọi thủ cần thiết. Ngoài ra phương cách trị gãy xương như vậy rõ ràng vượt ra khỏi tính cách khoa học của ngành y khoa hiện đại những kết quả lại hoàn toàn thành công. Phải chăng

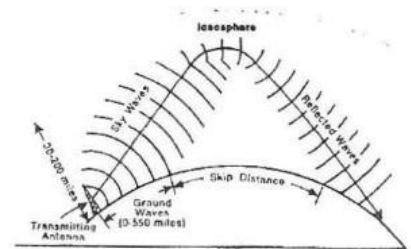
cử dân ở đây chữa trị chỉ bằng hiện tượng siêu linh huyền bí? William Halse Rivers (1864-1992), nhà nghiên cứu nổi tiếng về văn minh của các bộ tộc hoang gia, đặc biệt là các vùng hoang đảo thuộc Châu Đại Dương đã cho rằng nhiều nơi cử dân tuy thưa thớt, man dã nhưng đời sống tâm linh lại rất cao. Theo Giáo sư Tiến sĩ Nguyễn Hoàng Phương (1989) thì có những thổ dân chữa bệnh không cần thuốc như tại Phi Luật Tân nhiều nhà phẫu thuật đã dùng loại năng lực thuộc lãnh vực tâm linh để giải quyết thành công các ca phẫu thuật, có người cho rằng họ là con cháu của những người thuộc bộ lạc Kahuna đã mai một. Có lẽ thiên nhiên quá gần gũi với họ và họ đã hòa tâm hồn vào vũ trụ cùng với biển cả bao la, lại không bị vật chất ràng buộc nên trí óc họ trong sáng và dễ thu nhận những sự kiện huyền diệu thuộc lãnh vực tâm linh chan hòa trong vũ trụ tự nhiên. Theo Rivers thì nhiều bộ tộc có lắm người truyền cho nhau tư tưởng qua không gian như hiện tượng telepathic vậy (thần giao cách cảm). Phải chăng điều nhận xét của nhà nghiên cứu lỗi lạc Rivers đã chứng minh rõ ràng qua chuyến thám hiểm của đoàn ký giả Pháp vừa kể trên.

Người Âu Mỹ gọi hiện tượng kỳ diệu này nằm trong lãnh vực Telepathic hay Thần Giao Cách Cảm và hiện tượng được gọi là Clairvoyance (nhìn xuyên suốt qua mọi vật) hay hiện tượng Ý thức lan rộng, bành trướng trong không gian, điều mà các nhà quân sự hiện nay đang lưu tâm nghiên cứu và ước vọng trong tương lai sẽ nhờ đó mà thăm dò tìm hiểu rõ ràng các căn cứ bí mật quân sự của đối phương hay biết được các âm mưu, kế hoạch của địch... Hiện nay, các trường Đại Học ở Hoa Kỳ, cùng với các bệnh viện, các phòng thí nghiệm quân sự và các viện nghiên cứu đang tập chú nghiên cứu các hiện tượng này. Một số lớn các nhà nghiên cứu Âu Tây đã chú tâm nghiên cứu về nguyên gốc phát sinh những khả năng đặc biệt đó, nguồn gốc phát sinh theo nhận thức của họ là Con Mắt Thủ Ba hay Huệ Nhân. Trong các tư liệu viết về Chakras là các trung tâm tích tụ năng lực con

người thì có trung tâm Ajna được xem là một trong các trung tâm quan trọng nơi phần đầu của cơ thể con người. Trung tâm Ajna nằm giữa hai chân mày.



Như vậy nguyên tắc và sự vận hành cũng giống như sự phát sóng của đài phát thanh và sự bắt được làn sóng của những cái Radio. Cũng từ sự kiện này mà có thể suy đoán thêm rằng: Cuộc sống ở chốn thị thành huyền ảo cũng là một trong các nguyên

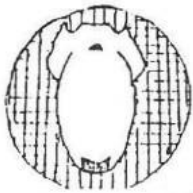


nhân làm cho con người dễ mắc bệnh tâm thần bởi lý do chính là tại nơi đây đã tập trung vô số nguồn tư tưởng hỗn tạp, tạo nên những âm ba rối rắm lộn xộn ảnh hưởng mạnh mẽ đến tư tưởng, trí óc mỗi người khiến họ không còn khả năng điều khiển nổi tư tưởng của mình nữa, tâm trí bị phá hoại, hao tán nên tinh thần không được minh mẫn dễ rơi vào những tình huống xấu xa, tội lỗi, kéo theo sự suy nhược thần kinh và cơ thể sẽ bị nhiều thủ bệnh hoành hành mà phổ biến nhất là loại bệnh tâm thần và cả bệnh ung thư nữa. ...

Cũng theo tư liệu này thì khi tập trung tư tưởng con người dễ dàng tiếp nhận được các làn sóng rung động khác. Đây là một quyền năng còn thâm sâu vi diệu hơn nữa trong lãnh vực chuyển di tư tưởng hay tiếp nhận tư tưởng của kẻ khác. Có nghĩa là sẽ nhận được nhiều tư tưởng trên khắp các tầng số, băng tầng... ●

Thân thể con người

QUAN SÁT VỀ LƯỠI (Thiệt Căn)



Lưỡi (Thiệt Căn) là cơ quan cho chúng ta sự hiểu biết về các vị của những vật để vào miệng. Nó thuộc

về "Nội Lục Nhập" (tức là 6 cơ quan đưa vào thân những ngoại trần), thâm nạp vào các vị mặn, ngọt, chua, chát, cay, đắng, của Ngoại Trần để thông tri cho não bộ.

(Trần có nghĩa là Bụi, Ngoại là ở bên ngoài, chỉ những thức làm cho dơ bẩn thân và tâm ở bên trong con người).

Theo Vật Lý Học thì Lưỡi là một miếng thịt có hình Thang (Trapèze), chiều rộng được gắn chặt vào cuống họng do một miếng màng niêm dịch gọi là hàm thiệt, giống như một tờ thịt thẳng. Nó trải dài trong miệng từ phía trong "đốc giọng" ra đến ngoài, được "nú" chặt vào miệng bởi những thớ thịt, chỉ để ở đầu lưỡi một khoảng nhỏ để lưỡi lay động được dễ dàng. Nó nhờ một cơ quan gọi là "Cái Phễu" (Le Choane) gắn vào Cổ Họng (Gorge) và lay động giữa Hàm Ếch (Le Palais) nằm bên trên, và "dạ miệng" nằm bên dưới nó.

Lưỡi là một bộ phận có nhiều khả năng nhất nếu đem so sánh với các cơ quan khác trong tạng phủ. Nó giữ phần quan trọng của các khả năng Nói và Ăn.

Lưỡi phát sanh ra vị giác do các xúc giác cho chúng ta sự thích thú trong việc nuôi thân.

Trên mặt, Lưỡi có một lớp niêm mạc (Muqueuse) phủ toàn diện. Chính nhờ lớp niêm mạc này mà vị giác tập trung được nửa triệu tế bào mầm vị giác (Bourgeons du Gout), và có những đường gân (Nerfs) ăn thông với các

gân mũi và gân tai để chạy vào não bộ.

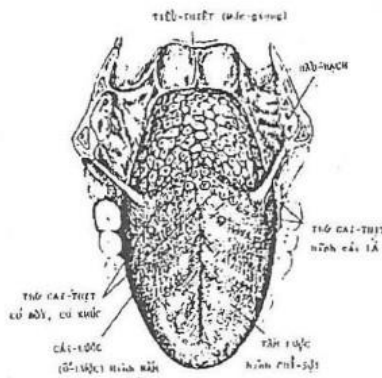
Lưỡi có những cơ quan báo động, phản ứng ngay lúc có những vật quá lạnh hay quá nóng được để vào miệng, nó làm cho mình thấy đau đớn, để đề phòng không cho miệng bị thương. Lưỡi cũng tự động "nhận" ra ngoài những vật thực đã hư thối.

Do có sự cấu tạo rất máy móc mà Lưỡi đã tiếp thu các vật thực, đưa vào miệng, trộn trộn giữa hai hàm răng, để cho răng nhai nhỏ vật thực, rồi vo tròn lại làm thành một viên nhỏ để nuốt. Muốn nuốt, lưỡi phải ép viên đồ ăn vào hàm ếch phía trên (eshage).

Sau Lưỡi là Cổ Họng, có Yết Hầu (Pharynx) thông thường với Thanh Quản (Larynx).

Yết Hầu là một ống gân trên mặt có vùng niêm mạc, dài khoảng 13 phân, nối liền với thực quản. Một mình nó mà giữ được hai hệ thống khác nhau là hít thở và tiêu hóa, làm lưu chuyển vừa không khí vừa vật thực, một cách đồng đều và êm ái. Nó che đậy khí quản khi nuốt vật thực, và che đậy thực quản khi hít thở.

CÁC BỘ PHẬN LƯỠI



Có 4 loại "Gai" Lưỡi:

Loại có tên là "Gai" Chỉ, có hình như chỉ sợi. Có loại tên là "Gai" Nấm, có hình như các thủ Nấm, mọc ở đầu lưỡi.

Có loại tên là "Gai" như lá cây, mọc ở trong cùng lưỡi.

Có loại tên là "Gai" Vòng có hình như vòng nhẫn, mọc thành hình chữ V, ở trong tráp, và lớp cuối cùng bảo vệ cho bao tử.

NHỮNG BỘ PHẬN TIẾP NỐI VỚI LƯỠI

Thực quản (cuống họng). Đó là bộ phận dùng để nuốt vật thực do lưỡi đưa vào bao tử. Bao tử là cái kho chứa vật thực do lưỡi đưa vào.



Trên đây là hình cắt ống Thực Quản cho thấy đó là một ống gân thịt có nhiều lớp gân "thu-súc-tính" (bóp vào và mở ra).

*

Hai cửa miệng ở mỗi "mút cuối" của bao tử đều có các "Cổ Vòng" (Sphinters) giữ kín như sợi dây gút của túi tiền.

Cổ Vòng liên lạc với thực quản ở phía trên, ở phía dưới thì nối liền với "Đoạn đầu ruột non" gọi là Duodénum.

Các lợn vật thực đi vào bao tử được ấn qua mặt trong của bao tử, rồi bị ép xuống đầu cuống ruột non. Bộ phận tiêu hóa có nhiều lớp: Sâu hơn hết là một lớp niêm mạc, lớp kế là các huyết quản nuôi dưỡng toàn cơ cấu, kế đến là những thớ thịt co giãn để trộn vật thực với vị trấp, và lớp cuối cùng dùng để bảo vệ bao tử.

DO ĐÂU MÀ BIẾT CÁC CHẤT VỊ CỦA VẬT THỰC ?

Vị giác chỉ biết được những hóa chất của thực phẩm là sau khi các thực phẩm đã được ngâm trong nước miếng. Vì vậy, nếu để lưỡi bị khô, thì chúng ta không thể nếm biết được một chất vị nào cả.

Những "tấm gia lức" của vị giác (Papilles Gustatives) là những cơ cấu phát hiện được mùi vị, nằm trên lưỡi, và cũng có nằm gần đốc giọng nữa.

Mỗi tấm gai đó có những tế bào cảm xúc và thu vị, nằm dưới lớp lông mi nhỏ mịn gọi là Mycrovillasités, chúng

nó liên lạc với não bộ bằng một hệ thống đường gân vị giác, đập thẳng vào vỏ nguyên thể vị giác. Ngoài ra, cũng có những đường gân khác báo cho não bộ biết những sự nóng lạnh, những cái gây ra đau nhức do lưỡi phát hiện, và những mùi của các vật thực.

Não bộ sau khi phối trí những phúc báo này rồi, thì điều hòa chúng lại với nhau để làm thành vị giác duy nhất và đặc biệt.

Trong các chất vị có 4 thủ vị chánh sơ đẳng, đó là: vị mặn, vị chua, vị ngọt và vị đắng. Mỗi "tám gai" vị giác chỉ biết được một vị chánh mà thôi.

Những chất thuộc về vị giác sơ đẳng đều do thành phần hóa chất nằm trong các thức ăn sanh ra, và các "tám gai" lưỡi nằm ở những vị trí khác nhau của lưỡi biết được các vị khác nhau, như: "Tám gai" nằm trước đầu lưỡi thì biết được chất mặn, chất ngọt, những tám gai nằm ở hai bên lưỡi thì biết được chất chua, và nằm ở cuối lưỡi, gần cổ họng, thì biết được chất đắng.

Bộ phận nằm giữa lưỡi thì không biết được những chất vị là bao nhiêu cả.

Chất chua được biết mau hơn hết, làm thành sự bảo vệ cho sanh mạng. Cho nên các chất độc (đều có chất chua) một khi vào miệng thì bị phung nhổ liền, trước khi bị ngộ độc.

Vị giác có tánh cách "cá nhân", mỗi người có cái thích riêng về các vị thực phẩm. Có người thích uống rượu mà cũng có người không ưa rượu. Có người thích ăn cay và cũng có người không ưa vị cay. Có lẽ một phần cũng do nơi huyết thống và sự di truyền.

Lưỡi là cơ quan dùng để nếm "vị" nhưng nó cũng đảm trách về việc "phát âm" nữa.

Cả một hệ thống "đường gân" nằm trong "miếng thịt lưỡi", do sự điều khiển của não bộ làm cho lưỡi khi đưa lên, khi hạ xuống, khi cong vào, khi duỗi ra, tùy lúc mà phối hợp cùng hơi thở ra vô cổ họng, làm rung chuyển bộ phận "hầu âm", làm thành tiếng nói, lấy miệng làm loa để phát thanh.

Nếu đem cắt lưỡi đi, thì sự phát âm không được toàn vẹn. Người câm tuy còn lưỡi của họ chỉ dùng trong việc ăn và nếm, chỗ không thể dùng trong

việc phát âm, vì thiếu cơ năng điều hành làm ra tiếng nói.

Cũng nên biết thêm điều này:

Những "chất vị" của các món ăn thức uống chỉ phát hiện đúng mùi vị của chúng khi các thủ ấy mới được để vào miệng. Vị giác mới nhập cuộc được, đứng vào lúc đó mà thôi. Sau đó thì các phần tử giác quan khác, một loại nằm trong "phễu" ở cuống họng, một loại nằm trên "hàm ếch" đã làm cho biến thể những chất vị của các thức ăn uống rồi. Khi đó, cả 3 cơ quan Xúc giác, Vị giác và Khứu giác đồng nhập cuộc để biến mùi vị của các thức ăn uống ra một thủ vị mới, không còn giác vị đầu tiên nữa.

Và sau khi thực phẩm đã đưa vào cổ họng, rồi đi vào thực quản, thì đều không còn chất vị nữa, có thể nói là ngon hay dở đều giống nhau.

Khi cho là vị giác không có hình ảnh tinh thần là dùng về phía vật chất để nói. Thật ra, nếu lưỡi làm căn cho sự hiểu biết về chất vị, thì nó cũng làm gốc cho các sự ham ăn, háu uống, làm thành các vọng tưởng tham cầu.

Khi ý thức được các món ăn ngon và dở, thì lòng tham cầu "cung dưỡng" phát ra, rồi cho là sống để ăn, chớ không biết ăn để được sống.

Vì tham cầu "cung dưỡng" mà con người trở nên "hạ tiện", tạo ra nghiệp Súc Sanh, để một khi đã bỏ xác thân Người rồi, thì đầu thai vào hàng thú vật, sống trong sự u tối, mê mờ.

Kinh Di Giáo dạy rằng: "Đừng ham ăn uống, phải biết vừa đủ". Sự ham ăn uống không có chỗ cùng, càng ham thì càng có sự khổ. Phải biết kềm chế Thiệt Căn, đừng để nó trở thành giặc, phá hoại sự tu hành.

Lưỡi góp phần gây ra *khẩu nghiệp*. Nó cũng tạo ra bệnh tật và tai ương.

*Bệnh căn do lưỡi đưa vào,
Họa tai do lưỡi bày lời ra vô.*

Phải biết giữ gìn cái lưỡi. Chính nó đã tạo ra ác khẩu, vọng ngữ, và lưỡng thiệt, những cái đưa chúng ta vào địa ngục.

*Lưỡi miệng là cửa rước trâu,
Bao nhiêu tội phước đầu đầu cũng về.
Lưỡi le, môi miệng nhún trề,
Bao nhiêu khôn dại không nề rước trâu!*

Vì vậy mà miệng lưỡi là gốc rễ của tội lỗi. Không biết câu thúc cái lưỡi, thì nó

sẽ thành ra con dao hai lưỡi, độc hại vô cùng.

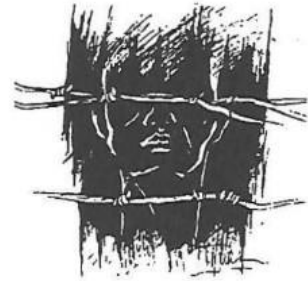
Muốn hàng phục được lưỡi, việc tốt hơn hết là chúng ta luôn luôn niệm Phật để lưỡi thành được thiện căn.

Kỳ tới:

Tim hiểu

"Ý" Thức nằm trong Não Bộ

Mảnh đời và lời tâm sự nhỏ ...



*Sau 75, tù đày nghiệt-ngã
Một mắt mù, tàn phế nửa thân
Đời trắng tay, may còn chút sĩ
Chút sắc màu, sống vô i thể nhân !*

*Gởi lại đời, nét tình, thu-họa
Nghìn đêm trần trở, nợ bút nghiên
Năm châu mòn mỏi, chân lê bước
Quyết gióng lên Tiếng Nói Nhân
Quyền !*

*Nợ nước, thù nhà, chưa trả được
Nhìn lại mái tóc đã phù-sa
Xin hiến dâng tài hèn, sức mọn
Quyết đấu tranh cho nước non nhà
!*

*Ngày tàn Cộng Sản, không xa nữa
Quyết một lòng, quang-phục
giang-san !
Việt Nam! dài non sông gấm vóc
Ngày mai vang dội khúc khai-hoàn
! ...*

● VŨ HỐI - 99

Hoa Thịnh Đốn, Tháng năm lạc xứ



KỀ CẬN TỪ QUANG

Nguyên tác:
Closer to the Light
Tác giả:
Dr. Melvin Morse và Paul Perry

Người dịch:
Hoàng-Phi Lưu Hoàng-Nguyễn

CHƯƠNG IV Tâm linh trong y học

(Tiếp theo)

V.- KHOA HỌC: MỘT TÔN GIÁO MỚI

Hầu hết các xã hội cổ xưa (không chỉ là cổ Ai Cập và Tây Tạng) đều tin rằng chết chưa phải là hết.

Thực vậy, chỉ trong thế kỷ nay và chủ yếu ở các nước Tây phương, cho rằng tin có kiếp sau là "phần khoa học". Khoa học giờ là tôn giáo của chúng ta. Sửa đổi các đặc tính di truyền, thay tim, v.v... là niềm tin của chúng ta về các cuộc sống vĩnh cửu, và thiên hạ cho rằng chuyện có đời sống sau khi chết hay không có chẳng phải là đề tài đáng bỏ công nghiên cứu. Khi khoa học chú mục về kiếp sau thì thường là nhằm hạ bệ nó.

Sao chúng ta vội quên kiến thức của tiền nhân? Chuyện gì xảy ra khiến các chân lý phổ quát này mà người xưa chấp nhận một cách đường nhiên thì giờ đây hầu như bị quên lãng hoặc chế giễu? Sao có nhiều bác sĩ thôi quan sát và lắng nghe?

Chỉ mỗi cách đây vài chục năm, y giới rất kính ngạc khi biết những người đang hấp hối thực ra phải trải qua nhiều trạng thái tâm lý trước khi nhắm mắt. Trong tác phẩm "tiền phong" gây nhiều tranh luận "Về Tử Vong và Hấp Hối" (On Death and Dying), bác sĩ Elisabeth Kubler-Ross cho rằng có năm giai đoạn hấp hối: chối bỏ, giận dữ, thương lượng, trầm cảm và chấp nhận. Thế nhưng mấy chuyện này hầu hết các y tá đều đã rõ nhờ tiếp xúc với bệnh nhân, nói chuyện trực tiếp với bệnh nhân chứ không bàn về họ.

Y giới cho rằng kinh nghiệm cận tử là chuyện lạ lùng, không phải thường lệ. Họ cố thuyết phục bệnh nhân rằng đây là những cơn ác mộng, đâu phải là những kinh nghiệm thâm thúy của nhân loại.

Là một bác sĩ và có cơ may nghe được hàng trăm kinh nghiệm cận tử của trẻ em, tôi rất muốn biết tại sao ta chẳng còn tin ở đời sống sau đời này. Tại sao nhiều đồng nghiệp của tôi phản ứng một cách tiêu cực với đề tài này? Tại sao y giới cho rằng Kinh nghiệm cận tử chỉ chỉ là ảo giác?

Cái gì đã thay đổi trong xã hội Tây phương đưa đến việc chối bỏ sự tử vong? Khi mà con cháu chúng ta đến tuổi trưởng thành, chúng ta đã xem hàng ngàn cái chết hung bạo trên truyền hình, thế nhưng chúng chẳng có một ý niệm gì về tiến trình của sự hấp hối.

Sao chúng ta lại lâm vào tình trạng đó?

VI. CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC

Vài nhà thần học cảm thấy có sự thay đổi về tín ngưỡng ở Tây phương khởi đầu từ thế kỷ 17 và 18 với các triết gia khoa học như Issac Newton, John Locke, John Ray. Bà nhà thần học tài tử theo Anh-giáo này đã xây dựng nền tảng khoa học hiện đại bằng cách cố gắng khám phá những công trình của Thượng Đế trong việc thiết kế vũ trụ. Cho nên việc trái táo rơi xuống đầu Newton đưa đến thuyết trọng lực, phương cách Thượng Đế giữ một vật trên trái đất.

Công trình của các vị này dẫn đến cuộc cách mạng khoa học, thật tiên chỉ là muốn tìm thấy đặc tính siêu việt của Chúa ẩn tàng trong vạn vật. Bằng cách nêu ra các định luật thiên nhiên chi phối vũ trụ, ba nhà bác học này tin rằng ta có thể hiểu Chúa rõ hơn.

Họ là những nhà khoa học rất sùng đạo. Chẳng hạn Newton hành điện với quyển luận thuyết của ông về Sách Đa-niel hơn việc là cha đẻ môn vật lý học. Tuy nhiên sự nghiên cứu vạn vật để khám phá các định luật của Chúa lại là chuyện tế nhị. Giáo Hội chưa thực sự hồi phục qua việc toan loại bỏ thuyết của Ga-li-lê bảo rằng quả đất xoay quanh mặt trời, tỏ ra không thể ngăn chặn

sự phát triển của các tư tưởng khoa học. Thay vì đón nhận chúng như những phụ lục khả chấp cho tôn giáo, Giáo Hội lại chống báng chúng. Kể từ đó tôn giáo tự đặt mình vào thế đối nghịch với khoa học.

Việc khảo sát thiên nhiên được đùn cho các nhà khoa học. Các vị lãnh đạo tôn giáo tập chú vào linh hồn bất tử và siêu hình học, đồng thời cũng cho rằng vài khám phá khoa học là "tác phẩm của ma quỷ". Thuyết tiến hóa của Darwin và chứng cứ hiển nhiên của các vật hóa thạch hỗ trợ cho thuyết tiến hóa đối nghịch với thuyết khởi nguyên vũ trụ của thần học. Các tiến bộ về sản khoa, kể cả việc dùng thuốc gây tê, đã bị giới tăng lữ công kích kịch liệt, cho rằng "Con người phải ra đời trong đớn đau".

Sự phân ly giữa Giáo Hội và khoa học ngày càng sâu rộng. Tôn giáo chủ yếu phó thác lĩnh vực thiên nhiên cho khoa học, chú tâm vào thế giới siêu hình, chỉ có thể vào được bằng cách theo lời Chúa dạy. Và họ đọc Thánh Kinh.

Khoa học thành công trong việc giải thích thế giới khiến vai trò của Giáo Hội trở nên suy kém. Vào cuối thế kỷ 19, nhiều người chẳng còn tin ở thiên đường, địa ngục. Số người đi xem lễ tụt giảm thấy rõ khi cuộc cách mạng công nghiệp nhanh chóng tôn vinh khoa học làm vị Thượng Đế mới.

Đây cũng là giai đoạn khai sinh chủ thuyết y khoa duy vật. Khoa học hầu như tê mê với những khám phá ngoại mục. Các bác sĩ thấy rằng vi trùng gây ra nhiều bệnh, để rồi đi đến việc bào chế thuốc kháng sinh. Tác dụng của dinh dưỡng đối với bệnh tật cũng được khám phá, Y sĩ học cách kiểm soát sự lây nhiễm.

Ngày xưa các thầy thuốc luôn kết hợp tôn giáo với việc chữa trị, nay thì họ thôi. Nếu bị buộc phải chọn giữa giáo lý và khoa học, họ chọn khoa học. Họ có thể làm chi khác? Hầu hết các tôn giáo chối bỏ tính cách quan trọng của thân xác và ưa chuộng tâm hồn lạnh mạnh. Cho nên tôn giáo và khoa học khó sống chung hòa bình.

Quan điểm thiên lệch này vẫn tiếp tục cho đến ngày nay. Các bác sĩ có thể cắt bỏ ruột thừa, thay khớp xương hông, thay tim, v.v... Và nhờ khoa học tiến bộ, ta có thể vận dụng thiên nhiên qua việc sửa đổi những đặc tính di truyền.

Khoa học càng tiến nhanh trên bước đường khám phá những bí mật thiên nhiên, ta càng rời xa thuyết duy linh và việc tin có kiếp sau. Rốt cuộc đây là đề tài mơ hồ đối với khoa học vì có cách nào thí nghiệm chứng minh kiếp sau mang đến những kết quả có thể thực hiện lại? Không. Có điều gì cho một nhà khoa học khác hơn là những giai thoại, kinh điển? Cho đến bây giờ thì không.

Các khoa học gia hiện đại hỏi: Vậy vấn đề chủ yếu là gì? Hãy gọi kinh nghiệm cận tử là "ảo giác", và hãy tiếp tục khảo cứu một cách "hợp pháp".

Với sự bùng nổ của kiến thức khoa học, ta thấy cuộc cách mạng thô bạo đối với những cảm nghĩ truyền thống. Cách đây non một

trăm năm, thiên hạ phần đông lia đời tại nhà với sự có mặt của những người thân trong gia đình thuộc nhiều thế hệ. Ngày nay người ta thường chết cô đơn ở bệnh viện. Và non phân nửa gia đình người Mỹ có đủ cha, mẹ, con, cái. Lại càng ít có gia đình gồm cả ông bà.

VII.- CÁI CHẾT VÔ HÌNH

Kỹ thuật y khoa phát triển và việc tôn giáo ít tham gia vào tiến trình chữa bệnh hoặc hấp hối khiến thái độ của chúng ta đối với sự tử vong thay đổi nhiều. Tiêu điểm là những người đang sống và những mất mát mà họ sẽ gánh chịu. Còn những người gần chết thì vượt ngoài sự hiểu biết.

Các nghi thức bên giường kẻ đang hấp hối hầu như đâu còn nữa. Những khái tượng trước khi chết đều bị quên lãng hoặc cho là ảo giác. Sự đối trá vì yêu thường bao phủ khiến y không thấy được điều chẳng thể tránh. Y học, với khả năng sử dụng máy móc thay thế các bộ phận trong cơ thể bị hư liệt, đã thay thế tôn giáo như là chìa khóa của sự bất tử. Xã hội đã thay đổi thái độ đối với cái chết. Ngày nay người ta đâu cần biết về cái chết.

Một đoạn của bài báo viết về California nói lên quan niệm của người Mỹ về đề tài này: "Cái chết không phải là một thành phần của những gì xảy ra ở đây theo bốn mùa khí hậu. Bạn rong xe trên xa lộ trong nắng ấm và mặc áo sơ-mi, để rồi một hôm trời đổ mưa, bạn hiểu rằng mình đang ở giữa tháng hai. Cho nên người dân nơi đây không "lãnh" cái chết, có nghĩa là người lớn chẳng có thái độ nghiêm trọng do sự tử vong gây ra. Dĩ nhiên không phải thiên hạ chẳng ai lần dưng ra chết. Nhưng cái chết của những người khác được xem là sai trái, vi phạm đạo lý ở Los Angeles. Thái độ bất thành văn là: "Ồ đây cái gì cũng tốt đẹp. Chết là đại!". Đây cũng là quan niệm của nhiều người về cái chết.

VIII.- KẾT HỢP KHOA HỌC VỚI TÂM LINH

Xét hết mọi mặt, ta hiểu ra tại sao tranh thủ được sự chấp nhận công cuộc khảo cứu kinh nghiệm cận tử lại khó khăn đến thế. Không những vì người khảo cứu đã ra ngoài phạm vi y học, mà còn bị các nhà thần học nghi kỵ bởi đã xâm phạm lĩnh vực của họ. Gộp các yếu tố này với những ám ảnh sợ của xã hội Tây phương về sự tử vong, ta rõ tại sao các nhà khảo cứu kinh nghiệm cận tử lâm cảnh ở giữa hai lần dạn.

Lúc này quá là uống thuốc liều, dám thân bại danh liệt khi khảo cứu về cận tử. Chỉ có một nhóm người gồng mình, chấp nhận rủi ro. Tại sao? Thiết nghĩ cũng đơn giản thôi: Kinh nghiệm cận tử là cách kết hợp khoa học với tâm linh học.

Hiện có sự chuyển hướng quan niệm cho rằng Tâm có thể ảnh hưởng đến Thân. Nó là một phần của bài học lớn mà trường thuốc đã dạy: "Hãy chữa trị toàn thể một

con bệnh. Chớ chỉ lo chữa trị bệnh tật mà thôi".

Xin đan cử vài thí dụ về ảnh hưởng của tâm đối với thân, những khảo cứu kỹ lưỡng thực tế mà trước đây mấy năm có thể bị coi là dị giáo.

a/ Con mắc bệnh vì mẹ bị rối loạn: Có một loạt khảo cứu yêu cầu các bà mẹ ghi chép nhật ký đời mình. Các nhật ký này sau đó được phân tích để tìm bằng chứng về những lúc thần kinh căng thẳng. Nó cho thấy mấy lúc căng thẳng gia tăng thì các bà mẹ này đưa con đi bác sĩ bởi chúng bị cảm hoặc nhức tai. Bệnh của đứa nhỏ là sự đáp ứng tình trạng căng thẳng nó cảm nhận nơi mẹ nó và là bằng chứng của động lực, ảnh hưởng giữa mẹ và con.

b/ Dự kiến sức khỏe: Cuộc khảo cứu nghiêm túc cho thấy việc tự thôi miên và tưởng tượng là những phương tiện hữu hiệu chống các bệnh tật. Chẳng hạn khi trẻ em bị ung thư bạch huyết được dạy nên tưởng tượng các tế bào ung thư đang bị những con cá dơi ăn đi, thì thời gian sống còn gia tăng. Các trẻ em được chữa trị bằng hóa-liệu-pháp cũng có thể tự thôi miên để ngăn chặn những cơn ói thốc ói tháo.

Sinh hồi tiếp (bio feedback) và việc sử dụng hình tượng (imagery) tỏ ra hữu hiệu hơn là thuốc men trong việc trị bệnh thiên đầu thống (migraine) nơi trẻ em.

c/ Tưởng tượng cũng đạt kết quả: Ngay cả chuyện giải phẫu thẩm mỹ cũng có thể đạt đến mức nào đó do tâm thức. Nhiều cuộc khảo cứu giá trị cho thấy việc tự thôi miên có thể làm cho ngực phụ nữ nở thêm 5 phân! Thế nhưng ít có bác sĩ nào dám giới thiệu quý bà, quý cô muốn có đôi gò bồng đảo đến một nhà thôi miên.

Cuộc khảo cứu này và nhiều vụ tương tự nữa cho thấy ảnh hưởng của tâm đối với các bệnh như bệnh tim, ung thư, mụn cóc, giời (zõna) thường có thể dùng thôi miên để trị dứt. Nó cho thấy cánh cửa y học mở rộng và cái tâm đang từ từ bò vào.

Y học bắt đầu công nhận có cái gì quan trọng cần học hỏi ở kinh nghiệm cận tử của trẻ em. Nếu chỉ có thế, họ miến cưỡng chấp nhận rằng những bệnh nhân hôn mê, dường như ở giai đoạn cuối của cuộc đời, thạ ra có lẽ đang ý thức sâu sắc về những gì xảy ra quanh họ. Khi nghiên cứu kinh nghiệm cận tử và kết hợp nó với y học, ta có thể tiến một bước khá dài trong việc tôn trọng sự tử vong và hấp hối, chuyện xảy ra như cơn bão đối với thầy thuốc.

Điều này có nghĩa là ta phải tin là có linh hồn? Phải tin có luân hồi? Không phải đâu là không phải đâu. Nó chỉ có nghĩa ta cần nhìn nhận khả năng chữa trị của kinh nghiệm cận tử. Tôi xin đan cử một thí dụ. Một chuyên viên gây mê cho trẻ em bảo tôi rằng kinh nghiệm cận tử mà ông chứng kiến đã thay đổi cái nhìn của ông đối với y học, khiến ông thông cảm nhiều hơn về những nhu cầu của bệnh nhân. Hồi làm trưởng

nhóm thực tập tại bệnh viện nhi đồng ở Little Rock, tiểu bang Arkansas, Hoa Kỳ, ông được mời đến cấp cứu một bé trai bảy tuổi đang phản ứng dữ dội với hóa-liệu-pháp trị bệnh ung thư bạch huyết. Ông châm điện cho tim cậu bé đập lại thì nó mở to đôi mắt dầy vẻ tức giận. Mấy tuần sau, khi ông đi một vòng thăm bệnh, cậu ta gọi giật ông lại: "Bác sĩ ơi, Chúa Giê-su giờ ở đâu?". Ông đầu biết phải trả lời sao, đành đáp: "Chúa ở khắp mọi nơi". Nó bảo: "Con không muốn nói chuyện đó. Bác sĩ đã làm gì khiến Chúa phải bỏ đi? Giê-su và con đang ở bên trên, xem bác sĩ nhét một cái ống vào họng con. Rồi bác sĩ dùng máy đo châm điện, làm Chúa đi mất. Sao ông làm vậy? Con giận ông hết sức". Bác sĩ nói: "Chỉ muốn giúp cháu đẩy thôi". Nó trả lời: "Vâng, con biết. Nhưng con rất vui khi ở bên Chúa. Con đâu muốn trở lại. Chúa lúc đó đang chăm sóc con". Ông chẳng để tâm gì nhờ kinh nghiệm này. Mãi đến mấy năm sau, khi đọc bài viết của tôi trên tạp chí y khoa, ông mới liên lạc với tôi. Ông kể kinh nghiệm chết hụt của đứa bé và nói phải chỉ ông sớm biết về kinh nghiệm cận tử: "Chắc hẳn tôi có thể an ủi cha mẹ khi họ biết rằng con cái họ cảm thấy an toàn bên Chúa".

Những kẻ không tin thì cố gắng chứng minh kinh nghiệm cận tử đâu phải là bằng chứng của kiếp sau, họ lơ đi sự thực là các kinh nghiệm cận tử này đã dạy chúng ta nhiều điều quan trọng về cách sống và chết. Cũng như vị bác sĩ này đã bảo tôi: "Michael cho rằng nó được an toàn bên Giê-su, điều đó đủ tốt lắm rồi. Những gì tôi tin tưởng không can dự vào".

IX.- ĐÃ ĐẾN LÚC PHẢI THAY ĐỔI

Thiết nghĩ đã đến lúc cần thay đổi cách ứng xử với những bệnh nhân đau nặng.

Chẳng hạn các đơn vị chăm sóc tăng cường nên được tổ chức sao cho người thăm viếng cảm thấy thoải mái, không bị cản trở bởi các máy móc, việc chăm sóc, dù đây là những thủ tục cần. Nên trò chuyện thường xuyên và tích cực với các bệnh nhân hấp hối hoặc hôn mê vì nay ta biết rằng họ lưu ý nhiều đến những sự vật, sự việc quanh họ hơn là ta nghĩ. Thực vậy, có thể họ đang bay lơ lửng bên trên khi chúng ta đang làm việc!

Hãy xem những nhu cầu tâm linh của bệnh nhân là một phần của công tác thường nhật, chẳng kém gì việc xem biểu đồ y khoa hoặc biết kết quả thử nước tiểu.

Y học không cần chấp nhận kinh nghiệm cận tử như là một bằng chứng của đời sống sau này. Quan trọng là họ chớ xem đây là những hoang tưởng khi hấp hối hoặc những cơn ác mộng. Chúng là những chuyện rất thực đối với bệnh nhân và nên được dùng trong việc chữa trị.

Các kinh nghiệm này có thể dùng để khơi dậy đức tin. Bác sĩ lừng danh Sir William Osler đã nói: "Trên đời này chẳng có gì kỳ diệu hơn là đức tin. Đức tin là một động lực

to lớn mà ta đâu thể cân đo hay thử nghiệm".

X.- Y HỌC VÀ TÂM LINH

Xin đan cử một thí dụ về y học và đức tin cùng hoạt động song hành. Câu chuyện được một bác sĩ chứng kiến từ đầu đến cuối ở một bệnh viện nhỏ thuộc tiểu bang Idaho, Hoa Kỳ, kể tôi nghe.

Có một phụ nữ sinh khó. Nhau bị tróc khỏi thành tử-cung và đầu đứa bé nằm nghiêng góc với âm-đạo khiến khó sinh. Đứa bé chào đời rồi thì lại bị xuất huyết não trầm trọng. Bé được nuôi nhiều tháng trong khu chăm sóc tăng cường tại bệnh viện thị trấn nhỏ bé này vì mẹ nó không khứng chuyển nó lên bệnh viện lớn của thành phố vì quá xa nhà. Các bác sĩ cũng chẳng khuyến khích bà chuyển viện vì cho rằng thường tật khá trầm trọng e hết cách chữa.

Biến chứng sau đó là bé bị bại não và động kinh nặng, điều này hiện rõ trên điện não đồ. Đây là những khổ đau mà trẻ em nào bị bệnh sẽ không thể bình phục. Nếu may mắn thoát chết, sẽ bị chậm trí trầm trọng suốt đời. Dù biết như thế, bà vẫn luôn ở bên con. Hầu như có mặt hai mươi bốn giờ mỗi ngày với nó trong mấy tháng liền. Không biết có phải vì thần kinh căng thẳng hay vì thiếu ngủ mà một chuyện lạ xảy ra.

Bà nói một đêm nọ Đấng Ánh Sáng xuất hiện trong phòng ở bệnh viện. Bà mô tả Ngài có vóc dáng một con người, song không thể xác định là nam hay nữ. Ngài tỏa ra một thứ ánh sáng lạnh và xám tựa hồ ánh sáng đã xuyên qua một khối băng. Ngài bảo: "Con của con sẽ mạnh". Bà cảm thấy như có một nguồn yêu thương đang rót vào thân thể bà. "Thật kỳ diệu". Sáng hôm sau bà thuật chuyện hồi hôm cho các bác sĩ, y tá nghe. Bà rất kích động vì Ngài đoán quyết rằng con bà sẽ khỏi. Bà yêu cầu họ trắc nghiệm điện não đồ xem sao. Kết quả thật lạ lùng: óc bình thường. Đứa bé đã hoàn toàn bình phục.

XI.- HÀN GẮN PHÂN LY

Tôi rất xúc động với câu chuyện này. Tôi cảm thấy chỉ nội việc hiểu biết kinh nghiệm cận tử cũng sẽ là bước đầu hàn gắn chia cách giữa khoa học và tôn giáo khởi đầu từ Issac Newton ba trăm năm trước. Việc huấn luyện bác sĩ, y tá và tất cả chúng ta về những gì thiên hạ kinh qua trong giờ phút sau cùng của cuộc đời sẽ phá tan bao nhiêu thành kiến của chúng ta về y học và đời sống.

Sự hiểu biết đó sẽ chẳng đưa chúng ta lùi về các tôn giáo, nghi thức cổ-lũ không kịp bước với khoa học hiện đại. Ta sẽ kết hợp tinh hoa của minh-triết tiền nhân với kiến thức khoa học để cứu giúp nội tâm và xã hội.

ĐÓM XEM KỶ TÔI:

CHƯƠNG V: GIẢ THUYẾT VỀ LINH HỒN



Lâm Như Tạng

(Tiếp theo)

D. VAI TRÒ CỦA MẠT-NA THỨC (KLISTA-MANO VIJNANA) TRONG SỰ TẠO NGHIỆP

(1)- Những tên gọi của Thức này

Thức này cũng từ Căn Bản Thức Thủ Tám mà ra, như thế sự hoạt động và biểu hiện của nó là một phần của sự biểu hiện của Thức Thủ Tám.

Thức Mạt-Na có nhiều tên như:

a/ Mạt-Na Thức: tên này được phiên âm theo tiếng Phạn như đã ghi trên.

b/ Ý-Căn: vì thức này là cơ quan của Thức Thủ Sáu, Thức Thủ Sáu nương vào nó mà phát khởi ra nhận thức.

c/ Thức thủ bảy: vì trong tám thức Tâm Vương thức này đứng hàng thứ bảy.

d/ Truyền Thống Thức: vì thức này có công năng đưa các pháp hiện hành luân tập vào Tạng Thức dưới dạng chủng tử và đưa chủng tử các pháp tử trong Tạng Thức cho phát khởi ra hiện hành.

e/ Ý: trong Duy Thức Học chia tám môn tâm vương làm 3 loại như sau: Tâm, Ý và Thức. Tâm chỉ cho Thức Thủ Tám vì Thức này có những công năng như chứa nhóm các chủng tử và phát khởi ra hiện hành, duyên cảnh tức là nhận xét về đối tượng và khởi ra phán đoán về những đối tượng đó, duy trì căn thân và thế giới... Do đó Thức Thủ Tám còn gọi là Tâm.

Vì Thức Mạt-Na có tính chất sanh diệt tương tục nên nó có biệt danh là Ý.

Sáu Thức còn lại là: Nhân Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức và Thức Thủ Sáu có đặc tính là phân biệt thù thắng nên có cùng chung biệt danh là Thức.

(2) Những đặc tính của Thức Thủ Bảy

Thức này có những đặc tính như: trong Ba Cảnh là Tánh Cảnh, Độc Ảnh Cảnh và Đới Chất Cảnh, thức này chỉ có nhận xét phân

Thức thứ TÁM

biệt về Đới Chất Cảnh mà thôi. Về hình thức nhận xét đối tượng thì Thức này luôn luôn là Phi Lượng vì bản tính chấp Ngã của nó nên nó thường là sai lầm (Phi Lượng) không thể nhận xét trực tiếp như Hiện Lượng hay gián tiếp như Tỷ Lượng. Đây là những đặc tính mê mờ khiến cho thức này có ảnh hưởng lớn đến Thân, Khẩu, Ý góp phần tạo ra nhiều nghiệp lực. Vì nó luôn luôn nhận xét sai lầm về đối tượng nhưng nó lại là chỗ nương tựa của Thức Thủ Sáu do đó hai thức này hợp lại hưởng dẫn năm thức còn lại cũng sai lầm luôn nên nó là nguyên nhân chính yếu tạo ra nghiệp lực.

Về Ba Tánh là: Thiện, Ác và Vô Ký (Tánh này chia làm hai là Hữu Phú Vô Ký và Vô Phú Vô Ký), Thức Thủ Bảy chỉ có tính Hữu Phú Vô Ký nghĩa là tánh của nó thường bị các môn phiền não che lấp bản tính nhưng nó không giữ lại các hạt giống xấu đó như Thức Thủ Tám. Đây cũng là bản tính không tốt của thức này, là nguyên nhân gây ra nghiệp.

Những điều kiện cần cho thức này có thể hoạt động được là "Căn Cảnh Duyên" (tức là Thức Thủ Tám và kiến phần của Thức Thủ Tám), vì Thức Thủ Bảy dùng kiến phần của tâm minh duyên qua kiến phần tâm của Thức Thủ Tám nên giữa hai thức này sinh ra một tướng phần là cảnh "chón đời chất" (vì thế nên có câu Di tâm duyên tâm chón đời chất. Trung gian tướng phần lưỡng đầu sanh).

"Tác Ý Duyên" là điều kiện khác để cho thức này khởi phán xét phân biệt về đối tượng. Vì trước đối tượng mà không có ý tưởng gì phát sinh nghĩa là lúc đó Mạt-Na Thức không hoạt động.

"Chủng Tử Duyên", vì thức này có tên là Truyền Thống Thức nghĩa là nó có chức năng gom các chủng tử các pháp do sáu thức trước đem vào tích tập trong Thức Thủ Tám và lại có chức năng ngược lại nữa là đem các chủng tử nằm sâu trong Thức Thủ Tám ra cho khởi hiện hành. Do đó nhiệm vụ của nó là mang chủng tử vào kho cất giữ và lại lấy chủng tử ra khi cần. Do đó nếu không có chủng tử thì anh này rảnh rỗi vô cùng.

Tánh và tướng của thức này là hay thẩm xét so đo suy nghĩ thiệt hơn, luôn luôn chấp Ngã, cho cái này, cái kia, cái nọ đều là của ta. Tính mà Ngài Huyền Trang gọi là "Bát Cáp đệ huynh nhứt cá si" (tám chú anh em, si một chàng) nghĩa là trong tám thức tâm vương thì thức này ngu si đệ nhất. Bởi vì bản tính ngu si bị các môn phiền não làm

mê mờ bản tính sáng suốt đi rồi nên sinh ra rất nhiều tội lỗi đồng nghĩa với việc tạo ra các nghiệp xấu ác.

Trong 51 món Tâm Sở thì chỉ có 18 món Tâm Sở đi kèm hay còn gọi là chung khởi với Thức này đó là 5 món Biến Hành (Xúc, Tác Ý, Thọ, Tưởng, Tu).

Trong năm món Biệt Cảnh (Dục, Thắng Giải, Niệm, Định, Huệ) Thức này chỉ tương ứng với Huệ mà thôi. Tại sao đã gọi là anh chàng si mê mà lại cùng với món Huệ tâm sở chung khởi bởi vì Huệ đây có nghĩa là hiểu biết, suy xét, so sánh, suy lường. Thức này không phải là u tối mà anh chàng cũng đầy thông minh hiểu biết đầy đủ, có điều là bị bản tính hay chấp ngã nên bị các món phiền não quấy nhiễu làm cho mê mờ u tối đầy thôi.

Nặng nhứt là Thức này bị bốn món căn bản phiền não (Si, Kiến, Mạn, Ái) khuấy nhiễu. Thật ra thì chỉ cần một trong bốn món này khởi lên cũng đủ để dẫn chúng ta đời đời kiếp kiếp tạo ra nhiều nghiệp nặng khó dứt được ra khỏi đường sanh tử luân hồi rồi nói chỉ đến bốn món mà mỗi món đều có trọng lượng tương đương như núi Hy Mã Lạp Sơn đè lên thân thể thì dầu có trăm Tỳ Thiên Đại Thánh hợp lực cũng không tài nào vùng dậy nổi huống chi chỉ có một mình Thức Thủ Bày nhỏ nhoi như vậy làm sao thoát khỏi sức nặng kinh hồn đó. Đó là những động lực nặng ký nhất trong vấn đề tạo nghiệp của con người.

Ngoài ra Thức Thủ Bày này còn bị 8 món đại tùy phiền não nữa cùng chung khởi đó là Trạo Cù (lao chao), Hôn Trầm (mờ tối trầm trọng), Bất Tín (không tin), Giải Đãi (biếng nhác tri trệ), Phóng Dật (buông lung), Thất Niệm (mất chánh niệm), Tán Loạn (rối loạn), Bất Chánh Tri (hiểu biết một cách sai lầm).

Khi nói 18 món Tâm Sở này cùng chung khởi với Thức Thủ Bày là để cho dễ hiểu thôi chứ đó chính là những biểu hiện hay là những đặc tính của Thức Thủ Bày không hơn không kém.

Cũng từ những bản tính xấu đó mà nhiều nhà Duy Thức Học đặt cho Thức Thủ Bày này nhiều tên không đẹp như là Thức Nhiễm Ô, Thức Si Mê, Thức Chấp Ngã...

Nói cho cùng đó là những biểu hiện tiêu cực hay là những tướng trạng xấu của Thức Thủ Tám vì Thức Thủ Bày này do Thức Thủ Tám mà ra (y Bỉ chuyển duyên Bỉ).

(3) Thức Thủ Bày trong Duy Thức Tam Thập Tụng của Ngài Vasubandhu

Sách Duy Thức Tam Thập Tụng của Ngài Thế Thân là một trong những sách căn bản nhất về môn Duy Thức Học, triết học Phật Giáo này và nó rất phổ biến tại Việt Nam, nguyên văn bằng tiếng Sanskrit Ngài Huyền Trang dịch ra Hán văn. Trong sách đó có ba bài tụng, mỗi bài có 4 câu thơ 5 chữ nói về Thức Thủ Bày.

BÀI TỤNG THỦ NHẤT:

Tasya vyāvrttirahatve
Thủ đệ nhị năng biến
Tadāsritya pravartate

Thị Thức danh Mạt Na
Tadālabam manonāma
Y Bỉ chuyển duyên Bỉ
Vijnānam mananātmakamm
Tủ lưỡng duy tánh tướng

*

Thức năng biến thủ hai
Có tên là Mạt Na
Nướng nơi Nó, duyên Nó
Tánh tướng là tứ lưỡng
(Như Tịnh Việt dịch)

Trong tám thức tâm vương được chia làm ba loại thức năng biến. Đó là Thức Thủ Tám gọi là Thức Năng Biến thủ nhất đã phân tích ở những phần trên.

Kể đến đây là Thức Thủ Bày được gọi là Thức Năng Biến thủ hai. Thức này còn có tên là Mạt Na Thức như đã nói trên. Sáu Thức còn lại được gọi là Thức Năng Biến thủ ba.

Câu "Nướng nơi Nó, duyên Nó". Chữ Nó chỉ cho Thức Thủ Tám vì Thức này phát sinh từ Thức Thủ Tám, nướng vào Thức Thủ Tám, Mạt Na nhận Thức A Lại Gia là đối tượng của mình. Do đó A Lại Gia được gọi là gốc rễ và chỗ nướng tựa cho Mạt Na. Tánh và tướng nhận thức của nó là Tứ Lưỡng.

Đây là những bản tính cố hữu khiến cho nó đóng một vai trò rất lớn trong việc tạo ra những nghiệp lực.

BÀI TỤNG THỦ HAI:

Kelsais caturbhih
Tủ phiền não thường cụ
Sahitam nivrāvākrtaih sadā
Vị ngã si, ngã kiến
Ātmadrsty ātmamoh
Tịnh ngã mạn, ngã ái
Ātmamān Ātmasnehasamjnitaih
Cấp giữ xúc đẳng cụ

*

Thường cùng bốn phiền não
Là ngã si, ngã kiến
Ngã mạn, ngã ái, và
Xúc v.v... cùng chung khởi
(Như Tịnh Việt dịch)

Đối tượng chấp ngã của Thức Thủ Bày là A Lại Gia. Để chỉ bản tính cố hữu chấp ngã của Thức Thủ Bày nên Ngài Thế Thân đã thêm chữ ngã vào trước bốn món phiền não để trở thành ngã Si (si mê cái ngã), ngã Kiến (chấp chặt nhận định về bản ngã), ngã Mạn đề cao cái bản ngã của mình, khinh khi người khác, ta thường nghe từ "ngã mạn cống cao" và ngã Ái (chỉ yêu những gì của chính mình mà thôi).

Câu "Xúc" v.v... nghĩa là Xúc, tác, ý, thọ, tưởng, tư, trong năm món biến hành tám sở cùng chung khởi với thức này.

Trong Duy Thức Học còn chú trọng phân tích tính chất các tâm sở thường chung khởi với thức này có Si, Kiến, Mạn, Ái; không thường chung khởi có năm món biến hành

và 8 món đại tùy phiền não như đã đề cập ở phần trên

BÀI TỤNG THỦ BA:

Yatrajas tanmayair anyaiħ
Hữu phú vô ký nhiếp
Sparsadyais carhato na tat
Tùy sở sanh sở hệ
Na nirodhasamapattau
A La Hán, diệt định
Marge lokotare na ca
Xuất thế đạo vô hữu

*

Tính hữu phú vô ký
Sinh nơi nào theo đó
La Hán, Diệt Tận Định
Xuất Thế Đạo không còn
(Như Tịnh Việt dịch)

Tính chất của Thức này là "hữu phú vô ký". Thức Thủ Tám sinh vào cảnh giới nào thì Thức Thủ Bày cũng có mặt bên cạnh, vì bản ngã của nó là Thức Thủ Tám, đó là đối tượng chấp ngã của nó. Khi hành giả đã tu chứng đến quả vị A La Hán, nhập Diệt Tận Định và vào Đạo Xuất Thế thì tên Thức Mạt Na không còn. Vì bản tính chấp ngã đã được đoạn diệt.

Vì chứng đến A La Hán tên Tịnh Thức không còn là bản thể thanh tịnh sau này sẽ chuyển thành trí do đó Thức Mạt Na cũng không còn đối tượng để chấp ngã, bản tính chấp ngã đã mất tức là tên Mạt Na không còn chỉ còn bản tính thanh tịnh.

Trong Diệt Tận Định các món Tâm Vương và Tâm Sở của sáu thức trước đã bị đình chỉ hoạt động, ngoài ra các món tâm sở về phần tạp nhiễm cũng bị diệt do đó Thức Thủ Bày cũng bị chấm dứt các hoạt động chấp ngã.

Khi hành giả vào được Đạo Xuất Thế nghĩa là đã chứng được Trí Chơn Vô Ngã và Trí Vô Lậu Hậu Đắc thì hành tướng của Mạt Na cũng không còn tồn tại.

Khi hành giả đã đạt được những trường hợp kể trên Thức Thủ Bày không còn tác hại tạo ra NGHIỆP nữa.

(4) Ngài Huyền Trang nhận xét về Thức Thủ Bày

Trong "Những bài tụng mẫu mực về Tám Thức" Ngài Huyền Trang có ba bài tụng về Thức Mạt Na như sau:

Đôi chất hữu phú thông tình bốn
Tùy duyên chấp ngã, lưỡng phi vị
Bát đại, biến hành, biệt cảnh huệ
Tham, si, ngã kiến, mạn tướng tùy

*

Hữu phú, đôi chất, thông Bày, Tám
Tùy duyên chấp ngã, lưỡng là Phi
Biệt cảnh Huệ, Biến Hành, tám Đại
Theo hoài, ngã kiến, mạn, tham, si
(Như Tịnh Việt dịch)

Trong ba cảnh, thức này chỉ duyên về "đôi chất cảnh".

Đôi Chất Cảnh là cảnh tưởng do vọng chấp nương theo "hữu chất tánh cảnh" mà biến hiện ra, có hai loại:

a/ Chơn đời chất cảnh: trong Duy Thức Học có câu "dĩ tâm duyên tâm chơn đời chất".

Mạt Na dùng "kiến phần" tâm (phần năng phân biệt) của nó duyên qua "kiến phần" tâm của Thức Thủ Tám, do đó cái Ngã Tưởng được sinh ra và trở thành "tướng phần" (phần bị phân biệt) của Thức Thủ Bảy. Ngã tưởng đó do sự phối hợp của Thức Thủ Bảy và Thức Thủ Tám mà biến hiện ra được gọi là "Chơn đời chất".

b/ Tợ đời chất cảnh: Cảnh do mê lầm chấp ngã của Thức Thủ Bảy biến hiện ra. Cảnh này là sự phóng ảnh lại, biến hiện lại bóng dáng của "chơn đời chất" mà thôi. "Hữu phú" tức là tánh "hữu phú vô ký" của Mạt Na.

"Thông TÌNH, BỔN" TÌNH là chỉ cho Thức Thủ Bảy, BỔN là chỉ cho Thức Thủ Tám. Ở phần (a) trên đã giải thích vì Mạt Na dùng kiến phần tâm (phần này trong bài tụng gọi là TÌNH) duyên qua kiến phần tâm của Thức Thủ Tám. Sở dĩ Thức Thủ Tám được gọi là BỔN vì nó là "cái gốc", chỗ nương tựa của Mạt Na.

Hình thái nhận thức của Mạt Na thuộc về phi lượng.

BÀI TỤNG THỨ HAI:

Hằng thẩm tứ lượng ngã tướng tùy
Hữu tình nhật dạ trấn hôn mê
Tứ hoặc, bát đại, tướng ứng khởi
Lục chuyển hồ vi "nhiệm tịnh y"

*

Tứ lượng, hằng, thẩm, theo ngã chấp
Ngày đêm hữu tình luống hôn mê
Bốn hoặc, tám đại cùng chung khởi
Sáu Thức nương vào "nhiệm tịnh y"
(Như Tạng Việt dịch)

Trong bài thơ trên câu đầu nói về tính chất của Thức Thủ Bảy là tứ tưởng, chấp ngã đã bàn đến nhiều lần ở những phần trên. Có hai từ Hằng và Thẩm cần giải thích.

Hằng là thường còn, Thẩm là thẩm xét. Thức Thủ Bảy có tính chất là thường còn và hay thẩm xét.

Thức Thủ Tám thường còn mà lại không thẩm xét.

Thức Thủ Sáu hay thẩm xét nhưng lại hay gián đoạn, vì khi ngủ mê không chiêm bao, sinh vào trời Vô Tưởng, nhập định diệt tận... Thức Thủ Sáu không phát khởi.

Năm Thức trước không thường còn mà cũng không thẩm xét.

Câu thứ hai cho ta thấy rõ vì bản tính si mê chấp ngã của Mạt Na đã tạo ra nhiều nghiệp lực khiến chúng hữu tình bị quay cuồng hôn mê trong luân hồi sinh tử.

Tham, sân, si, mạn là bốn món trong 6 món căn bản phiền não (tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến), 4 món này nằm trong 10 món Tứ Hoặc nên Ngài Huyền Trang gọi là "bốn Hoặc"

"Bốn Hoặc" đó là tham, sân, si, mạn. Trong 10 món tứ hoặc được phân ra trong ba cõi như sau: Dục Giới có bốn: tham, sân, si, mạn. Sắc Giới có ba: Tham, si, mạn. Vô Sắc Giới có ba: Tham, si, mạn. Vì trong hai cõi Sắc Giới và Vô Sắc Giới chúng sanh không còn món "sân" như cõi của chúng ta đang sống.

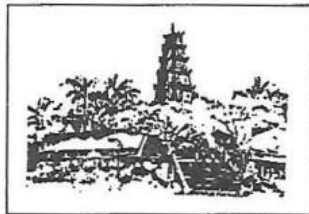
Nguyên văn bài tụng gọi là "lục chuyển" có nghĩa là sáu thức trước. Vì Thức Thủ Bảy này là nơi nương tựa của sáu thức trước về mặt nhiệm ô cũng như về phần thanh tịnh. Do đó sáu thức trước gọi thức này là "nhiệm tịnh y".

BÀI TỤNG THỨ BA:

Cực hi sơ tâm, bình đẳng tánh
Vô công dụng hạnh ngã hằng thời
Như Lai hiện khởi tha thọ dụng
Thập Địa Bồ Tát sở bị cõi (cổ)

*

Hoa vô du



Người đi lên núi hành hương
Kính Hoa ẩn hiện khói sương tơ
trời
Người đi giữa phố đông người
Sen hoa bát ngát nở tươi trong
hòn
Người đi giữa nắng hoàng hôn
Đình mây khắc bóng Thế Tôn ngồi
ngồi
Người vào rừng núi mù khơi
Lắng tâm Bát Nhã hướng ngoài
non xa
Nguyện cầu sinh chúng hằng sa
Quán Âm phổ độ Sa Bà nhân gian
Người đi giữa nắng chiều tàn
Sen hồng nở búp ngân vang
chuông chiều
Người vào tĩnh lặng tịch liêu
Hoa Vô Ưu nở mỹ miều đan thanh
Thời Kính Đại Nguyện An Bình
Mở tâm hồi hướng gió lành thơm
hoa
Nam Mô Bốn Sư Thích Ca
Đại Bi, Đại Trí sáng tòa Như Lai.

● Tuệ Nga

Chủng Số-Tâm, thành Bình Đẳng Tánh Trí
Đến Vô Công Dụng, Ngã liền rời
Thành Phật hiện thân Tha Thọ Dụng
Mười Địa Bồ Tát được độ rồi.
(Như Tạng Việt dịch)

Khi hành giả chứng được Số Địa tức là Số Tâm Hoan Hỷ Địa, Thức Mạt Na chuyển thành Bình Đẳng Trí.

Khi chứng đến Địa Thủ Tám tức là Bát Động Địa cũng gọi là Vô Công Dụng Hạnh các chủng tử ngã chấp trong Thức Thủ Tám mới được tẩy sạch. Lúc bấy giờ Thức Thủ Bảy này cũng không còn tạo ra nghiệp lực nữa.

Khi hành giả chứng đến bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thành Phật, Thức Mạt Na đã chuyển thành Trí, lúc ấy hành giả hiện thân Tha Thọ Dụng để giáo hóa hàng Thập Địa Bồ Tát.

(Còn tiếp)

E-Mail : tangbich@firstlink.com.au
Web Site : www.firstlink.com.au/tangbich

LÒNG TRẦN

Người về tẩm suối Hoa Nghiêm
Nghe kinh phổ độ bên triền sắc
không
Lòng tôi tan giữa dòng sông
Mà dòng sông vẫn mênh mông
chảy hoài.

Tình riêng gởi ở phường ngoài
Nghĩa chung e cũng lạc loài dấu
chân
Một lần đi, hẳn trăm năm
Quê hương ơi, thấy tuy gần mà xa!

Từ tôi khuất nẻo quan hà
Chim âu theo đợt phù sa hát buồn
Ngàn xưa ủ dột mưa tuôn
Mà nay chớp bể mưa nguồn còn
đau.

Nào ai thao thức đêm thâu
Nghe chuông trên bến giang đầu
khai kinh
Chập chồn trong cuộc phù sinh
Thấy tâm hủ huyễn, thấy tình hủ
vô.

Mai rồi về cõi hoang sơ
Lòng trần cũng trắng như tờ kinh
văn
Người đi vui với phong vân
Tôi về với bụi hồng trần hóa
duyên...

● Tuy Anh
(Thất Sơn, 18.4.99)

● Thich Nhu Dien

DER BUDDHISMUS UND DIE MENSCHEN

Aus dem Vietnamesischen ins Deutsche übertragen von
DUC THU - LOC HO

*

(Fortsetzung VG Nr. 110)

Über einige Aspekte der buddhistischen Theorie

Die Lehre des Buddhismus ist sowohl eine hochentwickelte Philosophie als auch eine tiefgründige Psychologie, mit der keine der europäischen Philosophien konkurrieren kann. Niemand erzeugt und beeinflusst den anderen oder das andere. Wenn alle Faktoren vorhanden sind, entsteht etwas, und auch dann, wenn alle Faktoren vorhanden sind, verschwindet auch etwas. Diese Theorie des Buddhismus gilt für alle Räume und Zeitalter. Unabhängig davon, wie schnell sich die heutige Wissenschaft auch fortentwickeln mag, dieser buddhistische Grundsatz wird auch weiterhin anerkannt werden. Im Gegensatz zur europäischen Philosophie, die sich nur auf sechs Sinne beruft, berücksichtigt die buddhistische Philosophie sogar die Existenz eines siebten und achten Sinnes: den *Mana-* und *Alaya-Sinn*, die auch genannt werden als Sinne, die das Ich bekämpfen und die einem helfen, Herr der Lage zu sein. Gemäß der buddhistischen Theorie ist der achte Sinn verantwortlich für jegliche Existenz auf dieser Welt. Werden beispielsweise Apfelsamen angepflanzt, dann entstehen schließlich daraus auch Äpfel. Diese Tatsache beruht allein auf der Grundlage, daß aus einer bestimmten Ursache eine entsprechende Wirkung zu erwarten ist.

Alles, was in der Vergangenheit zur Existenz beiträgt, resultiert aus dem achten "Sinn", um danach in den Kreislauf der Wiedergeburt einzugehen. Gerade dieser achte "Sinn", der von dem siebten "Sinn" vorbereitet wird, beeinflusst alle Lebewesen sehr nachhaltig. Der siebte "Sinn" hat die Funktion, eine Erscheinung anzuerkennen oder abzulehnen. Auch seine Funktion spielt also eine wichtige Rolle in der Theorie des Buddhismus.

Mit dem bisher Dargelegten konnten wir nur sehr kurz auf einige Probleme der buddhistischen Philosophie und Psychologie eingehen. Allen, die tiefer in die Theorie des

Buddhismus eindringen wollen, wird die Lektüre des mittlerweile reichhaltigen Angebots an Büchern über die Philosophie und Psychologie des Buddhismus empfohlen.

Von der Myriaden-Welten-Lehre

Buddhas Unterweisungen sind reichhaltig und dementsprechend die Themen und Probleme, die er erörtert hat, auch. Sie alle aber sind der Aufklärung und Befreiung des Menschen gewidmet, dem Weg seiner Erleuchtung.

Versenken wir uns weiter und tiefer in das System der „1.000.000.000 Welten“: *Tam thien dai thien the gioi*, wie es im Saddharma-Pundarika-Sutra heißt, oder in das der "unzähligen Welten", *trung trung duyen khoi*, und "trung trung bien hien", wie es im Avatamsaka-Sutra heißt, dann werden wir feststellen, daß die Lehre Buddhas ein System der *Hochphilosophie*, der *Hochreligion* und der *Hoch-Geometrie* beinhaltet. Wie haben wir uns nun diese Welt der "1.000.000.000 Welten" vorzustellen?

„tam thien dai thien the gioi“ drückt eine Vielzahl aus, das besagen will, daß außer unserer Erde noch beliebig viele Welten existieren. Wir können ihre Zahl durchaus noch ausrechnen. 1.000 Welten zusammen stellen ein kleines Universum dar, 1000 kleine Universums bilden ein mittleres Universum, und 1000 mittlere Universums bilden wiederum ein großes Universum. Insgesamt gibt es in diesem Sonnensystem also 3000 Universums aller Größen. Jedes dieser Universum existiert wiederum in drei Bereichen: *Kamadhatu*, *Rupavacara* und *Arupavacara*. Jeder Bereich verfügt über eine Vielzahl von Sonnen-, Mond- und Erdsystemen. Unsere Erde hat 5 Kontinente, und die Erde als Ganzes stellt sich nur als ein kleines Staubkorn innerhalb dieses Universums dar. Nach seiner Erleuchtung vermochte Buddha die gesamte Struktur des Kosmos und dessen Dynamik erkennen, welche die Kosmogonie leitet: Wenn hier gerade ein Planet entstanden ist, hört da zur gleichen Zeit ein anderer Planet auf zu bestehen. Dieser Prozeß wiederholt sich immer wieder in dem unendlichen Weltraum. Sind auf einem Planet Leiden und Höllen zu sehen, so herrschen auf einem anderen die Atmosphäre des Nirvana und der Erlösung. Es gibt sowohl Planeten mit einer erkennbar äußeren Form, als auch solche mit nur imaginierbarer Form. Es existieren Welten mit Männern, Frauen und Tieren, aber es gibt auch Welten, auf der die Menschheit gar nicht existiert. Insbesondere gibt es auch Welten, wo nur Bodhisattvas und Pratyeka-Buddhas residieren; andererseits gibt es Welten, auf der nur Tiere leben und Lebensmittel reichlich vorhanden sind.

All das ist das Ergebnis des Wirkens von Abermillionen Lebewesen. Eine Welt besteht aus beweglichen Erscheinungen wie Menschen, Heiligen und Göttern, und vergeht, wenn die natürlichen Gegebenheiten ihres Daseins nicht mehr vorhanden sind. Das kann man vergleichen mit der Auflösung der vier grundlegenden Substanzen im menschlichen Körper nach dem Tod. Dieses Phänomen interpretiert die Buddha-Lehre als Vergänglichkeit und Wandel des Seienden. Außerdem residiert in jeder Welt ein Buddha, so z.B. der Sakyamuni-Buddha in unserer Welt, in der Welt im Osten der *Bhaisajya-guru-Buddha* (der 7. Medizin Buddha) und im Westen der Amitabha-Buddha.

Buddhas und Bodhisattvas sind erschienen, um den Menschen zu helfen, zu ihrer wahren Natur zurückzufinden. Auch der Menschen wegen sind sie in das Nirvana eingegangen. Sie tragen das Leiden der Menschen und nehmen es gerne auf sich, in den sechs Seinsbereichen wiedergeboren zu werden.

Ein gewöhnlicher Mensch wird diese Theorie kaum nachvollziehen können. Als man damals Australien noch nicht entdeckt hatte, glaubte man, daß die Erde nur aus vier Kontinenten bestünde. Durch neue Erdbeben, welche Magma aus dem Erdinneren an die Erdoberfläche bringen, das sich dort zu Gestein verfestigt, entstehen auch neue Kontinente auf dieser Erde. Wann aber neue Kontinente entstehen, das kann man kaum vorhersehen. Allerdings wie die alten Kontinente entsanden sind, das hat sich ganz ähnlich zugetragen. Auch diese Fragen lassen sich nur über die Untersuchung langer Reihen und Glieder der Kausalkette beantworten.

Von der Überwindung des Ich-Dünkels

Im mittleren Abhidharma wird die buddhistische Philosophie und die Nicht-Buddha-Natur erklärt. Unter anderem sprach Buddha im *Vimalakirti-Sutra* auch von dem Grundsatz des Nicht-Ich. Alle seine Worte haben bis heute noch ihre Gültigkeit. Versuchen wir an dieser Stelle kurz, die Idee von der Vernichtung des Ich-Dünkels im Diamant-Sutra zu verstehen. Dort heißt es:

„Wer versucht, mich durch eine äußere Gestalt zu sehen, mich durch Laute anzubeten, der handelt sinnlos und wird mich deshalb niemals sehen können.“

Hier befinden wir uns bereits auf einem hohen Bewußtseinsniveau. Normalerweise orientieren wir uns an den äußeren Formen, wenn wir irgendeine Verrichtung ausführen. Verstehen wir aber die Lehre Buddhas nicht richtig, dann werden wir von den uneigentlichen Formen ungünstig beeinflusst. Demzufolge versucht Buddha unter Berücksichtigung dieses *Soseins (Uneigentlichkeit)*, die Menschen auf eine höhere Stufe zu führen. Hat man die vollkommene Erleuchtung gefunden, die vollkommene Weisheit erreicht, dann sind Pagodenbesuche und Buddhastatuen überflüssig, denn auch diese Objekte unterliegen dem Gesetz der Vergänglichkeit. Eine solide gebaute Pagode kann höchstens ein Zeitalter von einigen hundert Jahren überstehen. Auch eine gute Buddhastatue aus Edelmetall (Kupfer oder Gold) oder aus Stein bleibt kaum länger als einige Jahrhunderte erhalten. Alles ist dem natürlichen Prozeß der Vergänglichkeit unterworfen. Wenn wir von der Sprache Gebrauch machen, um Buddha anzubeten, die Sutren studieren, um Antworten auf Fragen zu finden, so sind diese Übungen im Alltag hilfreich. Auch diese Handlungen sind weltlich, affiziert vom Ich-Dünkel und sind deshalb auch aus dem Blickwinkel eigentlichen Seins anfechtbar. Versteht man das nicht, so wird man nie zu seiner Buddha-Natur finden.

Buddha heißt auf Sanskrit auch "*Tathagatha*" und dieser Begriff bezeichnet ein erleuchtetes Wesen. Dieser Buddha existiert als Potential in jedem von uns, nur müssen wir unsere sinnlichen Erscheinungen als uneigentliche Eigenschaf-

ten erkennen. Erst dann können wir die wahren Eigenschaften des Buddha erkennen.

Vergegenwärtigen wir uns noch einen weiteren Satz aus dem Diamant-Sutra:

sind vergleichbar mit Träumen oder Wasserbläschen.

Sie gleichen dem Morgentau oder dem Blitz.

Wer das erkennt,

der erkennt das wahre Wesen der Buddha-Natur“.

In diesem Satz wird der Sinn des Verzichtens auf das "Ich" sehr deutlich ausgedrückt, aber die praktische Erfüllung dieses Verzichts ist in der Tat nicht so leicht, wie sie sich in Worten ausdrücken läßt. Die Lehren von der Form sind Lehren von der erkennbaren äußeren Form, von den Eigenschaften des Entstehens und Vergehens, sowie des Kommens und Gehens. Diese Eigenschaften unterliegen dem Gesetz des Wandels von Entstehen, Bestehen, Vergehen und Erlöschen. Sie erscheinen wie ein Traum, der nur vorübergehend existiert und wieder verschwindet. Sie gleichen den Wasserbläschen in ihrer äußeren Gestalt, die tatsächlich keine Eigenwirklichkeit haben und nur aus dem Wasser gebildet sind, in das sie zurückplätschern. Sie sind wie ein Tropfen des Morgentaus auf einem Grashalm, der sehr schön anzusehen ist, sich aber schon mit dem Sonnenaufgang auflöst und keinerlei Rückstand auf dem Grashalm hinterläßt. Auch der elektrische Strom ist eine Energieform, die durch besondere Umwandlungsprozesse hindurch entstanden ist und uns nur dann zur Verfügung steht, wenn wir die Energie freizusetzen verstehen. Der Strom wirkt und hört auch wieder auf zu wirken. Es gibt auf dieser Welt und in allen anderen Welten nichts, was für immer existieren könnte. Würden alle Menschen auf dieser Erde sich diesen Gedanken bewußt machen, so würde es weniger Leiden und mehr Glück auf dieser Welt geben. Buddha hat die Krankheiten des Menschen diagnostiziert. Aber diese Kranken sind so tief mit ihren fünf Sinnen in ihrer Alltäglichkeit verstrickt, daß sie alle Erkenntnisse über ihre wahre Natur, welche die Buddha-Natur ist, darüber vergessen. Folglich wird diese Buddha-Natur verdrängt und dann vergessen. Buddhas und Bodhisattvas erscheinen auf dieser Welt mit der Absicht, die Menschen aufzuwecken, damit sie mit dieser klaren Erkenntnis zu ihrem inneren Wesen zurückkehren können.

Von der Einsicht

Rechte Einsicht bedeutet, die Gedanken auf das zu konzentrieren, was es einzusehen gilt. Dazu gebrauchen wir die Konzentration und Meditation, dazu studieren wir die Sutren und Mantras, dazu rezitieren wir die Buddha-Namen oder üben die tiefen Verbeugungen und Niederwerfungen. Alle diese erwähnten Übungen und Methoden helfen uns, die Kontrolle über uns selbst zu gewinnen. Ganz gleich also nach welcher Methode wir üben, wir sollten uns stets dessen bewußt sein, beim Essen genauso wie beim Spazierengehen oder beim Rezitieren der Sutren, daß es um uns und die Kontrolle unserer selbst geht. Bei der Rezitation sollten wir die Worte des Sutras genau analysieren und ihren Hinweisen folgen.

In der Tat dient das Praktizieren der rechten Einsicht auch dazu, die Atmung zu kontrollieren und für kurze Momente dem eigenen Körper Entspannung zu verschaffen. Aber all

das führt uns nicht zur Befreiung von dieser Welt. Dafür muß man über längere Zeit nach den verschiedensten Methoden üben. Erst dann besteht die Hoffnung, den Vorhang der Unwissenheit zu lüften, damit das Licht der Weisheit hindurchdringen kann.

Von der Selbstüberwindung

Ein Buddhist, der die Buddha-Lehre praktiziert, hat vielen Versuchungen zu widerstehen. Daher hat Buddha in den Sutren zahlreiche Techniken der Überwindung erläutert, so z.B. in dem *Bao Vuong Tam Muoi-Sutra* oder dem Dhammapadam. Der Kern aller Hinweise beruht in der Mahnung, daß man sich selbst besiegen muß, denn die Auseinandersetzung mit sich selbst ist tausendmal schwieriger als alle anderen Kämpfe. Es ist leichter, gegen einen anderen Mitstreiter zu gewinnen, als über sich selbst zu siegen. Der Sieg über sich selbst ist am schwersten. Warum ist das so? Hat man auch die Welt besiegt, dann hat man immer noch nicht sich selbst besiegt. Die Schwierigkeit besteht darin, Herr über sich selbst zu werden, und es ist äußerst schwer, sich selbst zu verstehen. Wer kennt sich denn schon selbst? Für den Krieg mit sich selbst braucht man keine Armee und keine Waffen, sondern lediglich ein standfestes Selbstbewußtsein und eine lange Ausdauer. Buddha lehrt uns: "Der Sieg über alle Armeen ist leicht im Vergleich zu dem Sieg über uns selbst. Der Sieg über sich selbst ist der größte Sieg, den ein Mensch überhaupt erringen kann."

Wir haben hier zunächst einmal einige Grundzüge der Lehre Buddhas vorgestellt, wie sie auch schon zu seinen Lebenszeiten übermittelt wurden. Nach seinem Eintritt ins Nirvana wollten die Patriarchen und Lehrmeister die Lehre Buddhas zum Wohle der Menschen aller Weltgegenden und aller künftigen Zeiten bewahren. Nur auf der sicheren Grundlage des Kanons läßt sie sich mit Rücksicht auf die besonderen Lebensumstände der Menschen und ihrer historischen Bedingungen auch weitergeben, wozu ein gründliches Studium der Buddha-Lehre und ihrer Auslegung notwendig ist. An diese Überlieferung haben wir hier angeknüpft.

Über den Sangha

Der Sangha ist als Ordensgemeinschaft eine Versammlung von wenigstens vier Mönchen. Verliert die Gemeinschaft ihre Harmonie, kommen gegensätzliche Meinungen in ihr auf, dann schwächt sich die Gemeinschaft nur selbst durch ihre internen Auseinandersetzungen. Schon zu Buddhas Lebzeiten teilte sich der Orden in zwei unterschiedliche Gemeinschaften, von denen die eine Devadatta leitete und die andere der Buddha. Auch der Orden, dem Buddha vorstand, war nicht frei von Konflikten. Aus diesem Grunde wurde der Orden dann auch von Shariputra und neun anderen Schülern geleitet. Währenddessen beabsichtigte Devadatta, Buddha zu schwächen und die Leitung aller Ordenssegmente in seine Hand zu bekommen. Sein Orden, der Gleichgesinnte ganz bestimmten Charakters anzog, hatte deshalb auch nicht lange Bestand. Der Orden Buddhas blickt mittlerweile auf eine Dauer von über zweieinhalbtausend Jahren zurück. Trotzdem muß er stets um

seinen Bestand kämpfen, und auch darum, seine *vollkommene Wahrheit* zu bewahren.

Als Buddha noch auf dieser Welt weilte, gab es zahlreiche Prinzen und Adlige, die ihm in die Hauslosigkeit gefolgt sind. Das wirft ein Licht auch auf die Bedeutung der Opfergabe. Viele Mönche sind in den Orden eingetreten, um dem materiellen Überfluß zu entsagen. Buddha nahm sie auf, unter der Bedingung, daß sie gelobten, vier Geboten zu folgen, deren strikte Befolgung ein erfolgreiches Mönchsleben gewährleisten sollte. Wer diesen Geboten zuwiderhandelte, mußte den Orden verlassen. Diese vier Gebote lauten:

- 1) Als Speise nur das Erbettelte einmal am Tage
- 2) Als Obdach nur ein schützender Baum
- 3) Als Arznei nur Blätter oder Mist und Urin des Viehs
- 4) Als Gewand nur ein Stoff aus Lumpenfetzen.

Zu 1: Der Mönch soll nur einmal am Tag eine Mahlzeit zu sich nehmen, die sich täglich auf dem Almosengang erbettelt. Auch Buddha bettelte damals um Almosen. Ausnahmen gab es nur, wenn er beim König oder bei anderen reichen Leuten zur Opferfeier eingeladen wurde. Eine weitere Ausnahme bestand während der Zeit der dreimonatigen Meditationsklausur, in der der Almosengang aus Barmherzigkeit gegenüber den Kleinstlebewesen nicht durchgeführt wurde. Der tägliche Almosengang fördert die Demut des Mönchs, hilft ihm, sein Ego zu zügeln und ermahnt ihn, sich stärker darum zu bemühen, sich in der Gesellschaft zurecht zu finden.

In die Hauslosigkeit zu gehen, bedeutet einerseits nach der vollkommenen Erleuchtung zu suchen, und andererseits, die Bereitschaft zu entwickeln, allen Lebewesen zu helfen. Dies ist die wahre Pflicht des Mönchs. Der Almosengang ist notwendig, um den leiblichen Körper aus Fleisch und Blut zu ernähren, aber der Mönch ist sich stets seines Zieles bewußt, Fortschritte in seiner eigenen geistigen Entwicklung zu machen.

In seinem Gesetz lehrte Buddha: "Die Himmelsgötter nehmen ihre Mahlzeiten morgens ein, die Buddhas mittags, die Menschen abends und die hungrigen Geister nachts." Alle Wesen, die gleich sind, essen auch zur gleichen Zeit. Die hungrigen Geister müssen nachts essen, da sie sich vor dem Sonnenlicht fürchten. Deshalb darf der Mensch, besonders der Mönch, keine Mahlzeit nach dem Sonnenuntergang, oder genauer ausgedrückt, nach dem Mittag, zu sich nehmen. Heutzutage wird dieser Brauch von den Schulen des südlichen Buddhismus noch eingehalten, während in den Schulen des nördlichen Buddhismus verschiedene Reformen andere Sitten durchgesetzt haben. Die Mönche der Schulen des nördlichen Buddhismus dürfen dreimal am Tag eine vegetarische Mahlzeit zu sich nehmen. Dabei verzichten sie vollständig auf nicht-vegetarische Nahrung, obwohl Buddha diesen Verzicht auf dem Almosengang explizit nicht vorgeschrieben hat.

Zu 2: Hinsichtlich des zweiten Gebots fragen wir uns, warum ein Mönch nach der Mahlzeit gemäß Buddhas Vorschriften sich nur unter einem Baum zum Schlafen legen durfte. Diese Regel sollte dem Hang zur Bequemlichkeit entgegenwirken, eine Neigung die auch den Geist schläfrig macht. Buddha selbst hat auf seinen Besitz, seinen Palast, seine Frau und sein Kind verzichtet, um dafür lieber nach der Erleuchtung zu suchen. Wenn die von ihm vorge-

schriebene Lebensweise ihm selbst auch leicht gefallen sein mag, anderen fällt ein derartiger Verzicht durchaus nicht so leicht. Auch deshalb stellte der Buddha seine Regeln auf, damit es den buddhistischen Mönchen und Nonnen leichter fiele, von der auf die irdischen Güter gerichteten Lebensweise abzulassen. Außerdem gilt es zu bedenken, daß Indien sowohl in den Subtropen als auch in den Tropen liegt, so daß die Temperaturen es den Mönchen nicht unbedingt abverlangen, in Häusern oder Wohnstätten zu nächtigen, wie das in den Ländern mit kälteren Klimaten, in den westlichen Ländern, zumindest in den kälteren Jahreszeiten, unbedingt erforderlich ist.

In den tropisch-subtropischen Klimaten ist es auch unter einem Baum immer noch angenehmer und kühler als in einem Haus. Während der Regenzeit wurden allerdings auch viele Mönche krank, weil sie im *Veluvana* (Bambushain) unter freiem Himmel lebten. Aus diesem Grunde ließen die Dorfschulzen verschiedene Häuser für die Mönche bauen, damit sie anstatt unter einem Baum oder in einer Höhle, eben dort Unterschlupf finden konnten.

Zu 3: Das dritte Gebot schrieb vor, mit welcher Medikation der Mönch seiner eventuellen Erkrankung begegnen sollte. Die Arznei sollte aus den Blättern einer entsprechenden Pflanze hergestellt werden, die zermahlen und dann mit Wasser vermischt wurden. Der so gewonnene Saft wurde entweder getrunken oder auch als Salbe angewandt.

Es wird auch gesagt, daß die Arznei damals nur aus dem Kot und Urin der Kühe bestanden hätte; denn zu jener Zeit war die Medizin noch nicht sehr fortgeschritten und außerdem war der Einfluß des Hinduismus in Indien noch so stark, das seine Sitten auch auf die Jünger Buddhas abfärbten. Die Hinduisten bedienten sich damals jedenfalls zur Krankenheilung bevorzugt des Kuhmists und des Urins.

Zu 4: Das vierte Gebot betraf die materielle Armut. Der gesamte materielle Besitz eines Mönchs sollte nur aus drei Gewändern (*tricivara*) und einer Bettelschale bestehen. Die drei Gewänder (*uttarasanga*, *antaravasaka*, *samgathi*) werden getragen bei der Arbeit, beim Essen, bei der Teilnahme an den Zeremonien und während des Unterrichts in der Buddha-Lehre. Der geistige Besitz dagegen ist die Weisheit. Nur wenn man weise ist, besitzt man wirklich etwas. Die Nonnen dürfen fünf Kleidungsstücke besitzen: drei davon entsprechen funktional denen der Mönche; das vierte Kleidungsstück wird von ihnen beim Baden benutzt, um den Oberkörper zu bedecken (*kusulaka*) und das fünfte Kleid (*samkakshika*) soll angezogen werden, während der Periode, in dem der Körper der Frau unrein ist. Gewänder und Bettelschale müssen nach dem Tod anderen Mönchen vererbt werden, nachdem man ausgeschlossen hat, daß sie Krankheitserreger übertragen. Damals mußte man auf den Friedhöfen die zerrissenen Kleidungsstoffe der Toten sammeln und sich aus den Fetzen ein Flickengewand nähen. Diesen Brauch übt man heute umständehalber nicht mehr. Von diesen hier aufgezählten vier Kardinalpflichten leitet sich der heute übliche Brauch des Opfers der „Vier-Gegenstände“ ab, welche die Laien-Buddhisten den Mönchen und Nonnen darreichen. Das Opfer der „Vier-Gegenstände“ besteht aus Gütern, welche die Ordensleute täglich brauchen, wie z.B. Nahrungsmittel, Kleidungsstücke,

Medikamente und eine Unterkunft. Außerdem spendet man heute auch noch Geld als Reisespesen. Der Brauch der *Vier Opfern*gaben der Laien-Buddhisten hat sich also seit damals kaum gravierend verändert.

Jeder, der nach diesen Geboten zu leben bereit ist, und um Aufnahme ersucht, wird in den Sangha aufgenommen.

Obzwar man sich im Orden bemüht, nach den Regeln zu leben, bleiben Regelverletzungen nicht aus. Solange der Mensch unerlöst ist, ist er auch hinfällig und seinen Schwächen immer wieder ergeben. Aber diese Tatsache ist nicht an sich schlimm, denn die Buddha-Lehre gründet nicht auf Zwang und wendet ihn auch als Mittel der Disziplinierung nicht an. Die Gebote erinnern vielmehr daran, daß der Mönch weder dem Genuß lebt, noch dem Zwang, auf ihn zu verzichten, was wir ja in der säkularen Welt viel öfter erleben als im Sangha.

Rückschau

Bis heute hat sich der buddhistische Sangha überall auf der Welt ausgebreitet. Diese Tatsache spricht für die Tugend und die Vorbildfunktion der Mönche, die ihre Regeln streng befolgen.

Die Buddhalehre ist unendlich. Daher kann man sie auch nicht in einem einzigen Menschenleben lernen und üben. Ich habe hier versucht, mit meinen bescheidenen Mitteln einige Grundzüge der Lehre vorzustellen: über den Buddha, den Dharma und den Sangha. Das künftige Ziel ist die Verankerung der Buddha-Lehre im Alltagsleben der Menschen.

(Fortsetzung folgt)



Impressum

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche
Abteilung in der BRD (gemeinnütziger e.V)
Die Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen
Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

Verlag

c/o Viengiac Pagode, Karlsruher Str.6, 30519 Hannover
Tel. (0511) 879630 - Fax. (0511) 8790963
E-Mail : pvg@mail.comlink.apc.org
<http://www.comlink.apc.org/pvg/pagode>

Herausgeber :

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirch e.V

Redaktion :

Vietnamesische-Buddhistisches Sozio-Kulturzentrum
in der BRD (VIBUS)

Erscheinungsweise : 6 mal Jährlich

Diese Zeitschrift wird kostenlos verschickt. Nach druck nur mit schriftlicher Genehmigung der Redaktion erlaubt.

Heilsame Saat durch die Praxis der Buddhalehre aussäen

Thich Nhu Dien

Das vietnamesische Wort *tu* hat mehrere Bedeutungen. Die meisten assoziieren dieses Wort zunächst mit der Bedeutung von: „in die Hauslosigkeit gehen“, mit einer Bedeutung, die nur eine der möglichen Bedeutungen des Wortes ausmacht. Wegen der Mehrdeutigkeit dieses Wortes fühlen sich daher auch viele unbehaglich, sobald man sie um nähere Auskunft über das Wort und das Verhalten, das es beschreibt, bittet. Mit Blick auf sich selbst, hört man dann von ihnen, daß man auf diese Entscheidung noch warten könne, bis man älter und von den Lasten dieser Welt freier sein würde. Dann hätte man immer noch genug Zeit, der Welt den Rücken zu kehren und Zuflucht zu den 'Drei Juwelen' zu nehmen, also „in die Hauslosigkeit“ zu gehen.

Heute erfährt man überall auf der Welt von den Buddhisten, daß sie zunehmend das Studium und die Praxis der Buddhalehre anstreben. Es gibt verschiedene Buddhismusschulen wie z.B. den *Zen*, den *Vajrayana*, die Richtung vom *Reinen Land* und andere. D.h. also, daß man die Buddhalehre nicht ausschließlich in einem Kloster oder Tempel praktizieren muß, sondern sie überall und zu jeder Zeit üben kann. Diese Feststellung führt uns direkt zurück zum Thema oder Titel dieses Aufsatzes. Was bedeutet eigentlich: „Heilsame Saat durch die Praxis der Buddhalehre aussäen“?

Zunächst hilft uns die Besinnung auf das vietnamesische Wort *Tu* weiter. *Tu* bedeutet nämlich ganz allgemein: „sich verbessern, erneuern“, d.h. sich vom Bösen zum Guten wandeln. Viele von uns haben bislang ein zielloses Leben geführt. Unser Geist wurde von den drei Geistesgiften (Gier, Haß und Verblendung) beeinflusst. Mit dem Wort *Tu* werden wir auf eine Haltung verwiesen, deren Verwirklichung dazu führt, daß wir selbst Herr über uns werden. Nur im Streben nach Besserung oder Erneuerung gewinnt das irdische Leben einen Sinn. Das Leben jedes einzelnen Lebewesens ist wie ein Glas, das mit Schmutzwasser

gefüllt ist. Das trübe, schmutzige Wasser verwehrt den klaren Durchblick. Es steht in diesem Gleichnis für die Unwissenheit, dank derer wir uns noch immer im Kreislauf der Wiedergeburten befinden. Durch Verehrung und Lob der Buddhas, durch die Aufnahme von Gelübden, durch Widmung, und Niederwerfungen, durch das Bekenntnis der Reue, durch Meditation und Rezitation der Buddhanamen, durch die Reflexion der Texte und die Rezitation der Mantras, sammeln wir jene Verdienste, die uns die Last der aus Verblendung, Gier und Haß geborenen Verfehlungen erleichtern. Obwohl diese Verdienste für uns unsichtbar sind, haben sie trotzdem die Fähigkeit, das Leiden und das schlechte Karma unseres Lebens in Augenblicke des Glücks umzuwandeln. Sie wirken wie die reinen Wassertropfen und besitzen wie jene die Kraft der Reinigung, durch die sich die dunkle und trübe Farbe des Wassers im Glase unseres Gleichnisses mit der Zeit auflichtet und schließlich ganz der Klarheit weicht. Dieser Umwandlungsprozeß gleicht unserem Karma, das auch eines Tages getilgt sein wird. Erst dann würde auch unsere Buddhatur zum Vorschein kommen; die mit dem All eins ist und nicht ein Zweites ist. Sie ist nicht, sie kommt nicht, sie geht nicht und vergeht nicht. So nur läßt sich der wahre Zustand der Buddhatur sprachlich andeuten. Uns bleibt aber immer noch die drängende Frage, wann das trübe Wasser, das als Gleichnis für unser Karma steht, klar, also wann also unser Karma getilgt wird? Die Antwort auf diese Frage hängt ausschließlich von der alltäglichen Praxis der Buddhalehre jedes einzelnen von uns ab. Die Strebsamen unter uns schaffen es in einem, die weniger Beflissenen dagegen in mehreren oder, ihrem geringeren Bemühen entsprechend, in vielen Leben.

Jeden Morgen oder Abend stehen wir vor dem Buddha-Altar und verehren Buddha:

Der Körper des Buddha strahlt wie die gleißende Spitze des Berges im Gold der Morgensonne, wie die Strahlen von tausend Sonnen, welche die Erde erleuchten; und so wie sie mit ihrem Licht alles Dunkel verscheuchen, so vernichtet die Praxis der Buddhalehre auch das Leiden der Lebewesen. Vor dem erhabenen Dharmalehrer verneige ich mich.

Das sind Lobpreisungen des Buddha, wie wir sie jeden Tag darbringen. Durch den Lobpreis verdienen wir uns den Segen der Buddhas und Bodhisattvas.

Wir wollen unseren Bodhicitta (Bodhigeist) entwickeln, den Geist der Barmherzigkeit, der uns die Kraft gibt, anderen Lebewesen zu helfen. Die Bereitschaft dazu muß von uns selbst kommen, das Handeln in diesem Geiste kann von niemandem vorgeschrieben werden. Eine Möglichkeit zu jener Verwandlung in diesem Geiste ist die Aufnahme von Gelübden, etwa des Gelübdes, sich vegetarisch zu ernähren. Mit dieser Haltung bewahren wir viele Lebewesen vor einem Leid, das ansonsten von uns verschuldet worden wäre, weil sie für unsere Ernährung sterben müßten. Wir wollen unseren Bodhicitta entwickeln, um allen Lebewesen die Chance der Erleuchtung zu ermöglichen, welche schließlich aus dem Kreis der Wiedergeburten heraus führt. Nur der Anblick dieser Entwicklung zum Besseren erfreut unseren Geist.

Die erworbenen Verdienste geloben wir, allen Lebewesen zu widmen. Wir beten für alle Lebewesen, daß sie die Erleuchtung erlangen mögen. Wir wollen stets darauf achten, daß die Verdienste nicht nur uns selbst, sondern daß sie allen Lebewesen zugute kommen. Nur so kann man die Pflicht eines Bodhisattvas erfüllen.

Täglich bemühen wir uns, die Lehre des Buddha zu praktizieren, und unser Streben der Barmherzigkeit und der Gerechtigkeit der Buddhas anzubefehlen. Jede Niederwerfung möge eine der unzähligen schlechten Taten mindern, die wir in den vergangenen Vorleben begangen haben. Durch Niederwerfungen können wir unser schlechtes Karma abbauen und heilsames Karma ansammeln. Auf diese Weise gelangen wir in den Stand, anderen Lebewesen zu helfen.

Das schlechte Karma ist die Hinterlassenschaft unserer Vorleben; es türmt sich so hoch auf wie der Berg Meru. Nur wir selbst sind in der Lage, durch Reuebekenntnis und Aufnahme von Gelübden, den Segen der Buddhas und der Bodhisattvas der zehn Himmelsrichtungen zu erhalten. Sie können unseren Geist erhellen und wir können durch ihre Hilfe uns selbst erkennen und uns so auch in die Welt der Buddhas versetzen und schließlich integrieren.

Die Lehre des Buddha ist universal und verdienstvoll. Deshalb ist es für uns ein großer Verdienst, seine Lehrworte zu drucken und zu veröffentlichen. Jeder Satz im Sutra ist wertvoll, so wie der Tropfen des heiligen Wassers, das unseren Geist klar macht und reinigt. Dieses Zieles wegen, wollen wir täglich fleißig die Lehre des Buddha praktizieren, um

gute Verdienste zu sammeln und damit gleichzeitig unseren Geist von schlechtem Karma zu befreien. Dieses Verhalten gleicht dem Prozeß, durch den das Glas mit dem schmutzigen Wasser aus unserem Gleichnis mit jedem Tag immer ein bißchen klarer wird.

Wenn wir die sechs oben bereits genannten Methoden der Buddhapraxis täglich und stündlich praktizieren, werden wir sicher dem Erfolg näherkommen. Doch leider wissen nur wenige von der unsichtbaren Kraft der Ansammlung von Verdiensten durch die tägliche Praxis der Buddhalehre. In der Regel glauben wir nur an das sinnlich sichtbare und greifbare Ergebnis unseres Handelns. Den Preis für die Befreiung aus dem Kreislauf der Wiedergeburt kann man aber nicht mit Geld begleichen, sondern nur durch die tägliche Dharmapraxis. Zudem kostet dieser Preis viele Leben, um wirklich den Verlockungen des Samsara zu entkommen.

Ausgegangen bin ich in meinem Vortrag von dem vietnamesischen Wort „tu“, dessen Erläuterung uns direkt zur Praxis der Buddhalehre geführt hat. Nun möchte ich ein weiteres Wort ins Spiel bringen, das den Sinn des eben erwähnten ergänzt und erläutert. Es handelt sich um das vietnamesische Wort *gieo*. Auf deutsch heißt es wörtlich: „die Saat in den Boden pflanzen.“ Dieses Wort ist ein Verb und repräsentiert eine Handlung, die gerade stattfindet oder anfangen wird. Wer sät, ist also gerade dabei, seine Handlung zu begehen. Er redet nicht darüber, sondern er tut es wirklich. Der Praktikant der Buddhalehre kann mit einem Bauern oder einer Bäuerin verglichen werden, welche die Reiskeimlinge in das Feld setzen, um nach der Wachstumsperiode ihren Reis ernten zu können. Nach drei Monaten ist der Reis in der Regel erntereif. Unter normalen Umständen erntet also jeder, der Reiskeimlinge setzt, auch nach drei Monaten den Reis. Der Ursache der Aussaat folgt die Wirkung, die Ernte der Reiskörner, und die Reiskörner bilden wiederum den Ausgangsstoff der nächsten Aussaat. Aus einem einzigen Reiskorn entstehen viele Reiskörner. Genauso verhält sich die Saat der Barmherzigkeit. Wenn wir nur eine einzige Saat des Bodhicitta setzen, werden wir in Zukunft unzählige Verdienste für uns selbst und andere Lebewesen ernten können.

Doch eines sollte man nicht vergessen, um beim Gleichnis zu bleiben: es gibt Saatgut verschiedener Qualitäten, so daß man stets vor der

Aufgabe steht, das richtige Saatgut herauszusuchen. Zur richtigen Wahl gehört das Gefühl der Barmherzigkeit, das Streben nach Weisheit, die Schulung der Ichlosigkeit und anderes mehr. Wenn wir gutes Saatgut ausgesucht und gesät haben, werden wir auch gute Früchte ernten. Bei schlechter Saat wird die Ernte entsprechend schlecht ausfallen oder auf das Verhalten übertragen: schlechte Taten werden zur Ursache der Wiedergeburt und der Geistesgifte (Begierde, Haß und Verblendung). Wie die schalen Früchte dort, so erntet das Leben hier die bitteren Augenblicke.

Das Gleichnis von dem Säen wird auch in einem anderen symbolischen Diskurs aufgegriffen, nämlich von der Symbolik des Mönchsgewandes. Das Gewand der Buddhas und Bodhisattvas und nach deren Vorbild, das Gewand der Mönche und Nonnen, wird aus einzelnen Stoffetzen zusammengenäht. Diese Stoffetzen repräsentieren einzelne Felder für Verdienste. Der- oder diejenige, die eine gute Saat in den Boden dieser Verdienstfelder setzen, werden auch gute und heilsame Verdienste sammeln, die ihnen helfen, dem Kreislauf der Wiedergeburt zu entkommen. Die Körper der Buddhas und Bodhisattvas erscheinen als Zufluchtsorte, auf die hin sich das Verhalten der Lebewesen orientieren kann. Die Zufluchtsorte begreifen wir gleichzeitig als rettendes Ufer, an das wir aus dem Samsara hinaus gelangt sind. Säen bedeutet in diesem Kontext, den Impuls einer guten Ursache, deren Wirkungen wir mit der Hilfe der „Drei Juwelen“ entfalten können, um so gute Bedingungen für spätere Seinsweisen zu schaffen.

In einigen Ländern des sog. südlichen Buddhismus wie z.B. Laos und Kambodscha versucht jeder Mann, ob König, Beamter oder Bauer, wenigstens einmal im Leben für eine kurze Zeit (mindestens eine Woche, einen Monat oder sogar ein Jahr lang) ins Kloster zu gehen und dort das Leben eines Ordinierten zu führen. Es gibt aber auch Männer, die sich entscheiden, ständig als Mönch im Kloster zu leben oder sich an einen abgelegenen, abgeschlossenen Ort zurückzuziehen, um dort als Einsiedler zu leben. Auf diese Weise haben sie für sich einen Weg zur Erlösung gewählt. In diesen Ländern glauben die Buddhisten außerdem, daß derjenige Mann, der nicht mindestens einmal in seinem Leben in ein Kloster zieht, kein tugendhafter Mensch sei. Dieser werde später, wenn er heiratet, nicht für sein geistiges Leben garantieren können und somit Schwierigkeiten in der Ehe haben.

Deshalb gehört der zeitweilige Klosteraufenthalt zum Brauchtum dieser Länder. Zu den Motiven dieser Art des Retreats zählt auch der Grund, sich bei den verstorbenen Eltern für ihre Aufopferung zu bedanken. Dies ist ein guter Brauch, denn die Männer leben nicht nur für sich, sondern auch für ihre Eltern. Sie opfern ihre Haare, einen Teil ihres Körpers, um der verstorbenen Eltern zu gedenken. Dieser Brauch gilt bis heute in einigen Ländern des Theravada-Buddhismus und mir erscheint er als eine wirklich schöne Tradition.

Das Brauchtum Vietnams hat außerdem noch andere Wurzeln. Über den chinesischen Einfluß auf Vietnam gelangte auch die Tradition des Konfuzianismus nach Vietnam. So hat man in Vietnam vieles vom Brauch der Ahnen- und Elternverehrung aus der konfuzianischen Lehre übernommen. Auch diese Lehre hat tiefe Wurzel in die vietnamesische Kultur geschlagen und ist bisweilen auch für einige abergläubige Verirrungen verantwortlich. Der Buddhismus existiert in Vietnam bald 2000 Jahre. Trotzdem ist die buddhistische Philosophie vielen Vietnamesen fremd geblieben. Vielen erscheint die Lehre des Buddha zu schwer; um sie wirklich richtig praktizieren zu können. Die Buddhalehre aber ist überall eine und dieselbe. Allerdings hat sie in ihren historisch bedingten Varianten jeweils die Gestalt angenommen, welche den kulturellen und historischen Bedingungen jeweils angemessen gewesen ist und die Differenzen der Darstellung und Auslegung der Lehre müssen von diesen Unterschieden her interpretiert werden. Und obwohl der Buddhismus eigentlich schon recht lange existiert, gibt es doch bis heute weltweit vergleichsweise wenig Buddhisten, die wirklich buddhistisch leben und die Lehre praktizieren. Um diesem Mißverhältnis Abhilfe zu schaffen, veranstaltet die Congregation der Vereinigten Vietnamesischen Buddhistischen Kirche in Europa auch in diesem Sommer wieder zwei kürzere Retreatkurse für Laienbuddhisten.

Das erste Retreat findet vom 1. bis zum 14. Juli in der Klosterpagode Vien Giac statt. Gleichzeitig führt die Klosterpagode eine zweiwöchige Klausur durch mit Zeremonien und Meditationsübungen für die Ordinierten. Die Laienbuddhisten finden während dieser Zeit die Gelegenheit, etwa für zwei Wochen das Leben eines Ordinierten im Kloster zu führen, bzw. haben sie die Möglichkeit, ihre Dankbarkeit gegenüber ihren Ahnen und Eltern zum Ausdruck zu bringen. Sie können

sich freiwillig ihre Haare scheren lassen, den Geboten der Ordinierten folgen und zwei Wochen lang wie Mönch oder Nonne im Kloster leben. Laienbuddhisten, die nur die Buddhalehre praktizieren und die Arbeit im Kloster unterstützen wollen, können selbstverständlich auch an diesem Retreat teilnehmen. Die Pagode heißt sie alle herzlich willkommen. Alle Interessierten können zu jeder Zeit die Pagode auch ohne Voranmeldung besuchen.

Das zweite Retreat ist vor allem für die Laienbuddhisten gedacht, die bereits die Gelübde eines Bodhisattvas abgelegt haben. Zu ihnen gehören diejenigen, die sich ausschließlich oder mindestens 10 Tage im Monat vegetarisch ernähren, 10 Haupt- und 48 Nebengebote bzw. 6 Haupt- und 28 Nebengebote einhalten. Diese Möglichkeit, daß auch Laienbuddhisten die Gelübde eines Bodhisattvas ablegen können, hat der Hochehrwürdige Thai Hu aus China, der zu Beginn dieses 20. Jahrhunderts gelebt hat, angeregt. Alle Laienbuddhisten, welche die Bodhisattvagelübde einhalten, dürfen ein braunes bzw. ein schwarzes Gewand tragen. Dieses Gewand besteht aus zwei Stoffteilen, die aber zusammengeñäht sind. Dieses Gewand darf allerdings nur während der vierwöchigen Meditations- und Klausurzeit und während des Dharmakurses für vietnamesische Buddhisten in Europa getragen werden. Danach dürfen die Laienbuddhisten ihr Gewand mit nach Hause nehmen und es dort aufbewahren. Sie dürfen das Gewand nicht ohne Erlaubnis des Sangha tragen. Wir hoffen auf das Verständnis und die Unterstützung aller Interessierten, damit auch diese zwei Retreatveranstaltungen erfolgreich durchgeführt werden können. Es ist das erste Mal, daß die Congregation in Europa diese Form des Retreats veranstaltet. Diese Form des Retreats für die Laienbuddhisten gibt es aber auch schon in einigen anderen Ländern der Mahayana Tradition wie z.B. in China. In Vietnam ist sie noch nicht so bekannt, weshalb viele vietnamesische Buddhisten dieser Form des Retreats noch nicht begegnet sind. Dieses Jahr gibt die Congregation der Vereinigten Vietnamesischen Buddhistischen Kirche in Europa den Laienbuddhisten zum erstenmal die Gelegenheit, die Buddhalehre intensiver zu praktizieren, und auf diese Weise auch für sich eine gute Saat für die Zukunft zu pflanzen. So bleibt die Congregation ihrer guten, historisch verbürgten Tradition treu, die Übungen und Bräuche beider Großräume buddhistischer Tradition,

des nördlichen wie des südlichen Buddhismus, zu integrieren. So gewinnt der vietnamesische Buddhismus einen neuen Weg, der den Laienbuddhisten hilft, die Lehre des Buddha differenzierter und wirkungsvoller zu studieren und zu praktizieren. Die neuen Retreatveranstaltungen öffnen den Buddhisten eine Tür, durch die sie für kurze Zeit in das Klosterleben eintreten und Erfahrungen eines Ordinierten machen können, und dienen so der gegenseitigen Verständigung von Klerus und Laienstand, d.h. sie machen die Lebensführung beider Gruppen gegenseitig transparent.

Hervorzuheben an diesen neuen Programmen ist vor allem die Chance zu intensiverer Praxis der Buddhalehre und nicht so sehr die äußerliche Form, auch nicht das Tragen eines braunen oder schwarzen Gewandes. Als Laien-Bodhisattva sollte man deshalb nicht zu viel Wert auf die Äußerlichkeiten wie z.B. die Gewänder legen. Sie dienen nur als Demonstration der Absichten und Verpflichtungen, die jemand entweder verfolgt oder auf sich genommen hat, als Hinweis auf den Willen eines Buddhisten, den Weg der Erleuchtung gewählt zu haben. Nicht diese Kundgabe ist wichtig, sondern vielmehr die Tat, das Streben, auf dem Bodhisattvaweg zum Ziel zu gelangen. Damals hat der chinesische König Luong Vo De nur eine kleine Bodhisatt-Saat gepflanzt, indem er mit seinem Strohhut den kahlen Kopf einer Statue des Shakyamuni-Buddha gegen Sturm und Gewitter beschirmt hatte. Später wurde er wegen dieser Tat als König wiedergeboren. Ebenfalls versichert das Lotossutra, daß Kinder, welche die Buddhastatue aus Tonerde formen und diese dann zur Buddhaverehrung gebrauchen, eines Tages Buddha werden. Auch in den Jatakas, den Geschichten über die Vorleben des Buddha, erfährt man, daß Buddha stets barmherzig und gebefreudig war. Buddha war immer gewillt, ein gutes Leben zu führen und die Erleuchtung zu finden.

Unheilsame Schulden macht man dagegen, wenn man den Verlockungen der Geistesgifte folgt, so wie z.B. Ajatasatru, der seinen Vater König Bimbisara quälte und tötete. Später wurde selbst Ajatasatru von seinem schlechten Karma eingeholt und von den Wirkungen seines Handelns bestraft. Auch die Geschichten von Devadatta oder Yasa, die alle großen Wert auf Ruhm und Schönheit legten, aber nicht auf die Erleuchtung, dienen als abschreckende Beispiele. Ihr Verhalten hatte Unruhe und Streit in

den Sangha gebracht, und dessen Aufspaltung herbeigeführt. Noch heute gibt es diverse zerstrittene buddhistische Kongregationen, die aber jetzt unter anderen Bedingungen existieren.

Die Congregation in Europa richtet sich in diesem Jahr mit ihrem neuen Retreatsprogramm an alle Buddhisten. Es soll den Laien Gelegenheit geben für eine gute Saat, die aufgeht in ihrem späteren Leben, auf daß sie früher oder später, in diesem oder im späteren Leben auch die Buddhaschaft erreichen. Der Weg in die Hauslosigkeit ist ein großes Gelübde, das man auf sich nimmt, um allen Abhängigkeiten zu entkommen und sich auf den weisen Pfad der Erleuchtung zu begeben. Er bedeutet nicht, daß man ein vorteilhaftes Leben für sich anstreben will. Man bleibt zwar auch nach dem Gelübde ein ganz normales Wesen, das von den drei Geistesgiften befleckt ist, doch es ist von nun an bestrebt und sieht sich zusehends mehr in die Lage versetzt, den Bodhigeist zu entwickeln. Die Ordinierten sind diejenigen, die sich demonstrativ auf dem Pfad der Erleuchtung, auf dem Pfad der Buddhas und Bodhisattvas befinden, um das Ziel der Buddhaschaft zu erreichen.

Der Begriff des Mahayana-Buddhismus faßt diverse Wege und Möglichkeiten zusammen, die zur Erleuchtung führen. Diejenigen, die an diesen Retreats teilnehmen werden, haben somit für sich einen der möglichen Wege gewählt, die alle dazu dienen, den Menschen ihre Buddhanatur und ihren Bodhigeist zu entdecken und die ihnen außerdem helfen, deren Kraft zu entwickeln.

Ich habe heute diesen Artikel aus tiefstem Herzen geschrieben und hoffe, daß die Blumen im Garten der Erleuchtung ihre Blüten tragen werden. Mögen ihre Düfte in dieses Samsara weit hinaus getragen werden, auf daß das leidige Leben einen besseren Sinn findet. Nur so kann die Buddhalehre, die seit Tausenden von Jahren existiert, in die ganze Welt getragen werden.

Abschließend hoffe ich sehr, daß auch in der diesjährigen Klausurzeit viele Buddhisten an den Retreats teilnehmen werden, um ihren Horizont und ihren Erlösungswillen zu erweitern und zu stärken, bis daß wir uns eines Tages im Reinen Land unter dem Nimbus des Amitabha-Buddha wieder begegnen werden.

Ich hoffe sehr auf Ihre Teilnahme

Beendet an einem schönen
Frühlingsvormittag
in der Pagode Vien Giac, 5. Mai 1999

Vườn thơ Viên Giác



NƯỚNG ÁNH ĐẠO VÀNG

Phù Vân phụ trách

Thế kỷ 21 là một thế kỷ phát triển kỹ nghệ tại các quốc gia Á Châu và thắm nhuần tâm linh Phật Giáo tại các quốc gia Âu Mỹ. Đây là một tương phản hay là một nhu cầu chuyển hóa cần thiết để làm hài hòa giữa hai cuộc sống tinh thần và vật chất?

Trong khi nền khoa học kỹ thuật tại các quốc gia nhược tiểu Đông Nam Á phát triển ồ ạt, thì nền luân lý cổ truyền hầu như cũng vô tình bị lãng quên trước những nhu cầu hào nhoáng của xã hội, đời sống tinh thần cũng bị cuốn hút vào hố sâu của đời sống vật chất.

Ngược lại, tại các quốc gia cường thịnh Âu Mỹ, Phật Giáo đã dần dần thắm nhập và truyền bá rộng rãi vào quần chúng, không phải chỉ dưới hình thức nghiên cứu một loại triết học mà còn bằng vào sự ngưỡng mộ tinh thần bất bạo động, bao dung và vị tha của đạo Phật.

Thế nhưng, cộng sản lại chủ trương tiêu diệt tôn giáo, bởi "tôn giáo là một loại mê dược", chủ trương tiêu diệt Phật Giáo vì Phật Giáo gắn liền với Dân tộc.

Năm 1950, Trung Cộng đã tràn vào chiếm đóng Tây Tạng và chủ trương hủy diệt Phật Giáo của xứ sở này. Tháng 3 năm 1959 dân chúng Tây Tạng nổi dậy đòi độc lập và bị quân đội Trung Cộng đàn áp đẫm máu. Hàng chục ngàn người bị giết, hàng ngàn người phải trốn sang Ấn Độ và Nepal. Đức Đạt Lai Lạt Ma cũng phải lưu vong từ đó.

Tháng 3.1999, dân chúng Tây Tạng ở hải ngoại đã tổ chức nhiều cuộc biểu tình tại Pháp, Nepal, Tân Đê Ly, Pharamsara để kỷ niệm 40 năm đấu tranh đòi độc lập cho Tây Tạng. Trước đó, chính quyền Trung Cộng tuyên truyền rằng, sau khi Đức Đạt Lai Lạt Ma đã hao tổn nhiều công sức đấu tranh đòi độc lập cho Tây Tạng mà không thành

công, nay Ngài thay đổi chiến lược, xúi giục dân chúng bạo loạn. Trong khi đó, Đức Đạt Lai Lạt Ma vẫn luôn xác định là Ngài không còn đòi độc lập cho Tây Tạng nữa mà chỉ đòi cho Tây Tạng được quyền tự trị mà thôi. Tại Việt Nam, ngay sau khi cưỡng chiếm miền Nam vào tháng 4.1975, chính quyền cộng sản đã tru dập, bắt bớ, cầm tù chủ Tăng Ni thuộc Giáo Hội Phật Giáo VNTN.

Từ năm 1981, cộng sản VN lại lập ra Giáo Hội Phật Giáo yêu nước, phát triển vô tổ chức. Chính quyền cộng sản hy vọng rằng, đối với dư luận quốc tế, VN có tự do tôn giáo. Đối với quốc nội, trong thâm tâm chính quyền mong rằng quần chúng sẽ dần dần chán ghét hiện tượng tăng sĩ thiếu tài năng, đức độ và sống không đúng đạo hạnh của người tu hành. Từ đó họ có lý do để phế bỏ Phật Giáo ra khỏi lòng dân tộc... Tuy nhiên mưu đồ bất thành, vì Phật Giáo VN cũng như Phật Giáo thế giới hiện nay không chỉ còn bám trụ ở Á Châu, mà địa bàn hoạt động đã lan rộng ở Âu, Mỹ, Úc Châu.

Vào thế kỷ thứ 11, quân Hồi Giáo đánh chiếm Ấn Độ, thiêu hủy kinh điển, phá hoại chùa chiền, giết hại tăng lữ. Phật Giáo hầu như bị hủy diệt tại Ấn Độ. Ngày nay Phật Giáo lại dần dần phục hưng ở xứ này.

Là những người Phật Tử lưu vong, chúng ta cần cố gắng tu học, duy trì và phát triển Phật Giáo cổ truyền thi hải ngoại, để một mai trở về quê hương ở vào thời kỳ mạt pháp, thì chúng ta vẫn còn di sản tinh thần để mang trở về!

Trở về- nương theo ánh đạo để trở về trong một ngày rực sáng tinh thần tự do, dân chủ, bình đẳng và niềm tin tôn giáo thị hiện khắp nơi...



Với hàng ngàn cuốn sách trong thư viện của chùa Viên Giác, tôi tình cờ đọc được thi phẩm "Bóng Mối" của Hạnh Phương do Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Trúc Lâm tại Chicago, Illinois, Hoa Kỳ ấn hành 1997.

Thi tập được coi như là một hạnh nguyện tài thí và pháp thí của thi nhân phát Bồ Đề Tâm nhằm đóng góp chút ít vào công trình xây dựng chùa Trúc Lâm.

Hạnh Phương là Pháp danh và cũng là bút hiệu của Hoàng Kim Bình, sinh năm 1947 tại thôn Gia Độ, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Hạnh Phương là "một Phật tử thuần thành, thích thơ và biết làm thơ từ thuở nhỏ".

Đi vào cõi thơ, sống với thơ- sống trong thế giới của tình huống, của bao dung, và của thủy chung và của tất cả. Thơ ở, thơ sống, thơ an lạc trong suối nguồn Phật Giáo mà ánh sáng đạo vàng có phải đã khởi nguồn kể từ ngày Đản sanh của một vị Hoàng tử họ Thích Ca (Sakya) ở vườn Lâm Tỳ Ni (Lumbini) tại Ca Tỳ La Vệ (Kapilavatthu), bên ranh giới Ấn Độ của xứ Nepal và sau này lại đắc quả Phật- một bậc trí tuệ cao siêu Chánh Đẳng Chánh Giác.

Ngày đó, hình như đã trên 2500 năm, thế nhưng lại rất gần gũi trong tâm thức và rất thiết thân với những người con Phật trên khắp thế giới:

*Tưởng như xa lắm...
hóa gần
Hai nghìn năm lẻ...
thiết thân vô cùng.
Ấy vô thi
ấy vô chung
Hai nghìn năm lẻ...
một mừng Đản Sanh.*

(Nỗi Mừng)

"Vô thi, vô chung", không có khởi đầu, không có kết thúc. Cuộc đời này là do nhân duyên của những đời trước. Là người trần thế chúng ta không thể nào biết được cái nhân duyên nguyên thì khởi từ lúc nào. Thế cho nên, nếu ta không đoạn tuyệt với các nhân duyên, phiền não tham, sân, si, thì đời chúng ta hẳn sẽ còn luân hồi mãi mãi, không biết đến kiếp nào mới thôi!

Nếu không có một "nỗi mừng" về ngày Khánh Đản thì hẳn chẳng có Tuệ Giác phá tan màn vô minh để nhìn về vô lượng quá khứ, thấy được hiện tượng sinh diệt, tiền thân, tiền kiếp.

Ngày đó trăng tròn -Rằm Tháng Tư-, ngày gắn bó với nhân loại, thắm đượm tình người; ngày trở thành thân quen với quần chúng Việt Nam kể từ thế kỷ đầu của kỷ nguyên Tây lịch, khi các tăng sĩ Ấn Độ theo những chiếc thuyền buồm đến Giao Châu, lập nên Trung Tâm Phật Giáo Luy Lâu đầu tiên tại Việt Nam.

Từ đó, những ngôi chùa làng là hình ảnh hiền hòa quyến luyến trong lòng dân tộc. Từ đó, câu kinh, tiếng kệ, tiếng mõ, tiếng chuông là những âm thanh dẫn dắt tâm linh chúng ta đến cõi an nhiên tự tại. Từ đó, Phật Giáo đã đi vào trong dòng sinh mệnh của dân tộc, cùng chịu bao nhiêu thăng trầm hưng phế với mệnh nước:

*Bao la biển rộng sông dài
Tháng Tư ấm đậm tình người Việt Nam
Lũy tre hiện mái chùa làng
Câu kinh tiếng mõ âm vang tự tình
Việt Nam minh, Phật Giáo minh
Tuy hai mà một mối tình sắt son.
Dân tộc còn, đạo Phật còn
Thăng trầm, dâu biển nước non vịnh tưởng
Ra đi trăm vạn nẻo đường
Tháng Tư vẫn nhỏ khói hương chùa làng.*

(Tháng Tư)

Tháng Tư, trăng rằm. Đất ù lửa thiêu, sen nở. Hoa sen tình khiết- gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn, hoa trí tuệ. Dâng hoa cúng Phật. Phật trong dân gian được gọi là Bụt, bởi Bụt gần gũi với quần chúng, thường cứu khổ phò nguy, cứu khổ cứu nạn, cứu nhân độ thế. Bụt trong huyền thoại, trong những mẩu chuyện cổ tích truyền khẩu sâu rộng. Bụt là tất cả:

*Đất ù lửa ngàn năm
Cho tháng Tư trăng rằm
Nở hoa sen cúng Bụt
Trí tuệ rạng dài tâm.*

(Rạng Đài Tâm)

Bụt đã bỏ cung vàng điện ngọc, vợ đẹp con thơ nguyện sống cuộc đời khổ hạnh để đưa người thoát ra bể khổ. Bụt đã nhập vào

cuộc sống thấp hèn để cứu độ chúng sanh. Bụt đã để lại Giáo Pháp nhiệm màu để chúng ta noi gương Ngài tu tập giải thoát:

*Bụt từ cõi Rất Cao
Xuống cuộc đời Cùng Thấp
Gieo pháp màu diệu mật
Nhân thế ngồi trắng sao*
(Tuống Nhập)

Hình ảnh của Bụt, chân đất áo nâu mang bình bát đi khất thực. Hạt giống Từ Bi cũng theo dấu chân Ngài đi ngoài ngàn dặm, gieo khắp mười phương. Ngay từ thuở chào đời, mỗi bước nở hoa sen; nay Bụt đi vào cõi thế độ sanh, hoa vô úy nở rộ theo dấu chân Ngài. Thế giới an bình, lòng người an lạc. Hình ảnh của Bụt vẫn giản đơn từ hòa, vẫn:

*Áo nâu và chân đất
Để dấu ngàn dặm xa
Hạt giống tử bi Bụt
Gieo mọc nở ngàn hoa.*
(Nở Ngàn Hoa)

Ngày đó- ngày "nở ngàn hoa", ngày Phật Đản Sinh đã rất xa, nhưng ánh sáng cứu độ vẫn còn mãi chan hòa trên trần thế. Nữ sĩ Tuệ Nga, một Phật tử thuần thành, dành lễ dưới đài sen, thành kính dâng hương như thờ còn là một Đoàn sinh của Gia Đình Phật Tử Minh Tâm tại chùa Quán Sứ Hà Nội, để cầu xin chư Phật, chư Bồ Tát rủ lòng từ cứu độ chúng sanh thoát ra khỏi vòng sinh tử luân hồi, u mê lầm lạc:

*Như vầng trăng sáng long lanh
Như ngày huyền diệu Đản Sinh Phật Ngài
Nam Mô Thích Ca Như Lai
Mở đường giải thoát cứu đời trăm luân*
...
*Tháng Tứ mùa lễ Đản Sinh
Chúng con Phật Tử kính thành dâng hương
Trầm hương tỏa ngát mười phương
Dưới đài sen lễ cúng dường Như Lai
Đấng Thế Tôn của muôn loài
Đại Bi, Đại Dũng cứu đời u mê...*
(Đấng Thế Tôn)

Rồi thi nhân vẫn hằng nhớ những tháng ngày tuổi đại tung tăng trong sân chùa, dâng hoa cúng Phật. Trong ánh nắng chan hòa ban mai, trong sương sớm, trong thời kinh Khánh Đản hòa với tiếng mõ tiếng chuông, trong ngào ngạt hương trầm lẫn với hương hoa. Người tín nữ Phật tử ngày nào đã phát lòng thệ nguyện tu học theo gương Đức Từ Phụ tự độ-cứu độ, tự giác-giác tha, theo gương Ngài học những hạnh nguyện Như Lai, tu tập tử-bi-hỷ-xả để diệt sân hận, tránh điều hung bạo, ganh tị bon chen, buông bỏ những mưu cầu vị kỷ... để sống cuộc đời an lạc, để lúc nào cũng thấy hương hoa ngào ngạt nở trong cõi ta bà:

*Sớm bình minh nắng lụa
Cỏ xanh biếc sân chùa
Em dâng hoa cúng Phật
Tiếng chuông chùa vang đưa*

*Vườn sau chùa mai trắng
Sống trên cành long lanh
Trầm hương bay ngào ngạt
Tin nữ dâng ý thành*

*Lời kinh hòa tiếng mõ
Nguyện cầu cho sinh linh
Thế giới ba ngàn cõi
Sống vui đời an bình*

*Gió thơm mùa Phật Đản
Dưới chân đấng cha hiền
Hân hoan lòng Phật tử
Bi, Trí, Dũng kiên trì*

*Nguyện theo chân từ phụ
Nguyện tự giác, giác tha
Mừng ngày vui Khánh Đản
Hoa nở cõi Sa Bà.*
(Hoa Nở Cõi Sa Bà)

Đời là bể khổ, Đạo là nguồn vui. Nữ sĩ Tuệ Nga đã mang thờ vào Đạo, mang Đạo vào Đời; thể hiện văn hóa, tư tưởng Phật Giáo thành thơ tràn trải vào lòng nhân thế, cảm hóa nhân sanh. Thở rót vào đời, thở rót vào lòng biển, dù đời mù mịt khói sương, dù biển ngàn năm réo gọi nỗi buồn, nhưng trong thơ có tấm lòng bao dung độ lượng mong chuyển hóa cuộc đời ô trược, bể khổ trầm luân thành suối nguồn Bát Nhã an vui giải thoát:

*Bảng khuâng một kiếp nhân sinh
Chữ Không chữ Có ảo hình phù du
Đàn đầu vắng khúc hoài thu
Sầu đông đỉnh núi hoang vu tiếng thầm
Đem thơ rót đáy biển ngầm
Biển ngàn năm có vọng âm u hoài
Mênh mang sống khỏi ngàn khơi
Thấy trong lòng biển sáng ngời chữ Tâm
Biển soi vắng vực trắng rằm
Kính thờ thanh thoát vọng sông Ngân Hà
Lối về ta lại gặp ta*
Thời kinh Bát Nhã bên nhà Vô Vi.
(Lối Về)

Lối về, phải có một lối về với chính mình, nên thi nhân quan niệm rằng, đã là người Phật tử, chúng ta phải tự soi gương để thấy rõ hình hài, tự đốt đèn để soi lại tâm mình rồi nguyện tri tu học, tích lũy chơn tâm, tránh lãng phí lãng quên:

...
*Gương nào soi rõ hình hài
Con sông tìm thức vẫn hoài lãng quên*

Xin cố nuôi niềm tin, cố khơi dậy nơi lòng mình tâm hồn vị tha, mở tâm hoan hỷ, khuyến nhắc tu học, nâng đỡ nhau những gánh nặng chuyển hóa vô thường bãi bể nương dâu:

...
*Hỡi người quấy gánh ưu sầu
Quấy giùm tôi trái biển dâu một lần!*
(Hoa Đài Dâng Hương)

Ai đã có một thời thanh xuân "hong tóc mùa thu" để mơ, để sống, để sầu muộn, để nghe con chim nhỏ hát buồn, mừng tụng nghe tiếng hoa mãn khai, nghe câu kinh vô tự. Ai đã có một lần thao thức, muốn đem nỗi sầu của mình gởi gắm cho sao mai. Trời

giữa khuya tịnh mặc, chỉ có những giọt sương đêm u hoài tưới trên cành lá mùa thu.

Ai đã có một lần tình thức, chỉ một lần thôi cũng đủ căn cơ để chiêm nghiệm lại lẽ vô thường của dòng đời hư huyền:

*Em về hong tóc mùa thu
Có con chim nhỏ hát ru tình sầu
Hồ xanh nở đóa nhiệm màu
Câu kinh vô tự, trên cầu khói sương
Sớm mai nở đóa vô thường
Nửa chuông tịch mặc, ngát hương liên đài
Sầu tôi gởi ánh sao mai
Sống đời nhỏ giọt u hoài cảnh thu
Đem thơ thả suối trầm tư
Một dòng hư huyền ảo hư bèo bồng...*
(Mùa Thu Áo Ngọc)

Cuộc đời, ôi cuộc đời phù du. Bên kia là bờ biển hồng khổ lụy với tình cảm yếu mềm, bên này là miền thanh tịnh yên vui với một tâm hồn nhẹ tênh như mây trời theo gió cuốn về cõi hư vô:

...
*Sống rồi ulla áo lụa mềm
Xa xôi mùa ấy tịnh yên cõi này
Một đời như thoáng mây bay
Thả ra biển gió cuối ngày hư vô.*
(Như Thoảng Mây Bay)

Thi nhân không những chỉ tìm được an lạc trong lúc thanh vắng, mà còn cảm nghiệm được đạo nhiệm màu kinh hoa bát ngát trong những lúc thiền trà hay thức ngộ khi chợt thấy hoa vô úy nở giữa sông Ngân vào một đêm trăng tịnh mặc nào đó:

...
*Rót bảng khuâng, đáy tách trà
Thấy trong lòng tách Kinh Hoa nở vãn
Dòng trăng sáng cả sông Ngân
Vô úy hoa nở ngát Xuân Bồ Đề.*
(Nụ Hoa Vườn Sớm)

Thơ Tuệ Nga là những dòng thơ thơm ngát suốt Tứ, những câu kinh vô lượng, lòng thơ Thiền vi diệu trang trải cho nhân gian nguồn suối mát trong lành, tỏa ngát hương tâm thắm nhuần vào lòng mọi người trong cuộc thế... Thơ Tuệ Nga, thơ của an lạc giải thoát...

Về thơ Đạo, tôi cũng có dịp đọc được thi phẩm "Hoa Tạng Trầm Tư" của Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng do Thanh Văn xuất bản, 1993. Thơ của ông là thơ bác học, mang tính lãng mạn tôn giáo, đạo và đời hòa nhập, để:

*"Gửi những ai nửa say nửa tỉnh
Đi phiêu bồng giữa cuộc đời
Giữa những cơn sanh tử Mê Ngộ"*

Thơ của Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng là thơ của trầm tư, thơ của chơn tâm. Bởi tâm đời còn nặng hơn tâm đạo, nên ta vẫn luôn nhìn về cái ta để vẫn thấy mình xót xa vì lặn đục:

*Ai đi công quả cho đời
Cho ta đứng lặng ngắm người chiếc thân*

Có lúc nào ta đã để cả tấm lòng thành kính vào trọn một thời công phu? Có lúc nào ta

đã cố tri niệm, mắt vẫn gắn vào trang kinh mà hồn lại vẫn vờ theo cơn huyền mộng nào đó hóa hân một cuộc rong chơi muôn trùng dâu biển.

Bồi canh cánh bên ta một cuộc lữ chưa dừng, một hành trình chưa dứt nên ta vẫn luôn khắc khoải nhỏ thỏ về cố quận. Sơn sắt với đạo, gắn bó với đời, thủy chung với quê hương.

Cố nhân đâu? Hội ngộ chăng? Đóa hoa thiêng. Bàn tay thơm ngát hương thiền. Chút ân cần mưa nắng mà tình lụy cứu mang:

...
Trang kinh hồn mộng chói lòa
Nửa cơn địa chấn phai nhòa tang thương...
Lối đi dặm liễu mở sườn
Tấm y hoại sắc vô thường... hử nhiên
Nhẹ bàn tay ngát hương thiền
Thong dong Bửu nữ tới miền Kim Luân
Gặp người lạc nẻo cố nhân
Trao bóng linh thoại ân cần nắng mưa
Rằng xưa nhiều kiếp hưởng thừa
Rằng nay mỗi thực là vữa cỏ duyên
Cho hay túc trái trền miên
Băng khe tình lụy tôi miền thanh thang.
(Lạc Nèu Cổ Nhân)

Cùng với thi nhân, chúng ta cũng đã có lần đối chiếu tâm tình, cảnh ngộ của mình với của người để thấy rằng giữa người với ta có ít nhiều dị biệt. Người đó là ai, hẳn phải có những liên hệ tình cảm mật thiết với ta. Người về đâu, ta về đâu?

Người về với của Không chăng? Y áo màu mây ngại ngừng? Người về bước nhỏ thong dong, ngậm ngùi tình muộn? Người về trang điểm cho nàng? Người về chúc chén rượu nồng? Mà thôi, người về bỏ lại con suối tình an. Người về với gót ngọc hài sen, với cuộc vui suốt sáng, trận cười thâu đêm! Còn ta? Ta về nuôi những giấc mơ dài, với cuộc đời phù vân sông hồ hử ảo dưới trăng. Ta về với thư phòng, đọc sách ngắm hoa, khép kín cuộc đời, tránh vòng tục lụy. Mà thôi, ta về vui với điền viên ngày ngắm mây trời phiêu lãng, đêm mơ trắng đỏ giấc nồng. Phải chăng người đã từ bỏ cuộc đời an nhiên tự tại để trở về thế sự đảo điên? Còn ta, ngần ngó trên dặm trường lưu lạc lại mơ có ngày về sống yên bình trên quê hương:

Người về bắt ánh mây hồng
Dệt y trăm sắc ngại ngừng lòng ai
Tôi về mở giấc mơ dài
Sông hồ hử ảnh trắng cài sắc không

Người về bước nhỏ thong dong
Ngậm ngùi tình muộn vướng lòng đỏ duyên
Tôi về mở sách u huyền
Mùa hoa lãng đãng mấy miền tịch dương

Người về nhạt nụ hồng đường
Tỏ thêm khoe mát cỏ ruộng Huyền Âm
Tôi về khép cánh hử không
Bờ đoàn che lấp nửa vòng trần duyên

Người về tiệc rượu đảo điên
Chê ly quá nhỏ, hải sen rút dây
Tôi về tựa nhánh trúc gầy
Đèn khuya rải bóng với đầy Hoa Nghiêm

Người về lìa suốt tịch nhiên
Chênh vênh gót ngọc, đảo điên nụ cười
Tôi về gặp ánh mây trời
Ôm trắng đỏ giấc bên đời Tào Khê...
(Bội Tâm Hành)

Những chẳng phải lúc nào tâm cũng thanh tịnh, lòng cũng thanh thản để mình có thể vui với thiên nhiên, sống với cuộc đời tiêu dao sơn thủy, bồi ngàn xưa lỡ làm thân phiêu lãng, vui với trắng sao, buồn với cuộc lữ. Những ước mơ cao ngất tựa mấy tầng mây, những ngỡ ngàng thất vọng chìm vào đáy vực. Những cuồng ngây đã lỡ, những giấc mộng đã qua. Thế thái nhân tình chỉ làm nặng thêm tâm trí.

Để cuối cùng nghe vọng trong không gian tịch lặng có tiếng kinh cầu rộn rã hối thúc gọi ta về miền tịnh an:

...
Ngàn xưa trót lỡ cuồng ngây
Đã bao nhiêu thuở lệ đầy biển với!
Giờ đây quãng giấc mộng đời
Mơ chum sao rụng nghiêng trời biển Đông
Mơ miền hưởng thủy thong dong
Lời kinh hử thực rải lòng huyền không
Chữ đây thêm thiệp trắng hồng
Mở tâm vô lượng soi vòng trần ai.
(Chiêu Tâm Lượng)

Hẳn là vào một buổi kinh chiều- tiếng kinh như là tiếng gọi thiết tha nhắc nhở mình nhìn lại lòng mình, biết rõ tâm mình để ta khỏi rơi vào ảo tưởng mê mờ:

...
Lá mây mờ lộp chập chùng
Lộp nào là lộp huyền tâm hỏi người?
...
Khép song ử kín đoạn trường
Nghiêng tâm đỏ giấc hoang đường giữa thu...
Lạ thay nắng quái phù du
Qua mây chiếu lóa thiên thu ngậm ngùi
...
Lỡ tay dứt sợi nắng vàng
Phai nhòa nhân ảnh bằng hoàng thu xưa...
(Giác Ngủ Chiều)

Thơ Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng kết tinh giữa tâm và ý, hòa hợp giữa đạo và đời. Thơ của trần thế, nên không thể gạt bỏ lòng trần để chỉ hưởng riêng về cõi đạo. Thơ chờ đạo vào đời, mong đời hòa nhập với đạo.

*

Thơ hòa nhập với đạo. Thơ khuyến nhắc mình cố gắng tu học theo pháp Phật nhiệm màu mới hòa nhập với đạo, thể hiện đạo vào đời, mong tìm được an lạc. Tu học là quay lại chính mình nương theo ánh đạo vàng để thực hành lời của chú Phật, bởi vì "Khi người ta tu hành theo đúng pháp Phật, thì càng ngày người ta tự biết mình không có cái gì cả!" (Đức Đạt Lai Lạt Ma).

(Thất Sơn, tháng 4.99)



● Trường Xuân
TRIỆU QUYẾT THẮNG

Dã tràng thế kỷ



Có một loài Dã tràng
Lang thang bờ biển Đông
Cứ miệt mài chặm chỉ
Xe cát lấp sóng bùng.

Tạo hóa ban cho chúng
Vô thức và thánh thơ
Theo bản năng đã định
Không đếm xỉa cuộc đời!

Bên sóng bạc vĩnh hằng
Chúng chạy nhảy loăng quăng
Khác con người trần thế
Đầy tham vọng vinh thăng.

Bao thág năm còm cõi
Thế kỷ Hai mươi này
Những người theo "đạo Mác"
Chặn dòng đời để ngoi.

Họ theo đuổi công việc
Như loài Dã tràng kia
Xây lâu đài bằng cát
Bên đại dương đầm đĩa.

(Trong: Thi tập Quê Hương - Tình Yêu)



Chuyện đồng thoại của Phạm Minh Châu

Hoa Phong Lan

Ven sườn một ngọn đồi thoai thoai dọc theo con suối hiền hòa trong mát, nơi quanh năm róc rách tiếng nước chảy vỗ vào những bờ đá xanh rêu lúc thì thầm lúc thánh thót như những nốt nhạc trầm bổng du dương của một người nghệ sĩ tài ba, là một khu vườn nhỏ xinh xắn mà mỗi độ xuân về muôn sắc hoa rộ nở che kín cả một góc trời hồng.

Năm nay cũng thế, cho dù cơn bão táp dữ dội cuối đông vừa qua đã làm cho khu vườn tã tởi, nhưng rồi cây lại đâm chồi nở nhụy với những sắc hoa lộng lẫy. Các loài hoa sống ở đây rất hòa thuận bên nhau, vì chúng cùng được vun trồng trên một nền đất nhung đen tuyền mát, cùng uống những hạt sương mai lóng lánh ngọt ngào, cùng đu mình đùa giỡn theo những làn gió nhẹ nhàng thoảng qua, cùng vươn lên những cánh tay mềm mại ra đón nhận những tia nắng ấm áp và cùng là bạn của những chị Bướm vàng duyên dáng, những chú Ong thợ luôn chăm chỉ...

Mỗi đây chị Bướm vàng đã vui mừng báo tin vui về một loài hoa lạ vừa xuất hiện trong khu vườn, làm cho muôn hoa lá xôn xao hỗn hờ, vì từ nay khu vườn có thêm một hương vị tuyệt vời nữa. Chị Hồng Nhung, vốn nổi tiếng về nét đẹp cao sang lại giỏi tài ngoại giao, nên bao giờ cũng đàm nhện phần ra mắt:

- Bướm Vàng ơi! Chị có nói về một người bạn mới, nhưng đến bây giờ chúng tôi vẫn chưa được hân hạnh nhìn thấy bóng dáng.

- Phải đó! Chị em nhà hoa Hưởng Dương đồng thanh lên tiếng.

- Các bạn chưa nhìn thấy được là vì bông hoa này mọc từ trên cao xuống và có một cái tên cũng rất đẹp.

Bướm vàng tung cánh bay một vòng là lướt trên những cánh hoa đang nở rộ đầy vẻ ngạc nhiên, rồi vút lên cao và hạ cánh nhẹ nhàng trên một bông hoa tím tím đang đu mình trong gió:

- Hoa Phong Lan đây các bạn!

Mọi cặp mắt đổ dồn về góc vườn, nơi bác cố thụ già nua cằn cỗi đang đứng đếm những ngày tháng cuối cùng của đời mình.

Trên thân người bác chỉ còn trơ lại những cánh tay khô héo đen đui nhưng vẫn cố gắng chống chọi với thời gian để nâng đỡ một loài hoa vừa hé nụ. Những nhánh hoa Phong Lan thơm ngát quỵện theo làn gió tỏa khắp vườn làm cho mấy chú Ong ngây ngất quên cả công việc. Biết mình đang được chú ý, nên Phong Lan cũng tỏa ra thật nhiều hương thơm đến nỗi lẩn át tất cả những hương hoa khác.

- Chúng mình rất hân hoan đón tiếp bạn vào khu vườn thơ mộng này đó! Hoa Anh Đào tươi tắn mời chào. Nhưng Phong Lan không muốn trả lời vì nó đang mơ ước được mọc ở phía trên cao kia, để ngắm nhìn những áng mây trắng lững lờ phiêu du đây

đó, để được làm bạn cùng với những cánh chim vô tư ca hát cả ngày, rồi được những làn gió mát mang hương vị của nó đi muôn phương xa... Nó không muốn làm bạn với đám hoa tầm thường dưới kia, cả đời chỉ quanh quẩn một góc vườn bé nhỏ mà cứ tưởng là thiên đường thơ mộng. Nó bỗng thầm trách chị Sơn Ca đã có công mang nó từ rừng sâu về đây, nhưng lại không đưa nó lên phía trên cao kia một chút nữa để nó khỏi vướng bận với những lời chào đón mỹ miều đó. Và như thấu hiểu được nỗi niềm khao khát của nó, nên dù đang bận rộn tập cho đàn con ca hát, Sơn Ca phải dừng lại để giải bày cơ sự:

- Sự thật thì tôi không hề có ý định làm tổ ở trên cao đó đâu. Các con tôi không quen được với những cơn gió lạnh và chúng vẫn luôn thích kiếm mồi ngon trong khu vườn nhỏ này.

- Sao cơ?

Phong Lan quá bàng hoàng không thể tin được điều này, tuy nhiên nó tự an ủi vì dầu sao đi nữa nó vẫn là loài hoa đặc biệt nhất tại đây. Với lời lẽ thật kiêu hãnh nó nói vọng to xuống phía dưới, khẳng định:

- Thế giới của tôi là ở đây, do đó chúng ta không thể kết bạn được.

- Không đứng đâu cô bé ạ!

Hoa Thiên Lý dịu dàng ít nói, thường uốn mình quanh eo bên bờ giậu bỗng lên tiếng phản đối:

- Y chang như cô bé, tôi cũng có thể lên trên đó sống được mà. Những cánh tay mềm mại của tôi còn có thể vươn thật cao hơn cả bác Cố Thụ nữa đó, nhưng để làm gì cơ chứ? Tôi vẫn thích cuộc sống tự lập dưới này hơn.

- Tôi cũng vậy! Muỗm Vàng đang công đàn con nặng trĩu trên lưng ủng hộ theo.

- Ai cho là tôi sống nhờ và nào? Các bạn đang phải nhờ vào đất mới sống được, còn như tôi đây, hoàn toàn tự lập. Tôi sống không hề cần đến thủ đất đó.

- Không phải thế đâu Phong Lan ơi! Cũng như tôi, bạn đang sống nhờ vào thân xác của bác Cố Thụ mà! Một nhánh rêu xanh ngất đang ôm chặt cánh tay bệnh hoạn của bác khế nhắc nhở.

Những Phong Lan cười chua chát và nói mỉa mai:

- Lão ta sống được là nhờ tôi đây! Không có tôi thì ai che chở cho tấm thân khô đét của lão mỗi khi mưa gió về, và nếu không có tôi thì chẳng ai biết được rằng lão ta đang còn sống.

Bác Cố Thụ vẫn lặng câm đứng yên chịu đựng, vì những lời ân nghĩa như thế lâu nay đã quá quen. Dầu sao thì cả cuộc đời bác cũng đã cứu mang, giúp đỡ rất là nhiều cây lá, rong rêu, chim chóc, côn trùng và cả dòng họ nhà Kiến đen ngày đêm đang đục đèo dưới chân. Bác chỉ mong sao mình sống được lâu thêm chút nữa để nuôi nấng tiếp Phong Lan, dù thân bác mỗi ngày mỗi nhức nhối hơn do những chùm rễ nhọn hác thẳng của nó đang hút cạn dần mạch sống cuối cùng của một cuộc đời rộng lượng.

Và ngày ấy đã đến, Bác ta đã im lìm chết đứng từ bao giờ trong khu vườn vẫn xanh tươi hoa lá. Trên người bác vẫn đọng dĩa một sắc Phong Lan, nhưng nay nó

Các em Hoa Phượng thân mến,
Bây giờ tháng 6 rồi phải không các em? Tháng có những vết nắng trở hoa rộn ràng vườn lên áo trắng; tháng 6 có chùm Phượng thắm hồng treo rợp trước cổng trường; tháng 6 có bầy ve ngân vang trời giọng nỉ non trên lối cỏ thân thường khắp cùng đây đó, và còn có hương gió hiền hòa nâng niu hôn nhẹ từng sợi tóc xoắn xoáy vai...

Trưa nay em bước trong tàng Phượng
Áo lụa ngời lên sáng một niềm
(THP - Thơ HG)

Hoa Phượng, tiếng ve, lối cỏ, tà áo trắng, tập vở thơm thơm mùi mực tím mực xanh, bước chân chim sáo, tiếng cười hồn nhiên reo vui tựa như dòng suối nước chảy triển miên... Còn biết bao nhiêu nữa là hương sắc, để nhịp nhàng tô điểm cho khung thời gian tuổi học trò chúng ta, phải không hở các em?

Đã từ bao lâu rồi nhĩ: Những văn nhân, thi sĩ hao mòn tâm trí mà vẫn chưa gọi lên hết tinh túy bất tận của chùm Hoa Phượng, của áo trắng, của trang Lưu Bút... một thuở sung sướng được làm "học trò"; được triển miên mộng mơ như là giọt nắng mỗi ngày thỏ, rạng rỡ đầu ngày hân hoan vườn lên bút Phượng non lóng lánh.

Vẫn còn mơ ước hở em thương?
Đã có hàng me với cổng trường
Và cội Phượng hồng, đôi bạn hữu
Bút lưu thân ái nỗi niềm thương...
(VVTN - Thơ HG)

Kìa, tháng 6. Tháng của tuổi hoa niên, của tuổi học trò triu mến; gót chân son chúng ta hãy tung tăng bước vào bầu trời xanh lơ của thiên nhiên trong vắt. Ôi... Đẹp làm sao lời nhạc "học trò" đầu đây vẫn hoài nức nở, dúm dẻ vang lên cao vút quanh quanh theo chúng ta, hở các em?

Màu Hoa Phượng thắm như máu con tim
Mỗi lần hè thêm kỷ niệm...
(NBHP - Nhạc: Thanh Sơn)

● Hoa Phượng

không còn tươi thắm quyến rũ như ngày nào nữa. Những cánh tay vàng úa của nó buông thỏng trong cơn mưa chiều chờ đợi, để mong hứng được vài giọt mưa tươi mát nuôi nấng cho một thân thể mới mẻ. Nhưng chú Ong đã lâu rồi không viếng thăm nó nữa, vì mật ngọt của nó đã cạn khô từ lâu. Trong cơn mơ, nó thấy chị Sơn Ca lại đưa nó đến một khu vườn đẹp khác nhưng không có bóng dáng của bác Cổ Thụ quen thuộc nào. Nó thật hãi hùng la toáng lên khi thấy Sơn Ca đặt nó vào trong góc tối dưới mái hiên của một mái nhà hoang bên cạnh những nhánh cỏ khô héo khác. Nơi đây cuộc đời của nó sẽ kết thúc một cách thẫm lặng không ai biết đến.

Hôm sau khi tỉnh dậy, thấy chân mình đứng trong nền đất ẩm áp, một cảm giác êm đẹp nhẹ nhàng đầy sức sống len lỏi vào trong từng đường gân kẽ lá của nó. Chung quanh tràn ngập những hương hoa mà nó hằng ganh ghét, nhưng bây giờ lại bỗng quá gần gũi thân quen.

- Cô chủ vườn đã đưa bạn tạm thời vào đây đó! Hoa Vạn Thọ ân cần tiếp nói: Ngày mai sẽ có một chỗ đứng khác cao đẹp và vững chắc hơn trước đây. Bạn có thấy bên bờ tường gạch nhiều bóng râm, treo một khúc cây to không? Nơi đó bạn sẽ được sống lại cuộc đời thoải mái như xưa!

Phong Lan không nói nhưng tất cả hoa lá đều biết rõ ràng là nó hạnh phúc lắm, vì với nền đất nhưng đen này nó khó có thể tự tồn tại một mình được như những bông hoa khác. Quen sống lệ thuộc rồi nên nó phải sống tiếp một cuộc sống như thế cho đến lúc héo tàn, dù nó đã trải qua cơn mơ hãi hùng.

Trong khu vườn nhỏ, những nụ hoa mới thay dần những cánh hoa cũ nhưng chẳng ai thấy được sự luân chuyển tuyệt vời này: Cây lá vẫn xanh tươi và hoa vẫn ngát hương bay, dù cho Phong Lan có ngào ngạt như thuở nào...

(Linz - Oesterreich)

● THƠ THU HỒ



HẢO QUANG

*Đêm nay được thấy hào quang
Nhằm ngày Khánh Đản huy hoàng năm châu*

*Chấp tay thành khẩn nguyện cầu
Mười phương chư Phật nhiệm màu độ con
Tử bị phước nghiệp còn non*

*Ăn chay niệm Phật mong tròn đạo nhơn
Khó khăn con quyết chẳng sờn
Như thuyền ngược gió trong cơn bão bùng*

*Sáu thời chẳng dám buông lung
Thai sinh thấp hóa cùng chung một loại
Sát sanh vọng ngữ là hai*

*Con xin từ bỏ miệt mài tu thân
Tây phương một bước tôi gần
Chim oanh chim vũ ngoài sân hót mừng ●*

● Huy Giang



bé Hồng và thằng Dũng

*Lấp lánh vàng rơi nắng mỗi pha
Chen trong màu lá giọt chan hòa
Lời chim riu rít ru tình tự
Nhạc trời tung bồng vút tiếng ca
Nhè nhẹ gót suồng em đềm bước
Món man tà trắng áo thêu hoa
Lụa mây hay tóc em anh nhỉ?
Vội má hồng tươi sắc mặt mà!*

(Phượng Hồng Vuông Má Em Tôi -
Thơ: huy giang)

Tặng: Bé Hồng (Lý Anh Thôn - Italy)

Bé Hồng không khỏi bức mình, khi nghe lại tiếng gọi ơi ời của thằng Dũng vang lên sau rặng cây thà-là. Hai lần rồi, cô bé đã lên tiếng trả lời, thế mà chưa đầy năm phút sau vẫn có tiếng thằng Dũng lặp lại: *Hồng ơi... Hồng ơi...* om xòm vang lên khắp núi rừng!

Để nhẹ cây cần câu nằm lên phiến đá nhỏ bên cạnh, cô bé tháo cái mũ rộng vành đang đội trên đầu xuống phe phẩy quạt, mi mắt cô bé phải nheo nheo lại bởi ánh sáng chói chang của tia nắng bị xé thành vụn mảnh vụn rơi lên lòng suối nhỏ nước trong vắt, chảy mau. Nền trời xanh với vợi, không có đến một áng mây trắng, dù thật mỏng manh; mỏng như như sợi khói lam chiều của miền quê nước Việt, thoi thà nằm vắt ngang trắng đục, lơ lửng.

Ồ bên kia bờ suối, khoáng cách không xa lắm, những liếp vườn nằm phơi mình tiếp nối, cận kề, xanh mượt từng khóm cải salad, cải bắp, rau răm, ngò, tần ô v.v... lẫn lộn đủ màu tím vàng, xanh đỏ trở bóng rực rỡ theo từng sắc thắm. Cứ mỗi gia đình một mảnh, chiều dọc chiều ngang rộng chưa bằng chu vi căn phòng nhỏ tí tẹo của cô bé. Mùa Đông thì tuyết rơi trắng xóa, phủ ngập hết mảnh vườn; làm cho khô héo, còi cọc mấy bụi rau thơm với cây cỏ xung quanh. Để rồi bước vào Xuân chớm qua mùa Hạ, lúc mà Opa Herman, ông già quản lý chung cư Xã hội, lợm khộm ra ngồi suốt ngày dưới sân cặm cụi tia, gọt từng nhánh, từng đợt của mấy bụi hồng gai... Cũng là thời gian, mà cả ba gia đình người Việt Nam bắt đầu chọn giống, ngâm hạt. Rồi thì mỗi khi chiều về, sau lúc tan sở làm, dù rằng dưới cái lạnh căm căm của nhiệt độ thời tiết nơi núi đồi. Từ lớn tới bé, từ ông bố tới thằng con út nhất đang nằm bú trong nôi, cũng áo lạnh giầy ống sẵn sàng... chờ! Để cùng nhau đồng một lượt kéo xuống mảnh vườn kẻ cuộc, người xới đất ủ phân.

Nhỏ ngày xưa, thuở mà gia đình cô bé từ thành phố "tí hon" Xă-Ram-Bô vừa dọn đến vùng núi đồi, biển xanh Lý Anh Thôn này. Chưa đầy hai ngày sau, bố mẹ đã làm quen được bà láng giềng đồng hướng trẻ tuổi, vui

tính nhà ở tầng dưới cùng của chung cư. Qua thời gian gần một giờ đồng hồ, uống có hơn hai chai nước lọc Volvic, thế mà bố mẹ của cô bé vẫn còn trầm trồ, khen ngợi mãi mấy bụi rau thơm,, rau răm, ngò, cần ta, bắp cá... thắm xanh trong từng chiếc máng Nylon đặt nằm trên thành của sổ ngoài phòng khách vô tới phòng bếp của bà láng giềng đồng hướng, bác Diệu - tên mẹ của thằng Dũng. Khi cáo từ lui về, dù rằng màng đêm đã buông xuống khuya ló khuya lác, bác Diệu cũng không quên cất vôi và gửi bố mẹ cô bé bó rau *thập cẩm* to tướng về nhà ăn lấy thảo. Nhờ vậy, ngày hôm sau, hơn hai năm tỵ nạn cộng sản Việt Nam sống tạm trú trên đất nước xa lạ, lần đầu tiên gia đình cô bé mới được hả hê trong buổi ăn có thêm nồi canh chua cá chép, cùng đầy đủ hương vị đậm đà của rau cỏ quê hương Việt Nam mến yêu.

Sau đó, chỉ trong một ngày cuối tuần, sau khi chân tay rù rụi vì *nói* quá nhiều! Bố cô bé Hồng mới được Opa Herman hiểu phần nửa ý muốn giải bày; nên cho mượn miếng đất bỏ hoang nằm sau lưng chung cư. Và rồi, đám cỏ gai đã bao nhiêu năm sống nhòn nhò, phân phân vui sống với lũ bướm ong, sâu kiến, và vôi cùng hoạt cảnh thiên nhiên núi đồi hùng vĩ "cánh rừng đen" tuyệt vời; nay được chú ý đặc biệt vào những bàn tay ưu ái của gia đình bác Hưng, gia đình thằng Dũng, gia đình cô bé Hồng thân mến mới đi chơi... chỗ khác!

Lớp đất cần khô cấp tốc bị xới lên từng lát mỏng một lần, hai lần... chưa được, và tiếp nối nhiều lần như thế nữa. Cho đến khi làn da của đất trở nên mịn màng cùng phân bón; thì... dưới ánh nắng chớm Hạ ấm áp ngay trong năm đó, trước những cặp mắt tò mò pha lẫn ngạc nhiên của người dân địa phương cứ ngạo cùng chung cư Xã hội. Từng nhánh cải bắp, cải bẹ xanh, rau răm, rau thơm, cần ta, ngò gai, tần ô, ngò tàu, bạc hà v.v... chòi non thắm xanh màu ngọc bích vươn lên cao ngạo nghệ, cột đua theo ngọn gió êm êm trôi về rung rinh...

- Đang suy nghĩ gì vậy, Hồng?

Giật mình, quay mặt lại, cô bé Hồng thấy thằng Dũng đang đứng phía sau lưng tựa bao giờ; tay nó xách túi Nylon đựng lủ khủ những gì ở trong mà ra về nắng nung, tay kia cầm hai chiếc que nhỏ, dài trĩu cong vòng xuống bởi sức nặng cái *lạp xưỡng* (đồi thịt bằm nhuyễn) ghim nối đầu que, đã chín vàng như hầy còn ngút khói. Vừa đứng lên, vừa đưa tay xách giùm cái túi Nylon cho thằng Dũng, cô bé làm như ra chiều giận dỗi.

- Làm *người ta* hết hồn, hết vía... Chi mà khi này, Dũng gọi tên *người ta* om xòm lên thế hử?

Miệng cười đã lã, thằng Dũng bước về hưởng bóng râm của tàng cây, nơi đó nằm ngả nghiêng những vật dụng giầy dép, ly tách, vỏ cam, táo... vứt bừa bãi trên tấm nhựa mỏng màu lập thể đang trải.

- Dũng sợ Hồng ngồi chờ quá lâu, vội lại tưởng Hồng ngồi cầu cá mặt mình rồi đâm ra buồn, mà... ngu gục. Cho nên Dũng...

Bé Hồng đưa đôi mắt to, tròn xoe như hạt nhân Long An liếc thằng Dũng một phát dài, dài như đoạn đường xa lộ Sài Gòn-Biên

Hòa vậy á. Có ý như thầm bảo: *Người ta giận cho mà xem... Đàng ấy còn đứng như trời trồng đấy hả? Chẳng chịu xin lỗi người ta xem nào!*

Thằng Dũng thoáng thấy cặp mắt bé Hồng như vậy, khéo chút nữa hai cái *lạp xường* nóng hôi hổi rơi xuống đất, nụ cười đã lã trên môi của nó bỗng nhiên vụt tắt mất; bỏ lại gương mặt nhón nha, nhón nhát như mèo bị cứt tai. Nó đứng ngẩn ngơ, lặng câm đi một hồi lâu, rồi mới dám đưa cái *lạp xường* đang cầm trên tay tự này giờ cho bé Hồng, giọng của nó cất lên yếu xìu:

- Thôi mà Hồng, Dũng chịu lỗi rồi mà. Hồng cười lên đi.

- Ủ... ừ...
Nhưng cô bé Hồng thì vẫn còn làm bộ, làm tịch khó khăn với thằng Dũng; cô bé chẳng chịu mím nhẹ đôi môi cười lên tí tẹo nào hết; chỉ lác đầu "Ủ...Ủ..." trong miệng. Cũ chỉ lại tinh bơ đưa cái *lạp xường* lên miệng thổi nhẹ từng hơi ngắn, và cắn miếng nhỏ! Cô bé hỏi thằng Dũng, lảng qua một chuyện khác:

- Dũng đi đàng nào tự này giờ? Không câu nữa à?

Thằng Dũng thì gương mặt vẫn chưa hết nét nhăn nhó! Hai tay nó quờ quỏ vào không khí, như ra ý phân bua... Và nó nói:

- Chán bỏ xừ... Ngồi câu cà buổi sáng, không thấy con cá nào bơi lại ngủi mồi hết; nắng trưa lại nóng chang chang cháy hết cả tóc, khát khô cổ họng. Ủa mà...

Bỗng nhiên, nó như chợt nhớ đến một điều gì vô cùng quan trọng; vội đưa tay nhanh nhẹn lôi từ trong túi Nylon ra lon Coca Cola nó đưa cho bé Hồng. Hơi lạnh thoát ra từ vỏ mỏng của lon Coca Cola, tạo thành những giọt nước mát thấm qua làn da tay, khiến cho bé Hồng tươi ngay nét mặt.

- Ô, thích nhỉ. Đâu ra thế, hồ Dũng?
- Hồng cười đi, Dũng sẽ nói cho nghe. Vừa nói, thằng Dũng vừa nhìn thẳng vào đôi mắt bé Hồng; khiến cho mi mắt bé Hồng chớp nhanh, bối rối.

- Thêm đâu...
Biết chắc rằng bé Hồng hết còn hờn mát mình nữa rồi, cho nên thằng Dũng đưa cái *lạp xường* của nó lên miệng cắn miếng lớn, phớt tình như người... Phi Châu.

- Thì thôi vậy. Thằng Dũng hiền ngang trả lời.

- Ủ... ừ... Cười rồi nè... Khó...
Thằng Dũng cũng phải cười theo, khi nó quay đầu lại bắt gặp chiếc răng khểnh của bé Hồng, để lộ ra khoe trái vành môi khi mím cười. Nó như quên đi hết những việc gì đã xảy ra xung quanh tự này giờ; miệng nó lấm bầm:

- Gì... Chuyện gì khi này Hồng đã hỏi Dũng vậy? Hồng hỏi lại đi. Dũng quên hết rồi!

Trở mắt nhìn thằng Dũng với củ chỉ ngạc nhiên, những giọng nói của bé Hồng vẫn nhỏ nhẹ:

- Ô hay... Dũng ngủ gật đấy à! Hồng muốn hỏi Dũng là... Ô đâu ra mấy hộp Cola, với hai cái *lạp xường* này?

- Ủa há... Thằng Dũng chợt nhớ lại câu chuyện mà nó đã bỏ quên, nó lên tiếng kể tiếp. Ngồi câu mà không được con cá nào hết gần suốt một buổi sáng. Cho nên lúc

Hồng đến chỗ đàng kia kia, Dũng định chạy u về nhà kiếm vài lon nước lại uống; không ngờ lúc đi ngang qua chỗ nường thì bỗng như nghe có tiếng ai đó gọi tên mình, dè dàu là chị Thu. Chị nhờ Dũng ở lại kiếm giùm chị mấy nhánh củi nhúm bếp than chút xíu; và chờ chị nường xong mấy cái *lạp xường*, rồi cầm thêm hai lon Coca Cola tới đây ăn, uống chung với Hồng cho vui... Dũng nghĩ là chưa chắc nửa giờ mà rồi mấy công việc chị Thu giao phó. Ví dụ, ở đây, nếu như Hồng trở lại ngồi câu cá tiếp tục; rồi không thấy Dũng đâu hết. Thì... Cho nên...

- Thì gọi tên *người ta* một lần được rồi. Dũng không nghe tiếng Hồng trả lời cho Dũng đấy à?

- Có. Dũng có nghe tiếng Hồng trả lời cho Dũng đó chỗ.

- Nghe... Nghe mà sao củ gọi tên *người ta* lên om xòm khắp khắp cả đồi núi, lan ra tới biển xanh, chi vậy! Mà chị Thu đã nói những gì với Dũng?

- Chị Thu nói với Dũng như vậy nè: *Dũng chẳng biết đấy ừ? Nhỏ ta nổi tiếng trong nhà với cổ tạt là, ngồi đâu thì... ngủ gật đến đấy! Dũng gọi thêm lần nữa đi cho chắc ăn. Biết chừng đâu nhỏ ta ngã phịch lưng dưới gốc cây nào; rồi đánh một giấc dài lê thê, với đầy mộng寐. Mà khi này, hình như chị đâu có nghe nhỏ ta trả lời. Gọi lại đi Dũng cho... chắc ăn.* Chị Thu nói như vậy đó Hồng.

Bé Hồng kêu lên:
- Khiếp... Chị Thu bảo như thế mà... mà Dũng tin được à. Ủa, rồi sao chị Thu không cùng đến đây với bọn mình?

- Chị phải chờ mẹ Dũng, với nhỏ Hiền, rồi sẽ...

- Dũng này, khe khẽ... Nói khe khẽ vậy... Đấy, Dũng có thấy gì không trên cành cây thủ ba. Đấy, kể bên nụ táo to nhất. Đấy, đấy... Dũng thấy gì không?

(Còn tiếp 1 kỳ)



GIA ĐÌNH

PHẬT TỬ

Các em đoàn sinh thân ái,
Cây lá sum sê, những cánh hoa ven đường đã nở báo hiệu cho một mùa nắng ấm và mùa Phật Đản 2543 đã về. Trong bầu không khí vui tươi rộn ràng đó các em về Chùa Viên Giác ra sân siết chặt tay nhau quay vòng tròn cùng ca bài "*Chim Bốn Phương*" của Hoàng Cang: *Chúng ta là chim bốn phương bay về đây Về đây chúng ta sống trong đạo thiên Chúng ta là hường gió mang đi ngàn phương Nguyễn đem gieo rắc khắp nơi ánh Vàng ... Ánh Vàng đó có nghĩa là sự khai sáng của Đức Phật để đem lại cho chúng sanh lòng*

từ bi và trí tuệ. Bởi vì có từ bi phải có trí tuệ, hai yếu tố đó phải đi đôi với nhau ví như người đi tu thì phải học, còn như nếu đi tu mà không học để hiểu biết, để phân tích về chân lý của đạo mình thì ví như tu mù. Lý do đó mà Ngài Huyền Trang đời nhà Đường bên Trung Quốc đã lặn lội biết bao năm dài, vượt qua những hiểm nguy, chịu nhiều gian lao cực khổ, cố tìm đến xứ Phật thánh cho được những bộ kinh ghi chép lại lời Phật dạy đem về dịch thuật ra làm căn bản giáo lý, giải thích rõ ràng cho Tăng đồ cũng như các Phật tử theo đó mà tấn tu trên con đường học đạo của mình.

Năm nay vào trung tuần tháng bảy tại Chùa Viên Giác Hannover, Gia Đình Phật Tử Việt Nam Đức Quốc của chúng ta hân hạnh được đón mừng một trại huấn luyện HT mang tên của Ngài. Trại đó dành cho những HT đã có Cấp trong các GDPT tại Âu Châu quy về tham dự do BHD/TU/GDPTVN/ACC phối hợp với BHD/GDPTVN/ĐQ tổ chức dưới sự cố vấn và bảo trợ của Thầy Trụ Trì Thích Như Điển, Tổng Vụ Trưởng Thanh Niên GDPT Vụ Âu Châu, Hội PTVNTN/CHLBĐ cùng với sự trợ giúp của quý vị trong Ban Hộ Trì Chùa và các Chi Hội Phật Tử địa phương.

Thời gian sẽ lần lượt đi qua, những HT đàn anh có chức năng, có Cấp cao hiểu biết rộng về những sinh hoạt GDPT của chúng ta ở hải ngoại có rất hiếm và sẽ già đi theo năm, tháng, để rồi một ngày không xa các HT đó phải nằm xuống trả thân về cho "Tứ Đại" (đất, nước, gió, lửa) trong lúc con người và chúng sanh của thế hệ mới vẫn nối nhau tiếp tục hành trình. Do đó các HT đàn anh này đã nghĩ rằng cần phải làm một việc để bảo tồn và lưu truyền lại hệ thống cấp bậc chức vụ GDPT của Tổ chức mình đã có từ hơn nửa thế kỷ qua nên mỗi quyết tâm đề ra mở trại huấn luyện Huyền Trang, hầu cho những HT đã có Cấp trong các GDPTVN tại Âu Châu có cơ hội thăng tiến trong sinh hoạt tập thể của mình, chủ tại Âu Châu từ trước tới giờ đa số chỉ có mở các trại huấn luyện HT Lộc-Uyển hoặc cao hơn là A-Dục mà thôi.

Nhân có trại Huyền Trang, để cho các em Đoàn Sinh hiểu thêm về Ngài, tôi tóm lược cho các em biết về thân thế và thành quả của Ngài trong chuyến đi thỉnh kinh tại Tây Trúc (Ấn Độ).

Thân ái chào các em.

H.T.T.T : Thiện Căn Phạm Hồng Sáu

Tiểu sử Pháp sư HUYỀN TRANG

Huyền Trang tục danh là Trần Vỹ, sinh năm Khải Hoàn thứ 16, đời nhà Đường (595), ở huyện Hầu Thị, châu Lạc Xuyên. Thân sinh là Trần Huệ, trước làm quan ở Giang Lăng, nhận thấy tình thế nhiều nhướng, cáo quan về quê dạy học. Trần Huệ có bốn con trai, Huyền Trang là con út, người anh thứ hai làm Hòa Thượng ở chùa Tịnh Độ đất Lạc Dương.

Thuở nhỏ Ngài theo Nho học, trong những buổi đến thăm anh ở chùa Tịnh Độ, Ngài thường ở lại nghe Kinh, Pháp, với trí tuệ khác thường Ngài lãnh hội được lý nghĩa Đại Thừa rất sâu rộng. Từ đó Ngài bỏ Khổng, quy y theo Phật Giáo.

Năm 13 tuổi, Ngài được vị chủ khảo, quan Khâm Sai Trịnh Thiện Quả, đặc cách cho miễn tuổi do sự đối đáp thông minh trôi chảy. Ngài được dự vào cuộc sát hạch tuyển chọn Tăng sĩ triều đình và trúng tuyển. Sự nghiệp lớn bắt đầu từ đây.

Ngài có vóc dáng đẹp đẽ, phong quang rực rỡ, có nhiều tặng mỹ tưởng. Chính Trịnh Thiện Quả đã dựa vào phong mạo của Ngài để biện bạch cho sự quyết định của mình: "Tòng nghiệp mà học đạo cho thành thì dễ, chỗ phong cốt luyện cao được thì khó lắm. Cậu bé Trần Vỹ này nếu được làm Tăng, tất nhiên sẽ thành vị Cao Tăng Đại Đức trong chốn Thiền Môn không ai sánh kịp".

Ngài chính thức xuất gia tại chùa Tịnh Độ. Về sau đất Lạc Dương biến loạn, anh em Ngài đi về Trường An, tu tại chùa Trang Nghiêm. Rồi vì Trường An gặp lúc khó khăn hành đạo, các Ngài dời đến Thành Đô tại Chùa Khuông Tuệ. Năm 27 tuổi, Ngài vân du khắp Trung Quốc để cầu học với các danh Tăng Hoa, Ấn. Dù đã đạt trình độ siêu việt, các giáo nghĩa của Đại Thừa vẫn chưa thỏa mãn khát vọng của Ngài. Năm 31 tuổi Ngài bắt đầu cuộc Tây Du. Trải qua vô vàn gian khổ, cuối cùng Ngài đã đạt được ước vọng không lường của mình. Đi đến nơi, về đến chốn. Năm 50 tuổi Ngài trở về Trường An. Ngài được vua quý trọng, xem như quốc bảo và ban làm ngự đệ. Ngài đã làm nên một sự nghiệp thế kỷ, dịch 75 bộ 1.335 quyển kinh từ chữ Phạn ra chữ Hán.

Ngài Huyền Trang xiển dương Đại Thừa Phật Giáo

1. Tại Trung Quốc

Huyền Trang trước khi xuất gia thường nghe Pháp Đại Thừa tại chùa Tịnh Độ, với lợi căn thông tuệ, Ngài lý hội tất cả kinh điển nghe qua. Do đó khi phát tâm xuất gia, Ngài đã ý thức được một trong năm đức lớn: "Chỉ cầu Đại Thừa vị độ nhân cố". Như thế khi xuống tóc xuất gia, Ngài đã bước đầu phát bồ đề tâm: "Trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh". Tâm bồ đề ấy Ngài đã tuyên dương qua câu trả lời với vị Chánh chủ khảo: "Tôi muốn xa rời chỉ chú Phật, gần hoàng dương Chánh Pháp". Để thực hiện chí nguyện, Ngài đã đi tìm cầu học khắp Trung Quốc với các vị Cao Tăng thạc đức. Song kinh điển truyền sang thời đó còn hạn chế, việc lý giải, dịch thuật chưa đáp ứng được chí tiến tu của Ngài mặc dù Ngài đã say mê tìm học đến quên ăn bỏ ngủ. Vào thời đó, Ngài là vị Giảng Sư trẻ tuổi nhất, đã đăng đàn giảng kinh Niết Bàn. Bộ kinh Đại Thừa uyên thâm nhất. Năm 31 tuổi Ngài gặp học giả nổi tiếng là Pháp Sư Phạm Mật Đa Na, học trò xuất sắc của Ngài Giới Hiền tử Trung Ấn qua, Ngài được giải

tỏa nhiều nghi vấn. Và thế là chí Tây Du của Ngài được quyết định.

2. Tại Ấn Độ

Với chí nguyện học tận gốc, tìm cho ra chân nghĩa Đại Thừa, năm mươi vạn dặm đường dài từ Trung Quốc qua Ấn Độ, phải vượt suối trèo non, băng qua sa mạc nắng cháy, những đêm lạnh cóng xương, một mình một ngựa đối đầu với muôn ngàn khó khăn nguy hiểm, mạng sống như treo đầu sợi tóc. Với chí nguyện Đại Thừa "Hủy thí thân mạng, tôn sùng đạo cổ" là một trong năm đức của người xuất gia. Chí nguyện và lòng cầu nguyện Bát Nhã Tâm Kinh niệm Quán Thế Âm Bồ Tát. Và đây là câu trả lời dứt khoát, khi vua nước Cao Xương Khúc Văn Thái lưu luyến giữ Ngài lại: "Đại Vương có thể giữ được hài cốt của bản đạo thôi, chủ tinh thần ý chí của bản đạo thì Đại Vương không thể giữ được". Và chí nguyện sắt đá của Ngài cũng thành tựu qua 24 bức thư giới thiệu với 24 tiểu quốc của vua Y Ngô.

Ngài đến đất Phật, một mặt chiêm bái các Phật tích tông lâm, mặt khác Ngài tìm học các Kinh Luận bằng Phạn văn của cả Đại lẫn Tiểu Thừa (như Câu Xá Luận của Thế Thân, Thành Thật Luận của Ha Lê Bạt Ma) với các vị Pháp Sư danh tiếng. Nhưng có lẽ nổi bật nhất là Ngài được Pháp sư Giới Hiền, lúc bấy giờ đã 105 tuổi, vẫn phá lệ khai đàn giảng lại bộ Du Già Sư Địa Luận trong 15 tháng (đặc biệt cho Ngài Huyền Trang) tại tu viện Nalanda, một ngôi Phật Tự được coi là tráng lệ nhất - Đại học Phật Giáo xưa nhất Ấn Độ, một trung tâm văn hóa xứ Phật, chứa tất cả Kinh Luận Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa, kinh Phệ Đà cho đến bách gia chư tử. Sau ba năm Ngài đã thông suốt:

3 thiên bộ Du Già Sư Địa Luận

1 thiên bộ Thuận Chánh Địa Luận

1 thiên bộ Hiến Dương Đối Pháp

2 thiên của các bộ Nhân Minh, Thanh Minh Tập Luận

3 thiên của các bộ Trung Luận, Bách Luận.

Và quan yếu nhất là giải tỏa được nhiều điểm nghi ngờ trong các Kinh Luận Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa.

Trong vòng sáu năm, Ngài đã đi khắp Đông, Tây, Nam, Bắc xứ Trung Ấn Độ, qua trên 100 nước lớn nhỏ, đọc, học, ghi chép, lý giải thông qua các Kinh Luận, sách vở tàng trữ trong các thư các, đền, chùa, ghi chú thủ tự từ phong tục, tập quán, địa lý, thiên văn, đặc sản v.v... rất có hệ thống.

3. Trở về cố hương

Nếu ở Ấn Độ Ngài là một học giả, một Luận sư danh tiếng, khi trở về Trung Quốc Ngài là một nhà trước tác dịch thuật đại tài. Ngài đã dâng trọn cuộc đời còn lại cho việc phổ cập Kinh Luận Đại Thừa mà Ngài đã học hỏi, nghiên cứu suốt hai mươi năm.

Năm 646 Ngài thành lập Hội Đồng Phiên Dịch chia thành nhiều nhóm.

- Nhóm thứ nhất: Vị Dịch chủ tinh thông Phạn văn - Hán văn.

- Nhóm thứ hai: Chuyên dịch từ Phạn văn ra Hán văn.

- Nhóm thứ ba: Chứng nhận xác định đã dịch đúng Phạn văn.

- Nhóm thứ tư: Nhuận văn sửa lại cho đúng văn pháp Trung Hoa.

- Nhóm thứ năm: Nhuận nghĩa, so bản dịch với nguyên bản.

- Nhóm thứ sáu: Duyệt xét lần cuối.

Tổng số Kinh Luận đã được dịch là 75 bộ gồm 1.335 quyển, trong đó có hai pho lớn nhất là:

- Đại Tỳ Bà Sớ Luận 200 quyển
- bộ Định Đạt Bát Nhã gồm 600 quyển.

Phương pháp dịch thuật, làm việc của Ngài thật chu đáo, khoa học, tiến bộ có thể nói vô tiền khoáng hậu như chuyên Tây Du của Ngài vậy.

Nhờ công trình dịch thuật vĩ đại của Ngài mà Đại Thừa Phật Giáo được phát khởi mạnh mẽ ở Trung Quốc và các nước phía Đông như Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam.

Ngài mất năm 664 tại Trường An khi trong tay đang cầm bút dịch kinh Đại Thừa. Đuờng Cao Tôn rơi lệ, bãi Triều 3 ngày và than thò: "Trẫm nay mất rồi một người quốc bảo". Một triệu người tham dự đám tang, ba mươi ngàn người lập lễ ở quanh mộ Ngài tại Bạch Lộc Nguyên. Hình ảnh Ngài được phổ cập khắp thế giới, nhất là Đông Nam Châu Á, trong đó có Việt Nam qua sự tích Đuờng Tam Tạng Thịnh Kinh (Tây Du Ký).-

HỒNG NHIÊN sưu tầm

Ông già bán

"bài học ngàn vàng"

(tiếp theo VG 110)

- Phản ứng của nhà vua khi mở bài học ra xem

Hôm nay trong cung điện vua Đột Quyết không có yến ẩm, ca nhạc như các đêm khác. Sau mấy ngày đi săn bắn mệt mỏi, vua truyền lệnh cho các quan thị vệ, cận thần và cung nữ được nghỉ ngơi cho lại sức. Riêng Ngài cũng cần được yên tĩnh để xem "Bài Học Ngàn Vàng" vừa mua được. Thâm ý của Ngài là không muốn cho ai khác được xem, lý do thủ nhất là một vật quý báu như vậy không nên để cho một ai hay biết; lý do thứ hai là nếu bị lừa phỉnh, thì lại càng không nên để tiết lộ ra ngoài.

Cho nên hôm nay, Ngài đi nghỉ sớm. Đến ba giờ sáng, Ngài lặng lẽ thức dậy, đóng kín các cửa phòng, mở tráp vàng lấy cái dây đựng bài học ra. Ngài mở dây gút trên

miệng đầy, hồi hộp rút bài học trong một cái phong bì dán kín. Ngài cẩn thận xé phong bì, rút ra một tờ giấy màu vàng tươi. Trên trang giấy chỉ vòn vẹn có một câu, viết nét chữ rất đẹp như rồng bay phượng múa: "**Phàm làm việc gì, trước phải xét kỹ đến hậu quả của nó**".

Vua bật ngửa người, ném mạnh trang giấy xuống bàn. Sự tức giận của Ngài lên đến cực độ, làm cho người nghẹn thở. Nếu không sợ quan Thái giám và cung phi mỹ nữ biết được, thì Ngài đã đập đổ tất cả bình vàng chén ngọc để trước mặt Ngài trên chiếc án chân quỳ nam ngọc. Ngài càng nghĩ càng cảm giận lão già. Không ngờ hẳn lại phình gạt cả vua. Bài học như vậy mà nó báo là vô giá, đòi cho được một ngàn lượng vàng, mà lại càng làm ra vẻ không cần. Nó thật quá ngạo mạn, dám cho đó là một bài học, trong khi chỉ là một câu nói tầm thường, chỉ để khuyên bọn trẻ con. Ta là một ông vua, trị vì thiên hạ, quyền uy cái thế, đâu có cần một bài học như vậy. Ta muốn làm gì thì làm, ta ban sự sống, ta truyền lệnh chết. Ta là Thiên Tử, ta muốn là trời muốn. Ta hô một tiếng là có thể dời non lấp biển. Ta đâu cần nghĩ đến hậu quả làm gì?

Nhà vua định xé tờ giấy của ông già viết ra làm muôn mảnh và vứt vào ống phóng cho mất tang tích. Nhưng Ngài dừng tay lại vì chợt nghĩ rằng: Nền đế nó lại chờ ngày bắt được lão già sẽ trả lại cho lão, đòi một ngàn lượng vàng lại trước khi hành quyết. Cần có đủ bằng cớ, tang tích để lão già mồm mép kia không thể chối cãi được. Vua dẫn sự tức giận, xếp tờ giấy bỏ vào chiếc đũa gấm và buộc lại như cũ. Ngài bỏ vào tráp vàng để trên án thờ. Những một lát sau, nghĩ thế nào không biết, Ngài lấy chiếc tráp, đem để vào tủ bằng cẩm thạch dùng để đựng các thứ bảo vật quý nhất và khóa lại cẩn thận. Không phải Ngài liệp cái bài học của ông già vào hàng quốc bảo, nhưng chỉ vì Ngài sợ để ra ngoài, có người xem trộm được, sẽ cười chê Ngài khờ dại, đã để cho một ông già phình gạt và tin ấy đồn đại ra, sẽ làm Ngài mất uy, khó trị vì thiên hạ.

Công việc đầu tiên Ngài phải làm là truyền lệnh tìm bắt cho được ông già. Nhưng đây là một việc mật, cần phải giao phó cho người thân tín thì hành. Vua định kế hoạch xong xuôi đâu đó, thì trống canh trên hoàng thành đã thúc tan canh. Ngài đánh một giấc cho đến chiều tối. Không ai dám đánh thức Ngài dậy, vì ai cũng nghĩ rằng bài học chắc phải cao siêu lắm nên làm cho Ngài mệt mỏi, không thể dậy sớm được.

Sau khi thức dậy, Ngài truyền lệnh cho quan Thái giám mở tiệc khoản đãi đình thần vào tối hôm ấy, lấy lý do là để mừng Hoàng Thượng vừa có hồng phúc mua được bài học quý giá.

Vì đã quen tổ chức tiệc tùng yến ẩm, cho nên trong vài giờ sau, quan Thái giám đã bày biện xong một đại tiệc trên năm trăm thượng khách tại ngự uyển. Văn võ bá quan trong triều không ai thiếu mặt, vì được vua ban đại yến là một danh dự; hơn nữa mọi người nóng lòng muốn biết bài học vô giá no cao siêu như thế nào.

Diện mạo của vua hôm nay không khác mọi ngày. Ngài vẫn vui vẻ nói cười, nhưng nếu để ý thấy Ngài uống rượu nhiều hơn mọi hôm. Cuối buổi tiệc, Ngài tuyên bố rất hài lòng về bài học của ông già và có thể xem như là một quốc bảo. Có quan đại thần đánh bạo đứng dậy tâu vua có thể nói cho biết nội dung và tách cách bài học như thế nào không. Vua cười gượng bảo rằng bài học có tính cách cơ mật, không thể nói ra cho tất cả triều thần biết được. Tuy thế, Ngài hứa sẽ tùy theo địa vị của các đình thần và tùy theo hoàn cảnh mà tiết lộ cho một số thượng quan biết.

Câu chuyện bài học không còn ai buồn nhắc nhở nữa, khi đoàn vũ nữ đẹp tuyệt trần với những xiêm y rực rỡ kéo nhau ra sân khấu. Nhưng chính trong lúc mọi người đang say mê múa nhày thì vua cho gọi quan Đề Đốc Thanh Phong là một vị võ tướng thân tín của Ngài, thường những việc mật vua đều giao cho vị quan này thì hành. Vua tỏ thật cho vị Đề Đốc biết chuyện mình bị gạt và truyền cho vị này phải bắt tìm cho được ông già đã bán bài học. Quan Đề Đốc xin hứa trong một tuần sẽ đem nạp ông già trước bệ rồng. Là một con người nhiều mưu chước, quan Đề Đốc đề nghị với nhà vua tuyên bố cho mọi người biết bài học rất quý báu, nên vua muốn trọng thưởng thêm vàng bạc cho ông già, nhưng không biết ở đâu. Nếu ai tìm được ông già cũng sẽ được trọng thưởng, và sau khi cuộc yến ẩm, ca vũ chấm dứt, mọi người ai ai cũng hy vọng đi tìm kiếm ông già để lãnh thưởng.

Từ hôm ấy, ngày nào vua Đột Quyết cũng trông ngóng tin tức về ông già, nhưng biết vô âm tín. Gần đến kỳ hạn một tuần vua càng sốt ruột. Vua sợ để lâu, ông già sẽ trốn ra khỏi nước, sang nước Quý Lâm, là một lân bang thù nghịch và phao tin vua bị gạt, thì thật là làm trò cười cho thiên hạ.

Nhưng nếu vua sốt ruột một phần, thì quan Đề Đốc Thanh Phong lại sốt ruột mười phần. Quan sẽ mật uy tín biết bao đối với sự tin cậy của vua, khi không tìm ra được ông già. Một ông già lộm khộm, tử cố vô thân, mang theo mình một bao vàng nặng trĩu như vậy, mà có thể trốn thoát ra khỏi nước một cách dễ dàng, thì làm sao nói chuyện giữ an ninh trật tự cho trăm họ và giữ yên bề cõi chống xâm lăng? Quan huy động tất cả lính tráng dưới quyền mình đi lục soát từng nhà một trong đêm khuya, và ban ngày chặn đón tất cả ông già để khám xét. Ngoài ra quan còn sai bọn mật thám rất đông đào dưới tay mình già làm người đi buôn bán để dò xét. Tất cả quán xá ở các ngã tư, ngã ba đường cái đều có người của quan Đề Đốc dòm ngó. Nhưng ông già vẫn biệt vô âm tín!

Kỳ hạn một tuần đã hết, quan Đề Đốc với về người tiêu tụy, trông già đi đến mười tuổi, vì sự lo nghĩ và mất ăn bỏ ngủ, khúm núm quỳ trước long sàng để chịu tội về sự bất lực của mình.

Bao nhiêu sự giận dữ của vua đối với ông già đều trút hết lên đầu lên cổ quan Đề Đốc. Người ta có cảm tưởng lưng quan Đề Đốc mỗi lúc một cong thêm vì những danh tử nặng nề mà quan phải gánh chịu thay

cho ông già. Ông già khi vác bao vàng một ngàn lượng đầu có nhọc nhằn như vậy. Nhưng có một lúc, như con ngựa chồ quá nặng, bất kham đâm liều, đã đổ tất cả đồ vật mang trên lưng, quan Đề Đốc đứng thẳng dậy, nói theo ý mình:

- Tâu Hoàng Thượng, thần không xứng đáng nhận lãnh tất cả các lời quở trách nặng nề của Hoàng Thượng. Từ trước đến nay Hoàng Thượng đã tin dùng thần, thì chắc Hoàng Thượng cũng đã xét đến lòng tận trung của thần như thế nào rồi. Nhưng trong vụ ông già này, thần xin thú thật, thần chịu bất lực. Ông già đã phình gạt cả Hoàng Thượng thì chắc không phải tay vừa ...

Vua nghe câu nói cuối cùng của quan Đề Đốc giận đến xám mặt. Ngài hất đổ tất cả đồ đạc để trên án thờ, vung đứng dậy, nạt:

- Người nói gì? Trẫm bị phình gạt há? Người đã nhục mạ trẫm. Tội khi quân của người đáng chém đầu!

Nói xong, vua truyền quan Thái giám đem bỏ quan Đề Đốc vào ngục thất để chờ ngày ra pháp trường vì tội khi quân.

Thật ra câu nói của quan Đề Đốc không đến nỗi phải bị kết trọng tội như vậy. Nhưng nhà vua muốn trừ quan Đề Đốc để dập tắt luôn vụ mình bị lừa, không cho nói lan ra ngoài; vì ngoài quan Đề Đốc ra, chưa có một ai rõ biết về sự thật của bài học ngàn vàng kia.

Khuya hôm ấy, quan Đề Đốc bị xử uống thuốc độc chết trong ngục thất.

Ba ngày sau, tin đồn ra cho biết quan Đề Đốc đã bị xử tử vì tội âm mưu giết vua để chiếm ngôi.

Muốn biết "**Sự trả thù của Thanh Bảo, con quan Đề Đốc**" như thế nào? Mời quý độc giả theo dõi trong Viên Giác kỳ sau.

(*) Trích **Quyển Bài Học Ngàn Vàng** của Hòa Thượng Thích Thiện Hoa.

Nhạc Lam: dòng suối Tú chảy vào lòng nhân thế.

● Phù Vân

Khi nhận được CD Nhạc Lam của Gia Đình Phật Tử do Ban Hướng Dẫn Đức Quốc gởi tặng, tôi nghĩ mình chỉ dành một tiếng đồng hồ để nghe. Thế nhưng tôi đã phải thức suốt buổi tối đầu hạ để nghe tiếng hát chân thành của những người con Phật và để nghe những thao thức khôn người của chính mình về những tháng ngày xa xưa trên quê hương, những kỷ niệm rất gần trên khoảng đời lưu lạc xứ người.

Tiếng hát hòa ái và âm thanh vi diệu này đã mang tôi về lại tuổi thanh xuân, về lại ngôi chùa cũ nhuộm màu áo Lam vào mỗi cuối tuần. Tôi không sinh hoạt trong Gia Đình Phật Tử, những các anh chị em, bạn hữu, các cháu trong xóm tôi lại rất hân hoan là huynh trưởng, là đoàn sinh hay là

oanh vũ của Gia Đình Phật Tử và rất hành diện vì được đeo huy hiệu Hoa Sen.

Cũng từ đó, các anh chị em đã đem được "Hiếu, Hòa, An, Vui" vào trong cuộc sống, đã "Mang Đạo Vào Đời". Còn tôi vẫn chỉ là kẻ đứng bên lề sinh hoạt, lòng còn vọng động, tâm còn mãi mê với những cuộc rong chơi nay rừng mai biển, hay vẫn còn giằng mắc tham luyến về những cuốn phim phiêu lưu sinh tử đang được trình chiếu trong các rạp hát.

Tôi không mang màu áo Lam, nhưng những bài ca Phật Giáo đã đến với tôi trong tâm trí nhỏ. Tôi có thể hát theo một cách tự nhiên và đồng điệu, bởi tôi đã từng nghe và chứng kiến những buổi sinh hoạt của GĐPT. Tôi cũng có thể cung kính chấp tay cùng với các đoàn sinh hát bài "Kính Mến Thầy", bởi vì "Thầy là bóng cây che mát chúng con, Thầy là ánh sáng dắt dìu lòng son...".

Bây giờ giữa đêm khuya thanh vắng, được nghe lại bài ca này qua các giọng ca Nguyễn Nhân, Nguyễn Thành, Nguyễn Mãn, Nguyễn Lượng, Diệu Nguyễn, Quảng Hiền, Thiện Huy và Thiện Tấn tôi mới thấy được tấm lòng thành kính và ngưỡng mộ của đoàn sinh GĐPT dành cho quý Thầy Cô. Tôi mới hiểu tại sao mình thấy xúc động. Phải chăng vì tuổi đời chông chất, vì hoàn cảnh ly xử hay vì phong thái và đạo hạnh của quý tăng sĩ mà mình có duyên tiếp cận? Nhưng dù sao, những biến chuyển nội tâm này cũng làm cho cuộc đời hòa dịu hơn.

Tôi không mang màu áo Lam, nhưng tiếng chuông mõ, kinh kệ đã thâm nhập một cách tự nhiên vào trong tiềm thức, bởi tôi đã thường được nghe trong những giờ kinh lễ của GĐPT hay trong những thời công phu sớm tối của qui Thầy thuở tôi còn chung sống với gia đình ba mẹ cạnh một ngôi chùa.

Trải qua bao nhiêu thăng trầm với thời cuộc, Phật Giáo vẫn ở trong dòng sinh mệnh của dân tộc. Trải qua bao nhiêu hiểm họa diệt vong, Phật Giáo vẫn gắn liền với thịnh suy của đất nước. Quốc nạn là Pháp nạn. Pháp nạn là Quốc nạn. Bây giờ những người con Phật lưu vong, mới thấy thấm thía ý nghĩa bài ca Phật Giáo Việt Nam, để "... Một lòng chúng ta tiến lên vì đạo thiêng, Nào cùng vui trong ánh đạo vàng rạng ngời bốn phương" và "... cùng nắm tay kết nên một đài sen, cùng làm sao cho đóa sen ngời đời đời ngát hương, muôn phương thấm nhuần Phật Giáo Việt Nam".

Do đó hằng năm, bất cứ ở quốc gia nào có người con Phật lưu vong là có quý vị tăng sĩ lãnh đạo tinh thần đứng ra tổ chức các buổi đại lễ.

Nếu trong đại lễ Phật Đản, chúng ta thường hân hoan khi được nghe GĐPT hợp xướng bài "Mừng Ngày Phật Đản", thì trong đại lễ Vu Lan chúng ta được nghe bài hát "Bông Hồng Cài Áo". Bài hát này, cách đây 10 năm, đã được đạo hữu Tâm Bạch hát lần đầu tiên tại Chùa Viên Giác. Chị hát trong nước mắt- nước mắt của chị, nước mắt của những người tham dự. Chị kể về mẹ, nhớ tưởng về mẹ. Kể từ khi mẹ cười hạc quy tiên, chúng ta "... ngò đời mình không lớn

khôn thêm, như bầu trời thiếu ánh sao đêm...".

Bây giờ lại nghe Nguyễn Lượng hát, tôi cũng bồi hồi không cầm được nước mắt. Rồi tôi chợt cảm thông với Nguyễn Thành trong bài "Tâm Sự Người Cài Hoa Trắng", với giọng ca ngậm ngùi "... nghe cay đắng tìm về trong hồn" và "đôi mắt vui khi mẹ chẳng còn".

Hát để cho người nghe xúc cảm đã là khó, hát để cho người khác rơi nước mắt lại càng khó hơn. Nguyễn Thành, Nguyễn Lượng đã biết hòa mình vào trong bài ca, nên tiếng ca đã đi vào lòng người theo nhịp đập của trái tim.

Ngoài ra trong CD Nhạc Lam còn có những bài kinh được phổ nhạc, được trình bày qua các giọng ca rất trang trọng và tâm thành của Diệu Nguyễn trong "Sám Hối Kinh", của Quảng Hiền trong "Vô Úy Kinh" và của Nguyễn Lượng trong "Hạnh Phúc Kinh".

Những bài kinh nhạc này được viết với cung bậc âm thanh tương đối giống nhạc lễ Phật Giáo, nên dễ thích hợp và dễ hội nhập với lứa tuổi oanh vũ. Các cháu sẽ cảm thấy dễ dàng trong các buổi tụng niệm, vì hầu hết các cháu cũng chưa thông thạo tiếng Việt cho lắm.



Nhân cơ hội này, tôi cũng xin cảm ơn Ban Hướng Dẫn GĐPT VN tại Đức và các nghệ sĩ đã thực hiện CD Nhạc Lam. Đĩa CD này đã cho tôi những cảm xúc để tôi có dịp hồi tưởng lại các con, các cháu trong Ban Văn Nghệ của Chi Hội Phật Tử Hamburg trước đây- một trong những Ban Văn Nghệ khá hùng hậu, đã từng đóng góp thi-ca-vũ-nhạc-kịch-cải lương trong các buổi lễ Vu Lan, Phật Đản tại Chùa Viên Giác hay trong các sinh hoạt văn nghệ của cộng đồng người Việt tại địa phương hay ở các nơi khác.

Giọng hát, lời ca của các cháu thường làm chúng tôi hân hoan trẻ lại. Những vũ khúc, những hoạt cảnh thường làm cho chúng tôi nao nao nhớ về những tháng ngày bình yên trên quê hương...

Bây giờ, những đứa cháu thân thương, những con chim bé nhỏ yêu dấu của tôi đã trưởng thành, đã tốt nghiệp, đã vào đời. Có cháu nay đã thành gia thất tay bế tay bồng, những vẫn ừ ừ tiếng hát ru con.

Có cháu đã thiên cư lập nghiệp, nhưng lòng vẫn còn nhớ đến những tháng ngày sinh hoạt văn nghệ.

Có cháu hiện đang sống chung dưới mái nhà Lam- Gia Đình Phật Tử ở nhiều nơi trên xứ Đức.

Từ đó, các cháu lại có cơ hội hát những bài Đạo ca nhằm "... đem tiếng hát lời ca của mình giúp cho chính mình, giúp cho tha nhân đi vào cõi nội tâm yên tĩnh hòa hợp với ngoại giới hoạt náo qua tiếng nhạc, để rồi chúng ta làm một thế quân bình trong sự sống, sự tu cũng như sự học"(*), nhằm truyền đạt tinh thần Phật Giáo vào lòng nhân thế, làm cho lòng tràn thấm nhuần ý Đạo.

Nói chung, các cháu đã thể hiện một phần trách nhiệm của mình để đem Đạo vào Đời, đem lòng từ bi, vị tha đến cho Đời, mong biến Đời thành chốn an nhiên tự tại, thơm ngát hương thiên- một cõi Niết Bàn tại thế.

Tuy không phải là những ca sĩ chuyên nghiệp, không phải là những nhạc sĩ thành danh, nhưng những giọng ca trong sáng tinh thần Đạo Pháp, những tiếng hát âm tình Đạo vị trong màu áo Lam nhu hòa đã là những hình ảnh thân thương và quen thuộc với hầu hết những người con Phật tại xứ Đức này.

Quen thuộc không phải vì các cháu thường hay xuất hiện trong các buổi văn nghệ, thân thương không phải vì các cháu là con em của chúng ta, mà chính các cháu là những người đang "... hướng tâm mình vào sự chuyển hóa nội tâm để cho thế giới của thi ca, thế giới của âm nhạc, thế giới của lễ nhạc càng ngày càng được thăng hoa hơn" (*).

Bây giờ dù muôn trùng dấu biển, nhưng chúng ta cũng đừng quên thấp nển cho những hoài vọng, vun bồi cho những nỗ lực hành động để sớm giải trừ Pháp nạn ở quốc nội và truyền bá rộng rãi tinh thần bao dung và tử ái của Phật Giáo ở hải ngoại.

Trong mục tiêu đó, âm nhạc đóng một vai trò rất quan trọng để tác động vào lòng người, thấm nhập vào lòng quần chúng.

Đĩa CD Nhạc Lam này chính là một đóng góp ban đầu, là một hạnh nguyện Bồ Tát, một giọt Pháp Như Lai mà Ban Văn Mỹ Nghệ và Ban Hướng Dẫn GĐPT VN tại Đức nên biến lời ca tiếng hát thành một dòng suối vi diệu chảy vào lòng nhân thế...

Bằng tấm lòng của người đồng đạo, tôi xin ghi lại những cảm xúc khi nghe đĩa CD Nhạc Lam để gửi tặng Ban Hướng Dẫn và Ban Văn Mỹ Nghệ thuộc GĐPT VN tại Đức, đồng thời cầu nguyện hồng ân Tam Bảo gia hộ cho quý vị Bồ Đề Tâm kiên cố, Phật sự viên thành.

(Mùa Phật Đản, tháng 5.99)

(*) Trích trong "Lời Giới Thiệu" của Thượng Tọa Thích Như Điển, Cổ Vấn Giáo Hạnh GĐPT VN Đức Quốc, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Thanh Niên GĐPT VN tại Âu Châu.

Mọi ủng hộ về tinh thần và vật chất cho đĩa CD Nhạc Lam, xin liên lạc với:

Thị Hiện Nguyễn Hữu Lộc
Ban Hướng Dẫn GĐPT VN tại Đức Quốc
Schloßstr. 10 . 13059 Berlin -
Germany. Tel.: 030 - 32 10 23 25

Nghi thức PHÁT TÂM BỒ ĐỀ

Thượng Tọa Thích Nhất Chân
biên soạn

I. SÁM HỐI

Đệ tử..... con, từ vô thủy sinh tử đến nay, trôi lăn trong luân hồi, mang đủ thủ thân, tử thân cõi trời đến thân địa ngục, tạo đủ loại nghiệp, từ nghiệp nhân thiên đến nghiệp ác đạo, chiêu cảm quả báo luân hồi, chịu bao đọa đày, trải bao cam khổ, vẫn không tỉnh ngộ, đắm mê trong nhà lửa ba cõi, đắm đuối trong vũng lầy tử sinh. Đuộc chút phúc báo cõi trời, thì tự kiêu tự mạn, coi thường lời giáo huấn của Thế Tôn, lỡ là tâm thượng xót của chư Phật, nô lệ trong xiềng xích của ngũ dục, mà tưởng đâu là hạnh phúc chân thật, mù lòa giữa tăm tối của vô minh, mà ngỡ đâu là tri kiến chính xác. Thế nên, rời xa Tám Bảo, thân cận tà đồ, lạc đường ngoại đạo, muôn kiếp sai lầm. Đệ tử ngày nay khẩn thiết, phát lộ sám hối các tội lỗi trên !

Tuy nhiên, một mai chợt tỉnh, chỉ biết lo cho chính mình, hết lòng cầu giải thoát, chán ghét thế gian, sợ hãi luân hồi, kinh hoàng sinh tử. Thế nên, bất tín Đại Thừa, nghi ngờ đại Đạo. Là con của Phật - mà không dám phát tâm thành Phật cứu độ chúng sinh; là con của Phật - mà không dám thọ nhận bao kiếp luân hồi, hành Bồ Tát đạo lợi ích chúng sinh; là con của Phật - mà bỏ mặc sự nghiệp thành Phật độ sinh, cho bất cứ ai khác gánh vác, không chút quan tâm ủng hộ, không chút tán thán khích lệ; là con của Phật - mà lại hủy báng giáo pháp Đại Thừa, cho đó là pháp ngoại đạo, hoặc là ô nhiễm thế gian. Chẳng qua cũng vì tập khí ích kỷ ngã chấp xưa nay, nên nay gặp được đại Đạo, cũng chỉ bo bo thủ giữ tự kỷ, chẳng dám phát tâm vì người. Khiến nên lìa xa đại Đạo, tưởng lại Phật chúng cần khổ, mưa pháp mai sau không còn người tuôn, chúng sinh khổ đau nhờ ai đắc độ ? Nên ngày nay con thành tâm khẩn thiết, sám hối tâm tính ích kỷ, chỉ

biết lợi mình. Nguyên cùng mười phương chư Phật, vô lượng Bồ Tát thánh hiền, xót thương cho con mà chứng minh gia hộ : Từ nay cho đến tận cùng vị lai, xin bảo bọc con, xin chở che con, cho con thoát khỏi mọi tội vô minh ái đắm thế gian, mọi tội tà kiến chấp trước ngoại đạo, mọi lỗi lợi kỷ không màng cứu khổ thế gian.

**NAM MÔ THẬP PHƯƠNG THƯỜNG
TRỤ TAM BẢO TÁC ĐẠI CHÚNG MINH
(3 LAY)**

II. QUY Y TAM BẢO

1. Quy Y Phật

Con xin hưởng về - dành lễ và nương theo - mười phương vô lượng chư Phật. Vì luôn thương tưởng đến con - cùng với tất cả chúng sanh, vì hằng muốn cứu độ con - cùng với tất cả chúng sinh, vì nguyện che chở cho con - cùng với tất cả chúng sinh, nên các Ngài thị hiện ra đời, như các bậc tối tôn trong thế gian này. Để giữa biển khổ bao la - con có hải đảo kiên cố, và giữa sóng cả não phiền - con có bờ bến vững bền, cho con - và cho tất cả chúng sinh, luôn có được nơi nương tựa, luôn có được chốn an lành, để tiêu đi bao sợ hãi, để tan hết mọi ưu phiền.

Thế nên - con nguyện một lòng, chân thành quay về nương tựa - mười phương vô lượng chư Phật, từ nay cho đến tận cùng vị lai, các Ngài là các Thế Tôn của con, mà con duy nhất tôn quý dành lễ - tín tưởng nương theo...

**NAM MÔ MƯỜI PHƯƠNG VÔ LƯỢNG
CHƯ PHẬT THẾ TÔN (1 LAY)**

Con xin hưởng về - dành lễ và nương theo - mười phương vô lượng chư Phật, các Ngài là các - cha lành của con, mà luôn coi con - như là con một, ví dù tạo bao ác nghiệp, đưa con đến tận địa ngục, các Ngài cũng vẫn vào theo, để mà ra công cứu độ; dù con bao kiếp đọa đày, các Ngài cũng vẫn theo cùng, để mà bảo bọc nhắc nhở, kéo con ra khỏi đọa đày; dù con hủy báng tàn hại, các Ngài vẫn cử một lòng bất động thiết tha cứu vớt - cho con thoát khỏi ác quả.

Thế nên con nguyện một lòng, chân thành quay về nương tựa - mười phương vô lượng chư Phật, từ nay cho đến tận cùng vị lai, các Ngài là các cha lành của con, mà con duy nhất kính thương tưởng niệm - tìm về nương náu...

**NAM MÔ MƯỜI PHƯƠNG VÔ LƯỢNG
CHƯ PHẬT TỬ TÔN (1 LAY)**

Con xin hưởng về - dành lễ và nương theo - mười phương vô lượng chư Phật, các Bậc tử bi trái rộng - thăm nhập mười phương pháp giới, để mà che chở cho con - để mà bảo bọc cho con - với cùng toàn thể thế gian - lìa xa hết mọi khổ ái.

Con xin nương về chư Phật, các Bậc trí huệ sắc bén - như thanh bào kiếm kim cương, cắt đứt xích xiềng tham ái, đã bao kiếp nay trói chặt lấy con - giam trong nhà lửa ba cõi ngục tù; đâm thủng lưới thép vô minh, đã bao kiếp nay bủa vây kín con - chìm trong đêm dài luân hồi bất tận; nhổ bật gốc rễ não phiền, đã bao kiếp nay chôn chặt lấy con - vùi trong mảnh đất sáu nẻo tử sinh.

Con xin nương về chư Phật, các Bậc ánh sáng giác ngộ - như vàng thái dương rạng ngời, xua tan tất cả - bóng ma nhận ngã chấp chôn, đã bao kiếp nay - luôn rình rập con, để mà đe dọa - đàn áp khủng bố; phá tan tất cả - các cơn mộng mị - của bao hành nghiệp lao xao hư vọng, tạo nên vô lượng thế gian hư ảo. Để đánh thức dậy trong con - ánh sáng trí huệ chân thật, ánh sáng chan hòa vô biên, ánh sáng chữa chan vô lượng, ánh sáng vô trụ bất động.

Thế nên con nguyện một lòng, chân thành quay về nương tựa - mười phương vô lượng chư Phật, từ nay cho đến tận cùng vị lai, các Ngài là các - đạo sư tối thượng của con, mà con duy nhất tuyệt đối vâng lời - triệt để tuân hành - mãi mãi nương theo tu học...

**NAM MÔ MƯỜI PHƯƠNG VÔ LƯỢNG
CHƯ PHẬT VÔ THƯỢNG TÔN (1 LAY)**

2. Quy Y Pháp

Con xin hưởng về - dành lễ và nương theo - mười phương vô lượng tối tôn Pháp - là Pháp chư Phật tuyên thuyết. Các giáo pháp tối tôn này - mà bản thể là đại Bi, mà thật tướng là Trí huệ, mà công năng là đại Nguyện, đã do mười phương vô lượng chư Phật - một lòng thiết tha ban bố. Các giáo pháp tối tôn này - mà như phương thuốc trường sinh - đưa con đến miền bất tử, hay như ngọc chúa Ma Ni - cho con thỏa mọi ước nguyện, và như phương tiện tối hảo - để mà cứu vớt chính con - cùng với toàn thể chúng sinh - đến nơi bến bờ an ổn.

Thế nên con nguyện một lòng, chân thành quay về nương tựa - mười phương vô lượng tôn Pháp, từ nay cho đến tận cùng vị lai, các giáo Pháp này chính là ánh sáng - soi đường chỉ lối cho con, mà con duy nhất xin nguyện lắng nghe -

bằng đôi tai nhiếp thọ - bằng con tim tùy thuận - bằng khối óc sáng tỏ, để mà nương theo - tôn kính tuân hành...

NAM MÔ MƯỜI PHƯƠNG VÔ LƯỢNG VÔ THƯỢNG PHÁP (1 LAY)

Con xin hưởng về đánh lễ và nương theo - mười phương vô lượng thường trụ Pháp - là Pháp chư Phật giác ngộ. Các giáo pháp thường trụ này - vốn là ánh sáng chân thật, và là chân lý muôn đời - của chung tất cả mọi loài - dù với muôn vàn sai khác. Thế nên, cho dù thế gian tràn đầy đau khổ, song chân thật Pháp vẫn thường tịch lạc; cho dù chúng sinh vô minh tối mò, những thật tướng Pháp vẫn soi rọi; và dù luân hồi nổi trôi bất tận, bản thể Pháp vẫn như như bất động; dù cho chư Phật vắng bóng nơi đời, Pháp- chư Phật giác vẫn thường có mặt. Nhờ thế mà dù vô minh - hay dù phiền não dày đặc, con và tất cả chúng sinh - chắc chắn đều sẽ được độ. Thế nên con nguyện một lòng, chân thành quay về nương tựa - mười phương vô lượng thường Pháp, từ nay cho đến tận cùng vị lai, các giáo pháp này chính là hướng đi - vĩnh viễn mãi mãi của con, mà con duy nhất hướng đến nơi theo - không để bao giờ mất dấu...

NAM MÔ MƯỜI PHƯƠNG VÔ LƯỢNG - THƯỜNG TRỤ PHÁP (1 LAY)

Con xin hưởng về đánh lễ và nương theo, mười phương vô lượng pháp tính Pháp, là Pháp chư Phật khai thị, cho con và mọi chúng sinh ngộ nhập. Các Pháp mà là bản thể chân thật của con: bản thể của con chiếu sáng - song luôn thường hằng bất động, chính là trí huệ chân thật, tự giác tịch diệt cứu cánh; bản thể của con chiếu sáng - chiếu khắp bao la vô hạn, chính là đại bi bình đẳng, thể nhập pháp giới chúng sinh; bản thể của con chiếu sáng - chiếu soi tất cả không sót, chính là phương tiện thiện xảo, cứu độ trọn hết muôn loài; bản thể của con chiếu sáng - chiếu mãi không bao giờ tận, chính là công đức vô lậu, nhiều ích tất cả hữu tình. Thế nên con nguyện một lòng, chân thành quay về nương tựa - mười phương vô lượng thật Pháp, từ nay cho đến tận cùng vị lai, các giáo pháp này chính là hơi thở - mạng sống muôn đời của con, mà con duy nhất khuôn theo trì giữ - như giữ lấy chính mạng mình...

NAM MÔ MƯỜI PHƯƠNG VÔ LƯỢNG PHÁP TÍNH PHÁP (1 LAY)

3. Quy Y Tăng

Con xin hưởng về đánh lễ và nương theo - mười phương vô lượng hải hội chúng, bao la như mây như biển, vây quanh vô lượng các đấng Như Lai. Các Ngài là các bậc con đích tử - của khắp mười phương chư Phật, là các dòng dõi chính thống - của trọn cõi Pháp vương, và là các đấng Như Lai - của mọi chúng sinh mai hậu, cùng là các bậc Thế Tôn - của khắp muôn loài mai sau. Cũng vì lợi lạc cho con - và cho tất cả chúng sinh, mà các Ngài - sinh vào dòng dõi Như Lai, cũng vì an nguy cho con - và cho toàn thể chúng sinh, mà các Ngài - dưỡng nuôi Phật chủng bất đoạn. Thế nên con nguyện một lòng, chân thành quay về nương tựa - mười phương vô lượng thánh Chúng, từ nay cho đến tận cùng vị lai, các Ngài là các chúng hội của con, mà con duy nhất quy kính nương theo - tôn thờ đánh lễ...

NAM MÔ MƯỜI PHƯƠNG VÔ LƯỢNG HẢI HỘI VÔ THƯỢNG CHÚNG (1 LAY)

Con xin hưởng về đánh lễ và nương theo - mười phương vô lượng hòa hợp chúng, mênh mang như mây như biển, bao quanh vô lượng các đấng Như Lai. Các Ngài cùng nhau hòa hợp thanh tịnh, như nước hòa cùng với sữa, để cho Giới Pháp trường tồn, chúng sinh có nơi nương tựa; các Ngài cùng nhau hòa hợp đồng tu, vây quanh chư Phật hồi pháp, khiến cho chính Pháp tỏa rộng, chiếu sáng thế gian mù lòa, như các tia sáng quanh vàng thái dương, tụ hội để mà tỏa rộng - sáng soi mười phương tối ám; các Ngài cùng nhau hòa hợp lợi sinh, tụ hội vô lượng công đức, hợp lực phát triển mầm Đạo - của con và mọi chúng sinh, như mảnh đất ruộng phì nhiêu, tụ hội vô lượng màu mỡ, tăng trưởng phát triển phong thịnh, tất cả các mầm lúa non. Thế nên con nguyện một lòng, chân thành quay về nương tựa - mười phương vô lượng tịnh Chúng, từ nay cho đến tận cùng vị lai, các Ngài là các phước điền của con, mà con duy nhất gần gũi cúng dường - tin tưởng phụng sự...

NAM MÔ MƯỜI PHƯƠNG VÔ LƯỢNG HẢI HỘI PHƯỚC ĐIỀN CHÚNG (1 LAY)

Con xin hưởng về đánh lễ và nương theo - mười phương vô lượng trang nghiêm chúng, man mác như mây như biển, theo quanh vô lượng các đấng Như Lai. Các Ngài nguyện làm bằng hữu - của con và của chúng sinh, nên mới

cùng nhau hòa hợp - góp bao Trí huệ chiếu soi, để cho màn tối vô minh - của con trở thành trong sáng, cũng như vô lượng các vì sao đêm, tụ hội lại trên bầu trời, lấp lánh như ngàn kim cương, làm cho cả màn đêm đen - trở nên trong sáng thanh tịnh. Các Ngài cùng nhau hòa hợp - tụ bao tịnh Giới trong sạch, để bao tội lỗi của con - được hòa tan vào thanh tịnh, cũng như vô lượng giọt nước trong xanh, hợp lại thành biển trong sạch, làm cho một nắm bùn con, trở nên tan loãng trong lành. Các Ngài cùng nhau hòa hợp - hòa tan vô phân biệt trí, để cho ngã tướng của con, được hòa vào với Pháp thân, cũng như vách tường mái trần gỗ đẽ, cho khoảng không nhỏ trong nhà, chan hòa vào cõi hư không - bao la vô lượng bất động.

Thế nên con nguyện một lòng, chân thành quay về nương tựa - mười phương vô lượng đạo Chúng, từ nay cho đến tận cùng vị lai, các Ngài là chúng thiện hữu của con, mà con duy nhất thiết tha hòa hợp - cộng trụ hòa tan như một bản thể...

NAM MÔ MƯỜI PHƯƠNG VÔ LƯỢNG HẢI HỘI - TRANG NGHIÊM CHÚNG (1 LAY)

III. PHÁT TÂM

1. Phát Tâm Bồ Đề

Xét rằng con đã bao kiếp gặp vô lượng Phật, nghe vô lượng Pháp, tu vô lượng hành. Mà ngày nay đây vẫn cứ lần quẩn trong vô minh, loanh quanh nơi phiền não, ra vào chốn tử sinh, trôi lui trong luân hồi. Cũng bởi gốc chẳng biết phát Tâm đại Đạo, để cho ngã kiến hằng tồn, để cho ngã chấp chủ động, gieo nhân gặt quả trọn đều y nơi tâm Ngã : Như khi chưa gặp Phật nghe Pháp, thì nhất cử nhất động, đều do ngã tâm làm chủ, sống chỉ biết lo cho Ta, xây dựng cho Ta, ích lợi cho Ta và những gì của Ta. Mọi hoạt động của đời sống mình, chỉ là hoạt động của một cái Ta. Do đó mà ích kỷ này sinh, chỉ lo cho mình nên tham lam này sinh, so đo với người thì kiêu căng, tật đố, sân hận, này sinh... Nhân đó mà thúc đẩy thân khẩu tạo nghiệp. Nghiệp tạo thành nhân, chiêu cảm quả báo, củ thể mà nhân quả kéo dài, thành ra là luân hồi bất tận ! Nếu có hành thiện, thì cũng vẫn do bản ngã điều động; trên mặt hình tướng thì thiện ác là hai đối cực tương phản, song nơi mặt bản thể thì chỉ là một cái Ta mà thôi. Thế nên, thiện ấy vẫn chỉ là các hành nghiệp luân hồi, đưa vào các cõi

thú nhân thiên. Khi được hưởng các phước trời người, thì lại sinh ái đắm, hoặc là sinh kiêu mạn; cho nên có gặp Phật nghe Pháp, thì hoặc là lờ là không thích hợp, hoặc là hạch hỏi xem Phật có danh vọng thế lực gì trong đời không mà phục, hoặc là nhìn ngấm xem Pháp có mang lại được hưởng thụ nào không mà theo, hoặc chỉ biết thực hành các pháp hữu lậu để mà hưởng công đức, hoặc lại sử dụng Phật Pháp để chỉ tìm lợi dưỡng riêng tư. Do đó mà gặp Phật nghe Pháp cũng chỉ luống qua không, thế tục vẫn hoàn thế tục; đôi khi lại thành oan gia hủy báng, tạo thành ác nghiệp đọa lạc!

Hoặc nếu có kính Phật tin Pháp, mong muốn nương theo về Phật, thì chỉ mong sao cho được an thân, không dám phát Tâm đại Đạo; cần cầu được hành theo Pháp, thì cũng bị Ngã chủ động: Tôi tu, Tôi hành, Tôi đắc, Tôi chứng, cho mọi hoạt động của Ngã, mọi hành nghiệp của Tôi, là chân thật cụ thể để đưa đến Đạo quả, còn đối với việc phát Tâm, thì cho là tâm tưởng xuống, không phải là điều chủ yếu. Thế nên tu hành bao nhiêu, cũng chỉ khác với thế tục so trên phương diện hình tướng, còn thì ở nơi bản thể, cũng vẫn là một hoạt động của cùng một cái Ta thôi. Do đó nên tận cùng sức, cũng lạc vào cõi Thiên, Định, vòng vo không khỏi luân hồi.

Thế nên, từ nay cho đến tận cùng vị lai, con **nguyện** chân thành phát Tâm đại Đạo: khát khao Phật quả, thiết tha cần cầu con đường đưa đến Phật quả, hân hoan mong muốn thực hành con đường đại Đạo.

Con **nguyện** dồn hết bao nhiêu năng lực thiết tha mong cầu trong con, một lòng **mong** được Trí huệ vô thượng Bồ Đề.

Bên ngoài Trí huệ và Phật quả ra, con **nguyện** xả bỏ và không nương theo, bất cứ mục tiêu mong cầu nào khác, dù là trí huệ chân thật của bậc Nhị thừa, dù là kết quả tối cao của hàng La Hán, hay dù trọn hết vô lượng công đức của mọi cõi trời cộng lại.

Con **nguyện** duy nhất một lòng - chỉ cần thành Phật mà thôi.

NAM MÔ MƯỜI PHƯƠNG THƯỜNG TRỤ TAM BẢO TÁC ĐẠI CHỨNG MINH (3 LẠY)

2. Phát Tâm Đại Bi

Nếu thành Phật chỉ để tự lợi mà thôi., thì Bồ Đề của Nhị thừa chính là cứu cánh. Nay con cần cầu vô thượng Bồ Đề của mười phương vô lượng chư Phật,

chính là để cứu độ vô biên pháp giới chúng sinh, mà cũng là do vì phải cứu độ hết vô biên pháp giới chúng sinh, thì con mới chứng đắc được vô thượng Bồ Đề:

Bởi Tâm đại Đạo vô thượng Bồ Đề là Tâm giác ngộ, thấy rõ thật tướng của tất cả các Pháp là Không, vô ngã, tịch diệt, vắng lặng cứu cánh. Do tất cả các Pháp sở duyên là tịch diệt vô ngã, nên Tâm Bồ Đề năng chiếu cũng vô ngã tịch diệt. Tâm và Cảnh đều không tịch vắng lặng, thì đó vốn là cảnh giới cứu cánh tự lợi của Nhị thừa. Tâm giác của Phật không ngừng tại đó, bởi Tâm giác tuy tịch mà chiếu: chiếu thấy có ta có người, vô lượng chúng sinh đều như huyễn hóa không thật, chính tức là Không, vô ngã, tịch diệt; song vì chúng sinh không giác, nên khởi đủ thủ hành nghiệp vọng động, tạo nên vô lượng cảnh giới hư ảo. Chư Phật với Tâm bồ đề chiếu rõ cảnh giới chúng sinh huyễn ảo không thật như thế, các Ngài mới hừng khởi dậy Tâm đại Từ Bi, ứng theo nhân duyên chúng sinh, mà thành có ta có người.

Ta đó của Phật, nhân duyên theo chúng sinh mà có, có thể là Đại Bi, dụng hay hành nghiệp là phương tiện độ sinh, cứu cánh là thường hằng tịch diệt, Không, vô ngã. Ta đó của Phật vì muốn cứu độ vô lượng vô biên pháp giới chúng sinh, mà ở trong nhân duyên của chúng sinh, phát tâm thành Phật, tu vô lượng công đức, hành viên mãn lục độ, trong bao vô lượng kiếp, để nhiều ích chúng sinh, để thủ hộ hữu tình, mà độ tận không sót. Ta đó của Phật không phải là Ngã kiến, không phải là Ngã chấp, không phải là một cái "Tự", đối lại với các cái "Tha" của tất cả chúng sinh; mà Ta đó do nhân duyên nơi chúng sinh mà có, Ta đó có vì tất cả chúng sinh và cho tất cả chúng sinh, Ta đó là để độ sinh và để lợi ích cho tất cả chúng sinh. Ta đó chính là Tâm đại Từ Bi cứu độ vô lượng chúng sinh của khắp mười phương vô lượng chư Phật.

Thế nên, từ nay cho đến tận cùng vị lai, con **nguyện** chân thành phát Đại Bi Tâm; khát khao cứu độ chúng sinh, thiết tha thực hành lục độ lợi ích chúng sinh, hân hoan tùy thuận nhiều ích chúng sinh.

Con **nguyện** dồn hết bao nhiêu năng lực tình cảm thiết tha trong con, đều chuyển thành Đại Bi Tâm: chúng sinh mà độ chưa hết, thì năng lực Bi Nguyện trong con sẽ không cùng tận.

Con **nguyện** vĩnh viễn sẽ không bao giờ xả bỏ chúng sinh, dù có vì thế mà phải lìa xa Niết Bàn, trôi lăn ở trong sinh tử; dù cho tất cả tội lỗi, phiền não cũng như

khổ đau, đều từ do nơi chúng sinh mà ra; dù bao gian nan khổ nhọc, con phải nhẫn nại chịu đựng, để mà lợi ích chúng sinh; chỉ miễn nhiều ích chúng sinh, thì dù chúng sinh bất tận, phiền não chúng sinh không cùng, con nguyện cam tâm hoan hỉ.

Con **nguyện** duy nhất một lòng - độ tận chúng sinh mà thôi.

NAM MÔ MƯỜI PHƯƠNG THƯỜNG TRỤ TAM BẢO TÁC ĐẠI CHỨNG MINH (3 LẠY)

IV. HỒI HƯỞNG

Mười phương chư Phật Thế Tôn, cùng chư đại Bồ Tát, đều do phát tâm Bồ Đề, mà thành chính đẳng chính Giác. Bồ Đề Tâm như dưng tướng vô địch, Bồ Đề Tâm như vũ khí tối lợi hại, chiến thắng và đánh bại tất cả các Ma quân ở trong cũng như ngoài. Bồ Đề Tâm là đất bằng an ổn, lìa xa sóng gió của phiền não; Bồ Đề Tâm là đầu non cao ngất, mà bao ngọn sóng xô của biển khổ, cũng không bao giờ bén mảng tới được. Bồ Đề Tâm là Tâm tối thắng trong tất cả các tâm, là Tâm tối thượng trong tất cả các tâm, bao la to lớn nhất trong tất cả các tâm, vì Bồ Đề Tâm tổng tri hết tất cả các tâm, nhiếp thọ hết tất cả các tâm, như hư không dung chứa trọn hết mọi pháp. Bồ Đề Tâm là Tâm tối thiện, đại thiện, đệ nhất thiện, đệ nhất chân thật thiện trong tất cả các tâm thiện, vì Bồ Đề Tâm là năng lực duy nhất làm chuyển hóa và cứu độ được vô lượng chúng sinh. Bồ Đề Tâm là Tâm chân thật nhất, thanh tịnh nhất, tôn quý nhất trong tất cả các tâm, vì Bồ Đề Tâm là năng lực bất tận phát sinh vô lượng vô biên không cùng tận chư Phật và chư đại Bồ Tát...

Công đức của số phát tâm Bồ Đề do đó mà vốn vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn. Chỉ trong một niệm phát Tâm, công đức cũng đủ không bao giờ tận, huống gì nay con nguyện phát Tâm vô thượng Bồ Đề độ tận chúng sinh không sót, cho đến tận cùng vị lai. Công đức bất tận bất khả thuyết này, con nguyện không chút xén tiếc, không hề một niệm lưỡng lự, mà xin hồi hướng trọn vẹn trao về cho mọi chúng sinh, nguyện cho toàn thể pháp giới chúng sinh cùng con chứng đắc vô thượng Bồ Đề, đồng đẳng cùng với mười phương vô lượng chư Phật không có chút gì sai biệt.

NAM MÔ MƯỜI PHƯƠNG THƯỜNG TRỤ TAM BẢO TÁC ĐẠI CHỨNG MINH (3 LẠY)



TU

gieo duyên

Thích Như Điển

Nhiều người chưa hiểu rành rẽ chữ tu là gì; nên sợ phải vào chùa cắt tóc, giữ sạch nợ trần ai, mặc áo nâu sồng v.v... nên đã khua tay múa chân, rồi bảo: "Đời còn tuổi trẻ, vợ gì phải tu như thế, để già rồi, khi rảnh nợ trần gian mới thế phác, quy y v.v..."

Tuy nhiên ngày nay trên khắp thế giới, nhan nhân nơi đâu cũng nghe về tu hoặc học. Có kẻ tu Thiền, có người tu theo Mật. Có kẻ tu Tịnh Độ; người tu theo lối giữ giới hoặc trì kinh v.v... như thế, chẳng luận là ở chùa mới tu được, mà ở nhà, hay ở bất cứ nơi đâu trong cuộc sống của mình cũng đều có thể tu được cả. Nhưng tu gieo duyên là gì? Xin thử tìm hiểu vấn đề này.

Đầu tiên phải hiểu chữ tu cho rõ như sau: Tu có nghĩa là sửa đổi lại. Xấu đổi thành tốt; tà vậy đổi thành ngay thẳng, chân chính. Lâu nay chúng ta sống một cuộc sống không định hướng, hoặc bị những phiền não của thế gian làm khuấy động nội tâm; nên tu có nghĩa là, chúng ta làm sao có thể làm chủ chính mình, để cuộc sống của mình thẳng hoa hơn và có ý nghĩa hơn. Cuộc đời của mỗi chúng sanh giống như là một ly nước vẩn đục. Ở đây có thể ví cho một màu đen sẫm. Do vậy mà chúng ta cứ mãi mãi sống trong vòng của vô minh, sanh tử luân hồi. Trong các phép tu như: tán thán, phát nguyện, hồi hướng, lễ bái, sám hối, trì tụng - hoặc giả ngồi thiền, niệm Phật, tụng kinh, trì chú v.v... sẽ tạo cho ta một cái đức. Cái đức ấy tuy vô hình; nhưng sẽ có khả năng chuyển hóa những khổ đau; những nghiệp lực trong cuộc sống bình thường của chúng ta, như là những giọt nước trong, có khả năng dung hóa từ từ ly nước nghiệp đã bị màu đen làm vẩn đục, để rồi ngày qua ngày, tháng qua tháng, năm qua năm, ly nước ấy sẽ đổi từ màu đen sang màu hồng, màu vàng, qua màu nhạt, để rồi một ngày nào đó, nghiệp chúng ta sạch, ly nước kia sẽ trở thành trong suốt. Lúc ấy bản thể như nhiên của ta và của vũ trụ là một, không có hai. Không đến, không đi, không còn, không mất, không được, không thua. Ấy là chân như diệu hữu vậy. Nhưng bao giờ thì ly nước nghiệp ấy trong? Câu trả lời ấy tùy theo sự dụng công tu học của mỗi người. Ai

siêng năng tinh tấn thì chỉ trong một đời. Ai biếng nhác, đổ thừa vì lý do này hay lý do nọ thì có thể cần đến nhiều đời nhiều kiếp.

Chúng ta mỗi sớm mai hay mỗi tối lên chùa lễ Phật, chúng ta bặc bạch thưa thỉnh lên Đức Thế Tôn những câu tán thán như:

**"Thế Tôn sắc thân như kim sơn
Diệp như thiên nhụy chiếu thế gian
Năng bạt nhứt thiết chủ khổ não
Ngã kim đành lễ đại pháp vương"**

Nghĩa là:

**"Sắc thân Như Lai như núi vàng
Như ngàn mặt trời chiếu thế gian
Hay trừ tất cả các khổ não
Con nay đành lễ bậc pháp vương"**

Đây là những lời tán thán công đức của chư Phật, để ta thấy rằng ta nhỏ bé, ta phước mỏng mà nghiệp dày, để nêu cao công đức của chư Phật; ngày lại tháng qua, ta sẽ được sức giá trị từ chư Phật và chư vị Bồ Tát.

Hoặc giả chúng ta cần phải phát tâm Bồ đề để hóa độ chúng sanh. Tâm Bồ Đề ấy do mình tự phát, không thể do người khác sai bảo mà mình có được. Ví như tự phát nguyện ăn chay trường để cứu khổ cho biết bao nhiêu vạn sinh linh, đang khổ đau vì cái ăn cái uống của mình. Không những thế mà còn phát Bồ Đề Tâm đưa tất cả chúng sanh vào các cảnh giác ngộ giải thoát và điều cuối cùng là phải thoát ly sanh tử luân hồi, thì tâm mới an vui tự tại.

Như thế rồi, mỗi đêm công đức ấy hồi hướng đến tất cả pháp giới chúng sanh. Nguyện cho tất cả chúng sanh đều thành được vô thượng chánh chân, chủ không phải chỉ hồi hướng phần phước đức lợi lạc ấy cho chỉ riêng mình. Như thế mới là thân hành Bồ Tát đạo, tâm hành Bồ Tát hạnh.

Mỗi ngày phải siêng tu lễ bái danh hiệu Phật để trường dưỡng tâm từ bi, lợi tha và bình đẳng của chư Phật. Mỗi một lạy Phật, tiêu trừ đi một tội lỗi của nhiều đời nhiều kiếp hoặc vô tình hoặc cố ý, hoặc che giấu, hoặc phôi bày, chúng ta đều như nhứt lễ bái nguyện cầu cho phước sanh, nghiệp giảm thì chúng ta mới có khả năng đi cứu độ những chúng sanh khác.

Tội của ta từ trong vô lượng kiếp, chất chồng như núi Tu Di, chỉ có ta - chính ta dùng tự lực sám hối và chính nhờ sự phát tâm dũng mãnh này mà cảm ứng đến chư Phật, chư Bồ Tát trong mười phương pháp giới mới soi sáng tâm ta. Nhờ trợ duyên về tha lực này mà ta thấy được chính mình và từ đó, ta mới có thể hòa nhập vào thế giới hoa tạng của chư Phật.

Kinh Phật có vô lượng nghĩa và pháp Phật có vô lượng công đức. Vì vậy trì kinh, niệm chú hay in kinh sách ấn tống v.v... thì phước đức vô lượng. Vì mỗi lời kinh là mỗi lời châu báu, là mỗi giọt nước cam lồ có thể làm cho tâm ta trong sáng lạ thường. Do vậy mà chúng ta nên siêng năng tụng kinh, trì chú để nội tâm của chúng ta càng ngày càng được phong phú và từ đó ly nước nghiệp của chúng ta ngày càng trong suốt.

Nếu ai trong chúng ta siêng năng hành trì 6 pháp môn này hằng ngày, hằng giờ thì chắc chắn sẽ có kết quả. Nhưng mấy ai thấy được cái lợi ích của sức mạnh vô hình này? Thông thường, ai trong chúng ta cũng mong làm cái gì đó phải có kết quả liền thì mới tin rằng, điều ấy có hiệu lực; những cái giá của giải thoát và của sanh tử luân hồi, không phải mua và trả bằng tiền, mà trả cả một hay nhiều kiếp trong sự siêng năng tinh tấn tu hành, thì mới mong xa rời được những cám dỗ của thế gian này.

Trên đây là định nghĩa đơn giản về chữ "Tu". Còn gieo duyên là gieo cái gì đây? Ở đây động từ "gieo" mang hàm một ý nghĩa, một động tác đã, đương và sẽ bắt đầu một sự kiện. Chúng ta rằng chúng ta đang hạ thủ công phu. Không phải chỉ nói suông, mà đã bắt đầu vào cuộc rồi đó. Người tu hành giống như người nông phu gieo lúa vào ruộng, để sanh ra cây mạ, rồi mạ con sẽ trở thành cây lúa và lúa sẽ đơm bông, kết hạt. Sau 3 tháng chúng ta sẽ gặt lúa về nhà. Như vậy, nếu có gieo thì chắc chắn sẽ có gặt. Nhân là hạt lúa thì quả sẽ ra nhiều hạt lúa khác nữa. Cứ thế 1 sẽ thành 2, thành 5 và thành 10. Nhân tử bi cũng vậy. Nếu chỉ gieo một tâm tử bi vào ruộng phước điền của Như Lai, thì chắc chắn quả quả giải thoát sẽ sinh ra muôn lối cho mình và cho chúng sanh đủ hoặc dư dùng. Tuy nhiên nhiều khi gieo hạt giống lép thì cây lên sẽ èo ọp. Do vậy phải chọn giống mà gieo, giống ở đây là giống tử bi, lợi tha, trí tuệ và vô ngã v.v... Nếu chúng ta gieo những giống này thì chắc chắn chúng ta sẽ có những quả tương xứng với cái nhân kia. Còn chúng ta chỉ khư khư gieo những giống của phiền não khổ đau, của luân hồi sanh tử, của ái dục, của si mê, của hận thù thì chắc chắn quả kia không bao giờ ngọt được. Chỉ có toàn là những vị đắng của cuộc đời mà thôi.

Trên chiếc y của Phật, các vị Bồ Tát hoặc của chư Tăng Ni đều có những mảnh ruộng dài ngắn khác nhau. Đây gọi là: phước điền y. Nếu ai đó, dầu cho là Phật Tử tại gia hay xuất gia gieo những hạt giống giác ngộ, hạt giống phước đức vào những mảnh ruộng này thì sẽ phát sanh ra những quả lành, quả giải thoát. Vì nơi chính tự thân của các Ngài là nơi để cho chúng sanh nương nhờ và từ cái bến bờ của tâm nguyện ấy, có thể đưa chúng sanh đến được những nơi chốn an vui hơn. Gieo như thế cũng gọi là gieo duyên. Duyên đây là nhân duyên với Phật Pháp, hoặc là nhân duyên với Tam Bảo. Gieo duyên cho các đời kế tiếp v.v...

Ở các nước Phật Giáo Nam Tông như Lào, Thái, Cao Miên v.v... từ dân cho đến quan, đến Vua, là người nam, trong suốt cuộc đời họ, phải đi tu một lần; ít nhất là một tuần, đến một tháng hay nhiều năm, tùy theo lời nguyện của mỗi người. Hoặc giả đôi khi cũng có người tu suốt cuộc đời của mình tại những chốn thiền môn yên tịnh, hay ở những nơi thâm sơn cùng cốc, để tìm về

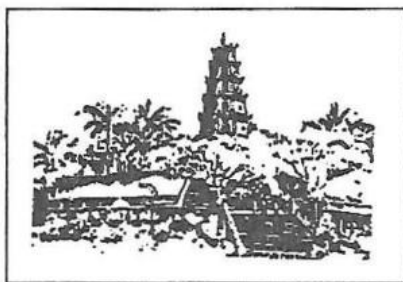
con đường giải thoát mà chính người đó đã chọn. Ở các nước này người Phật Tử quan niệm rằng: Nếu là thanh niên, đàn ông, con trai mà không vào chùa để tu như vậy thì không có đạo đức, sau này thành lập gia đình sẽ không bảo đảm đời sống nội tâm; nên khó bề mà đi lấy vợ. Đó là quan niệm đón thuận đã thành nề nếp ở những xứ này. Tuy nhiên cũng có nhiều người quan niệm rằng tu một tuần hay 10 ngày, nửa tháng hoặc hơn nữa là để báo hiếu cho mẹ cha, khi mẹ cha đã mãn phần. Tục lệ này cũng hay. Vì không phải sống riêng cho chính mình, mà vì ơn sanh thành dưỡng dục của mẹ cha, mà người con trai ấy đã hy sinh mái tóc xanh, thuộc một phần thân thể của mình để đền ơn đáp nghĩa. Đây cũng là một nghĩa cử đẹp của những tập tục Phật Giáo theo các xứ Nam Tông này. Tập tục này cho đến bây giờ các dân tộc này vẫn giữ. Đây là một truyền thống đẹp.

Riêng về Việt Nam chúng ta thì bị ảnh hưởng của Đạo Khổng nhiều; nên trong tất cả mọi sự báo hiếu, bị Nho gia chế ngự nhiều hơn là Phật Đạo. Phải thành thật mà nói như thế, vì Khổng Giáo đã ăn sâu vào nề nếp phong tục của người Việt Nam từ mấy ngàn năm nay. Đôi khi lại nhuộm mùi mê tín dị đoan trong khi lo báo hiếu. Phật Đạo cũng đã có mặt tại Việt Nam mấy ngàn năm nay; nhưng triết lý của Phật Giáo thì quá cao siêu màu nhiệm khiến cho những người dân bình thường khi theo Phật Giáo khó thâm nhập và khó hành trì những tinh thần vô ngã, không và vô tướng này. Đạo Phật phổ cập; nhưng phải chia ra nhiều loại và nhiều tầng lớp dân chúng khác nhau. Tuy Đạo Phật lâu đời là vậy; nhưng người hiểu Đạo Phật một cách đúng đắn và thực hành theo mọi pháp môn không phải là nhiều. Khởi đi từ tinh thần và lý do này; nên năm nay Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu sẽ có hai chương trình tu gieo duyên ngắn hạn cho Phật Tử tại gia, gồm hai điều như sau:

Từ ngày 1 đến ngày 14 tháng 7 năm 1999, tại Chùa Viên Giác, chú Tăng Ni Âu Châu sẽ làm lễ Kiết giới An Cư trong 2 tuần lễ. Trong 2 tuần lễ này nếu các Phật Tử tại gia nào muốn phát tâm tu gieo duyên với Tam Bảo hoặc để báo hiếu với mẹ cha, đều có thể thực hiện được. Hình thức là làm lễ xuống tóc (điều này tự nguyện, không bắt buộc), thọ hạnh của người xuất gia sống thanh tịnh suốt 2 tuần lễ này tại chùa. Nếu một số quý vị chỉ muốn tu học, nhân việc chú Tăng Ni vẫn tập về đây an cư trong thời gian này với hình thức hộ trì Tam Bảo, ủng hộ Phật Pháp được xiển dương. Điều này cũng xin tán thán, xin tự tiện về chùa, không cần thông báo trước.

Điều thứ 2 mà Giáo Hội Âu Châu, đặc biệt là Thượng Tọa Tổng Vụ Trường Tổng Vụ Tăng Sự đã chuẩn y cho các vị đã thọ Bồ Tát giới tại gia theo tinh thần cũ là đã ăn chay trường, giữ hạnh thanh tịnh, đang giữ 10 giới trọng, 48 giới nhẹ; hoặc giả giữ 6 giới trọng, 28 giới nhẹ theo tinh thần của

Kinh Ưu Bà Tắc giới và do Ngài Thái Hư Đại Sư chủ xướng vào đầu thế kỷ thứ 20 này tại Trung Hoa, thì cả 2 trường hợp trên đều được đắp y màu nâu, 2 miếng chắp lại, gọi là man y. Y này chỉ đắp được khi có khóa giáo lý tại Âu Châu và khóa An Cư Kiết Hạ của chú Tăng tại Âu Châu trong vòng 4 tuần lễ tất cả vào khoảng tháng 7 dương lịch mỗi năm mà thôi. Sau đó các vị Bồ Tát giới tại gia mang y nâu này về thờ tại tư gia của mình, chủ không được phép đắp y này đi cúng bái hoặc bố tát. Vì lẽ không có sự đảm bảo khi xử dụng pháp y của Phật, khi không có sự đồng ý của chú Tăng và Tăng Sự; do vậy mong rằng quý Đạo Hữu và quý Phật Tử xa gần sẽ hoan hỷ đón nhận niềm vui này, đồng thời cũng hoan hỷ cộng tác cho những đề nghị của Giáo Hội Âu Châu đã đề ra. Vì đây là lần đầu tiên của Âu Châu thực hiện.



Thật sự ra việc tu gieo duyên các nước Nam Tông Phật Giáo đã có từ bao đời nay. Việc đắp y nâu của Bồ Tát giới tại gia ở Trung Quốc cũng đã thực hành từ lâu; nhưng ở tại Việt Nam, trong cũng như ngoài nước đều chưa trở thành thói quen hay luật lệ. Do vậy Giáo Hội tại Âu Châu tạo phương tiện cho quý Phật Tử tại gia tu học, nhằm gieo duyên với Tam Bảo. Đây là một sự tổng hợp những cái hay của Nam Tông và Bắc Tông để Phật Giáo Việt Nam chúng ta có một lối đi khác, nhằm giúp đỡ và tạo cơ duyên cho những vị muốn xuất gia cả cuộc đời nhưng chưa thực hiện được. Chỉ có cách này mới giúp cho các Phật Tử như thế được mãn nguyện tòng tâm mà thôi. Ngoài ra việc đắp y thọ giới, ở đây mỗi chỉ nằm về vấn đề giới tướng mà thôi. Người tu Phật chú trọng ở phần giới tánh nhiều hơn, chủ không phải ở phần giới tướng. Do vậy, dầu người đã thọ Bồ Tát giới rồi, có y áo do chú Tăng trao truyền đi nữa, điều ấy cũng chỉ có nghĩa là khuyến tấn chính quý vị và những người đi sau càng nên nỗ lực nhiều hơn để tiến tu đạo nghiệp và những phương tiện này chỉ là những hành trang để thực hành con đường Bồ Tát đạo mà thôi.

Ngày xưa vua Lương Võ Đế của Trung Hoa chỉ gieo một nhân nhỏ là lấy nón của mình đang đội đem che cho một tượng Phật bị dãi dầu với sương gió, mà kiếp lai sinh đã được làm Vua. Hoặc giả trong Kinh Pháp Hoa cũng đã có điển giải rằng: Có những đứa bé lấy đất sét nắn thành một tượng Phật với tâm cung kính mà sau này cũng sẽ là một vị Phật ở đời vị lai. Hoặc đọc *Tiền*

Thân của Đức Phật trong vô lượng kiếp trước, lúc nào Ngài cũng thực hiện hạnh bố thí, xả lý để cầu đạo vô thượng chánh giác; nên sinh ra trong đời nào Ngài cũng thành tựu nhiều quả vị khác nhau. Ngược lại cái nhân của việc ngược đãi cha mình là Vua Tần Bà Sa La thì sau này A Xà Thế cũng đã bị hành nghiệp dẫn dắt vào con đường mê lộ. Hoặc như Đề Bà Đạt Đa hay Da Xá; tất cả đều vì danh lợi, sắc tướng chủ không phải vì việc giải thoát sanh tử nên đã làm cho giáo đoàn phân ly và kết cuộc Giáo Hội của Đề Bà Đạt Đa hay của Da Xá chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn để rồi mãi mãi mai một với thời gian. Nếu có còn chăng, chỉ là những hình ảnh của ma giả Phật mà thôi. Ngày nay những Giáo Hội như thế này không phải là không còn tồn tại; nhưng chỉ dưới những hình thức khác.

Do vậy Giáo Hội Âu Châu đã tuyển lựa ra một pháp môn hợp lý nhất cho các Phật Tử tại gia tu gieo duyên, không sớm thì muộn, chắc chắn nhân xuất gia và quả giải thoát sẽ đến với quý Phật Tử không xa, hoặc trong đời này, hoặc ở những kiếp sống gần đây thôi. Xuất gia là một hạnh viễn ly, xa rời các sự trói buộc, để bước vào hàng thánh trí. Không phải xuất gia để tìm một đời sống lợi dưỡng cho cá nhân mình. Vì nơi thiền môn tuy rộng rãi, nhưng không kham nổi để chứa chấp những tâm hồn còn đầy tục lụy như thế. Dĩ nhiên chúng ta còn là hàng chúng sanh, vẫn còn bao nhiêu cái thường tình của nhân thế; nhưng không vì thế mà chúng ta xa rời Phật tánh của mình. Chúng ta chưa phải là Phật, là Bồ Tát; mà chúng ta chỉ là những người học và hành theo hạnh của Phật cũng như của chú vị Bồ Tát mà thôi.

Đại Thừa giáo được gọi là phương tiện hoặc giải thoát môn. Ai đi vào cửa ngõ này, chính là đi vào ngôi nhà phương tiện vậy. Mà phương tiện để làm gì? Ấy cũng không ngoài mong con người vào con đường liễu ngộ chân tâm Phật tánh của mình, ngoài ra không có một mục đích nào khác.

Hôm nay tôi viết bài này với cả một tấm lòng và mong rằng vườn hoa giác ngộ tại Âu Châu nói riêng, tại ngoại quốc nói chung càng ngày càng trở ra, nở lên những bông hoa tươi thắm như thế để điểm tô cho cuộc đời này vốn đã nhiều khổ đau, tục lụy, được thăng hoa hơn, được ý nghĩa hơn nữa. Có như thế mới thực hiện được lời di huấn của Đức Thế Tôn, mà mấy ngàn năm sau vẫn còn vang vọng nơi chốn trời Tây này.

Một lần nữa, mong rằng mùa An Cư Kiết Hạ năm nay sẽ có nhiều tâm hồn mới, biết hưởng về và nói lên tinh thần quyết tâm cầu đạo của quý vị Phật Tử tại gia, để rồi một mai đây nơi Liên Trì Hải Hội sẽ gặp gỡ nhau dưới ánh tử quang của Đức Phật A Di Đà.

Mong lắm thay.

Viết xong vào một sáng mùa Xuân tại thư phòng chùa Viên Giác - tháng 5 năm 1999.



LỐI VÀO

Lâm Thao

Hàng năm, cứ đến ngày Phật Đản là các chùa lại tổ chức rước tượng Phật sơ sinh, tay chỉ trời, tay chỉ đất để rao rằng "Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn". Ta có thể coi đây là lời giảng đầu tiên của Phật nhằm chỉ cho mọi loài thấy rằng chỉ có cái "ta thật" (chân ngã) mới là vật duy nhất đáng quý (độc tôn).

Sau này, Phật lại dạy "tất cả chúng sinh đều có Phật tính", mà đã sẵn có Phật tính thì cuối cùng đều sẽ thành Phật; và do đó "Ta là Phật đã thành còn chúng sinh là Phật sẽ thành".

Cái Ngã hay Chân Ngã (tức cái ta thật) ở câu trên với cái tính Phật ở câu dưới chỉ là một. Nó cũng còn có tên là chân tâm, tự tính, tri kiến Phật, bản lai diện mục v.v... và là mấu chốt của đạo Phật; còn cái thân sinh diệt vốn thay đổi luôn luôn cùng cái tâm giới nhỏ, nghĩ, tính, lường, nay thế này, mai thế khác không phải thật thân ta, thật tâm ta. Nhận những thứ vô thường, giả tạm đó là thật thân mình, thật tâm mình là bị vô minh làm mê lầm vậy (kinh Viên Giác).

Đạo là con đường, Phật là giác/biết; Đạo Phật là con đường dẫn ta đến chỗ giác/biết, nhận ra cái ta thật (chân ngã, chân tâm, Phật tính, tri kiến Phật v.v...) của mình để sống trở lại với nó dần dần. Tuy nhiên cái đó nó lại vốn không hình tướng, không chỗ nơi nên chẳng ai chỉ được nó cho ai cả mà mọi người phải nỗ lực tự cảm nhận ra nó mà thôi. Muốn nhận ra được nó ta phải cố giữ cho tâm mình tĩnh / lặng. Tĩnh/Lặng lâu tâm sẽ sáng dần ra và khi tâm đã sáng đến độ nào đó thì "cái ấy" sẽ tự hiện ra cho ta thấy (kinh Viên Giác nói "tĩnh cực tiện giác" là như thế). Vì thế mà tất cả mọi pháp môn tu hành của đạo Phật đều chỉ có một mục đích là Minh tâm / Kiến tính (nghĩa là làm sao cho tâm sáng dần để nhờ đó mà thấy được tự tính).

Muốn cho tâm sáng dần thì phải chặn nó lại, không cho nó nghĩ, nhỏ, suy, lường...; do đó mà Phật dạy phải tụng kinh, niệm Phật, trì chú, ngồi thiền v.v... để cho tâm mình tĩnh / lặng. Tĩnh/Lặng lâu tâm sẽ sáng dần mà sáng tâm thì thấy tính và thấy tính sẽ thành Phật.

Lại chính Phật cũng đã nói trong kinh Pháp Hoa rằng: "Chữ Phật chỉ vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ở đời, đó là khai thị cho chúng sinh ngộ nhập tri kiến Phật". Do đó mở bày (tức khai thị) cho chúng sinh tự nhận ra (tức ngộ) rồi sống với (tức nhập) cái chân ngã, chân tâm, tự tính (tức tri kiến Phật) của chính mình là mục đích chính yếu của đạo Phật vậy.

Ai không cầu Minh tâm / Kiến tính mà chỉ cầu phúc báo nhân / thiên là chỉ mời đi men theo, đi bên lề chứ chưa đi đúng trên con đường Phật chỉ. Tuy nhiên đi men theo cũng vẫn còn hơn không đi hoặc đi ngược lại.

Năm 520, Tổ Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Hoa, được vua Lương Vũ Đế thỉnh vào cung cúng dường. Vua Vũ Đế, vốn rất mộ đạo, trình Tổ những việc mình đã làm như xây 72 cảnh chùa, nuôi 3.000 Tăng sĩ cùng ấn tống vô vàn kinh sách để hỏi Tổ xem mình làm như thế được bao nhiêu công đức. Tổ đã lạnh lùng trả lời là "chẳng có công đức gì" khiến vua Vũ Đế bàng hoàng, bất mãn như bị số nước lạnh giữa mùa đông. Những Phật tử thường lên chùa cầu tài, cầu lợi nên suy ngẫm việc này. Vua Vũ Đế vì tham phúc báo mà làm nên những việc làm đó chỉ tạo được phần phúc đức sinh diệt cho tâm mình sáng thêm lên được tí nào nên không giúp mình tiến được bước nào trên con đường giải thoát. Đó là lối tu cầu phúc báo chứ không phải là lối tu cầu giải thoát. Tu cầu phúc báo cũng tốt vậy, nhưng không thể nào so sánh được với lối tu cầu giải thoát. Do đó mà trong kinh, Phật thường dạy là "dù có bố thí của báu đầy trời đi nữa cũng vẫn không bằng chỉ sống đúng theo bốn câu kệ" còn Tổ Đạt Ma cũng dạy rằng "Nhược năng vô niệm tất chân cầu. Cảnh nhược hữu cầu hoàn bất thức" (nếu giữ cho tâm mình được vô niệm thì đó là cầu đúng; nếu còn có cầu việc gì khác nữa thì đều là chưa hiểu).

Có những người, tự cho mình là thông minh, đã tưởng rằng củ đào bởi kinh / sách, củ suy nghĩ, tìm tòi tất sẽ thấy Phật tính. Họ đâu có biết nó là cái càng nghĩ càng xa, càng tìm càng không thấy. Chỉ cần giữ cho tâm mình tĩnh / lặng, rộng / sáng tự nhiên thì lâu ngày nó sẽ tự hiện ra thôi.

Trong kinh Pháp Hoa, Phật có nói rằng "ví như có trăm, ngàn, vạn, triệu người cùng thông minh như Xá lợi Phất cùng chung sức suy lường cũng không tìm ra được nó". Cũng ví như có một hồ nước phủ sa đục ngầu mà muốn có nước trong thì chỉ cần để yên cho nó lắng cặn xuống dần là có. Nếu lại nghĩ là phải có nhiều người khỏe, dùng bơi chèo mà khuấy cho mạnh để có nước trong thì chỉ là xuẩn động. Suy lường để tìm tự tính cũng như khuấy mạnh để có nước trong đều là làm ngược lại với điều cần phải làm rồi (điều cần phải làm là để nước lắng để tâm lặng).

Để diễn giảng ý này, Tổ Bồ Đề Đạt Ma cũng đã nói như sau trong 5 bài kệ ngồi thiền: "bất khởi ức / tưởng chân như tính" (không khởi tâm nhớ/tưởng thì đó chính là tính Chân Như) và ...

"dục kiến Chân Như bình đẳng tính, thật vật sinh tâm tức mục tiên" (nếu muốn thấy được tính Chân Như bình đẳng thì chỉ cần dừng có sinh tâm là nó ở ngay trước mắt liền).

Còn Tổ Huyền Giác cũng dạy trong chúng đạo ca là: "bất ly đường xử thường trạm nhiên, mịch tức tri quân bất khả kiến" (nó không dời khỏi chỗ này và thường lặng lẽ; thế mà nếu ông khởi ý tìm thì liền biết là ông không thể thấy nó - đây chính là ý "càng tìm lại càng xa").

Hai tổ đã dạy như thế, tưởng không thể nào rõ hơn được nữa.

Để minh tâm có nhiều cách: tụng kinh, niệm Phật, trì chú, ngồi thiền v.v... nhưng làm gì thì cũng phải buộc tâm vào một chỗ, không cho nó rong ruổi, suy nghĩ tán loạn, lung tung. Buộc tâm một chỗ quả không dễ nhưng kiên nhẫn thì nó thuần dần, như ngựa hoang được chế phục vậy.

Trong các cách tu để minh tâm, tọa thiền là hay hơn cả. Thiền là sống trong Tĩnh / Lặng, không sinh tâm, không nhỏ / tưởng (tĩnh là sáng biết còn lặng là không nhỏ tưởng, sinh tâm). Tâm không nghĩ, nhỏ, tính, lo... là lặng; cái gì xảy ra chung quanh đều biết, biết mà không chú tâm vào là tỉnh. Lặng là Định là Tĩnh là Tịnh; Tĩnh là Tuệ là Chiếu là Minh. Lặng / Tĩnh là Định / Tuệ là Tĩnh / Chiếu là Tịnh / Minh. Cùng một lúc giữ cho tâm mình vừa lặng lại vừa tỉnh là Định / Tuệ đồng tu, là Thiền vậy.

Không nhất thiết phải ngồi kiết già ngay ngắn trước bàn Phật mới là thiền. Ngồi ghế đá công viên, ngồi gốc cây, bờ suối, thậm chí đi bách bộ mà giữ cho tâm được Tĩnh / Lặng thì cũng là thiền rồi. Điều cốt yếu là tâm Tĩnh / Lặng còn đi, đứng, nằm, ngồi không quan trọng. Cũng như người học bài thi, điều cốt yếu là thuộc bài nên ai học nằm chóng thuộc hơn thì cử nam mà học, đứng cố chấp phải ngồi. Tuy nhiên, theo kinh nghiệm nhiều đời thì người mới tập thiền khi ngồi dễ giữ cho tâm mình Tĩnh / Lặng hơn khi đi, đứng. Còn người đã tu lâu, tâm đã thuần rồi thì, như Tổ Huyền Giác nói: "Hành diệc thiên, tọa diệc thiên. Ngũ, mặc, động, tịnh thể an nhiên" (Đi cũng thiền, ngồi cũng thiền? Nói, nín, động, tịnh thấy an nhiên).

Giữ cho tâm mình cùng một lúc vừa Tĩnh lại vừa Lặng không phải là việc dễ; nó đòi hỏi một nỗ lực kiên trì. Sở dĩ nó không dễ vì Tĩnh và Lặng là hai tính đối chọi nhau như âm với dương vậy. Tĩnh quá thì dễ mất Lặng vì tâm thường suy nghĩ lung tung, còn Lặng quá lại dễ mất Tĩnh vì dễ mơ màng, mờ mờ, mịt mịt. Do đó người hành thiền phải cố giữ thế quân bình tĩnh/lặng theo bài kệ sau đây của Tổ Huyền Giác:

Tĩnh tĩnh / Lặng lặng Phải
Hôn trầm / Lặng lặng Sai
Lặng lặng / Tĩnh Tĩnh Phải
Loạn tưởng / Tĩnh tĩnh Sai

Thế ngồi cùng độ mờ mắt cũng giúp dễ giữ thế quân bình Tĩnh / Lặng. Đầu thẳng dễ tỉnh nhưng khó lặng, đầu gục quá dễ lặng lại khó tỉnh; đầu hơi cúi (khoảng 45 độ) là

quần bình. Mắt mở to để tình nhưng khó lặng, mắt nhắm nghiền để lặng lại khó tỉnh; mắt mở hi hí là quần bình. Khi thấy lặng quá muốn ngủ thì đầu ngừng cao hơn, mắt mở to hơn cho tỉnh. Khi tâm chạy tán loạn, hết nghĩ việc này lại tính việc khác thì gục đầu xuống thêm một chút, mắt nhắm thêm một chút cho lặng.

Khi giữ được cho tâm mình đồng thời vừa tỉnh lại vừa lặng, ta sẽ thấy thanh thản, an vui (khinh an). Sống với tâm tỉnh / lặng là sống với bản tính thanh tịnh, là sống với tính chân như bình đẳng, mà sống với bản tính thanh tịnh là đã được tự tính tịnh niết bàn rồi. Đó chính là chỗ kinh Lăng Nghiêm nói "Tri kiến, vô kiến, đó là niết bàn" hoặc kinh Lăng Già nói "Thức vọng tưởng diệt, đó là niết bàn". Thế là dù chưa thành Phật mà ta cũng đã nếm được mùi vị niết bàn rồi vậy; tuy đây mới chỉ là bậc thấp nhất của niết bàn (theo Phật giáo Đại thừa thì niết bàn có bốn bậc: Vô dư y niết bàn, Hữu dư y niết bàn, Vô trụ xứ niết bàn và Tự tính tịnh niết bàn).

Kinh Phật có nói "Không bệnh là cái lợi thú nhất. Niết bàn là cái vui thú nhất" nên tuy tâm tỉnh / lặng chỉ mới là thú niết bàn thấp nhất mà sống được với nó là ta đã thấy nhẹ nhàng, thanh thản, an vui rồi; khinh an, tự tại chính là thế đấy.

"Ao thu lạnh lẽo, nước trong veo..." câu không phải là lúc cụ Nguyễn Khuyến đang sống trong tình/lặng nghĩa là đang hành thiền với lối câu thẳng như Khương Thượng trên sông Vị ?

Thiền sư Nhất Hạnh cũng dạy môn đệ:

Hít vào trong tình / lặng,

Thở ra miêng mỉm cười.

An trú trong hiện tại,

Phút giây đẹp tuyệt vời.

Vậy **tình/lặng** là gốc để Minh Tâm mà Tâm sáng thêm thì Nghiệp nhẹ bớt; đó chính là thú tài sản mà mọi người có thể mang theo được lúc lâm chung vậy.

Cái khó của tu thiền là làm sao giữ cho tâm mình được lặng lẽ, không nghĩ tán loạn, lung tung. Về điểm này, đạo Phật ví tâm mình như mặt nước, ngoại cảnh như gió còn niệm khởi thì như sóng. Vì có gió nên mặt nước mới nổi sóng, vì nổi sóng nên mặt nước mới mất lặng, mất sáng. Nếu chặn được gió thì sóng không dấy, sóng không dấy thì mặt nước lặng lẽ, sáng trong. Nếu ngoại cảnh không ảnh hưởng đến nội tâm thì niệm không khởi, mà niệm không khởi thì tâm lặng lẽ, sáng trong và như thế là đã **minh tâm** rồi vậy. Đây là chỗ Tổ Đạt Ma dạy: "**Ngoài dứt các duyên (tức chặn không cho ngoại cảnh ảnh hưởng đến nội tâm), Trong không khởi niệm, Tâm như tưởng vách (tức lặng lẽ, bất động), Khả dĩ vào đạo**"; nói gọn cho dễ nhớ là "chấn gió cảnh, lặng sóng thức, sáng biển tâm, thấy lập tức".

Do đó **dứt các duyên** hay **chấn gió cảnh** là việc phải làm đầu tiên vậy. Để giúp ta dễ chấn gió cảnh, Phật luôn dạy ta phải quán sát để thấy rõ cảnh giới là không thật, nó chỉ có giá trị **tạm thời, tương đối** vì nó có **đấy rồi mất đấy**. Trong kinh Kim Cướng,

Phật dạy rằng "**Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng (phàm vật có tướng đều là giả tạm - vì có hình ắt có hoại -) Nhược kiến chủ tướng phi tướng tác kiến như lai (nếu thấy các tướng chẳng phải tướng ắt thấy như lai - tức là thấy cái tính chân như bình đẳng mà Tổ Đạt Ma bảo "chỗ có sinh tâm trước mất liền" vậy)**. Cũng trong kinh Kim Cướng, Phật còn dạy thêm là "**Nhất thiết hữu vi pháp, Nhữ mộng, huyễn, bào, ảnh..." (tất cả các pháp hữu vi đều như mộng, huyễn, bọt, bóng...-tức không thật, không bền)**. Còn trong kinh Lăng Nghiêm thì Phật lại dạy là "**Chân tính hữu vi không, Duyên sinh cố như huyễn, Vô vi vô khối / diệt, Bất thật như không hoa (Đứng trên chân tính mà xét thì tất cả các pháp hữu vi đều là không vì do duyên sinh nên nó như huyễn; còn pháp vô vi thì không khối, không diệt nên nó cũng không thật như hoa đốm hư không)**.

Nếu ta thấy rõ được như thế thì ngoại cảnh không còn quá quan trọng khiến ta phải bận khoản, suy tính vì nó quá nhiều và do đó mà ta dễ xả bỏ khiến tâm được lặng lẽ, thanh tịnh. Còn nếu ta thấy ngoại cảnh là thật, là tối quan trọng, tối cần thiết thì ta còn phải bận tâm với nó nhiều và đó là trở ngại chính của người tu thiền vậy.

Phật cũng còn khuyên ta nên cố sống với **một niệm hiện tiền (hiện là hiện tại - nói về thời gian -; còn tiền là ngay trước mắt - nói về không gian -)**. Hiện tiền có nghĩa tiếng Pháp là *ici et maintenant* hay tiếng Anh là *here and now*. Sống với **hiện tiền** thì tâm dễ lặng; còn để nó mặc tình rong ruổi theo thời gian và không gian thì không sao lặng được. Trong kinh Kim Cướng, Phật cũng dạy "**Quá khứ tâm bất khả đắc (vì nó đã qua rồi), Hiện tại tâm bất khả đắc (vì nó không dừng trụ một chỗ), Vị lai tâm bất khả đắc (vì nó chưa đến)**" để ngụ ý khuyên ta đừng nuôi tiếc quá khứ cũng đừng ôm ấp ảo tưởng tương lai mà chỉ nên sống với **hiện tiền** cho tâm dễ lặng.

Nay ta thử xét ý này qua thi ca :

Tạo hóa gây chi cuộc hý trường,

Đến nay thấm thoát mấy tình sống.

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,

Nền cũ lâu đài bóng tịch dương.

Đá vẫn trở gan cùng tuế nguyệt,

Nước còn cau mặt với tang thương.

Nghìn năm gương cũ soi kim cổ,

Cảnh đấy, người đây lưỡng đoạn trường.

Trong bài thơ này, Bà Huyện Thanh Quan đã vượt cả thời gian lẫn không gian quá nhiều với những kim cổ, tang thương, lối xưa, nền cũ v.v... mà không sống với hiện tiền nên đoạn trường là đúng !

Thế sự du du nại lão hà,

Vô cùng thiên địa nhập hàm ca.

Thời lai đồ, diếu thành công dị,

Vận khứ anh hùng ẩm hận đa.

Chỉ chủ hữu hoài phù địa trực,

Tẩy bình vô lộ văn thiên hà.

Quốc thù vị phục đầu tiên bạch,

Kỷ độ Long Tuyền đới nguyệt ma.

Trong bài thơ này, Đặng Dung cũng đã vượt thời gian và không gian khi nghĩ đến đồ, diếu, anh hùng, đến văn thiên hà, phù địa trực nên ẩm hận đa cũng phải thôi.

Ao thu lạnh lẽo, nước trong veo,

Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.

Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,

Lá vàng trước gió sẽ đưa vào.

Từng mây lơ lửng trời xanh ngắt,

Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.

Tựa gối ôm cần lâu chẳng được,

Cá đâu đớp động dưới chân bèo.

Qua bài "thu điếu" ta thấy rõ là Nguyễn Khuyến đã sống **hiện tiền**, đã chỉ trực cảm tử con thuyền câu giữa ao thu lạnh lẽo, không vượt không / thời gian nên có thể coi là cụ đã **sống thiên**.

Sàng tiên minh nguyệt quang

(trước giương ánh trăng sáng)

Nghi thị địa thượng sống

(ngõ là sống trên đất)

Củ đầu vọng minh nguyệt

(ngủng đầu ngắm trăng sáng)

Hồi đầu tư cổ hưởng

(quay đầu nhỏ quê xưa)

Trong bài thơ này, Lý Bạch đã sống **hiện tiền** trong ba câu đầu, qua câu thứ tư, ông đã vượt cả không gian lẫn thời gian để nhỏ đến quê hương xa / xưa nên tâm đã động, tuy không động nhiều như Đặng Dung hay Bà Huyện Thanh Quan. Nếu cho biến tâm của Đặng Dung và Bà Huyện Thanh Quan nổi sóng cuộn cuộn thì tâm của Lý Bạch chỉ nổi sóng bập bành. Sóng cuộn cuộn, sóng bập bành, sóng lăn tăn và phẳng như tờ là bốn trạng thái của tâm vậy. Nhân nhân quế hoa lạc (người nhân hoa quế rụng)

Dạ tĩnh xuân sơn không

(đêm lặng núi xuân không)

Nguyệt xuất kinh sơn diếu

(trăng nổi chim núi sáng)

Thời minh xuân giản trung

(vịt kêu trong khe xuân)

Trong bài này Vương Duy đã sống hiện tiền như Nguyễn Khuyến trong bài thu điếu và là sống **tình lặng**.

Thấy được các pháp do nhân duyên sinh ra là **giả**, là **không** cũng sống được với hiện tiền mới sống được trong **tình/lặng**. Thấy các pháp **duyên sinh, tính không** mới vào được cửa **thiền** nên cửa **thiền** còn được gọi là cửa **không** là như thế (Ráp đem mệnh bạc nướng nhỏ của không).

Để dễ nhớ, ta có thể tóm gọn yếu chỉ tu thiền trong bốn câu kệ sau đây của tổ Tăng Xáng trong tập Tín Tâm Minh :

Nhất thiết bất lưu

(tất cả đều không giữ trong tâm)

Vô khả ký / ức

(thì sẽ không thể nghĩ / nhớ gì được nữa)

Hư minh tự nhiên

(lúc đó tâm ta sẽ rỗng, sáng tự nhiên)

Bất lao tâm lực

(mà không cần phải nhọc sức, dụng công)

HỒ XUÂN HƯƠNG

và

Phật Giáo

Phạm Trọng Chánh

Đieu nghịc lý trong thơ truyền khẩu gán cho Hồ Xuân Hương là Xuân Hương thường đi chùa, cuối đời có vào chùa tu một thời gian, nhưng trong thơ lại "ghét" sư đến mức thậm tệ gọi sư là "lũ trọc đầu", "phúc đức như ông được mấy bờ", "hỏi thăm sư cụ đảo nói neo?", sư "chái gió cho nên phải lộn lèo". Thậm chí gán cho Hang Thánh hóa chùa Thầy, nói thánh tích của Phật Giáo Việt Nam, nói Thiền sư Từ Đạo Hạnh cởi bỏ nhục thân để đầu thai thành Vua Lý Thần Tông là cái đường vật: "một đở đường ra biết mấy ngoạn", "một sư đầu trọc ngồi khua mỏ, hai tiểu lúng tròn đứng giữa am".

Một Hồ Xuân Hương mắng bọn dốt đến của thiền, đề thơ dở làm đó bản của chùa, "muốn sống đem voi quét trả đền", mà lại viết những câu thơ tối tăm, dùng chữ gượng ép: "đáo nói neo", "trửa trật nào người mọc kẻ rêu", Xuân Hương đến chùa mà uống "rượu lúng hồ", một trong năm giới cấm nhà Phật.

Những câu thơ bản thi hạ cấp, gượng ép, dốt đặc cán mai về Phật Giáo, chỉ biết đá kích đạo Phật qua bề ngoài: sư đầu trọc lóc, áo không tà, lần tràng hạt "đếm lại đeo", giọng hi ha... hay kết án những điều vô chúng cổ: "vái núp sau lưng sáu bảy bà", sư mà có đến sáu bảy bà vợ mà làng xóm, đồng bào Phật tử để yên cho sao? Những bài thơ tệ hại ấy, những câu thơ nguyên tác bị sửa đổi, được gán cho Hồ Xuân Hương từ một thế kỷ nay, thậm chí các nhà văn học tiếng tăm cũng không dám suy xét nguồn gốc từ đâu, không ai dám đụng đến, thậm chí còn sửa sửa ca tụng như những câu thơ "cách mạng" giải phóng phụ nữ, đập đổ phong kiến?

Những khám phá các văn bản thơ Hồ Xuân Hương của Giáo sư Hoàng Xuân Hãn, Giáo sư Trần Văn Giáp, Học giả Trần Thanh Mại... thơ văn Hồ Xuân Hương ở Paris và Việt Nam đã đánh đổ những bài thơ ngụ ý tạo gán cho Hồ Xuân Hương nhằm đánh đổ Phật Giáo mới được sáng tác vào thời Pháp thuộc, cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20: Hang Thánh hóa, Chứa Quán Sứ, Sư bị làng đuổi, Vịnh sư, Vịnh Ni sư, Chùa xưa.

Trái với các bài thơ ngụ ý tạo gán cho Hồ Xuân Hương, các bài thơ có chúng cổ tác giả Hồ Xuân Hương đề vịnh cảnh chùa cụ

Trần Văn Giáp tìm thấy chép trong Phượng Sơn từ chí lược, Gs Cao Huy Du cũng tìm thấy trong thư viện của Cao Xuân Dục, bài thơ đề Trấn Quốc Tự tìm thấy trong từ sách gia đình Trần Văn Hào ở Quần Phường, Hải Hậu tỉnh Nam Hà và Thư viện Quốc gia, Thơ Hồ Xuân Hương Gs Hoàng Xuân Hãn tìm được tại kho sách Hán Nôm, Thư viện Quốc gia Paris... cho ta thấy Hồ Xuân Hương là một người "học rộng và thuần thực" đúng như lời Tố Phong viết trong Lưu Hương Ký, bà tình thông Tam Giáo, Phật, Nho, Lão, nhất là về Phật Giáo bà có một kiến thức khá rộng và uyên bác. Tám bài thơ Vịnh Cảnh Đờ Sơn, tôi dịch như sau:

Bài 1 : HÓNG MÁT ĐÔNG SƠN

*Đông Đờ Sơn núi gọi Đông Sơn,
Yên ngựa hình non xa thoáng trông,
Cổ tự, cổng thiền rừng thấp thoáng,
Hang Giang cửa động đá mênh mông.
Thả thuyền khách hát trong trăng sáng
Nằm khểnh ai say giữa thạch bàn,
Non núi nào hay đâu biển mãi,
Bên trời sừng sững chắn cuồng phong.*

Bài 2 : QUA CHỖ GIẾNG RỒNG

*Dưới núi Ngọc Sơn dòng nước trong,
Thấm hòa xuyên đá rót trăm sông,
Hồn như nước ngọc lên ngời sáng,
Hồn thể rải rồng tỏa ngát hương,
Róc rách tuổi lên ngàn gốc đỏ
Chan hòa dòng thấm vạn đồng xanh,
Há riêng giếng nước cho thôn ấp,
Chu cấp Vương Minh, phúc báu ban.*

Bài 3 : PHẬT ĐỘNG THẨM U

*Tuồng truyền dấu Phật tại Linh Sơn,
Nay được sơn ông chỉ đỉnh non,
Cửa động nông sâu cây cỏ dại,
Chữ mở phai nhạt dấu rêu mòn.
Ngoài hồ đèn thả, cầu soi bóng,
Bến nước khe trong, chẳng cạn dòng,
Sắc tức thị không, không thị sắc
Thiền gia hiểu thế việc trần gian.*

Bài 4 : LÊN CHỖ ĐÔNG SƠN TỰ (Hai bài)

1.
*Đông Sơn cảnh chiếm một hồ riêng,
Uyên báu bay về, khói pháp chen,
Đá núi điểm đầu, mưa phát xuống,
Ngân hoa nở rộ, gió tung lên,
Để Bà hưởng hòa thơm bên xóm,
Trịnh Chúa xe qua vết cũ còn,
Cửu độ bè từ qua bể khổ,
Chim âu ngủ đứng bến ngư thôn.*

2.
*Cỏ trắng qua sông nước nổi trời,
Chùa thiền một cảnh khói mây trôi,
Nữ Vu trị thủy không đông hạ,
Ngủ phủ thuyền qua sau trước bơi.
Ngộ đạo Cao tăng mang gậy xuống,
Hiện thân Phật Tổ đến đây rồi.
Một mình lên núi Đông Sơn đạo,
Thi hứng đây thuyền trăng sáng soi.*

Bài 5 : LÊN NÚI NHỎ XÚA

*Tháp cũ nền xưa cỏ dại tràn,
Dục Vương xa vắng cảnh hoang tàn,
Ngân cân bảo khí reo bên nước,
Chín bậc phủ đồ gạch ngói tan,
Tiêu tử tựa riêu bên đá ngủ,
Mực đồng xua nghé xuống đời hoang,
Lên cao muốn hỏi sơn tăng đạo,
Chuông vắng đầu đây vọng cuối ngàn.*

Bài 6 : BẾN ĐÁ XEM ĐÁNH CÁ

*Giò im sóng lặng dạo bên sông,
Ngắm ngắm thuyền chài giang giảng hàng,
Tay kiếm hang rồng sông mở lối,
Lưỡi quăng chọt hến sóng cỏ dâng,
Bà buồn xách giỏ vin khoan cuối,
Ông lái gỗ chèo chén rượu nâng,
Hoặc lúc quẻ ly, khi quẻ hoán,
Thánh nhân định vật, ý người trần.*

Bài 7 : THIÊN ĐỊNH Ở CHÙA CỐC

*Thần bào quý dẻo tự bao niên,
Hình thể an bài sẵn tự nhiên,
Mái chảng ngói tranh, thềm chảng trát,
Vách như từng lát, đá như sườn.
Đàn đôi cứng trái đài sen quý,
Ông mặt dẳng hoa trước án hưởng.
Sóng vỗ, ca tiều, chim chóc hót,
Sứ giả chọt tình giấc miên mang.*

Bài 8 : ĐẠO CHÙA KHÁNH MINH CẢM HỨNG

*Phạn Vương đi khởi bao giờ lại,
Còn để Kỳ Viên cỏ mọc đầy,
Khánh đá có duyên đời viên khác,
Chuông không giá mọc vất bên đài,
Ngói tan, xà mục chim làm tổ,
Bệ vỡ, bia mòn rêu biếc vôi,
Giá được ngàn tay như Phật Tổ,
Hử không một tối dựng lầu đài.*
(Nguyễn tác phiên âm Hán-Việt)

ĐỒ SƠN BÁT VỊNH

1 - ĐÔNG SƠN THỪA LƯỜNG

*Đờ Sơn chi đông viết Đông Sơn,
Dao vọng sơn hình tự mã yên,
Cổ tự môn tông lâm lộc xuất,
Giang phi động tại thạch bình gian,
Phiếm châu hữu khách ca minh nguyệt,
Cao ngân hà nhân túy thạch bàn,
Sơn đỉnh bất tri tang hải biển,
Ngặt nhiên chi trụ chuông cuồng lan.*

2 - LONG TỈNH QUÁ TRẠC

*Ngọc sơn sơn hạ tiểu kê biên,
Xuyên thạch quyền quyền chủ bách xuyên,
Nhuận hoạt hồn như hỏa ngọc dịch,
Thanh hưởng sai khả thẳng long diên,
Dú ba tu tửng thiên chu thụ,
Lữu trạch xuyên xuyên vạn lực điền,
Tinh diệp khởi ứng tử nhất ấp,
Vương Minh dụng cấp phúc di thiên.*

3 - PHẬT ĐỘNG TÂM U

*Truyền văn Phật tích tại Linh san,
Cận dắc sơn ông chỉ thủ gian,*

*Động khẩu thiền thâm hoang thảo kính
Tự ngân nồng đậm ấn đài ban,
Phóng dăng hồ ngoại kiều do tại,
Cấp thủy biên khê tinh bất can,
Sắc tức thị không không thị sắc,
Thiền gia đường tác như thị quan.*

4 - ĐĂNG ĐÔNG SƠN TỰ KIẾN KÝ NHỊ THƯ

1. *Đông sơn cảnh chiếm nhất hồ thiên,
Bảo áp phi lai pháp giới yên,
Nham thạch điểm đầu hoàn vũ hạ,
Thiên hoa mãn thụ lộng phong tiền,
Đế Bà hưởng hỏa phưởng lân cận,
Trích Chúa xa luân cụ tịch truyền,
Phổ độ hàng tử siêu khổ ải,
Thuần âu than hạ túc ngữ thiền.*

2. *Bạch lộ hoành giang thủy tiếp thiên,
Tùng lâm nhất thốc cách vân yên,
Nữ Vu trị vũ vô đông hạ,
Ngũ phủ phi điêu hoặc hậu tiền,
Ngộ đạo cao tăng huê tịch khứ,
Hiện thân Cổ Phật đảo kim truyền,
Đăng lâm độc bộ Đông Sơn thượng,
Thừa hứng lâm lưu nguyệt mãn thiền.*

5 - THÁP SƠN HOÀI CỔ

*Cổ tháp di khủ loạn thảo đôi,
Dục Vũông khủ hậu ủy hồi đôi,
Thiên quân bảo khí minh lưu thủy,
Cửu cấp phủ đồ hóa kiếp hồi,
Tiêu tử ý kha miên thạch đấng,
Mục nhi khu độc há sơn ỏi,
Đấng cao dục hội sơn tăng giảng,
Hà xử chung thanh khụ nhất hồi.*

6 - THẠCH PHỔ QUAN NGŨ

*Phong diềm ba tình độ giang mi,
Vọng vọng ngu châu nhất tự nhi,
Thủ thám giao cung giang tác lộ,
Võng thu thần thị tịch vi kỳ,
Huê la bản phụ phan thủy vĩ,
Khẩu tiếp đà sư hệ tửu chi,
Hoặc thủ chủ "ly" kiếm thủ "hoán",
Thánh nhân khai vật dữ nhân nghi.*

7 - CỐC TỰ THAM THIỀN

*Thần ngoan quý tạc bất tri niên,
Thế thế an bài nhược tự nhiên,
Ốc bất ngộ tử giai bất thế,
Nham như tửng bích thạch như diên,
Dạ minh hiển quá liên đài hạ,
Phong tử hàm hoa bảo án tiên,
Đào hưởng tiêu ca hòa diệu ngữ,
Thanh thanh hoán tình lão tăng miên.*

8 - BỘ KHÁNH MINH TỰ CẢM HỨNG

*Phạn Vũông quy khủ kỷ thời lai,
Không ủy Kỳ Viên ế thảo lai,
Khánh hữu cổ duyên quy biệt viện,
Chung vô cư nghiệp trệ không giai,
Đôi lòng bại ngộ sào ma tức,
Phá kế tàn bi yếm lực đài,
An đắc Như Lai Thiên Thủ Phật,
Hủ không nhất dạ khởi lâu đài.*

Chú thích:

- **Đồ Sơn:** tên núi và bãi biển nơi nghỉ mát nổi tiếng miền Bắc, nay thuộc Hải Phòng.
Giang phi: tên nữ thần sông.
- **Ngọc dịch:** nước giếng Cổ Loa để rửa ngọc trai.
. **Long diên:** rài rỗng, nước miếng cá voi.
Long diên hương: một hải sản quý, thơm ngon.
. **Vũông Minh:** Vương Dương Minh, Tế tướng đời nhà Tống, đề xuống thuyết trí hành hợp nhất.
. **Linh Sơn:** Núi Linh Thủy nơi Phật ở và thuyết pháp.
. **Sắc Không:** thuyết vô ngã, sắc là hình tướng sự vật, là có do nhiều yếu tố hợp lại mà thành, là không vì tự nó không thật có.
Phóng dăng: nơi thả đèn hoa sen nhân lễ Vu Lan.
. **Đế Bà:** tên cô gái địa phương bị Chúa Trịnh Giang hiếp, có mang, dân làng bắt tội ném xuống biển, hiển thánh, sau được dựng chùa thờ gọi là Đế Bà.
. **Dục Vũông:** Vua Asoka, sinh sau Đức Phật ba trăm năm, thống nhất Ấn Độ và dựng chùa kết tập kinh điển và truyền bá Phật Giáo khắp nơi.
. **Phủ đồ:** Stuppa, Chùa.
. **Kỳ Viên:** nơi Đức Phật và Tăng già an cư kiết hạ khi mùa mưa.

Qua tám bài Vịnh cảnh Đồ Sơn, ta thấy Hồ Xuân Hương rất thông suốt Phật pháp: biết núi Linh Thủy, biết vườn Kỳ Viên, biết tích Vua A-Dục, biết việc Vương Minh đào giếng giúp dân, ban phước, biết tích Phật Thiên Thủ Thiên Nhân. Xuân Hương còn thông Kinh Dịch quẻ ly quẻ hoán. Thơ Vịnh cảnh chùa Hồ Xuân Hương tràn đầy thiền vị, của một Phật tử đầy đạo tâm... đều do trái ngược với sự dốt nát, xấc xược trong những bài thơ truyền khẩu gán cho Xuân Hương.

Có thể có người nói về tuổi gần năm mươi Xuân Hương đạo hạnh, nhưng thời trẻ có thể tình nghịch, bài thơ Vịnh Chùa Trấn Quốc, Hồ Xuân Hương làm lúc trẻ đã bác bỏ sự kiện này. Trong Hương Đình Cổ Nguyệt thi tập, mỗi tìm thấy trong từ sách gia đình ông Trần Văn Hào, tại Quận Phường, huyện Hải Hậu, Nam Hà, hiện lưu trữ tại Thư viện Quốc gia Hà Nội có bài thơ Đề Chùa Trấn Quốc bằng chữ Hán, tôi dịch như sau:

ĐỀ CHÙA TRẤN QUỐC

*Ai người đến đó khách đài trang,
Nhè nhẹ thanh thanh cơn gió nam,
Trăng nước sóng lồng, sen nón cánh,
Khói hương tàn bấu, hạc mây ngàn.
Rửa niềm trần tục hoa hàm tiếu,
Gội tình niềm mê, cỏ thắm xuân,
Đến cảnh quay đầu, người muốn hỏi,
Đông nam tay vẫy, nhận tung đàn.*

Nguyên tác phiên âm Hán-Việt như sau:

ĐỀ TRẤN QUỐC TỰ

*Trang lâm thủy thị cảnh trung nhân,
Tế tế thanh phong phiến phiến huấn,
Thủy nguyệt ba lung liên quải choát,
Hương yên bảo thọai lộ liên vân.
Tẩy không trần lự hoa hàm thoai,
Hoán tình mê đồ thảo diệp xuân,
Đáo cảnh linh nhân hồi thủ vấn,
Đông nam phát tự nhận thành quần.*

Bài thơ cho ta thấy phong cách trang nhã của Hồ Xuân Hương, đã thấm nhuần Phật pháp khi đến chùa, nhìn đóa hoa hàm tiếu như rửa niềm trần tục, nhìn thấy cỏ mùa xuân như gội tình niềm mê. Trong bài này Xuân Hương đến chùa với một khách đài trang tôi nghĩ rằng đó là Nguyễn Du, về sau này trong bài chơi Tây Hồ nhỏ bạn, Xuân Hương có nhắc đến: *Trần Quốc rêu phong vẫn ngấn thớ*, lời thơ đề vịnh chùa Trấn Quốc còn vang vọng như ngấn nước, và Nguyễn Du phục tãi Xuân Hương sánh nằng với Tiểu Thanh. Thơ ấy Xuân Hương ngày thơ thấy cảnh muốn quay đầu hỏi, nhưng Nguyễn Du không đáp đưa tay vẫy đàn nhận tung trời. Nếu giả thuyết này đúng bài thơ này có lẽ được viết trong khoảng thời gian 1790-1793.

Trong thơ truyền khẩu có chép bài thơ nôm Chùa Trấn Bắc gán cho Hồ Xuân Hương.

CHÙA TRẤN BẮC

*Qua chơi Trấn Quốc cảnh buồn rầu,
Chạnh niềm cố quốc nghĩ mà đau.
Một tòa sen lạt hỏi hưởng ngự,
Năm thức mây phong điểm áo châu.
Sóng lộp phé hưng coi vẫn rộn,
Chuông hồi kim cổ lắng càng mau.
Người xưa cảnh cũ đâu đâu tá?
Ngoài cửa hành cung, cỏ dãi dàu.*

Chú thích: Nhiều bản chép câu cuối:
Khéo ngẩn ngơ thay lũ trọc đầu.

Chùa Trấn Quốc, năm 1844 Vua Thiệu Trị mới dời ra Trấn Bắc. Do đó trong thời Xuân Hương chùa mang tên Trấn Quốc. Theo tôi bài thơ này mang tên Trấn Quốc, của Bà Huyện Thanh Quan, Nguyễn Thị Hinh, cùng quê làng Nghi Tàm, huyện Vĩnh Thuận với Xuân Hương, bà sinh sau Xuân Hương, chồng là Lưu Nguyễn Ôn người làng Nguyệt An huyện Thanh Trì, Hà Đông, từng làm Tri huyện Thanh Quan, chồng bà mất sớm, năm ông 43 tuổi, bà vẫn ở vậy nuôi con. Đời Vua Minh Mạng bà được mời làm Cung Trung giáo tập, dạy các cung phi và công chúa. Bà Huyện Thanh Quan cùng làng Nghi Tàm, sống gần thời Hồ Xuân Hương, thơ lại chép lẫn trong văn bản Landes, chúng ta có thể suy diễn: Bà Huyện Thanh Quan có thể là học trò Hồ Xuân Hương, tuy nhiên hiện nay tư liệu về Bà Huyện Thanh Quan quá ít ỏi để kết luận việc này. Theo Tuyển Tập Văn Bia Hà Nội. Q I nxb KHXH 1978 tr. 33-38. Nguyên tên Khai Quốc do Vua Lý Nam Đế khai sáng khi lập nước Vạn Xuân năm 544 nằm trên bờ sông Hồng sau vì bãi sông bị lở nên năm 1615 dời vào bãi Kim Ngự, Hồ Tây. Trên nền cũ cung Thúy Hoa đời Lý, điện Hàm Nguyên đời Trần, đời Lê vua lập hành cung tại đó. Chùa được xếp hạng thủ tự nước nam. Đời Tây Sơn chùa hoang phế, đổ nát. Năm 1813 nhà sư Khoan Nhân đứng ra quyên góp trùng tu chùa, năm 1815 mới xong, Tiến sĩ Phạm Quý Thích viết bài văn bia trùng tu chùa. Qua văn bản André Landes do Lê Quý chép bằng chữ nôm năm 1892-1893, Xuân Hương thường đi chùa với bạn gái em Tử

Minh, và rất thân với Tú Minh, người bạn này thông suốt Phật pháp tu thiền, thiền định mỗi ngày, trong thố Vịnh Hạ Long, Xuân Hương cũng có câu "Cao tăng đầu đó tụng thời kinh". Sau khi chồng mất Xuân Hương vào chùa tu. Mỗi quan hệ Xuân Hương với Phật Giáo không đến nỗi xấu. Có thể thời Xuân Hương có người trốn việc đi tu, nhưng Sư nếu tu hành không siêng năng, phạm giới làng sẽ đuổi ra khỏi chùa, "phép Vua, chùa làng, phong cảnh Bụt" bao nhiêu cặp mắt người đời nhìn sư, sư ăn chay trường đạm bạc, có được danh lợi gì chăng? Chùa Tăng, chùa Ni xưa nay phân biệt rõ ràng, sư được hưởng năm ba trái chuối thiện nam tín nữ dâng cúng Phật, thì có gì là xa xỉ. Nếu sư có bày tám bà vợ làm vãi núp sau lưng, thì làng xã có để cho sư yên chăng? Thiện nam tín nữ có thể nhắm mắt và dâng phẩm oản cho người thiếu đạo đức chăng? Những phê phán, chế giễu nhà sư trong các thơ truyền khẩu gọi là của Hồ Xuân Hương chỉ là những phê phán lảng nhục vu vơ, khác hẳn với tư cách thanh nhâ, có chứng cớ ta biết về Hồ Xuân Hương.

Thố Xuân Hương được chép trong đầu thời Pháp thuộc, các ngôi chùa được xem như chiến lũy chống Pháp bị phá sạch tại Sài Gòn như chùa Cây Mai, Khải Tường, Kiến Phước... Tại Hà Nội và vài chùa khác bị phá để xây nhà thờ, cuộc khởi nghĩa các nhà sư Vương Quốc Chính, Võ Trứ, Phan Xích Long... hàng lớp nhà sư bị bắt, bị tù đầy, bị giết, bị miệt thị là giặc thầy chùa, giặc đầu trục. Khẩu khí những bài thơ viết về nhà sư, không phải là khẩu khí của người học rộng, thuần thực, trọng lễ nghĩa như Xuân Hương. Học rộng ngày xưa được hiểu như người tinh thông cả tam giáo: Nho, Phật, Lão, ta thử xem những người đứng thời như Phạm Quý Thích, Nguyễn Du, Phạm Đình Hồ viết thế nào về Phật Giáo. Phạm Quý Thích trong bia ghi việc xây dựng lại Chùa Trấn Quốc (1813-1815) viết: "... Trải qua một cuộc biến đổi đời Tây Sơn, ngôi chùa dần dần hoang phế; đã không tu sửa được lại đổ nát thêm... Nhà sư trụ trì, tự là Khoan Nhân, nổi nghiệp sư tổ, tu tạo quả phúc, hợp sức hưng công..."

Ồ! Chùa đổ rồi dựng lại, đó là điều Trưởng Tăng Phủ (Trưởng Hán Siêu) lấy làm buồn ngùi. Tôi còn nói gì nữa? Những Hồ Tây là nổi thắng cảnh, Trấn Quốc lại là cảnh đẹp của Hồ Tây. Những nơi danh thắng của cố đô vì loạn lạc bị đổ nát cũng nhiều. Đổ nát mà không xây dựng lại, thì chẳng mai một đi ư? Ý nghĩ của mọi người trong bản phởng là như thế.

Hướng chi lên cao ngắm cảnh, mây nước mênh mang, nước hồ ánh trong suốt khiến lòng người không hủ, tiếng chuông chùa gọi tình mộng trần tục, khiến chỗ ý thức phân biệt giữa "ngoại vật" và "ta" tiêu tan hết. Tắm bia rêu phong còn đó, lối xưa hoa cỏ nay đâu? Ngày tháng là bao, bỗng chốc thành dấu cũ, khiến cho con người chạnh lòng cảm khái đối với cảnh vật xưa nay. Đây chẳng phải là nói tao nhân mặc khách thường lui tới viếng thăm, và bậc cao nhân hiền triết đã có cái nhìn thông suốt đấy sao? Âu cũng là điều đáng ghi vậy.

Minh rằng:

*Cầu ngang Linh Ẩn,
Chuông dội Hàn Sơn,
Trước mặt mở phụng,
Sau lưng uốn rồng,
Sóng gợn trong vát,
Mặt nước Tây Hồ,
Ngân đóa hoa sen
Đua nhau vui nở,
Tịch nào không cảm?
Hử nào không thiêng?
Trăng lồng đáy nước,
Sôi tổ chân như,
Bia năm Dưỡng Hòa,
Đến nay thành cổ,
Ta khắc bài minh,
Cùng truyền muôn thuở".*

Chú thích:

. **Mở phụng:** Mũi đất bên Hồ Tây khu vực Trường Bưởi, trong bài Chơi Hồ Tây Nhỏ Bạn, Xuân Hương gọi là non phụng đất.

Những bài viết ký về chùa của Phạm Đình Hồ trong Tang Thượng ngẫu lục như bài ký chơi núi Phật Tích cùng bốn người bạn:

"Giờ Dậu lên chùa Thiên Phúc, nhà sư trụ trì là Tịch Khiết mỗi ngồi lại nói chuyện. Tịch Khiết người làng Thiên Phúc, ăn nói nhã nhặn, bật thiệp... Giờ Tỵ qua cầu Nguyệt Tiên, lần bậc lên núi... Trụ trì chùa này nguyên là một viên nội thần tiền triều, thấy khách đến, mỗi thiết ân cần bằng những món ăn trong núi...". Trong bài tả chùa Kim Liên làng Nghi Tàm, cạnh nhà Xuân Hương, Phạm Đình Hồ và bạn bè đến chơi cũng được chú tiểu lễ phép mời vào chùa dùng trà cùng sư trụ trì. Phạm Đình Hồ đã tả những nhà sư đương thời với Xuân Hương như thế: hiểu khách, bật thiệp, ân cần, nhã nhặn...

Những bài thơ nhạo báng Tăng hoàn toàn không đúng với thái độ một người sống trong thời đại Xuân Hương:

"Đầu sư há phải gì bà cốt" bài Sư bị ong châm, "trái gió cho nên phải lộn lèo" bài Sư bị làng đuổi, "đầu thì trục lóc áo không tá" bài Nhà Sư, "hỏi thăm sư cũ áo nói neo?" bài Chùa Quán Sứ. Tôi cho rằng các bài thơ trên chỉ là khẩu khí của người viết trong thời Pháp thuộc, người viết vốn xuất thân từ trẻ mồ côi được các cố đạo nuôi, được học trường Dòng, bị phạm kỷ luật, bị đuổi ra vì tư cách kém cỏi, nhưng biết chút đỉnh chữ Quốc Ngữ, chữ Nôm, chữ Hán, xin làm thông ngôn, ký lục, hạng người này được hưởng "tối rườm rà ban sáng sửa bờ", làm tất cả các công việc gì các quan cai trị thực dân muốn, từ chép thơ văn cổ như Lê Quý, Nguyễn Văn Đai, viết báo chữ Quốc Ngữ, đến Tri huyện, Tri phủ, theo chân Nguyễn Thân, Trần Bá Lộc đánh dẹp "giặc" Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Đinh Công Tráng... và làm đến cả các chức quan đại thần triều đình. Những người sửa chữa thơ Hồ Xuân Hương, đã ngụy tạo một số bài thơ theo thị hiếu dân tục, hoặc để bán sách cho chạy, nên văn hóa tam giáo Nho, Phật, Lão, họ chỉ hiểu lơ mơ, nên khi đã kích Phật Giáo, họ tưởng để lấy lòng chủ nhân là các quan thuộc địa Pháp, họ cũng chỉ đã kích bằng những cảm quan bề

ngoài, đầu trục lóc, tụng kinh giọng hi ha, vãi mọp sau lưng, bày tám bà... Trong Phật Giáo những người cảm thấy không tu hành được xin xả giới, trở về đời sống trần tục thành cư sĩ tu tại gia, cưới vợ là điều bình thường, không có gì nhục nhã như các thầy Dòng bị đuổi.

Ta thử xem Nguyễn Du, người đương thời với Hồ Xuân Hương trong bài: Phán Kính thạch đài của Thái tử Chiêu Minh đời Lương, đã phê phán:

"Kinh thiêu ra tro, đài đổ nát
Nghìn vạn lời lưu lại ích chi,
Chỉ để bọn ngu tăng đời sau đọc diếc tai người ta.
Ta nghe nói Thế Tôn ở Linh Sơn,
Thuyết pháp cứu người nhiều như cát sông Hằng.

Người hiểu được chữ tâm tức là độ rồi.
Linh Sơn chỉ ở trong lòng người,
Minh kính cũng không là đài,
Bồ đề vốn không phải là cây.
Ta đọc kinh Kim Cướng hàng nghìn lượt,
Nhưng ý nghĩa gọi là sâu xa trong đó phần nhiều không rõ ràng;
Khi đến dưới đài Phán kinh này,
Mỗi biết kinh "không chữ" mỗi thật là chân kinh".

Ta thấy trong phê phán của Nguyễn Du cái học rộng uyên bác của ông, biết sự tích Đức Phật, biết thố Lục Tổ Huệ Năng, kinh Pháp Hoa, kinh Kim Cướng... phê phán ngu tăng đọc mà không hiểu chỉ làm diếc tai người ta. Trong thố Nguyễn Du ta thấy ông rất trân trọng với người bạn tâm đắc là nhà sư Huyền Hư Tử. Thố chữ Hán tôi dịch như sau:

*Hạc nội mây ngàn bao thuở gặp,
Trăng thanh gió mát nhán gì hôn,
Thầy ở xa về đường nhờ lấy,
Nhà tôi đầu xóm núi Hồng Sơn.*

(bài Kỳ Huyền Hư Tử)

hay :

*Trường An biển biệt mãi,
Nhỏ quê chân trời xa,
Chân trời không thấy được,
Còn trông bụi cát pha,
Gió Tây thổi lá rụng,
Sửng trắng nhạt hoàng hoa,
Tắm thân thầy cần trọng,
Vào thu sửng mọc sa.*

(bài Kỳ Giang Bắc Huyền Hư Tử)

Một người học rộng như Hồ Xuân Hương nếu có phê phán nhà sư cũng phê phán thông minh, phân biệt ngu tăng và cao tăng. Một người viết câu "Cao tăng đầu đó tụng thời kinh", thường đi lễ chùa và đã đi tu khó có thể nào viết những câu thơ nói lái hạ cấp, chữ văn gượng ép: hỏi thăm sư cụ áo nói neo?

Những bài thơ nói về sư trong thố truyền khẩu Hồ Xuân Hương gần với thời đại Tú Xương (1870-1907) hơn do đó ta bắt gặp những câu thơ truyền khẩu gọi là của Hồ Xuân Hương gần giống như thố Tú Xương,

bài thơ cũng chỉ là truyền khẩu chứ không văn bản đích xác:

*Một thẳng trục tếch ngồi khua mõ
Hai à tròn xoe dứng mùa bông.*

Hai câu thơ Tú Xương bài Ông Sư và mấy á lên đồng và bài Hang Thánh hóa thơ truyền khẩu Hồ Xuân Hương phảng phất giống nhau...

*Một sử đầu trục ngồi khua mõ,
Hai tiểu lúng tròn dứng giữ am.*

Ở thời đại Tú Xương, đạo Phật đã suy, chùa lẫn lộn với việc lên đồng. Đĩ già đi tu. Thầy cúng thầy pháp cạo đầu xưng là sư. Gái điếm như Tú Hồng trở thành bà lớn được phẩm hàm triều đình, những tên vô lại gốc gác mờ côi, du đảng được nhà thờ nuôi dưỡng phá giới bị đuổi, nhờ biết lôm bôm chữ quốc ngữ, chữ Pháp trở thành quan huyện, Tổng đốc, lộng dụng thời cơ mất nước, đồng bào không biết chữ mới, chiếm cù đất đai, trở nên những triệu phú, tỷ phú...

*Nào có ra gì cái chữ Nho
Ông Nghè, ông Cống cũng nằm co.
Chỉ bằng đi học làm thầy Phán,
Tối nệm sâm-banh sáng sửa bò.*

(Thơ Tú Xương)

Mối mâu thuẫn giữa Tăng sĩ và Nho sĩ có vào cuối đời Trần, khi Nho sĩ thắng thế vào cuối đời Hồ, lại không có khả năng giữ được nước, chỉ bảy năm sau nhà Minh sang xâm chiếm, Nho sĩ thất bại hoàn toàn trong việc vận động dân tộc. Sang đời Lê, tuy Nho giáo là quốc giáo, Tăng sĩ trở về sống với dân gian, nhưng mỗi Nho sĩ đều ảnh hưởng sâu đậm Phật Giáo như Nguyễn Trãi vừa là một Nho sĩ vừa có tâm hồn một Thiền sư, Vua Lê Thánh Tôn, tuổi nhỏ, bị gian thần hãm hại phải ẩn lánh trong chùa. Mối quan hệ Tăng sĩ và Nho sĩ trong thời Trịnh, Chúa Nguyễn cũng rất tốt đẹp, nhiều bà phi, công chúa và nhiều vị chúa cuối đời đi tu. Khi Pháp chiếm nước ta, trong các cuộc khởi nghĩa Văn Thân đều có bóng dáng các Tăng sĩ, quan hệ Tăng và Nho rất tốt đẹp sống hòa hợp trong xã hội Việt Nam. Chỉ có thời đại hỗn loạn đầu thời Pháp thuộc, đạo đức suy vi, và chỉ có bọn giả danh trí thức mới này, cần thiết đánh đổ các hệ tư tưởng cổ truyền dân tộc mới gọi Hang Thánh Hóa là cái dướng vật (Xem Ts Nguyễn Xuân Thọ. Bước mở đầu của sự thiết lập hệ thống thuộc địa Pháp ở Việt Nam. 1858-1897. TGXB 1995) Loại bỏ những bài thơ này ra khỏi thơ Hồ Xuân Hương, những bài thơ không chút giá trị văn học, nhằm nhĩ, thô tục, ta đưa thơ truyền khẩu còn lại trở về gần với Lưu Hưởng Ký với con người thật tài sắc vẹn toàn của Hồ Xuân Hương.

Tóm lại tôi bác bỏ các bài thơ, phi báng các Tăng sĩ: Chùa Quán Sứ, Hang Thánh Hóa, Sư bị ong chằm, Sư bị làng đuổi..., gán cho Hồ Xuân Hương, vì lý do:

- Hồ Xuân Hương là người "học rộng và thuần thực". Học rộng ngày xưa được hiểu là người tinh thông Tam Giáo: Phật - Nho -

Lão. Các bài thơ phi báng Tăng gán cho Hồ Xuân Hương, hoàn toàn dốt đặc cán mai về Phật Giáo, chỉ giễu cợt hạ cấp bằng nói lái, bằng bề ngoài, đầu trục lóc, áo không tà, tránh hạt vải lần đếm lại đeo, tà Hang Thánh Hóa, nói Từ Đạo Hạnh mất, nơi linh thiêng của Phật Giáo Việt Nam được đồng bào tôn kính thành cái dướng vật... hay sửa đổi các câu thơ nghiêm chỉnh của Bà Huyện Thanh Quan gán cho Hồ Xuân Hương thành câu chế ngạo tăng: khéo ngăn ngõ thay lủ trục đầu.

- So sánh với ngôn ngữ, thái độ người dướng thời đối với Phật Giáo như Nguyễn Du, Phạm Quý Thích, Phạm Đình Hồ... ngôn ngữ đối với Tăng rất kính trọng. Ngôn ngữ các bài thơ phi báng Tăng gán cho Hồ Xuân Hương gần gũi với thời đại thơ Tú Xương (1870-1907) tôi kết luận các bài thơ này mới ngụy tạo trong thời Pháp thuộc.

- Trái lại với ngôn ngữ phi báng Tăng Ni các bài thơ ngụy tạo, Hồ Xuân Hương là một thiếu nữ thường đi chùa với mẹ, với bạn gái em và vợ Cà Tân, với học trò, với các bạn Nho sinh; Xuân Hương đi chùa Kim Liên, chùa Văn Giáp, chùa Trấn Quốc với Nguyễn Du, Chùa Một Cột với Mai Sơn Phủ, Chùa Hương với các bạn Nho sinh, Chùa Thầy lúc đi buồn... Quan hệ Xuân Hương với sử sai rất tốt đẹp, Xuân Hương kính trọng bậc Cao tăng trong thơ Vịnh Cảnh Hạ Long, Vịnh Cảnh Đờ Sơn. Xuân Hương xem như ruột thịt với Tú Minh, một thầy đồ dạy học hàng ngày thiền định tu tập, khi chồng mất Xuân Hương vào chùa nương nấu... Với nhân cách, một người học rộng, nét na, thuần thực, tài sắc Xuân Hương không thể nào là tác giả các bài thơ ghét sử.

Ngược lại hành động bôi nhọ các nhà sư, Xuân Hương mắng bọn học trò dốt, làm thơ dở, lên chùa viết thơ vào vách chùa, thơ dỏ bần cả vách chùa.

MẮNG BỌN ĐỒ DỐT

*Dắt diu nhau lên đến cửa chiền,
Cũng đòi học nói, nói không nên,
Ai về nhẩn bảo phường lời tôi,
Muốn sống đem voi quét trả đền.*

Tài liệu tham khảo

- Hoàng Xuân Hân: Hồ Xuân Hương với Vịnh Hạ Long. Tinh sử Hồ Xuân Hương. Tạp chí Khoa học Xã hội số 10-11, 12/1993 - Paris.

- Bùi Hạnh Cẩn: Hồ Xuân Hương - Thơ chữ Hán, chữ Nôm, Giai thoại - Văn Học 1995.

- Thơ Hồ Xuân Hương Nxb Đồng Nai 1986 -Tuyển tập Văn Bia Hà Nội - Nxb KHXH 1978.

- Phạm Đình Hồ: Tang Thượng ngẫu lục - TTNL. BGD Sài Gòn 1970.

- Nguyễn Du: Thơ chữ Hán - Nxb Văn Học 1965.

- Nguyễn Xuân Thọ: Bước mở đầu của sự thiết lập hệ thống thuộc địa Pháp ở Việt Nam 1858-1897 - TGXB - Hoa Kỳ 1995.

- Nguyễn Quyết Thắng: Tụ Điện Nhân Vật Lịch Sử VN - KHXH 1992. ●

● NGUYỄN THƯỜNG QUÊ

Chùm hoa đạo

Ao sen ửng tiếng chuông chùa

Cánh hoa đạo nở chào mùa Đản

Sanh

Hương vàng thanh thoát trong lành

Quẩy đuôi cá đớp tinh anh sáng ngời i

Hào quang chiếu sáng muôn nơi

Soi đuờng đạo hạnh cứu người i trăm

luân

Chúng sinh thoát khỏi hồng trần

Hồn nương Chư Phật siêu thăng

vĩnh hằng

Buồng cau trở ánh trăng rằm

Long lanh như thể hoa đăng sân

chùa

Khuya êm trăng tỏa hương đưa

Vào trong chánh điện thơm vừa thờ i

kính

Chùa khuya vang tiếng chày kinh

Muôn hoa đua nở, pháp kính vọng

nguồn

Chúng sinh thức tỉnh hồi chuông

Đạo tâm bừng sáng muôn i phương

ngọ t ngào

Lẽ rằm hương lóng lánh sao

Lờ i kính cứu độ sáng vào chân tâm

Thức người i mê muội i sai lầm

Hãy mau sám hối, ăn năn, hồi đầu...

Con thuyền Bát Nhã nhiệm màu

Đưa người i đạo hạnh quy hồi Tòa

Sen

Hào quang tỏa sáng diệu hiền

Thuyền Từ cứu rỗi i sang hèn không

phần

Giàu sang chỉ áng phù vân

Ta mau giác ngộ nương thân đạo

vàng

Lòng thành sẽ tới Niết Bàn

Phật Đai ngăn cách trần gian do

mình.

Thông điệp của ĐỨC PHẬT

Liên Hoa Tịnh Huệ Lê Tấn Bửu
biên soạn

MỤC ĐÍCH XUỐNG THẾ

Từ trước đến nay, số dĩ các Đức Phật xuống thế là vì một đại sự nhân duyên. Đó là khai thị cho chúng sanh con đường giải thoát khỏi vô minh để được ngộ nhập trí huệ Phật.

Tu Phật là tu giải thoát, thoát khỏi sự lôi cuốn của bộ máy sanh tử luân hồi để rồi sau đó hòa nhập bản thể Chơn Như. Vì thế giải thoát sanh tử luân hồi chỉ là mục tiêu sơ khởi của một tiến trình tu tập dài gồm có 3 giai đoạn: giai đoạn tỏ ngộ, giai đoạn chứng nhập và giai đoạn diệu dụng Chơn Như.

Chưa hoàn tất 3 giai đoạn này thì không thể đi vào cảnh giới vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Nhưng muốn hoàn tất, người tu Phật phải đi qua một con đường với bốn cột mốc là: **tín, giải, hạnh, quả.**

Tín là có đầy đủ đức tin nơi giáo pháp. **Giải** là thông suốt các pháp. **Hạnh** là tu tập, hành trì pháp môn. **Quả** là thành tựu đạo quả. Có hiểu biết đúng Phật Pháp mới hành đúng, mà hành đúng thì có kết quả đúng.

Thông thường, khi dẫn thân trên con đường Đạo, mỗi người chúng ta đều đặt trọn vẹn niềm tin nơi giáo pháp cũng như nơi sức hộ trì của chư Phật và Bồ Tát, lúc nào cũng tưởng chúng sanh như con một.

Đã có niềm tin rồi, chúng ta còn **phải nắm vững các pháp tu để khỏi rơi vào các điều làm chấp của hàng Nhị Thừa.**

Phật Pháp chỉ có một thừa, đó là **Phật Thừa**. Nhưng vì căn cơ, môi trường sinh sống của chúng sanh khác nhau nên chư Phật và Bồ Tát mới tùy duyên giảng dạy nhiều Thừa.

Lý giải sâu rộng Phật pháp và tỏ ngộ được Phật tâm là chúng ta bắt đầu hành trì những pháp môn cần thiết để từng phần, từng phần hòa nhập và diệu dụng Chơn tâm. Đó là quả vị giác ngộ rất ráo.

NỘI DUNG CHÁNH YẾU

Do ở chỗ **lý giải** Phật Pháp là điều rất quan trọng nên chúng ta cần phải thẩm nhuần một số định lý như sau đây:

1).- Phật Pháp tức là thế gian pháp. Nói cách khác **vạn pháp tức là Phật Pháp**, là pháp giải thoát. Do đó Đồi tức là Đạo, vạn pháp là đạo tràng, pháp tướng tức là pháp tánh, sắc tức là không, vọng tức là chơn, phiền não tức là Bồ Đề.

Không cần phải lìa đời mới tìm được sự giác ngộ. Vì lìa đời là trốn đời, là trốn trách nhiệm của kiếp nhân sinh đối với đời. Hơn nữa, có Đồi mới có Đạo, có cõi ta bà mới có đức Phật Thích Ca giảng trần để khai thị pháp môn giải thoát cho người đời tu tập, cốt vén màn vô minh nhằm tạo dựng một cuộc đời lành mạnh, an lạc và hạnh phúc.

Vậy lìa đời để đi tìm giác ngộ là làm một việc vô ích, lại phí công, phí sức, phí thời giờ.

2).- Mọi diễn biến trong đời đều là những biểu hiện của tánh năng sanh. Điều này có nghĩa là một hành động ác hay thiện đều phát xuất từ tánh năng sanh, vốn là nguồn gốc, là cội rễ của mọi vọng niệm, mọi chơn niệm. Nói cách khác, Bát Nhã tướng và Vô Minh tướng cũng đều là thực tướng.

Tánh năng sanh là một trong bốn đặc tánh của Chơn Như. Ba đặc tánh còn lại là Thường Hằng, Chiếu soi, Thanh Tịnh. Tò ngộ Chơn Tâm là thông suốt bốn đặc tánh này.

3).- Tam Bảo tức là Phật, Pháp, Tăng vốn không ở ngoài cũng không ở trong các chùa chiền, những hằng ngự **trong tâm** của mỗi người và mọi người trong chúng ta.

Như trên đã nói vạn pháp là đạo tràng, những đạo tràng cũng ở ngay trong tâm mình, ở chỗ chuyển hóa vọng tâm thành Chơn Tâm. Cúng Dưỡng Tam Bảo có nghĩa là:

a)- Xứng tánh làm Phật sự, sử dụng thân tử đại theo lẽ nhất như, tướng tánh viên dung với tâm không phân biệt.

b)- Coi vạn pháp dù thuận hay nghịch như là các pháp phướng tiện, có khả năng giúp chúng ta khéo léo chuyển hóa vọng niệm và thực hành Tử Vô Lượng Tâm: Tử, Bi, Hi, Xả, trước là đối với các chúng sanh tánh, tức là vọng tâm, vọng niệm nơi lòng mình, sau đó mới đối với các chúng sanh tướng bên ngoài, tức là thực hành tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.

c)- Hành tử vô lượng tâm như trên, nhưng với tâm vô trụ, hoàn toàn không chấp.

BA ĐỊNH LÝ (A,B,C) NÓI TRÊN ĐUA ĐẾN MỘT SỐ HỆ LUẬN QUAN TRỌNG SAU ĐÂY:

1)- Phải trực nhận ngay tức khắc Sắc tức là Không, Vọng tức là Chơn, Tướng tức là Tánh. Đó là pháp bình đẳng, bất nhị.

2)- Ngay khi các pháp đang diễn biến trước mắt mà mình không bị nhiễm ô, không khởi tâm phân biệt thương ghét, lấy bỏ thì liền đó tướng tánh được viên dung, và chúng ta đang đi vào cảnh giới Bất Nhị.

3)- Chơn lý đầu phải chỉ có một mặt. Chơn lý là tổng thể của pháp giới sai biệt, vốn gồm có các pháp thuận, nghịch, thiện, ác. Các pháp này bề ngoài trông như đối nghịch nhau, nhưng bên trong lúc nào cũng hỗ trợ nhau, giúp cho thế gian được an lập, được bảo hòa, đồng thời còn sanh hóa thêm hàng sa pháp khác.

4)- Đau khổ, phiền não là nhân tố xây đắp và phát huy Chân, Thiện, Mỹ, luôn làm lợi lạc cho mọi người, là những bước tiến hướng về một trật tự xã hội mỗi tuổi sáng hơn.

5)- Các pháp tự nó không trói buộc chúng ta. Sở dĩ chúng ta bị trói buộc là do vọng tâm, vọng tưởng, là do chúng sanh tánh nơi lòng. Nếu thấy được vọng tâm là tướng dụng của Chơn tâm thì vọng tâm không còn có khả năng trói buộc mình nữa.

Cần phải thông suốt các định lý và hệ luận nêu trên để **tân biết sự khác biệt về quan niệm giữa Nhị Thừa và Phật Thừa.** Những sự khác biệt này có thể tóm tắt như sau:

Một là: Nhị Thừa luôn thấy có chánh có tà, có thiện có ác và chỉ chấp thiện bỏ ác, chấp không, lìa có. **Phật Thừa trái lại,** chẳng chấp có, chẳng chấp không, luôn tùy duyên ứng dụng có và không để làm lợi người và lợi mình. Phật Thừa không bao giờ chấp chánh bỏ tà, luôn tìm cách làm chủ và sử dụng cả hai để tự giác, giác tha.

Hai là: Nhị Thừa vì sợ các pháp trần làm ô nhiễm nên tìm mọi cách để lìa đời, lìa thế gian. Dù sống trong đời, người tu Nhị Thừa vẫn làm ngơ, giả điếc. Họ tu tập pháp Thiên Diệt Tận Định nên thường rơi vào trạng thái ngoan không, mê muội.

Phật Thừa chẳng những không sợ đời mà còn lần lộn vào đời, hành **tự nhiếp pháp** (bổ thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự), sử dụng **ngụ minh** (nội minh, nhân minh, y phướng minh, ngôn ngữ minh, công xảo minh) để giúp đỡ mọi người với tâm vô trụ.

Ba là: Nhị Thừa quan niệm thân tử đại tu là giả hợp nhưng cần phải duy trì để tiếp tục tu học các pháp. Phật Thừa trái lại, không có ý nghĩ duy trì thân xác để tu học, bởi lẽ tánh năng sanh có công năng ứng hóa ra nhiều thân, do đó lúc nào chúng ta cũng có thân để sử dụng, miễn là chúng ta tỏ ngộ được Chơn Tâm nơi lòng. Có hay không có thân tử đại quả thật không phải là một vấn đề quan trọng khiến chúng ta phải bận tâm và gia công nhọc sức để ôm giữ.

Bốn là: Nhị Thừa luôn chấp có tướng xuất gia và tướng không xuất gia. Họ cho rằng chỉ có xuất gia mới có thể sớm đắc quả vị rất ráo giải thoát.

Phật Thừa nghĩ rằng thật sự xuất gia là không còn phân biệt phạm thánh, giải thoát, không giải thoát. Tuy nhiên nếu cần thị hiện một điều gì thì cứ hiện tướng xuất gia, bằng không thì cứ sống và tu tại gia để còn giúp đỡ gia đình, dạy dỗ con cháu và đồng thời điều phục tâm mình.

Năm là: Nhị Thừa chỉ thấy có ngọn mà không thấy gốc, do đó đứng trước các pháp vẫn còn mê mờ, vẫn chấp chặt. Phật Thừa nhờ biết quy nạp pháp tướng về pháp tánh nên thấy được nguồn gốc của vạn pháp.

Nguồn gốc này là tánh năng sanh. Chư Bồ Tát chỉ có thấy tánh này chỗ không chấp các hiện tượng, chẳng khác nào các Ngài chỉ thấy có kim cương mà không lưu ý đến màu sắc của kim cương. Nhờ tỏ thấu được như thế nên các Ngài luôn ứng dụng tánh năng sanh còn gọi là diệu dụng Chơn Như, và sử dụng mọi phướng tiện trong sự nghiệp giác tha, thành tựu Giác Hạnh viên mãn. Vì thế mới nói rằng các Ngài biết triệt để phát huy cái dụng đa năng của Chơn Như, trong khi đó hàng Nhị Thừa vẫn còn mê mờ trước cái dụng của vạn pháp.

Vạn pháp luôn thể hiện dưới ba mặt: Tướng, Thể, Dụng. Tướng của các pháp tuy có muôn màu muôn vẻ, nhưng chỉ có một cái dụng duy nhất, đó là thúc đẩy sự tiến hóa chung của muôn loài. Vì thế dâm, nộ, si, cũng giúp chúng ta giải thoát giống như giới, định, huệ, nhưng chúng ta bắt buộc phải trải qua nhiều đau khổ.

Tóm lại, người đã thông suốt cái dụng đa năng của Chơn Như sẽ không còn:

- Trốn tránh cuộc đời.

- Phân biệt chánh tà, yêu ghét, lấy bỏ đối với các pháp.

Người đó lúc nào cũng giữ tâm bình đẳng, vô trụ, vô niệm. Vạn pháp trong đó có thân tu đại sẽ được sử dụng như là các phương tiện thiện xảo.

Đạt đến trình độ tâm linh như thế, ngã và pháp đối với người đó không còn là vấn đề đáng luận bàn. Ngã và vô ngã cũng chỉ là tướng dụng của tánh năng sanh mà thôi.

Với trí hiểu biết sâu rộng như trên, chúng ta phải thực hành pháp tu nào đây?

- Dù sao trong buổi đầu, Giới, Định, Huệ, vẫn là những điều căn bản và cần thiết.

1)- **Giới** gồm có 5 phần: dâm, sát, đạo, vọng, tầu. Tuy nhiên giới tâm quan trọng hơn giới tướng. Mà giới tâm có nghĩa là giác niệm. Có thành tựu giác niệm, chúng ta mới có thể chuyển hóa hết vọng niệm. Giác niệm là thấy được chúng sanh tánh nơi lòng mình.

Dâm, sát và tầu thường đi chung với nhau. Khi đã tuyệt dục rồi thì phải trường chay và không còn uống rượu nữa.

Đạo, vọng cũng đi đôi. Kè tham lam, trộm cắp thường hay nói dối, nói gạt. Hề tu giải thoát thì không còn tham lam. Mà nếu hết tham thì đạo, vọng được dứt trừ.

2)- **Định**. Thông thường, định có nghĩa là tập trung tư tưởng vào một đề tài nào đó nhằm tìm hiểu sâu rộng đề tài ấy, để từ đó suy diễn rộng thêm, hoặc quy nạp về một nguyên lý căn bản.

Theo Phật Thừa, **định** là khi đối cảnh, đối pháp, chúng ta không bị nhiễm ô, không bị các đối tượng bên ngoài lôi cuốn và mê hoặc. Mà hề không để bị nhiễm ô thì đó là trạng thái "định" của những ai đang sống trong đời, đang vật lộn với đời.

3)- **Huệ**. Đối với hàng Nhị Thừa, huệ có nghĩa là thấy được các pháp tướng đều là vô thường, khổ, vô ngã và bất tịnh. Còn đối với Phật Thừa, "huệ" là thấy được Tướng, Thể, Dụng của vạn pháp, là thấy được các pháp tướng dù chúng có vô vãn sai biệt đi chăng nữa, đều phát xuất từ tánh năng sanh của Chơn Như, nói cách khác, đều là tướng dụng của tánh năng sanh.

Định Huệ tuy phân tách làm hai, nhưng kỳ thật chỉ là một. Định tức Huệ. Và Huệ tức Định. Viên bi đang lặn trên mặt phẳng là hình ảnh định, huệ của những cư sĩ đang lặn lên trong đời. (Bởi lẽ viên bi đang lặn không bị bụi bặm bám vào, đó là định. Mà càng lặn chừng nào thì mặt bi càng tròn sáng chừng nấy, đó là huệ).

Có một pháp mà ít ai biết để tu tập, đó là pháp lắng nhìn, lắng nghe vô sở thọ. Pháp này tức là pháp tu nhĩ căn viên thông của Bồ Tát Quán Thế Âm, được đổi tên cho phù hợp với hiện thời. Pháp này hiện nay gọi là pháp chiếu soi, gồm có đầy đủ Định Huệ. Nếu nghe thấy các pháp mà tâm mình vẫn không "cảm thọ, vãn bình thân, tất nhiên tâm mình đã được "định" và trí mình cũng đã sáng suốt được rồi, đã "huệ" rồi.

Theo văn chương Phật giáo, THIÊN gồm có Định và Huệ. Với pháp nói trên, lúc nào chúng ta cũng thiên. Chúng ta không cần phải ngồi lâu đến 1 hay 2 tiếng đồng hồ; Ngài Lục Tổ Huệ Năng có nói: ngồi lâu là "bệnh của hàng nhị thừa".

Qua một thời gian tu tập pháp Thiên này, chúng ta quả đã đi khá xa trên con đường giác ngộ. Nhưng muốn gia tốc sự phát triển tâm linh, chúng ta nên phối hợp Thiên với

Mật Tông. Hình thức phối hợp này được gọi là Thiền Mật song tu.

Các sách nói về Mật Tông rất ít. Bởi lẽ Mật Tông là một môn tu bí mật, bí truyền, nên từ đời xưa đến nay không được các vị Chân Sư phổ biến rộng rãi. Chỉ có một số ít đệ tử được truyền thừa mà thôi.

Các pháp tu tập, nếu kể ra thì rất nhiều. Pháp nào cũng có thể giúp mình điều phục vọng tâm. Tuy nhiên pháp tu phù hợp nhất với thời đại văn minh hiện nay, với lối sống cuồng nhiệt hiện giờ, là pháp lắng nhìn, lắng nghe, vô sở thọ. Chỉ có pháp này mới có thể giúp ta sống đầy đủ, sống trọn vẹn trong tình thân vô trụ nhằm đem lại lợi lạc cho người và cho mình.

"Lắng nghe, lắng nghe, nghe cho rõ
Trăm ngàn niệm, niệm khởi trong lòng.

Niệm niệm, nhân ngã trừ, sạch trong

Bát Nhã, Bát Nhã bùng sáng tỏ"

Hay là:

"Lắng nghe lòng, kiểm soát tâm tư

Như chủ nhân theo dõi dân phu,

Như khán giả lắng nhìn tuồng hát ... "

Thấy được chúng sanh tánh tức là thấy tánh, vì lẽ chúng sanh tánh chẳng khác gì Phật tánh. Đó là Kiến tánh của Thiền Đông độ. Mà hề kiến tánh tức là thành Phật.

Sở dĩ phải nói như thế là vì nhà Thiền muốn khuyến khích các môn đồ tu tập pháp lắng nghe, lắng nhìn vô sở thọ. Còn trên thực tế, muốn thành Phật không phải dễ.

Phải thành tựu thêm pháp công đức, tức là phải phát đại nguyện lặn lội trong ba cõi sáu đường tận độ chúng sanh. Phải thực hành lục độ vạn hạnh nhằm giác tha và viên mãn giác hạnh với cái tâm Tử, Bi, Hỷ, Xả vô trụ, hay nói cách khác là với cái tâm Không, Vô tướng, Vô tác. Phật là bậc Lưỡng Túc Tôn, tức là bậc đáng tôn kính nhất vì đã hội đủ hai điều kiện là Công Đức và Trí Huệ.

Cũng vì lẽ đó mà các Bồ Tát không trụ vô vi, nghĩa là không an hưởng niềm hoan lạc trên bồ đoàn, mà cũng không tận hữu vi, tức là luôn luôn lặn lội vào đời, khi thì tái sanh xuống trần, khi thì hiện ra hóa thân để khai thị cho chúng sanh, để giúp cho chúng sanh lặn hồi ngộ nhập Chơn Tâm. Đại hạnh không trụ vô vi, không tận hữu vi là đại hạnh của các Bồ Tát Phổ Hiền, Quán Thế Âm, Địa Tạng, của Trưởng giả Duy Ma Cật thành Tỳ Da Ly.

Công đức tức là trí huệ. Nếu công đức được xây dựng càng cao chừng nào thì trí huệ càng tròn sáng và trùm khắp chừng nấy.

Trí huệ là minh châu, là kim cương. Còn rừng công đức (Công Đức Lâm) tiết ra mùi hương lạ, kết tụ thành lọng mây thơm mà kinh Phật gọi là Hương Vân Cái.

MƯỜI ĐIỀU TÂM NIỆM CỦA NGƯỜI TU ĐẠI THỪA

Người tu Đại Thừa cần phải hiểu biết đúng Phật pháp, vì có hiểu biết đúng mới hành đúng. Mà hề hành đúng thì liền đạt kết quả đúng, tức là được an vui và hạnh phúc, được giải thoát khỏi các phiền não, khổ lụy ngay trong kiếp sống hiện tại. Do đó, chúng ta phải nhỏ và hành 10 điều căn bản sau đây:

Điều 1.- Lia đời để đi tìm đạo giác ngộ là một hành động vô bổ, giống như đi tìm

sừng thỏ, lông rùa; vì thế xuất gia Tâm cần thiết hơn xuất gia Tướng.

Điều 2.- Quy y Tam Bảo có nghĩa là nương theo Phật, Pháp, Tăng nơi lòng mình. Mà Phật, Pháp, Tăng chính là Pháp thân, Báo thân và Hóa thân, cũng là Giới, Định, Huệ và cũng là KHÔNG, VÔ TƯỚNG, VÔ TÁC.

Điều 3.- Vạn pháp đều là Phật Pháp, pháp giải thoát, vì chúng hiển thị lẽ Diệu của Pháp Hoa. Khi đối cảnh, đối pháp mà mình có cái nhìn bình đẳng, không hai, vô phân biệt, không chấp chánh tà, lành dữ, vui buồn... thì ngay lúc đó tâm mình đã được bình thản, rỗng rang, tự tại; lực căn của mình không còn nhiễm lụy trần.

Tâm đó chính là tâm vô trụ nơi các pháp, trong tư duy, lời nói và việc làm.

Điều 4.- Tâm vô trụ, tâm Không, chỉ có thể thành tựu được sau khi mình đã thực hành lâu ngày pháp tu nhĩ căn viên thông còn gọi là pháp lắng nghe, lắng nhìn vô sở thọ.

Điều 5.- Khi tâm đã thực sự vô trụ rồi thì liền đó 4 trọng giới DÂM, SÁT, ĐẠO, VỌNG đều vắng lặng, tâm không còn loạn động, luôn ở trong Định, vì đối với mình vạn pháp đều là KHÔNG, đều lụy xuất từ chỗ CHƠN KHÔNG mà DIỆU HỮU. Giới Định, Huệ lúc đó đã được tròn đầy.

Điều 6.- Chấp Ngã là chấp thân tâm này là TA thật để rồi suốt đời lao tâm nhọc trí tìm cách củng cố cái TA và phát triển những gì thuộc về TA. Muốn dứt trừ tâm chấp ngã, chúng ta cần phải hành chánh niệm, tức là thường xuyên trì niệm, quán tưởng chơn ngôn, linh từ, chẳng hạn như chữ Bhrom hoặc niệm NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT. Chánh niệm không phải chỉ gồm đón thuận những niệm lành, Tử, Bi, Hỷ, Xả, mà còn có nghĩa là khi khởi niệm tưởng các việc đã qua để làm dữ kiện cho tư duy hiện tại thì dừng để cho thất tịnh khỏi theo niệm tưởng đó. Như thế mỗi gọi là "niệm" mà "vô niệm". Ngoài ra, mình còn phải Chánh Giác, luôn luôn tỉnh táo để kịp thời biết được các tạp niệm vừa mỗi xẹt ra trong đầu.

Điều 7.- Chánh kiến là tỏ ngộ và thâm nhập 4 đặc tánh: thường hằng, năng sanh, chiếu soi và thanh tịnh của Chơn Như. Từ đó mỗi thấy được vạn pháp như thật, viên dung tướng tánh, và không còn mê mờ trong các ảo ảnh, ảo giác của cuộc đời.

Điều 8.- Ngồi mãi để trụ tâm, quán tĩnh là bệnh, không phải là Thiền. Định Huệ hay Thiền là chiếu soi nội tâm. Pháp Chiếu Soi chính là Pháp hành thâm Bát Nhã hay là pháp Chiếu Kiến Ngũ Uẩn Giai Không, còn được gọi là pháp lắng nghe, lắng nhìn vô sở thọ.

Điều 9.- Cần phát huy hạnh nhẫn nhục đối với mọi người, vì nó có công năng dứt trừ tâm phân biệt. ĐỪNG bao giờ phân đối, tranh cãi với bất cứ ai. Cũng đừng chấp chặt ý kiến của mình để áp đặt lên người khác, bởi lẽ những điều thấy, nghe, hay, biết của mình chưa chắc là đúng; mà dù có đúng đi chăng nữa thì cũng chưa chắc gì được dễ dàng chấp nhận.

Điều 10.- Kiến tánh là thấy được ánh sáng của Đạo ngay trong đời sống, và thấy được tánh năng sanh, năng hóa của Chơn Như, tức là thấy được sự diệu dụng không thể nghĩ bàn của pháp giới nhằm thúc đẩy sự tiến hóa chung của vạn vật và muôn loài chúng sanh. ●

NGUYỄN DU

và

kinh Kim Cương

Phan Quang Việt

*Nói ra là bị kẹt
Không nói cũng không xong
Vi anh đứa một nét
Đầu núi ánh dương hồng
Thiền sư Chân Nguyên
(Việt Nam, thế kỷ 17)*

1. SƠ LƯỢC TIỂU SỬ:

Nguyễn Du, tự là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên, quán tại làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, con thứ bảy Cự Hoàng Giáp Xuân Quận Công Nguyễn Nghiễm. Thân phụ Ông thi đỗ Tiến sĩ và làm quan đến chức Tế Tửu thời Lê-Trịnh.

Nguyễn Du sinh năm Ất Dậu (1765) ở phường Bích Câu, thành Thăng Long (sau này là Hà Nội), niên hiệu Cảnh Hưng thứ 26 đời nhà Lê, khi thân phụ đang làm Tế Tửu. Nguyễn Du đỗ tam trường thi Hương khi 19 tuổi, là người học rộng, tinh thông cả Phật học và sành các môn thi họa.

Thân phụ Nguyễn Nghiễm qua đời lúc Nguyễn Du mới 10 tuổi (1775) và thân mẫu của Nguyễn Du là Bà Trần Thị Tần (1740-1778, sinh quán ở tỉnh Bắc Ninh) mất sớm lúc Nguyễn Du 13 tuổi nên Nguyễn Du về sống với người anh khác mẹ là Nguyễn Khản (hơn Nguyễn Du 31 tuổi, Hồng Lĩnh Hà Tĩnh Nguyễn Khản, trấn thủ Sơn Tây-Hùng Hóa, làm quan Tả Tư Giàng cho Thế tử Trịnh Tông) nuôi dưỡng và cho ăn học. (2) ("Trích giảng Truyện Kiều của Nguyễn Du", Giáo sư Hồ Đình Chủ, Việt Luận xuất bản, Sydney, 1996).

Năm 1784, vì đỗ thấp, Nguyễn Du chỉ được thế chân người cha nuôi họ Hà vừa mới mất, làm một chức quan võ ở Thái Nguyên. (2) (sách đã dẫn, trang 5).

Trong suốt mười năm 1786-1795, Nguyễn Du lưu lạc ở quê vợ ở Thái Bình.

Trong những năm 1796-1802, Nguyễn Du lui về ẩn cư ở quê nhà ở Tiên Điền, Hà Tĩnh, mặc dù sống rất nghèo nhưng an nhiên, tự tại vì Nguyễn Du đọc kinh Phật, tu học thiền để tìm đạo giải thoát.

Năm Gia Long nguyên niên (1802), Nguyễn Du được triệu ra làm quan, bắt đầu là Tri Huyện Phụ Dực, Thái Bình; ít lâu sau làm Tri Phủ Thượng Tín (nay thuộc Hà Đông).

Năm 1805, Nguyễn Du được phong tước là Du Đức Hầu.

Sau đó Nguyễn Du cáo bệnh xin lui về quê.

Năm Gia Long thứ 5 (1806), Nguyễn Du được triệu vào kinh đô Huế giữ chức Đông Các Học Sĩ; năm 1809, làm Bố Chánh tỉnh Quảng Bình.

Tháng 2 năm 1813, Nguyễn Du được thăng Cần Chánh Điện Học Sĩ, rồi có chỉ sai làm Chính Sứ tước cống đi Trung Hoa và tháng 4 năm Giáp Tuất (1814) ông trở về Kinh được thăng Lễ Bộ Hữu Tham Tri.

Năm Minh Mạng nguyên niên (1820), Nguyễn Du sắp sửa đi sứ Trung Hoa lần nữa, nhưng bị bệnh mất ngày 10 tháng 8 năm Canh Thìn, thọ 56 tuổi.

Thi văn chữ Hán của Nguyễn Du để lại gồm Thanh Hiên Tiền Hậu Tập, Bắc Hành Thi Tập, Nam Trung Tạp Ngâm, Lê Quý Kỳ SỰ.

Về thơ Nôm, Nguyễn Du lưu lại trong kho tàng văn học Việt Nam thiên trường thi bất hủ Đoạn Trường Tân Thanh (ĐTTT), được truyền tụng trong dân gian và được liệt vào tài liệu giáo khoa dạy ở bậc Trung Học.

ĐTTT là áng văn chương tuyệt tác, viết theo thể thơ lục bát gồm 3254 câu, dài nhất trong các tác phẩm xưa nay.

Ngoài ra, bài thơ chữ Nôm "Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh" là một ngâm khúc gồm có 184 câu theo thể song thất lục bát, trong đó chứa đựng tấm lòng từ bi của người Phật tử Nguyễn Du đối với cảnh khổ của muôn vạn sanh linh, cũng là một tác phẩm giá trị được nhiều học giả nghiên cứu, trích giảng.

2. HAI THỜI KỲ LƯU LẠC (1786-1795 VÀ ẨN CƯ (1795-1802) CỦA NGUYỄN DU :

Từ trước tới nay, các nhà biên khảo văn học thường bàn luận nhiều về Nguyễn Du và tác phẩm Đoạn Trường Tân Thanh, mà ít khi nói tới hai giai đoạn quan trọng trong đời Nguyễn Du là thời kỳ sống lưu lạc ở quê vợ và việc lui về ẩn cư ở quê nhà và trong thời gian này Nguyễn Du nghiên cứu kinh điển Phật giáo, tu học thiền tông để rồi hơn mười năm sau Nguyễn Du đã chứng ngộ khi đi sứ sang Trung Hoa (1813-1814) (sẽ trình bày rõ thêm trong những phần sau của bài viết).

2.1.1. Thời kỳ từ 1786-1795: Trong suốt mười năm, Nguyễn Du lưu lạc ở quê vợ ở Thái Bình, và ông đã viết: "Thập tải phong trần khứ quốc xa" (xin tạm chuyển sang tiếng Việt: "Mười năm gió bụi bỏ xa quê") vì hai lý do sau:

"- năm 1784, kiêu binh nổi dậy kéo đến nhà Nguyễn Khản, ông trốn được lên Sơn Tây rồi về Hà Tĩnh, nhưng dinh có ở Thăng Long đều bị phá sạch.

- người anh khác mẹ của Nguyễn Du là Nguyễn Quỳnh, con của bà trắc thất Nguyễn Thị Xuyên, chống lại Tây Sơn nên bị giết, và cũng vì vậy mà Tây Sơn phá hết dinh cơ của họ Nguyễn ở Tiên Điền.

Trong bài thơ Quỳnh Hải Nguyên Tiêu có câu: "Hồng Lĩnh vô gia huynh đệ tán" (Ở Hồng Lĩnh không có nhà, anh em tan tác) cho ta thấy được lý do Nguyễn Du phải về sống ở quê vợ".

"Suốt mười năm, Nguyễn Du sống ăn nhờ ở đậu, đau ốm liên miên, nghèo khổ không

có tiền mua thuốc, trôi nổi nay đây mai đó, túng quẫn bị thương...

Trong những bài thơ Xuân Nhật Ngẫu Hứng, Tụ Thán, Bất Mị, Sơn Cự Mạn Hứng, U Cú, ... ta bắt gặp được rất nhiều ý tình về cảnh sống xa quê hương, sầu thời thế, nghèo khổ, lưu lạc, tan tác..." (2) (sách đã dẫn, trang 2-9).

2.2. Thời kỳ từ 1795-1802: Năm 1796, Nguyễn Du định rời Hà Tĩnh để vào Gia Định giúp Nguyễn Ánh nên bị tướng Nguyễn Thiện của nhà Tây Sơn bắt giam. Nhưng Nguyễn Thiện đã tha cho Nguyễn Du vì nể tình bạn với Nguyễn Nễ, anh của Nguyễn Du.

Sau đó Nguyễn Du lui về ẩn cư ở quê nhà. Sách có ghi là Nguyễn Du theo gót La Sơn Phu Tử (9) đi ngao du sơn thủy, đi khắp cả vùng 99 ngọn đồi núi Hồng, dãy núi vùng Nghệ An-Hà Tĩnh, cách quê của Nguyễn Du khoảng 10 cây số. Gia phả họ Nguyễn Tiên Điền chép "Ông trở về, lấy cảnh núi sông làm vui, tự gọi mình là Hồng Sơn Liệp Hộ (người săn bắn núi Hồng) và Nam Hải Điều Đồ" (người chài lưới biển Nam).

Về nhân vật lịch sử La Sơn Phu Tử, theo Trần Trọng Kim, là: "Ông Nguyễn Thiệp, tự là Khải Chuyên, hiệu là Nguyệt Úc, biệt hiệu là Hạnh Am. Ông làm nhà ở Lục Niên Thành, thuộc huyện La Sơn, tỉnh Hà Tĩnh bấy giờ, cho nên người ta gọi là Lục Niên tiên sinh hay là La Sơn Phu Tử. Vua Quang Trung từ khi đem quân ra đánh Bắc Hà, biết tiếng Nguyễn Thiệp, đã mấy lần cho người đem lễ vật mời ông ra giúp, ông không nhận lễ và cũng từ chối không ra. Đến khi Ngài đã đăng cực, lại mấy lần cho người đón mời ông, ông có đến bái yết và khuyên vua nên lấy nhân nghĩa mà trị dân trị nước, rồi lại xin về. Vua Quang Trung tuy không dùng được ông, nhưng bao giờ cũng tôn kính ông như bậc thầy, và việc chính trị trong nước thường theo ý nghĩa của ông đã trình bày" (9) (Trần Trọng Kim, Việt Nam Sử Lược, quyển 2, Bộ Giáo Dục xuất bản, Sài Gòn 1971, trang 140-141).

2.2.1. Nguyễn Du đã cho chúng ta thấy là tiên sinh đã chân ngâm việc học hành, kiến thức thế gian tầm thường "Suốt đời thơ phú rỗng vô bổ, Đầy giá sách đàn chất mãi ngu", trong bài thơ sau:

MẠNH HÙNG

*Long Vi châu biên đa bạch âu,
Lam Giang đường thượng hữu hàn nho.
Nhất sinh tử phú tri vô ích,
Mãn giá cầm thú đồ tự ngu.
Bách tuế vi nhân bị thuấn túc,
Mộ niên hành lạc tích tu do.
Ninh tri dị nhật tây lang hạ
Năng ẩm trùng dưỡng nhất trích vô*

(Long Vi bờ hồ một đám cò,
Sông Lam trên bến bác hàn nho.
Suốt đời thơ phú rỗng vô bổ,
Đầy giá sách đàn chất mãi ngu.
Cuộc sống trăm năm coi mấy chốc,
Chuyện vui tuổi cả tiếc từng giờ.

Phía tây bãi cỏ khi nằm xuống,
Chén rượu trùng đường ai tuổi cho)
(Nguyễn Vũ My và Trần Thanh Mai dịch)
(2) sách đã dẫn, trang 10-11).

2.2.2. Từ những chán ngán cái học tầm thường của thế gian, Nguyễn Du đã tìm đọc kinh điển Phật (nhất là kinh Kim Cúống Bát Nhã Ba La Mật) và học tu thiền nên dù sống nghèo mà lòng vẫn an nhiên tự tại để "Lá rơi hoa nở việc trước mắt, Tâm trạng quanh năm vẫn nhẹ nhàng", hay là "Đạt sĩ, cõi lòng trắng sáng tỏ, Cao nhân, trước của núi bao la" như trong hai bài thơ sau:

TẬP THI II

*Hồng Sơn nhất sắc lâm bình cử
Thanh tịnh khả vi hàn sĩ cư.
Thiên lý bạch vân sinh kỷ tịch,
Nhất song minh nguyệt thưởng cầm thú.
Tiểu đề tuần tục can qua tế,
Giám mặc tăng sinh lão bệnh dư.
Diệp lạc hoa khai nhân tiền sự,
Tử thời tâm kính tự như như.*

(Trên giải non Hồng dưới làn nước,
Nho nghèo ở đó cũng thanh nhàn.
Nghìn tâm mây bạc quanh giòng chảy,
Một mảnh trăng trong dọi sách đàn.
Cười khóc theo đời qua buổi loạn,
Trầm tiêm giữ miệng dưỡng thân tàn.
Lá rơi hoa nở việc trước mắt,
Tâm trạng quanh năm vẫn nhẹ nhàng).

TẬP NGÂM II

*Long Vĩ giang đầu ốc nhất gian,
U cư sấu cực hốt tri hoan.
Đạt nhân tâm cảnh quang như nguyệt,
Xử sĩ môn tiền thanh giả san.
Chấm bạn thúc thú phủ bệnh cốt,
Đăng tiền đầu tửu khởi suy nhan.
Táo đầu chung nhật vô yên hỏa,
Song ngoại hoàng hoa tú khả xan.*

(Đầu sông Long Vĩ một gian nhà,
Ở ẩn buồn teo bồng thú a!
Đạt sĩ, cõi lòng trắng sáng tỏ,
Cao nhân, trước cửa núi bao la.
Sách chõng cạnh gối đỡ thân mệt,
Rượu nhấp bên đèn đổi sắc da.
Trong bếp suốt ngày không khói lửa,
Ngoài song no với khóm hoàng hoa).
(Nguyễn Vũ My và Trần Thanh Mai dịch)
(2) (sách đã dẫn, trang 10-11).

2.2.3. Nhờ thực hành sâu xa Trí Tuệ Bát Nhã của kinh Kim Cúống, Nguyễn Du quán xét tất cả các pháp hữu vi đều không có tự tánh, vô thường sinh diệt. Vì buông xả các pháp và vọng tưởng nên Nguyễn Du cho chúng ta thấy tiên sinh đã "hàng phục vọng tâm và an trụ chân tâm" của mình qua bài thơ "Đạo Ý" sau đây: (2) (bài thơ trong sách đã dẫn, trang 27-28)

ĐẠO Ý

*Minh nguyệt chiếu cổ tình,
Tĩnh thủy vô ba đảo.
Bất bị nhân khiên xả*

*Thử tâm chung bất dao
Túng bị nhân khiên xả
Nhất dao hoàn phục chí.
Trạm trạm nhất phiến tâm,
Minh nguyệt cổ tình thủy.*

(Trăng sáng giọt giếng xưa,
Nước giếng không gợn sóng.
Không ai người khuấy lên,
Lòng này không xao động.
Dù ai người khuấy lên,
Động qua lặng rất chóng.
Trong vắt một tấm lòng,
Giếng xưa trắng giọt bóng).

2.2.4. Khi tâm an trụ không dính mắc 6 trần cảnh (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) nên tâm như như chẳng động. Chúng ta hãy đọc bài thơ "Đề Tam Thanh Động" của Nguyễn Du để hiểu rõ "tâm" của thi hào Tố Như "thường định không rời cảnh thiền" vì Nguyễn Du đã đọc và hiểu kinh Kim Cúống nên không còn chấp vào "ngã tướng", "nhân tướng", "chúng sinh tướng" và "thọ giả tướng" nên quán sát tất cả các cảnh giới đều không có tướng (vô tướng) ("Mãn cảnh giai không hà hữu tướng", Khắp cảnh giới đều trống rỗng thì làm gì còn sắc tướng):

ĐỀ TAM THANH ĐỘNG

*Vạn ban thủy thạch thiện đại xảo,
Nhất lập kiên khôn khai tiểu thiên,
Mãn cảnh giai không hà hữu tướng,
Thử tâm thường định bất ly thiên.*

Ngàn muôn thú nào đá, nào nước, xếp đặt tự nhiên, nghệ thuật rất khéo,
Một hạt nhỏ trời đất mở ra một thế giới nhỏ nữa,
Khắp cảnh giới đều trống rỗng thì làm gì còn sắc tướng,
Lòng này thường định không rời cảnh thiền.
(Bài dịch của Giáo sư Nguyễn Đăng Thục,
Thế Giới Thi Ca Nguyễn Du, Xuân Thu,
trang 173).

2.3. Sau này khi đi sứ sang Trung Hoa (1813-1814), Nguyễn Du đã viết trong bài thơ "Lương Chiêu Minh Thái Tử Phân Kinh Thạch Đài" và cho ta thấy Nguyễn Du đã đọc kinh Kim Cúống hàng ngàn lần trong những năm Nguyễn Du ở ẩn nơi quê nhà:

*"... Minh kinh diệp phi đài,
Bồ đề bản vô thụ.
Ngã đọc Kim Cúống thiên biến linh,
Kỳ trung áo chỉ đa bất minh;
Cấp đảo Phân Kinh Thạch Đài hạ,
Chung tri: vô tự thị chân kinh".*

Bài dịch của Giáo sư Nguyễn Đăng Thục:
"... Tấm gương trong không phải thật có đài gương,
Cây Bồ Đề cũng không phải cây thật.
Ta đọc kinh Kim Cúống có hơn ngàn lần,
Ý nghĩa uyên thâm trong ấy phần nhiều không hiểu;
Tôi nay đến dưới đài Phân Kinh này,
Mới biết rằng kinh không chữ mới thật là chân kinh".

(4) (Nguyễn Đăng Thục, Thế Giới Thi Ca Nguyễn Du, Xuân Thu, trang 173).

2.4. Chúng ta ai cũng biết là kinh Kim Cúống là kinh thường tụng đọc hằng ngày trong Thiền tông và những ai học và thực hành thiền đều đọc kinh này vì Đức Phật đã dạy ông Tu Bồ Đề trong kinh này:
"Nếu lại có người nào đối với kinh này, lãnh thọ và hành trì được, cho chí đến bốn câu kệ, và lại đem nói cho người nghe mà làm, thì lại phúc hơn người kia. Vì cô gì vậy? Nay Ông Tu Bồ Đề, hết thấy chữ Phật và pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (Anuttara Samyak Sambodhi, tiếng Hán chuyển âm là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề) của chư Phật, cũng đều bởi kinh này mà ra. Ông Tu Bồ Đề, cái pháp ta gọi là Phật pháp đó, tức không phải là Phật pháp". (3) (Kinh Kim Cúống Bát Nhã Ba La Mật, phạm thủ 8, "Y pháp xuất sinh", Nướng theo pháp mà sinh ra, Thiền Chủ tịch dịch và giảng giải Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Việt Nam tại Cộng Hòa Liên Bang Đức, xuất bản năm 1984, trang 47-49).

2.5. Chúng ta có thể hiểu là Nguyễn Du học Phật và tu theo Thiền tông trong thời gian ở ẩn nơi quê nhà và Nguyễn Du cũng đọc cả "Pháp Bảo Đàn Kinh" của Lục Tổ Huệ Năng khi tiên sinh đã trích dẫn hai câu trong bài kệ của Lục Tổ Huệ Năng:
*Minh kính diệp phi đài,
Bồ đề bản vô thụ.*

(Gương sáng cũng không đài
Bồ đề chẳng có thân).

3. Vào những năm cuối của đời mình, Cụ Vũ Khắc Khoan (sinh ngày 27 tháng 2 năm 1917 tại Hà Nội và qua đời ngày 12 tháng 9 năm 1986 tại Minnesota, Hoa Kỳ) đã đọc và nghiên cứu kinh Phật do đó trong tác phẩm "Độc Kinh" Cụ Vũ Khắc Khoan đã có viết về Nguyễn Du, tác giả của cửa tuyệt tác Đoạn Trường Tân Thanh, như sau:
"Khoảng đầu thế kỷ thứ 19, nhân một chuyến đi sứ sang Trung Quốc, Nguyễn Du có dịp đến thăm Phân Kinh Thạch Đài. Bấy giờ - trên 1.000 năm đã qua - đá đài Phân Kinh đã mòn. Rêu leo xanh mái, mưa cũ đọng chân tường, cỏ dại lấp lối đi, hoang vu hun hút hành lang vắng lặng. Trời ngả vào chiều. Nắng quái lung linh vách đá. Đâu rồi những vết kinh xưa. Lãng Già, Viên Giác, Bát Nhã, Kim Cúống. Kim Cúống... Ngã Độc Kim Cúống thiên biến linh"
"Tôi nghe như vậy: Một hôm tại nước Xá Vệ, Phật và 1250 vị Đại Tỷ Kheo đều ở tịnh xá Kỳ Hoàn, trong vườn của Thái tử Kỳ Đà và ông trưởng giả Cấp Cô Độc. Sắp đến giờ ngộ trai, Phật và chúng tăng đều đắp y, mang bình bát vào thành Xá Vệ, theo thủ lớp khất thực. Khất thực xong, Phật và chúng tăng đồng về tịnh xá để thọ trai. Sau khi thọ trai xong, Phật xếp y, cất bình bát và rửa chân, rồi trái tọa cụ, ngồi yên tịnh. Khi đó, ở trong đại chúng, ông trưởng lão Tu Bồ Đề đứng dậy, vén tay áo bên hữu, gối bên hữu quỳ xuống, chấp tay cung kính bạch Phật rằng: - Hy hữu thay, Đức Thế Tôn! Ngài thường nhỏ nghĩ và bảo hộ các vị

Bồ Tát, Ngài rất hay khéo dạy bảo các vị Bồ Tát. Bạch Thế Tôn, nếu có người phát tâm Bồ Đề muốn cầu quả Phật, thì: Làm sao hàng phục vọng tâm? Làm sao an trụ chân tâm? ...

(Kinh Kim Cương, phạm Pháp Hội Nhân Do, và phạm Ngài Tu Bồ Đề (Subhuti) thỉnh cầu Phật thuyết pháp)

"Hàng phục vọng tâm, an trụ chân tâm, hai niềm thắc mắc không riêng của ông Tu Bồ Đề, mà của toàn thể đại chúng thuở đó, của chúng ta hôm nay, của Nguyễn Du, riêng Nguyễn Du một mình.

Ngã độc Kim Cương thiên biến linh

1.000 lần, hai niềm thắc mắc đó đặt ra. Và biết bao nhiêu lần nữa, khi cuốn kinh gấp lại? Đôi khi, từ những ngôn từ tưởng-đồng-vách-sát dựng lên trong kinh nghe cũng có vọng ra bên ngoài, lọt vào tâm thức Nguyễn Du một chút gì - như vậy, như vậy - tạm gọi là nghĩa của kinh. Nhưng nghĩa đó chắc đâu đó là ý của người nói kinh? Ý của Đức Thế Tôn năm xưa đâu phải chỉ là như vậy, như vậy?

Ngã độc Kim Cương thiên biến linh

Lần thứ 1.000 lẻ một, không có kinh. Chỉ có nắng chiều và đá tảng. Nắng dọi lên đá phân kinh. Và đá và nắng bỗng nhiên hội duyên nói pháp.

... Thuở đó, xa rồi. Chấm dứt. Giở dây nắng tắt, đá mòn. Giở dây chỉ còn một chút chập chờn.

Trong đêm nghe như đã bắt đầu, lời kinh âm u như vọng như chân, nghĩa kinh ẩn ẩn hiện hiện, ánh lửa chài le lói bên sông lạ, ý kinh tuyệt mù trong mộng và huyền, là bọt nước mặt hồ trong cơn mưa ngâu, giọt sống chiều đọng lại, giọt sống mai tan đi. Vừa kịp thấy đó, chớp mắt không còn, mỗi nghe vang lên đã chìm vào sâu lặng, hay, rồi lại lảng đàng, nhạt nhòa, biết mà nói lên thì bất... khả thuyết. Thấy-nghe-hay-biết chỉ là chập chờn cánh con bướm trắng trên luống cải xanh. Hay chỉ là một niệm khởi lên chập chờn sống khởi, Nguyễn Du đã lọt vào một khoảng mù khởi tịch tịch?

Kỳ trung áo chỉ đa bất minh

Bài Phân Kinh Thạch Đài giữa lòng đá vắng lặng không là một thú nhận nổi bất lực của niềng Nguyễn Du trước những trang Kim Cương.

Bài ký Phân Kinh là một thú nhận nổi bất lực của ngôn tử và văn tự con người khi muốn nắm bắt cái chập chờn "áo chỉ" của cõi vô ngôn đó, bất khả tư nghì.

Tôi gắng nhớ lại bài thơ, lờ mờ. Dừng lại ở hai câu:

Ngã độc Kim Cương thiên biến linh Kỳ trung áo chỉ đa bất minh

Khá lâu. Băng khuâng nghĩ đến niềm khắc khoải của người xưa tâm đạo. Làm sao hàng phục vọng tâm? Làm sao an trụ chân tâm?

Kim Cương đọc đến ngàn lần Mà trong mờ ảo như gần như xa

Như gần như xa những vẫn ở đó, câu trả lời vẫn ở đó, nơi vườn Kỳ Thọ. Và bây giờ, vượt khỏi ngôn từ và văn tự, giữa Kim Lăng,

vọng ra từ kẻ đá phân kinh, mờ mờ ảo ảo, như gần như xa, có mà không, không những có, như mộng như ảo, như bọt nổi trên mặt nước, như chớp biến ngoài khơi, như bóng hình lảng đàng trong gương, như giọt sống đêm đọng lại, như giọt sống mai tan đi trên đầu ngọn cỏ, câu trả lời vẫn ở đó, câu trả lời đến thẳng với Nguyễn Du, trong hoang vu Phân Kinh Thạch Đài. Đây Tu Bồ Đề. Hãy nghe lời đá, lời đá nói rằng:

Nhất thiết hữu vi pháp
Như mộng huyền, bảo, ảnh,
Như lộ, diệp như điển
Ứng tác như thị quán

Tất cả, cái gì gọi lên cũng chỉ là tạm gọi. Ngay cả hai chữ Kim Cương. Như Lai nói Kim Cương tức không phải Kim Cương, thế mới gọi là Kim Cương". (1) (Độc Kinh, Vũ Khắc Khoan, viết năm 1984, Bà Vũ Khắc Khoan tại Hoa Kỳ và An Tiêm xuất bản, 1988, trang 22-26).

Khi Vũ Khắc Khoan viết quyển "Độc Kinh" thì ông chỉ trích dẫn có hai câu gần cuối bài thơ "Lương Chiêu Minh Thái Tử Phân Kinh Thạch Đài" của Nguyễn Du.

4. Bốn câu kệ dẫn ở trên là bốn câu kệ lấy từ phạm tử 32 của Kinh Kim Cương "Ứng Hóa Phi Chân" (Ứng có hiện thân hóa độ không phải là thật) mà Cụ Thiệu Châu đã chuyển sang tiếng Việt như sau: (3) (sách đã dẫn, trang 103-104)

Nhất thiết hữu vi pháp
Như mộng huyền, bảo, ảnh,
Như lộ, diệp như điển
Ứng tác như thị quán

(Hết thầy pháp hữu vi
Như mộng huyền, bọt, bóng
Như móc, cũng như chớp
Nên coi như thế này)

Cụ Uyên Như Thiền trong bài "Vài lời giới thiệu Kinh Kim Cương" đã giới thiệu bốn câu cuối của bài thơ Lương Chiêu Minh Thái Tử Phân Kinh Thạch Đài của Nguyễn Du và đã viết: "Ai cũng biết tác giả truyện Kim Vân Kiều là Cụ Nguyễn Du, nhưng nào có ai ngờ chính Cụ là nhà Phật học thâm thúy về Đại Thừa cho nên Cụ đã có làm bài thơ như sau:

Ngã độc Kim Cương thiên biến linh
Kỳ trung áo chỉ đa bất minh
Cặp đảo Phân Kinh Thạch Đài thị
Chung trì: vô tự thị chân kinh.

Đại ý nói rằng: Cụ đã tụng kinh Kim Cương hơn cả ngàn lần mà chưa giác ngộ, sau đến Phạm Thạch Đài, Cụ mỗi giác ngộ mà hiểu rằng Kinh thiết là cuốn Kinh không có một chữ nào. Thảo nào thế nên Cụ đã lồng tư tưởng Phật Giáo vào truyện Kiều mà ít ai lưu ý". (3) (Vài lời giới thiệu Kinh Kim Cương, sách đã dẫn, trang 13).

Cụ Uyên Như Thiền đã hiểu Nguyễn Du sâu sắc nhưng Cụ chỉ làm một điểm duy nhất khi viết về "Phạm Thạch Đài" như trên

vì trong Kinh Kim Cương (tất cả có 32 phạm) không có phạm nào tên là Phạm Thạch Đài.

Theo Cụ Thiệu Châu, dịch giả của Kinh Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật (VAJRACCHEDIKĀ PRAJNA PARAMITA) thì "Kinh này nguyên không có chia ra chương mục gì cả, sau ngài Chiêu Minh Thái Tử nhà Lương chia làm 32 phạm. Song, tuy chia làm 32 phạm, mà nghĩa vẫn thì vẫn một mạch liên quan nhau, không thể cắt đứt từng đoạn được. Chia ra từng phạm cho người mỗi học để nhớ mà thôi, còn người học tinh thì phải nghiên cứu cho tinh mà dung hóa cả làm một mối có thể hiểu được". (3) (sách đã dẫn, trang 27).

5. Cụ Hưởng Giang Thái Văn Kiểm trong bài khảo luận công phu "Lời Bạt: Đầu năm Quý Dậu 1813 Nguyễn Du đi sứ Trung Quốc" đã viết (bài này in trong "Trích giảng Truyện Kiều của Nguyễn Du", Giáo sư Hồ Đình Chủ, Việt Luận xuất bản, Sydney, 1996, trang 305-329) (2):

"Từ trước tới nay, các nhà biên khảo văn học thường bàn luận về Nguyễn Du và Truyện Kiều, mà ít khi nói tới một trạng thái khác trong đời Cụ là việc đi Sứ sang Trung Quốc" (2)

Về việc Nguyễn Du đi Sứ, Gia phả chép: Tháng Hai năm Quý Dậu (1813), ông được thăng hàm Cần Chánh Điện Học Sĩ, rồi có chỉ sai làm Chánh Sứ-tuế cống, cùng với các ông Phó Sứ là Đàm Ân Hậu, Thiêm Sự Bộ Lại, và Phong Đương Hầu, Thiêm Sự Bộ Lễ, đi sứ Trung Quốc. Tháng Tư năm Giáp Tuất (1814) ông trở về Kinh". (2) (sách đã dẫn, trang 315).

Nguyễn Du về Kinh để phúc trình sứ mạng lên nhà Vua, đồng thời mang về nhiều quý thú dị vật. Theo Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện, ngoài bản phúc trình thường lệ, Nguyễn Du còn sáng tác Bắc Hành Thi Tập và Thúy Kiều Truyện. (Vừa trưởng ử thi, thiên quốc âm, Thanh sử hoàn dĩ Bắc Hành Thi Tập cập Thúy Kiều Truyện hành thế). (2)

Nguyễn Du đã tìm cách viếng thăm hầu hết những danh lam thắng cảnh, di tích văn chương và lịch sử, đền đài, lăng tẩm, miếu điện liên hệ những danh nhân, anh hùng, liệt nữ, nữ lưu mà Cụ đặc biệt có nhiều cảm tình nhất, như hai Bà Nữ Anh và Nga Hoàng mà vua Nghiêu đã gả cho vua Thuấn". (2)

Trên đường châu du Trung Quốc, Nguyễn Du đã viếng thăm miếu điện, đền đài, lăng mộ của hầu hết những danh nhân kỳ nữ nước bạn, mỗi nơi đều có cảm tác một vài bài thơ diễn tả tâm tình, cảm giác, và phê phán công minh, khen chê đúng mức. Nguyễn Du đã nhắc tới Mã Viện, Hoàng Sào, hai bà vợ vua Thuấn, Dương Quý Phi, Triệu Vũ Đế, Thái Văn Cốc, Trương Phi, Vĩ Ứng Vật, Tam Tạng Trần Huyền Trang, Liễu Tôn Nguyên, Khuất Nguyên, Giả Nghị, Đỗ Phủ mà Tiên Điền đặc biệt hâm mộ và tôn trọng như bậc thầy". (2)

Cụ Hưởng Giang Thái Văn Kiểm trong bài khảo luận cũng đã trích dẫn nhiều bài thơ

trong tác phẩm *Bắc Hành Thi Tập* mà Nguyễn Du đã sáng tác suốt thời gian đi sứ sang Trung Quốc, nhưng tiếc thay Cụ Thái Văn Kiểm đã không trích dẫn bài thơ quan trọng của Nguyễn Du khi Người đến viếng cảnh hoang tàn đổ nát của một di tích lịch sử Trung Quốc: Lương Chiêu Minh Thái Tử Phân Kinh Thạch Đài.

Những Lương Chiêu Minh Thái Tử là ai?
Lương Chiêu Minh Thái Tử chính là Thái tử của vua Lương Võ Đế (Liang Wu Ti) ở Trung Hoa. Vua Lương Võ Đế đã có công xây dựng nhiều ngôi chùa Phật giáo, in nhiều kinh Phật và độ các Tăng, và cũng là vị vua Trung Hoa thỉnh mời Tổ Bồ Đề Đạt Ma (sau này là Sơ Tổ Thiền Tông Trung Hoa) về Kim Lăng để thừa hời Tổ về Phật pháp.
Ngoài việc Lương Chiêu Minh Thái Tử chia Kinh Kim Cương ra làm 32 phần (hay là đoạn vì kinh này trước kia không có chia ra làm chương mục), Lương Chiêu Minh Thái Tử còn cho xây dựng Phân Kinh Thạch Đài (đầu thế kỷ thứ 6 Tây lịch) để làm một thư viện quốc gia về Phật học, nơi tàng trữ, thu thập tất cả kinh, luật, luận Phật giáo đương thời và là trung tâm nghiên cứu Phật học.
Củ theo sách ghi chép thì Bồ Đề Đạt Ma (Bodhidharma) rời nước Quốc Hưởng, nam Thiên Trúc (Dekhan) để đi đến Việt Nam đầu tiên và có lẽ Ngài ở đây một thời gian khá lâu, vì Việt Nam khi đó được coi là Trung tâm giao tiếp Ấn Hoa, nơi người ta có thể tìm được những người biết cả tiếng Trung Hoa lẫn tiếng Thiên Trúc. Sự kiện chỉ ghi rằng: Bồ Đề Đạt Ma trước đến Việt Nam sau vượt sông qua Ngụy (nguyên văn: "Sở liên tống cảnh Nam Việt, mặt hựu tỷ độ chí Ngụy", sách Tục Cao Tăng Truyện, chương 19, Đại Tạng Kinh, quyển 50). (6) (trích dẫn từ quyển "Bồ Đề Đạt Ma, Tuyệt Quán Luận", Vũ Thế Ngọc dịch, EastWest Institute xuất bản, Hoa Kỳ, 1983).
Theo sách Cảnh Đức Truyền Đăng Lục thì khi Bồ Đề Đạt Ma đến Quảng Châu, Trung Hoa, vào khoảng thập niên 470, thì thủ phủ này lấy lễ nghinh tiếp và dâng biểu về triều báo tin lên vua Lương Võ Đế. Vua sai sứ thỉnh mời Tổ Bồ Đề Đạt Ma về Kim Lăng để thừa hời Tổ về Phật pháp. Truyền Đăng Lục ghi lại cuộc đối đáp này như sau:
"Trẫm từ khi lên ngôi đến nay, xây chùa, in kinh, độ Tăng rất nhiều. Vậy có công đức gì chăng?
Tổ Đạt Ma đáp: Đều không có công đức.
- Tại sao không có công đức?
- Bởi vì đó chỉ là những tiểu quả của cõi người cõi trời mà thôi, là cái nhân hữu lậu như bóng theo hình, tuy có mà chẳng thật.
- Vậy thế nào mới là thiệt công đức?
- Trí hoàn toàn trong sạch. Thế phải tự nhiên trống vắng, như thế mới là Công Đức. Công Đức là nơi bốn tánh chủ chẳng phải do nơi công nghiệp thế gian (xây chùa, chép kinh...) mà cầu đổi cho được.
Vua hỏi lại: Chân lý tối cao của bậc thánh là gì?
- Khi tinh rõ thông suốt rồi thì không có gì gọi là thánh cả.
- Đối diện với Trẫm là ai?

- Không biết.
Vua Lương Võ Đế không lãnh hội được, lui về nghỉ. Tổ Đạt Ma biết căn cơ không hợp, Ngài lưu lại vài hôm rồi qua Giang Bắc, Ngài lên núi Tung Sơn, ở chùa Thiểu Lâm trọn ngày ngồi thiền đối vách im lặng trong chín năm". (6) (sách đã dẫn, trang 68-70)

Tổ Bồ Đề Đạt Ma là Sơ Tổ Thiền Tông Trung Hoa, đã ẩn chứng và truyền y bát cho Huệ Khả là vị Tổ Thiền Tông thứ hai, rồi truyền xuống ngài Tăng Xáng, vị Tổ thứ ba, ngài Đạo Tín, Tổ thứ tư, ngài Hoàng Nhãn, Tổ thứ năm và sau cùng truyền đến Huệ Năng là Tổ thứ sáu.

6. Giáo sư Nguyễn Đăng Thục, trong quyển "Thế Giới Thi Ca Nguyễn Du" (4) đã cho người đọc khám phá ra Nguyễn Du là một nhà Phật học, tinh thông Phật pháp qua bài thơ chữ Hán mà Nguyễn Du đã viết khi đến thăm "Lương Chiêu Minh Thái Tử Phân Kinh Thạch Đài" trong thời gian đi sứ sang Trung Quốc:

LƯƠNG CHIÊU MINH THÁI TỬ PHÂN KINH THẠCH ĐÀI

Ngô văn Thế Tôn tại Linh Sơn,
Thuyết pháp độ nhân hằng hà sa số.
Nhân liễu thủ tâm, nhân tự độ,
Linh Sơn chỉ tại nhữ tâm đầu.
Minh kính diệp phi đài,
Bồ đề bản vô thụ.
Ngã độc Kim Cương thiên biến linh,
Kỳ trung áo chỉ đa bất minh;
Cập đáo Phân Kinh Thạch Đài hạ,
Chung trì: vô tự thị chân kinh.

Bài dịch của Giáo sư Nguyễn Đăng Thục:

Ta nghe nói Thế tôn ở Linh Sơn,
Thuyết pháp độ người như cát sông Hằng.
Người ta giải được tâm này ấy là mình tự độ,
Linh Sơn chỉ ở tại lòng mình.
Tám gương trong không phải thật có đài gương,
Cây Bồ Đề cũng không phải cây thật.
Ta đọc kinh Kim Cương có hơn ngàn lần,
Ý nghĩa yền thâm trong ấy phần nhiều không hiểu;
Tôi nay đến dưới đài Phân Kinh này,
Mỗi biết rằng kinh không chữ mới thật là chân kinh.
(4) (Nguyễn Đăng Thục, Thế Giới Thi Ca Nguyễn Du, Xuân Thu, trang 174).

Nguyễn Du là một thiên tài về thi ca với khả năng uyên bác về văn học thế mà khi đọc Kinh Kim Cương cả ngàn lần Nguyễn Du vẫn chưa hiểu trọn vẹn nghĩa của kinh như Nguyễn Du đã viết. Xin được chuyển hai câu cuối của bài thơ sang tiếng Việt như sau:

Cập đáo Phân Kinh Thạch Đài hạ
Chung trì: vô tự thị chân kinh.

(Thạch Đài tìm đến hiểu ra
Chân kinh thật nghĩa chẳng qua không lời).

Vì Nguyễn Du học Phật và nghiên cứu kinh điển Phật Giáo đã nhiều năm một cách hết sức tinh tấn nhất là kinh điển Đại Thừa trong đó có Kinh Kim Cương mà Nguyễn Du đã đọc hàng ngàn lần, do đó vào năm 1813, khi Nguyễn Du đến thăm Phân Kinh Thạch Đài (xây vào khoảng thế kỷ thứ 6) và sau hơn 12 thế kỷ đã trôi qua, kinh điển nào thấy đâu? bao người tụng tri, nghiên cứu đã đi về đâu? Bây giờ ở nơi đó chỉ còn di tích hoang tàn đổ nát của Đài khiến cho Tâm Chân Như của Nguyễn Du bừng sáng để Nguyễn Du chứng ngộ Tánh Không (Synnyatta) của Kinh Kim Cương và đã thốt lên rằng Kinh Kim Cương chẳng qua không có chữ (vô tự): "Chung trì: vô tự thị chân kinh" (Chân kinh thật nghĩa chẳng qua không lời).

Nguyễn Du đã đọc kinh điển Phật để rồi quán sát thông suốt và nhận ra rằng lời kinh Phật nói ra đều là những pháp môn phương tiện dắt dẫn chúng sinh vào Đạo: như nước dùng để rửa bụi, như thuốc dùng để chữa bệnh.

Nay chúng được "thân không", "tâm không", "tánh không" thì tất cả các pháp đều không, kể cả Phật pháp trong khi đó có Kinh Kim Cương. Bệnh khỏi thì thuốc cũng trừ, gọi là chứng ngộ "Pháp không". Đức Phật đã dạy: "Như Lai thường nói: Nay Tỷ Kheo các ông nên biết ta nói pháp ví dụ như chiếc bè; pháp còn nên bỏ, huống là phi pháp" ("Như Lai thường thuyết: Nhữ đẳng Tỷ Kheo tri ngã thuyết pháp như phiệt dụ giả, pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp") (10) ("Kinh Kim Cang Giảng Giải", Thích Thanh Từ, đoạn thứ 6, trang 26-27, Phước Huệ Đạo Tràng, tái bản và ấn tống, Úc Đại Lợi, Phật Lịch 2531, 1987).

Ngã độc Kim Cương thiên biến linh
Kỳ trung áo chỉ đa bất minh
Cập đáo Phân Kinh Thạch Đài hạ
Chung trì: vô tự thị chân kinh.

(Kim Cương đọc đến ngàn lần
Mà trong mờ ảo như gần như xa
Thạch Đài tìm đến hiểu ra
Chân kinh thật nghĩa chẳng qua không lời)

7. Hai câu 5 và 6 trong bài thơ trên:
Minh kính diệp phi đài,
Bồ đề bản vô thụ (thọ)
là hai câu kệ mà Nguyễn Du trích từ bài kệ của Lục Tổ Huệ Năng (Hui neng, 638-713, Tây lịch) khi Lục Tổ còn học ở nơi Ngũ Tổ Hoàng Nhãn (xin tạm chuyển sang tiếng Việt):
Bồ đề bản vô thụ
Minh kính diệp phi đài
Bản lai vô nhất vật
Hà xứ nhá trần ai?

(Bồ đề chẳng có thân
Gương sáng cũng không đài
Xưa nay không một vật
Nào chỗ vướng trần ai?)

Bài kệ nói trên do Lục Tổ Huệ Năng viết sau khi đọc bài kệ của Thượng Tọa Thần Tú là thầy Giáo Thọ và cũng là đệ tử của

Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn. Thượng Tọa Thần Tú viết bài kệ như sau (xin tạm chuyển sang tiếng Việt):

*Thân thị bồ đề thọ
Tâm như minh cảnh đài
Thời thời cần phát thức
Vật sử nhá trần ai*

(Thân như cây bồ đề
Tâm như đài gương sáng
Giờ giờ cần phải sạch
Chỗ để vướng trần ai)

(5) (Pháp Bảo Đàn Kinh, Lục Tổ Huệ Năng, Thích Minh Trục dịch (Sài Gòn 1944, Phật Học Viện Quốc Tế xuất bản, Phật lịch 2531, Hoa Kỳ, 1987, trang 25, 29).

Chúng ta cũng không quên là Lục Tổ Huệ Năng đã chứng ngộ chân tánh khi Lục Tổ được nghe kinh Kim Cương:

"Huệ Năng này liền hiểu ý Tổ Sư, đến canh ba vào thất. Ngũ Tổ (Hoàng Nhẫn Đại Sư) lấy áo Ca Sa đắp cho ta; chẳng cho ai thấy, rồi nói kinh Kim Cang cho ta nghe, đến câu Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm. Nên không trụ vào chỗ nào mà sanh tâm mình". (Để cái tâm trống không, chẳng trụ vào đâu cả) (nguyên văn chữ Hán "Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm", câu này ở phần thứ 10 "Trang Nghiêm Tịnh Độ", trang nghiệm cõi thanh tịnh, trong kinh Kim Cương).

"Huệ Năng này nghe nói rồi liền rất tỏ sáng, biết rằng cả thầy muốn pháp chẳng lìa tánh mình, mỗi bạch với Tổ Sư rằng:

*Nào dè tánh mình vốn tự nhiên trong sạch
Nào dè tánh mình chứa đầy đủ (muốn pháp)*

*Nào dè tánh mình vốn không lay động
Nào dè tánh mình có thể sanh ra muôn pháp.*

Nếu chẳng biết bốn tâm, thì học pháp vô ích. Bằng biết Bốn Tâm và thấy Bốn Tánh mình, tức gọi là Trượng phu, là Phật, Thầy cõi trời và cõi người vậy". (5) (sách đã dẫn, trang 32-33)

8. THI HẢO NGUYỄN DU ĐÃ ĐƯA TRIẾT LÝ PHẬT GIÁO VÀ ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH :

8.1. Trong Đoạn Trường Tân Thanh, Nguyễn Du đưa triết học và tư tưởng Phật giáo vào trong thi ca như nghiệp, thiện căn, tâm, ... thí dụ như trong đoạn thơ sau:

Đã mang lấy nghiệp vào thân
Cũng đừng trách lẫn trời gần hay xa
Thiện căn ở tại lòng ta
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài (câu thứ 3252 ĐTTT)

* Chữ tâm ở câu thứ 3252 trong ĐTTT: "Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài" cũng là chữ "tâm" mà Nguyễn Du viết ở trong bài thơ Đề Tâm Thanh Động đã dẫn ở trên:

- Thủ tâm thường định bất ly thiền
(Lòng này thường định không rời cảnh thiền),

- hay chữ tâm trong bài Lương Chiêu Minh Thái Tử Phân Kinh Thạch Đài:
*Nhân liễu thủ tâm, nhân tự độ,
Linh Sơn chỉ tại nhữ tâm đài.*

(Người ta giải được tâm này ấy là minh tự độ,

Linh Sơn chỉ ở tại lòng mình).

- hay chữ tâm như nhữ trong bài thơ Tập Thi II đã dẫn ở trên:

Tử thời tâm kinh tự nhữ như.

(Tâm trạng quanh năm vẫn nhẹ nhàng)

Tâm mà Nguyễn Du nói đến là Tâm chân như vì "tâm chơn như là thể, tâm sinh diệt là tướng dụng, tâm này không hư vọng nên gọi là "chơn", không biến đổi nên gọi là "nhữ". Thế nên trong Luận (Đại Thừa Khởi Tín Luận - Đại Thừa Khởi Tín Luận (Sraddhotpāda) của Bồ Tát Mã Minh viết vào thế kỷ thứ 1, Tây lịch) mỗi mỗi nói: "Tâm chơn như, tâm sanh diệt". (7)

(Nguồn Thiền, nguyên tác Thiền Nguyên Chủ Thuyết Tập Đò Tự", Thiền Sư Tông Mật, Hòa Thượng Thích Thanh Từ dịch, Phật lịch 2512, 1969 Tây lịch, Chùa Khánh Anh, Pháp Quốc).

● Đại Thừa Khởi Tín Luận (Sraddhotpāda) của Bồ Tát Mã Minh viết vào thế kỷ thứ 1, Tây lịch.

8.2. Tác giả Mai Hiền Lương trong tác phẩm "Tiếng Lòng của Nguyễn Du" dày gần 300 trang gồm 21 bài luận, đã dẫn nhiều đoạn thơ trong Đoạn Trường Tân Thanh để giải thích và chứng minh là về mặt tư tưởng Nguyễn Du đã đưa triết lý của đạo Phật và ĐTTT. (8) (Tiếng Lòng của Nguyễn Du, Mai Hiền Lương, Nhân Duyệt ấn hành 1997, Gia Nã Đại).

Một thí dụ dẫn chứng của tác giả Mai Hiền Lương: mở đầu Đoạn Trường Tân Thanh (ĐTTT), Nguyễn Du đã đề cập đến cái KHỔ của kiếp người vì làm người là mặc nhiên chấp nhận KHỔ, và đây cũng là chân lý đầu tiên của Tứ Diệu Đế trong giáo lý nhà Phật: KHỔ, TẬP, DIỆT, ĐẠO. Triết học Phật giáo được trình bày rõ ràng trong hai chữ cõi người vì Đức Phật dạy rằng chúng sinh nếu không tu hành theo đạo giải thoát sẽ tái sinh trong chu kỳ luân hồi của sáu cõi (lục đạo): trời, người, atula, súc sanh, ngạ quỷ và địa ngục, và trong sáu cõi này chỉ có cõi người mới có những thuận duyên để tu hành con đường giải thoát theo Phật.

Trăm năm trong cõi người ta (câu thứ 1, ĐTTT)

Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau (2)

Trải qua một cuộc bể dâu (3)

Những điều trông thấy mà đau đớn lòng (4)

Hai chữ tài và mệnh đã được Nguyễn Du gán cho sự tưởng khác "ghét nhau" đã khiến nhiều người kết luận đơn giản và đã từng giảng dạy là Nguyễn Du chủ trương thuyết "tài mệnh tương đố". (8) (sách đã dẫn, trang 37-38).

9. LƯỢC KHẢO VỀ KINH KIM CƯƠNG BÁT NHÃ BA LA MẬT (VAJRACCHEDIKĀ-PRAJNĀPĀRAMITĀ SŪTRA)

9.1. Thiền Sư Thích Thanh Từ trong "Kinh Kim Cương Giảng Giải" đã giảng như sau:

"Kinh này do Đức Phật nói, nguyên văn bằng chữ Phạn (Sanskrit), sau truyền sang Trung Hoa được dịch ra chữ Hán.

A- Những nhà phiên dịch Phạn-Hán gồm có:

1. Ngài Cửu Ma La Thập (Kumārajīva): ở chùa tại Trường An (Chùa Thảo Đường). Vào niên hiệu Hoàng Thủy năm thứ tư, tức là năm 401 Tây lịch, thuộc đời Dao Tần. Ngài dịch tên kinh là Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật. Đây là bản có giá trị nhất, được gọi là định bản, vì sau khi dịch đến giờ đều được mọi người dùng để tri tụng. Bản này nằm trong bộ Tam Bảo tụng hàng ngày.
2. Ngài Bồ Đề Lưu Chi (Bodhiruci): đời Ngụy dịch tên kinh cũng đồng với bản trên tức là Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật, vào khoảng 508 dương lịch.
3. Ngài Ba La Mật Đa (Paramārtha) (Trung Hoa dịch Chân Đế): dịch vào đời Trần, khoảng giữa thế kỷ thứ sáu đề tên là Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật.
4. Ngài Đạt Ma Cấp Đa (Dharmagupta): đời Tùy, khoảng đầu thế kỷ thứ bảy, dịch tên cũng đồng là Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật.
5. Ngài Huyền Trang (Hiouen-Thsang): đời Đường, khoảng giữa thế kỷ thứ bảy, dịch chung trong bộ Đại Bát Nhã, 600 quyển, gồm 16 hội, "Kim Cang" là hội thứ 9, quyển 577 trong bộ Đại Bát Nhã.
6. Ngài Nghĩa Tịnh: đời Đường, đầu thế kỷ thứ tám, dịch tên là "Phật thuyết năng đoạn Bát Nhã Ba La Mật kinh". Ngài có đi Ấn Độ mang chữ Phạn về. Sáu nhà dịch đồng một bản kinh, nhưng về sau được chú ý nhất là các bản của Ngài Cửu Ma La Thập, Ngài Huyền Trang và Ngài Nghĩa Tịnh.

B. Kinh Kim Cang rất được các Thiền Sư và Giảng Sư Trung Hoa chú ý sở giải. Có cả thầy độ 10 nhà:

1. Ngài Trí Khải đời Tùy đề tên là "Kim Cang Bát Nhã kinh sở" gồm một quyển.
2. Ngài Kiết Tạng đời Tùy đề tên là "Kim Cang Bát Nhã sở" gồm 4 quyển.
3. Ngài Khuy Cơ đời Đường đề tên là "Kim Cang Bát Nhã Tân Thuật" gồm 2 quyển.
4. Ngài Tông Mật tức Ngài Khuê Phong cũng ở đời Đường đề tên là "Kim Cang Bát Nhã cương sở luận toát yếu" gồm 2 quyển.
5. Ngài Trí Nghiêm cũng thuộc đời Đường, đề tên là "Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật kinh lược sở" gồm 2 quyển.
6. Ngài Tư Cừ đời Tống đề tên là "Kim Cang toát yếu đại san định ký" gồm 7 quyển.
7. Ngài Tông Lạc và Như Khôi đời Minh, đề tên là "Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật chú giải" gồm 1 quyển.
8. "Kim Cang Chủ Gia" trích lời giảng của các Thiền Sư.
9. Gần đây có Ngài Thái Hủ, đề tên là "Kim Cang Giảng Lục".

10. Gần đây nhất là *Cử sĩ Giang Vị Nông*.

C. Về phần dịch Hán-Việt gồm có:

1. Thượng Tọa Trí Tịnh dịch trong bộ Tam Bảo tụng hằng ngày.
2. Hòa Thượng Thiện Hoa, dịch trong bộ Phật Học Phổ Thông (tức 12 nấc thang giáo lý).
3. Thượng Tọa Huệ Hưng dịch quyển "Kim Cang Giảng Lục" của Ngài Thái Hử.
4. Cử sĩ Đờ Nam dịch bản của ông Giang Vị Nông.
5. Quyển "Kim Cang Chủ Gia" cũng được dịch.

9.2. SỰ LIÊN HỆ GIỮA KINH KIM CANG VÀ THIỀN TÔNG

Đĩ nhiên ai cũng biết đức Lục Tổ khi gánh củi vào khách điểm bán, thấy có người đang tụng kinh Kim Cang, đức Lục Tổ nghe, tâm liền khai ngộ mỗi hỏi thăm và được biết là Ngũ Tổ Huỳnh Mai dạy đồ đệ trì tụng Kim Cang, do đó Ngài tìm đến học đạo.

Trong Thiền Tông, lúc Ngài Bồ Đề Đạt Ma truyền tâm ấn cho Ngài Huệ Khả, Ngài trao 4 quyển kinh Lăng Già (Lankavatara) để lấy đó làm tâm ấn.

Đến đời Ngũ Tổ, thấy Kim Cang là quyển kinh tối yếu trong nhà Thiền, Ngài dạy: chẳng những Tăng Ni mà cả Cử sĩ đều nên trì tụng kinh Kim Cang để an tâm. Thế nên trì tụng Lục Tổ đến học, vào trước giờ tụng y bát, Ngài đem kinh Kim Cang ra giảng. Khi giảng đến câu "Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm", Lục Tổ hoàn toàn liễu ngộ. Như vậy Lục Tổ ngộ đạo và được truyền y bát làm Tổ cũng nhờ nói Kim Cang. Do đó chúng ta thấy rõ tầm quan trọng của kinh Kim Cang đối với Thiền Tông.

Sau này trong các chùa và các thiền viện, bộ kinh này được xem như bộ kinh nhật tụng, và Ngài Khuê Phong cũng bảo Kim Cang là bộ kinh quý đặng để an tâm. Học kinh Kim Cang là học thẳng vào phướng pháp tu Thiền". (10) (sách đã dẫn, trang 1-3).

Trong kinh Kim Cang Giảng Giải, Thiền sư Thích Thanh Từ đã giảng một cách hết sức đơn giản và đưa ra nhiều thí dụ để người đọc hiểu và nắm vững được ý chỉ của kinh. Đến cuối sách Ngài cũng tóm tắt như sau:

TOÁT YẾU KINH KIM CANG

1. Lấy Trí Tuệ Bát Nhã quán xét tất cả pháp hữu vi đều không có tự tánh, vô thường sinh diệt.
 2. Nhờ quán xét vững chắc nên hàng phục tâm để dằng, đưa các vọng tưởng vào Vô Dư Niết Bàn.
 3. Vì buông xả các pháp và vọng tưởng nên tâm được an trụ.
 4. Tâm an trụ không dính mắc sáu trần nên Như Như bất động.
 5. Muốn trụ tâm phải buông xả dững dính sáu trần (bố thí không chấp tướng).
 6. Muốn hàng phục tâm phải đưa vọng niệm vào chỗ Vô Sanh.
- (2) (sách đã dẫn, trang 162).

9.3. Giáo sư F. Max Muller đã dịch Kim Cương (với phần giới thiệu viết tại Đại học

Oxford ngày 26 tháng Giêng 1894) trực tiếp từ chữ Phạn (Sanskrit) sang Anh ngữ với tên "The Vajracchedika or Diamond Cutter" trong quyển "Buddhist Mahayana Texts", trang 109-144, (quyển thứ 49 trong bộ sách "Sacred Books of the East Series" gồm 50 quyển), do Oxford University Press in năm 1894, và nhà xuất bản Motilal Banarsidass ở Ấn Độ tái bản vào những năm 1965, 1968, 1972, 1978. Bản dịch của Giáo sư F. Max Muller không có phần giảng giải nên đọc khó hiểu.

9.4. Ông Lu K'uan Yu (Charles Luk) đã dịch sang Anh ngữ bản kinh Kim Cương và phần giảng giải viết bằng chữ Hán của Thiền sư Te Ch'ing (hiệu là Han Shan, Hám Sơn) viết vào năm 1616 tại chùa Lục Tổ Huệ Năng ở Tào Khê, đời nhà Minh, Trung Hoa. Thiền sư Hám Sơn đã viết phần giảng giải kinh Kim Cương sau khi Ngài đã chứng ngộ và theo Ngài kinh chỉ nên chia ra làm hai phần: phần một để phá bỏ những kiến chấp còn thô sơ của những ai học Phật pháp, phần hai để xóa bỏ những kiến chấp vi tế hơn mà những người học Phật vẫn còn giữ lấy nhưng không nhận biết.

Bản dịch Anh ngữ của Ông Lu K'uan Yu (1959) là "The Diamond Cutter of Doubts", a Commentary on the Diamond Sutra, Vajracchedikā-Prajñā-Pāramitā Sūtra, by Ch'an Master Han Shan (from the Chin Kang Chueh I) được đăng tron bộ sách "Ch'an and Zen Teaching" First Series (và Second Series, Third Series) do nhà xuất bản Century Hutchinson Australia Pty Ltd., 1987, trang 147-206.

Nhận thấy những lời giảng giải của Thiền sư Te Ch'ing (hiệu là Han Shan, "Silly Mountain", Hám Sơn, 1546-1623) hết sức lợi ích cho những ai muốn hiểu rõ thêm về kinh Kim Cương nên trong tương lai chúng tôi nguyện sẽ cố gắng chuyển bản Anh ngữ này sang Việt ngữ để trình bày cùng đồng hương Việt Nam có thêm tài liệu để tham khảo.

Duyên lành bài viết vừa xong,
Quà Xuân Kỳ Mão, tỏ lòng tri ân.

Khởi đầu viết đêm 30 tháng 12, 1998, viết xong bản thảo ngày 2 tháng 2, 1999, những ngày cuối năm trước Tết Nguyên Đán Kỷ Mão 1999, Sydney, Úc Đại Lợi, Nam Bán Cầu.

● TÀI LIỆU HỌC HỎI VÀ THAM KHẢO

1. Vũ Khắc Khoan, Đọc Kinh, Bà Vũ Khắc Khoan tại Hoa Kỳ và An Tiêm xuất bản, 1988.
2. Giáo sư Hồ Đình Chủ, Trích giảng Truyện Kiều của Nguyễn Du, Việt Luận xuất bản, Sydney, 1996. Sách có in bài khảo cứu, trang 305, "Lời Bạt: Đầu năm Quý Dậu 1813 Nguyễn Du đi sứ Trung Quốc" của Hương Giang Thái Văn Kiểm, Paris Chiêu Anh Các, Xuân Ất Hợi 1995.
3. Thiền Chủ dịch, Kinh Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật, Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Việt Nam tại Cộng Hòa Liên Bang Đức, xuất bản năm 1984.
4. Nguyễn Đăng Thực, Thế Giới Thi Ca Nguyễn Du, Xuân Thu xuất bản, Hoa Kỳ.

5. Lục Tổ Huệ Năng, Pháp Bảo Đàn Kinh, Thích Minh Trực dịch, Phật Học Viện Quốc Tế xuất bản, Phật lịch 2531, Hoa Kỳ, 1987.
6. Vũ Thế Ngọc dịch, Bồ Đề Đạt Ma Tuyệt Quán Luận, EastWest Institute, Hoa Kỳ, 1983.
7. Thiền sư Thích Thanh Từ dịch, Nguồn Thiền, nguyên tác "Thiền Nguyên Chú Thuyền Tập Đờ Tự", Thiền Sư Tông Mật, Phật lịch 2512 (1969), Chùa Khánh Anh, Pháp Quốc.
8. Mai Hiền Lương, Tiếng Lòng của Nguyễn Du, Nhân Duyên ấn hành 1997, Gia Nã Đại.
9. Trần Trọng Kim, Việt Nam Sử Lược (quyển 2), Bộ Giáo Dục xuất bản, Sài Gòn 1971, trang 140-141.
11. Thiền sư Thích Thanh Từ, Kinh Kim Cang Giảng Giải, Phước Huệ Đạo Tràng, tái bản và ấn tống, Úc Đại Lợi, Phật lịch 2531, 1987.

12. Phụ chú: Nhà cách mạng Sào Nam Phan Bội Châu đã từng đọc kinh Kim Cương:

Nhà cách mạng Sào Nam Phan Bội Châu cũng đã từng đọc và nghiên cứu kinh Kim Cương vì Cụ Phan Bội Châu khi viết bộ sách Chu Dịch, Cụ đã viết về quẻ Phong Địa Quán như sau:

"Quán, quán nhi bất tiến, hữu phu, ngưng nhược, hạ quan nhi hóa dã. Theo như Soán tử, thời chỉ dùng một cách chỉ thành, nghiêm kính, khiến cho kẻ dưới dòm mình mà cảm hóa vậy.

Phụ chú - Ý nghĩa Soán tử đây, tượng như câu: thần vô nhi bất sát. Nghĩa là: dùng uy vô bằng một cách thần diệu, mà không cần phải giết người.

Tòng lai, việc vô tất có giết người, vô mà không giết người mới là thần vô. Tế tất có tiến, tế không dùng đồ tiến, mới có ý nghĩa thờ thần rất hay.

Kinh Phật có câu: "Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã, thị nhân hành tà đạo, bất đắc kiến Như Lai". Nghĩa là: Phật lý chỉ ở bản tâm, vô thanh vô sắc, nếu ai lấy thanh âm mà cầu ta ở thanh âm, lấy hình sắc mà cầu ta ở hình sắc, người ấy rất là làm đạo tà, không được thấy Đức Phật Như Lai.

Câu kinh ấy ý tứ cũng như lời Soán đây. Lấy mâm cỗ mà cầu thần, có khác gì lấy thanh sắc mà cầu Phật". (Sào Nam Phan Bội Châu, Chu Dịch, quyển thượng kinh, quẻ Phong Địa Quán, trang 414, nhà sách Khai Trí, Sài Gòn, 1969).

Bốn câu kệ mà Cụ Phan Bội Châu trích dẫn ở trên lấy từ kinh Kim Cương, đoạn 26, "Pháp Thân phi tướng", Pháp thân chẳng phải là tướng. (10) (sách đã dẫn, trang 134).

Nhược dĩ sắc kiến ngã (Nếu do sắc thấy ta)
Dĩ âm thanh cầu ngã (Do âm thanh cầu ta)
Thị nhân hành tà đạo (Người ấy hành đạo tà)
Bất năng kiến Như Lai. (Không thể thấy Như Lai).

VÒNG QUANH ĐẠI ĐỒNG

Đoàn du khách 17 người chúng tôi ngồi lại trong gian phòng rộng, lạnh lẽo trên mấy dãy ghế dài bọc nệm đen, dưới ánh đèn vàng vọt của nhà ga chính Bắc Kinh. Về vắng lặng càng tăng thêm phần âm đạm, khi cô hướng dẫn viên tới nói vài điều với hai nam nữ công an vừa kiểm soát chúng tôi ở cửa, rồi đi khuất vào một phòng nào đó, tuy phía cửa ra ngoài sân ga hãy còn một anh công an đồng phục ngồi sau chiếc bàn đặt chắn ở đó. Mấy người khách lữ hành đã bị chặn lại từ sảnh ngoài. Hay chúng tôi đã đến quá sớm, phải chờ gần tiếng rưỡi đồng hồ mới đến chuyển xe lửa hơn mười một giờ khuya. Mấy cuộc du ngoạn dồn dập thăm vội nhiều thắng tích, qua mấy ngày ở Bắc Kinh vẫn chưa lảng động. Món vịt Bắc Kinh chánh gốc cuối bữa ăn chiều, đã tiêu lũng lũng chỉ còn tồn tại nỗi ám ức vì giá đắt cổ mấy món thuốc Bắc, trót dễ tin mua đại ở Trung Y Viện truyền thống luyện kim đan. Trước lúc lên xe lửa, chúng tôi còn phải xếp hàng đợi cô công an và cô công nhân nhân viên hòa xa kiểm tra lại tên tuổi từng người và soát vé. Phải đến khi cả đoàn phân phối vào hết các ngăn buồng 4 người, mỗi người nhận 1 thẻ số, có hướng dẫn viên mỗi yên tâm khoác tay từ già. Ngăn buồng chúng tôi ở sát phòng vệ sinh của cả toa nên phải đóng kín cửa để ngăn "hương nồng" Trung Hoa bay vào. Hai giường tầng gắn sát hai bên vách đều trải nệm phủ ra trắng nhúng đã ngả màu ngà. Bên dưới khung cửa sổ che màn ren thưa hơi cũ, chiếc bàn đêm còn bám bụi quanh rìa và vết hoen khô nước trà quanh phích nước, mà nắp bàn đậy đã trở nên đen, khiến ai cũng ngại chẳng dám rót nước uống dù đang khát. Nhìn chung căn buồng có vẻ trường giả hơn xe lửa Ấn Độ một chút. Nhưng tối lúc chịu bàn chân vào gạch cửa kéo, để du người lên giường trên, bỗng nghe tiếng "rắc" lớn, cả căn buồng như muốn nghiêng về một phía. Khiến từ đó phải ngại, chẳng dám xoay trở nhiều sợ khung giường sắt không chịu nổi sức nặng hơn 80 kg của mình. Thật ra đèn đọc sách tắt đã lâu mà không sao chớp mắt được. Cú chập chồn trong tiếng sầm sập xe lửa chạy cho tới lúc nghe mọi người lục đục dậy lo vệ sinh buổi sáng. Rồi chuyển xe lửa chở đoàn chúng tôi đi lần đầu tiên trên đất Tàu, đã vượt 379 cây số đường sắt đến thành phố lớn nhất nhì tỉnh Sơn Tây.

Anh hướng dẫn viên đón ở sân ga là 1 thanh niên trẻ, mặt đầy mụn sần sùi đeo kính cận nói được tiếng Đức, nhưng mọi người đều nhỏ tiếng âm thanh tiếng Việt của cô Thành Lộ Lộ. Trên chiếc xe buýt chở chúng tôi về khách sạn Vân Cương, anh đã giải thích về thành phố Đại Đồng, một nơi lý tưởng cho cuộc du ngoạn ngắn ngày ở phía Bắc tỉnh Sơn Tây. Trong khi chúng tôi lơ đãng nhìn ra phố xá 2 bên vừa mở cửa và bắt đầu nhận dạng được 2 chữ Hán Đại Đồng trên các bảng hiệu tiệm buôn, hay các cổ số và chữ Sơn với 3 nét chia lên trời như 3 ngọn núi và chữ Tây là chữ 丌 ghép lũng chũng trên 1 hình vuông.

Thành phố 1 triệu dân này nằm giữa nội và ngoại Vạn Lý Trường Thành, giáp ranh Nội Mông ở phía Bắc, chiếm một diện tích 2000 km² trên cao nguyên hoang thổ và được bao bọc các mặt bởi những rừng núi, ở cao độ khoảng 1000 m. Khí hậu lục địa, nhiệt độ trung bình 40 độ C những mùa hạ có thể nóng tới 37 độ C và mùa đông có lúc xuống thấp dưới -29 độ C. (?)

Đại Đồng đã trải qua 2000 năm lịch sử, từ lúc trực thuộc vương quốc nhà Châu thời Chiến Quốc (453 - 221 TTC), rồi trở nên 1 quận dưới triều Hán, đến thời Bắc Ngụy các vua chúa đóng đô ở

đây, dưới danh hiệu là Bình Thành. Đông Văn Cương nổi tiếng được kiến tạo vào triều đại này. Thành phố sau đó trở nên thị trấn Vân Châu dưới triều nhà Đường và quận Đại Đồng thời nhà Liêu và tên đó đã được sử dụng cho tới ngày hôm nay. Ngôi chùa Hoa Nghiêm nổi tiếng là đất Tổ Thiên-Tông, được xây dựng dưới thời nhà Liêu và Thiệu-Hóa Tự còn tồn tại đến nay sau đợt trùng tu đời nhà Thanh. Vào đầu triều Minh, Chu Quế con trai thứ 13 của Chu Nguyên Chương, được vua cha, người sáng lập Vương triều, phong tước Đại Đồng Vương, đã để lại bức Cửu Long Bích làm chứng tích cho thời đại này. Sản phẩm căn bản của thành phố du lịch này là than đá chất lượng tốt.

Vân Cương Thạch Động :



Tọa lạc dưới chân ngọn Vũ Châu Sơn cách Đại Đồng Thị 16 cây số về phía Tây, là quần thể kiến tạo và điêu khắc xưa nhất và lớn nhất còn được bảo tồn ở Trung Hoa. Những chùa hang đầu tiên này trông rất hùng tráng nhờ điêu khắc theo kiểu thức chân phương và đường nét mỹ thuật mạnh mẽ.

Nhà Bắc Ngụy đã lập thành triều-đại, ngay khi các thực nghiệm điêu khắc những tượng Phật trong hang động tử Ấn Độ đã bành trướng sang phương đông. Vào năm 439, khi Đạo Vũ Hoàng Đế chinh phục Lương Châu (Tây vực Hoàng Hà tức tỉnh Giang Tô ngày nay) thì nhiều nhà sư, nghệ nhân và dân chúng bị cưỡng bách di cư đến để đô Bình Thành. Nên Phật giáo cũng phát triển



Đại tượng Phật Vân động

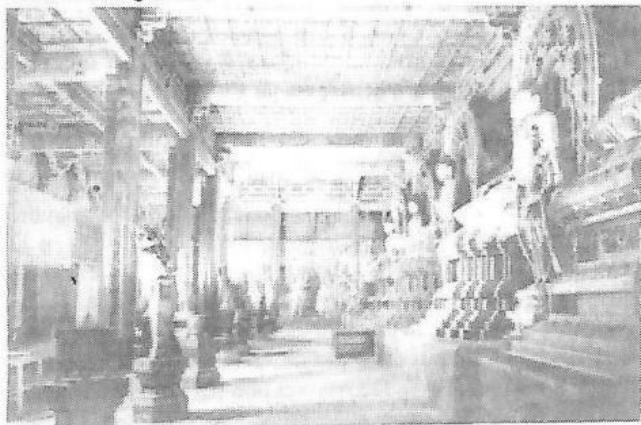
theo về phương Đông. Đến lúc Văn Thành Đế lên ngôi, giáo lý Phật Đà mới được phục hồi. Ngài hạ chỉ sắc phong vị Đầu Sư Đàm Diệu làm Quốc Sư, chỉ huy việc đục đào năm chùa hang, được gọi là Đàm Diệu Ngũ Động, để sám hối tội ngược đãi Phật giáo của Tiên Đế. Rồi để cầu an cho bá tánh, 10.000 nghệ nhân được lệnh đục thêm những thạch động nhỏ hơn kéo dài hai bên. Trong vòng sáu mươi mấy năm tiếp sau đó, đồ án vĩ đại quần thể Vân Cương Thạch Động đã hoàn tất, trải dài hơn 15 cây số từ Đông sang Tây. Hiện nay Vân Cương Động chỉ còn lại 1 cây số chùa hang với hơn 1100 hang động và khám tượng, bảo tồn được 51 ngàn mấy trăm pho tượng, cao từ 17 thước xuống tới 2 phân. Những động lớn thượng đẳng lên tới con số 53. Tất cả những tượng đá khắc chạm khéo léo này kết hợp hài hòa giữa văn hóa Trung Hoa và văn hóa ngoại quốc, đã cấu thành 1 kho tàng nghệ thuật nổi tiếng thế giới. Trước khi Phật giáo truyền vào Trung Hoa, nghệ thuật chạm khắc chỉ mới phổ biến trên những bức phù điêu. Đến thời chú tổ đem giáo lý của Đức Thế Tôn truyền vào

Trung thổ, thì loại tượng tròn theo phong cách Gandhara (âm Hán Việt là Kiên Đà La; Vương quốc Tây Bắc Ấn) cũng nổi gót du nhập vào. Quan niệm hình khối nghệ thuật này còn quá mới lạ đối với các nhà điêu khắc Trung Quốc. Những nhà Ngụy, thuộc bộ tộc miền Tây xứ sở rộng lớn này, đã dễ dàng tiếp thu ảnh hưởng ngoại lai. Rồi biến người Trung Hoa minh mông đã dần dần Hán Hóa. Tới thời nhà Tùy thì phong cách Kiên Đà La đã kết hợp hài hòa với truyền thống dân tộc.

Những pho tượng chính trong Đạm-Diệu ngũ động (được đánh số từ 16 - 20) cao từ 13,5 - 16,8 m. Tuy khác nhau về hình dạng và tư thế, những tác tượng đều hùng vĩ và đầy năng lực, mà theo nghiên cứu, đã được điêu khắc theo hình ảnh của vị Hoàng Đế đầu tiên triều Bắc Ngụy. Thạch động thứ 3 là thạch động rộng lớn nhất trong suốt dãy Vân Động, chạm khắc tượng Phật cao 10m và chú Bồ Tát châu hầu 2 bên, Thạch động được bảo trì hoàn hảo nhất mang số 6, điêu khắc trang nhã trên bốn mặt tường và trụ tháp phù đồ vuông nằm ngay chính giữa phòng hang sau, đã chạm nổi miêu tả cuộc đời Đức Phật, từ lúc đản sinh tới khi thành đạo. Các động 9 tới 13 đã được các họa sĩ đời Thanh tô vẽ những bức bích họa ngũ sắc rất tráng lệ. Nên được gọi là Ngũ Hoa động với nội dung phong phú và giá trị nghệ thuật cao. Hầu như trong tất cả các thạch động đều chạm khắc các phù điêu bảo tháp trên vách hay những trụ tháp ở góc động hoặc tháp phù đồ ở giữa động. Kiểu tháp xưa nhất này, bình đồ hình vuông, mang những tầng mái xòe rộng ra, giống như mô hình tháp canh thời cổ tìm thấy trong ngôi mộ nhà Hán (206 TTL). Trên chóp mái tầng cuối cùng của những hình tháp này còn hiện diện 1 vòng cầu phù đồ nhỏ, cùng cây tán lọng nhiều tầng. Trong khi các văn liệu xưa xác nhận, mãi tới thế kỷ IV mới xuất hiện những toà tháp nhiều tầng bằng gỗ. Trên nhiều toà tháp và khắp các mặt tường còn chạm khắc nhiều tượng Phật, hình dung cho thiên Phật chứng hiện cho ai dày công quán niệm thiên tịnh.

Tư thế trang nghiêm của các pho đại Phật tượng trong vùng chùa hang, thạch động cổ xưa rộng lớn nhất Trung Hoa, đã phổ biến được tâm vóc lớn lao của Phật Pháp trước nhân loại bé nhỏ. Sự phong phú của muôn ngàn tượng ý đã truyền đạt được thiên kinh vạn quyển giáo lý Phật Đà. Những công phu đục chạm núi đá của nhiều đoàn nghệ nhân trải qua mấy đời đã hình thành một công trình kiến tạo, điêu khắc thật vĩ đại. Đường khắc thẳng dọc sống mũi cao, nét chạm cặp mắt mở to, đôi vành môi mỉm cười hiền hoà, cùng những hàng hàng nếp áo và lớp lớp ngọn lửa hào quang của thiên Phật, hàng vạn Bồ Tát, chú vị La Hán và thần tướng, thiên nữ ca múa, tấu nhạc trời, chẳng những đã lưu lại hậu thế nhiều hình tượng mỹ thuật rất gần hiện đại, mà còn nhắc nhở sinh hoạt nghệ thuật cả một giai đoạn lịch sử cách nay gần 1500 năm.

Chùa Hoa Nghiêm :



Chánh điện chùa Thượng Hoa Nghiêm

Tọa lạc tại phía Tây thành phố. Phân làm Thượng và Hạ Hoa nghiêm, được xây dựng dưới triều nhà Liêu. Những điện đường thờ Phật tượng, trang trí bích họa, bày tử sách, đóng ô vuông trần chùa đều được bảo quản tốt. Với kiểu thức duy nhất đồng bộ và trình độ nghệ thuật cao, ngôi Phật tự này đã được xem như viện Bảo Tàng mỹ thuật lưỡng triều Liêu và Kim. Tòa Đại Hùng bảo điện của chùa Thượng Hoa Nghiêm là tòa chánh điện rộng lớn nhất trong các chùa Phật còn tồn tại đến nay ở Trung Hoa. Bên trong chánh điện thờ Ngũ Đại Phật tượng to lớn thép vàng, tọa thiền trên tòa sen, trên các mặt tường tô vẽ đầy kín những bích họa.

Bạt Già Phạm tàng kinh điện ở chùa Hạ Hoa Nghiêm được dùng lưu trữ các tạng kinh Phật. Bộ gạch chạm xây ở trung tâm thờ Tam Thế Phật và 28 tượng nhỏ hơn châu hầu chung quanh. Những pho tượng phong cách tạo nhã này, tưởng mạo lại thật uy nghiêm, biểu lộ rõ sắc thái linh hoạt trong những nếp áo buông thả tự nhiên đã tổng hợp thành những tác phẩm hiếm quý trong kho tàng nghệ thuật Trung Quốc.

Thiệu Hoá tự :



Thiệu Hoá tự

Nằm về phía Nam thành phố, nên người bình dân quen gọi là chùa Nam cổ. Chùa đã khởi công xây dựng dưới thời khai nguyên nhà Đường. Qua nhà Kim ngôi chùa kiến tạo tinh xảo này được tái thiết thêm phần tráng lệ, mà vẫn giữ được nét đơn giản ban đầu, không pha trộn tính cách ngoại lai của bộ tộc thống trị. Các pho tượng, bích họa đều hoàn chỉnh tốt đẹp.

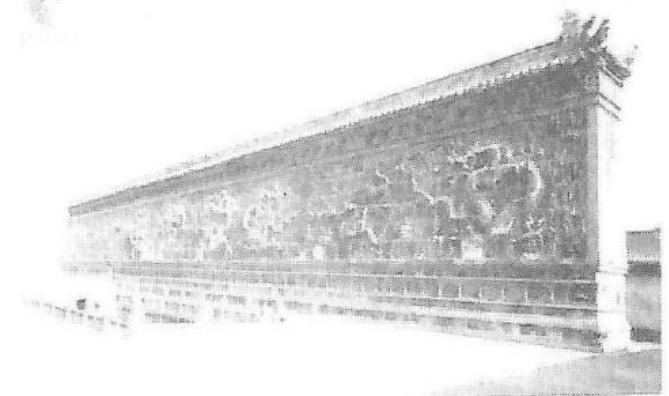
Cho đến nay chùa Thiệu Hóa đã cung cấp những chất liệu quan trọng cho việc nghiên cứu Kiến trúc các đời Đường, Tống, cũng như mỹ thuật điêu

khắc và hội họa lưỡng triều Liêu, Kim.

Cửu Long Bích:

Đại Đồng còn được biết đến như "Long Bích gia", nơi còn bảo tồn được các bức tường chạm rồng nguyên thủy.

"Cửu Long Bích" là tường bình phong, dựng trước cung môn



Cửu Long bích

vương phủ Đại Đồng vương Chu Quế, Thập tam Hoàng Tử của Minh Thái Tổ. Bức tường cao hơn 2 thước rưỡi được cẩn ghép

gạch tráng men màu, chạm hình chín con rồng vàng thật thẩm mỹ, đang tranh châu, hí thủy và vòn nguyệt trên sóng nước màu lục thắm, rất linh hoạt. Phía dưới xây nhiều hàng gạch men lam lớn nhỏ làm nền. Phía trên dựng hàng đầu cung trên đôi gỗ chỉ và chịu hai mái trúc ngò thiên thanh, để che đầu tường. Còn Ngũ Long Bích được xây dưới hai triều Minh-Thanh dựng trước chùa Nam cổ, đồng thời với các Tam Long Bích gắn liền theo các bức tường rào xây trước các phủ đệ.

Dưới tia nắng bình minh các bức Long Bích đều rực sáng huy hoàng, trải qua những thăng trầm của ngàn năm lịch sử, và về đêm các đường nét điểm ảo còn múa lượn dưới ánh đèn, rồi tiếp tục hiển hiện muôn màu lộng lẫy khi các tia sáng điện hiện đại rọi đến.

Huyền-Không Tự :



Huyền Không tự

Hằng Sơn, dãy bình phong phía Bắc, là một danh sơn trong quần sơn Ngũ Nhạc nổi tiếng của Trung Hoa. Vượt cao trên nền trời trong xanh, rặng Bắc Nhạc tạo nhả này được người xưa biết đến như vùng núi thiêng Lão giáo. Chùa Huyền Không, nguyên là một đạo quán, về sau mới *cải quán vi tự*, như được treo trên lưng chừng bờ dốc đứng cheo leo của vực thẳm Kim Long, cách chân Hằng Sơn 67 m. Khách thập phương vừa náo nức leo lên ngôi chùa đã trải qua hơn một nghìn bốn trăm năm lịch sử này, cũng vừa hồi hộp lo ngại cái kiểu kiến

tạo chông chênh duy nhất và đặc biệt tinh xảo này, nhất là khi vòng qua bao lớn ngoài giề ra quá xa, hay lúc trèo lên mấy cầu thang treo hẹp, lộng gió! Công trình kiến trúc gỗ không cần xử dụng một cây đinh, phân ra 40 phòng, thờ 80 pho tượng Phật và được xếp hàng đầu trong những danh lam cổ tích Trung-Hoa này đã được Xuxiaoke, nhà du lịch nổi tiếng triều Minh, miêu tả như một kỳ quan ảo diệu dưới vòm trời.

Thích-Ca Tháp tại Ứng huyện :

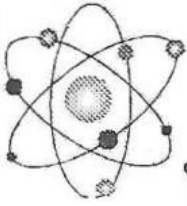
Theo chân Phật giáo từ Ấn-độ truyền sang, vào cuối thời Đông Hán, rồi phát triển mạnh qua Lục triều và đời Đường, toà phủ đồ (Stupa) nguyên thủy đã phối hợp với "Trùng Lâu" của nhà Hán, tạo thành kiểu kiến trúc Tháp rất đặc sắc, còn lưu truyền đến tận ngày nay, trong toàn vùng chịu ảnh hưởng kiến trúc Trung-Hoa. Buổi đầu người ta đã dựa theo chòi tháp canh trong các trang viện, để xây lên những ngôi tháp nhiều tầng mái thẳng toàn bằng gỗ. Rồi qua thời gian cả ngàn năm, các toà tháp cổ này đều bị mối mọt, thời gian phá hủy hết, chỉ còn hình ảnh chạm trên vách các thạch động Vân Cương và Long Môn (Hà Nam) cũng như ghi lại trên các bích họa trong động Đôn Hoàng (Tây bộ Cam túc). Duy chỉ ngôi tháp gỗ Thích Ca năm tầng ở chùa Cúng Phật, phía Tây Bắc huyện Ứng, tỉnh Sơn-Tây còn tồn tại như một thánh tích quan trọng của Trung Hoa về kỹ thuật kết cấu cũng như sức chịu đựng của gỗ với thời gian. Nhưng khác với toà phủ đồ Ấn-độ và toà tháp các nước theo Phật giáo Tiểu Thừa, vốn phình rộng nơi chân bệ và thân tháp, ngôi bảo tháp các chùa Đông Á chỉ vươn theo nguyên chiều cao, trên mặt bằng vuông hoặc đa giác, chia rõ nhiều tầng theo số lẻ bằng những vành mái. Được Diên-Hòa Hòa Thượng phụng sắc quyền tiền từ năm 936, khởi xây khoảng năm 943 và hoàn chỉnh vào năm 1056,

Thích-Ca tháp cao 67 m 31, phân 5 tầng chánh, như số tầng tháp thông thường đã xuất hiện từ thời nhà Lương Tổ; (thế kỷ VI) và bình đồ thân tháp hình bát giác, đường kính vòng tròn ngoài tiếp đo đúng 30 thước. Tầng trệt tháp rộng lớn nhất do trụ lang bao quanh và cũng cao nhất nên phải lợp nóc kép, hai vòng mái. Vì thế nhìn công trình màu vàng gỗ viền nhũ, điểm xanh trắng lẹ này từ bên ngoài sẽ thấy rõ sáu tầng mái. Các tầng chông lên trên nhỏ dần đều, mà chung quanh mỗi tầng lại thả bao lớn giề ra, đứng lan can gỗ sơn đỏ, chịu trên các bộ đầu cùng ba tầng nạnh gác. Đứng trên các tầng bao lớn này các du khách có thể nhìn bao quát quang cảnh Ứng huyện. Bốn tầng dưới đều phân thêm gác lửng, do đó các cầu thang bên trong thật ra dẫn lên tới 9 tầng. Cấu trúc toà tháp đã được kiến tạo đồng nhất: Các dàn cột chịu đựng chông lên nhau, chịu các đà chống toàn bộ khung sườn, dựng trên hai lớp nền đá cao 3 thước, qua 9 tầng lầu, gác, lên đến tận nóc bát giác, đốc cao 11 thước, gồm toàn những bộ phận bằng gỗ, liên kết chặt chẽ bởi vô số những mộng nhỏ và lỗ mộng, trên một hệ thống đầu cung phức tạp, nhưng được đục đẽo rất tinh tế, tổng cộng hơn 54 loại và các tầng tổ sục, con sơn chông đầu.

Đại Phật tượng Thích Ca, đặt tại Trung Tâm, cao suốt tầng trệt được thếp vàng, ngự trên tòa sen 3 tràng hoa, do 8 thần tướng xen kẽ với 8 Long Vương, dưới hình rồng quấn quanh cột chống đỡ. Bên trên che lọng gỗ chạm trổ hình hoa kết tổ ong ghép thành trần mái tháp bát giác. Các bức tường trong đều trang trí các bích họa nhiều màu vẽ hình các thiên vương hộ pháp và các thiên nữ dâng hoa, ca múa cúng dường. Các tầng trên cũng thờ các tượng Phật và các chú vị Bồ Tát ở trung tâm. Như một chứng nhân lịch sử ngôi bảo tháp này đã trải qua mọi loại tàn phá của chiến tranh với nhiều trận dội bom và hơn 200 lần pháo kích cùng 3 trận động đất mạnh, trong đó có trận địa chấn 7 ngày dưới thời vua Thuận Đế, vậy mà tháp không bị suy suyển, vẫn sừng sững trở gan cùng tuế nguyệt trải gần 1000 năm.

Vào năm 1974 nhân dịp trùng tu bảo tháp, các tạng cổ kinh quý báu, những bản gỗ in kinh và các bản thảo chép tay đã được khám phá. Đặc biệt trên ngực pho tượng chánh lớn nhất ở trung tâm tầng trệt, đã được khắc những hàng chú Đà La Ni. Tất cả đều là những dữ kiện quan trọng để nghiên cứu về những kinh nghiệm quá khứ, hoàn cảnh xã hội chính trị, kinh tế và văn hóa dưới triều nhà Liêu, cũng như để khảo cứu về chính công trình kiến tạo ngôi tháp. Trong lòng tháp Thích Ca, khoảng cách sàn nhà còn lại chung quanh các pho tượng Phật ở mỗi tầng rất rộng, đủ chỗ cho nhiều Tăng nhân, Phật tử vừa đi vòng quanh, vừa tụng kinh, rồi theo cầu thang tiếp tục lên các tầng trên. Từ đường chạy đàn mở ra các đường nối đến các ô khám, hoặc bàn thờ nhỏ trong lòng tháp, hoặc dẫn ra ngoài kết hợp với những vòng cột, tường vây bao quanh bệ tượng, cũng nằm trên bình đồ toà tháp, nhìn giống một vật thể rạn nổ thành đóa Mạn-Đà-La, tỏa ra tứ phương từ 4 cầu thang dẫn lên nền đá hình vuông và bát hưởng từ các cửa sổ trên các mặt vách gỗ, dựng trên nền gạch nung thủ hai hình bát giác. Mà trực nhân là những tượng Phật thờ ở giữa tháp, quay quần nổi lên suốt chín tầng, nhìn qua những đường xây cuốn trên trần tới các cửa sổ của các lầu gác bên trên, cùng mở ra bốn phương, tám hướng để soi sáng thế gian, theo ý nghĩa: Các binh xá lợi, tượng Phật tượng trưng cho thân Phật, còn kinh chú biểu hiện cho tinh thần Phật.

Kỹ công kiến trúc tháp gỗ ở Ứng huyện, hình dáng hài hòa và kết cấu tinh vi bằng hệ thống đầu cung, là một thành tựu tuyệt diệu về mặt kỹ thuật cũng như mỹ thuật, đã được Nhị đế Minh triều, Vĩnh-Lạc Hoàng Đế lúc Bắc phạt trở về ghé qua và Minh Võ Tôn Châu đến viếng, lần lượt hạ chiếu sắc phong là Thiên Hạ kỳ quan. ●



TRANG KHOA HỌC

G.s Lê Văn Quoi

Người mù & vận tốc:

Chuyển động của máy xe là chuyển động tuần hoàn có tần số xác định, số chu kỳ trong một giây. Máy quay càng nhanh, tần số càng cao, đồng nghĩa với vận tốc càng lớn. Khi máy xe dao động thì các bộ phận khác của xe cũng dao động theo được gọi là dao động cưỡng bức. Mỗi vật đều có tần số dao động riêng tùy thuộc khối lượng, hình dạng, sức căng dây, vật cấu tạo... của vật. Khi tần số dao động của máy xe bằng tần số riêng của một vật thì vật này dao động với biên độ cực đại gọi là cộng hưởng. Thí dụ:

* Để ý việc một bà mẹ đưa võng ru con: Khi tần số đưa đẩy của tay bà bằng tần số riêng của võng thì võng chuyển động với biên độ lớn, khác tần số đó võng sẽ không chuyển động tốt được. Tất cả các bà mẹ Việt Nam hiểu rõ việc này.

* Một đoàn bộ binh đi qua một cái cầu: Có thể nhiều người cùng qua một lúc cầu không sập, nhưng sẽ sập trong lúc ít người đi qua! Cầu sập không do quá trọng lượng mà do cộng hưởng, việc này tùy thuộc nhịp bước mau hay chậm của người lính.

Trước hết người mù phải được kể cho nghe với vận tốc nào của xe thì có sự cộng hưởng ở cửa trước, vận tốc nào ở cửa sau... thường của bên mặt khác của bên trái: Bởi vì ở đó cũng có chút gì khác biệt.

Như vậy người mù ngồi trong xe cũng biết được vận tốc của chiếc xe.

Giải đáp: (Bài đố vui để học trên báo Viên Giác số 103)

Mọi người trong chúng ta đều nhớ rõ ngày, tháng, năm sinh của mình. Vậy đố bạn ngày đó nhằm thứ mấy?

Để tính thứ trong tuần ta có công thức:

$$X = d + 2m + \left[\frac{3(m+1)}{5} \right] + y + \frac{y}{4} + \left[\frac{y}{400} \right] - \left[\frac{y}{100} \right] + 2$$

Trong đó:

d : ngày, m : tháng, y : năm, $[]$: làm tròn về phía dưới (Intg),

thí dụ: $[2,35] = 2; [45,13] = 45$ v.v...

Dư số của phép chia $\frac{X}{7}$ là thứ trong tuần.

Thí dụ: Nếu bạn sinh vào 30/04/75 thì:

$d=30, m=4, y=1975$. Thế các số ấy vào công thức ta có:

$$X = 30 + 2(4) + \left[\frac{3(4+1)}{5} \right] + 1975 + \frac{1975}{4} + \left[\frac{1975}{400} \right] - \left[\frac{1975}{100} \right] + 2$$

$$X = 30 + 8 + 3 + 1975 + 493 + 4 - 19 + 2 = 2.496$$

$$\begin{array}{r|l} 2496 & 7 \\ \hline 39 & 356 \\ 46 & \\ \hline \textcircled{4} & \end{array}$$

Vậy 30/04/75: Thứ tư.

Với quy ước:

-Tháng 1 và tháng 2 là tháng 13 và 14 của năm trước đó. Thí dụ: 01/02/1991 được đổi thành 01/14/1990.

-Trường hợp chia đúng, đồng nghĩa dư số là 7, ta có thứ bảy.

Kết quả suy ra được:

*Chủ nhật là ngày thứ nhất trong tuần chứ không phải ngày "cuối tuần", vì ta có dư số là 1 chứ không phải 8.

*Chúa sinh ra đời vào ngày thứ hai, vì ta có $X=2$.

Đố vui để học

Trong đời sống hàng ngày của chúng ta, mọi người không nhiều thì ít bị chi phối bởi những biến cố mà trong đó sự ngẫu nhiên đóng vai trò quan trọng. Một số những sự việc xảy ra này được mô thức hóa bằng những công cụ cơ bản của môn xác suất và không ít những mô thức ngẫu nhiên đơn giản ấy đưa đến những kết quả ngạc nhiên thú vị. Mời các bạn theo dõi thí dụ sau đây:

Cố lẽ các bạn đã xem trò chơi này trên T.V: Có ba chiếc xe mới toang trên sân khấu, một cặp nam nữ dự thi được phát một chìa khóa xe. Họ được phép chọn một trong ba chiếc xe và đến mở máy. Nếu như chìa khóa của họ mở được máy chiếc xe mà họ đã chọn thì chiếc xe này thuộc về họ, nếu không được thì kể như thua cuộc dĩ nhiên không nhận được xe! Giả thiết rằng bạn là người dự thi, nhận được một chìa khóa xe, trên sân khấu có ba chiếc xe, bạn chọn một, vừa định lên mở máy xe thì người điều khiển chương trình đến mượn chìa khóa của bạn. Ông ta lấy chìa khóa này đến mở máy một chiếc xe khác và xe này không nổ máy! Sau đó ông ta trả chìa khóa cho bạn và cho bạn chọn một trong hai điều:

1/ Giữ ý khiến như cũ (Nghĩa là tiếp tục chọn chiếc xe mà lúc đầu bạn đã chọn).

2/ Chọn chiếc xe còn lại.

Hỏi bạn phải chọn điều nào để xác suất có xe của bạn lớn nhất?



Mọi phản ảnh xin gửi về: Le van Quoi, Department of Physics, Lorentzweg 1, Delft University, Holland.

Chánh sách tiêu diệt Phật Giáo từ trong trường nước của nhà nước Việt Nam

LỜI GIỚI THIỆU:

● Thích Hạnh Tấn

Một con ngựa đau cả tàu không ăn cỏ, loài vật còn thương nhau đến thế! Trong khi đó thì chánh quyền Việt Nam không ngừng nghỉ thẳng tay tiêu diệt những thế lực nào có khả năng và điều kiện ảnh hưởng quần chúng, vì trong hệ tư tưởng cộng sản không thể có một sức mạnh thủ hai tồn tại ngoài Đảng.

Chủ trương của nhà nước Việt Nam không hề thay đổi, không hề mở rộng và cũng không hề tân tiến hơn trong thời còn sống ở đây Trường Sơn. Sau những năm tháng chịu sức ép của thế giới, chánh quyền Việt Nam đã trả lời những câu hỏi về tự do tín ngưỡng và quyền làm người bằng thái độ ngạo nghễ mở cửa cho những Tăng Ni đi du học ở nước ngoài, có lẽ đây cũng là một niềm tự hào của nhà nước Việt Nam hiện nay, vì họ thường nói rằng: "dưới chế độ Cộng Hòa, nhà nước chưa từng phê chuẩn cho nhiều Tăng Ni đi học như thế". Việc này không sai, nhưng khi thấy mình không còn có thể kiểm soát số lượng Tăng Ni sang Ấn du học, thì những chiêu bài mới đã được mở ra với nhãn hiệu của những năm 75, 76 được dùng lại như: để giúp đỡ lẫn nhau khi có việc khó khăn, để tương trợ nhau khi cần thiết v.v... Sử quán đã không ngần ngại ra những điều luật thật đi quá sai sự phát triển văn minh thế giới đến hàng vài mười năm là ít. Những gong kèn được đưa ra để bóp cổ cấm không được kêu ca với người nước ngoài (qua điều luật: không được tiếp xúc và liên lạc với người nước ngoài), không được có sự hiểu biết rộng rãi về thông tin thế giới (cấm đọc báo chí, tài liệu nước ngoài), mọi hoạt động đều phải thông qua Sử quán và Tổ chức nhóm với Nhóm trưởng phê chuẩn trước khi lên gặp Sử quán. Khi đọc những điều như trên tôi muốn tượng trở lại cảnh Miền Nam Việt Nam sau khi bị tiếp thu vào tháng 4 năm 75. Cũng những luận điệu đó, cũng những quy chế đó, cũng những

trò lừa đảo đó!!! Những người dân ngán cổ khó kêu, mà kêu thì bị chịch kềm lập tức xiết vào thế thì biết như thế nào bây giờ. Tuy vậy, hễ tức nước thì vỡ bờ. Nên vẫn có tiếng nói từ trong những tấm lòng kiên cường phát ra. Hôm nay xin giới thiệu đến quý độc giả các phản ảnh của những con người vừa bị chà đạp nhân phẩm và tự do trên đất nước tự do tại Ấn Độ. Có thể những sự kiện dưới đây chỉ là những thông tin mới góp thêm vào tập hồ sơ vốn đã quá nhiều những thông tin tưởng tự về các sai lầm của chủ nghĩa cộng sản mà nhà nước "Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, Độc Lập, Tự Do, Hạnh Phúc" đã và đang không ngừng chữa. Nhưng vì vô minh trầm trọng và chùng tụt quá nặng nề nên sai vẫn hoàn sai, chữa thì có 'chữa', và sai lại thêm sai!!!

CHÁNH QUYỀN VIỆT NAM ĐANG BÓP CHẾT MỀM NON PHẬT GIÁO

● Ân Danh

Từ nửa thế kỷ thứ hai đến đầu thế kỷ thứ ba, Phật Giáo đã có mặt trên mảnh đất thân yêu Việt Nam, và đã là người bạn song hành với dân tộc đi suốt chặn đường dài lịch sử cho đến ngày nay. Khi đất nước suy vong Tăng lữ chính là người cổ xúy phong trào đánh đuổi ngoại xâm để giành lại chủ quyền, khi đất nước thanh bình cần bàn tay xây dựng cơ đồ thì Tăng lữ không những là người liên kết nhân tâm mà họ còn cống hiến trí lực, nhân lực để phục vụ cho giáo dục, ngoại giao và những kế hoạch dân giàu nước mạnh của quốc gia, bởi Tổ quốc Việt Nam và đạo Phật chỉ là một.

Ý thức được nhiệm vụ thiêng liêng của các bậc Tôn sư đi trước, Tăng Ni sinh thế hệ hậu bối chúng tôi đã tự phát nguyện nâng cao kiến thức, nhằm đáp ứng cho xã hội văn minh và con người thời đại, nên đã xin đi du học tự túc ở nhiều nước trên thế giới, trong đó đất nước Ấn Độ có đến 110 Tăng Ni và gần 95% đang theo học Phân khoa Phật Học, ngõ hầu trong tương lai sẽ về phục vụ cho Đạo Pháp và Dân Tộc. Cử tưởng đâu nguyện vọng chính đáng đó sẽ được thực hiện trong mai sau, nhưng nào ngờ việc cho đi du học chỉ là công cụ ngoại giao "tự do tôn giáo trên thế giới mà chính quyền Việt Nam đang áp dụng để nhằm che

đậy chính sách chủ trương vô thần mà trước đây họ đã mạnh tay đồn phá tre già" và "quy chế quản lý lưu học sinh Việt Nam tại Ấn Độ" do Đại sứ Phạm Sĩ Tam ký vào ngày 20/11/98 là kế hoạch tiếp theo để triệt hạ mầm non Phật Giáo trong hiện nay và tương lai. Sau nhiều tháng đi gõ từng cửa quản lý của chính quyền và trong đợi gần đến mỗi mòn mỗi nhận được số hộ chiếu, đó là nói với những người được may mắn, còn những ai có thân nhân trước đây đã phục vụ cho chế độ Việt Nam Cộng Hòa thì mãi mãi chôn vùi lý tưởng phục vụ theo chuỗi dài thời gian, mặc dù, là họ luôn hồ hào với thế giới "Việt Nam luôn đối mỗi tư tưởng "xóa bỏ mọi hận thù, hàn gắn mọi đổ vỡ trước đây, để cùng nhau vun đắp cho quê hương" nhưng thực tế họ vẫn đang áp dụng câu châm ngôn: "nhỏ cỏ nhỏ tận gốc". Thoát qua được cửa ải tại quê hương, củi gỗ là sẽ được chấp cánh bay cao vào khung trời kiến thức của Phật học và một vài chuyên ngành khác, nhưng nào ngờ, vẫn không thoát được chính sách ngu dân và chủ nghĩa vô thần của cộng sản dành cho một tôn giáo lớn như là Phật Giáo.

Theo chúng tôi biết, số lượng Tăng Ni đang du học từ năm 1991 đến năm 1994, thì không hề có một điều lệ nào được đặt ra, mặc dù con số đã lên đến 30 người vào cuối năm 1994. Họ chỉ chịu sự quản lý của trường đại học và họ được tự do học bậc cao hơn nếu họ đủ số điểm yêu cầu, không hề dính dáng gì đến Bộ Giáo Dục và đào tạo tại quê nhà, bởi họ được đi học là do Ban Tôn Giáo chính phủ và công an đồng ý. Nhưng kể từ năm 1997 trở về sau này, nếu du học sinh nào có nguyện vọng học lên cấp bậc cao hơn (chẳng hạn từ Cử nhân lên Cao học, từ Cao học lên Phó Tiến sĩ hay Tiến sĩ) thì phải chịu sự kiểm soát của Đại sứ quán Việt Nam đặt trách tại Ấn Độ cùng với Bộ Giáo Dục và đào tạo tại quê nhà. Tại sao lại có chuyện chông chéo quyền lực lên nhau như vậy? Điều này cũng dễ hiểu, những ai được cấp học bổng thì đã là người trong "nhà" hay "láng giềng." Cần gì đến chế độ quản lý, vậy luật pháp mỗi ban hành là nhắm đến đối tượng Tăng Ni du học tự túc, với số lượng hơn 100 người mà lại không phải là người thuộc hai đối tượng trên, và họ sẽ làm gì khi tất cả đều là Tiến sĩ.

Trước khi quy chế đó áp đặt cho du học sinh, thì Tăng Ni có làm bản Kiến Nghị và đồng thời cộng với 64 chữ ký

trên tổng số 69 Tăng Ni có mặt tại Delhi trong thời điểm đó yêu cầu hủy bỏ cái ách mới chuẩn bị trồng lên cổ du học sinh mà đối tượng chính là Tăng Ni. Những hoàn toàn vô hiệu hóa bởi những lời đường mật, hăm dọa và hứa hẹn sau cuộc chạm trán gần bốn giờ đồng hồ tại Sứ quán vào ngày 29/08/98 do Tham tán thủ nhất Nguyễn Sĩ Sung làm chủ tọa. Quả đúng như lời của cựu Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu từng tuyên bố trước đây "đừng tin những gì cộng sản nói mà hãy nhìn kỹ những gì họ đang làm". Bởi vì, sau đó hai tháng du học sinh chính thức bị kèm kẹp với "bản quy chế lưu học sinh Việt Nam tại Ấn Độ" do Đại sứ Phạm Sĩ Tam ban hành vào ngày 20/11/1998, có tất cả là 13 điều, nội dung những điều đó cũng giống như những gì trước đó bị phản đối, chỉ có khác đi là sử dụng từ ngữ khuôn sáo, hoa mỹ nhằm đánh lừa người ngoài cuộc, để bóp chết kiến thức Tăng Ni, mặc dù họ chỉ là những Tu sĩ bình thường, với ước nguyện phục vụ cho Đạo Pháp và Dân Tộc. Trong 11 điều khoản gọng kèm chung chung của chính quyền, nếu không được hủy bỏ về sau này thì Tăng Ni vẫn có thể kham nhẫn và chịu đựng được, bởi ông Hồ Chí Minh từng tuyên bố "Để đến mấy dân cũng không tuân chịu, đâu khó vạn lần dân liệu cũng xong" nên Tăng Ni thường động viên cho nhau rằng, ráng cắn răng chịu đựng để đánh đổi được kiến thức, và phải đóng thuế thân (thuế công dân) hàng năm mỗi người là 10 US\$ (hay 400 Rs) cho Sứ quán. Vậy thì điều 5 và 9 đã quy định những gì mà Tăng Ni phải phản đối và coi đó là dụng ý thâm độc của chính quyền đang áp đặt cho họ? Trong điều 5 có tất cả là 6 ý và ý thứ 6 đã nêu như sau: "Nhận xét của đại diện đơn vị lưu học sinh". Có lẽ mỗi nghe qua chúng ta sẽ nghĩ đó là điều vô thường vô phạt nhưng theo chúng tôi được biết thì không thể bình thường, bởi vì người đại diện đơn vị của một ngành học là do Sứ quán chỉ định để kiểm soát từ từ từng đến hành vi của tất cả thành viên như: không được nghe tin tức, đọc sách báo và tiếp người nước ngoài v.v..., đồng thời nếu vắng mặt những buổi sinh hoạt của hội lưu học sinh do Sứ quán thành lập thì cũng bị coi là không đủ tư cách đạo đức! Trên phương diện đó, người Trưởng nhóm có thể phê chuẩn người khác với bất cứ lý do gì để vừa lòng Sứ quán hoặc giả muốn được nâng đỡ. Đó là nền

chân lý của chủ nghĩa cộng sản Liên Xô đã sụp đổ mà chính quyền Việt nam vẫn còn trung thành áp dụng cách quản lý mắc xích và trò xáo thịt nồi da từ những năm 1975, và họ đã thành công rực rỡ trong chiến lược chia rẽ cộng đồng Phật giáo, cho đến ngày nay vẫn còn tác dụng!

Điều thứ 9: Thủ tục xin chuyển tiếp sinh; Những điều kiện nêu ra cho thấy rằng, chính quyền Việt Nam đang chơi cái trò "thừa gió bẻ măng" hoặc "đánh lận con đen" trực tiếp với người trong và ngoài cuộc. Bởi họ biết rõ Ấn Độ là một nước chậm phát triển, bộ máy hành chính thì cồng kềnh và quyền lực thì chông chéo lên nhau, nên đã nhân hoàn cảnh đó mà mượn tay người Ấn bóp chết một phần mà không bị mang tiếng. Xin đón cử một việc: Từ Cao học muốn học lên Phó Tiến sĩ (Thạc sĩ) hoặc Tiến sĩ thì phải chuyển đổi từ học sinh Visa sang nghiên cứu sinh Visa, trong thời gian chờ đợi sự chấp thuận khoảng 6 tháng thì sinh viên có thể bị trục xuất ra khỏi Ấn Độ bất cứ lúc nào vì hết Visa. Tuy nhiên trường hợp trên vẫn có thể may mắn vượt qua được, bởi luật pháp Ấn Độ không có một sự nhất quán. Hơn nữa mặc dù chậm chạp về thủ tục hành chính nhưng chính quyền Ấn Độ tuyệt nhiên không trừ dập cá nhân do bất đồng chính kiến. Biết được ngộ thoát này nên chính quyền Việt Nam mỗi bầy thêm một cái bẫy khác để chờ đợi những ai thoát được từ phía Ấn Độ thì vẫn phải rơi vào cái bẫy thâm độc là chờ thủ tục chấp thuận của Vụ sau Đại học, trực thuộc Bộ Giáo Dục và đào tạo từ phía Việt Nam mà bản thân của người bị bẫy đó không thể oán trách nhà nước Việt Nam mà cứ xem đó là một tai nạn bình thường!

Còn phương diện dụng ý với Tăng Ni ra sao? Nếu vẫn thoát qua được những trường hợp trên, đến lúc đó họ vẫn có lý do để ngăn chặn, bởi có khoảng 80 Tăng Ni đang học một ngành Phật học, nên đề tài sẽ chẳng khác bao nhiêu vì cùng một nền chân lý. Đấy chính là chỗ để họ viện cớ: đất nước và giáo hội chỉ cần vài người để phục vụ. Thì làm gì trong hàng ngũ của Phật giáo ngày nay lại không có những con người sẵn sàng bán đứng Giáo hội để tiếp tay với chính quyền, bóp chết mầm non Phật giáo đang cố gắng tồn tại và vươn lên bằng con đường du học tự túc, với thiện chí phục vụ Đạo Pháp và Dân Tộc.

Chúng tôi cũng là những du học Tăng nên biết họ là những con người rất có khả năng trong tương lai nếu những nỗi bất hạnh kia đừng xảy đến với họ, nên chúng tôi không thể nào lặng thinh khi nhìn họ xếp bút nghiên, mà phải phản ánh những sự việc đen tối trên thành tiếng nói trung thực và mặc cho búa rìu của chính quyền Việt Nam có ảnh hưởng đến sự sống còn của bản thân cũng chẳng lấy gì làm nao núng. Nên chúng con cũng thiết tha đánh lễ Chư Tôn Đức khắp nơi trên thế giới, Tăng Đoàn Bảo Vệ Chánh Pháp và những ai luôn quan tâm đến sự thịnh suy của Phật giáo và dân tộc, hãy đứng về phía du học Tăng Ni, phá tan những âm mưu đen tối của chính quyền để giúp họ tung đôi cánh thiên thần vào bầu trời mở ước hoài pháp, độ sanh trên mảnh đất Việt Nam thân yêu trong tương lai, và xây dựng lại cơ đồ đã hơn một lần đổ nát, lúc đó chúng ta mới có quyền nhìn nhau mà cười, rồi ôm nhau mà khóc!

Ngay từ bây giờ, chính là lúc chúng ta cùng nhau gióng lên từng hồi chuông cảnh tỉnh trên khắp các diễn đàn, cho chính quyền Việt Nam thấy rằng, cần phải có chính sách đúng đắn đối với các tôn giáo nói riêng và cho dân tộc nói chung, không còn cảnh đói nghèo lạc hậu, đồng thời tránh xa con đường không có tương lai, mà ngay cả người thầy Liên Xô cũng phải khai tử lý tưởng ảo huyền của chính mình. Có như vậy thì đất nước Việt Nam trong mai sau mới sánh vai được các nước bạn bè trong khu vực và cùng hòa nhập thế giới đi lên xã hội văn minh, con người thời đại của thế kỷ thứ 21. Thực hiện được như thế người cộng sản mới xóa được vết nhơ trong dòng lịch sử và ông Hồ Chí Minh mới không còn bị coi là tên tội đồ của dân tộc.

NỖI NGHỆ CHỐN THA HƯỞNG

● Ấn Danh

Tôi viết bản văn này không dừng trên cương lĩnh của một nữ tu sĩ Phật Giáo mà dựa trên tinh thần nữ sĩ Việt Nam bất khuất, nung nấu vào tinh trung can của Bà Trưng, Bà Triệu, hay gần hơn nữa là noi gương các vị Sư cô đã vị pháp thiêu thân cầu nguyện cho Phật Giáo Việt Nam trong thập niên sáu mươi. Người phụ nữ chúng tôi thường mặc cảm yếu hèn trong xã hội, từ Âu đến Á, chúng tôi đều được đặt

vào địa vị nội trợ nghĩa là giúp đỡ bên trong, để phái nam có thể vẫy vùng bên ngoài. Tuy nhiên thời gian thay đổi, xã hội ngày càng phát triển và vai trò người phụ nữ trong thế giới ngày nay là vai trò sánh vai cùng nam giới để xây dựng tương lai Đạo Pháp và Dân Tộc. Nhờ khi xưa Đức Phật đã từng tuyên bố người nữ cũng có khả năng thành Phật, nên tôi mạnh dạn bước vào hàng Tăng lữ Phật Giáo. Nay đứng trước cánh ực lòng không dưng, bị đè nén quá mức, nên mặc dầu tánh nhút nhát vẫn còn, nhưng vẫn muốn bày tỏ những nỗi niềm sâu kín đến tất cả mọi người.

Là một nữ tu sĩ Phật Giáo tại Việt Nam tôi mang ước nguyện góp tay vào công cuộc xây dựng Đạo Pháp ở quê nhà. Từ khi Giáo Hội mời cho chúng tôi cơ hội học tập để nâng cao kiến thức, tôi vô cùng cảm kích và thấy rằng có sự đối xử bình đẳng giữa Tăng Ni. Thế rồi, ngày tháng trôi qua tôi đã hoàn tất quá trình đào tạo của trường cao cấp và được khuyến khích đi du học. Ban đầu phân vân vì phận người nữ khó khăn vạn điều, quý thầy dầu sao cũng dễ dàng có thể lẩn xả sống, chủ chúng tôi thì sao? Kinh tế đối với bên Ni cũng khó hơn bên Tăng vì không tiếp xúc Phật tử nên không quen biết và vì không quen biết thì không người ủng hộ tài chánh v.v... các duyên củ như thế mà tiếp diễn. Tuy thế tánh bất khuất của người phụ nữ Việt Nam hình như cũng có trong tôi, nên tôi đã mạnh dạn nộp đơn. Khi nộp đơn rồi tôi mới hối hận!!! Một ngàn lĩ một khó khăn bắt đầu, nào phải chạy từ phường đến quận, từ quận đến tỉnh, từ tỉnh đến thành phố, từ thành phố tôi phải lặn lội ra đến Hà Nội, tốn kém không biết bao nhiêu là tiền của, mồ hôi, những thủ tục hành chánh (nộp mười mấy tấm ảnh và số lượng tương tự đơn được điền) và những thủ tục "đầu tiên" đã được tiến hành. Cuối cùng tôi cũng sang được Ấn Độ. Việc học bắt đầu, tình thật mà nói, vốn liếng tiếng Anh của tôi tệ lắm nên học tập vất vả, nhưng nhờ sự hướng dẫn của quý thầy cô sang trước nên cũng khắc phục được các khó khăn đó. Giờ thì tiếng Anh tôi khá hơn nhiều thì lại bị mang thêm một cái gông mới do Sứ quán Việt Nam tại đây áp lên làm tôi chết điếng cả người. Chúng tôi đã kêu la thống thiết trước đó, khi Sứ quán mới ra một bản dự thảo. Trong bản Kiến Nghị chúng tôi đề ra, những danh từ hoa mỹ nhất đã được dùng và chúng tôi cũng không

hà tiện lời khen ngợi Sứ quán như "Sứ quán Việt Nam đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho sinh viên" một số môn có tính chiến lược và mũi nhọn đã được chính phủ đầu tư phát triển "với sinh viên đi du học tự túc, dự thảo này đã khuyến khích về việc tự do chọn các môn học và khẳng định quyền tự do lựa chọn đó...", mặc dầu trên thực tế là Sứ quán luôn làm khó để chúng tôi mỗi khi chúng tôi có việc cần nhờ Sứ quán ký giấy chứng nhận hay gia hạn hộ chiếu v.v... (dĩ nhiên là việc này không đúng đối với những vị thân với Sứ quán hay làm việc cho họ), nhưng nào có ăn nhập gì!!! Kết quả là họ đã đưa ra một bản quyết nghị và nói thẳng thừng là chúng tôi chỉ có phận sự thì hành chủ hoàn toàn không được có ý kiến. Nếu ý kiến thì sẽ bị kỷ luật. Họ còn đưa ra những điều luật vô cùng phi lý. Đi học thì không cho một đồng một chữ, nhưng lại cấm liên lạc với người nước ngoài, trong nước thì các Sứ bả chúng tôi làm sao có đủ tài chánh để lo cho chúng tôi trong suốt mấy năm trường học tại Ấn Độ, chi phí tại Ấn so ra gấp mấy lần tại Việt Nam!!! Phần lớn các nguồn tài chánh tôi nhận được là do một số Phật tử bên Mỹ và Châu Âu gởi sang ủng hộ, thỉnh thoảng thì quý thầy sang hành hướng cũng biểu cho một ít để cầm cự. Nếu đoạn giao với những vị ấy thì chẳng khác gì nhà nước bảo chúng tôi thôi đi về cho rồi, về mà lo chuyện bếp núc trong chùa ấy! Mà đoạn giao thế nào được, ngoài vấn đề tài chánh chúng tôi còn liên hệ nhau qua tình cảm, đôi khi là tình gia đình, có lúc là tình sư môn v.v...

Còn vấn đề muốn học tiếp phải có sự đồng ý của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo tại Việt Nam và giấy phê chuẩn của Giáo Hội thì quả thật là nhiều khế. Chúng tôi đâu có quen chạy lo các việc giấy tờ rườm rà như vậy và lại Giáo Hội thì trăm công ngàn việc, đâu có biết cô Thích Nữ Diệu A, cô Thích Nữ Huệ B v.v... là cô nào mà phê chuẩn. Nếu có phê chuẩn thì có lẽ sẽ phê chuẩn cho các thầy trước còn cho các cô thì cũng chỉ những cô có thể có quyền với Giáo Hội mà thôi. Nếu phải rời Ấn Độ để về Việt Nam lo các việc trên thì số tiền vé đi về cũng đủ cho chúng tôi sống tại Ấn Độ vài tháng, mà về trong tình cảnh như thế thì chúng tôi lại không dám vì để bị ách lại ở nhà luôn chủ không chơi; còn nếu cầm cự tại chỗ để chờ đợi thì việc không chạy được, mà ở không ăn

cũng hết tiền trong khi giấy tờ chưa giải quyết thì học làm sao được!

Đó là nói những việc trọng đại, chủ còn những việc nhỏ nhỏ những không kém rắc rối, cũng làm khổ chúng tôi không ít. Thí dụ việc chia nhóm, thì thật rườm rà, nội việc học thôi cũng đã đòi hỏi chúng tôi phải đầu tư nhiều thời giờ, thế mà Sứ quán còn bắt chúng tôi phải sinh hoạt nhóm, sinh hoạt hội, sinh hoạt cộng đồng, đủ thủ các loại sinh hoạt. Không đi sinh hoạt thì bị kiểm điểm, kỷ luật, còn đi sinh hoạt thì tôi thấy trở trên quá. Đến ngồi nghe các bác trong Sứ quán cà kê kể lể các thành tích mà nhà nước đã đạt được, các thành quả mà các ban ngành đã chiếm; nhưng trên thực tế thì chính riêng bản thân tôi không thấy có một ảnh hưởng nào đối với đời sống và sự học của mình, cũng như nhìn những người đồng học và những người tại Việt Nam nữa, không ai hưởng được gì trong các thành quả trên, nếu có chẳng chỉ là con ông cháu cha được chăm mút trong đó mà thôi! Ngoài ra thì còn đủ thủ trò văn nghệ văn gừng, các thầy các cô lên nghề ngao hát "chuyện tình Lan và Điệp", hay "Tình chi đẹp khi còn dang dở" ... nghe thật trở trêu làm sao ấy.

Quý vị đừng tưởng "nhóm" không có quyền hành mà bỏ, Nhóm trưởng chính là do Sứ quán đề ra, Nhóm trưởng có quyền phê chuẩn tất cả. Một sinh viên trước khi muốn lên Sứ quán ký giấy tờ phải được Nhóm trưởng phê rồi Sứ quán mới ký! Thế mới oai chủ. Thế là tương lai chúng tôi lại phải làm đẹp lòng Nhóm trưởng để mỗi khi có việc thì không gặp phải các khó khăn.

Đó chỉ là mới đơn củ ba điều mà Sứ quán Việt Nam tại Ấn Độ đề ra cho chúng tôi phải thi hành, chủ còn phân tích ra hết đây thì sợ không có ghe xuồng nào chở cho hết. Nào là báo cáo mỗi năm về học tập với Sứ quán, nào là liên hệ với ai cũng phải báo, nào là muốn đi nước nào để chiếm báí hay học hỏi cũng phải có sự đồng ý của Sứ quán v.v... và v.v... Trước những tình cảnh éo le như thế chúng tôi chỉ biết gióng lên tiếng nói trên các diễn đàn cộng đồng người Việt ở hải ngoại, mong rằng tiếng vang từ phương xa vọng về sẽ làm người lãnh đạo Sứ quán tại Ấn Độ nói riêng tại Việt Nam nói chung có một cái nhìn thực tiễn hơn với các hoàn cảnh hiện tại của nước nhà nói chung và của nền giáo dục Việt Nam nói riêng. ●

HỘI AN . . .

Hội An, theo dòng hoài niệm ...

● Vũ Kỳ



Không như người ta đi vào nền văn minh không gian bằng phi thuyền hay hỏa tiễn hay gì gì nữa, tôi đi vào ngõ ngách của nền văn minh Tây phương bằng một sự việc không thông thường diễn ra thời thơ ấu. Đó là cái bãi đậu "xe điệu" - danh từ bấy giờ để gọi chiếc xe hơi chở hành khách - nền đá lờm chờm, thô sơ và quạnh hiu đi vào thành phố Hội An cũ kỹ, ở đầu một con đường phố với tấm bảng nhỏ xiêu có ghi dòng chữ xanh Rue du Pont Japonais. Buổi tối trời năm ấy với các bóng đèn điện lù mù, tôi không làm sao quên được, mãi đến bây giờ vào buổi xế chiều của cuộc đời... Chúng tôi, cha tôi và tôi, bước xuống khỏi "xe điệu", loại xe hơi cộc cạch, ọp ẹp chở hành khách và đồ đạc cồng kềnh từ trong ra ngoài, từ dưới đến trên nóc xe, từ Tam Kỳ, Hà Lam, Quế Sơn, Vĩnh Điện ra đến phố Hội.

Người ta phân định khá cao siêu nào nền văn minh lục địa, nào nền văn minh hải đảo tiến đến văn minh không gian nhưng trong tâm khảm tôi lúc ấy của một cậu học sinh nhà quê chỉ rõ rệt có hai ranh giới là nền văn minh thành phố (Hội An) khác xa với nền văn minh chợ búa (Tam Kỳ) hoặc với "nền văn minh nhà quê" của quê hương tôi.

Bấy giờ hành trang của tôi không nặng lắm vì chỉ ở Hội An có 5 ngày để thi Primaire (thi Sơ Học Yếu Lược Pháp) sau khi học xong lớp nhất trường huyện. Cha tôi và tôi thuê xe kéo từ bãi đậu xe Hội An đến tận cùng thành phố là nhà ông Đội Phục, người quê Chiên Đàn, gần làng cha mẹ tôi. Ông đang làm công việc trông coi nhà máy đèn của thành phố đặt ngay

trong nhà ông, máy chạy âm âm suốt ngày đêm.

Tôi còn nhớ rõ vụ thi Primaire năm ấy (1934) cuộc thi diễn ra trong 1 ngày gồm có 3 môn: 1 bài chính tả (dictée), 2 bài tính đổ (Problèmes) và buổi chiều là luận văn (Rédaction).

Một điều rất đặc biệt ghi đậm nét trong ký ức tôi là ở kỳ thi ấy, trong căn phòng chật hẹp của Trường Tiểu Học Hội An, tôi được sắp xếp ngồi trước một học sinh khác có tên là Lưu Quý Kỳ (nay là cố Tổng Thư Ký Hội Nhà Văn Việt Cộng) người Đại Lộc. Và rồi tôi đậu thủ 5 và Kỳ đậu thủ 10. Và cũng vào kỳ nghỉ hè năm ấy, Kỳ bắt được liên lạc với tôi lúc tôi đang học hè thêm để thi vào 1ère année trường Collège de Qui Nhơn ở nhà người chị tôi ở chợ Quảng Rường. Trong một lá thư gửi cho tôi, nửa kín, nửa hở, Kỳ muốn dụ tôi vào Đảng Cộng Sản Đông Dương lúc ấy còn là bí mật và gia nhập với danh vị là *cảm tình viên*.

Đến bây giờ, tôi cũng không rõ ai đã "giác ngộ" Kỳ sớm đến thế, ở cái tuổi 14, 15 của một cậu bé hoang, hoang vu nhà quê vùng Đại Lộc. Và cũng vào thời gian ấy, tôi làm quen với đồ thị mà biểu tượng là thành phố Hội An. Một khám phá mới trong tâm thức học sinh của tôi với nhiều hiện trạng nhỏ nhỏ mà tràn đầy ý nghĩa đã gắn chặt tuổi trẻ của tôi với thành phố tình lè xinh xinh thắm biếc màu thời gian kỳ niệm.

Sau kỳ thi Primaire ở Hội An vài tháng rồi, tôi có dịp trở lại thành phố độc nhất đầy lưu luyến của tôi lần nữa để ghi nhận vài sự kiện khá đặc biệt có tính chất thực dân hơn. Muốn nộp đơn thi vào 1ère année bậc Trung Học ở Collège de Qui Nhơn, tôi phải ra

Faifoo (cái tên Pháp của Hội An) lấy giấy chứng nhận khám sức khỏe. Tôi vào phòng khám của một bác sĩ Pháp, ở trong nhà thờ Hội An được gọi bằng cái tên Pháp là Assistance médicale. Ông đang đặt ống nghe lồng phổi tôi thì thỉnh linh cái đầu tóc già của ông rơi xuống đất, để lộ một cái sọ trắng hếu láng bóng. Tôi vì sợ quá nên không dám cười mà chỉ lo ông bực mình, không chừng cho mình có đủ sức khỏe để thi. Và cũng chính lần ấy, dân chúng Hội An đang xôn xao xúc động vì tên Công sứ Pháp nhậm chức được 2 năm là Jérusalémy đi tắm biển ở Cửa Đại bị chết đuối rất bất ngờ.

Những hoài niệm kể trên trong lần hội ngộ đầu của tôi với thành phố nhỏ cổ kính của quê hương mình mỗi lần nhớ lại làm tôi cảm thấy nao nao trong lòng. Tuy ít mà sâu đậm vô cùng, sâu đậm vì cái chiều thời gian và khoảng cách bấy giờ trong ký ức toàn trình của một cậu học sinh nhỏ lần đầu ra tình lý. Giống như chất cốt nước nhất trong bình pha trà, nhiều mùi vị thơm tho của trà tỏa lên nhưng đọng đầy tinh hoa ý nhị thì phải đợi các lần sau nữa mới thấm thía đến cảm giác bén nhạy con người. Quả đúng là mỗi sự việc trên đời được đánh giá bằng 2 chiều không cân đối: chiều không gian, chiều thời gian và chiều hoài niệm - 2 chiều kia thuộc về cảm giác, chiều sau nằm trong cảm xúc. Và cảm xúc ở văn nhân nghệ sĩ dẫn đến nguồn sáng tạo nghệ thuật vô cùng tận.

Viết tùy bút "Hội An, theo dòng hoài niệm", tôi xin triết lý nhỏ theo sách vở một chút về sự đo lường của hoài niệm với thời gian thích hợp với tâm thức của con người...

Thời gian! Bấy giờ ở tuổi xế chiều của cuộc đời, tôi mới thấy rõ hiệu lực và tác động của thời gian với dòng tư tưởng và tâm tình của một con người. Loại trừ thời gian, con người chỉ là một sinh vật! mâu thuẫn thay! là một sinh vật chết! nhất là đối với văn nhân nghệ sĩ.

Các nhà tư tưởng và văn hào đều biểu kiến đặc sắc ý nghĩa của thời gian.

* Thời gian là cái gì quan trọng và huyền bí nhất trong các hiện tượng của thiên nhiên. Đó là một ý niệm mà trí tưởng tượng của ta không làm sao tóm lấy được. (N.A. Kozyrew - 1971)

* Hỡi mau mau lên! chúng ta ơi! Thời gian trốn ta chạy như bay và kéo ta lệch lệch đi theo sau nó. Phút giây mà tôi vừa đây đã xa tôi rồi. (Nicolas Bosleau - Thi thử)

* Thời gian giống như chủ nhân của đại thế giới này. Người siết tay một cách lạnh lùng với người bạn đang rời khỏi và hai cánh tay mở rộng, người ôm hôn kẻ vừa mới tới... (William Shakespeares)

Mười năm sau. Tôi trở lại Hội An, tâm thức và trí năng trưởng thành, kinh nghiệm và kiến thức được đãi lọc qua các chặng đường dài của kiếp nhân sinh trôi nổi trên các nẻo đường Đất Nước.

Từ Hà Thành khói lửa, với hành trang tinh thần chứa sắp xếp của một sinh viên trường Luật tôi trở về phố Hội, có thể xem là thành phố của quê hương nơi mình đã ra đi để rồi về lại sống những ngày chờ đợi cảnh chiến chinh chấm dứt ở thủ đô nước Việt.

Bom đạn Mỹ rơi ầm ầm trên miền Bắc tấn công vào quân trại của quân đội Nhật Hoàng trong thời tiền chiến tranh Mỹ-Nhật.

Bấy giờ không khí rộn rịp ở Hà Nội và miền Bắc cái bàng hoàng của mọi người trong đó có giới sinh viên và trí thức bần chồn, ào ạt đang chờ đợi một sự chuyển biến thời cuộc cực kỳ sôi động... Họ ấp ủ những xúc động yêu nước và cách mạng cảm nhiễm lan tràn từ biên giới xuống vùng đồng bằng từ thời cuộc đầu đầu ở Âu Mỹ... đến quê hương mình Giới thanh niên, trí thức sinh viên ở Hà Nội trải qua các buổi trình diễn âm nhạc và thuyết trình văn học rất náo nhiệt mà đây ý hưởng cách mạng ngấm chổng thực dân được tổ chức thường xuyên bởi Tổng Hội Sinh Viên Đông Dương (Hà Nội) gọi tắt với danh hiệu bằng Pháp ngữ là A.G.E.I. (Association Générale des Étudiants Indochinois) ở Đại Thính Đường trường Đại Học... Những diễn giả gần như quen thuộc lúc bấy giờ là Mai Văn Bộ, Lưu Hữu Phước (thời ấy còn là những thanh niên với bầu nhiệt huyết cách mạng trình tuyền ái quốc sục sôi chứa phải là những người phe tả hay là Đảng viên Cộng Sản - sống vào một thế hệ sắp chặt đứt với phong kiến thực dân, giao thời của tư tưởng, chúng tôi cũng suy tư về những đau thương về vận nước của một sinh viên Việt... Còn ghép vào

bên dưới những cảm xúc ái quốc ấy, cả một vòm trời tư tưởng công bình bác ái nhân quyền khác lạ của nền văn hóa Âu Mỹ.

Tâm hồn họ được tháp ghép nhiều tầng tiềm thức nhào nặn ở cái cổ truyền bất khuất vốn có của dân tộc cộng với cái say sưa với trào lưu lãng mạn rất nghệ sĩ đầy thắm mỹ của Phương Tây lúc bấy giờ. Nghĩa là tinh thức trước vận nước đang trở mình mà cũng dạt dào rung cảm đầy nhạy điệu trước một bóng giai nhân lướt qua song cửa hoặc lắng nghe run rẩy một đợt lá thu vèo bay trong gió sớm cuối đông để mà mộng mơ vô vẩn đến vô cùng. Ấy đó, thời của Vũ Hoàng Chương, Lưu Trọng Lư, Huy Cận, Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên và bao nhiêu thi nhân nghệ sĩ khác... mà đó cũng là thời của Dương Đức Hiền, Đinh Gia Trinh, Phan Anh, Phạm Biểu Tâm (bấy giờ là Chủ tịch Tổng Hội Sinh Viên Đông Dương, gọi tắt tên Pháp là A.G.E.I) đầy bầu máu nóng cách mạng...

*

Giữa thời nóng bỏng ấy, tôi tạm rút về quê, nhưng trước khi tạm xa Hà Nội để trở về Hội An quê hương đầy vẩn mình của mình, tôi dừng lại Thanh Hóa, làm một du lịch ngắn trong một ngày để khám phá nhiều di tích lịch sử và cảnh vật ở đó "biên thù" địa phương giữa miền Bắc và miền Trung nước Việt. Cái đất Thanh thực là một hiện tượng lạ lùng và dễ thương nhất của xứ sở mình. Con người ở đó nhất là các thiếu nữ, các tiểu thơ - về nữ giới thì đúng hơn - từ giọng nói đến khuôn mặt, thân hình rồi đến khí hậu, cảnh trí cũng thế, thanh tao, mềm dịu, nhẹ nhàng, quá gồm có nhiều thành phần của miền Bắc, đúng hơn là của đất Hà Nội vẩn vẩn hơn là cái rắn chắc, cứng cỏi, cương nghị của các tỉnh địa đầu miền Nghệ Tĩnh Trung Việt. Nhắc đến đất Thanh, tôi cũng nhớ có bao nhiêu chiến sĩ quốc gia, các nhà cách mạng Việt Quốc hồi 1945, sau vụ Ôn Như Hầu, bọn Việt Minh ngụy tạo ở Hà Nội để bắt bớ, sát hại các phần tử đối phương của chúng ở đó. Các chiến sĩ can cường ấy đã vừa chạy loạn từ Hà Nội vừa lẩn trốn ở đất Thanh và các vùng phụ cận - trong đó có một người trong gia đình họ Võ chúng tôi là anh Võ Tài, bí danh Hồng Vân, Trung

Ưng Ủy Viên phụ trách Đệ Thất Khu Việt Quốc cũng bị bọn Cộng Sản sát hại độc ác ở đó. Và Thanh Hóa chính là cái nôi cách mạng quê hương của những người quốc gia kiên cường nhất, anh hùng nhất chống đối bọn Việt Minh Cộng Sản bấy giờ!

Xin trân trọng dâng một bông hồng trên bàn thờ Tổ Quốc của vô số hương linh đã bị Cộng Sản ám hại ở đất Thanh Hóa anh dũng! Ôi! Thanh Hóa, tình ly nhỏ mến thương này!

Tôi đi dọc theo con đường chính (Grande Avenue) của thành phố, ngắm nhìn nhà cửa xinh xắn san sát hai bên trên bờ sông Mã. Nhờ xe và người tài xế của ông bạn tôi làm Thanh Tra Thủy Lâm bấy giờ ở ngay thành phố, tôi đã đi viếng Đền Sòng, cách xa trung tâm độ hơn 20 cây số...

Đây là đền thờ Bà Chúa Liễu mà ở đất Thanh, người dân thường đến cúng kiếng, cầu xin các bùa phép trước những biến cố trọng đại của đời mình. Khung cảnh điện thờ âm u tối tăm đầy bóng cây rợp mát, có vẻ huyền bí vô cùng. Một cây cầu bằng gỗ bắc ngang một hồ cạn, nước trong vắt, cây cối sum sê sà những rễ lớn trên mặt đất.

Đi dạo dưới các tầng lá cây âm u ấy, tôi cảm thấy một thoáng rùng mình, cái xúc cảm linh thiêng rờn rợn khi nhìn xuống đáy hồ cạn nước, lớn vồn vô số, hàng trăm hàng ngàn cá gáy, lớn có, nhỏ có gần như mắc cạn trong một cái chum lớn đang vẫy vùng trên mặt cát sỏi. Có khi nháy xỏ lên từng loạt rào rào... ngoạm những đợt lá vàng khô rơi xuống, gây thành những tiếng bồm bồm không dứt... Tôi đi vào trong điện thờ cùng với người tài xế hướng dẫn... Mùi nhang phàn phất, các bài vị sơn son thếp vàng để chập cả một bàn thờ bằng gỗ cũng rực màu đỏ thắm... Bóng tối càng làm cho đỏ sẫm trở nên tím ngắt... "Bà Chúa thiêng lắm! Dân đất Thanh này đều khiếp sợ sự hiển linh của Bà" - người tài xế vừa nói nhỏ với tôi, vừa chấp tay vái trước bàn thờ - Và rồi ông kể sự tích và bao huyền thoại về Ngài mà khắp vùng các ông già bà cả còn nhắc đến một cách trịnh trọng và khiếp phục:

"Vào khoảng 1912. Đồi Lê Anh Tôn (1557), Lê Thái Công ở Nam Định thuộc dòng họ phúc đức sinh được con trai, cách năm sau phụ nhân có mang, lâm bệnh lạ, người phụ thủy đến cầm cây búa bằng ngọc, niệm

thần chú, ném búa xuống đất. Lê Thái Công ngã xuống mê man, được người nọ đưa đến một lầu đài tráng lệ, bên trong có vị quan to, hai bên vẫn võ đứng hầu. Một người con gái nâng chén rượu thọ, đem cho Thái Công, lỡ tay rớt chén. Quan hầu mở sổ tra xét, ra lệnh cho thị nữ đến bắt cô gái đưa ra ngoài. Lê Thái Công hỏi, biết là tiên chúa tên Quỳnh Hoa, vì tội bất cẩn, sẽ bị đày xuống trần gian. Khi Thái Công tỉnh lại thì phu nhân hạ sinh một gái, đặt tên là Giáng Tiên. Lớn lên, Giáng Tiên càng xinh đẹp, giỏi chữ nghĩa và âm nhạc. Thái Công lo lắng, chẳng hiểu điếm gì bên cho nàng làm con nuôi người bạn họ Trần rồi gả cho Đào Lang. Chàng này gốc là con rơi, tình cờ vị quan nọ nhặt được bên gốc cây đào, vì vậy đặt là Đào Lang. Vợ chồng sớm sinh con trai, gia đình đầm ấm. Ba năm sau bỗng dưng Giáng Tiên mất, không đau ốm gì cả. Chôn cất xong, hôm ấy tình cờ Giáng Tiên hiện về, nói với mẹ rằng đã dứt thời gian bị đày xuống trần, nàng không phải chết nhưng là về châu Thượng Đế, rồi đây mẹ con sẽ đoàn tụ. Giáng Tiên cũng an ủi chồng. Từ đó, nàng đi mây về gió, thỉnh thoảng hiện ra, gặp ông trạng Phùng Khắc Khoan, nàng xưng là Liễu Hạnh công chúa, rồi gặp ở Hồ Tây, hai bên ngậm vịnh. Về sau Liễu Hạnh hiển thánh ở Phố Cát, tỉnh Thanh Hóa, đôi khi hiện về cõi trần, làm cô gái đẹp bán hàng nước, thanh niên nào trêu chọc đều bị chết. Triều đình cho là điềm yêu quái, truyền quân sĩ bắn lên núi để phá đền thờ. Lại xảy ra bệnh dịch tễ, lập đàn cầu khẩn thì mới tin chắc tiên chủ Liễu Hạnh đã hiển thánh thật sự. Từ đó, tiếng đồn xa, đền thờ Tiên chủ ở núi Sông Sơn nổi danh linh thiêng. Ở Sài Gòn, vài điện thờ Liễu Hạnh tiên chúa đã hoạt động mạnh sau 1954. Dân ta còn nhắc đến vài ba giai thoại vui vui về việc cầu xin bùa phép ở đền Bà Chúa Liễu. Trong chuyện cười nhân gian, Cống Quỳnh đã tỏ ra khôn lanh, nhiều mưu trí hơn Bà Chúa Liễu. Cống Quỳnh đã đến đền Sông xin cấy rì. Chúa thuận cho sẽ lấy ngọn, phần khác thì giao cho Cống Quỳnh. Ông trồng khoai lang, đem củ về nhà, nộp khoai dây cho Chúa. Lần sau, Chúa đòi lấy gốc và rễ, Cống Quỳnh bèn làm ruộng lúa, gặt bông lúa, nộp gốc rạ. Lần thứ ba, Chúa muốn lấy ngọn và gốc, Quỳnh xoay qua trồng bắp.

Thêm chuyện vợ đau, ông đến đình làng, xin thần thưởng xốt, lành bệnh thì cúng gà tạ ơn. Vợ hết bệnh, Cống Quỳnh luộc ngay hai quả trứng gà đem cúng thay cho gà thật với lý do ra chợ không mua được gà lớn, và con gà đang đẻ ở nhà thì tội nghiệp, thôi thì dùng trứng thay cho gà".

Tôi trở về thành phố tỉnh Thanh, xe chạy ngang qua các cánh đồng lúa chín thơm vàng có các cô người Thái trắng trẻo khá xinh đang cúi xuống gặt lúa vừa nói cười rất hồn nhiên mộc mạc. Tôi tự hứa với lòng khi có điều kiện, sẽ trở lại đất Thanh để làm một cuộc du lịch dài lâu thoải mái để nhìn ngắm đền đài, thắng cảnh lịch sử, nhân vật địa phương và cũng không quên đến viếng cảnh Đền Sông của Bà Chúa Liễu... một lần nữa... Nhưng rồi không biết đến bao giờ!

*

Thành phố Hội An, cửa ngõ của tâm hồn tôi, của một cậu bé học sinh 14 tuổi, để đi vào nền văn minh Tây Phương phức tạp đầy cơ giới và vật chất. Một ngôi trường hai tầng với một tầng trệt bằng vôi gạch và gỗ chêm chệch trên một con đường phố hẹp như những đường phố Hội An thuở ấy. Do một nhà phú thương, ông Nghè Nhạn, thành lập để cho một số trí thức trong tỉnh tụ họp lại làm thành một cơ quan giáo huấn tư thực lớn của tỉnh nhà và có cái tên rất đạo vị của Phật. "Trường Viên Minh". Vài nhà văn đi tìm chân trời lạ ở tỉnh lẻ, đôi sinh viên trường Luật trường Thuốc bất ngờ gây cánh hay lỡ vận chờ thời của Viện Đại Học Hà Nội bay về tạm trú, cộng thêm một số trí thức địa phương, con nhà giàu, học giỏi nhưng đẹp trai thì chưa chắc tủa ra từ Tiên Phước, Tam Kỳ, Quế Sơn, Duy Xuyên, Đại Lộc và Điện Bàn... đến đây tạm chấp nhận gõ đầu trẻ để sinh sống. Có anh Phạm Văn Hạnh, tác giả Giọt Sương Hoa của nhóm Tinh Hoa Hà Nội. Nhóm này gồm có Đoàn Phú Tứ, Nguyễn Xuân Sanh... mà trường văn thơ rất mùi lập thể, đa đa thi pháp, ai hiểu nổi. Có nhà thơ Lưu Trọng Lư lúc nào cũng ngỡ ngó, cặp mắt lơ đãng, hình như đang mộng mơ vô vấn về một khung trời hoang tưởng xa xôi nào... Hội An, thành phố nhỏ của tôi... những áp ú cả một lớp thanh niên nam nữ

bấy giờ tuy thằm lặng nhưng ngút ngàn bao nhiêu tâm hồn văn nhân nghệ sĩ đặc sắc lãng mạn có khi nở rộ như những bó hoa hương sắc đã đúng thời nhưng cũng có khi bẽn lẽn những nụ hàm tiếu để thưởng đang chờ mời hoa bướm.

Nhà thơ họ Lưu có thể xem là một hiện tượng bấy giờ ở phố Hội. Đã có lần, nghỉ dạy buổi sáng, họ Lưu, sau một cơn đã nghiệm rồi, tìm đến tâm sự với tôi ở đường ra Tòa Sù, ngôi nhà nhỏ gần hăng Dệt của Bà Hồng Anh, tục gọi là Bà Cửu Dời mà tôi và Phạm Văn Hạnh, Phan Khôi trú ngụ, Lư nhắc đến mối tình đầu của mình với người vợ là bà Trương Thị Tài, quê ở thị xã Hội An, làng Kim Bồng, con thứ 8 trong một gia đình công chức thời Pháp thuộc.

Bà Tài đã gặp họ Lưu trên chuyến xe lửa tốc hành đi Hà Nội... Thiên tình sử bắt đầu ở một chuyến viễn du của hai người. Và hai người trò chuyện với nhau trong suốt tuyến đường sắt và sau vài tháng, làm lễ thành hôn tại Hội An vào năm 1933, 1934 gì đó. Họ chung sống một thời gian, có được một đàn con nhưng chỉ còn lại một trai đầu lòng là Lưu Trọng H. hiện là kiến trúc sư sinh sống tại Sài Gòn.

Thời gian ngắn ngủi 10 năm, Bà Tài sống với họ Lưu nhiều buồn hơn vui, khổ sở đắng cay nhiều hơn sung sướng vì thi sĩ họ Lưu mang bệnh ghềnh rất nặng.

Năm Lưu dạy học ở Hội An thì vợ mất ở Bệnh viện Đà Nẵng. Lư búi ngùi kể chút quá khứ đau thương ấy cho tôi nghe; có một đêm khuya, Lư đang nằm ngủ thấy vợ về đứng ngay đầu giường, mặc áo dài đen, tay cầm chuỗi hạt, vào đêm mờ của má, tức là sau khi chôn được 3 ngày.

Nửa đêm thức giấc, tình mộng lòng tràn đầy tình thương nỗi nhớ người vợ vừa mất Lư ngồi dậy, bật đèn sáng, lấy tập giấy sáng tác bài thơ "Mười Năm Tình Nghĩa".

Lúc sinh thời, bà Tài có viết nhiều truyện ngắn với bút hiệu Thanh Thủy và giúp họ Lưu viết truyện đoàn thiên "Khói Lam Chiếu" đầy thi vị để thưởng được mọi người xem như một thi phẩm bằng tản văn có giá trị thuở bấy giờ.

Lúc gặp lại tôi ở Sài Gòn vào năm 1979, Lư nhắc lại chút tình sử nói trên của mình với rất nhiều ngậm ngùi. Lư cũng tỏ ra vô cùng hối hận rằng mình đã theo làn sóng đỏ ở Bắc mà gia

nhập hàng ngũ Cộng Sản - Lũ đã ôm tôi mà khóc.

Phải chăng các giọt nước mắt kia muốn thanh minh với tôi bằng một nội tâm bắt rứt tội cùng và đang muốn rửa sạch với lương tâm mình về lớp phần giả tạo càng ngày càng dày đặc với thời gian trét lên cái mặt nạ đeo cứng vào con người văn nghệ sĩ của Đảng.

Và rồi Lũ rút ra từ cặp giấy mang theo bên mình một bài thơ mới sáng tác đưa cho tôi. Bài thơ này về sau Lũ sửa lại và gởi sang Bruxelles tặng tôi vào năm 1983. Nội dung nhiều ẩn tình hàm ý hai nghĩa, phải đọc giữa hai dòng chữ... mới phát hiện phải chăng Lũ đã ngấm ngấm nhắc đầy oán hận đến bọn qui đồ mà mình đã trót lỗ lăm phục vụ suốt từ 1946 đến nay.

Bài: Đường Ra Tiền Tuyến. Gởi tặng anh Vũ Kỳ và cháu Vũ Khắc Vịnh: Nhân tôi ở mặt trận Lạng Sơn (1) về có làm bài thơ nhan đề "Đường Ra Tiền Tuyến" gởi tặng anh và các bạn Việt kiều tại Vương quốc Bỉ.

Đường Ra Tiền Tuyến

(Theo điệu tử độc vận)

Gà xao xác, sống lam tụ

Núi từng bầy vội nhập tranh

Đào muện mấy chùm hoa: sắc bướm

Ngựa thồ bõm đỏ nắng bình minh.

Pháo giặc bất thần rơi tung tóe

Họa mi vẫn hót trên cành.

Có phải đường ra nơi tiền tuyến

Sao như nhẹ nhõm bước quân hành?

Liên tục ba mươi năm nòng súng đỏ

Mùa nắng không sờn áo chiến binh.

Ngàn dặm chúng đem thân mình chất núi

Căm loài mang mộng quý: đốt hành tinh (2)

Lưu Trọng Lũ - ký tên.

(Hà Nội 17.3.1979)

(1) 1979: Trung Quốc đánh chiếm Việt Nam ở biên giới phía Bắc.

(2) Hai câu này, họ Lưu muốn ám chỉ ai? Việt Cộng hay đối phương của Việt Cộng? Chủ thích của Vũ Kỳ - sau khi Lưu Trọng Lũ cải hối qua bài "Những Giọt Nước Mắt của Lưu Trọng Lũ (1980) (V.K) trong "Truyện và Ký" của tôi, thì họ Lưu gởi tặng tôi bài thơ này nhưng ngày tháng dưới bài thơ có thể họ Lưu đã sửa lại, tránh sự xuyên tạc của bọn VC. ●

Thơ

Thúy Trúc



VIẾT CHO CON

Các con ơi tre già măng mọc
Hãy dày công tu học thành nhân

Trước là đền báo tử ân

Sau trừ khói lửa xâm lăng bạo tàn

Dựng cờ vàng vẻ vang dân Việt
Hăm hai năm oan nghiệt đắng cay

Giờ đây thế sự đổi thay

Con ngoan xin chớ hện rày chờ mai

Dưới trăng thanh luyện mài thần kiếm

Đói rách nghèo đay nghiệt quê hương

Vòng dây kẽm ngực đau thương

Trại bò trại lết vô lường dã man

Thân người hết như thân trâu ngựa

Chết hay còn chọn lựa giống nhau

Sống đi cải tạo nhọc lao

Đến khi thác xuống vườn sau chôn vùi

Ông con đó năm Mùi thuở ấy
Lúc làm chung chẳng thấy được ai

Viếng thăm năm mộ chiều mai
Gió hiu hiu thổi than mây khóc trời

Biển mênh mông một trời ly biệt

Giặc cướp tàu hãm hiếp hại người

Trẻ già chìm đắm ngoài khơi

Thuyền nan sóng giạt chơi vơi giữa dòng

Phật Giáo Đờ ở chung một nước

Kẻ lưu đày người được ưu tiên

Thẳng tay bức tử thánh hiền

Nhân Quyền Bác Ái đảo điên trùng trùng

Kể tội ác không cùng không xiết

Đông màu da giống Việt Hùng Vương

Nhân tài kẻ sĩ noi gương

Mau mau dẫn bước lên đường phục hưng

Muôn chim én hót mừng xuân đến

Thị thành yên đèn nến hoan ca

Cây đào trước ngõ trở hoa

Ấm no hạnh phúc nhà nhà lạc an

Lời mẹ khuyên đôi hàng ghi nhớ

Đừng lãng quên trả nợ non sông

Xứng danh con cháu Tiên Rồng

Quốc Gia Đạo Pháp nằm lòng nghe con !

CON RẮN ĐEN

(Tiếp theo VG 109)

....

Hôm sau khi mới bắt đầu vào ca, gã chủ đã gọi Ram Lai vào hỏi kết quả:

- Sao, suy nghĩ kỹ chưa, đồng ý chớ?

Ram Lai trả lời thẳng:

- Rất tiếc tôi không thể nhận lời ông được!

Gã chủ tỏ vẻ bức bối:

- Lý do?

Ram Lai nói:

- Đây là việc làm rất nguy hiểm. Nếu bị bại lộ, có thể tính mạng tôi sẽ bị đe dọa...

Gã chủ cố thuyết phục:

- Việc này chỉ có tao và mày biết, làm sao lộ được? Hơn nữa những chuyện tao đã sắp đặt cho mày cũng rất hợp tình hợp lý, bảo đảm không ai có thể nghi ngờ. Đây là cơ hội tốt cho mày để kiếm một số tiền lớn. Mày biết đó, thời buổi này kiếm ra tiền đâu phải chuyện dễ!

Ram Lai vẫn dứt khoát từ chối:

- Sorry, tôi không thể làm được! That's it! Thấy không còn hy vọng gì, gã chủ bắt đầu văng tục:

- Fuck!

Rồi với vẻ mặt hầm hầm, gã dẫn mặt Ram Lai:

- Thôi cũng được, không sao! Tao dặn mày một lần chót: những gì tao đã bàn với mày phải tuyệt đối giữ kín. Nếu mày nói cho người khác biết thì đừng có trách tao là độc ác nhé! Cũ coi như chuyện này giữa tao với mày chưa bao giờ xảy ra! Thôi mày đi làm đi!

Những ngày tiếp theo là những ngày giông tố đến với Ram Lai. Mọi cơn thịnh nộ, mọi sự trả thù thấp hèn của gã chủ đều được dịp trút lên đầu chàng. Gã thường xuyên bố ráp khu vực nơi chàng làm việc, cặp mắt lóan ti hí của gã chiếu xuống chàng rất kỹ. Chỉ một số hồ của chàng trong công việc là gã được dịp chửi bới chàng tới tấp một cách hết sức thô tục. Có một lần máy xay đã hết thịt mà xe tải chở thịt chưa tới, chàng vội lợi dụng cơ hội này để đi tiểu tiện. Khi trong nhà vệ sinh vừa

bước ra, chàng bắt gặp khuôn mặt hầm hầm của gã chủ đang phun ra những lời thô bỉ, lảng nhục chàng:

- Này thằng kia, tao trả lương cho mày để mày "fuck around" há?

Gã chủ có thói quen sử dụng "văn chương bình dân". Bất cứ lời nói nào của gã cũng đều phải có chữ "fuck" đệm vào, thiếu nó là gã không chịu được, cũng giống như ăn thức ăn mà không có gia vị vậy! Do đó, thay vì nói "go around" thì gã nói "fuck around"!

Giọng nói của gã oang oang như lọt vào tai nhiều người công nhân, làm hàng chục cặp mắt đổ dồn về phía Ram Lai. Đồng thời ngay lúc ấy gã tiến đến trước mặt chàng, hai tay chống nạnh, uốn cái bụng phệ ra phía trước như có vẻ muốn tấn công chàng.

Ram Lai cảm thấy hổ thẹn và vô cùng bất mãn, tuy nhiên chàng cố kìm cơn giận lại, cái chính:

- Xe chưa tới nên không có hàng làm. Tôi mệt quá nên phải đi wash room một chút xíu mà...

Gã chủ vẫn tiếp tục trút những lời thô bạo lên đầu chàng:

- I don't fucken care about that! Nếu không có hàng làm thì mày phải clean máy hoặc quét dọn khu vực nơi mày làm việc!

Ram Lai nhẫn nhục làm thinh. Chàng cảm thấy khó đáng nói cổ họng và nghẹn



ngào. Dường như có một cái cục gì đó đang chẹn ngang nơi họng, và ngực chàng như bị một tảng đá nặng đè lên làm chàng muốn ngộp thở. Khí uất trong người chàng đã bốc lên nhưng một lần nữa chàng lại cố nuốt trôi nó trở vào bụng. Chàng cay đắng nhủ thầm: "Phải rồi, thân phận tao chỉ là một thằng cu-li đi làm thuê, mày là chủ cho nên mày muốn chửi bới tao bất cứ lúc nào cũng được mà! Hời ơi những thằng giàu có như mày sao mà ác độc quá!".

Các bạn của Ram Lai ai cũng bất bình về những đối xử lỗ mãng, thô bạo của gã chủ nhưng họ không dám nói ra. Trong thâm tâm họ chỉ mong có một người nào đó dám hiên ngang đứng dậy chống đối gã

chủ là họ hưởng ứng ngay lập tức. Ram Lai đã cảm nhận được những ánh mắt cảm tình nơi các bạn và những thái độ thân thiện, ủng hộ chàng một cách tế nhị, kín đáo. Những bức thông điệp bằng mắt ấy đã an ủi chàng một phần nào.

Ngày hôm sau khi đang vác một tảng thịt đông lạnh đi trên sàn xi-măng ướt vì những nước, Ram Lai bị trượt chân té nhào. Tảng thịt rơi xuống đất, còn da trượt đi một khoảng dài, húc vào chiếc thùng rác bằng tôn kêu đánh xoảng, rác văng ra tung tóe. Lúc Ram Lai còn bị đau ê ẩm chưa kịp hoàn hồn ngồi dậy thì gã chủ không biết từ đâu đã ào tới như một cơn lốc. Gã chỉ tay vào mặt Ram Lai quát thật lớn:

- Bastard, what the fuck you do like that?

Ram Lai nhăn nhó ôm cái chân bị đau:

- Sàn trơn quá tôi vô ý bị trượt!

Gã chủ không cần quan tâm đến sự đau đớn của Ram Lai! Gã chỉ cần biết tảng thịt có bị dơ hay không:

- Thằng khốn kiếp, mày làm rớt thịt xuống đất bị dơ bẩn thì ai còn dám ăn nữa. Đúng là đồ ăn hại! Tao muốn sa thải mày quá!

Ram Lai cố gắng bào chữa:

- Tôi không cố ý. Chẳng qua vì sàn quá trơn ướt...

Một vài công nhân lên tiếng, gián tiếp bênh vực chàng:

- Đáng lẽ sàn hãng phải luôn được khô ráo để giữ an toàn lao động. Đàng này quanh năm suốt tháng lúc nào cũng ướt chèm nhẹp những nước, nhiều người đã bị té ngã rồi chỗ không phải Ram Lai là người đầu tiên...

- Ông Tom hồi tháng trước cũng bị té trặc chân, may mà không bị bể đầu!

- Chính tôi cũng bị té đây nè, về nhà bị đau lưng cả tháng trời!

- Ông chủ coi lại vụ này chỗ sàn trơn nguy hiểm quá, không ai dám bốc vác nữa đâu...

Nhờ có nhiều người cùng lên tiếng bảo vệ cho Ram Lai nên gã chủ tỏ ra nao núng, không dám làm dữ. Tuy nhiên gã vẫn day nghiền hết sức tàn nhẫn:

- Negro! (thằng mọi đen) Đây là lần cuối cùng mày được quyền té. Nếu để xảy ra lần nữa thì tao e rằng cái đầu của mày sẽ không còn ở yên trên cái cổ của mày nữa! Ram Lai đau đớn ôm cái chân bị đau. Chàng gắng gượng đứng dậy đi cà nhắc đến chỗ tảng thịt bị rớt, nhưng chỉ đi được có mấy bước, đau quá, chàng phải ngồi bệt xuống đất. Mấy người công nhân vội khiêng tảng thịt bị rớt đến chiếc máy xay thịt giùm chàng. Một người công nhân Á Châu lên tiếng:

- Ông chủ à, hãy cho Ram Lai về đi. Nó bị đau lắm không làm được đâu...

Một anh da đen cũng phụ họa:

- Ông chủ phải kêu xe taxi. Anh ta bị trặc chân rồi. Tôi nhìn là biết ngay!

Một vài người khác nhân dịp này chỉ trích gã chủ:

- Đây là lỗi của hãng chở dâu phải tại Ram Lai. Phải có biện pháp an toàn lao động cho công nhân chứ!

Đuối lý trước những bằng chứng hiển nhiên nên gã chủ đành chịu thua. Gã lủ mắt nhìn Ram Lai rồi nói:

Thôi mày ra bấm thè rồi về. Get the fuck out of here!

Một lần khác, chuyện lại xảy ra giữa gã chủ và Ram Lai và lần này thì đã quá sức chịu đựng của chàng, như giọt nước cuối cùng phải tràn ly, như cọng rơm cuối cùng trên lưng con lạc đà, làm nó phải phản kháng. Lúc ấy đang giờ nghỉ ăn trưa, các công nhân đang ngồi rải rác dưới các gốc cây phía đằng trước hãng dùng bữa trưa. Đứng ra hãng cũng có phòng ăn nhưng phòng nóng và chật chội nên họ thường rủ nhau ra ngoài trời ăn cho mát. Gã chủ tiết kiệm điện nên không gắn máy lạnh! Thông thường vào giờ ăn trưa, gã chỉ ăn qua loa một miếng bánh mì và sau đó gã cũng ra sân ngồi sinh hoạt chung với các công nhân, ra về là bình dân, "đi sâu đi sát quần chúng". Thực sự, gã có chủ đích khác. Một là, gã có dịp dò xét công nhân, xem có người nào có tư tưởng, thái độ gì bất mãn hay không, và ai là nhân vật có ảnh hưởng tới những người khác. Hai là, và đây mới là mục đích chính của gã, là... để các nữ công nhân!

Tuy là chủ hãng, đã trở thành triệu phú nhưng gã vẫn không xóa được cốt cách xuề xoàng và ngôn ngữ thô lỗ của một heo bò trong lò sát sinh, cách đây hơn hai mươi năm về trước tại quê hương của gã là xứ Hungary. Hàng ngày đi làm tại hãng, gã vẫn ăn mặc như một công nhân bình thường: một chiếc áo jean khoác bên ngoài, bên trong là chiếc áo thun. Đến trưa trời nóng thì gã cởi chiếc áo jean ra khoác lên nhánh cây và đến chiều về thì khoác chiếc áo đó trên tay, ném vào xe, ngày hôm sau lại mặc chiếc áo đó đi làm. Gã rất ghét mặc áo vét và thắt cà-vạt. Đối với gã đó là một cực hình. Chính vì vậy nên mọi việc tiếp khách hoặc giao dịch, gã thường giao cho vợ đảm trách. Phận sự của gã là đôn đốc công nhân, sản xuất hàng hóa và đi... thà dê! Gã có thói quen cởi chiếc áo jean, khoác lên nhánh cây, bên trong chỉ mặc một chiếc áo thun cổ rộng, để lòi từng đám lông lá rậm như lông khi đột và cái bụng to chạng bạng như cái trống châu. Sau đó gã thò tay vào túi áo jean, móc ra cái ống vớ và bịch thuốc lá 3 số 777. Gã nhồi thuốc vào ống vớ, châm lửa, phả khói một cách

thích thú rồi bắt đầu "đi sâu đi sát quần chúng".

Hôm nay Ram Lai đang ngồi ăn trưa với một cô gái người Ấn Độ. Tên cô là Salina, nước da hơi ngăm đen, có lẽ lai giống giữa hai dòng máu đen và trắng. Hai người cùng chủng tộc gặp nhau trong một hoàn cảnh khó khăn nơi xứ lạ quê người nên dễ dàng thân nhau. Cô gái cũng có hoàn cảnh tương tự như Ram Lai. Nàng đã tốt nghiệp trường nghệ thuật múa hát ở Ấn Độ và mới di dân sang Canada. Trong khi chưa kiếm được việc làm phù hợp với nghề chuyên môn nên nàng phải tạm thời vào hãng của gã Mc Queen để kiếm sống. Là diễn viên múa hát nên nàng có một nhan sắc mặn mà và một thân hình thon đẹp, và chính điều này đã làm cho gã chủ chú ý ngay khi nàng vừa vào hãng làm ngày đầu tiên. Gã nhanh chóng "chấm tọạ độ" và bố trí nàng vào làm ở một dây chuyền sản xuất rất nặng nhọc. Đây là một thử đoạn khá tinh vi của gã, sau nhiều năm kinh nghiệm làm chủ, bóc lột, hà hiếp công nhân. Gã biết sớm muộn gì cô gái nọ cũng làm không nổi vì quá cực và cô sẽ, hoặc xin nghỉ, hoặc xin gã cho chuyển sang việc làm khác nhẹ hơn. Lúc ấy gã mới làm bộ nhân đạo, ban ơn cho nàng, chuyển nàng sang làm nơi việc nhẹ và nhàn! Cô gái sẽ nể sợ uy quyền của gã, biết ơn gã, và gã sẽ có dịp để tán tỉnh! Tuy nhiên cô gái dễ thương mà thương không dễ. Gã đã cố tán tỉnh, gạ gẫm cô nhiều lần nhưng cô đều lạnh nhạt và giữ khoảng cách. Có vẻ như cô muốn gởi một thông điệp đến gã là: nếu ông làm quá thì tôi sẽ nghỉ việc! Hãng của ông chỉ là một nơi trú chân tạm thời của tôi mà thôi! Gã cũng biết được thế yếu của mình nên không dám tấn công mạnh. Già nèo thì dứt dây. Phải rồi, một người có nhan sắc trời cho như nàng đời nào chịu chôn vùi cuộc đời trong một hãng nhỏ bé rất tầm thường của gã! Ngoài ra gã biết chắc nàng phải có trình độ văn hóa khá vì tiếng Anh của nàng rất lưu loát. Chỉ cần nghe một người nói tiếng Anh là gã có thể phán đoán được người đó có học hay không, khỏi cần phải tra vấn lý lịch! Với những ưu thế như vậy, chắc chắn nàng sẽ tung cánh chim bay vào một ngày gần đây, một khi nàng tìm ra miền đất lành để nương thân. Do đó, gã càng phải tìm cách tiếp cận càng nhiều càng tốt, để chậm trễ có thể bị lỡ mất dịp may hiếm có! Lênin đã từng dạy rằng: khi thời cơ cách mạng đến thì phải nhanh chóng chớp lấy thời cơ, mà!

Trầy trật mấy tuần liền tiếp mà chưa tán tỉnh gì được, gã đang bực mình, vậy mà thằng mọi đen mới vào làm có mấy ngày, đã nhanh chóng quen được nàng, và hôm

nay hai đứa nó đang hủ hí ăn trưa với nhau, coi ngửa mắt quá! Mc Queen càng sôi gan hơn khi nhìn thấy cô gái đang tình tứ xúc một miếng thịt bỏ vào lon thức ăn của Ram Lai. Cặp mắt lúcn của gã tuy nhỏ nhưng độ liếc ngang liếc dọc rất sắc bén và lỏ tại của gã cũng thỉnh thoảng thua gì tai chó. Tuy làm bộ đứng cách xa khoảng hai mươi mét nói chuyện với các công nhân khác nhưng gã đều ghi nhận không sót một cử chỉ, lời nói nào của đôi bạn trẻ. Hừm, chúng nó đang nói tiếng Ấn Độ cà-tăng cà-tăng gì đó với nhau. Chắc thằng khốn nạn đó đang rủ con bé đi nhày đêm tối nay, rồi chắc con bé đang khen thằng mọi đen đó là học giỏi... Phải rồi nó là bác sĩ tướng lai sắp ra trường mà! Chỗ dựa cũng tốt đó chứ! Càng tưởng tượng gã càng điên tiết lên vì ghen tị, muốn nổ tròng con mắt. Chịu không thấu, gã tìm cách bang (đi) lại đôi bạn trẻ, cố ý phá cho thỏa lòng tức tối. Gã làm bộ tự nhiên cười nói vui vẻ:

- Chào các bạn, tôi tham gia với các bạn được chứ?

Ram Lai và cô gái làm thinh. Sự xuất hiện của gã chủ làm họ mất vui nhưng vì phép lịch sự họ đành phải miễn cưỡng chấp nhận.

Để cho đỡ ngượng, gã chủ cười hi hi, làm quen vô duyên:

- Tôi còn đói bụng quá, cô Salina, cô có gì cho tôi ăn không?

Cô gái từ chối khéo léo:

- Tôi e rằng ông không quen với loại thức ăn của chúng tôi.

Gã chủ vẫn cố chai mặt:

- Bậy nào, tôi thích thực phẩm Ấn Độ lắm. Tôi vẫn thường bảo vợ tôi nấu món ăn cà-ri dê đó chỗ. Tôi thích vị cay nồng của cà-ri lắm. Có lẽ nhờ vậy mà cô gái Ấn Độ nào cũng có nhan sắc thiệt là mặn mòi, bọn đàn ông tụi tôi nhìn muốn rớt con mắt mà không biết chán!

Tuy nói vậy, nhưng gã đang chửi thầm trong bụng: "Mẹ kiếp, mày không muốn cho tao ăn thì nói như vậy. Tao thấy rõ ràng mày xúc thức ăn cho thằng mọi đen mà!". Đôi bạn trẻ vẫn làm thinh. Sự yên lặng của họ như gián tiếp muốn xua đuổi gã đi chỗ khác. Thấy "vô" cô gái không xong, gã bèn quay sang Ram Lai, hỏi một câu vừa thô bỉ vừa lằng xẹt:

- Holy shit! Mày ăn bốc hả?

Ram Lai đáp:

- Có sao đâu? Đây là phong tục của tổ tiên tôi truyền lại.

Gã Mc Queen nhún vai, bĩu môi tỏ vẻ khinh bỉ, sau đó gã lại tiếp tục thách thức:

- Cùng là người Ấn Độ mà tại sao cô gái ăn uống còn mày ăn bốc?

Ram Lai giải thích:

- Cô ta thuộc chủng tộc khác. Nước Ấn chúng tôi có nhiều chủng tộc khác nhau và nói hàng trăm thổ ngữ khác nhau. Còn tôi thì muốn giữ phong tục của tổ tiên tôi dù đi bất cứ phương trời nào...

Gã chủ bồng đưa tay bịt mũi, ra về ghé tòm món ăn của Ram Lai. Thái độ sỗ sàng, khinh mạn của gã làm Ram Lai bất mãn nhưng chàng vẫn kiên nhẫn nói tiếp:

- Tổ tiên tôi đã dạy rằng thực phẩm hàng ngày mà chúng tôi có được là nhờ Thượng Đế ban cho. Do đó để tỏ lòng quý trọng, chúng tôi phải dùng chính bàn tay của mình để bốc thức ăn, đưa thẳng vào miệng... Và chàng khéo léo trả đũa thái độ khinh người của gã chủ:

- Ông thấy đấy, chỉ có những vật gì dơ mình mới dùng cây đũa, gắp, hoặc xúc... Do đó, theo phong tục của chúng tôi, khi ăn mà dùng muỗng hoặc nĩa là xúc phạm tới Thượng Đế vì có ý chê thực phẩm của Thượng Đế là dơ bẩn!

Gã chủ vẫn bướng bỉnh bất bẻ:

- Thế mày nghĩ như thế nào về hàng nghìn con vi trùng đang bu ở bàn tay của mày?

Ram Lai nói:

- Trước khi ăn, rửa tay sạch là xong. Hơn nữa, ở trên đời này chẳng có môi trường nào là sạch tuyệt đối. Muỗng nĩa dù có rửa thật sạch bằng xà-phòng, vẫn có vi trùng, có điều mắt thường của mình không thể nào nhìn thấy được!

Mc Queen cảm thấy mắt mình vì không bắt bẻ được Ram Lai. Từ trước tới giờ, với vai trò người chủ, trong những sinh hoạt với công nhân, gã đã quen nghe những lời thuận nể và được chiều chuộng bởi thái độ khúm núm, sợ sệt. Giờ đây bỗng gặp hai kẻ "ngang bướng" dám đối đáp, thách đố gã, khiến cho lòng tự ái của gã bị tổn thương. Gã rất tin tưởng ở khối tài sản mười mấy triệu đô-la của gã có thể khuất phục được dễ dàng những người khố rách áo ôm, vậy mà... "Hừm, thằng nhãi ranh, mày còn tính đem chủ nghĩa ra để dạy khôn tao nữa. Được rồi, tao sẽ cho mày biết tay...". Nghĩ xong, đột nhiên Mc Queen đổi đề tài:

- Sao, nghe mày tính rủ cô bạn gái đi nhảy đầm hả? Cô Salina nhảy đẹp lắm. Diễn viên múa mà!

Ram Lai biết gã chủ đang kiểm chuyện nên chàng khéo léo né tránh những câu không quen đá giòi lái một câu rất đau:-

- Nếu ông thích thì ông có thể mời cô ấy đi nhảy với ông tối nay cũng được. Vấn đề là cô ấy có nhận lời hay không!

Mc Queen tái xám mặt vì giận. Không ngờ Ram Lai dám chửi xỏ gã như vậy! Thằng oắt con, tao sẽ cho mày một bài học. Nội số tiền lẻ trong ngân hàng của tao, nếu đem đốt, cũng đủ để thui mày cháy đen ra

than mà! Dám đụng tới tao thì mày phải chết! Gã chủ chửi thề trong bụng. Gã tạm yên lặng trong giây lát, cố tìm một câu gì thật đều đặn, mắt dục để đối đáp lại tình địch cho hả cơn tức. Ngay sau đó bỗng gã tuôn ra một câu nói bằng tiếng Hungary, tiếng mẹ đẻ của gã:

- *Bagoly mondja verebnet hogy nagy feju!*
Ram Lai và Salina còn đang lớ ngớ chưa hiểu ắt giáp gì về câu nói lạ tai thì gã chủ đã vội giải thích:

- Đó là câu tục ngữ của người Hungary tui tao, có nghĩa là "*Con chim cú chê con chim se sẽ có cái đầu bự!*". Trong tiếng Anh cũng có một câu tương đương là: "*The pot calling the kettle black!*" Cái nồi chê cái ấm đen!



Giải thích xong gã chủ ôm bụng cười sặc sụa một cách hết sức thô bỉ và nham nhở, đến văng cả nước miếng vào mặt Ram Lai. Cười xong gã lè nhè diễn giải:

- Ý tao muốn nói là thân phận tao xấu xí, đen dúa như cái nồi thì làm sao dám mời một người đẹp như nàng đi nhảy!

Thực sự gã chỉ giả vờ tự hạ mình, giải thích giọng gạo bằng cách bóp méo ý nghĩa câu tục ngữ. Trong thâm tâm, gã cảm thấy vô cùng đắc chí, tự khen gã thật là "thông minh", đã tìm ra một câu tục ngữ thật độc địa để chửi xỏ cả Ram Lai lẫn Salina. Cả hai đứa mày chẳng qua cũng chỉ là đồ mọi đen mà thôi, chẳng khác gì cái nồi hay cái ấm; con chim cú hay con chim se sẽ! Tổ tiên tui bay là đồ mọi đen, nô lệ nên mới đẻ ra tui bay cũng là mọi đen. Còn tao là thuần giống da trắng quý phái mà!

Những lời xiên xỏ, xúc phạm đến chúng tộc của gã chủ đã làm cho Ram Lai thực sự nổi giận. Chàng nhìn thẳng vào mặt gã, nói lớn:

- Yêu cầu ông nói chuyện cho lịch sự và không được xúc phạm tới tổ tiên của tôi!

Thấy Ram Lai phản kháng, gã chủ quyết định lấy thịt đè người:

- Mày nói cái gì? Xúc phạm à? Tổ tiên mày là cái thá gì? Tổ tiên tui mày là giống mọi đen nô lệ!

Không dần được tức giận, Ram Lai chỉ tay vào mặt gã chủ, chửi thẳng:

- Mày là đồ súc vật, là thằng phân biệt chủng tộc bản thù!

Như chỉ chờ có thế, gã chủ vội chồm tới nắm ngực áo Ram Lai và chuẩn bị tống vào mặt chàng một quả đấm nhưng Salina đã nhanh nhẹn nắm chặt lấy cánh tay của gã. Các công nhân đang ăn trưa ở đó vội xúm vào can hai người ra. Mọi người nhao nhao hỏi:

- Chuyện gì thế, chuyện gì thế?

Ram Lai nói với mọi người:

- Ông này đã xúc phạm tới tổ tiên của tôi, gọi tổ tiên của tôi là đồ mọi đen nô lệ! Ông ta còn xúc phạm tới Thượng Đế của tôi, tỏ ý khinh bỉ phong tục ăn bốc của chúng tộc chúng tôi!

Một công nhân lên tiếng bảo vệ Ram Lai:

- Như vậy là quá đáng. Luật pháp xử này cấm ngặt phân biệt chủng tộc và tôn giáo! Vài ý kiến khác cũng nêu lên:

- Ta hãy kêu Cảnh sát. Chúng tôi sẵn sàng làm chứng cho anh!

Một công nhân Ấn Độ sẵn có dịp tố cáo gã chủ:

- Chính tôi trước đây cũng từng bị thằng cha này chế nhạo về tục lệ ăn bốc. Thức ăn do Thượng Đế ban cho chúng tôi vậy mà hắn dám đem ra chế nhạo, khinh bỉ!

Mãnh hổ nan địch quần hồ, một mình gã chủ không sao chống lại được toàn bộ khối công nhân đang đoàn kết, hơn nữa sự sai trái của gã quá rõ ràng, do đó phải tìm cách thoát hiểm:

- Ê tụi bây xê ra, đừng có lộn xộn. Tụi bây tính tấn công tao phải không, tao kêu Cảnh sát bây giờ!

Một bà da đen lên tiếng:

- Muốn kêu thì cứ việc kêu, chưa biết ai sẽ bị pháp luật trừng trị! Minh sai rõ ràng mà còn tính hăm dọa người khác!

Mc Queen biết gã đã vi phạm pháp luật, nếu bị công nhân kiện có thể gã sẽ phải gặp nhiều điều phiền phức. Để khỏa lấp mọi chuyện, gã vội bu lu ba loa:

- Thôi thôi, dẹp dẹp, giải tán. Hết giờ ăn trưa rồi, đi làm mau!

Gã xua tay và chửi một câu quen thuộc:

- Get the fuck out of here!

Mọi người đành miễn cưỡng giải tán. Trước khi trở vào häng làm việc, gã chủ vẫn lằm bằm chửi rủa, tức tối:

- Mother fucker! Thức ăn do Thượng Đế ban cho tui mày! Để tao sa thải vài thằng coi thủ tui bây có cạp đất ăn được hay không, có Thượng Đế nào cho tui mày được lát bánh mì nào hay không!!!

Riêng Ram Lai thì đứng yên tại chỗ, nhắm mắt cầu nguyện. Sau đó chàng đã như thằm: "Mc Queen, mày đã xâm phạm vào nơi thiêng liêng nhất của linh hồn tao. Mày sẽ phải trả một giá rất đắt cho những cao ngạo điên cuồng và ngu xuẩn của mày!

(Còn tiếp)



Người Quan Sát

● CHIẾN TRANH KOSOVO

Cuộc chiến tại Nam Tư đã bộc phát dữ dội sau 4 năm tạm yên. Từ 18 giờ 45 ngày 24.3.1999, không lực của Tổ Chức Minh Ước Bắc Đại Tây Dương (North Atlantic Treaty Organisation - NATO) đã bắt đầu mở các cuộc oanh kích vào những mục tiêu như phi trường quân sự, xưởng chế tạo vũ khí đạn dược, quân trang quân dụng v.v... trên toàn lãnh thổ Nam Tư. Cuộc oanh kích này đã gây ra hai khuynh hướng đối nghịch nhau **ủng hộ** hoặc **không ủng hộ**. Phần đông các quốc gia Tây phương đều ủng hộ khối NATO. Chỉ có Trung Quốc và Việt Nam, hai nước Cộng Sản cuối mùa, thì lên án NATO và yêu cầu NATO chấm dứt ngay cuộc oanh kích. Còn Jelzin, một ông Tổng Thống bệnh hoạn của một nước Nga vừa thoát khỏi ách Cộng Sản nghèo đói, thì dọa NATO là sẽ có biện pháp mạnh. Sự quan hệ giữa Nga và NATO mà nhất là Mỹ trở nên căng thẳng và người ta lo ngại là nếu cuộc chiến sẽ tiếp diễn và lần lần lan rộng, có thể sẽ có một Thế chiến thứ III nếu Nga nhảy vào vòng chiến. Chúng ta hãy kiên nhẫn chờ xem.

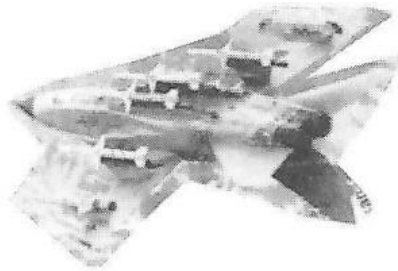
★ Nguyên nhân cuộc chiến

Ngược dòng lịch sử, trước thế kỷ 13, Kosovo Polje là một phần đất của Nam Tư dưới sự cai trị của vua Serb và chịu ảnh hưởng của Chính Thống Giáo (Orthodox).

- **1389** - Thổ Nhĩ Kỳ (Turkei) trên đường bành trướng lãnh thổ đã đánh bại Nam Tư trong một trận chiến khốc liệt tại Amselfeld (Kosovo Polje), triệt tiêu Hoàng tộc Nam Tư, thống trị Nam Tư gồm cả Kosovo, Albanien và vùng Balkan trong nhiều thế kỷ. Trong khoảng thời gian này đạo Hồi Giáo phát triển rất mạnh và người dân Kosovo đương nhiên cũng chịu ảnh hưởng về tôn giáo này. Ngày nay trên 90% dân Kosovo là người Albanien theo đạo Hồi Giáo.

- **1804** : Dân Nam Tư dưới sự lãnh đạo của Karadjordje nổi dậy chống đế quốc Thổ.

.1912-1913: Serbien, Bulgarien, Montenegro, Griechenland cùng nổi dậy đánh bại đế quốc Thổ giải phóng đất nước.



Riêng Serbien thì chiếm được Mazedonien và thu hồi lại Kosovo.

- **1914** - Vj Hoàng thái tử nước Áo là Franz Ferdinand bị một tên Serb theo chủ nghĩa quốc gia quá khích ám sát chết. Thế chiến I bắt đầu.

- **1915** - Serbien bị quân đội Đức, Áo, Bảo Gia Lợi xâm lăng.

- **1941** - Cuộc chiến tại vùng Balkan bắt đầu bằng cuộc oanh kích của không lực Đức tại Belgrad. Đức và Ý tuyên bố chấm dứt chủ quyền quốc gia của Nam Tư. Dân báo hoàng Tschetniks và nghĩa quân dưới sự lãnh đạo của Josep Broz Tito chiến đấu chống lại quân Đức.

- **1946** - Sau thế chiến II, sáu nước Cộng Hòa là Serbien, Kroatien, Slonenien, Bosnien, Herzegowina, Montenegro, Mazedonien hình thành một Liên Bang dưới sự lãnh đạo của Tito theo chủ nghĩa Cộng Sản. Riêng Kosovo và Vojvodina thì được tự trị. Sáu quốc gia, nhiều ngôn ngữ khác nhau mà nhất là hai Tôn Giáo, Chính Thống Giáo và Hồi Giáo xung khắc nhau gây ra nhiều cuộc tranh chấp đẫm máu từ nhiều thập niên qua.

- **1980** - Tito mất, các nước trong Liên Bang đấu tranh đòi độc lập.

- **1989** - Slobodan Milosevic, một đảng viên cộng sản, có tinh thần dân tộc cực đoan được bầu làm Tổng Thống Serbien. Ông muốn bành trướng ảnh hưởng của người Serb, nên ông hủy bỏ quy chế tự trị của Kosovo và Vojvodina đồng thời ra lệnh tàn sát những người dân hai nơi này khi họ đứng lên đòi độc lập.

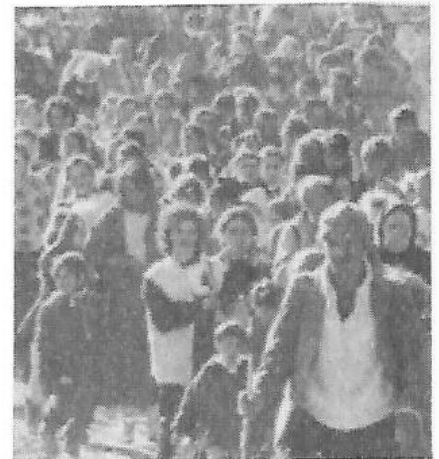
- **1991** - Slonenien, Kroatien, Bosnien, Herzegowina, Mazedonien tuyên bố độc lập. Milosevic ra lệnh tấn công Kroatien và Bosnien. Cuộc chiến đẫm máu kéo dài đến 1995 mới chấm dứt sau khi có sự can thiệp của Liên Hiệp Quốc. Trên 100 ngàn người chết, gần 1/2 triệu người phải rời bỏ nhà của lánh nạn tại các nước láng giềng và Âu Châu. Liên Bang Nam Tư chỉ còn lại có Serbien và Montenegro. Thua keo này, Milosevic bày ra keo khác, ông ta ra lệnh thanh lọc chủng tộc tại Kosovo. Mặc dù người Albanien chiếm 90% dân số, nhưng hầu hết các chức vụ trong guồng máy hành chánh từ thượng đến hạ tầng đều do người Serb nắm giữ. Các cuộc tàn sát đã man rợ xảy ra hằng ngày.

Để đối phó với kế hoạch thanh lọc chủng tộc của Milosevic, ông Rugova đứng lên kêu gọi dân Kosovo đấu tranh bất bạo động đòi lại quyền tự trị và quyền được tham gia vào bộ máy hành chánh.

- **1996** - Từ đấu tranh bất bạo động, chuyển sang bạo động vũ trang với sự ra đời của lực lượng giải phóng Kosovo (UCK). Để đối phó với lực lượng UCK, Milosevic ra lệnh quân đội và cảnh sát truy lùng, khủng bố, tàn sát lực lượng UCK và ngay cả thường dân bất kể già trẻ, gái trai. Điển hình là cuộc tàn sát đẫm máu người Kosovo tại Racak, ngoại ô Pristina vào giữa tháng 1/1999. Ngoài ra Milosevic còn ra lệnh xua đuổi, trục xuất người Kosovo ra khỏi nhà họ, gây ra những làn sóng người tỵ nạn sang các nước láng giềng. Nếu ai chậm chân, đàn ông bị giết, đàn bà con gái bị hãm hiếp v.v... và v.v... Những cảnh tượng đau thương xảy ra hằng ngày ngay trên phần đất của Âu Châu làm rung động lương tâm các vị nguyên thủ quốc gia trong khối NATO và cả nhân loại!



Những người Kosovo bị lính Serb giết tập thể, nằm la liệt. Có người bị chặt mất đầu. Nhìn những thi thể này không khác gì những mô chôn người tập thể do Việt Cộng mang danh "Quân đội Nhân dân Cách mạng Giải phóng" giết trong cuộc Tổng công kích Tết Mậu Thân tại cố đô Huế năm 1968. Cuộc giết người của CS dù Âu hay Á đều giống nhau. Vì họ chỉ học có một thầy!



Dòng người chạy chết vô cùng tận!

Để chặn đứng việc thanh lọc chủng tộc và tàn sát dân Kosovo, NATO với toàn tiếp xúc gồm có Mỹ, Nga, Anh, Pháp, Đức, Ý buộc Cộng Hòa Nam Tư và Đại diện của phong trào đòi độc lập tại Kosovo phải ngồi vào bàn hội nghị tại Rambouillet (vùng Paris) vào giữa tháng 2/1999.

NATO đưa ra 5 điểm như sau:

1. Quân đội và Cảnh sát Serb chấm dứt ngay việc tàn sát và xua đuổi dân Kosovo, đồng thời từng bước rút quân khỏi Kosovo.
2. NATO sẽ điều động một lực lượng khoảng 28.000 quân sang Kosovo để kiểm soát việc rút quân và giữ gìn an ninh.

3. Cho hồi hướng tất cả những người Kosovo hiện đang tạm tỵ nạn tại các nước láng giềng.
4. NATO sẽ giải giới lực lượng giải phóng Kosovo (UCK).
5. NATO sẽ giúp Kosovo thiết lập một cơ chế tự trị và đồng thời cho tái thiết những thiệt hại do quân đội Nam Tư gây ra.

Những điều kiện trên bị Milosevic hoàn toàn bác bỏ. Nhất là việc 28.000 quân của NATO đóng tại Kosovo. Milosevic cho là vi phạm chủ quyền quốc gia của Nam Tư. Ngay cả Jelzin, Tổng Thống Nga, cũng có cùng một quan điểm như Milosevic.

Cuộc thương thuyết kéo dài đến giữa tháng 3/1999. Lần họp sau cùng, Đại diện Kosovo ký vào thỏa ước chấp nhận các điều kiện trên, còn Milosevic thì bác bỏ. Trong khi đó Milosevic vẫn ra lệnh cho quân đội và cảnh sát tiếp tục tàn sát dã man và xua đuổi dân Kosovo tràn sang tỵ nạn tại các nước lân cận mỗi ngày cả chục ngàn người!

Không đạt được kết quả trên bàn hội nghị, NATO quyết định dùng giải pháp quân sự. Ngày 24.3.1999, kể từ 18 giờ 55, không lực NATO bắt đầu oanh kích vào những mục tiêu quân sự trên toàn lãnh thổ Nam Tư.

★ Những mục tiêu quan trọng bị dội bom



Câu hỏi được nêu lên là tại sao một mình Nam Tư mà dám đứng đầu với khối NATO? Tại vì:

1. Milosevic tin tưởng vào chủ nghĩa quốc gia cực đoan của dân Serb, vào tiềm năng quân sự của chính mình.
2. Sau lưng Milosevic còn có Jelzin, một ông Tổng Thống Nga bệnh hoạn, tuyên bố ủng hộ đàn em Milosevic hết mình.

3. Sự không hoàn toàn nhất trí của chánh quyền trong 19 quốc gia thành viên khối NATO.

4. Ngay trong chánh quyền Đức, cũng có những chính trị gia của các đảng phái chống lại cuộc oanh kích Nam Tư của NATO. Nhưng rất tiếc là không thấy họ chống lại hành động của Milosevic khi ông ta cho lệnh thanh lọc chủng tộc, trục xuất, tàn sát, hãm hiếp dã man người dân Kosovo nên gây ra một làn sóng tỵ nạn vô cùng khủng khiếp. Điển hình nhất là Dân biểu Gregor Gysi, trưởng khối đảng PDS (hậu thân của đảng Cộng Sản/SED Đông Đức) đã bay sang Belgrad bắt tay với tên đồ tể Milosevic. Đứng là Ngưu tầm Ngưu, Mã tầm Mã! Hai tên cộng sản cuối mùa gặp lại nhau để tính chuyện đội đá vá trời chăng? Còn lâu hai con dã tràng đỏ này mới xe cát lấp cả biển đông!

★ Nhân quả

Nguyên nhân gây ra thảm trạng đau thương này là do Milosevic, ông ta đã và đang gieo **Nhân**, đương nhiên ông ta phải gặt **Quả**. Mà quả ở đây là những trái bom nặng hàng ngàn cân giáng xuống đất nước của ông ta. Vậy muốn tránh **Quả**, Milosevic phải chấm dứt ngay việc gieo **Nhân**, có nghĩa là phải ngưng ngay lập tức việc trục xuất và tàn sát dã man dân Kosovo. Chỉ có giận dữ thế thôi.

★ Giải pháp chánh trị

Cuộc chiến Kosovo rồi sẽ phải được kết thúc bằng một giải pháp chánh trị. Nhưng trước hết NATO phải tiếp tục dội bom hủy diệt bộ máy chiến tranh và tuyên truyền của Milosevic. Rồi sau đó mới buộc ông ta chấp nhận ngồi vào bàn hội nghị để ký thỏa ước giống như lãnh tụ độc tài Iraq, ông Saddam Hussien vậy. Nếu NATO không thực hiện được sứ mệnh này, thì uy tín của NATO trong 50 năm qua sẽ không còn nữa, bị coi như bất lực và không còn lý do gì để tồn tại.

Riêng những người kêu gọi NATO ngưng oanh kích để tìm một giải pháp chánh trị, thật là ngây thơ! Này nhé! ông Primakow, Thủ Tướng Nga, sử giả của Jelzin sang gặp Milosevic để tìm một giải pháp chánh trị; rồi bà Madeleine Albright, Bộ Trưởng Ngoại Giao Mỹ; rồi vị sử giả của ông Koli Anan Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc; rồi cựu Thủ Tướng Nga, ông Tchernomyrdin, cũng bay qua gặp Milosevic hầu tìm một giải pháp chánh trị. Nhưng không ai đạt được kết quả, trái lại Milosevic càng ngày càng to ra càng đầu, càng cổ hèn. Ngưng dội bom để Milosevic có đủ thời giờ tái phối trí lực lượng hầu tung ra những cuộc hành quân tàn sát khác chỗ không giải quyết được gì cả! Tại sao quý vị không đứng hẳn về phía NATO, kêu gọi NATO dội bom mạnh hơn nữa, chẵn chẵn chiến tranh sẽ kết thúc mau lẹ hơn và người dân Kosovo cũng sẽ bớt đổ máu hơn. Đối với những tên lãnh tụ cộng

sản độc tài, đảng trị, chỉ có sức mạnh vũ khí mới làm chúng sợ mà thôi.

Do đó những ai kêu gọi NATO ngưng dội bom phải chịu một phần trách nhiệm về cuộc chiến kéo dài, về sự chết chóc đau thương của người dân vô tội Kosovo.

Viết tới đây tôi nhớ đến cuộc chiến tại Việt Nam cách nay trên 1/4 thế kỷ. Tuy thời gian có khác nhau, những việc làm của những tên phản chiến dù ở Việt Nam hay ở Kosovo cũng giống như nhau.

★ Tường quan lực lượng giữa hai bên

NATO gồm 19 quốc gia hội viên:

USA (Mỹ), Canada (Gia Nã Đại), Belgien (Bi), Dänemark (Đan Mạch), Deutschland (Đức), Frankreich (Pháp), Griechenland (Hy Lạp), Großbritannien (Anh), Holland (Hòa Lan), Italien (Ý), Norwegen (Na-Uy), Portugal (Bồ Đào Nha), Spanien (Tây Ban Nha), Luxemburg (Lục Xâm Bảo), Türkei (Thổ Nhĩ Kỳ), Island (Băng Đảo), Tschechien (Tiệp), Polen (Ba Lan), Ungarn (Hung Gia Lợi) (3 nước sau cùng vừa mới gia nhập NATO trong tháng 4/1999).

Trong số này có những nước hội viên sau đây trực tiếp tham chiến:

Mỹ: hơn 260 chiến đấu cơ đủ loại, trong số này có 2 oanh tạc cơ tàn hình loại B.2 (đã bị rớt 1 chiếc), 12 chiến đấu cơ tàn hình loại 117.A, 8 oanh tạc cơ B.52, 24 trực thăng chiến đấu diệt xe tăng loại "Apache", nhiều tàu chiến, 2 tàu ngầm, 1 hàng không mẫu hạm.

Pháp: 20 - 40 chiến đấu cơ, trong số này có 5 oanh tạc chiến đấu cơ, 1 hàng không mẫu hạm.

Anh: 12 chiến đấu cơ, trong số này có 8 oanh tạc chiến đấu cơ loại Harrier GR.7 - 1 tàu ngầm.

Gia Nã Đại: 6 - 18 chiến đấu cơ.

Đức: 14 chiến đấu cơ loại Tornado ECR, loại này có đặc điểm là bay mau trên 2000 cs/giờ, bay rất thấp chỉ cách mặt đất 32 thước, dùng để phá hủy những dàn Radar của địch.

Ý: 12 chiến đấu cơ, trong số này có 8 Tornados.

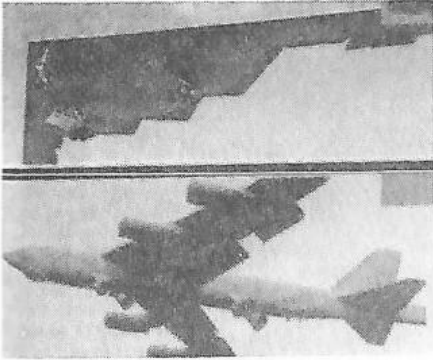
Tây Ban Nha: 6 chiến đấu cơ, trong số này có một phi cơ có bồn chở nhiên liệu dùng để tiếp tế trên không.

Bi: 4 - 16 chiến đấu cơ.

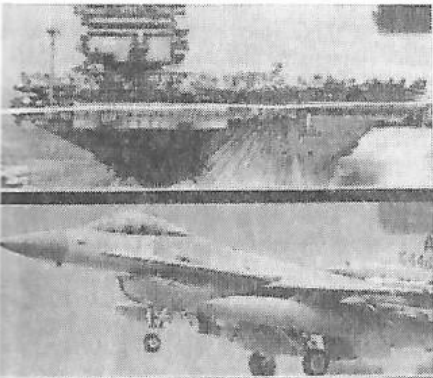
Hòa Lan: 8 - 16 chiến đấu cơ loại F.16.

Đan Mạch: 8 chiến đấu cơ loại F.16.

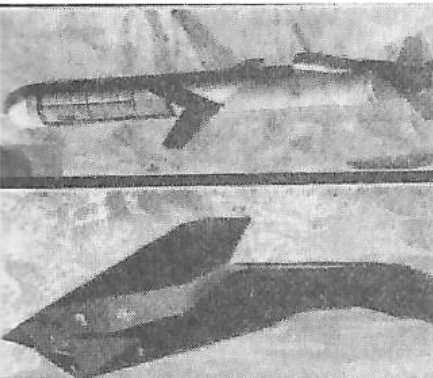
Còn lại 9 quốc gia, thì 7 nước không tham chiến nhưng hoàn toàn đồng ý với NATO oanh kích Nam Tư. Riêng nước Tiệp thì bị phân hóa, Tổng Thống Havel thì ủng hộ, còn Thủ Tướng Zeman thì tuyên bố là thân hữu với Nam Tư (có nghĩa là chống cuộc oanh kích). Hy Lạp vì là hội viên của NATO, nên chánh quyền miền cường có trách nhiệm ủng hộ về tinh thần. Còn dân chúng thì từ 92 - 97% chống lại cuộc chiến.



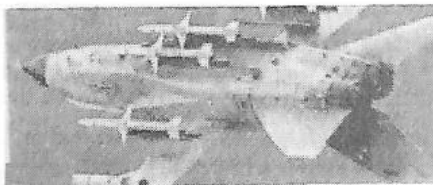
Hình trên: Oanh tạc cơ tàng hình loại B.2. Radar không phát hiện được. Giá một chiếc 3,2 tỷ đô-la.
Hình dưới: Oanh tạc cơ B.52.



Hình trên: Hàng không mẫu hạm Enterprise.
Hình dưới: Chiến đấu cơ F.16.



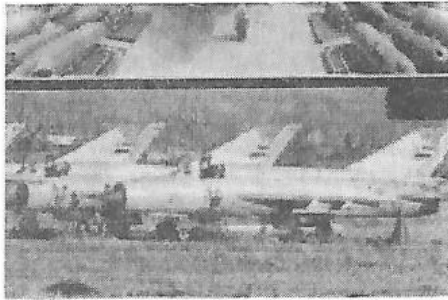
Hình trên: Hỏa tiễn Tomahawk dài 6m, vận tốc 880 cs/giờ.
Hình dưới: Chiến đấu cơ F.117. Radar không phát hiện được.



Chiến đấu cơ Tornado của không lực Đức.

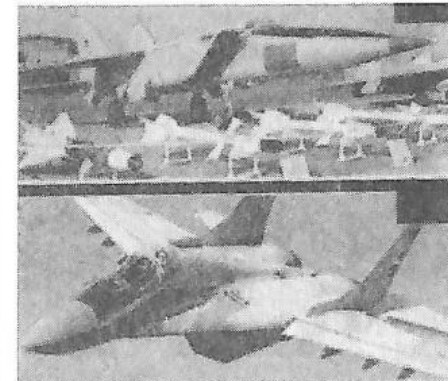
NAM TỬ

- 240 chiến đấu cơ, trong số này có 18 MIG 29; 30 oanh tạc chiến đấu cơ; 135 trực thăng.
- Hỏa tiễn địa không loại SA2, SA3, SA6 (SA = SAM); 1270 thiết giáp xa; 1300 súng đại bác; 1850 súng phòng không.
- 4 tàu chiến - 4 tàu ngầm.
- Khoảng 100.000 quân dưới cờ và 400 ngàn quân trữ bị.



Hình trên: Oanh tạc chiến đấu cơ G4 Super-Galeb do Nam Tư chế tạo.

Hình dưới: MIG 21 bay nhanh 2120 cs/giờ mang 19 hỏa tiễn. Hiện có 60 chiếc.



Hình trên: MIG 25, sản xuất từ thập niên 70. Nhanh 3 lần tốc độ âm thanh.

Hình dưới: MIG 29 bay nhanh 2445 cs/giờ. Bay cao 11.000 mét.



Hình trên: Hỏa tiễn SAM. Tự động tìm mục tiêu bằng Radar.

Hình dưới: Súng phòng không.

Trên đây là phần trang bị có thể gọi là phần vật chất. Còn phần tinh thần mới là quan trọng. Vì nếu có phương tiện và súng ống tối tân đến đâu mà tinh thần binh sĩ bạc nhược, sợ chết, chưa đánh đã tìm cách rút lui thì cầm bằng cái thua trong tay.

Dân Serb vừa có tinh thần dân tộc cực đoan, vừa tàn bạo, cộng thêm người đàn anh mà cũng là đồng chí Nga, và những người phản chiến đứng sau lưng ủng hộ, nên cuộc oanh kích của NATO đến nay trên (27.5 là 65 ngày) . . . ngày mặc dù đã hủy diệt trên 50% tiềm năng cả về quân sự lẫn kinh tế mà Milosevic vẫn còn ngoan cố không từ bỏ mộng thanh lọc chủng tộc tại Kosovo.

★ Vừa đánh vừa đàm

Dù muốn dù không, NATO phải tiếp tục dội bom để buộc Milosevic phải chấp nhận một giải pháp chính trị. Hiện gần một triệu người đang tỵ nạn, nhiều nhất tại Mazedonien, Albainien và Montenegro là một gánh nặng cho 3 quốc gia nhỏ bé và nghèo nàn này.

Ngày 6.5.1999, Tổng Thống Clinton bay sang Đức gặp Thủ Tướng Schröder, khi hai ông đi thăm trại tỵ nạn Ingelheim (Rheinl-Pfalz), Clinton khẳng định: *"Những người tỵ nạn sẽ trở về quê hương trong an toàn và tự do"*.

Đồng thời 7 vị Bộ Trưởng Ngoại Giao của 7 nước kỹ nghệ và Ngoại Trưởng Nga họp tại Bonn đã đi đến sự nhất trí về một chiến lược để chấm dứt cuộc chiến như sau:

- Quân Serb phải chấm dứt ngay sự khủng bố, giết chóc và trục xuất người Kosovo.
- Một lực lượng quân sự quốc tế đóng tại Kosovo để bảo đảm an ninh.
- Thành lập một cơ quan hành chính chuyển tiếp.
- Hồi hương tất cả những người tỵ nạn Kosovo.
- Giải giới lực lượng giải phóng Kosovo.

Nhưng Milosevic thì bác bỏ một lực lượng quân sự quốc tế, ông ta chỉ chấp nhận *"Những nhân viên quan sát quốc tế chỉ trang bị súng tùy thân mà thôi"*! để ông ta dễ trấn áp, bóp mũi...

Riêng Thủ Tướng Schröder thì xác định rõ lại một lần nữa là: *"Quân chủ yếu của lực lượng an ninh tại Kosovo phải là của NATO"*. Còn ông Ibrahim Rugowa, lãnh tụ dân Kosovo trong cuộc họp báo tại Rom, ông đòi hỏi: *"Một lực lượng giữ gìn an ninh tại Kosovo gồm có quốc tế và của cả NATO"*.

Không biết Milosevic còn chịu đựng được đến bao lâu? Hãy chờ xem.

Trong khi đó Thượng Viện Mỹ đã biểu quyết chấp thuận một ngân khoản 13,1 tỷ đô-la cho cuộc chiến và ông Cohen Tổng Trưởng Quốc Phòng Mỹ đã gửi thêm 176 chiến đấu cơ đến chiến trường Kosovo.

★ Oanh kích nhằm

Trên chiến trường, đường tên bay hay đạn lạc là thường. Do đó việc oanh kích làm cũng nằm trong trường hợp thông thường này.

- Ngày 12.4.99, NATO định oanh kích cây cầu tại Grdelicka, nhưng chẳng may lúc đó có một đoàn xe lửa chạy tới nên bị hai hỏa tiễn đánh nhằm, làm 10 người chết, 16 người bị thương.

- Ngày 19.4.99, NATO lại oanh kích làm một đoàn xe chở người tỵ nạn, làm khoảng 70 người chết và nhiều người bị thương. Phi công cho biết là anh nhìn thấy có những xe chạy xen kẽ sơn màu xanh xám của quân đội. Anh nghĩ rằng đó là những quân xa của quân đội Serb nên anh mới đánh bom. Nhưng sau mới biết là quân đội Serb dùng một số quân xa chở người tỵ nạn để trục xuất chạy lên núi trong đoàn để gạt những

phi công và họ đã thành công trong mưu mô xảo quyệt này.

- Ngày 7.5.99, NATO lại oanh kích nhằm Tòa Đại Sứ Trung Cộng tại thủ đô Belgrad, làm tòa nhà sụp đổ, 3 người chết và trên chục người bị thương. Đây là một sự nhằm lần hết sức đáng tiếc và hết sức rắc rối. Theo tờ "Washington Post" cho biết là cơ quan tình báo (CIA) Mỹ đã dùng tám bản đồ cũ, trong bản đồ không có Tòa Đại Sứ tại tọa độ bị ném bom. Chuyện lầm lẫn này không thể tha thứ được. Hiện đang còn trong vòng nghi vấn.

Liên sau đó, tại Bắc Kinh, hàng ngàn sinh viên phần nộ ò ạt xuống đường biểu tình trước Tòa Đại Sứ Mỹ để phản đối và hô khẩu hiệu: "Đả đảo đế quốc Mỹ", "NATO Tân Quốc Xã", đồng thời ném đá, gạch vào Tòa Đại Sứ, đốt cờ hoa và hình nộm chú SAM! v.v...

Mỹ + NATO đã chính thức xin lỗi chính quyền Trung Quốc và hứa sẽ bồi thường mọi thiệt hại. Tuy nhiên Trung Quốc tạm thời đình chỉ mọi liên lạc ngoại giao với Mỹ.

Đáng lẽ ra ngày 12.5.99, Thủ Tướng Đức, ông Schröder, cùng phái đoàn gồm có 33 kinh tế gia bay sang thăm viếng chính thức Trung Quốc trong 4 ngày. Nhưng vì tình hình bất ổn nói trên phái đoàn tạm rút ngắn một ngày và lên đường ngày 13.5.99. Nhiệm vụ của ông Schröder rất khó khăn khi phải giáp mặt với chính quyền Trung Quốc.

Trung Quốc là một trong 5 thành viên của Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc là Mỹ, Nga, Anh và Pháp. Rồi đây Trung Quốc có vì một sự nhằm lần trên mà dùng quyền phủ quyết bất bỏ kế hoạch hòa bình tại Kosovo nói riêng, và cho an ninh thế giới nói chung không? Dù sao thì Trung Quốc cũng đang cần Tây phương để phát triển đất nước, không nên vì một tự ái nhỏ mà bỏ việc lớn. Hãy chờ xem!



Công an nhân dân Trung Quốc ngồi sắp hàng trước Đại Sứ Quán Mỹ để ngăn chặn đám biểu tình tràn vào Sứ Quán đốt phá.

★ Rút quân thật hay âm mưu

Ngày 11.5.99, phòng thông tin Tanjug của Nam Tư loan báo là quân đội Serb bắt đầu rút một phần quân số tại Kosovo. Lệnh này có hiệu lực kể từ 22 giờ ngày 10.5.99. Tổng Trưởng Quốc Phòng Đức, ông Scharping,

tối hôm 11.5.99 nói: "Việc rút quân này cho đến bây giờ chưa ai nhìn thấy". Còn Ngoại Trưởng Mỹ, bà Albright, nói "Một cuộc rút quân *thật sự* và ngừng ngay việc khủng bố, giết chóc, trục xuất người Kosovo sẽ là dấu hiệu tốt để NATO ngừng oanh kích, tái lập hòa bình qua chiến lược 5 điểm chấm dứt chiến tranh tại phần đất khổ đau này".

Đây là một âm mưu hay một cuộc rút quân thật sự? Người ta đang nghi ngờ thiện chí của Milosevic.

★ Bao giờ kết thúc cuộc chiến

Có hai giải pháp để kết thúc cuộc chiến tại Kosovo:

1/- Tên đồ tể Milosevic phải ngừng ngay việc bắn giết, thanh lọc chủng tộc tại Kosovo và chấp thuận chiến lược 5 điểm chấm dứt chiến tranh của 8 vị Bộ Trưởng đưa ra ngày 6.5.99 tại Bonn.

2/- Nếu Milosevic vẫn cứng đầu, thì chỉ còn một giải pháp duy nhất chẳngặng dừng là tấn công bằng bộ binh mới kết thúc cuộc chiến. Giải pháp này không được nhiều quốc gia hội viên trong NATO chấp thuận. Chỉ có Mỹ, Anh, Pháp, Gia Nã Đại, Hòa Lan là sẵn sàng.

Oanh kích chỉ phá hoại những phương tiện vật chất mà thôi, còn Milosevic thì vẫn sống phây phây trong biệt thự kiên cố, riêng quân đội Serb thì trà trộn trong dân chúng, đôi khi họ dùng thường dân làm bia đỡ đạn (lá chắn), nếu NATO đánh bom thì nhằm vào thường dân gây thêm rắc rối!

Cuộc chiến kéo dài đến nay trên hai tháng rồi mà chưa kết thúc vì thiếu sự nhất trí trong khối NATO. Các lãnh tụ trong khối NATO cố tìm một giải pháp chính trị nhưng chưa có kết quả. Khi tờ báo này đến tay quý độc giả, không biết cuộc chiến sẽ ngã ngũ ra sao? Nhưng có một điều là cuộc chiến càng kéo dài càng gây thêm chết chóc đau thương cho cả hai bên là dân Kosovo và thường dân Serb.

Bằng mọi giá trên 600 ngàn người tỵ nạn phải được trở về quê hương đổ nát của họ trong sự bảo đảm an toàn và tự do. Nếu không là một gánh nặng cho các nước đang tiếp nhận họ và khối NATO sẽ mất uy tín trầm trọng vì bất lực không giải quyết được một sự tranh chấp trong vùng.

★ Hung thần, ác quỷ ở Balkan



Slobodan Milosevic, chủ trương thanh lọc chủng tộc tại Kosovo. Trong khi dân Kosovo bị lính của ông bắn giết, hãm hiếp, cướp giết v.v... thì ở Tổng Thống Phủ ông đốt xi-gà hút!



Tướng Dragolub Ojdanic, Tổng Tham Mưu Trưởng quân đội Serb (100 ngàn quân) mà cũng là Tư Lệnh chiến trường Kosovo. Ông là cánh tay mặt của Mira Markovic, vợ của Milosevic. Ông giết người không gươm tay, tàn bạo đã man hún hổ báo. Ông là bạn của hai tên tội phạm chiến tranh là Ratko Mladic và Rodowan Karadzic đang bị Tòa án Quốc tế truy nã.

● NGA

Người ta tự hỏi: Nước Nga đang và sẽ đi về đâu? Phía hành pháp được lãnh đạo bởi một ông Tổng Thống (Jelzin) bệnh hoạn, hay bốc đồng có lẽ vì thiếu rượu Wodka chẳng? Còn bên lập pháp tức Quốc Hội (Duma) thì do một nhóm Cộng Sản chiếm đa số thao túng. Đám CS bảo thủ cuối mùa này luôn luôn muốn đưa nước Nga trở về thời đại mà CS cho là huy hoàng của những thập niên 70-80, có nghĩa là muốn làm sống lại cái thầy ma Cộng Hòa Xã Hội Liên Bang Sô-Viết. Tất cả mọi chính sách do hành pháp đưa ra đều bị nhóm đa số Dân biểu CS thẳng thừng bác bỏ.

Ngay đến Tổng Thống Jelzin đã hai lần bị Quốc Hội làm thủ tục cách chức về tội:

- Phản bội tổ quốc vì đã giải thể Liên Bang Sô Viết!
- Gây chiến tranh với nước cộng hòa anh em Tscheschen.
- Không có khả năng lãnh đạo đất nước, dẫn đến thất nghiệp, nghèo đói, tệ nạn xã hội v.v...

Mặc dù việc cách chức không thành, nhưng uy tín của ông bị giảm đi rất nhiều cả đối nội lẫn đối ngoại.

Ngoài ra, chưa đầy 3 năm mà nước Nga có đến 4 ông Thủ Tướng lần lượt thay nhau:

1. Thủ Tướng Tschernomyrdin bị cách chức.
2. Ông Sergej Kirijenko (36 tuổi) lên thay. Chưa đầy 4 tháng bị cho về hưu non.
3. Ông cựu Thủ Tướng Tschernomyrdin được tái chỉ định làm Thủ Tướng. Nhưng bị Quốc Hội bác bỏ.
4. Ngày 07.9.98, ông Jewgeni Primakow (68 tuổi) đương kim Bộ Trưởng Ngoại Giao được chỉ định làm Thủ Tướng. Ngày 12.5.99, ông bị Jelzin cách chức một cách bất ngờ vì thiếu khả năng giải quyết cuộc chiến Kosovo và nhất là kinh tế nước Nga suy sụp kéo theo nạn thất nghiệp.
5. Ngày 17.5.99, ông Sergej Stepaschin được chỉ định thay Primakow. Stepaschin là một tướng tư lệnh những đơn vị súng nặng đóng gần Moskau và là người thân tín của Jelzin.

Người ta hy vọng với ông Thủ Tướng mới, cuộc chiến Kosovo sẽ được giải quyết.

Một quyết nghị của Hội đồng Thường trực Bảo An LHQ về 5 điểm của 8 vị Bộ Trưởng

Ngoại Giao họp tại Bonn, trong đó có Nga, sẽ được Nga và Trung Quốc chấp thuận, không dùng quyền phủ quyết.

Không biết ông Stepaschin ngồi trên ghế Thủ Tướng được bao lâu, hay chưa nóng đít lại xách gói ra đi! Hãy chờ xem.

● DO THÁI

Phần đất cận đông triền miền có bạo động lại thay ngôi đổi chủ. Trong cuộc bầu cử Thủ Tướng ngày 17.5.1999, Tổng Ehud Barak đã đánh bại đường kim Thủ Tướng Benjamin Netanjahu. Không biết ông Barak có một phương thức nào hay hơn để đưa hai dân tộc Do Thái và Palestine sống chung hòa bình không? Mỗi ngày đều có tranh chấp, bạo động, giết chóc thì làm sao yên tâm để lo phát triển đất nước. Người Do Thái lẫn người Palestine phải nhớ rằng:

*Vôi hận diệt hận thù
Đời này không có được
Không hận diệt hận thù
Là định luật ngàn xưa !*

(Pháp Cú kinh)

● ĐỨC

Liên minh Đỏ - Xanh (SPD - B.90/Grüne) lên nắm chính quyền chưa được 6 tháng thì chiến cuộc tại Kosovo xảy ra. Đức là một trong 19 thành viên của khối NATO có quân tham chiến tại phần đất này dưới lá cờ của NATO. Từ đó Liên minh xảy ra nhiều khuynh hướng khác nhau về cách giải quyết chiến cuộc Kosovo. Nhất là những người trong đảng Xanh, ông nói gá; bà nói vịt. Bà bảo đánh; ông bảo ngừng v.v... và v.v...

Diễn hình là ngày 13.5.99, Đảng Xanh nhóm đại hội tại Bielefeld để duyệt xét lại đường lối của ông Joschka Fischer (Grüne) Bộ Trưởng Ngoại Giao và có thể sẽ bỏ phiếu buộc ông từ chức và đi xa hơn nữa Đảng Xanh sẽ rút ra khỏi Liên minh. Trong khi họp, một tên quá khích liệng một hợp sơn đỏ trúng vào nơi tai phải của ông Fischer làm ông bị chấn thương ở một bên đầu. Còn một tên khác thì cời trần trường như nhộng, phơi bày cái của "quý" ra cho mọi người phở hội xem chơi cho đỡ ngáp!

Dù bị thương, ông vẫn lên diễn đàn trình bày đường lối giải quyết hợp tình hợp lý chiến cuộc Kosovo. Dù có đơn của một người chống chiến tranh cực đoan, ông Christian Ströbele (Grüne) đòi NATO ngừng oanh kích ngay lập tức và vô điều kiện, nhưng rất tiếc là ông ta không đủ động gi đến tên đồ tể Milosevic, hàng ngày ra lệnh hàng trăm người Kosovo và trục xuất hàng ngàn người khác ra khỏi nhà đi lang thang tìm đường tỵ nạn! Thật là bất công và xấu hổ cho một chính trị gia phản chiến chỉ thấy có một chiều !

Đúng 19 giờ 06 phút, ông Fischer được sự ủng hộ của hầu hết những đại diện của đảng bằng 318/444 phiếu. Một thành công rực rỡ của ông Fischer đã chứng tỏ rằng, chánh sách giải quyết chiến cuộc của hai đảng Liên minh cầm quyền là đúng.



Mặc dù áo vẫn còn dính sơn đỏ, đầu bị chấn thương, ông Fischer vẫn hiên ngang đứng trước đại hội bảo vệ đường lối của ông trong chiến cuộc Kosovo là đúng làm cho các đồng chí của ông dù có cực đoan đến đâu cũng phải chấp nhận 338/444 phiếu !

★ Mừng hựt

Trong khi Đảng Xanh đang họp đại hội, thì Liên đảng CDU + CSU mừng thầm và nghĩ rằng lần này sẽ: "Bất chiến tự nhiên thành" có nghĩa là nếu đảng Xanh quá khích, phản đối việc oanh kích Nam Tư, bất thần rút ra khỏi Liên minh, thì chính quyền của Schröder sẽ bị đổ. Vì CDU+CSU từ chối một sự Liên minh lớn với SPD. Còn FDP thì tuyên bố là vẫn đứng ở vị thế đối lập chỗ không Liên minh với SPD. Do đó sẽ có một cuộc bầu lại. Nếu có bầu lại thì chắc chắn CDU+CSU+FDP sẽ thắng.

Những vào giờ chót, đúng 19 giờ 06 phút ngày 13.5.99, vì quyền lợi đảng Xanh vẫn tiếp tục nằm trong Liên minh và ủng hộ đường lối của Fischer tức là đường lối của Schröder. Làm cho CDU+CSU cũng như FDP mừng hựt là như vậy.

★ Quốc Tịch đôi

Thượng Viện vừa mới biểu quyết chấp thuận quốc tịch đôi. Kể từ 01.01.2000 những đứa trẻ sinh ra tại Đức được tự động nhập quốc tịch Đức đồng thời vẫn giữ quốc tịch của cha mẹ. Đến 23 tuổi là thời hạn chót người này phải quyết định từ bỏ một trong hai quốc tịch.

Luật này chỉ dành cho những cha mẹ của đứa trẻ được sống hợp pháp và lâu dài tại Đức. Còn những người đang xin tỵ nạn cũng như những người phạm pháp thì không nằm trong diện này.

★ Giá Xăng

Vừa rồi các chính trị gia trong hai đảng Liên minh cầm quyền muốn tăng giá xăng để bù đắp vào những sự thâm thủng ngân sách.

Ông Struck, Trưởng khối SPD, đòi tăng 40 Pf/lít.

Bà Hustedt (Grüne) đòi tăng 30Pf/lít.

Ông Müller (không đảng phái) Bộ Trưởng Kinh Tế: 15Pf/lít.

Bà Röstel (Grüne) Phát ngôn viên đảng Xanh: 12Pf/lít.

Mỗi lít xăng chỉ tăng 1 Pfennig (xu) thôi, mỗi năm chính phủ thu vào cho ngân sách được 700 triệu Đức Mã.

Việc đòi hỏi tăng giá xăng chưa được Thủ Tướng Schröder chấp thuận, phải đợi đến 30.6.99, trong buổi họp nội các, ông Eichel, Bộ Trưởng Tài Chánh sẽ trình một kế hoạch chung về việc tiết giảm ngân sách như thế nào, khi đó sẽ có một sự quyết định chung.

Hiện giá 1 lít xăng Super không chỉ tại Âu Châu như sau:

Griechenland	126,0 Pf (xu)
Spanien	132,3
Luxemburg	132,4
Irland	141,3
österreich (Áo)	154,9
Portugal	157,1
Belgien	165,2
Deutschland (Đức)	166,5
Schweden	181,0
Dänemark	181,3
Italien	184,6
Holland	193,6
Finnland	193,7
Großbritannien (Anh)	208,6

Việc tăng giá xăng sẽ ảnh hưởng đến người đi làm hằng ngày bằng xe hơi, những người hưu, gia đình đông con. Họ than phiền là những chính trị gia luôn luôn tìm cách vắt cạn sữa những người nghèo !

★ Bầu cử Tổng Thống Đức

Ngày 23.5.99 là ngày kỷ niệm mừng sinh nhật lần thứ 50 Hiến Pháp nước Cộng Hòa Liên Bang Đức mà cũng là ngày bầu cử Tổng Thống tại tòa nhà Quốc Hội Liên Bang Đức. Nhiệm kỳ của Tổng Thống là 5 năm, chỉ được tái ứng cử thêm một lần mà thôi. Đường kim Tổng Thống, ông Roman Herzog, không tái tranh cử. Do đó lần này có ông Johannes Rau (68 tuổi - SPD) cựu Thủ Tướng tiểu bang Nordrhein-Westfalen, ra tranh cử lần thứ hai. Lần đầu năm 1994, ông bị ông Herzog đánh bại.

Người thứ hai là bà Dagmar Schipanski (55 tuổi - không đảng phái) do hai đảng CDU+CSU đưa ra. Bà là Giáo sư sống tại Thüringen, là người đàn bà đầu tiên tranh cử chức vụ cao nhất nước Đức.

Người thứ ba là nhà Thần học, bà Uta Ranke-Heineman (71 tuổi - không đảng phái) do đảng PDS đề cử.

Có 1338 đại biểu sẽ bầu vị Tổng Thống.

Ai được bầu? 669 vị Dân biểu Quốc Hội Liên Bang và 669 vị đại biểu của 16 Quốc Hội Tiểu Bang.

Thế thức bầu: Thấm kín, hoàn toàn mật. Từng đại biểu được gọi tên và đến phòng bỏ phiếu.

Đa số phiếu bắt buộc: Vòng đầu ứng viên nào đạt được 670 phiếu, được đắc cử với đa số phiếu bắt buộc.

Nếu không ai đạt được, sang vòng 2 cũng như thế thúc vòng đầu.

Nếu vòng 2, không ai đạt được đa số phiếu (670) bắt buộc, qua vòng 3, ai đạt được nhiều phiếu nhất sẽ được đắc cử như kỳ bầu Tổng Thống Herzog năm 1994.

Hai đảng SPD+Grünen có 661 phiếu, chỉ cần có 9 phiếu nữa do các đảng khác bầu (thí dụ như FDP hay PDS) thì ông Rau thắng cử ngay vòng đầu. Còn CDU+CSU và FDP thì phải cần đến 67 phiếu của các đảng khác bầu thì bà Schipanski mới thắng, nhưng khó hy vọng. Còn riêng bà Uta Ranke-Heineman thì kể như ứng cử viên lót đường.

★ Kết quả

- Vòng đầu không có ứng viên nào đạt được đa số phiếu bắt buộc.

- Sang vòng 2, đúng 16 giờ 16, Chủ tịch Quốc Hội Liên Bang, ông Wolfgang Thierse (SPD), tuyên bố ông Johannes Rau được đắc cử với số phiếu tối đa 690. Còn bà Dagmar Schipanski được 572 phiếu.

Ông Rau sẽ nhậm chức vào ngày 01.6.1999. Vị Tổng Thống thứ 8 của Cộng Hòa Liên Bang Đức.

Thay mặt Ban Biên Tập báo Viên Giác, chúng tôi xin chân thành chúc ông J. Rau, vị Tổng Thống của tất cả mọi người; người Đức và người ngoại quốc sống và làm việc tại Đức, được nhiều sức khỏe, an lạc, hoàn thành nhiệm vụ một cách tốt đẹp.



Tân Tổng Thống Johannes Rau và phu nhân, bà Christina Rau, đang tuổi cười nhìn về tương lai một nước Đức dân chủ, phần vinh thịnh vượng.

★ Ty nạn

Giống hiếu học - Báo Frankfurt Rundschau ngày 23.4.99, có đăng tin một cô bé Việt Nam 17 tuổi, tên Trần Ngọc Hạnh, ở tại Hofheim-Wallau, đang học tại trường Trung học Elly-Heuss-Gymnasium đã thu phục được cảm tình của cả trường, làm cho 1200 học sinh và thầy cô đứng ra xin cho cả gia đình em gồm cha mẹ và 2 anh em khác được ở lại Đức.

Gia đình em sang Đức từ năm 1991, xin ty nạn nhưng bị bác đón và chỉ chờ ngày bị trục xuất, mặc dù cha em có việc làm đủ nuôi gia đình từ 7 năm nay và không là gánh nặng cho xã hội Đức.

Ngày đến Đức, em Hạnh không biết một chữ Đức, nay em viết được hai bài kiểm nhất lớp về tiếng Đức. Em đại diện học sinh cho biết rằng trước kia khi em Hạnh vào trường, học sinh lớp em thường hay trêu chọc em. Những tình trạng này nay không còn nữa nhờ ảnh hưởng hội nhập của em. Cả trường đều nhất trí rằng em Hạnh đã hội nhập tuyệt vời sau 8 năm sống ở Đức, có khả năng về xã hội cao và nhất là một trong những học sinh giỏi nhất trường.

Theo lời thầy cô nói là khi nào ông Thủ Tướng tiểu bang chấp nhận cho em Hạnh được ở lại Đức, ông mới chứng minh được rằng ông tôn trọng những lời tuyên bố khi ra tranh cử là tạo cơ hội cho những thanh niên ngoại kiều nào muốn hội nhập. Từ khi biết vụ em Hạnh bị đuổi về nước, học sinh cả trường mới biết ảnh hưởng của Luật Ngoại Kiều đối với số phận của người tỵ nạn ra sao (Báo SHCD).

Lời Tòa Soan: Hoan hô tinh thần hiếu học và sự hội nhập tuyệt vời của em Hạnh. Sự hiếu học của em là tấm gương sáng để cho các em khác noi theo và nếu em nào cũng như em Hạnh thì về vang cho Cộng đồng người Việt mình biết bao!

● VIỆT NAM

Tham nhũng ở Việt Nam hiện nay được coi như là quốc nạn. Những chuyện tham nhũng từ một vài trăm ngàn đô-la, đến năm bảy trăm triệu đô-la đã được các báo ở thành Hồ và Hà Nội đăng dài lê thê như chuyện ngàn lẻ một đêm, viết hoài không hết... Tham nhũng cản ngăn sự phát triển, làm băng hoại xã hội... và cuối cùng là tạo ra một giai cấp mới, giai cấp tư bản đồ chỉ biết bóc lột dân còn tệ hại hơn thời kỳ thuộc địa hay bảo hộ.

Câu hỏi được nêu lên là: Tại sao có tham nhũng?

Chẳng cần phải động não, bất cứ người Việt nào cũng trả lời ngay là: Tại vì Độc Tài - Đảng Trị.

Con người ai cũng có lòng tham, vì Tham, Sân, Si là ba chủng bệnh căn bản của con người. Máu con người còn đỏ, lòng con người còn tham, mà nhất là khi con người đó nắm được chính quyền trong tay thì lòng tham lại càng nổi lên dữ dội, nó trấn áp tất cả các lý tưởng cao đẹp mà con người đó có từ lúc đầu. Điển hình là những cấp lãnh đạo CSVN.

Ở Việt Nam, Đảng và Nhà Nước chỉ có một, có nghĩa là Hành Pháp, Lập Pháp và Tư Pháp đều nằm dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đảng gọi phải dạ; bảo phải vâng! Đảng muốn làm cái gì thì làm, không có một cơ quan nào có đủ thẩm quyền để ngăn cản được. Do đó mới có tệ nạn tham nhũng, hối mại quyền thế. Nếu có ai mạnh dạn can ngăn thì bị khép cho cái tội quái gở là "Phản Động".

Để tránh tình trạng này, điều tiên quyết là phải có **Đổi Lập**. Đối Lập không có nghĩa là để tiêu diệt nhà cầm quyền, Đối Lập là để giám sát, theo dõi việc làm sai trái của Nhà cầm quyền hầu kịp thời ngăn chặn. Chỉ có

đối lập thật sự mới diệt được độc tài, đảng trị. Còn không thì nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN nói riêng hay đất nước Việt Nam nói chung không bao giờ trở thành con Cọp Con cái Đây là câu trả lời cho ông Lê Đăng Doanh, đại diện Nhà cầm quyền CSVN thuyết trình tại Nhà Văn Hóa Thế Giới ở Berlin ngày 26.3.99 về đề tài: *Việt Nam trên con đường kinh tế thị trường theo định hướng XHCN có trở thành con Cọp Con không?*

Sau đây vài mẫu chuyện trích lại trong tờ Thời Báo Kinh Tế Sài Gòn tháng 3/99.

★ Đề nghị một Sân Chơi Bình Đẳng

Ông Phạm Thế Vinh, Giám đốc Công ty Tư vấn và Kiểm toán, viết: Nhà nước cần tạo một Sân Chơi Bình Đẳng cho các doanh nghiệp có hình thức sở hữu khác nhau trong cơ chế kinh tế thị trường. Doanh nghiệp cần được quyền tự do kinh doanh những gì mà luật pháp không cấm thay vì chỉ được thực hiện những gì mà doanh nghiệp xin và Nhà nước cho phép. Để thực hiện được điều này Nhà nước cần liệt kê những điều cấm trong từng lãnh vực kinh doanh

Trong một đoạn khác ông viết: Theo chỉ thị 16/1998 TTg của Thủ Tướng Chính Phủ "... Cấm cơ quan công quyền lập tổ chức kinh doanh dịch vụ về thủ tục và nội dung thuộc những lãnh vực mà cơ quan đó có thẩm quyền giải quyết". Chẳng hạn như: mới đây, thành phố HCM thành lập Trung Tâm Kiểm định Bản đồ và Tư vấn Địa ốc trực thuộc Sở Địa Chính - Nhà đất. Phòng công chứng nhận bản dịch, vừa thu phí nhà nước khi chúng nhận bản dịch, vừa thu dịch phí do chính mình dịch thuật. Như vậy chẳng khác nào "vừa đá bóng, vừa thổi còi", tạo ra sân chơi riêng, bất bình đẳng.

Lời Tòa Soan: Nếu Nhà nước có một "Sân Chơi Bình Đẳng" thì còn đâu thủ tục Đầu Tiên và không còn ai muốn vào đảng nữa. Mà hể không còn ai muốn vào đảng nữa thì đảng sẽ đi doang! Do đó thủ tục "Đầu Tiên" là cái cần câu để câu những tân đảng viên vậy, khỏi phải thắc mắc! Còn cái "Sân Chơi" mà ông Vinh đề nghị sẽ không bao giờ Bình Đẳng khi mà Đảng và Nhà nước tuy hai nhưng chỉ là một.

★ Quản lý hành chính dính quản lý kinh doanh

Việc tách quản lý hành chính ra khỏi quản lý kinh doanh, trả quyền tự chủ cho các doanh nghiệp được Nhà nước nói nhiều nhưng thực hiện chẳng được bao nhiêu vì còn kẹt hai chữ "Đầu Tiên". Do đó nổi lên hai vấn đề:

1. Sự điều hành kinh tế của Nhà nước thông qua luật pháp thiếu hiệu lực do bộ máy quản lý qua nhiều tầng, nhiều cấp. Các doanh nghiệp qua các tầng cán bộ với sự lý giải luật pháp khác nhau, theo cơ chế "Xin và Cho"

2. Với các tầng chủ quản khác nhau, quản lý hành chánh đi sâu vào quản lý kinh doanh, quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp bị giới hạn trước sự biến động của

kinh tế thị trường. Sự rủi ro trong kinh doanh vô cùng lớn, có thể bị phá sản. Điều này đẩy các nhà doanh nghiệp vào ba trạng thái hoạt động như sau:

a/ Cấu kết với cán bộ quản lý trong các ngành liên quan vượt qua cơ chế "Xin Cho" lách khỏi những ràng buộc của luật pháp, giành lấy ưu tiên để trục lợi cho doanh nghiệp nên tạo ra tham nhũng, phạm pháp.

b/- Giành lấy một phần chủ động kinh doanh thông qua khai báo không đầy đủ đối với các cơ quan quản lý, tạo ra trạng thái hoạt động không hợp pháp vì phạm luật pháp đối với từng vụ việc.

c/- Không đặt kế hoạch hoạt động dài hạn, chỉ kinh doanh đoản kỳ, từng vụ việc, với các hình thức khác nhau, đội lốt dưới các pháp nhân khác nhau theo chiến thuật "đánh nhanh, rút gọn" v.v...

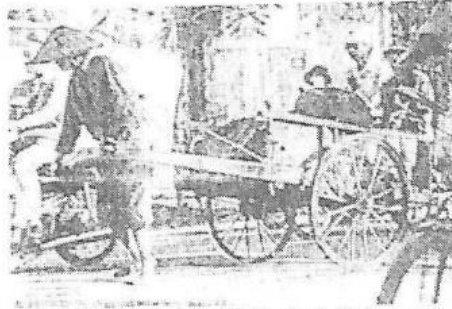
Vậy Việt kiều nào muốn bỏ vốn kinh doanh tại Việt Nam thì phải nhớ rõ ba trạng thái này để khỏi bị trắng tay và vào tù như trường hợp anh Trịnh Vĩnh Bình được đăng trong Viên Giác số 109.

★ Ăn lương dân - Phục vụ đảng

Theo số liệu của Vụ Biên Chế và Chính sách tiền lương - Ban Tổ Chức - Cán bộ chính phủ, hiện nay cả nước có khoảng 6,8 triệu người trực tiếp ăn lương từ Ngân sách Nhà nước (do tiền dân đóng thuế).

Trong đó có khoảng 2,5 triệu người đang là công chức, viên chức nhà nước (công chức, viên chức theo pháp lệnh về công chức nhà nước mới ban hành) bao gồm các công chức thuộc các cơ quan Lập pháp, Hành pháp và Tư pháp, các cơ quan đảng, đoàn thể, quân đội... khoảng 1,8 triệu người thuộc diện hưởng Lương hưu trí, và 2,5 triệu người thuộc các đối tượng khác.

Cơ quan đáng đủ không nằm trong chánh quyền cũng lãnh lương nhà nước, trường hợp này có lẽ chỉ xảy ra ở những nước Cộng Sản mà thôi!



Sozialismus und Marktwirtschaft. Vietnam auf dem Weg zu einem "sozialistischen Tigerbaby?"

Ba tấm hình này tự nói lên đầy đủ hậu quả của 10 năm kinh tế thị trường theo định hướng XHCN. Vậy nó có trở thành con Cọp Con không? Hãy để các kinh tế gia XHCN trả lời. ●

BẢN TIN ĐẶC BIỆT

HÌNH NỘM HỒ CHÍ MINH BỊ TREO CỔ TẠI KHU LITTLE-SAIGON, L.A. HOA KỲ

Giữa trưa ngày 23.2.99, người viết bài này cùng với 3 người bạn có mặt trước tiệm Hitek của Trần Văn Trường ở đường Bolsa, khu Little Saigon - được gọi là thủ đô Người Việt Nam Tỵ Nạn Cộng Sản - thuộc thành phố Westminster (Los Angeles) Tiểu bang California để tham dự và nhập cuộc biểu dương tưởng kỳ tinh thần chống Cộng cao độ của đồng bào Việt Nam định cư trong vùng.

Theo tin tức tổng hợp từ dư luận báo chí và các cơ quan truyền thông tại Mỹ, thì cách đây hơn năm tuần lễ, một người Việt Nam mang quốc tịch Mỹ tên là Trần-Trường, 37 tuổi, sinh quán Sa Đéc, có vợ (tên Kim Khanh) hai con, đột nhiên đem cờ Việt Cộng và hình Hồ Chí Minh treo trước cửa tiệm Hitek của y và thách thức Cộng đồng Người Việt Tỵ Nạn Cộng Sản trong vùng, làm cho Cộng đồng này phẫn nộ, xuất phát cuộc biểu tình phản kháng với khoảng từ 20.000 đến 50.000 người (theo báo Việt) hoặc 10.000 (theo báo chí Mỹ) vào đúng đêm mùng 7 Tết Kỷ Mão, tiếp theo đó, cuộc biểu dương hiện vẫn còn đang tiến hành.

Trong biến cố này, nhà chức trách sở tại và Tòa án Westminster đã can thiệp, chiếu theo Tu chính án số 1 Hiến Pháp Hoa Kỳ, họ bảo vệ cho quyền tự do tư tưởng của mọi công dân, trong đó có Trần Trường. Nhưng đối lại, nhà chức trách trật tự an ninh công cộng cho rằng Trần Trường đã lạm dụng quyền tự do pháp định để gây rối loạn cho địa phương, cần triệt hạ. Tin sau cùng thì Tòa án Westminster sẽ mở phiên Tòa vào ngày 13.3.99 để phân xét nội vụ vấn đề.

Trong khi chờ đợi, lực lượng chống đối dưới sự chỉ đạo của Ủy Ban Bảo Vệ Chính Nghĩa Quốc Gia đã đóng chốt thường trực và biểu dương khí thế quyết liệt chống Cộng ngay trước cửa tiệm Hitek của Trường. Các Cộng đồng Việt Nam Tỵ Nạn khắp nơi đều xuống đường yểm trợ, đặc biệt mới đây là cuộc

biểu tình ngay trước cơ quan Lãnh sự của Cộng Sản Hà Nội tại San Francisco, với sự tham dự có 10.000 người, theo tin tức báo chí Việt.

Trước tình hình sôi động này, người viết bài tưởng thuật có riêng nhận xét:

Qua hầu hết báo chí, dư luận Mỹ, Việt, thì Trường chỉ là người tầm thường, ít học, vô danh, từng có những cử chỉ hành động bất thường, từng bị Tòa án phạt tù 20 ngày - cùng với án treo - treo một năm - về tội đánh vợ. Y bắt đầu tôn thờ Hồ Chí Minh sau chuyến du lịch Việt Nam trong năm rồi. Khi trở qua Mỹ, vợ chồng y lập bàn thờ trong nhà, thờ cúng hồn ma họ Hồ. Sau đó, y đem hình Hồ và cờ máu của Việt Cộng treo trong cửa kính mặt tiền tiệm Hitek của y, làm ngứa mắt thiên hạ, dẫn đến sự phẫn nộ xuống đường của Cộng đồng Người Việt trong vùng. Hiện đang còn quá sớm để quả quyết rằng ai là kẻ đứng sau lưng xúi giục y, và y hành động với mục đích nào?

- Mặc dù Tòa án địa phương nhân danh bảo vệ tự do cho y, và cơ quan công lực có lúc cọ xát nặng tay với phía biểu tình, nhưng tình hình hiện thời rõ ràng đã phản ảnh ngược, khiến lợi thế về phía chính nghĩa Quốc Gia: Từ ngày Cộng Sản Hà Nội chiếm đóng Miền Nam Việt Nam cho đến nay, đây là lần đầu tiên hình nộm Hồ Chí Minh bị treo cổ tòng teng giữa chợ đường Bolsa trong suốt thời gian dài và liên tục trước ngưỡng mục quan chiêm thiên hạ. Tội ác đối với đồng bào, tội làm tay sai bán nước cho ngoại bang của Hồ, đang được ngày đêm phơi bày rì rả trên khắp tuyến truyền thông hiện đại. Trong tiềm thức của những người thường theo dõi thời cuộc đã thấy thoáng hiện những phiên Tòa Quốc Tế mà Cơ quan Liên Hiệp Quốc đang cố xúy chủ trương, sẽ xử trị những tên tội đồ của dân tộc, trong đó có Hồ và tập đoàn đồng bọn. Với những bản cáo trạng phơi bày nghiêm khắc chung quanh hình nộm bị treo, với khí thế bùng bùng của Cộng Đồng chống Cộng, và đặc biệt còn có vô số thùng rác trong khu phố kế cận tiệm Hitek của Trường đều mang tên Hồ Chí Minh bên hông hay trên nắp... Phải chăng Trường là tên châm ngòi báo hiệu thời kỳ diệt vong của Việt Cộng đang ló dạng, bắt đầu?

Lịch sử chống giặc cướp quê của dân tộc Việt Nam đang chứng nghiệm một điều: Khi cần phải đầu lúng để mưu đồ việc lớn, con dân Việt luôn luôn dẹp lại bất đồng, kết chặt vòng tay. Trong các Cộng đồng Việt Nam giờ đây dậy lên tinh thần đoàn kết, và khí thế của những người giờ cao lá cờ vàng chính nghĩa, đang nói lên niềm tin tất thắng. Lịch sử sẽ chuyển minh.

Trong thời gian còn lưu lại Mỹ, có tin gì sốt dẻo, người viết sẽ tiếp tục làm nhiệm vụ thông tin cho những tờ báo bạn xa xôi, điều kiện thiếu, tinh thần thừa.

Phưởng-Hà & Long Thanh
tưởng thuật

Diễn Đàn Dân Chủ

24 NĂM - NGÀY QUỐC HẬN

Ngày 01.5.99, dưới sự tổ chức của Liên Minh Việt Nam Tự Do, đồng bào Việt Nam từ mọi miền đất nước kéo về trước Sở quán Cộng Sản Việt Nam tại Bonn biểu tình đòi chính quyền CSVN phải giải thể, trả lại tự do, dân chủ cho nhân dân VN sau 24 năm ngậm ngùi đắng cay chịu đựng. Những khẩu hiệu, biểu tượng, cờ, tranh áp-phích đã được mang tới và giương lên. Những dòng chữ bằng hai thứ tiếng Việt-Đức "Tự Do, Dân Chủ, Đa Nguyên, Nhân Quyền cho Việt Nam", "Tự Do Ngôn Luận, Tự Do Báo Chí cho Việt Nam" trên các khẩu hiệu được giương cao đối mặt với Sở quán CSVN.

Đại diện của các Tổ Chức, Hội Đoàn, Báo chí đã nói lên tiếng nói của mình. Nội dung các bài phát biểu đều tập trung vào việc tố cáo chính quyền CSVN đã chà đạp lên những quyền tự do cơ bản của người dân và là một trong những nước mất nhân quyền nhất trên thế giới. Các bài phát biểu đã vạch trần bộ mặt thật của Đảng CSVN, họ chỉ đem lại đau thương, tang tóc, đói nghèo, bệnh tật cho dân tộc VN. Bởi vì những người lãnh đạo của Đảng CSVN bất cứ lúc nào, ở đâu cũng chỉ chăm lo vun vén cho quyền lợi của riêng họ. Các Tổ Chức, Hội Đoàn đã nêu lên việc cần thiết nhất trong lúc này là phải đoàn kết đấu tranh đòi hỏi nhà cầm quyền CSVN thực thi dân chủ. Xen kẽ với những lời phát biểu, hàng trăm người thét vang những khẩu hiệu, cùng nhịp cánh tay vung lên "Đả đảo chế độ độc tài CS", "Trả lại tự do, dân chủ cho nhân dân VN".

Một vài Hội Đoàn đã phỏng vấn nhanh một số người Đức cho biết cảm nghĩ khi chứng kiến cuộc biểu tình. Họ đều tỏ ra rất thông cảm cho sự mất tự do, thiếu dân chủ dẫn đến tình trạng nghèo nàn lạc hậu ở VN; có người đã đến VN và thấy tận mắt. Họ cho rằng đấu tranh đòi tự do, dân chủ, nhân quyền là điều chính đáng, họ còn đề nghị chúng ta phân phát nhiều hơn nữa các tài liệu bằng tiếng Đức về vi phạm nhân quyền ở Việt Nam.

Sở quán CSVN trong ngày "kỷ niệm" im lìm một cách li lợm như cách "tiếp đón" thường xuyên của họ đối với các đoàn biểu tình, các thỉnh nguyện thư...

Chiều cùng ngày cuộc đấu tranh của đồng bào Việt Nam tại Đức kết thúc. Mọi người chia tay ra về, hẹn một kỳ đấu tranh mới cho đến khi có được một nước Việt Nam thực sự Tự Do - Dân Chủ.

• Nguyễn Minh Tuyên .Ngày 01.5.1999

MẠU THÂN 68 (BỘ MẶT THẬT CỦA CỘNG SẢN VIỆT NAM)

Cứ mỗi độ Xuân về, trong tâm trí mọi người lại rộn lên biết bao xốn xang, tạo rức bằng khuông. Mùa Xuân đến đem theo hơi thở tràn đầy nhựa sống. Đã là người Việt Nam thì mỗi chúng ta không thể nào quên được cái không khí tập nập, hớp nhiều sắc thái, có đọng nhiều kỷ niệm hoài bão của mỗi năm đó. Tuy nhiên, mỗi lần Xuân đến chúng ta cũng không thể quên đi những mất mát to lớn mà dân tộc ta đã phải gánh chịu. Một phần ba thế kỷ trôi qua, dù thời gian có trôi phai, nhưng trong ký ức, vết thương trong tim chúng ta không thể quên được ngày 4.2.1968 đau thương và ô nhục cho dân Huế nói riêng và cho dân tộc Việt Nam nói chung do những người gọi là anh em cùng huyết thống, cùng một dân tộc gây ra.

Lợi dụng 36 giờ ngưng chiến, đứng vào lúc tiếng pháo đón giao thừa của dân tộc, Cộng Sản Hà Nội đã phát động cuộc xâm lăng Huế.

Sau 24 ngày chiếm cứ Huế và sau khi buộc phải rút chạy. Cộng Sản Hà Nội đã tàn sát, chôn sống hàng ngàn người dân lương thiện không có một tấc sắt trong tay. Những hố chôn người tập thể ở các thôn: Xuân Ổ, Xuân Lợi, Ba Làng, Lương Viện, Viễn Tinh và khu vực Khe Đá Mài. Phải chăng đây là cuộc tàn sát lớn nhất trong cuộc chiến tranh? Cuộc tàn sát ở Huế được dư luận thế giới hết sức chú ý, cho đến nay vẫn còn nhiều câu hỏi xung quanh sự kiện này: Cuộc tàn sát có mục đích gì? Qui mô của cuộc tàn sát đến đâu? Vài ngàn người hay nhiều hơn nữa bị thiệt mạng? v.v...

Lẽ ra trong vụ này công lý phải lên tiếng một cách công khai, rõ ràng vì liên quan đến mạng sống của hàng ngàn con người. Bất kể ai phạm tội đều phải xử lý đích đáng để sự kiện tương tự không được tái diễn. Tại sao tội ác man rợ của tập đoàn Cộng sản Thọ - Duẩn "kẻ chủ mưu" trong cuộc tàn sát này lại không đưa xét xử như tội phạm Đức Quốc Xã, hay bọn sát nhân Khmer Đỏ? Chế độ Cộng Sản Việt Nam phải chịu trách nhiệm lớn nhất trong cuộc thảm sát này. Tòa Án Quốc Tế cần phải điều tra đưa ra xét xử công minh để giảm bớt nỗi đau và những mất mát của những thân nhân người bị giết hại.

Sau khi cưỡng chiếm Miền Nam, "thống nhất" đất nước, chế độ Cộng Sản lâm vào hoàn cảnh khó khăn tột bậc, Cộng đồng Quốc tế tẩy chay, hình ảnh hàng triệu người liêu chết vượt biên, hay hàng chục ngàn người bị hải tặc cướp bóc hãm hại đã gây ra một luồng cảm chấn trong lương tâm nhân loại.

Cuộc xâm lăng Campuchia song song với chiến tranh biên giới Việt-Trung đã đẩy Việt Nam trở thành một trong những nước nghèo đói và lạc hậu nhất thế giới. Trước tình hình đó để bảo vệ những đặc quyền, đặc lợi, để giảm bớt bầu không khí ngột ngạt, oằn hờn trong dân chúng, buộc Cộng Sản phải cải tổ kinh tế. Sự cải tổ đã đem lại một số thay đổi trong xã hội, đời sống của dân tưởng chừng được cải thiện, nhưng thực tế đã tạo ra bộ việc ngăn cách giữa người dân và chế độ. Sự phân cấp trong xã hội ngày càng đậm nét, sự hình thành một giai cấp mới. Những tên "cường hào mới", những tên "tư bản đỏ" đó là những kẻ có chức quyền, làm ăn bất chính, hà hiếp dân lành và sự bần cùng hóa của tuyệt đại đa số nhân dân lao động, nạn tham nhũng lan tràn trở thành quốc nạn, những bất công tràn lan tạo ra sự căng thẳng cao độ trong xã hội. Hàng loạt các cuộc biểu tình đã xảy ra ở Thái Bình, Trà Cổ, Nam Định, Bắc Ninh... Đó là những dấu hiệu của một cuộc cách mạng khó tránh khỏi. Cùng với những bất ổn trong nước, cộng với sức ép của Cộng đồng Quốc tế và lực lượng dân chủ hải ngoại. Sự thay đổi nội các trong Quốc Hội khóa 10, những gương mặt "mốc", những bộ não lép kẹp già nua được thay vào những khuôn mặt mới, tưởng chừng sáng sủa hơn, nhưng thực ra cũng chỉ là "bình mồi rượu cũ" và nục cười lần đầu tiên trong lịch sử Đảng, tướng Lê Khả Phiêu làm Tổng Bí Thứ lãnh đạo đất nước, quân đội lên nắm chính quyền và vẫn luận điệu cũ "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng", điều đó chứng tỏ nền chính trị không được cải tổ.

Đảng Cộng Sản vẫn độc quyền trong mọi lĩnh vực bằng bit sự thật, vi phạm nhân quyền, đàn áp, bắt bớ, giam cầm những người có tư tưởng và chính kiến khác như Nghị Định 31/CP (14.4.97) "Có thể bắt bất cứ ai vào bất kỳ lúc nào..." Mỗi đây nhất để tiếp tay cho Nghị Định này, ngày 7.11.98 Thủ Tướng Phan Văn Khải đã ký thêm Nghị Định 89/CP, xây dựng 650 nhà tù, trong nước số nhà tù đã tăng 10% so với nhà tù cũ. Thật mỉa mai, trong khi đó tình trạng thiếu trường lớp, trẻ em lang thang bụi đời ở khắp mọi nơi. Nhất là ở vùng nông thôn

trẻ em không được cấp sách vở trường. Thường thay cho một đất nước "Nhà tù nhiều hơn trường học". Và để rồi "... Non sông Việt Nam có trở nên vẻ vang hay không, dân tộc Việt Nam có sánh vai các cường quốc năm châu được hay không. Chính là nhờ công học tập của các cháu..." - Lời Hồ Chí Minh.

Trước âm mưu xảo quyệt và hành động đê tiện, bỉ đĩ của Cộng Sản Việt Nam. Chúng ta những người dân Việt Nam dù ở trong hoàn cảnh nào, cương vị nào, ở trong nước cũng như ở hải ngoại hãy đoàn kết một lòng đứng lên đấu tranh xóa bỏ chế độ độc tài Cộng Sản Việt Nam. Tự do là khát vọng ngàn đời của dân tộc Việt Nam.

• Nguyễn Thế Quang (Garbsen)

VÀI NHẬN XÉT VỀ TÌNH TRẠNG ĐỔ VỖ ĐẠO LÝ TỬ SỰ VÔ LUẬT PHÁP

Một năm nữa lại trôi qua, đối với người Việt Nam Xuân Kỳ Mão có một ý nghĩa hết sức đặc biệt. Cũng vào năm Mão, cách đây 25 năm cả Việt Nam rơi vào vòng thống trị của Đảng Cộng Sản, và cũng vào năm Mão, năm 1975 mở đầu cho cuộc lưu vong của hàng triệu người Việt Nam. Nhìn lại năm qua, sau 10 năm "Đổi Mới", mà thực chất chỉ là sự hình thành bắt buộc một cách vội vàng nền kinh tế thị trường của phương Tây, trong môi trường chính trị không thay đổi, hồng đánh lừa dân chúng, duy trì ngai vàng cộng sản. Cái giá phải trả cho những mưu toan chính trị là một xã hội đổ vỡ về mọi mặt, tâm lý chán nản trong dân chúng, thanh niên bị quan về tương lai, tệ nạn phát triển, luân thường đạo lý bị chà đạp và lò lửa bức bối của tâm lý chỉ chờ cơ hội là bùng nổ. Nguy cơ đổ vỡ pháp lý đến vô đạo lý như thủ thuốc độc gặm nhắm hàng triệu tâm hồn Việt Nam.

Thế giới nhiều lần kêu ca, là ở Việt Nam thiếu một nền pháp lý đàng hoàng "vui lòng khách đến, vừa lòng khách đi". Chế độ chỉ "đổi mới" trên môi những người lãnh đạo, chủ không phải trong Hiến Pháp. Thực chất luật pháp ban hành tại Việt Nam không mang tính ổn định xã hội, mà chỉ là những biện pháp đối phó. Quốc Hội cơ quan tối cao cũng chỉ là sự dàn dựng của một nhóm cầm quyền có thế lực nhất. Đảng cộng sản như tên bạo chúa can thiệp thô bạo vào mọi việc tuyến ai, lựa ai, bỏ ai, thậm chí loại bỏ vĩnh viễn kẻ nào dám ngo ngoe lên tiếng, hay có ý kiến đối ngược. Luật pháp không được chính những người lãnh đạo tôn trọng, thì những kẻ a dua dưới quyền tha hồ mà phạm pháp cho bờ một thời làm "quan". Và chính những người ở ngôi vị cao nhất, hồ hào lớn cho một xã hội trong sạch lại là những kẻ coi thường pháp luật nhiều nhất. Một thế chế hỗn loạn, sẽ sinh ra bè phái, phe cánh, nên quyền lực dần dần bị một số đầu óc lũng đoạn rồi chia chác cho những kẻ ăn theo. Những ông "quan" nhỏ này hống hách của quyền, chà đạp dân lành thậm tệ. Sự khiếu nại của dân không có tác dụng, đón khiếu kiện chỉ như những lá thư vô chủ mà thôi. Tham nhũng, hối lộ trở thành quốc nạn xây dựng nên tầng lớp "Tư bản đỏ" sống trên sự khổ cực của dân chúng. Những kẻ thấp cổ bé họng biết kêu ai bên miếng cơm thừa canh cặn của giai cấp cầm quyền, sự bức bối trong dân chúng ngày một gia tăng biến thành căm giận, thù nghịch, mà tiêu biểu là hành động đấu tranh của nhân dân các tỉnh Thái Bình, Nghệ An, Đồng Nai... nổi dậy phá nhà các quan chức địa phương, ẩu đá với những cán bộ của quyền đòi hỏi sự công bằng xã hội. Khí pháp lý không còn, thì đạo lý cũng băng hoại, nền tảng đạo lý Á Đông ngàn đời bị chà đạp. Những người đứng quyền, con cháu của

họ và những kẻ theo đuôi có còn đạo lý gì không? Họ được mọi tầng lớp dân chúng trả lời: "đạo lý của họ là tiền". Những sai lầm trong chính sách mở cửa làm ăn với nước ngoài dẫn đến nguy cơ đổ vỡ, về xã hội sự lộn xộn của thể chế mà luật pháp không ổn định, kẻ có quyền "đục nước béo cò" chụp giẹt vớ cho đầy túi, lối sống mà mục đích chỉ là đồng "đô-la" hình thành tâm lý nhúc nhối trong xã hội gây ra bao tai họa trong thanh thiếu niên, xã hội trở nên trầm trọng trước nguy cơ đổ vỡ về đạo lý. Bản chất chủ thuyết cộng sản cũng là một trong nhiều nguyên nhân góp phần không nhỏ trong việc làm suy thoái nền đạo lý Việt Nam. Lịch sử đã chứng minh bằng những cuộc đấu tố đẫm máu thời kỳ 1950, khi con cái tố cáo cha mẹ, anh em tố nhau, bạn bè tố nhau vì sự trong sạch của một thế giới đại đồng. Bóp méo lịch sử, bóp méo sự thật. Bộ máy tuyên truyền của nhà nước cộng sản Việt Nam ra những luận điệu dối trá. Hăm hại người lương thiện, bủa bẫy tù đầy những ai công khai có ý kiến đối nghịch, tàn phá tôn giáo, giẫm đạp lên những truyền thống tốt đẹp, những giá trị cổ truyền. Thực tế cho thấy người dân Việt Nam ngày nay phải bó buộc sống trong hoàn cảnh khổ cực và đồng thời phải thích nghi với hiện trạng xã hội, dù rằng những bon chen kiếm miếng ăn không phù hợp với luân thường đạo lý ngàn đời.

Không có pháp lý, cũng không có đạo lý, xã hội đổ vỡ, sự băng hoại xã hội bắt đầu và đang trên con đường đi đến sự suy vong, điều đó khẳng định chế độ hiện nay không có khả năng ngăn cản nổi.

● **LÊ THÁI (SALZGITTER-BAD)**

VIỆT NAM TIẾP TỤC VI PHẠM NHÂN QUYỀN

Trong lúc số người Việt Nam sống ở hải ngoại đã và đang phát động qua nhiều phiên họp và biểu tình tranh đấu đòi nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam hãy tiếp tục trả tự do cho các tù nhân lương tâm còn lại, thì chưa được CSVN giải quyết đến, những nhà cầm quyền CSVN lại tiếp tục mở ra những cuộc đàn áp mới, để bắt những người đối kháng trong mấy tháng qua như:

- Nguyễn Thanh Giang, một trí thức nổi tiếng ở VN đã bị Hà Nội bắt giam. Theo nguồn tin từ trong nước và thân nhân của ông cho biết: Ông đã bị công an chặn bắt vào trưa ngày 04.3.1999, trong khi ông đi chuyển trên đường phố Hà Nội, và hiện nay gia đình của ông không biết ông bị giam giữ ở đâu và số phận ra sao?

Theo dự luận ở trong và ngoài nước được biết, qua nhiều bài viết có giá trị với những lời phê phán thẳng thắn của ông đối với Đảng và nhà nước CS, xoay quanh vấn đề độc tài, lạc hậu của CSVN, và ông đã nêu lên sự khát vọng ngàn đời phát triển của dân tộc VN đòi hỏi về Nhân quyền và Dân quyền. Vào tháng 3.1998 ông đã bị bắt một lần, trước sự phản đối quyết liệt của ông, sau đó ông được trả tự do. Mặc dù ông sống trong sự đe dọa thường trực của chế độ CS độc tài, những ông vẫn can đảm nói lên quan điểm của ông trước những vấn nạn của đất nước. Do đó CSVN cho rằng ông phản động.

- Tại miền Nam, ông Nguyễn Hữu Chánh và 3 người phụ tá là Trần Văn Phương, Trần Văn Tý và Bà Nguyễn Thị Huệ, bị bắt tại Cần Thơ vào 11 giờ ngày 22.4.1999. Theo nguồn tin của Lê Chí Thức, phát ngôn viên của Chính phủ Cách Mạng Việt Nam Tự Do cho biết, ông Nguyễn Hữu Chánh, Tổng Tư Lệnh Chiến dịch Hòa Bình, là một nhân vật lãnh đạo của Chính Phủ Cách Mạng Việt Nam Tự Do (CPCM/ VNTD)

đã trở lại Đồng Dương vào cuối tháng 01.1999 vừa qua, và đã bí mật xâm nhập VN để trực tiếp chỉ huy các kế hoạch đấu tranh trực diện với nhà cầm quyền CSVN. Chiến dịch này đã khởi phát từ tháng 8.1997, qua nhiều khóa huấn luyện chính trị quân sự được tổ chức bí mật ở nhiều địa điểm thuộc các khu vực dọc theo biên giới Đồng Dương. Theo tin cho biết, trong đêm 18 rạng 19.4.1999, các chiến sĩ rải truyền đơn ở Sài Gòn và một số tỉnh ở miền Trung và Nam Việt Nam, và cũng đã thả cờ Việt Nam Cộng Hòa bay lên những điểm có rải truyền đơn bằng những chùm bong bóng bay. Đây là một công tác đặc biệt mà ông Nguyễn Hữu Chánh đã quyết định thực hiện để giải thể dứt khoát chế độ độc tài của CSVN. Do đó CSVN đã theo dõi và bắt. Nguyên do vì chế độ CSVN đang cai trị đất nước hiện nay là một chế độ trắng trợn vi phạm Nhân quyền, bằng chứng trước đây CSVN đã đàn áp tôn giáo, bắt giam các nhà Sư qua nhiều lý do để cướp đoạt Chùa, mặc dù CSVN đã ký kết Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền, nhưng thực tế CSVN hoàn toàn không thi hành, và còn làm ngược lại, chúng tỏ rằng CSVN nói và làm khác nhau.

● **Thiện Ngọc Võ Thị Nga**

THỎ ĐẤU TRANH THỜI PHÁP THUỘC

● **Nguyễn Thị Thúy Loan**

Ngược dòng lịch sử văn học Việt Nam, thì ca ái quốc được thể hiện rõ ràng nhất trong những giai đoạn đất nước bị lệ thuộc ngoại bang. Cho đến nay những thi văn đối kháng trong các giai đoạn bị lệ thuộc người Tàu hoặc kháng chiến chống Tàu hầu hết bị thất lạc, ngoại trừ tập "Quần Trung tử mệnh" của Nguyễn Trãi viết dưới thời Lê Lợi chống quân Minh và một số thơ văn dưới triều Trần như bài Hịch Tướng Sĩ của Trần Hưng Đạo. Trái lại dưới thời Pháp thuộc thì ca ái quốc được phát triển mạnh mẽ hơn. Hầu hết các thi ca đó được thể hiện một cách tiêu cực, tuy nhiên cũng đủ thức tỉnh người dân và được truyền khắp nơi nơi, sưởi ấm lòng ái quốc đang âm ỉ tụt đáy tâm can người dân Việt.

Thực vậy, hồi đầu thế kỷ 20 nền đô hộ của Pháp tại nước ta được coi như đã vững chắc, nếu chỉ nhìn đoán qua các cơ cấu hành chính, quân sự, tể tướng khó có thể lay chuyển được. Nhưng đi sâu vào tinh thần thâm kín của người dân ta thấy ngọn lửa đấu tranh như cơn hồng hực, sôi sục trong khắp mọi tầng lớp nhân dân. Một trong những nhà thơ Nôm thời đó Tù Diễm Đồng có một giọng thơ trào lộng, kích thích lòng người nhất là giai cấp sĩ phu đấu tranh cho sự sống còn của dân tộc, chống lại ách thống trị của ngoại nhân như bài "Đêm tối" đã chứng minh điều đó:

*Đêm đêm mãi tối mò mò
Đêm đến bao giờ mới sáng cho
Con trẻ u ở chừng muốn dậy
Ông già thung thũng vẫn dăm họ
Ngọn đèn ngõ trộm khêu còn nhỏ
Tiếng chó khinh người vẫn cắn to!
Hàng xóm ai ơi đã tỉnh chưa?
Tinh rồi đánh thức gọi làng cho!*

Bài thơ Nôm trên đây được sáng tác cách đây khoảng 3 phần tư thế kỷ, nhưng lại rất thích hợp với hoàn cảnh đất nước ta hiện nay.

Nhìn lại cuộc đời đen tối của đồng bào ta sống dưới ách tàn bạo của chế độ Cộng sản có khác chế sống trong "đêm tối" mò mò, hầu hết đều tin tưởng vào giây phút ánh bình minh ló dạng. Trẻ già đều muốn nổi dậy lật đổ bạo quyền (câu 3 và 4). Tuy vậy họ vẫn phải thận trọng nung nấu để tránh sự lũng bắt của giặc.

Vì mạng lưới công an của chúng đang hoạt động ráo riết (câu 5 và 6). Cuối cùng tác giả khuyến khích cổ vũ những ai đã ý thức rõ bốn phận đối với dân với nước, hãy tuyên truyền, giải thích cho mọi người cùng làm, vì "Quốc gia hưng vong thất thu hữu trách". Nhiệm vụ đó phải chăng là nhiệm vụ của những bậc thức giả, cũng như của tất cả người dân Việt đang chất chứa hoài bão hồi hướng.

Cùng trong giai đoạn đó, phong trào Đông Du, Duy Tân, Đông Kinh Nghĩa Thực... nhất cử nhất động đều nhắc nhở người dân tham gia công cuộc chống thực dân Pháp.

Đây chúng ta lắng nghe lời cụ Dương Bá Trạc, một người trong nhóm Đông Kinh Nghĩa Thực, hưởng ứng Phong trào Duy Tân: Cắt tóc ngắn nhưng cụ không quên nói lên tấm lòng tha thiết đối với đất nước qua bài "Cắt tóc":

*Phen này cắt tóc đi tu
Tụng kinh độc lập ở chùa Duy Tân!
Đêm ngày khấn ái chuyên cần,
Câu cho ích quốc lợi dân môi là!
Tu sao mở chí dân nhà
Tu sao đó được nước ta phú cường!
Lòng thành thắp một tuần nhang,
Nam mô Phật Tổ Hồng Bàng chứng minh!
Tu hành một dạ đinh ninh,
Nắng mưa dầm quân công trình một, hai!
Chấp tay lay chín phương trời,
Lạy trời phú hộ cho người nước tôi!
Lóng tôi mong đứng mong ngồi,
Mong sao cho được giống nòi về vang!*

Đàn ông cắt tóc ngắn ở nước ta trong thời đó được coi như một chuyện lạ, coi như cắt tóc đi tu! Mà tu ở đâu! "Ở chùa Duy Tân", họ tụng kinh gì? Kinh Độc lập - Họ không ích kỷ, không "độc hành kỳ đạo, độc thiện kỳ thân" mà luôn luôn cầu nguyện cho được ích nước lợi dân; Họ tìm cách nhắc nhở mọi người phải ý thức rõ muốn chóng thành công trong việc chống ngoại xâm phải được sự hưởng ứng của toàn dân! Dân có hưởng ứng hay không còn tùy thuộc vào dân trí cao hay thấp... nên họ quyết "Tu sao mở trí dân nhà" và tu cốt để góp phần vào việc làm cho đất nước giàu mạnh. Tất cả mọi ý nghĩ như một lời thề thốt trước "Phật Tổ Hồng Bàng". Thơ đấu tranh chống cộng sản hiện nay nhan nhản trên các báo chí, tại sao lại phải lấy các bài thơ quá xa xưa? Sở dĩ tôi muốn nêu một vài bài tiêu biểu trong thời Pháp Thuộc, vì muốn nói lên cái chí khí đấu tranh của dân tộc Việt, đời nào cũng có, khi nào có áp bức, có bạo lực, là có đấu tranh, chủ cái chiêu bài giả tạo: Độc lập, Hoà bình... không thể làm yên lòng một dân tộc đã từng có nhiều phen bị áp bức, bị lửa đao bị ăn bánh vẽ.

Thơ vẫn là thủ võ khí vô cùng lợi hại trong mọi trận tuyến, nhất là trong giai đoạn cần thức tỉnh một số người nhẹ dạ, dễ nghe theo những kẻ thủ đẩy thủ đoạn lừa manh, thì loại "thơ đấu tranh" hẳn phải được những người có tâm huyết đối với sự sống còn của đất nước, của giống nòi không thể không quan tâm! ●



SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG

● MINH HIỀN phụ trách

Phần tin của số báo này, chúng tôi chỉ lược trích đăng tải những nội dung chính của các bản tin mà Tòa Soạn ghi nhận được. Với số lượng độc giả lớn, tin tức dần trải phản ánh về nhiều mặt. Do vậy, số trang báo dành cho chúng ta ngày càng trở nên hạn hẹp. Song chúng tôi cố gắng giữ gìn trọn vẹn phần nào nội dung, ý nghĩa của bản tin theo phương châm đã được đề ra trước đây. Mong bạn đọc vui lòng đón nhận trong sự hưởng ứng trên tinh thần hòa hợp và ... cộng đồng.

Thời gian qua Tin Tức được ghi nhận như sau:

● **BERLIN VÀ NHỮNG NGÀY THÁNG 3:** Hội Phật Tử VNTN tại Đức quốc đã chính thức thông báo tới các Chi Hội địa phương, tổ chức Ủy Ban GTPN về sự tham gia của Phái đoàn từ Việt Nam tới nhà Văn Hóa Thế Giới Berlin bao gồm nhiều thành viên của chế độ Cộng Sản, trong đó có cả một số thành viên Tôn giáo.

Trên tinh thần nắm bắt thông tin để hiểu rõ thêm mưu mô xảo quyệt về đường lối của chính thể độc tài, hàng trăm người bao gồm các Đạo Hữu lớn tuổi, tầng lớp trí thức trẻ, các anh chị em trong các tổ chức chính trị... đã tới nghe hưởng ứng kịp thời và có hiệu quả. Những cuộc đối thoại, chất vấn trực tiếp đã "dồn" các tuyên truyền viên cộng sản buộc phải phơi bày rõ bộ mặt thật của chế độ: đã man, tàn ác và lầy liếm sự thật.

Cùng thời gian này với sự tổ chức phối hợp giữa Liên Minh VNTD và một số Tổ Chức chính trị tại Đức, một cuộc biểu tình thu hút nhiều người đã diễn ra ngay tại trung tâm thành phố. Trong các mục tiêu tranh đấu, nổi bật lên là những biểu ngữ và hình ảnh đòi chính quyền CSVN phải trả tự do cho nhà trí thức yêu nước Nguyễn Thanh Giang.

● **NGÀY 1.5. TẠI BONN:** Như định kỳ hàng năm, để ghi nhớ sự kiện lịch sử của ngày 30.4 đau thương của Dân Tộc. Khi mà một chế độ độc tài đảng trị đã nắm quyền trái dài trên khắp mảnh đất Việt Nam thân thương. Nhiều đồng bào sinh sống lâu năm, cùng các Hội Đoàn chính trị tại Đức đã về tham gia biểu tình đấu tranh trước Sở Quán CSVN. Không khí đấu tranh nói lên những tấm lòng yêu quê hương thiết tha của những người con xa xứ.

● **ỦY BAN GTPN ĐỨC QUỐC (B.B.V.) :** Theo số bộ tổng kết từ đầu năm của Ban Chấp Hành, tổ chức đã có những hoạt động cụ thể sau đây:



Những thành viên trong Ủy Ban GTPN Đức Quốc (BBV) biểu tình đòi Tự Do Dân Chủ, Tự Do Tôn Giáo trước Sở Quán CSVN nhân ngày quốc hận 1.5.99.

- Ngày 27.3. cùng phối hợp tổ chức biểu tình với tổ chức Liên minh VNTN và một số hội đoàn khác tại trung tâm thành phố Berlin.

- Tại thành phố Peine, ngày 30.4 phối hợp cùng Hội Thanh Niên VN Ty Nạn làm bản thông tin và xin chữ ký. Ngày 1.5. tham gia biểu tình tại Bonn. Một bản Kiến Nghị Thư đã được BCH soạn thảo và gửi tới ban lãnh đạo Đảng CSVN thông qua Sở Quán, trong phần nội dung nhấn mạnh tới các yêu cầu: Đòi trả tự do cho ông Nguyễn Thanh Giang; Trả lại quyền tự do hoạt động và các tài sản của GHPGVNTN đã bị nhà cầm quyền tước đoạt; Trả tự do cho tất cả các tù nhân chính trị và lương tâm hiện còn bị giam giữ.

Vào ngày 1.5, thay mặt BCH anh Thiện Tín Dương Văn Mạnh, Trưởng Ban, đã gửi thư kêu gọi tới toàn thể Hội viên với những nội dung vừa nêu trên cũng như nhắc nhở đồng viên mọi người duy trì tốt những cam kết khi tham gia vào tổ chức, cũng như xây dựng và đóng góp ý kiến cho các kế hoạch đề ra trong thời gian tới. Vào ngày 31.5 tổ chức đã làm Bản Thông Tin ở Wolfsburg.

● **VIỆT NAM QUỐC DÂN ĐẢNG - Đại Hội Đại Biểu Đảng Viên Đảng Bộ Châu Âu kỳ 2, tại Miền Trung Đức Quốc.** Khai mạc vào lúc 8 giờ 30 ngày 1.5.1999. Các cấp bộ địa phương cũng như Ban Chấp Hành đương nhiệm của Đảng Bộ đã lần lượt báo cáo thành quả cũng những khó khăn đã gặp trong quá trình tranh đấu. Chương trình Đại Hội đã được tiếp nối với đề tài hội học: Trách nhiệm của người Đảng viên Quốc Dân Đảng trong giai đoạn khủng hoảng đảng, và cuộc bầu cử trách vụ Bí Thư Đảng Bộ Châu Âu nhiệm kỳ 1999-2003 với 133 Đại biểu bỏ phiếu kín, kết quả ông **Lê Trần** đã được 83% số phiếu bầu, đắc cử Tân Bí Thư Đảng Bộ Châu Âu - Việt Nam Quốc Dân Đảng. Đại Hội bế mạc vào ngày 2.5.1999.

● SINH HOẠT VĂN HÓA CỦA NGƯỜI VIỆT TY NẠN VÙNG RHEIN & MAIN

Hôm thứ bảy 08.5.99, theo thư mời của Ban Tổ Chức, khoảng 80 người đã đến tham dự buổi gặp mặt tại Einhausen, một thị trấn cách thành phố Frankfurt 60 km. Buổi sinh hoạt bắt đầu lúc 15 giờ với tiệc trà, gặp gỡ, trò chuyện. Sau đó là phần thuyết trình của Giáo sư Nguyễn Đăng Trúc về đề tài Tiếp Cận Tư Tưởng Việt Nam (Truyện Dựng Nước và Truyện Kiều). Giáo sư tốt nghiệp Tiến sĩ Triết học ở Pháp, nguyên Giáo sư Đại Học Minh Đức, Sài Gòn trước 1975; hiện tại chủ trường Trung Tâm Văn Hóa Nguyễn Trường Tộ, tập san Định Hướng ở Pháp, và là người tổ chức Đại Học Hà Âu Châu hằng năm.

Gần một tiếng đồng hồ, mọi người đã theo dõi chăm chú bài nói chuyện về các huyền thoại dựng nước và truyện Kiều với lối trình bày mạch lạc, hấp dẫn của Giáo sư. Sau đó phần thảo luận rất sôi nổi, với nhiều câu hỏi, đặc biệt từ các bạn trẻ quan tâm tìm hiểu về nguồn gốc, văn hóa dân tộc.

Đêm văn nghệ gồm nhiều tiết mục phong phú. Đặc biệt là phần trình tấu ví cầm của các em thiếu nhi, phần đọc cả hàng chục câu ca dao của cháu bé 4 tuổi, phần diễn ngâm Kiều của cụ già trên 75 tuổi.

Buổi sinh hoạt chấm dứt lúc 23 giờ. Mọi người chia tay nhau trong không khí thân tình, quyến luyến
(Lê Quang Thông).

● THÔNG CÁO VỀ TUẦN LỄ XÃ HỘI LẦN THỨ II THÁNG 8 NĂM 1999

Chủ đề: "Nhân quyền: Điểm hẹn văn minh cho Việt Nam bước vào thế kỷ 21"

Trung Tâm Văn Hóa Nguyễn Trường Tộ, các Tổ chức Nhân quyền Việt Nam Hải Ngoại, các Đoàn thể Đạo - Đời cùng nhau thực hiện một cuộc Hội Luận về Nhân Quyền với chủ đề trên.

1. **Chương trình:** gồm hai bài thuyết trình, ba buổi tham luận và hội thảo, các sinh hoạt, gặp gỡ, văn nghệ, đặc biệt là thảo luận và biểu quyết sử điệp chung cổ võ Nhân quyền cho Việt Nam.

- Nhân quyền ngày nay trong khung cảnh sinh hoạt của nhân loại.
- Nhân quyền: Tiến trình ý thức và cổ võ nhân quyền trong lịch sử.
- Nhân quyền trong Học thuyết Xã Hội Công Giáo.
- Nhân quyền trong tư tưởng Phật Giáo.
- Nhân quyền trong tư tưởng và truyền thống Việt Nam

- **Cổ võ Nhân quyền trong hoàn cảnh lịch sử Việt Nam hiện nay**

2. **Địa điểm:** Maison de l'Asnée. 11 rue de Laxou - 54600 Villers Lès Nancy, Pháp quốc.

3. **Thời gian:** Từ chiều thứ năm, ngày 05.8.1999 đến sáng chủ nhật, ngày 08.8.1999.

4. **Chi phí ăn & ở:** 100 E hoặc 110 Mỹ kim - Áp dụng cho tất cả mọi người tham dự.

5. **Ghi danh:** Xin liên lạc với Trung Tâm Nguyễn Trường Tộ, 13G, rue l'III, 67116 Reichstett - France. Điện thoại (Tél): 0033.388.20 58 22.

6. **Tại Đức:** xin ghi danh và đóng tiền với: Phạm Hồng Lam, Blériotstr.38 - 86159 Augsburg. Muốn đi chung xe xin liên lạc ông Bùi Văn Tân, Herzogstandstr.8 - 90471 Nürnberg, Tel. 0911/8148754. Ghi danh và đóng tiền đến 30.6.99.

● TÂN BAN CHẤP HÀNH LIÊN ĐOÀN CÔNG GIÁO VIỆT NAM TẠI ĐỨC, NHIỆM KỲ 1999-2001 :

- Chủ Tịch : Ông Nguyễn Văn Sĩ (tái đắc cử nhiệm kỳ 4)
- Phó Chủ Tịch Nội Vụ : Ông Đình Kim Tân
- Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ : Bà Hoàng Quốc Thái
- Tổng Thư Ký : Ông Huỳnh Thoàng
- Thủ Quỹ : Ông Trần Quang Trung.

THÔNG BÁO

ĐẠI HỘI CAP ANAMUR KỶ NIỆM 20 NĂM THÀNH LẬP NGÀY 07 THÁNG 8 NĂM 1999 TẠI TROISDORF

Mến gửi các bạn người Việt Nam,

Cách đây 20 năm, khi làn sóng người Việt bỏ nước ra đi tìm tự do trên những con thuyền mong manh, bất chấp biển cả hãi hùng và bọn hải tặc dã man ngoài biển Đông trước những bờ mặc của thế giới, thì Ủy Ban CAP ANAMUR đã được ra đời kịp thời do những thôi thúc cấp bách của lương tâm con người - với tình thần nhân đạo làm căn bản - để tìm cách cứu vớt những người đang ngập lặn trong cảnh thập tử nhất sinh ngoài biển cả. Từ năm 1979 đến 1987, hơn 30.000 người Việt đã được cứu sống và được giúp đỡ trong các trại tỵ nạn vùng Đông Nam Á qua 5 con tàu CAP ANAMUR với 38 chuyến hải hành và hàng ngàn người Việt đã được sẵn sóc y tế trong nước.

Từ đó, Ủy Ban CAP ANAMUR vẫn không thay đổi mục đích và chủ trương của mình, vì thế ngày càng được thế giới chú ý và ủng hộ, để có cơ hội hoạt động nhân đạo không ngừng trên gần 30 quốc gia, nơi có những con người vô tội phải gánh chịu cảnh đói khổ, hoạn nạn chết chóc do thiên tai, do chiến tranh... và hiện nay với trọng điểm tại Bắc Hàn và Kosovo.

Năm nay, Ủy Ban CAP ANAMUR sẽ đặc biệt tổ chức Đại Hội kỷ niệm 20 năm thành lập vào ngày 07 tháng 8 năm 1999 tại Troisdorf, với sự tham dự của các chính trị gia đại diện các đảng phái, đại diện chính quyền cũ và mới, đại diện các cơ quan truyền thông thế giới, các tổ chức nhân đạo bạn, các nhân sĩ người Đức, đại diện các quốc gia nơi Ủy Ban đã và đang hoạt động.

Thứ mời tham dự với chương trình chi tiết sẽ được gửi đến các bạn trong ngày gần đây. Để tiện việc cập nhật hóa địa chỉ, xin các bạn liên lạc với Ủy Ban CAP ANAMUR, để chúng tôi gửi thư mời đến tận tay các bạn:

KOMITEEE CAP ANAMUR

Pezolddam 14/c. 22175 Hamburg. Tel & Fax: 040-645 4656

Email: Thomas.capng@T-online.de

TM. Ủy Ban CAP ANAMUR Nguyễn Hữu Huấn

THÔNG BÁO

ĐẠI HỘI THỂ THAO VIỆT NAM ÂU CHÂU KỶ THỨ 34

Theo thông báo của Đại Hội Việt Nam - Âu Châu, Tổ Chức Sinh Hoạt Người Việt Tỵ Nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức năm nay 1999 sẽ đứng ra tổ chức Đại Hội Thể Thao Việt Nam Âu Châu kỷ thứ 34.

Thời gian tổ chức: 24 tháng 7 năm 1999 đến 31 tháng 7 năm 1999 tại Bremen Blumenthal

Mọi chi tiết tham dự xin liên lạc với TCSH c/o Phạm Công Hoàng Arsterdam 32. 28277 Bremen. Tel & Fax: 0049 - (0421) - 87 65 11 E-Mail: ZDIENHONG@AOL.com hoặc: OAVDHPCC@AOL.Com

● SCHUTZGEMEINESCHAFT FÜR MENSCHENRECHTE, HUMANITAET UND TOLERENZ

Heinz Kamm

Ackerstr.10 . 90443 Nürnberg. Tel. : 0911428799.

Fax : 0911 4180489

Email : Heinz.Kamm@t.online.de

<http://www.schutzgemeinschaft.de>

**NGƯỜI VIỆT PHÒNG VẤN
DÂN BIỂU LORETTA SANCHEZ:**

CỘNG SẢN CÓ THỂ LÀM CHẬM NHƯNG KHÔNG THỂ NGĂN CẢN TRÀO LƯU ĐÒI TỰ DO Ở VIỆT NAM

*** Ca ngợi Hồng Y Phạm Đình Tụng và Hòa Thượng Quảng Độ.**

QUẬN CAM 4-7 (NV).- Trong một cuộc phỏng vấn dành cho nhật báo Người Việt, bà Loretta Sanchez Dân biểu Dân chủ tại Quận Cam vừa đi thăm Việt Nam về, nhận xét là có hai lối sống khác biệt hẳn giữa thủ đô Hà Nội và thành phố Sài Gòn lớn và sầm uất nhất nước. Điều này thể hiện trong các lãnh vực chính trị cũng như cách cư xử hàng ngày, ngay cả với nhân viên ngoại giao Mỹ.

Tại Hà Nội, trong bất cứ cuộc tiếp xúc nào, các viên chức CSVN cũng kè kè theo bà để sẵn sàng can thiệp nếu có biến cố gì xảy ra hoặc để nghe lỏm các cuộc chuyện trò. Nhưng khi vào đến Sài Gòn, bà Sanchez cho hay bà thấy một cách cư xử khác hẳn và một đời sống khác hẳn. Không những các nhà tu, các người đối lập không có vẻ gì sợ hãi nhà nước, mà ngay cả viên chức ngoại giao Mỹ ở Sài Gòn cũng có thái độ thoải mái, tự nhiên, khác hẳn thái độ dè dặt ở Hà Nội. Tại Sài Gòn, khi các Dân biểu Mỹ trong phái đoàn hỏi có cần thông báo về lộ trình của họ cho chính quyền Việt Nam biết hay không, viên chức Mỹ thấp thung đã nhún vai nói "Nếu họ không hỏi thì đâu cần nói?" Trong khi đó tại Hà Nội, mỗi mỗi hành động đều phải báo trước.

Trong cuộc tiếp xúc với Hồng Y Phạm Đình Tụng ở Hà Nội, với sự hiện diện của các viên chức Cộng Sản, ngài rất dè dặt trong lời nói. Bà nói Hồng Y tỏ ý không muốn nói về các vấn đề có tính cách chính trị. Tuy nhiên, ngài không vì thế mà không nói thẳng đến tình trạng thiếu tự do thông tin và tôn giáo. Hai điều đã được Đức Hồng Y nêu ra, thủ nhất là chính quyền đã cấm các họ đạo không được phát hành các bản tin để thông báo đến giáo dân các việc mục vụ trong tuần hay trong tháng, dù rằng Hiến Pháp lúc nào cũng được viện dẫn ra để nói VN có tự do báo chí cũng như tự do tôn giáo. Điều thứ hai là chính quyền cộng sản đã ngăn cản không cho mọi người đi tu, không cho phong nhậm các tu sĩ đã tu tập đầy đủ. Nhờ những tin tức đó, bà Sanchez có thể kết luận rằng Cộng Sản ngăn cản tự do thông tin và tôn giáo.

Theo lời bà Sanchez, công an không hiện diện trong bữa cơm Đức Tổng Giám mục Huỳnh Văn Nghi, Tổng Giám Mục địa phận Sài Gòn, thiết đãi phái đoàn Mỹ, cũng như trong cuộc gặp gỡ của bà với Hòa Thượng Thích Quảng Độ.

Điều này tạo cho bà sự ngạc nhiên nhưng có thể vì bà không hiểu bên cạnh Đức Cha Nghi và Hòa thượng Quảng Độ luôn có các người của chính phủ thường xuyên kiểm soát và kiểm chế, có thể chính là người pha trà hay bưng thức ăn.

Bà Sanchez nhận xét Hòa Thượng Quảng Độ có đôi chút e ngại nếu có nói điều gì có thể tiết lộ về hoạt động của các Phật tử, có thể tạo cơ hội cho nhà nước khủng bố Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, trong khi đó ngài tỏ ra không hề lo sợ cho sự an nguy của chính mình. Ngài nói, "Bà nghe tôi nói gì cứ thuật lại hết cho mọi người nghe. Tôi không sợ gì cả vì không còn gì nữa để phải sợ!". Hòa Thượng kêu gọi Dân biểu Sanchez hãy tiếp tục tranh đấu tích cực hơn nữa cho nhân quyền Việt Nam, trước khi bàn đến mở mang việc giao thương.

Hòa Thượng Quảng Độ nói với bà rằng nhân quyền ở Việt Nam phải tranh đấu mới có chứ không phải tự nhiên mà được hưởng. Bà Sanchez cũng cho hay Hòa Thượng Quảng Độ thần thái rất an nhiên, khỏe mạnh. Ngài nói chuyện linh hoạt và có vẻ rất phấn khởi. Ngài cũng có kể cho bà nghe chuyến đi miền Trung vừa qua đã bị viên chức nhà nước chen vào phá đám ra sao, chủng tộc Việt Nam không có tự do đi lại, cũng như tự do hội họp, tất nhiên không có tự do tôn giáo. Dân biểu Sanchez được nghe Hòa Thượng Quảng Độ kể lại các mưu kế để ngài tránh thoát được vòng vây an ninh của Cộng Sản vẫn đặt quanh chùa Thanh Minh, nhờ thế thực hiện chuyến đi miền Trung vừa qua. Theo bà, cuộc nói chuyện một giờ đó là câu chuyện thích thú nhất trong chuyến đi này. Theo lời bà Sanchez, bà nhìn thấy xã hội miền Nam có vẻ sung túc và tự do hơn ở miền Bắc. Hoạt động kinh tế phồn thịnh và nhà cầm quyền CSVN không thể chặn đứng hay đi ngược lại dòng nước. Bà nói họ chỉ có thể kim hãm, cản trở lại sự tiến bộ một thời gian.

Theo sự nhận định của bà dân biểu Sanchez, tình trạng nhân quyền tại Việt Nam chỉ có thể được cải thiện khi có được tự do báo chí. Một viên chức Cộng Sản khoe với bà con số 400 tờ báo đủ loại để chứng minh sự tự do và phong phú trong lãnh vực thông tin đại chúng. Tuy nhiên ông này đã ấp úng thú nhận tất cả đều là báo đảng, báo nhà nước dùng để loan tin một chiều. Cũng như người Việt Nam trong nước không được phép tự do lập hội hay tự họp và nhà nước chỉ công nhận và cho phép các tổ chức quần chúng hay tôn giáo do nhà cầm quyền dựng lên để sai khiến khi có việc dùng đến. Bà Sanchez được viên chức cao cấp Bộ Ngoại Giao CSVN cho hay họ chỉ chấp nhận một tổ chức tôn giáo do chính phủ điều động khi bà đề cập tới vấn đề tự do tôn giáo.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

● Mùa An Cự Kiết Hạ năm 1998 vừa qua, Thượng Tọa Thích Như Điển đã hoàn thành tác phẩm thứ 26 nhan đề là "**Sống và Chết theo quan niệm của Phật Giáo**". Sách nay đã được in xong, gồm hai thứ tiếng Việt và Đức. Sách dày 350 trang. Đây là một quyển sách quý; nên tìm hiểu về những vấn đề liên quan đến cuộc sống của chính mình; không những chỉ cho người Việt, mà còn cho cả người Đức nữa.

Bìa in 4 màu và nội dung sách phong phú. Tuy sách được sự tài trợ của Bộ Nội Vụ Cộng Hòa Liên Bang Đức để xuất bản; nhưng cũng xin ủng hộ tiền tem thư và phụ phí bưu điện. Quý vị nào muốn có sách xin gửi Mười Đốc Mã về Chùa Viên Giác Hannover và Chùa sẽ gửi sách đến quý vị.

● Giáo Sư VŨ KỶ là một học giả lão thành của Việt Nam chúng ta, hiện cư ngụ tại Bỉ. Vừa qua Giáo Sư đã tái bản lần thứ năm quyển "**Nghệ Thuật Viết Văn và Đọc Văn**" tại Hoa Kỳ do nhà xuất bản Nguồn Sống của Hòa Thượng Thích Giác Lượng tại San Jose tài trợ. Đây là một cuốn sách rất có giá trị về Văn Học và Nghệ Thuật trao dồi viết lách bằng tiếng Việt. Nội dung phong phú, rõ ràng. Giáo Sư đã trích dẫn và bình chú những bài thơ, đoàn văn hay nhất của Văn Học Việt Nam cũng như thế giới để cống hiến quý độc giả xa gần.

Sách dày 800 trang, in bìa cứng mạ vàng rất có giá trị. Giá thành của sách kể cả cước phí là Bảy Mười Bảy Đốc Mã. Quý vị nào muốn có sách, xin liên lạc về Chùa Viên Giác và Chùa sẽ gửi đến tư gia của quý vị.

● **Nghệ Thuật Viết Văn & Đọc Văn** của Giáo sư Nhà văn VŨ KỶ - Nhà xuất bản Nguồn Sống - Hoa Kỳ (Giám đốc Hòa Thượng Thích Giác Lượng). In lần thứ 5. Hoàn toàn sửa chữa và bổ túc. Dày 800 trang ấn loát đẹp: Bìa cứng. Mạ vàng. In trên giấy quý. Tranh và thơ họa của Vũ Hối. Giá 35 Mỹ Kim + bưu phí.

Tác phẩm đã được các nhà văn hóa, nhà trí thức, giới văn nghệ sĩ và đồng hương trên thế giới nhiệt liệt hoan nghinh và ca ngợi ở lần in trước:

- "*Tác phẩm giữ một vị trí độc nhất và danh dự trong ngôi nhà văn hóa Việt Nam ở hải ngoại.*..." Hòa Thượng Thích Giác Lượng, Viện chủ Pháp Duyên Tịnh Xá, San Jose, Hoa Kỳ.

- "*Cuốn sách làm quang vinh cho nền văn hóa Việt Nam mà lúc này hẳn lúc nào hết, ta phải hết lòng phụng sự.*" Cố Giáo sư G. Meillon, Viện Hàn Lâm hải ngoại Pháp quốc, Paris.

- "... Các bậc cha mẹ sẽ biết ơn về đóng góp to lớn này của Giáo sư và Nhà văn Vũ Kỳ, một học giả nghiêm túc ở hải ngoại". Gs Nguyễn Đình Hòa, Giám đốc Trung Tâm Việt Học Nam Illinois, Hoa Kỳ.

- "... Tác phẩm này là một công trình nghiên cứu vô cùng quý giá, thực đắc dụng và rất hữu ích cho tất cả chúng ta, cho nền văn học nước nhà". Linh mục Cao Văn Luận, nguyên Viện Trưởng sáng lập Đại Học Huế, Việt Nam.

- "*Đây là một cái phao cứu nguy cho nền văn hóa Việt Nam*". Cố Ký giả Nguyễn Ang Ca, Bruxelles.

- "*Một khí giới hữu hiệu, mạnh mẽ và quyết liệt để đả kích giúp chúng ta bảo vệ tiếng mẹ ở hải ngoại và để tránh cho con cháu chúng ta đại họa vong bản*". Ts Phạm Kim Vinh, Hoa Kỳ.

- "... Tác giả đã trích dẫn các tác phẩm và phân tích một cách rất đặc sắc nghệ thuật sáng tác của các văn thi sĩ Việt Nam từ thời cổ điển đến hiện kim. Tài liệu văn hóa phong phú này cần phải có trong mọi tủ sách gia đình và dùng trong các chương trình giảng dạy văn hóa Việt Nam ở hải ngoại". Tiến sĩ Nguyễn Xuân Vinh bút hiệu Toàn Phong, Viện sĩ Viện Hàn Lâm Không gian Quốc Tế, Giáo sư tại Đại Học Michigan, Hoa Kỳ.

- "... Tác phẩm là một bó hoa hiếm có gửi từ quê hương, một chút hương thơm rất Việt Nam làm sống dậy Hồn Dân Tộc trong mỗi gia đình người Việt lang bạt ở đất lạ quê người". Gs Phạm Công Thiện, Hoa Kỳ.

- "*Đây là một cảm nang quý giá, với những bí quyết 'từ A đến Z' để tự đào luyện thành công về nghệ thuật viết văn Việt Nam*". Nhà văn Võ Phiến, Hoa Kỳ.

Xin liên lạc:

- Pháp Duyên Tịnh Xá. Nhà xuất bản Nguồn Sống.
766S. 2nd St Jose. CA 95112 USA

Tél: (408) 295-2436. Fax: (408) 292-3804.

- Cô Vũ Tường Vân

Tél & Fax: (408) 286-2569 (San Jose. USA)

- Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Av. Léopold F. Lambin 2, Bte 1, 1160 Bruxelles. Belgium

Tél: 32-2/675.63.96.

SÁCH SẮP XUẤT BẢN SẼ RA MẮT VÀO DỊP LỄ VU LAN

"HẢI NGOẠI CHÂM CỬU HỌC 2000" CỦA HOÀNG TÍN VÔ TOÀN TRUNG

Sách gồm có 2 quyển. Quyển 1 dày trên 500 Trang khổ A4 và quyển 2 (Dành Riêng cho phụ nữ) dày trên 200 trang. Chi dẫn bằng hình rõ ràng. Sách được nghiên cứu công phu. Chuyên về ngành châm cứu.

THÔNG BÁO

về việc thực hiện báo Viên Giác số Đặc Biệt về năm 2000

Để chào mừng thế kỷ 21, Ban Biên Tập sẽ thực hiện số báo Viên Giác Đặc Biệt về năm 2000 nhân dịp Xuân Canh Thìn. Kính xin quý Văn Thi Hữu bốn phương gửi bài vở về các tiết mục văn nghệ, khảo cứu văn học và tôn giáo, tham luận chính trị và dự đoán về những biến chuyển của tình hình thế giới trong những năm đầu của kỷ nguyên mới đến Tòa soạn Viên Giác **trước ngày 31.10.1999** để chúng tôi kịp thời **lay out** và **phát hành vào đầu năm 2000**.

● Viên Giác

**KẾT QUẢ XỔ SỐ ỦNG HỘ ĐÊM VĂN NGHỆ
TẠI CHÙA VIÊN GIÁC NGÀY 29.5.1999.**

ĐỘC ĐẮC : 0841 - **HANG NHẤT :** 1531 - **HANG NHỊ :** 0753 - **HANG BA :** 1182. **20 LÔ AN ỦI :** 1406, 0586, 0764, 0421, 1560, 1614, 1259, 1517, 0669, 1608, 1377, 0579, 0906, 1037, 1675, 1791, 1415, 1502, 1632, 1638, 1382.

Sau 3 tháng kể từ ngày xổ, nếu không có người nhận các lô trúng sẽ xung vào quỹ xây chùa.

TÌM THÂN NHÂN

● **Tìm Cha Richard Hải (Vũ Hải)** trước ở Cà Mau, vượt biên ra ngoại quốc. Hiện đang ở đâu xin Cha liên lạc về con **Vũ Hà, Sở Y Tế Cà Mau.**

- **Tìm em gái tên MÙI**, có chồng cũ ở Hải Phòng tên Nguyễn Văn Thèm. Năm 1988 lao động ở DDR. Hiện đang ở đâu liên lạc ngay với anh **Hiển**, số điện thoại 040 - 79140460.

Quý Cô Bác nào biết hai người nói trên xin nhắn giùm. Xin chân thành cảm ơn.

● **TÌM BẠN CŨ**

Phạm Thị Quý hiện đang định cư tại Pháp. Muốn tìm bạn cũ là Lê Thị Khánh Dung, con gái của Ca sĩ Duy Khánh. Vợ của cậu Quý ở nhà may Tụ Bảo cũ ở Tân Định, Sài Gòn. Được biết hiện nay ở Đức. Rất mong được liên lạc lại.

Xin liên lạc về : **Lê Thịnh Thị Quý.**

**196 RUE DE LEYDE. NOUVEAU PEYROU C8
34080 MONT PELLIER. FRANCE
Tel. : 04. 67 . 45. 28 . 61**

● **TÌM THÂN NHÂN**

Phạm- Trần-Công con ông Phạm-Bá-Kiểm và bà Trần-Thị-Thái trước ở Lò Heo, Bà Chiểu, Gia Định, hiện đang cử ngụ tại Đức xin liên lạc với:

**Phạm-Ngọc : 313 San Pietro GT # 3
Milpitas CA. 95035. Tel. 001-408-956-9168**

THÔNG BÁO

Trong kỳ lễ Phật Đản vừa qua, có một Đạo Hữu trao lại cho Chùa một cái bóp xách tay, trong có một số Gutschein và tiền. Vậy vị nào là chủ nhân cái bóp kể trên, xin liên lạc về Chùa (Văn Phòng) để nhận lại.

CHÚC MỪNG

Nhận được hồng thiếp của gia đình Đạo Hữu Phạm Văn Mộc thông báo Lễ VU QUY cho Thủ Nữ

PHẠM THỊ KIM CHI *kết duyên cùng* **LƯU MINH ĐỨC**
Thủ Nam của Ông Bà Lưu Minh Thành

Hôn lễ sẽ được cử hành vào lúc 10 giờ 30 ngày 09.7.1999 tại Tư gia và Bảo Quang Ni Tự, Schiffbekerweg 177 - 22119 Hamburg.

Chúng tôi xin chung vui cùng hai họ **Phạm - Lưu** và chúc hai cháu **KIM CHI & MINH ĐỨC** Trăm Năm Hạnh Phúc.

- Hội Phật Tử VNTN tại Đức Quốc
- Ban Hộ Trì Chùa Viên Giác

PHÂN ƯU

Hay tin Thân Mẫu & Nhạc Mẫu Anh Chị Đức Hương Hồ Thanh, Chi Hội Trưởng 3 vùng Nürnberg-Fürth-Erlangen vừa tạ thế.

Chúng tôi xin chân thành chia buồn cùng Anh Chị Chi Hội Trưởng cũng như gia quyến. Xin cầu nguyện Hương Linh Cụ Bà sớm siêu sanh về nơi Tịnh Độ của Đức A Di Đà.

- Chi Hội Phật Tử Freiburg

PHÂN ƯU

Được tin

Ông LIÊU CÔNG

Thân phụ anh chị Liêu Tuấn Tú đã qua đời ngày 14.04.1999 tại Việt Nam. Thượng thọ 82 tuổi.

Chúng tôi thành thật phân ưu cùng gia đình anh chị Liêu Tuấn Tú và thân quyến. Nguyên cầu hưởng hồn Cụ Ông sớm tiêu điều miền cực lạc.

- Trung Tâm VIDİ (Dortmund)
- Nhà in VIDİ (Holzwickede)

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc xa gần:

Sau tai nạn ô-tô ngày 23.04.99 tại Emstek, CHLB Đức, chúng tôi đã mất đi hai đứa con yêu quý nhất

NGUYỄN TƯỜNG VI

sinh ngày 01.07.1994

mất ngày 24.04.1999

NGUYỄN NGỌC ANH

sinh ngày 26.10.1992

mất ngày 02.05.1999

Mặc dù đã được các Bác sĩ tận tình cứu chữa, nhưng vì vết thương quá nặng nên hai cháu đã tử trần. Lễ phúng viếng hai cháu đã được tổ chức vào thứ bảy, nhằm ngày 08.05.1999, lúc 11 giờ tại phòng tang lễ của bệnh viện Emstek, địa chỉ:

Krankenhaus St.-Antonius-Stift, 49685 Emstek

Đồng thời gia đình chúng tôi cũng xin chân thành cảm tạ:

- Bà Mục sư Antje Junghans Maurer tại Bệnh viện Quakenbrück.

- Sư Chủ Hạnh Vân, Chùa Viên Giác Hannover

Tập thể Giáo viên, phụ huynh Vườn Trẻ Emstek

- Các tổ chức hội đoàn người Đức tại Cloppenburg và VPC

- Các tổ chức hội đoàn người Đức tại Aurich và VPC

- Tất cả ông, bà, chú, bác, anh, chị, em và bạn hữu xa gần

đã đến chia buồn, điện thoại, cũng như đã cầu siêu và dự tang lễ hai con chúng tôi. Trong lúc tang gia bối rối có điều gì sơ sót, kính xin quý vị niệm tình tha thứ.

Tang gia đồng cảm tạ

Nguyễn Ngọc Dũng & Nguyễn Tường Vinh

CẢM TẠ

Thay mặt đại gia đình ở Việt Nam, chúng con xin thành kính dâng lễ và tri ân:

- Thượng Tọa Thích Như Điển, Thượng Tọa Thích Thiên Thông, Đại Đức Thích Hạnh Vân và quý Chú tại Chùa Viên Giác Hannover.

* Đồng thời chúng tôi xin chân thành cảm tạ:

-Gđ. Thông gia Nguyễn Tịnh Trĩnh Thị Thanh

-Gđ. Thiện Vũ Nguyễn Cao Tường. -Gđ. Diệu Anh Diệp Ngọc Diệp

-Gđ. Diệu Huệ Lý Tố Lan. -Gđ. Diệu Hương Võ Thị Lý

-Gđ. Diệu Lộc Võ Thị Lợi. -Gđ. Diệu Thiện Tiêu Thị Thi

-Gđ. Thiện Hậu Trần Xuân Hiền. -Gđ. Thị Tâm Ngô Văn Phát

-Gđ. Đan Hà Trần Văn Huyền. -Gđ. Thiện Châu Đặng Ngọc Trân

-Gđ. Thiện Liễu Huỳnh Nghiệp Thanh

-BCH và các ĐH thuộc Chi Hội Reutlingen

-BCH và các ĐH thuộc Chi Hội Rottweil

-Ông Bà Trần Bình (Cựu Liên Đoàn Công Giáo tại Đức)

-Phạm Văn Kiểm báo Diễn Đàn Việt Nam

-Các ĐH thuộc Chi Hội 3 vùng Nürnberg-Fürth-Erlangen

Quý ĐH, quý thân hữu, quý bằng hữu tại hải ngoại đã cầu siêu, tháp hương, điện thoại, điện tin, gửi thư chia buồn hay tin Thân Mẫu và Nhạc Mẫu chúng tôi là

Cụ Bà BUI THỊ LUYẾN. Pháp danh QUẢNG ÁI

đã tử trần ngày 17 tháng 03 năm 1999 (30 tháng 01 năm Kỷ Mão) tại Đà Nẵng - Việt Nam. Thượng thọ 87 tuổi.

Kính bái

Diệu Tịnh Hoàng Thị Thủy

Đức Hương Hồ Thanh



TIN PHẬT SỰ

TU HỌC

Từ ngày 2 đến ngày 5 tháng 4 năm 1999 vừa qua, có hơn 150 anh chị em Huynh Trưởng và các Đoàn Sinh Gia Đình Phật Tử trong 8 Gia Đình tại Đức cũng như một số quý Đạo Hữu lớn tuổi đã về Chùa Viên Giác Hannover tham dự khóa giáo lý định kỳ hằng năm dưới sự hướng dẫn của Thượng Tọa Thích Như Điển và Thượng Tọa Thích Thiện Huệ.

Gia Đình Phật Tử là một tổ chức trẻ, quy tụ nhiều mầm non của Đạo Pháp và Dân Tộc. Ngoài những sinh hoạt truyền thống của Gia Đình ra, việc tu học cũng rất quan trọng. Do vậy nhân các ngày lễ trên các anh chị em Phật Tử đã về Chùa tu học và đã gặt hái được những thành quả đáng khích lệ.

CẦU NGUYỆN

Nhân khóa họp về Nhân Quyền và tự do Tôn Giáo của Liên Hiệp Quốc trong tháng 4 năm 1999 tại Genève - Thụy Sĩ; Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu đã phối hợp với Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế đã tổ chức một ngày cầu nguyện hôm 12 tháng 4 năm 1999 trước trụ sở Liên Hiệp Quốc.

Hiện diện trong buổi cầu nguyện này có Hòa Thượng Thích Hộ Giác, Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành Văn Phòng II Viện Hóa Đạo GHPGVN tại Hoa Kỳ; Thượng Tọa Thích Viên Lý, Tổng Thư Ký Văn Phòng II Viện Hóa Đạo đã đến tham dự cùng với chú Tăng Ni và Phật Tử tại Âu Châu.

Về phía Tăng Ni tại Âu Châu gồm có: Hòa Thượng Thích Minh Tâm, Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVN Âu Châu; Thượng Tọa Thích Tấn Thiết, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Tăng Sự; Thượng Tọa Thích Như Điển, Tổng Thư Ký kiêm Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Thanh Niên GĐPT VN tại Âu Châu; Thượng Tọa Thích Quảng Hiền, Vụ Trưởng Vụ Nghi Lễ; Đại Đức Thích An Chí, Phụ Tá Tổng Vụ Thanh Niên; Đại Đức Thích Nguyên Lộc; Thầy Hạnh Vân; Quý Chú Hạnh Sa, Hạnh Định.

Bên Phật Tử có Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Đức dưới sự hướng dẫn của Đạo Hữu Hội Trưởng Thị Tâm Ngô Văn Phát và các Chi Hội tại Đức. Tại Thụy Sĩ, Pháp cũng đã có nhiều người về tham dự.



Chú Tôn Đức Tăng Ni đại diện cho GHPGVN Hải Ngoại tại Hoa Kỳ và Âu Châu đang cầu nguyện trước trụ sở Liên Hiệp Quốc, Genève Thụy Sĩ ngày 12.04.1999.

Sau khi khai mạc và tụng kinh cầu an, quý Thầy Đại Diện cho Giáo Hội cùng với ông Võ Văn Ái và Cô Ý Lan đã vào bên trong Liên Hiệp Quốc để tiếp xúc với Bà Robison, nguyên là Tổng Thống của Ái Nhĩ Lan và hiện là Cao Ủy Trưởng về Ủy Ban Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc, cũng như gặp gỡ đại phát thanh Âu Châu bằng Anh ngữ (phần chi tiết, xin xem thêm ở các tài liệu của Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế có đăng trong số này).

Đến 16 giờ chiều cùng ngày thì Phái đoàn đã ra bên ngoài thông báo kết quả đã gặt hái được bên trong và sau đó thì làm lễ bế mạc. Được biết trong thời gian Phái đoàn ở bên trong thì bên ngoài nơi cầu nguyện, Ông Thị Trưởng thành phố Genève đã đến chia sẻ với chúng ta về Tự Do Tôn Giáo ở Việt Nam đang bị đàn áp. Các anh chị em nghệ sĩ đến từ Hoa Kỳ như Việt Dũng cũng đã đem tiếng hát lời ca đến với mọi người đang đấu tranh cho một đất nước Việt Nam tự do trong mai hậu.

Ông Lai Thế Hùng, Ông Nguyễn Văn Thành và một số đại biểu của các Tổ Chức khác cũng đã lên phát biểu cảm tưởng nhân ngày cầu nguyện này.

Hơn 200 người đã dầm mưa suốt ngày hôm ấy; nhưng tinh thần của mọi người đều hăng say, vì một mai cho quê hương Việt Nam được thanh bình và an lạc.

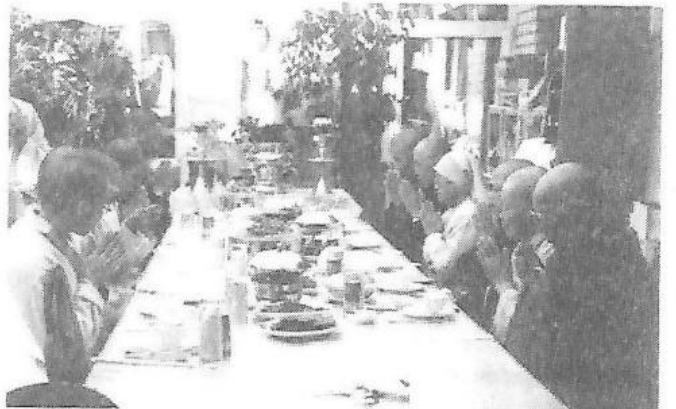
DU NGOẠN

Mỗi năm một lần, Gia Đình Phật Tử Tâm Minh tại Hannover tổ chức du ngoạn tại một địa điểm khác nhau. Năm nay Gia Đình đã cùng với quý Bác trong Ban Hộ Trì Tam Bảo Chùa cùng với quý Cô, quý Chú và Thầy Cố Vấn Giáo Hạnh đã đi đến Heidepark, là một công viên to lớn nằm giữa Hamburg và Hannover để du ngoạn và Picnick suốt ngày 2 tháng 5 năm 1999 vừa qua. Đây cũng là dịp để các anh chị em trong Gia Đình Phật Tử Tâm Minh với Thầy Cố Vấn Giáo Hạnh có cơ hội gần nhau và trao truyền những niềm vui trong suốt cả một năm sinh hoạt cho công việc Phật sự của Chùa. Đã có 48 người tham dự cuộc du ngoạn này.



Gia đình Phật Tử Tâm Minh và Ban Hộ Trì Tam Bảo Chùa Viên Giác cũng như Thầy Cố Vấn Giáo Hạnh và quý Cô, quý Chú chụp hình lưu niệm tại Heidepark ngày 2.05.1999.

HỌP CHI BỘ



Họp Chi Bộ GHPGVN tại Chùa Phật Bảo Bartrup.

Mỗi năm một lần, Chi Bộ GHPGVN Đức Quốc họp một lần. Năm nay Chi Bộ đã họp tại Chùa Phật Bảo, Bartrup, dưới sự trụ trì của Ni Sư Thích Nữ Diệu Hạnh vào ngày 3.5.1999 vừa qua. Quý Thầy, quý Cô đã tường trình những hoạt động Phật sự trong một năm qua và dự định chương trình cho năm tới. Sau khi thảo luận cũng như

bầu lại thành phần của Chi Bộ cho nhiệm kỳ mới của năm 1999-2001 như sau:

- Chi Bộ Trưởng: Thượng Tọa Thích Như Điển
- Chi Bộ Phó Ngoại Vụ: Thượng Tọa Thích Minh Phú
- Chi Bộ Phó Nội Vụ: Ni Sư Thích Nữ Diệu Tâm
- Thư Ký: Đại Đức Thích Tử Trí
- Thủ Quỹ: Ni Sư Thích Nữ Diệu Hạnh
- Ủy Viên Nghi Lễ: Ni Sư Thích Nữ Diệu Phước
- Ủy Viên Văn Hóa: Ni Sư Thích Nữ Diệu Ấn

Cuộc họp đã bắt đầu vào lúc 10 giờ và chấm dứt vào lúc 16 giờ 30 phút cùng ngày trong niềm hoan hỷ của chư tôn đức.

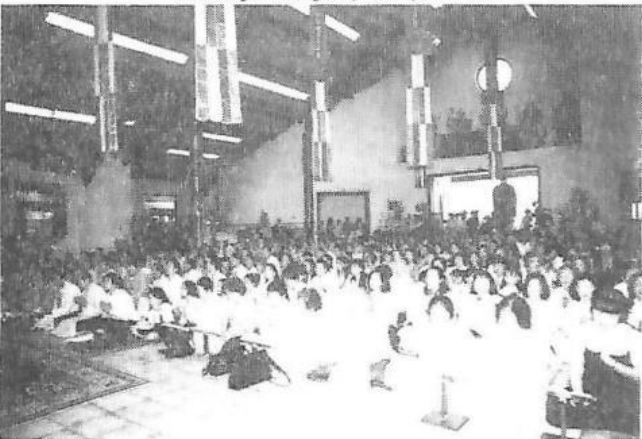
■ LỚP GIÁO LÝ

Từ sáng ngày 13 đến ngày 16.5.1999 vừa qua, tại Chùa Viên Giác Hannover có hơn 300 Phật Tử về đây tham dự khóa Giáo Lý định kỳ hằng năm do các Liên Chi Hội tại đây tổ chức. Khóa học lần này do quý Thượng Tọa Thích Như Điển, Thượng Tọa Thích Nhứt Chơn, Thượng Tọa Thích Thiện Huệ và Thượng Tọa Thích Thiện Thông hướng dẫn. Các đề tài chính được giảng trong khóa học là: Nghi thức phát Bồ Đề Tâm, Kinh Đại Bát Nhã và những phẩm chính trong kinh Đại Báo Tích. Các học viên đã hằng say tu học trong 4 ngày và đây cũng là những phần tu học căn bản nhất để người Phật Tử tại gia trở về lại với gia đình, cố gắng hành trì, nhằm chuyển hóa nội tâm của mình để trở thành một người Phật Tử hữu ích cho Đời cũng như cho Đạo.

■ PHẬT ĐÀN



Chư Tăng Ni tham gia Đại Lễ Phật Đản



Đồng bào Phật Tử tham dự Đại Lễ Phật Đản 2543 tại chùa Viên Giác

Như thông lệ hằng năm, vào khoảng tháng 5 dương lịch, Chùa Viên Giác tại Hannover tổ chức mừng Lễ Khánh Đản của Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni. Năm nay Chùa Viên Giác tổ chức lễ này nhằm vào 3 ngày từ 28 đến 30 tháng 5 năm 1999. Số người về chùa tham dự lễ suốt trong 3 ngày này ước chừng 8.000 người. Đêm văn nghệ do Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Đức trình diễn cùng với sự góp mặt của Nữ ca sĩ Như Quỳnh, Nam ca sĩ Tường Nguyên đến từ Hoa Kỳ. Nghệ sĩ kịch cầm Đặng Văn Dũng ở Đức v.v... đã đưa mọi người về với tinh tụy của quê hương dân tộc.

Phần chuông minh buổi lễ có khoảng 40 chú vị Tăng Ni hiện sinh sống tại Đức cũng như tại Âu Châu.

Đây là một truyền thống đẹp mà Phật Giáo luôn luôn gìn giữ để đón mừng ngày ra đời của đấng giác ngộ.

Vào sáng ngày 30 tháng 5 năm 1999 sau thời khóa công phu khuya như thường lệ, chư Tăng Ni cũng đã làm lễ Yết Ma để kiết giới An Cư Kiết Hạ trong vòng 3 tháng. Đây là một nguyên tắc cổ truyền nhằm thức liễm thân tâm và tu hành tinh tấn của giới xuất gia từ ngàn xưa đến bây giờ.

■ CÚNG DƯỜNG

Nhân dịp lễ xuất gia của ba cô Thị Khiêm, Tâm Phương, và Diệu Cam tại chùa Viên Giác ngày 22.5.1999, quý đạo hữu thuộc chi hội PTVNTN / Frankfurt và PVC phát tâm cúng dường một số tịnh tài là 1.280 DM.

■ TÂN BAN CHẤP HÀNH

CHI HỘI PTVNTN MÜNCHEN & VPC

Ngày 01.5.1999, nhân dịp Đại Lễ Phật Đản 2543, gần 200 Phật Tử đã tham dự cuộc bầu cử Tân Ban Chấp Hành Chi Hội Phật Tử Việt Nam Ty Nạn nhiệm kỳ 1999-2001, dưới sự chứng minh của Thượng Tọa Chi Bộ Trưởng Chi Bộ Phật Giáo Đức Quốc.

Thành phần Tân Ban Chấp Hành như sau:

- Chi Hội Trưởng: ĐH. Thiện An Nguyễn Kim Định
- Chi Hội Phó Nội Vụ: ĐH. Thiện Giáo Trần Hữu Tài
- Chi Hội Phó Ngoại Vụ: ĐH. Nguyễn Minh Trí
- Thư Ký: ĐH. Thiện Học Huỳnh Hồng Ngụ Sĩ
- Thủ Quỹ: ĐH. Thiện Giới Phạm Thị Xuân Hương

Địa chỉ liên lạc: ĐH. Nguyễn Kim Định. c/o NPĐ Tâm Giác Eisenacherstr. 10. 80804 München. Tel. 089/36102636

Từ gia: Schumacherring 15. 81737 München - Tel. 089-63498057

Nhân dịp này thay mặt BCH Hội Phật Tử NVTN/Đức, chúng tôi xin chào mừng Tân Ban Chấp Hành và nguyện cầu 'Tam Bảo gia hộ cho quý Đạo Hữu thành viên trong BCH Chi Hội thân tâm an lạc, gặt hái được nhiều thành quả tốt đẹp trong công việc Phật sự được giao phó.

■ VÀI LỜI GIỚI THIỆU VỀ LIÊN CHÚNG SỞ

PHÁT TÂM BỒ TÁT

Đã từ lâu một số Phật tử thọ giới Bồ Tát khao khát, mong mỏi thành lập một đạo tràng cho chúng Bồ Tát tại gia, hầu để nhận rõ đường lối tu học của mình có căn bản, có thủ lổp.

Đạo tràng này có quan trọng và cần thiết chăng? Chúng ta hãy lắng nghe lời nhắn nhủ của Sư Bà Như Thanh sau đây:

"Bồ, biển học mênh mông không bờ mé, nếu chúng ta không quy định phương pháp để tiến tu, không có mục đích để chuẩn bị thì bước tiến trình làm sao thấu đạt được kết quả tốt đẹp?"

Thí như người có sức khỏe, có thể ngày đi ngàn dặm, nhưng người này không dựng lập ý chí, không nêu rõ mục đích của hướng đi, cũng chẳng đề ra quy định để tiến hành. Cho đến cũng không chịu noi theo gương hạnh người xưa và tiến thủ. Như vậy, dầu có sức khỏe cũng không dùng vào đâu được, thật là đáng tiếc biết bao!

Hành giả chúng ta cũng thế, có khả năng tiến thủ, có tâm chí muốn lợi mình lợi người. Song chúng ta thiếu phương tiện, thiếu bậc thiện tri thức dắt dìu, thiếu Đạo Tràng tu tiến cho có quy củ mẫu mực, thiếu những gương xưa tích cũ để noi theo. Những điều thiếu thốn này làm cho chúng ta như người muốn lập nghiệp, muốn đi xa, mà phải ngại ngần khi cất bước. Có khi chúng ta đành cam tâm dần bước, tối đầu hay đó. Thật là một cuộc hành trình không phương hướng, lấm nổi bơ vơ ngớ ngẩn, sao có thể 'An tâm lập mạng' được?".

Nhân khóa tu học giáo lý vừa qua, từ 13.5 đến 16.5.99 tại chùa Viên Giác, dưới sự hỷ xả của Thầy trụ trì chùa Viên Giác và quý Thầy Hộ Pháp Sư (T.T. Nhất Chân và T.T. Thiện Huệ) và được sự ủng hộ của đại chúng Bồ Tát tại gia, Liên Chúng Sở Phát Tâm Bồ Tát được tạm thời thành lập với những thành viên như sau: Đạo Hữu Diệu Đông Trịnh Thị Nam, ĐH Thị Lộc Võ Văn Mai, ĐH. Thiện Mỹ Lương Văn Xinh, ĐH. Minh Tấn Đào Quang Tiến.

Cũng thế theo phương tiện khái yếu, mà Sư Bà Như Thanh đã nêu ra, để Phật tử chúng ta cùng tạo nhân duyên tu học có đường

hưởng rõ ràng, có mục tiêu vững chắc, để cùng tiến bước đến chỗ hoàn thiện ưu mỹ, trong tinh thần giải thoát tự tại. Đây là bốn điều kiện tiên quyết mà hàng Phật tử chúng ta cần phải gắng sức hành trì: 1/ Kết lập Đạo Tràng tu học. 2/ Học những bài học căn bản. 3/ Cần có ba điều kiện tu tập: Tín, Hạnh, Nguyện. 4/ Noi theo gương hạnh người xưa.

Đây không phải là một tổ chức hành chánh, mà là một tổ chức tu học để khuyến tấn cùng nhau sách tấn tu hành cũng như tạo cơ hội để hộ trì Phật Pháp.

Trong tinh thần cầu tiến, hàng Phật tử chúng ta phải có điều kiện tiên quyết trên, mới có đủ phương tiện sách tấn lẫn nhau. Cùng nương tựa nhau trong một đoàn thể có điều quy, có yếu chỉ, thì chúng ta khỏi làm đường lạc nẻo, tránh khỏi nạn bài bác, chống đối nhau trong trường hợp bất đồng ý kiến. Đã có sự chọn lọc tinh vi và đã có đường hướng khẳng định, thì chúng ta mạnh mẽ tiến hành, không có điều gì phải e ngại nữa.

Xin quý Đạo Hữu đã thọ Bồ Tát giới rồi cũng như quý vị chưa thọ những có tinh thần bồ tát hạnh tại Đức Quốc cũng như tại Thụy Sĩ, Pháp, Bỉ, Hòa Lan, Đan Mạch v.v... hãy ủng hộ và tham gia vào Liên Chúng Số Phát Tâm Bồ Tát này, để tất cả chúng ta đồng thực hành hạnh nguyện:

Tướng thủ thâm tâm phụng trần sát

Thị tác danh vi báo Phật ân

Công đức hộ trì đạo tràng và lập nguyện quả thật bất khả tư nghị. Nguyện đem công đức này hồi hướng cho pháp giới chúng sanh có được thủ thắng duyên gặp được chánh pháp và viên mãn được nhất thiết chủng trí của chư Phật.

Danh sách của quý Đạo Hữu tham gia vào Liên Chúng Số Phát Tâm Bồ Tát. Xin quý vị hoan hỷ liên lạc với Đạo Hữu Minh Tấn Đào Quang Tiến, Goethestr.26 - 64285 Darmstadt; điện thoại: 06151 - 151347. Phần ghi danh gồm có: Tên, Pháp danh, Ngày và năm sinh, Thọ Bồ Tát giới năm nào, ở đâu; địa chỉ và điện thoại.

A Di Đà Phật

Nhân ngày Phật Đản Sanh, Phật lịch 2543

Liên Chúng Số Phát Tâm Bồ Tát

■ MỘT CUỘC HÀNH HƯỚNG ĐẦY ĐẠO VỊ

Ngày 26.3.1999, Chi Hội PTVNTN Karlsruhe có tổ chức một cuộc hành hương đi bằng xe Bus viếng chùa Thiện Minh tại Lyon - Pháp.

Ba chị em chúng tôi gồm có Diệu Phước, Thiện Giới và Đồng Lai phát tâm hướng ứng cuộc viếng du đầy ý nghĩa này.

Đáp xe lửa từ nhà ga Reutlingen lúc 11 giờ, chúng tôi đến Stuttgart đúng 11 giờ 50 để sang chuyến xe lửa khác, chạy 20 phút thì đến nhà ga Karlsruhe. Tại đây chúng tôi dùng xe Bus đến địa điểm tập trung.

Vừa xuống xe, chúng tôi đã thấy có nhiều bạn đạo đã đến trước. Không hẹn mà gặp, toàn là những người con Phật thân thượng, gồm 40 vị, và 2 em bé 10 tuổi, tay bắt mặt mừng vui vẻ quá. Ở đâu có chùa, có Thầy là có Phật tử, cũng như lúa thóc ở đâu thì chim bu đến đó.

Đúng 2 giờ 30 chiều, xe bắt đầu lăn bánh. Mọi người đều thảnh thơi an lạc đến chùa, trước đánh lễ Phật, sau tham quan cảnh chùa.

Dọc đường, để gây không khí vui nhộn. Bác Thiện Văn giới thiệu phong cảnh hai bên đường khi xe chạy qua. Với lối diễn giải tiểu lâm, bác đã đem lại nhiều trận cười nôn ruột. Ngoài ra, chú Thiện Mỹ còn đề nghị bà con biểu diễn văn nghệ. Các cụ, các bác, cô chú, anh chị hưởng ứng nồng nhiệt, người thì ca, kẻ thì ngâm thơ hoặc kể chuyện vui, riêng ĐH Diệu Phước ca hứng cũng đóng góp bài ca "*Tình Yêu Quê Hương*" và ngâm bài thơ "*Chia Tay*" được bà con vỗ tay tán thưởng.

Sau phần văn nghệ, chú Thiện Mỹ yêu cầu bà con, trên tinh thần từ bi hỷ xả của Đấng Chí Tôn, niệm Phật và hồi hướng cho tất cả chúng sanh được an lành, no cơm ấm áo, nhất là nguyện cầu cho các nước đang lâm vào cảnh chiến tranh, đang đau khổ đói lạnh, dù không đồng chí hưởng, chúng tộc. Đúng là tâm đạo của những người con Phật.

Đến 23 giờ khuya, phái đoàn đến Thiện Minh Tự, được Thượng Tọa Thích Tánh Thiệt, trụ trì, đón tiếp niềm nở và thăm hỏi ân cần. Qua sáng hôm sau, 27.3.99, như thường lệ, chúng tôi đến chánh điện lễ công phu Lăng Nghiêm, rồi sau đó ra sân ngắm cảnh chùa.

Chùa Thiện Minh tọa lạc trên một ngọn đồi. Đứng trên nhìn xuống và xung quanh, cảnh chùa rất thơ mộng lồng trong vẻ trang nghiêm. Từ cổng Tam Quan và Chùa, hai bên đường có hàng trúc sum sê, xen lẫn những cây anh đào, hoa sứ với đầy hoa nở rộ, đầy màu sắc rực rỡ, trông thật tuyệt đẹp. Thêm vào đó, trời ban mai có mưa phùn tạo thêm không khí mát mẻ không khác gì Đà Lạt của quê nhà. Cảnh nổi bật nhất là các pho tượng Chư Phật, Bồ Tát, như tượng Đức Quán Thế Âm lộ thiên mạ vàng, tượng Đấng Thế Tôn nhập Niết Bàn, và tượng Đức Như Lai đang thuyết pháp cho 5 anh em Kiều Trần Như...

Đến 9 giờ 30, Thầy trụ trì ban một thời pháp nhủ. Trong bài pháp có một câu nhắc nhở của Thầy mà tôi cho là thấm thía nhất, ghi tạc vào lòng: "Thánh Tăng còn nhờ tha lực của Phật độ thì Phật tử phải nhờ không có tha lực thì khó mà tu tập. Tuy vậy, chúng ta cố gắng tự lực mà hành trì, bên cạnh cũng phải nhờ Thầy, nhờ thiện hữu tri thức mới hữu ích được".

Sau đó, Thầy cho chiêm ngưỡng Ngọc Xá Lợi và một tượng Phật Ấn Độ. Pho tượng này, theo Thầy cho biết, đã có từ 2300 năm, đời vua A-Dục, do một vị Hòa Thượng người Tích Lan cúng dường. Đó là một Phật bảo rất quý đối với những người con Phật thập phương.

Tiếp theo, phái đoàn chúng tôi đi tham quan thành phố Lyon. Tối đến, có một khóa lễ Kinh A Di Đà và Sám lạy rất trang nghiêm.

Qua sáng ngày 28.3.99, sau lễ công phu Lăng Nghiêm, chúng tôi được Ni cô Như Tường, em gái của Thầy trụ trì, ban một thời pháp. Ni cô rất cảm động khi thấy Phật tử tại xứ người thành tâm hướng về chánh pháp nên ban đầu Ni cô nói không ra lời, làm cho số Phật tử hiện diện, tại Pháp cũng như ở Đức, không cầm lệ được. Bài pháp của Ni cô rất thực tế nên dễ hiểu, mọi người đều lắng tâm ghi nhớ. Ni cô là Tăng sinh chùa Từ Nghiêm ở Sài Gòn, trong ba hôm nữa Ni cô phải trở lại Việt Nam.

Đến 11 giờ, Thầy, Cô và chúng tôi cùng chụp hình lưu niệm và chia tay. Cảm động nhất là Thầy đã đưa chúng tôi ra tận cổng Chùa, còn Ni cô thì lên xe để chào tạm biệt, hẹn gặp lại nếu có thuận duyên, trong lúc đó trong chùa còn có nhiều Phật tử đang Thọ Bát Quan Trai.

Xa chùa tất cả chúng tôi đều tràn đầy nét mặt hoan hỷ tươi vui. Chuyến hành hương tuy chỉ có 3 ngày mà thật ý vị. Ban Tổ Chức đã tận tình chu đáo, cả đoàn không ai bị bệnh gì cả, kể cả các cụ gần 80 tuổi. Thật là đáng mừng. Mọi người đều cùng cảm nghĩ là cảm ơn Ban Tổ Chức đã lo cho chuyến hành hương đầy đạo vị được thành công viên mãn và mong tái ngộ trong một dịp khác. Riêng tôi, thay vì nói, tôi xin ghi nhớ trong lòng sự biết ơn Ban Tổ Chức đã tạo cho tôi có điều kiện hành hương vui vẻ an lành - A Di Đà Phật - Tôi xin thuật lại chuyến hành hương cho vui tình đạo, với ý nghĩ thô sơ mộc mạc, nếu có gì không thông suốt xin quý vị hoan hỷ cho.

(Đồng Lai tưởng thuật)

■ CẢM TẠ CÔNG ĐỨC

Ban Giám Hiệu Trường Cơ Bản Phật Học Nguyên Thiều Bình Định, chân thành cảm tạ tán dương công đức quý Phật Tử hải ngoại đã phát tâm cúng dường bảo trợ Tăng Ni Sinh trường CBPH Nguyên Thiều Bình Định như sau:

Thiện Trí 400DM (2NK). Thiện Mãn 200DM. Chi Hội Rottweil 200DM. Thiện Sơn 200DM. Thị Thiện 400DM. Diệu Kim 200DM. Thiện Thọ 200DM. Thiện Lộc 200DM. Từ Diệu 200DM. Minh Trí 200DM. Thiện Tâm 200DM. Thiện Nhật 200DM. Thiện Châu 200DM. Quảng Văn 200DM. Diệu Trí 200DM. Thiện Trí 200DM. Đỗ Nguyễn Huy Phương 400DM. Nhật Trọng 200DM. Hằng Ấn 200DM. Thiện Châu 200DM. Đồng Lai 800DM (2x2 NK). Tâm Vũ 400DM. Thiện Tánh 200DM. Diệu Phước 200DM. Thiện Mỹ 200DM. Thiện Văn 200DM. Thị Quang 200DM. Phạm Thị Dịu 1500Kr. Cẩm Loan 750Kr. Dr. Nguyễn Khắc Tiến Tùng 200DM. Thái Văn Anh 50DM. Dương Văn Nghĩa 50DM. Nguyên Ban + Nguyên Độ 700Kr. Quảng Niệm 700Kr. Quảng Chánh 700Kr. Thiện Từ 700Kr. Hồng Chiếu 1.000Kr. Thiện Tường 1.000Kr. Giác Hải 500Kr. Quảng Định 1000Kr. Lê Huy Hoàng 1000Kr. Tiềm Thị Cúc 200Kr. Lưu Sinh 120 \$US. Trần Duy Huệ 120 \$US. Nguyễn Thị Năm 200 DM. Đào Hàng Bảo Hiền 200 DM. Đào Hàng Hải Hiền 200 DM. Đào hàng Danh 200 DM.

Ban Giám Hiệu chúng tôi hết sức cảm kích đạo tâm quý Phật Tử và hoan hỷ được kết duyên lành cùng quý Phật Tử hải ngoại đã phát tâm cúng dường bảo trợ, góp phần vào việc giáo dục, điều hành và

nuôi dưỡng Tăng Ni Sinh trường Cơ Bản Phật Học Nguyên Thiều Bình Định, nhằm mục đích đào tạo Tăng Tài, Hoảng Dương Chánh Pháp, lợi lạc chúng sanh.

Thành tâm nguyện cầu Tam Bảo gia hộ Chư Phật Tử và gia đình thân tâm thường lạc, phúc huệ trang nghiêm, cát tường như ý.

Bình Định, ngày 20 tháng 02 năm 1999

TM. Ban Giám Hiệu

Hiệu Trưởng: Thượng Tọa **Thích Nguyên Chơn**
(ký tên và đóng dấu)

Bí Chú: Thầy Quảng Bình xin thành tâm nguyện cầu Hồng Ân Tam Bảo gia hộ cho quý Phật Tử đã cùng Thầy hỗ trợ đào tạo Tăng Tài ở quê nhà trong niên khóa 98-99 được vạn sự an lành trong ánh tử quang chư Phật và Bồ Tát. Và hoan hỷ hỗ trợ cho niên khóa cuối cùng của khóa học bốn năm.

Kính nguyện
Thầy **Quảng Bình**

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất
Văn Phòng II Viện Hóa Đạo
Hội Đồng Điều Hành

TUYÊN CÁO CỦA PHÁI ĐOÀN VĂN PHÒNG II VIỆN HÓA ĐẠO, GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT, TẠI GENÈVE

- **Xét rằng** Tự do tôn giáo là một trong những quyền tối ư căn bản của con người, mà bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền cũng như Công Ước Quốc Tế về các Quyền Dân Sự và Chính Trị đã quy định và Nhà nước CHXHCNVN đã tham gia ký kết kể từ năm 1982;

- **Xét rằng** trong suốt 2000 năm qua, Phật Giáo đã đóng góp lớn lao vào công cuộc dựng nước và giữ nước của dân tộc, đã cùng với dân tộc chịu chung mọi thăng trầm vinh nhục của lịch sử đất nước, nhất là đã trở thành chỗ dựa vững chắc cho đời sống tâm linh, đạo đức và tinh thần cho đa số quần chúng;

- **Xét rằng** Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) là Giáo Hội Dân Lập, kế thừa chính đáng và duy nhất lịch sử 2000 năm truyền giáo trên quê hương Việt Nam, góp công gìn giữ gìn giữ mối đạo đức, truyền thống văn hóa đặc thù của đất nước, đặc biệt qua các thời đại nhiều nhướng hay chiến tranh tương tàn khốc liệt;

- **Xét rằng** việc công an bắt giữ trái phép, thẩm cung, khủng bố và ngược đãi Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo và chư Thượng Tọa Thích Hải Tạng, Thích Đồng Trụ, Thích Minh Tuấn và Sư Cô Thích Nữ Hạnh Toàn vào ngày 22.3.99 tại chùa Quang Phước, tỉnh Quảng Ngãi, trong khi HT. Quảng Độ đến thăm và trao đổi Phật sự của Giáo Hội sau 17 năm tù đầy xa cách, là một vi phạm trầm trọng quyền tự do căn bản của con người, đi ngược truyền thống luân lý, đạo đức ngàn đời của nước ta, và là một thách đố trắng trợn đối với lương tâm nhân loại.

Từ các nhận xét trên, Văn Phòng II Viện Hóa Đạo GHPGVNTN long trọng tuyên cáo:

Thứ nhất: Nhà nước CHXHCNVN phải tôn trọng các quyền tự do căn bản của con người được LHQ công nhận và bảo đảm, trong đó phải kể đến quyền tự do ngôn luận, tự do hội họp, tự do đi lại, tự do tôn giáo và tín ngưỡng. Yêu cầu chấm dứt tức khắc chính sách phân biệt đối xử và bất bao dung đối với tôn giáo và tín ngưỡng;

Thứ hai: Không được sử dụng Mặt Trận Tổ Quốc, Ban Tôn Giáo chính phủ, các cơ quan dân vận, mật vụ, công an, xen lẫn vào nội bộ tôn giáo để cưỡng bức các tôn giáo nói chung và GHPGVNTN nói riêng, làm công cụ, tay sai cho Đảng và Nhà cầm quyền. Yêu cầu trả lại cho các tôn giáo sự tự do sinh hoạt và truyền đạo để các tôn giáo phát huy tiềm lực của mình hầu góp phần tích cực trong việc tái thiết quốc gia, nâng cao dân trí và đạo đức, dẹp trừ các tệ nạn xã hội hiện đang hoành hành làm đất nước ngày một điêu linh, khủng hoảng;

Thứ ba: Yêu cầu cho GHPGVNTN phục hồi quyền sinh hoạt trong khuôn khổ tự do và bình thường như Giáo Hội đã có tư cách pháp

nhân từ trước năm 1975, và cũng được quy định, bảo đảm theo điều 18 của bản Công Ước Quốc Tế về các Quyền Dân Sự và Chính Trị. Đặc biệt hoàn trả ngay toàn bộ giáo sản của GHPGVNTN quy gồm các chùa viện, cơ sở văn hóa, giáo dục, đại học, xã hội, từ thiện..., mà Đảng và Nhà nước đã chiếm dụng bất hợp pháp sau năm 1975;

Thứ tư: Yêu cầu trả tự do tức khắc và vô điều kiện cho HT. Thích Huyền Quang, Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, bị giam giữ từ năm 1982 không hề được xét xử, và các Thượng Tọa Thích Thiện Minh, Thích Huệ Đăng, Thích Thanh Tịnh; cũng như chấm dứt việc quản thúc, kiểm soát, theo dõi đối với HT. Thích Quảng Độ và chư Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ, Thích Không Tánh, Thích Nhật Ban, Thích Trí Tụ, Thích Hải Tạng.

Làm tại Genève, ngày 17.4.1999

Phái Đoàn GHPGVNTN đồng ký tên:

- HT. Thích Hộ Giác, Trưởng Phái Đoàn, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Văn Phòng II Viện Hóa Đạo, GHPGVNTN tại Hoa Kỳ;
- HT. Thích Minh Tâm, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Âu Châu;
- TT. Thích Viên Lý, Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành Văn Phòng II Viện Hóa Đạo, GHPGVNTN tại Hoa Kỳ;
- TT. Thích Như Điển, Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Âu Châu;
- TT. Thích Tánh Thiệt, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Tăng Sự GHPGVNTN Âu Châu;
- Giáo sư Võ Văn Ái, Giám Đốc Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế, Chủ Tịch Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam;
- Đh. Y-Lan Penelope Faulkner, Đặc trách Vụ Quốc Tế, Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế, Phó Chủ Tịch Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam;
- Ông Võ Trần Nhật, Thư Ký Điều Hành Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam.

THÔNG CÁO BÁO CHÍ TẠI LHQ GENÈVE NGÀY 15.4.1999

Tại khóa họp Nhân Quyền LHQ lần thứ 55 ở Genève: Nhà cầm quyền Hà Nội bị Báo cáo viên Abdelfattah Amor, Đặc nhiệm về Bất bao dung tôn giáo, cùng với 46 tổ chức Phi chính phủ tấn công tới tấp.

Đặc sứ LHQ Abdelfattah Amor đòi hỏi Hà Nội: trả tự do cho tất cả tù nhân vì lương thức, ngừng xen lẫn vào nội bộ tôn giáo, luật pháp Việt Nam phải phù hợp với luật quốc tế.

Ông Võ Văn Ái tố cáo: việc câu lưu phi pháp hai Hòa Thượng Huyền Quang và Quảng Độ tại Quảng Ngãi và chính sách đàn áp tôn giáo qua dự thảo Nghị định về tôn giáo.

46 tổ chức Phi chính phủ hậu thuẫn các yêu sách trong bản Phúc trình Amor và đòi trả tự do cho HT Thích Huyền Quang. Các nhà đấu tranh cho Nhân quyền Châu Á: Ngụy Kinh Sinh, Võ Văn Ái, Xiao Qiang, Law Yu-Kai, Thaung Htun, Hendardi, Marie Holzman... cùng lên tiếng chống cái gọi là "an ninh quốc gia" để đàn áp dân chủ.

Phái đoàn Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất gặp gỡ Bà Mary Robinson, Cao ủy Nhân quyền LHQ.

* Ông Abdelfattah Amor yêu sách Hà Nội :

Phái đoàn Hà Nội tại LHQ ở Genève đã tìm gặp ông Abdelfattah Amor, Báo cáo viên LHQ Đặc nhiệm về Bất bao dung tôn giáo, và năn nỉ rằng: "Chuyện cũ xin ông hãy bỏ qua cho!". Chuyện cũ nói đây là chuyện ngăn cấm ông Amor thi hành công tác điều tra tôn giáo tại Việt Nam tháng 10 năm ngoái, chuyện công an vi phạm cơ thể không cho ông vào Thanh Minh Thiền Viện ở Sài Gòn gặp Hòa Thượng Thích Quảng Độ. Những những lời lẽ đường mật, nhún nhường trước giờ ông Amor đang đàn phúc trình tình hình đàn áp tôn giáo trong thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng, chẳng giảm thiểu được chút nào sự phê phán đanh thép của ông. Vào lúc 16 giờ ngày thứ hai 12.4.99, trước các vị đại diện của 269 phái đoàn Chính phủ và Phi chính phủ, ôn Amor yêu sách rằng: "Pháp luật

Việt Nam, như pháp luật hình sự, cần có những thay đổi thích hợp để đúng theo hay ít nhất cũng tương hợp với luật pháp quốc tế áp dụng trong lĩnh vực tự do tôn giáo hay tín ngưỡng. Mặt khác, cần bãi bỏ những hạn chế, cấm đoán, xâm phạm không phù hợp với luật pháp quốc tế đối với những cộng đồng tôn giáo trên nhiều lĩnh vực khác nhau, như các điều trong muôn điều: ấy là tự do quản lý các sinh hoạt tôn giáo, đào tạo, phong chức hay di chuyển của các tu sĩ, cũng như việc xây dựng, tôn tạo những nơi thờ tự và vấn đề ấn hành kinh sách. Chính quyền Việt Nam cần mở rộng việc đặc xá cho tất cả những tù nhân bị bắt vì đã sử dụng ôn hòa và chính đáng quyền tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo và tự do tư tưởng của họ, nhiều tù nhân đã bị kết án nặng nề mà sức khỏe hay tâm thần yếu kém vẫn bị bỏ buộc (sống trong) khổ khổ ghê gớm".

*** Ông Võ Văn Ái lên tiếng tại hội trường LHQ :**

Nhân danh Chủ tịch Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam kiêm Phó chủ tịch Liên Đoàn Quốc tế Nhân quyền, ông Võ Văn Ái lên tiếng tại hội trường LHQ tố cáo chiến dịch bôi nhọ ông Amor của nhà cầm quyền Hà Nội chỉ vì bản phúc trình 31 trang của Báo cáo viên LHQ nói lên sự thực về đàn áp quy mô các tôn giáo tại Việt Nam. Ông Ái nói: "Không thể nào chấp nhận thái độ của nhà cầm quyền Việt Nam là thành viên của LHQ mà lại vi phạm Công ước Quốc tế về các Quyền dân sự và chính trị, chẳng những thế còn đe dọa trầm trọng những cơ quan bảo vệ nhân quyền của LHQ". Ông Ái kêu gọi Ủy hội Nhân quyền tố thái độ trước chính sách o ép, bao vây Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) kể từ khi bản Phúc trình Amor được lưu hành. Điển hình qua việc câu lưu phi pháp Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ hôm 22.3.99 vừa qua tại Quảng Ngãi và không cho HT Quảng Độ được tự do đi lại. Ngoài ra, bốn Tăng Ni khác cũng bị công an hạch sách bắt "làm việc" nhiều ngày. Ông yêu cầu Ủy hội Nhân quyền LHQ làm áp lực để nhà cầm quyền Hà Nội chấm dứt bao vây, khủng bố tinh thần các thành viên thuộc GHPGVNTN, và thi hành các yêu sách đề ra trong bản Phúc trình Amor.

Ông Võ Văn Ái cũng cung cấp một bản phúc trình về tình trạng đàn áp tôn giáo tại Việt Nam sau chuyến đi điều tra của Báo cáo viên Đặc nhiệm về Bất bạo động tôn giáo. Bao gồm các tài liệu, kiến nghị mà các tôn giáo muốn đệ đạt đến ông Amor. Nhưng vì bị nhà cầm quyền Hà Nội không cho gặp, nên đã phải gửi đến Paris cho Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam chuyển đạt. Như trường hợp của GHPGVNTN (thủ của HT Quảng Độ, tài liệu của Tăng Đoàn Bảo Vệ Chánh Pháp Thừa Thiên, Đà Nẵng, Sài Gòn...), Công giáo (qua bức thư của Linh mục Trần Sĩ Tín), và Cao Đài. Ông cũng đề cập đến Chỉ thị về tôn giáo của Bộ Chính Trị (2.7.98) và bản Dự thảo Nghị định về tôn giáo (11.98) nhằm thay thế Nghị định 69/HĐBT, nhưng kỹ thực chỉ phát hiện rõ hơn chính sách đàn áp tôn giáo quy mô của Đảng và chính quyền. Phúc trình này đã được LHQ in phát cho tất cả các phái đoàn phó hội.

*** Phái đoàn Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam và Phái đoàn GHPGVNTN gặp bà Cao ủy Nhân quyền LHQ, Mary Robinson và ông Abdelfattah Amor:**

Sáng ngày 12.4.99, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu đã vận động tổ chức "Ngày cầu nguyện cho Tự do Tôn giáo tại Việt Nam". Dù ngày thứ hai ai cũng vì sinh kế không thể xin nghỉ việc để tham dự, nhưng 20 Tăng Ni và 200 đồng bào và Phật tử đại diện các nước Thụy Sĩ, Pháp, Đức, Na Uy, Hoa Kỳ tề tựu trước trụ sở LHQ ở Genève. Khung cảnh trang nghiêm và cảm động với tiếng tụng kinh trầm hùng hòa cùng chuông mõ, khói hương, vào thời điểm gần 300 phái đoàn phó hội lướt ngang để vào Điện Quốc Liên hội họp cho nhân quyền thế giới. Người ta đọc được hai biểu ngữ lớn giữa hàng cờ ngũ sắc Phật Giáo và cờ quốc gia Việt Nam: "**Hãy trả tự do cho Hòa Thượng Thích Huyền Quang**" và "**Cầu nguyện cho Tự do Tôn giáo tại Việt Nam**". Vài giờ sau trời mưa tầm tã, những đồng bào và Phật tử vẫn ngồi yên cầu nguyện hoặc nghe các lời phát biểu. Trong khi ấy, thì ông Võ Văn Ái và chị Ý Lan hướng dẫn Phái đoàn Văn Phòng II Viện Hóa Đạo và GHPGVNTN Âu Châu vào gặp Bà Mary Robinson Cao ủy Nhân quyền LHQ trong Điện Quốc Liên. Phái đoàn gồm có HT. Thích Hộ Giác, HT. Thích Minh Tâm, TT. Thích Viên Lý, TT. Thích Như Điển và TT. Thích Tánh Thiệt.

Cuộc tiếp xúc Bà Cao ủy Nhân quyền LHQ, Mary Robinson, diễn ra trong không khí chân tình, thông cảm và tích cực. Sau khi ông Võ Văn Ái giới thiệu Phái đoàn Giáo Hội, giải thích tổng quát tình hình đàn áp tôn giáo và trao Thích Nguyễn Thứ cùng tập hồ sơ dịch từ những tài liệu mới nhất do trong nước gửi ra, đặc biệt là 23 trang Tự thuật của HT. Thích Huyền Quang về tình trạng ba lần pháp nạn của Phật Giáo từ 1945 đến nay. Chuyện bắt gở làm Bà Mary Robinson vui thú là khi ông Ái trao cho Bà lời Kêu Gọi Chung do 46 tổ chức Phi chính phủ ký tên hỗ trợ các yêu sách đề ra trong bản Phúc trình Amor (*xin xem danh sách đầy đủ dưới đây*). Sau đó, HT. Thích Hộ Giác thay mặt Phái đoàn GHPGVNTN cảm ơn Bà Mary Robinson đã bỏ thì giờ quý báu tiếp Phái đoàn. Rồi HT nói tiếp: "Chúng tôi tha thiết xin Bà Cao Ủy sử dụng mọi khả năng trong cương vị của tổ chức LHQ và với uy tín quốc tế sẵn có của Bà Cao Ủy, gây áp lực với nhà cầm quyền Việt Nam chấm dứt việc đàn áp tôn giáo nói chung và GHPGVNTN chúng tôi nói riêng."

"Cụ thể xin Bà Cao Ủy hãy can thiệp giúp các điều sau đây:

1. Đòi trả tự do cho HT. Thích Huyền Quang, vị lãnh đạo cao cấp của GHPGVNTN, bị giam cầm và quản thúc suốt 17 năm qua tại tỉnh Quảng Ngãi mà không hề được xét xử;
2. Xin trả lại quyền công dân với các quyền tự do đi lại, tự do hội họp, tự do hành đạo và cấp hộ khẩu cho các tu sĩ vừa được trả tự do trong đợt 3 của năm ngoái, như trường hợp HT Thích Quảng Độ, các TT Thích Tuệ Sỹ, Thích Không Tánh, Thích Nhật Ban, Thích Trí Tụ, Thích Hải Tạng...
4. Đặc biệt xin phục hồi quyền sinh hoạt của GHPGVNTN như trước năm 1975 và trả lại mọi tài sản của Giáo Hội mà nhà nước tịch thu sau năm 1975.

Ngoài ra còn nhiều vấn đề khác, chúng tôi xin nhờ Giáo sư Võ Văn Ái trình bày với Bà một cách đầy đủ hơn. Xin thành thật cảm ơn Bà". Đến đây HT. Thích Minh Tâm đưa thêm một yêu sách: "Xin Bà Cao Ủy vui lòng can thiệp trả tự do cho các TT. Thích Thiện Minh bị 2 án chung thân, TT. Thích Huệ Đăng bị 20 năm tù, TT. Thích Thanh Tịnh bị 19 năm tù, chỉ vì họ đòi hỏi ôn hòa cho quyền tự do tôn giáo và nhân quyền".

Các đề nghị của hai Hòa Thượng đã được chị Ý Lan thông dịch sang tiếng Anh cho Bà Mary Robinson và dịch sang tiếng Việt cho Phái đoàn những lời Bà phát biểu, hỏi han. Bà rất hoan hỷ lắng nghe và cảm ơn Phái đoàn đã cung cấp nhiều dữ kiện quan trọng về thực trạng tôn giáo tại Việt Nam, mà với một cơ quan nhân quyền bao trùm quá lớn như LHQ, không thể nào quản xuyên hết. Bà cảm ơn các hồ sơ, tài liệu do ông Võ Văn Ái cung cấp. Bà nói: "Các tài liệu này quý cho tôi, vì tôi sẽ có dịp đọc kỹ, và khi can thiệp sẽ có đủ chứng liệu".

Nhân dịp này ông Ái cũng lưu ý Bà đến các văn kiện pháp quy Việt Nam không cốt gây dựng một nhà nước pháp quyền mà để đàn áp những ai đòi hỏi ôn hòa cho nhân quyền và tự do tôn giáo. Ví dụ như nại có "an ninh quốc gia" để cấm tự do ngôn luận và tư tưởng, Chỉ thị 31/CP để quản chế hành chánh bất cứ công dân nào từ 6 tháng đến 2 năm không cần thông qua tòa án và đặc biệt sự đàn áp, bắt bớ các nhà đấu tranh cho nhân quyền, dân chủ và tự do tôn giáo, nhiều đến nỗi Thủ tướng Chính phủ đã phải ra Nghị định 89/NĐCP ngày 7.11.98 cho phép xây dựng thêm 650 nhà tù tạm giam ở cấp huyện trên toàn quốc.

Đáp câu hỏi của ông Ái về biện pháp mà Ủy ban Nhân quyền LHQ có thể làm để ngăn chặn tình trạng đàn áp hiện nay. Bà Mary Robinson nói: "Biết rõ thực trạng là bước đầu quan trọng, với các tài liệu này tôi sẽ thảo luận với ông Amor, Báo cáo viên LHQ Đặc trách Bất bạo động tôn giáo, về các biện pháp thích nghi. Xin quý vị yên lòng và tin tưởng, chúng tôi có mặt ở đây là để bảo vệ nhân quyền trong thế giới". Bà cũng ngỏ lời khen ngợi "Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam đã rất năng động trong vấn đề đấu tranh cho nhân quyền Việt Nam, nhờ những tài liệu do Ủy Ban cung cấp thường xuyên mà LHQ hiểu rõ vấn đề hơn". Phái đoàn và Bà Mary Robinson đã chụp hình lưu niệm trước khi chia tay.

Sau cuộc tiếp xúc, Phái đoàn đến gặp các hãng thông tấn và báo chí túc trực tại Điện Quốc Liên. Đài VOA đã phỏng vấn ông Võ Văn Ái và HT. Thích Hộ Giác, Đài Freely Speaking ở Âu Châu phỏng vấn hai Thượng Tọa Thích Viên Lý và Thích Như Điển.

Ông Abdelfattah Amor hứa tiếp Phái đoàn Giáo Hội sau khi ông phúc trình xong về tình hình đàn áp tôn giáo trong thế giới và chuyển đi điều tra Việt Nam. Những nghị trình ở LHQ luôn luôn trở

nãi, khiến ông không thể đăng đàn sáng ngày 12.4 mà phải chờ đến 16 giờ chiều. Ông Ái đã vào hội trường gặp riêng ông Amor và nói rằng chú Tăng trong Phái đoàn chỉ mong gặp chào ông và cảm ơn ông đã vô tư và khách quan khi viết bản Phúc trình về thăm trạng tôn giáo tại Việt Nam. Ông Amor mừng rỡ nói: "Tôi rất vui mừng chúng ta gặp lại nhau. Nhờ ông chuyển giúp lời chào của tôi đến Phái đoàn Giáo Hội. Tiếc quá, là sắp tới phiên tôi phải phúc trình rồi, không thể nào bỏ phòng họp trở về văn phòng để tiếp. Nhưng ông nhớ cho điều này: Chuyện gì khác tôi không thể làm được. Nhưng trong lĩnh vực tôn giáo, tôi hỗ trợ quý vị hết mình". Ông còn tiết lộ: "Đấy Phái đoàn Hà Nội đến gặp tôi lúc này, họ dụ dằng lăm rôi, họ xin tôi hãy bỏ qua chuyện quá khứ và từ nay sẽ cộng tác làm việc với nhau. Nhưng tôi biết, tôi không tin ở các lời hứa hẹn suông, tôi muốn thấy qua những việc làm cụ thể. Thôi nhè, chúng ta còn có dịp gặp nhau sau".

Vì không thể bỏ đồng bào Phật tử biểu tình dưới mưa gió ở bên ngoài, nên Phái đoàn quyết định rời Điện Quốc Liên sớm để ra gặp đồng bào thay vì chờ ông Amor thuyết trình xong mỗi gặp. Hy vọng còn nhiều dịp thuận tiện khác.

* Sự kết đoàn của các nhân vật đấu tranh ở Châu Á:

Trong khuôn khổ hoạt động bên trong trụ sở LHQ ở Genève và trong nỗ lực kết đoàn những Phong trào đấu tranh cho Nhân quyền và Dân chủ ở Á Châu, Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam khởi xướng từ năm ngoài qua cuộc Hội thảo về đề tài "Giá trị Châu Á và Nhân quyền" với sự tham dự của Giải Nobel Hòa Bình Đông Timor Ramos Horta, Giải Nobel Hòa Bình Bà Aung San Suu Kyi gửi đến một bằng hình vì không được phép sang Genève, Ngụy Kinh Sinh, cha đẻ bức tường Dân chủ ở Bắc Kinh, và đại biểu Tây Tạng Lobsang Nyandak và ông Võ Văn Ái. Năm nay, vào ngày 8.4.99 tại Phòng hội 18 trong Điện Quốc Liên, cuộc cộng tác và lên tiếng chung của các nhân vật đấu tranh ở Châu Á lại được Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam thực hiện qua đề tài "An ninh quốc gia và Nhân quyền" qua sự phát biểu của các ông Ngụy Kinh Sinh, Xiao Qiang (Trung Quốc), Võ Văn Ái, Law Yuk-Kai (Hong Kông), Thauung Htun (Miến Điện), Hendarđi (Indonesia), bà Marie Holzman (Pháp) và bà Kate Saunders (Tây Tạng).

"An ninh quốc gia" là thành ngữ đưa vào các bộ hình luật tại các nước độc tài, quân phiệt ở Á Châu nhằm bịt miệng mọi tiếng nói bảo vệ nhân quyền và dân chủ, để bắt giam bất cứ ai dám phê bình các Nhà nước độc tài toàn trị. Trình bày cho Việt Nam, ông Ái đưa ra trường hợp của TT. Thích Thiện Minh bị 2 án chung thân, TT. Thích Huệ Đăng bị 20 năm tù, TT. Thích Thanh Tịnh bị 19 năm tù, hay sắp tới đây ông Nguyễn Thanh Giang sẽ có thể bị 3 năm tù (chiếu điều 205A) theo Bộ Ngoại Giao Hà Nội rắn đe, chỉ vì các vị này "xâm phạm an ninh quốc gia". "Thực tế, ông Ái nói, "an ninh quốc gia" chỉ là chiêu bài "ổn định chính trị" mà các nhà đầu tư Âu Mỹ đòi hỏi để dễ bề làm ăn, và Nhà nước Việt Nam áp dụng trong việc đàn áp các tiếng nói đòi hỏi cuộc đổi thay chính trị. "An ninh quốc gia" chính là hình thức chiến tranh mới mà thiếu số cầm quyền tuyên chiến với nhân dân Việt Nam. Cuộc chiến này xây dựng trên "ý thức hệ chủ chiến" của cái gọi là "đấu tranh giai cấp" của Cộng đảng" (...). "An ninh quốc gia" nằm trong chương I của bộ luật hình sự đưa tới án tù chung thân hay tử hình, kèm với Chỉ thị 31/CP cho phép công an bắt giam tùy thích bất cứ ai, và Nghị định 89/NĐCP cho phép xây thêm 650 nhà tù. Đây chính là bộ máy đàn áp khổng lồ chêm chệp trên ba thế chân vạc. Nói tóm, "an ninh quốc gia" chính là sự mất an ninh của quần chúng, của bất cứ ai đấu tranh cho tự do, nhân quyền và dân chủ; "an ninh quốc gia" là cuộc đảo chánh thường trực chống lại mọi nguyên tắc của luật pháp".

* 46 Tổ chức Phi chính phủ phó hội LHQ ký tên hậu thuẫn cho Tự do tôn giáo tại Việt Nam:

Lời kêu gọi hỗ trợ các yêu sách đề ra trong bản Phúc trình Amor do Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam phát động trong vòng hai ngày tại hội trường LHQ, đã thu đạt hậu thuẫn nồng nhiệt của các tổ chức Phi chính phủ nổi danh. 46 Tổ chức Phi chính phủ có tên sau đây đã ký tên tố cáo Nhà cầm quyền Việt Nam, qua lời phát ngôn của Bộ Ngoại Giao và trên bài xã luận của tờ Nhân Dân phát hành ngày 21.3.99, vụ khống Đạc sứ LHQ Abdelfattah Amor "lòe bịp dụ lượn" với bản Phúc trình "không có căn cứ và thiếu khách quan", đồng hóa ông Amor với "các thế lực xấu" để "phá hoại Việt

Nam"; tố cáo sự kiện nhà cầm quyền Việt Nam tuyên bố "không chấp nhận bất cứ cá nhân hay tổ chức nào đòi đến nước ta điều tra về nhân quyền hay tôn giáo". 46 Tổ chức cũng nhắc nhở rằng: "Các quốc gia thành viên LHQ không những có bổn phận bảo vệ nhân quyền, mà còn phải công nhận rằng nhân quyền không được xem như "chuyện nội bộ". Việt Nam "không thể công cụ hóa các cơ cấu nhân quyền quốc tế để phục vụ cho sự tuyên truyền chế độ".

46 Tổ chức Phi chính phủ kêu gọi nhà cầm quyền Việt Nam thực thi các yêu sách đề ra trong bản Phúc trình Amor, bằng cách:

- "Giải hóa các cơ chế kìm kẹp nhân dân (ví dụ Ban Tôn giáo chính phủ, Công an khu vực, chế độ hộ khẩu khắt khe với tu sĩ) để bảo đảm quyền tự do tôn giáo; và xét lại chính sách của chính phủ và Đảng trong việc ngăn ngừa thái quá các tổ chức vì sợ các tổ chức này lật đổ chính quyền;

- "Bảo đảm các luật pháp hiện hành, hay trong tương lai, đối với tôn giáo phù hợp theo luật pháp quốc tế, đặc biệt xét lại điều 4 trên Hiến Pháp quy định sự độc tôn chính trị của Đảng và chủ nghĩa Mác-Lênin, và bãi bỏ chiêu bài "an ninh quốc gia" nhằm đàn áp và loại trừ tự do ngôn luận, tư tưởng và tín ngưỡng;

- "Trả tự do tức khắc và vô điều kiện cho tất cả tù nhân vì lương thức bị bắt giam vì lý do biểu tỏ ôn hòa những đòi hỏi cho quyền tự do ngôn luận và tự do tôn giáo. Đặc biệt trả tự do cho Hòa Thượng Thích Huyền Quang, vị lãnh đạo tối cao của GHPGVNTN, bị giam giữ không xét xử từ năm 1982;

- "Kêu gọi chính phủ Việt Nam bảo đảm mọi quyền công dân cho những tù nhân vừa được trả tự do hay ân xá; cấp cho họ hộ khẩu thường trú và tự do sinh hoạt tôn giáo bình thường. Đặc biệt là trường hợp của HT. Thích Quảng Độ, Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo GHPGVNTN.

Đồng ký tên:

Alternative Asean Network on Burma (*Miến Điện*), Asian Buddhist Conference for Peace (*Mông Cổ*), Association Africaine de Défense des Droits de l'Homme (*Congo-Kinshasa, Phi Châu*), Avocats Sans Frontières/ Congo (*Congo-Kinshasa, Phi Châu*), Burma UN Service Office (*Miến Điện*), Christian Solidarity Worldwide (*Anh*), Committee for the Defence of Human Rights in Bahrain (*Bahrain, Trung Đông*), Conseil pour la Défense des Droits de l'Homme de Pristina (*Kosovo*), Democratic Voice of Burma (*Miến Điện*), Federacion de Asociacion de Defensa y Promocion de los Derechos Humanos (*Tây Ban Nha*), Fédération Internationale des Ligues des Droits de l'Homme (*FIDH - Pháp*), Free China Movement (*Trung Quốc*), Freedom House (*Hoa Kỳ*), Hong Kong Human Rights Monitor (*Hồng Kông*), Human Rights in China (*Trung Quốc*), Images Asia (*Thái Lan*), Indonesia's Forum for Human Dignity (*Indonesia*), Indonesian Legal Aid and Human Rights Association (*Indonesia*), International Indian Treaty Council (*Hoa Kỳ*), International League for Human Rights (*Malaysia*), International Association for Religious Freedom (*Anh*), International Fellowship Of Reconciliation (*IFOR - Bỉ*), Japan Federation of Publishing Worker's Union (*Nhật Bản*), Japanese Association for Human Rights of Korean in Japan (*Nhật Bản*), Jubilee Campaign (*Anh*), La Voix des Sans-Voix (*Congo-Kinshasa, Phi Châu*), Liga Mexicana por la Defensa de Los Derechos Humanos (*Mexico*), Ligue des Electeurs (*Congo-Kinshasa, Phi Châu*), Minbyun Lawyers for a Democratic Society (*Nam Hàn*), National Commission for Justice and Peace (*Pakistan*), National Coalition Government of the Union of Burma (*Miến Điện*), Nepal Council of World Affairs (*Nepal*), Observatoire International des Prisons (*OIP- Pháp*), People Forum for Human Rights and Development (*Buthan*), Promotion de la Femme Rurale (*Congo-Kinshasa, Phi Châu*), Robert F. Kennedy Memorial Center for Human Rights (*Hoa Kỳ*), South Asia Human Rights Documentation Center (*Ấn Độ*), Suara Rakyat Malaysia (*Malaysia*), Tást Force Detainees of the Philippines (*Phi Luật Tân*), The Society for Threatened People (*Hoa Kỳ*), Tibetan Center for Human Rights and Democracy (*Tây Tạng*), Tibetan Young Buddhist Association (*Tây Tạng*), Toronto Association for Democracy in China (*Trung Quốc*), Vietnam Committee on Human Rights (*Việt Nam*), War Resister's International (*Anh*), West Papuan People's Front (*Papussia*).

Làm tại LHQ Genève, ngày 15.4.1999
Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam

Nỗi đau quê hương tôi

Sau cơn mưa trời lại tạnh, quang cảnh trở nên trong sáng và quang đãng, thì ngược lại, sau cơn bão lụt vừa qua nhà cửa trở nên tiêu điều xơ xác.

Sáng hôm qua, tình cờ tôi vào bệnh viện thăm một người bạn, bỗng gặp một chú bé độ chừng bảy, tám tuổi, tóc tai bù xù, áo quần dơ dáy, thân thể ốm tong ốm teo như cây sậy, những gương mặt rất khôi ngô. Nó cứ lèo đèo bước theo chân tôi van nài:

- Cô ơi cô! Cho cháu xin vài đồng đi cô!

Tôi quay lại nhìn nó và nhỏ giọng:

- Em xin tiền làm chi?

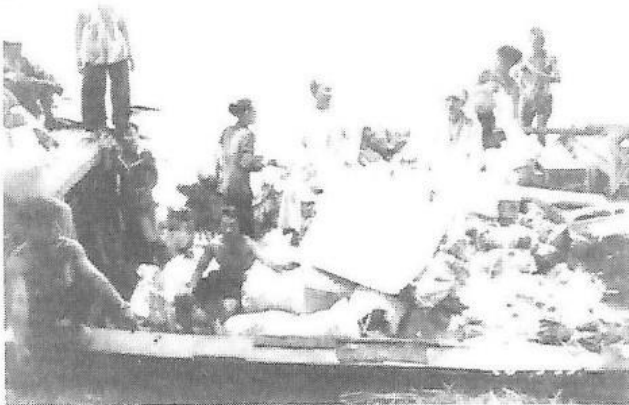
- Dạ cháu mua cơm, cháu đói quá à. Mẹ cháu nằm nhà thương, không có tiền mua thuốc, không có gì để ăn, cháu xin chẳng ai cho cả!

Nghe giọng nói của nó, tim tôi bỗng nhói đau, lòng chùng xuống. Đưa tay sờ vào túi mình, chỉ vòn vẹn còn được năm ngàn. Ôi! Có hàn lại gặp có hàn! Thằng bé lại nài nỉ:

- Cô cho cháu xin đi mà, cháu còn một đứa em nhỏ nữa, nó cũng đói lắm cô ơi!

Dù cố gắng hết sức, tôi cũng không sao ngăn được nước mắt. Tôi cúi xuống cầm lấy bàn tay nhỏ như que củi của nó bóp nhẹ:

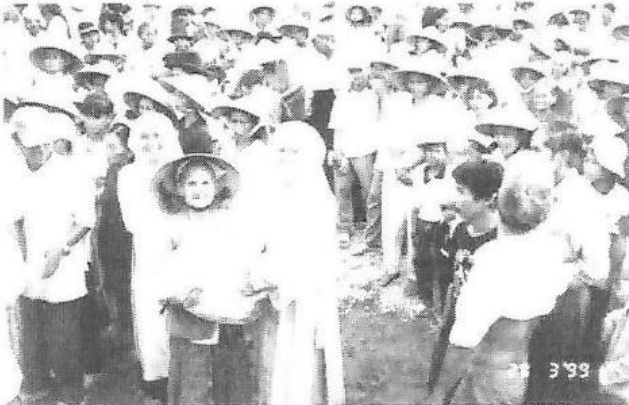
- Trời ơi sao cháu khổ thế này, ba cháu đâu? Anh chị cháu đâu? Bộ cháu không có họ hàng, nhà cửa hay sao?



Quả chất trên ghe, chuẩn bị khởi hành đến đầu sông Thu Bồn (28.3.1999)

Thưa cô, quê cháu ở Quế Lâm, ba cháu bị nước cuốn trôi không tìm ra xác, nhà cửa cũng vậy, cháu không có anh chị, chỉ có đứa em nhỏ, nó ở với mẹ cháu trong nhà thương, cháu không có họ hàng gì cả, cô cho cháu tiền đi cô, mẹ cháu mạnh mẹ cháu xin mới có tiền mua cơm, cháu xin chẳng ai cho cả, hai ngày rồi đói quá cô ơi!

Lần đầu tiên trong cuộc đời tôi chứng kiến một hoàn cảnh thực tại đau lòng này, nhìn thẳng vào gương mặt xanh xao, đôi mắt đại khổ, cùng cơn đói đang cào xé lòng em. Ôi! Phật ở miền Trung chúng con làm gì nên tội mà thiên tai cứ mãi phủ xuống đầu.



Quả phát bán bờ sông Thu Bồn, đồng bào lãnh quả từ trên ghe đưa xuống (28.3.99)

Trời ơi! Tôi làm gì bây giờ đây, trong tay chỉ còn vòn vẹn có năm ngàn đồng. Tôi sực nhớ: "Ồ" một miếng khi đói bằng một gói khi no". Tôi liền dắt nó đến tiệm kế bên, mua cho nó tô phở. Nhìn tô phở đang bốc hơi, mùi thơm ngọt ngào, nó tròn xoe đôi mắt gấp đến gấp đại một hơi hết nửa tô, bỗng đứng nó ngưng lại không chịu ăn nữa. Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Sao vậy, Bộ đói lắm hay sao mà cháu không ăn nữa?

Nó lắc đầu lia lịa:

- Dạ thưa không, cháu muốn để lại phần cho mẹ và em cháu, giờ này chắc mẹ và em cháu đói lắm!

Tôi nghe như lòng se thắt lại, một cơn gió lạnh thổi qua, trời như sụp tối xuống, vài ba chiếc lá vàng rơi rụng là tã. Thằng bé rùng mình vì lạnh, chiếc quần xà-lòn cũ rách mềm, làm sao ấm được thân bé nhỏ.



Ủy lạo đồng bào trại phong Hòa Vân, Đà Nẵng (30.3.99)

Tôi vội lấy bao ni-lông mua hết số tiền còn lại đưa cho nó và bảo nó mang gấp về cho mẹ và em. Thằng bé đứng lên ôm gói phở vào lòng, cúi đầu chào tôi rồi lúi thủi bước đi, chân nó không mang dép, đầu cũng chẳng có mũ, trông thật cảm thương.

Thành phố bắt đầu lên đèn, tôi vội vã trở về chùa, vừa đi vừa cầu nguyện: "Lạy mẹ Quán Thế Âm Bồ Tát, xin Ngài hãy từ bi rưới nước cam lồ cho miền Trung chúng con bớt khổ đau". Ôi nhiệm màu quá, năm giờ sáng hôm sau, Sư cô Diệu Phước gọi về báo là Phật tử chùa Vạn Hạnh, Hòa Lan, muốn gọi về một số tiền để cứu trợ miền Trung. Vừa nghe qua điện thoại, lòng tôi mừng khắp khởi như vừa uống một chén thuốc hồi sinh. Thế rồi ngày ngóng đêm trông, hôm nay tôi đã toại nguyện, cô Huệ Giác đã về và hướng dẫn đoàn gồm 40 người từ Sài Gòn ra, mang theo bao nhiêu là quà cáp, nào mùng, mền, thuốc, gạo v.v... Tội nghiệp có bác gần 80 tuổi cũng đầu đội vai mang ra tới miền Trung để cứu trợ. Ôi! Những tâm hồn thánh thiện làm sao. Thật là:

Nhiều điều phủ lấy giá gương

Người trong một nước phải thương nhau cùng



Thế rồi sáng nay cả đoàn dậy thật sớm sửa soạn lên đường, hướng về Quế Lâm, là nơi đầu nguồn mà chú bé đã mất đi tất cả. Đoàn chúng tôi gồm có một xe chở Phật tử và một xe chở hàng. Nhưng đến Phú Đa thì đường núi cheo leo gập ghềnh, xe không thể đi được nữa, chúng tôi phải sang qua một chiếc ca-nô khá lớn, mất hết

4 tiếng đồng hồ trên dòng sông Thu Bồn, đến nơi đã hơn 4 giờ chiều. Đồng bào nghe phái đoàn lên đã ra bến đón từ 8 giờ sáng cho đến chiều. Mặt người nào cũng đỏ gay như trái gấc, nhưng gương mặt đầy hân hoan, có cụ nhận quà mừng đến rồi nước mắt trông thật tội nghiệp. Phát quà xong là 6 giờ chiều, chúng tôi từ giã đồng bào trong niềm lưu luyến, rồi tiếp tục chạy dọc ven sông cho những đồng bào bị nước cuốn trôi luôn cả nền đất, bây giờ phải ở tạm dưới ghe, cảnh tượng quá đau thương, những cây cổ thụ ven sông đầu trở gốc lên trời, sông Thu Bồn thì bên bồi bên lở.



*Ai gây nên cảnh bế đàu
Trẻ thơ vô tội quần đàu khăn tang
Ai gây nên cảnh tiêu điều
Vợ hiền phải sống hẩm hiu một mình*



Dòng sông Thu Bồn vẫn lững lờ trôi chày đưa đoàn đến chùa Hưởng Sơn là đúng 12 giờ khuya. Dầu cực, dầu khổ, nhưng đoàn ai cũng phấn khởi được thấp ngọn đèn trí tuệ lên cây tử bi, cho tình người đều nở hoa hỷ xả, cho nhân loại cùng hái trái hạnh phúc an vui.

● Diệu Nguyên



(Các hình ảnh trên qua cứu trợ bão lụt trong đợt thiên tai bão lụt ngày 20.11.98)

Toa thuốc gia truyền

Lời Tò Soan: Đạo Hữu có toa thuốc này, trước kia bị tê bại nặng, nhờ dùng toa thuốc dưới đây nay đã hoàn toàn bình phục. Do đó, Đạo Hữu có nhã ý tặng báo Viên Giác để phổ biến cho độc giả bốn phương biết. Nếu ai muốn dùng toa thuốc này thì nên bố tại tiệm thuốc Bắc.

Báo Viên Giác xin chân thành cảm ơn Đạo Hữu.

TRỊ TÊ BẠI - THẤP KHỔP - NHỬ NHỐI



1. Trạch lan	4 chỉ
2. Cam kỳ tử	3 "
3. Xuyên khung	2 "
4. Độc hoạt	2 "
5. Hồ cốt hay cấu tích	4 "
6. Sinh địa	4 "
7. Ngũ tấ	3 "
8. Nhân nhục	5 "
9. Quế	2 "
10. Dương qui	3 "
11. Thục địa	2 "
12. Cam thảo	2 "
13. Đổ trọng	4 "

Một thang thuốc ngâm với 1 lít rượu trắng nhẹ, 1/2 kg đường phèn, 1 lít nước mưa (không có nước mưa thì lấy nước suối - Mineral Wasser - không có hơi). Ngâm độ hai tuần, thỉnh thoảng quấy đều. Uống trước bữa ăn và trước khi đi ngủ. Mỗi lần 1 ly nhỏ. Uống bao lâu và mấy thang cũng được, khi nào hết bệnh thì thôi.

CHÚC MỪNG

Nhận được hồng thiếp của Anh Chị Nguyễn Thành Nam, cựu SVSQ Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, báo tin Lễ Thành Hôn cho Trường Nam:

Martin Nguyễn Thanh Kỳ

sánh duyên cùng cô

Theresa Nguyễn Mỹ Anh.

Thủ Nữ của Ông Bà Nguyễn Duy Nương.

Hôn lễ được cử hành vào lúc 14 giờ Thứ Bảy ngày 15.5.1999 tại Thánh đường St. Andreas, Neuenbergerstr. 184 - 72760 Reutlingen.

Chúng tôi thành thật chung vui cùng hai họ và cầu chúc hai cháu **Thanh Kỳ & Mỹ Anh** Trăm năm hạnh phúc.

- Các Cựu SVSQ/Võ Bị Quốc Gia Việt Nam tại Đức Quốc, Bỉ Quốc, Hòa Lan, Anh Quốc, Pháp Quốc, Na-Uy.

- Phù Vân và Gđ. Đan Hà

CHÚC MỪNG

Được hồng thiếp của Ông Bà Dư Văn Biết (nhà thơ Dư Thị Diễm Bườn) ở Chicago - Illinois, làm lễ Vu Quy cho Trường Nữ:

Dư Cao Diễm Chi

đẹp duyên cùng cậu

Phùng Hữu Quang Huy

Trường Nam của Ông Bà Phùng Thuận ở San Diego, California.

Hôn lễ sẽ cử hành lúc 12 giờ ngày 05.6.1999 tại Illinois - Hoa Kỳ.

Chúng tôi xin chân thành chúc mừng hai họ Dư & Phùng có dâu hiền, rể thảo và cầu chúc cho hai cháu **Diễm Chi & Quang Huy** được Trăm Năm Hạnh Phúc.

- Ban Biên Tập báo Viên Giác, Đức Quốc.

- Phù Vân & Gđ. Đan Hà Trần Văn Huyền.

Hộp Thư VIÊN GIÁC

Trong thời gian qua Viên Giác đã nhận được những thư tử, tin tức, tài liệu, bài vở, kinh, sách, báo chí của các Tổ Chức, Hội Đoàn, Tôn Giáo và Văn Thi Hữu khắp nơi gửi đến.

● THƯ TÍN

Nhất Uyên Phạm Trọng Chánh (Pháp), Hạnh Nguyễn (Ấn Độ), Trần Hoài Nam (Đức), Đỗ Bình; Lâm Quang Cú Sĩ (Mỹ), Nguyễn Thượng Quê (Na Uy) Nguyễn Thanh Hồng (Đức), Bà Văn Nương (Pháp), Nguyễn Thùy (Pháp), Nguyễn Hoàng Bảo Việt (Suisse), Nguyễn Văn Cường (Na Uy), Trường Xuân Triệu Quyết Thắng (Đức), Thiện Nghiêm; Chân Định Nhân; Phương Hà + Nguyễn Long Thanh (Mỹ), Tuệ Nga (Mỹ), Nguyễn Thế Quang (Đức), Nguyễn Khanh đài phát thanh ACTD, Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam (Pháp), Đồng Lai (Đức), NTN Phạm Minh Đức (Đức), Văn Phòng II Viện Hóa Đạo GHPGVNTN Hải Ngoại tại Hoa Kỳ, Phan Quang Việt (Úc), Tùy Anh (Đức), Nguyễn Huệ Nhật (Đức), Bà Trần Bích Loan (Áo), Nguyễn Thị Hoa (Đức), GS. Vũ Kỳ (Bi), Phạm Minh Châu (Áo), Võ Thu Tịnh (Pháp), Hiếu Đệ (Mỹ), Thượng Tọa Thích Nhất Chân (Pháp), Thiện Căn Phạm Hồng Sáu & Hồng Nhiên (Đức), Như Giác & Diệu Nguyên (Việt Nam), Lê Thái (Đức), Trần Thu Thảo (Đức), Hoàng-Phí Lưu Hoàng-Nguyễn (Úc), TS Lâm Như Tạng (Úc), Thiện Hậu Nguyễn Minh Hiền (Đức), Diệu Trí; Thầy Quảng Bình (Đức), Trần Minh Hòa (Đức), Đức Hương (Đức), Ban Mê (Đức), Nguyễn Hữu Huấn (Đức), Nguyễn Thị Thúy (Đức), Võ Thị Nga (Đức), Người Quan Sát (Đức), Nguyễn Thừa Tín (Đức), Phạm Công Hoàng (Đức), Nguyễn Minh Tuyến (Đức), BS Trưởng Ngọc Thanh & DS Trưởng Thị Mỹ Hà (Đức), Trần Phong Lưu & Quỳnh Hoa (Đức), Mai Lý Cang (Pháp), Mỹ Vỹ & Lâm Thao (Pháp), Huy Giang (Đức), Phù Vân (Đức).

● KINH SÁCH & BÁO CHÍ

• Đức:

Việt Nam Thông Tin số 17; Buddh. Monatsblätter Nr.2; Cánh én số 88, 89, 90; Dân Việt số 33; Dân Văn số 68; Diễn Đàn

Petrus Ký số 8; Phục Hưng số 24, 26, 27; Thư Đông Sơn số 1; Meditation and Healing in the Theravada Buddhist order of Thailand and Laos - Ven. Dr. Mettanando Bhikka; Diễn Đàn Việt Nam số 93, 94, 95; Dân Chúa Âu Châu số 198, 199; Entwicklung und Zusammenarbeit Nr.5, 40, Juni; Chánh Niệm, Kỳ niệm 10 năm 1988-1998; Praxis aktuell Nr.1; Sinh Hoạt Cộng Đồng số 120; Tuổi Trẻ số 32, 33; Lotusblätter Nr.2; Der Mittlere Weg Nr.2; Tập San Thi Ca số 18; Diễn Đàn Tự Do số 16; Bản Tin Tâm Giác 5/99; Đường Về Kỳ Niệm - Lê Giao Văn; Buddha-Haus Mitteilungsblatt; Tạp Chí Việt Nam Hòa Bình số 22, 23; Chánh Tín số 1; Développement et Coopération Nr.3; Development and Cooperation Nr.3; Dân Chủ cho Việt Nam số 27; Wissen und Wandl 5/6; Ánh Sáng số 17; Bản Tin Đức Quốc 155; Việt Nam Dân Chủ số 32; Nhiệt Huyết số 22; Thiện Chí số 65; Lebensberatungsstelle 1998.

• Pháp:

Định Hướng số 18; Một cái nhìn mới về học thuyết xã hội Công Giáo & Nhân Quyền và Giáo Hội - Định Hướng Từng Thứ; Việt Nam Dân Chủ số 3, 31; Nặng Gõ số 8; Nhân Bản số 29, 30, 31; Niềm Vui Sống Đạo - TGM Nguyễn Văn Thuận; Bản Tin Khánh Anh số Tháng 4/99; Normandie; Tiếng Nói Người Việt Quốc Gia số 5; Tiếp cận tư tưởng Việt Nam và vấn đề Triết Học & Tiếp cận tư tưởng Việt Nam và tư tưởng Nguyễn Du qua Đoạn Trường Tân Thanh - Nguyễn Đăng Trúc; Bản Tin PTGDVNHN số 45; Quê Mẹ số 151.

• Thụy Sĩ: Mục Vụ số 176 & 177.

• Áo: Hoa Sen số 12.

• Hòa Lan: Việt Nam Nguyệt San số 139 & 140;

• Bỉ: Nghệ Thuật Viết Văn & Đọc Văn - GS Vũ Kỳ;

• Hoa Kỳ:

Snow Lion Nr.4; Thánh Kinh Thiện Thệ & Thánh Kinh Thiện Đức - HT. Thích Chơn Thanh; Khói Núi Trầm Thành & Tranh Chấn Trâu - HT. Thích Kế Châu; 50 Mẫu Chuyện Đạo chọn lọc & Phật Pháp tập 1 - HT. Thích Chánh Lạc; Việt Nam đất nước thần tiên xuyên qua chùa chiền tập 1&2 - Chánh Lý Kiều Thái Đức; Ánh Sáng và Bóng Tối - Quán Như - Trần Minh - Vô Úy; Con Đường Tu Tất- Thiện Tâm; Phật Giáo tập 1&2 - Tuệ Quang; Đường Về Nội Tâm - Thích Nữ Trí Hải; Ánh Sáng Phương Đông - Nguyễn Tấn Tài dịch; Kinh Ấn Dụ 1&2 - T. Hồng Đạo; Mây Trắng Thông Dong & Đức Phật vẫn ngồi yên - Huyền Không; Vạn Hạnh kẻ qua cầu lịch sử & Tư Tưởng A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận - HT. Thích Mãn Giác; Lược giảng Kinh Pháp Hoa - HT. Thích Thiện Siêu; Lăng Lồng Nhìn Lại - Thích Tử Lược; Trên Dòng Tử Sinh - Thích Trí Cao; Máy Điện Sen Thanh & Liên Tông Thập

Tam Tố - HT. Thích Thiện Tâm; Công Giáo chính sử - Trần Chung Ngọc; Xướng Minh Tịnh Độ - Thích Hải Quang; Long Thư Tịnh Độ - TT. Thích Quảng Thiệp; Tam Tố Trúc Lâm giảng giải - HT. Thích Thanh Từ; Đại Cương Triết Học Trung Quán - TT. Thích Viên Lý dịch; Tiếng Lòng - Đinh Nhật Thiện, Cao Thị Ngọc Anh, Thượng Tâm Thị, Minh Phát; Chuyện Trăng Đêm - Tôn Nữ Hoàng Hoa; Ho Chi Minh & Vietnamese Communists Crimes Exposed; Phật Quang Thế Kỳ số 43, 44; Chân Trời Mới 4/99, 5/99; Tự Do Dân Bản số 73; Phật Giáo của Nhi Đồng - HT. Thích Chánh Lạc; Đẹp Magazine Nr.394; Tin Lành số 39, 40; Ch'an Magazine spring 99; Sự Thật - Lê Hữu Dân; Phật Đản 2543 chùa Viên Minh; Giao Điểm số 32; Phát Bồ Đề Tâm chùa Quang Minh; Đuốc Từ Bi số 57; Bồ Đề Hải số 43.

• Canada:

Quan Âm; Đi Tỏi số 20, Đi Tỏi số Đặc biệt 5/99; Sen Trắng số 3; Pháp Âm số 64.

• Úc Châu:

Chuyển Luân số 14, 15; Kinh Bát Nhã lý thú Phân Thuật Tán - Chùa Pháp Bảo; Pháp Bảo số 53.

• Đài Loan:

Art News Nr.40, 41, 42; Thiên Phật Sơn số 119, 120, 121; Hiện Đại Phật Giáo số 215, 216; Hsin Chung Hwa Magazine Nr.18.

• Sri Lanka: The Buddha's Tenching.

THÔNG BÁO

Chùa Viên Giác đang in ấn tổng "3 Kinh Tịnh Độ" gồm Kinh Quán Vô Lượng Thọ, Kinh Vô Lượng Thọ và Kinh A Di Đà bằng tiếng Việt, do Thượng Tọa Thích Thiện Thông dịch và chú giải rất rõ ràng. Đây là 3 bộ kinh quan trọng cho những người tu theo pháp môn Tịnh Độ.

Ba quyển đóng chung thành một. Kinh dày hơn 250 trang. Đóng bìa cứng mạ vàng. Giá thành mỗi cuốn Mười Lăm Đúc Mă. Quý vị nào muốn ấn tống và muốn nhận được kinh, xin liên lạc về Chùa Viên Giác. Xin đa tạ.



Tôi Có ...

Tôi có một trời mộng thiết tha
Đàn rung lên nhạc, gió rung
hoa
Bình minh thấp sáng rung
chân sáo
Một thuở quê hương sống thái
hòa

Tôi có tuổi thơ dưới mái trường
Vô tư đâu biết chuyện sâu
thương
Cùng thầy với bạn tình yêu
mến
Trải rộng bao la lòng đại
dương

Tôi có dòng sông đẹp tuyệt vời
Êm đềm như nước chảy dòng
xuôi
Những chiều nghỉ học đua
nhau tắm
Rộn rã không gian những tiếng
cười

Tôi có đời trai mộng đạt dào
Có lời Mẹ hát ngọt ca dao
Chiều về khói tỏa vương mái lá
Ngan ngát trời thơ bóng trăng
sao

Tôi có hàng cau nghiêng với trời
Cây đa đầu xóm lá xanh tươi
Mái đình cổ tích rêu phong
phủ
Chứa cả hồn thiêng của muôn
đời

Tôi có Chùa xưa, có miếu
đường
Ngày rằm mừng một đến dâng
hương
Cầu cho quê mẹ thanh bình
mãi
Như tiếng chuông chiều vọng
bến sương

Tôi có sân phơi buổi nắng hè
Cơm chiều mẹ dọn dưới trăng
quê
Mái tranh ôm ấp tình gia đạo
Dụng cụ ngày Cha đón Mẹ về...

Tôi có cau xanh, với trầu hồng
Có xôi nếp một, chuối bà
huương
Keo sơn khắng khít tình thôn
xóm
Ấm áp chan hòa lẫn yêu
thương

Tôi có trai quê, có gái làng
Má hồng mỗi lúc chớm xuân
sang
Ngại ngần khi muốn lòng gặp
gỡ
Để được chung nhau chuyện
đá vàng

Tôi có cánh đồng lúa mênh
mông
Có mùa hạ trắng, có mưa đông
Lũy tre theo gió đùa nghiêng
ngả
Đám cưới nhà ai pháo đỏ hồng

Tôi có những lần nhóm chợ
Phiên
"Ai lên Cam Lộ cứ theo lên
Sáu phiên một tháng còn ghi
nhớ
Nên dẫu xa rồi dạ chẳng quên"

Tôi có rất nhiều kỷ niệm xưa
Một thời hoa mộng, một trời
thơ
Nhưng nay xa cách ngoài ngàn
dặm
Chỉ thoảng hương về mỗi giấc
mơ!



PHƯƠNG DANH CÚNG DƯỜNG

(Tính đến ngày 09. 6.1999)

Trong thời gian gần đây, Chùa có nhận được tiền của quý Đạo Hữu gửi bằng cách chuyển qua Ngân Hàng hay bằng Bưu Phiếu, nhưng không có ghi rõ mục đích. Thí dụ như Cúng Dường hoặc Tam Bảo, Xây Dựng Chùa, Ấn Tống Kinh, Pháp Bảo, trả tiền bánh trái v.v...

Ngoài ra có Đạo Hữu nhờ người khác đứng tên chuyển tiền nhưng không rõ là chuyển tiền dùm cho ai để Cúng Dường hoặc thanh toán về vấn đề gì. Do đó khi nhận được tiền, Chùa không thể nào ghi vào sổ sách được.

Để tránh những trở ngại nêu trên, kính xin quý Đạo Hữu khi chuyển tiền hoặc gửi tiền về Chùa nhờ ghi rõ Họ & Tên, địa chỉ đầy đủ và mục đích, để Chùa tiện ghi vào sổ sách.

Ngoài ra khi quý vị xem Phương Danh Cúng Dường xin đọc phần trên cùng là tính đến ngày...? tháng...? để biết rằng tiền đã chuyển đi ngày nào và tại sao chùa có tên trong danh sách. Chùa có 2 số Konto. Riêng số 870-3449 thì Một Tháng ngân hàng mỗi báo một lần, nên có sự chậm trễ đăng tải danh sách trên báo. Kính mong quý vị thông cảm cho.

Thành thật cảm ơn quý Đạo Hữu.

Danh sách PDCD của quý Đạo Hữu và Phật Tử, chúng tôi xin phép chỉ đánh máy một lần chữ ĐH (Đạo Hữu) ở bên trên.

● TAM BẢO

ĐH. Phan Thị Hương (Radeberg) 20DM. Lê Văn Hào (Hamburg) 50DM. Asia Cuisine (Hannover) 20DM. Phạm Thị Bích Dục (Langenhagen) 20DM. Trần Minh Nhật (Nürnberg) 30DM. Đặng Văn Tân 50DM. Phạm Xuân Đông (Dresden) 100DM. Trần Thị Dương (") 20DM. Nguyễn (Lim) 50DM. Hoàng Minh Toàn 20DM. Vinh & Thủy 20DM. Bùi Thị Lượng Mỹ (Leipzig) 20DM. Nguyễn Thị Thu Hương (Ingolstadt) 20DM. Trần Thị Hồng Cúc 100DM. Trần Mỹ Huệ (Münster) 20DM. Trần Ngọc Huệ (") 20DM. Trần Yến Huệ (") 20DM. Trần Thanh Huệ (") 20DM. Trần Thế Huệ (") 20DM. Trần Thắng Huệ (") 20DM. Thiện Duyên + Thiện Hồng (") 40DM. Wolfgang Kaspar Nguyễn Chi (Lindenberg) 30DM. Thiện Ý (Hannover) 30DM. Thiện Đạt Lê Văn Tiến (Papenburg) 20DM. Võ Thị Mận (Wuppertal) 50DM. Cao Xuân Bắc (Salzwedel) 20DM. Mã Chi (Münster) 20DM. Phan Xuân Ngô (Sonneberg) 50DM. Huỳnh Văn Gia (Áo) 200Schl. Ban Hộ Trì chùa Viên Giác 80DM. Lê Thị An Thanh 20DM. Đỗ Lê Mai (Dresden) 20DM. Lê Văn Sơn (Việt Nam) 20DM. Đặng Man Quê

(Osnabrück) 10DM. Daun Suhmoll 10DM. Mũi Hen 10DM. Thiện Lộc (Mannheim) 30DM. Văn Ngọc Xuân 20DM. Thiện Vân 20DM. Nguyễn Quốc Đức 50DM. Trần Mỹ Vân 10DM. Mai Thị Toàn 30DM. Phan Doãn Lanh (Magdeburg) 50DM. Tăng Minh Huệ (") 20DM. Nguyễn Khắc Kiêm (") 10DM. Đặng Xuân Bình (Berlin) 40DM. Tăng Qui Hao 100DM. Sam Tu + Kiêm Lưu 50DM. Quan Kim Khoan (BS) 20DM. Trần Thanh Pháp (Hannover) 10DM. Nguyễn Văn Chung (München) 50DM. Hoàng Xuân Hòa (Dresden) 20DM. Võ Thị Mỹ (Wiesbaden) 40DM. Jiap Mike Thomas 40DM. Hồng + Tâm + Liên + Duy (Potsdam) 20DM. Rest. Hồng Kông (Sul) 100DM. Eric Bahne 20DM. Hoàng Đức Dũng (Berlin) 20DM. Charatsiri Tham 10DM. Đình Viết Hồng Sơn 10DM. Nguyễn Thị Ngọc (Hamburg) 10DM. Huỳnh Thị Xuân (Heilbronn) 20DM. Teichkener (Langenhagen) 10DM. Diệu Lương (Việt Nam) 10DM. Hoàng Thị Diệp 20DM. Thiện Giải (Rotenburg) 20DM. Thu Tú (Hannover) 30DM. Bunsong Aluer (Berlin) 90DM. Nguyễn Thị Hiệp (Bad Beneck) 20DM. Phan Thị Dich (Bad hecheneck) 20DM. Dú Minh Hồng (Frankfurt) 20DM. Đặng Ngọc Bán (Norderstedt) 100DM. Nguyễn Tinh Hoa 20DM. GĐPTVN tại Đức 500DM. Chúc Tiến (Frankfurt) 150DM. Nguyễn Quốc Ân (Pháp) 100DM. Ngô Đình Khoa 300DM. Tsang (Rietberg) 80DM. Trang Vĩ Hùng (Immerstadt) 1.000DM. Gđ ĐH họ Đoàn (Frankfurt) 700DM, HHHL ĐH Đoàn Thị Yến. Gđ. ĐH tại Frankfurt 500DM, HHHL ĐH Trương Thị Cửu. Nguyễn Thấu (USA) 30US, HHHL ĐH Đào Thị Hà. Phạm Nam Sơn & Hiền (") 200US. Nguyễn Văn Lâm & Lý (") 100US. Chiêu Nhân (") 50US. Huỳnh Luyện (") 10US. Hồ Sỹ (") 30US. Quý Phật Tử chùa Vạn Hạnh (") 200US. Diệu Thuận & Diệu Luân (") 30US. Kim (") 10US. Ấn danh (") 60US. Trần Phước Anh (") 40US. Du & Mỹ (") 100US. Thái Graives (") 50US. Chu Bá Tước (") 100US. Chu Thị Lan Đài (") 100US. Phạm Tâm Đoàn (") 50US. Diệu Tuấn & Hạnh Ngọc (") 70US. Quý Phật Tử chùa Phật Bảo (") 100US. Nguyễn Lệ Dung (") 20US. Chùa Phật Bảo (") 200US. Nguyễn Tấn Hưng & Hồng Lan (") 40US. Chúc Xuân & Chúc Thuận & Minh Thường (") 80US. Diệu Ngọc (") 100US. Thiện Nhân Phạm Văn Quý (") 100US. Nhà hàng chay Mỹ Liên (") 200US. Minh Độ Diệu Viên (") 50US. Quảng Trí & Huệ Thanh (") 60US. Từ Tâm (") 50US. Hoàng Thị May (") 20US. Huỳnh Thị Kính (") 40US. Chón Thái & Minh Bảo (") 50US. Hà Cúc Anh (") 50US. Thiện Đạt & Thanh Hiền (") 100US. Quảng Hướng (") 30US. Giác Ngọc (") 50DM. Chùa Từ Quang và quý Phật Tử (") 250US. Ấn danh (") 100US. Ni sư Nguyễn Thanh (") 100US. Ấn danh (") 20US. Diệu Đạt & Như Thoại & Thiện Ngô & Ngọc Trường (") 110US. Đồng Từ (") 500US. Lý Văn Hiệp (Karlsfeld) 500DM. Đoàn Thị Thuận (Suisse) 60FS. Hồ Thị Lý (") 100DM. Vũ Chí Thuận (Arnstadt) 10DM. Lê Tâm (Berlin) 50DM. Trần Thị Liên (Đan Mạch) 800Kr, HHHL ĐH Thiện Nhơn Thái Phi Long. Chung Ngọc Liên (") 300Kr. Trần Thị

Ba (Pforzheim) 1.000DM. Phạm Thị Cúc 40DM. Biện Thị Mai (Hamburg) 50DM. Nguyễn Văn Phước 50DM. Phạm Công Ban (Suessen) 20DM. Trần Văn Nam 30DM. Hoàng Duy Nguyên (Mettmann) 30DM. Trần O. Thi (Bendorf) 50DM. Trưởng Trần Vũ Phan 100DM. Trần Tân Tiếng 20DM. Quách Minh Vũ (G'Marienhütte) 20DM. V&V Ana Dekoration 500DM. Tsang Kam Chôi 50DM. Leuchtweis Chí Thanh 1.000DM. Phạm Bình 200DM. Nguyễn Minh Huệ 100DM. Quang Chí Trung (Tübingen) 200DM, HHHL ĐH Quang Thanh. Hồ Cao Xuân Hương (Hannover) 40DM. Fam. Jersch (") 100DM. Bùi Hồng Vân (Recklinghausen) 100DM. Nguyễn Văn Trọng (Salzgitte) 20DM. Phan Huy Tấn (Mannheim) 100DM. Võ Quang Châu (Bremen) 50DM. Trần Kim Sơn (Regensburg) 27DM. Phạm Hữu Phước (Bergisch Gladbach) 100DM, HHHL ĐH Mai Thị Quyên và Trương Thị Kim Phượng. Phạm Văn Út (Ý) 10.000Lire. Nguyễn Thị Hường (Suisse) 200FS, HHHL ĐH Trần Hiền. Đỗ Thị Hiền (") 50FS. Chi Hội PT 3 vùng Erlangen + Fürth + Nürnberg 1.000DM. GĐPT Chánh Dũng 220DM. Phật Tử München 130DM. Gđ. ĐH Đức Hương & Diệu Tịnh (Fürth) 500DM, HHHL Thân Mẫu. Giang Văn Phượng (Zindorf) 300DM. Thiện Pháp (Stuttgart) 50DM. Phạm Thanh Bảo (Bad Durrenberg) 100DM. Phường (Celle) 40DM. Trần Anh (Gießen) 20DM. Triệu Thị Thực (Hameln) 20DM. Wiriya Trần (Bielefeld) 100DM. Đào Quang Vinh (Halle) 100DM. Michael 40DM. Siripon Vongnongley 50DM. Fam. Bock (Saarland) 20DM. Vương Tuấn Vũ (Diepholz) 10DM. Nguyễn Thị Em 20DM. Trần Duyệt Sanh (Nordhausen) 100DM. Nguyễn Quê Thị Xuân Hiền (Pháp) 115DM. Hường Görlinger (Villingen) 30DM. Đỗ Trí Huệ (Pluderhausen) 50DM. Lê Trần Thúy Phượng (Pforzheim) 50DM. Nguyễn Khánh Thìn (Regensburg) 100DM. Trần Đình Hữu (Pháp) 100FF. Nguyễn Văn Tư (USA) 100US. Hans u. Panida Quak (Dortmund) 50DM. Hans - Joach - Quak (") 140DM. Boonne Gatzke (") 20DM. Nguyễn Thị Ngọc Oanh (Rostock) 100DM. Võ Sĩ Ngọc (Wolfsburg) 10DM. Nguyễn Thị Mỹ Dung (Bremen) 50DM. Đào Thiện Mẫn (Weetzen) 20DM. Văn Anh Scharpen (Hannover) 10DM. Đặng Quang Ngọc (") 10DM. Lê Bích Lan (") 10DM. Trần Thanh Pháp (") 20DM. Trần Thị Hường (Garbsen) 20DM. Phạm Thị Tuất (") 10DM. Vũ Anh (Lemwerder) 45DM. Lê Thị Thu Hà (Berlin) 10DM. Đỗ Thị Xuân Đào (Delmenhorst) 10DM. Ong Chin Siew 30DM. Tôn Nữ Thanh Vân 50DM. Trưởng Ngọc Thanh 100DM. Trang Lương 50DM. Thái Sến (Pforzheim) 50DM. Chi Hội PTVNTN Rottweit & Tuttlingen 900DM. Hồng Lệ 100DM. Thiện Phẩm (Spaichingen) 50DM. Huỳnh Thị Hoàng (") 50DM. Lệ (Donaueschingen) 50DM. Nguyễn Thị Thu Hằng (") 50DM. Phan Hữu (Tuttlingen) 150DM. Lê Văn Mười (") 30SM. Gđ. ĐH họ Nguyễn (Pforzheim) 500DM, HHHL ĐH Nguyễn Văn Minh. Lý Thanh Hường (") 50DM. Trần Thị Thúy Hạnh (Spaichingen)

50DM. Nguyễn Văn Nhiệm (") 100DM. Gđ. PT Xuân (USA) 100US. Trần Bạc Lư (") 50US. Đỗ Anh Tuấn (Việt Nam) 14DM. Đoàn Trọng (") 10DM. Nguyễn Thị Quang (Neustadt) 100DM. Đặng Thị Việt Hà (Leipzig) 10DM. Phạm Văn Bình 20DM. Frank u. Hiệp (Berlin) 20DM. Kim Phượng Janzik (Fürstenfeld brunk) 300DM. Lục Thế Hải (Dachau) 50DM. Rattanavong (Kiel) 50DM. Thu Dung Xuân (Burgwedel) 10DM. Kỳ Anne + Jan (Hannover) 20DM. Huỳnh Quốc Thắng 10DM. Nguyễn Thị Bình (Rosengarten) 50DM. Phùng Chu (USA) 50DM, HHHL ĐH Nguyễn Hữu Lãng. Greve, Ute (Lehrte) 50DM. Trung Vĩ Hùng (Immerstadt) 1.000DM. Ngô Thị Hồng Mỹ (Đan Mạch) 50DM, HHHL ĐH Ngô Hải Phát. Trần Anh Tuấn (Hannover) 10DM. Võ Văn Hằng (Wilhelmshaven) 20DM. Fam. Tiêu 10DM. Ngô Mạnh Dũng (Việt Nam) 5DM. Phạm Văn Tâm (Erfurt) 50DM. Phạm Ngọc Kỳ 40DM. Hoàng Hùng Túồng (Hannover) 100DM. Mùi (Chemnitz) 10DM. Lý Quốc Thái (Lüdenscheid) 20DM. Dung Tuấn - Minh (Chemnitz) 10DM. Bằng (") 10DM. Trần Kim Nghĩa (") 10DM. Văn Lâm (") 20DM. Tuyết 20DM. Hằng Bình 20DM. Trần Minh Trung (Việt Nam) 5DM. Việt 10DM. Lê Bích Lan (Hannover) 10DM. Nguyễn Thị My (") 10DM. Triều Châu 100DM. Nguyễn Công Chiến 10DM. Dương Thu Yến 10DM. Nguyễn Thị Mùa (Chemnitz) 20DM. Nguyễn Thị Thanh 10DM. Chen You Hua 20DM. Agung Witfahsono (Hòa Lan) 50DM. Chùa Linh Thủ (Berlin) 400DM. Gđ. Cô Huệ Nhiệm (") 150DM. Thiện Sơn (") 50DM. Gđ. ĐH Nguyễn Huyết (") 250DM. Văn Công Trâm (Iserlohn) 100DM. Nguyễn Phương Tâm (Mannheim) 20DM. Ấn danh (Pháp) 20FF. Tăng Kai Ming 100DM. Asia Cuisine (Hannover) 20DM. Hưởng (Emden) 20DM. Đoàn Trung Cường (Garbsen) 10DM. Phạm Thị Thủy (Ronnenberg) 8DM. Đào Thiện Mẫn (Weetzen) 20DM. Phạm Thị Oanh (Nidda) 40DM. Huỳnh Thiết Huệ 100DM. Mạch Hùng Tân (Ol.) 200DM. Châu Mã Pô (Schwabach) 100DM. La Sơn Minh 50DM. Ôn, La Tô Ấn 50DM. Tạ Thị Thanh Huyền (Hameln) 20DM. Hà Ngọc Thịnh (") 20DM. Phạm Văn Hải (Giesen) 10DM. Huỳnh Văn Chung 20DM. Đoàn Văn Nội 20DM. Trần Thanh Pháp (Hannover) 20DM. Ong Chin Siew 30DM. Nguyễn Thu Hà (Empodel) 10DM. Đặng Ngọc Hà & Phú (Ludwigshafen) 50DM. Trần Tiến Nam & Đức Mỹ Lưu Trần Thị Hoa & Thiện Nữ Trần Thị Thảo Tôn (Ismaning) 500DM. Hồng Sum Kỳ (München) 400DM. NPĐ Tâm Giác và Chi Hội PTVNTN tại München 1.100DM. Đỗ Hướng Bình 100DM. Huỳnh Tất Thái (M'Gladbach) 20DM. Lê Ngọc Túy Hường (Kassel) 5.000DM, chuyển từ việc cho TT Dưỡng Lão muộn. Möller Darunee (") 400DM. Nguyễn Thấu (USA) 30US. Lê Văn Danh (Darmstadt) 200DM, HHHL Yếu tử Lê Hoàng Dường. Gđ. HL Phạm Nhật Linh (Jade) 200DM. Gđ. HL Yếu tử Mai Hương Ly (Osnabrück) 500DM. Nguyễn Thị Thanh Hoa (Alhorn) 20DM. Lương Mẫn Long (Oldenburg) 30DM. Phạm Bình Nguyễn (Homburg) 100DM. Vũ Thị Dị (Rostock)

50DM. Đỗ Trí Huệ (Pluderhausen) 100DM. Ngô Quang Diễm Phi (Emmering) 30DM, HHHH ĐH Ngô Quang Phước. Nguyễn Thị Khanh (Hasbergen) 10DM. Đinh Thị Hà (Osnabrück) 20DM. Phạm Thị Thanh Hà (") 50DM. Phạm An Thanh (Bad Iburg) 20DM. Khu Dung + Hải + Dung (Jadeberg) 40DM. Nguyễn Thị Kim Dung (Halle) 20DM. Nguyễn Phú Minh (Bargsen) 20DM. Phạm Thị Ngọc Sương (Göttingen) 50DM. Lê Thị Minh Hiền (Kastamenchen) 1US. Văn Hai 30DM. Phan Văn Thiệt (Steinhude) 100DM. Nguyễn Thế Cường 10DM. Phạm Minh Hà (Tiệp) 10DM. Lý Văn Hiệp + Thu Trang (München) 500DM, HHHH ĐH Thiện Thủy Đào Thị Hà. Tô Vĩnh Hòa (Marienhafen) 500DM. Tống Thị Bình (Konz) 10DM. Đào Thị Chúc (Großselseln) 20DM. Nguyễn Hải Nhân (") 20DM. Trần Ngọc Hà (Saarbrücken) 30DM. Trần Huy Quý (Dillingen) 50DM. Huỳnh Thị Xuân Hương (Wiesbaden) 20DM. Nguyễn Thị Hồng (Mainz) 50DM. Phường Thị Đại (Kleinostheim) 100DM. Sơn Phương 20DM. Fam. Viên 50DM. Nguyễn Minh Tuấn (Homburg) 50DM. Nguyễn Văn Mười (Saarbrücken) 40DM. Nghiêm Thụy Sinh (") 20DM. Lâm Đức Trung (") 50DM. Vũ Đình Đức (") 50DM. Giang Lăng Cui (") 50DM. Ấn danh (") 100DM. Lý Dung Phước + Phi (") 100DM. Đặng Thị Thu Hương (") 50DM. Dục Thị Hòa (") 20DM. Thanasak Quý (Riegelsberg) 30DM. Chi Hội PT Saarland & VPC 580DM (tiền sinh hoạt phí) + 555DM (tiền phát hành bánh). Ban Liên Lạc Phật Tử Koblenz 300DM. Minh Tấn + Thiện Thủy (") 300DM. Nguyễn Trí + Nguyễn Tử (Neu Anspach) 100DM. Thanh Lê 30DM. Tiêu, Trịnh Ngọc Hoa (Konstanz) 40DM, HHHH ĐH Trịnh Nương Tao. Thái Thị Hồng Hạnh (Ý) 30.000Lire, HHHH ĐH Trương Thị Sáu. Phùng Thị Thanh (Stockach) 20DM. Nguyễn Thanh Toàn (Olching) 50DM. Dresden e.V. (Dresden) 120DM. Diệu Phẩm (Hannover) 50DM, HHHH ĐH Diệu Ngọc. Trần Thị Ba (Pforzheim) 50DM. Chí Hau Cam 200DM. Vũ Thị Tuệ (Erding) 60DM. Altreiter Mario 240DM. Nguyễn Thị Nở (Pháp) 100FF. Bambusgarten Rest. (Trier) 100DM. Hằng Ứng (Speyer) 100DM. Vũ Thị Minh Hằng (Karlsruhe) 100DM. Tôn Nữ Thị Trung (") 50DM. Phật Tử Đan Mạch 1.000Kr. Thiện Thế (Hannover) 30DM. Đồng Lai (Reutlingen) 30DM. Diệu Hòa 30DM. Phúc Quảng 30DM. Diệu Phúc 30DM. Thiện Thủy (Koblenz) 50DM. Tuệ Nhựt (München) 50DM. Huỳnh Thu Diệu (") 60DM. Minh Vinh (Aachen) 30DM. Nguyễn Trọng 50DM. Thiện Ngôn (Hannover) 150DM. Lâm Thị Ngọc Châu (Recklinghausen) 50DM. Minh Dũng (Aschaffenburg) 30DM. Mỹ Trinh (Đan Mạch) 500Kr. Đặng Văn Tường (Reutlingen) 20DM. Soh Kheng Ngow Chhor 200DM. Hải Hà Wulf (Lübeck) 20DM. Thiện Huệ (Essen) 20DM. Lan + Hải (Aschersleben) 50DM. Ngân Trưởng (Hòa Lan) 10DM. Diệu Trí Trần Thị Len (Neu Anspach) 50DM. Nguyễn Văn Tịnh (Quellinburg) 10DM. Wolf Dieter (Hannover) 10DM. Nguyễn Thị Minh Sáu (Ronnenberg) 20DM. Lê Thị Dỗ (Dienbach)

50DM. Đào Thiện Mẫn (Weetzen) 10DM. Nguyễn Văn Tám 20DM. Trương Thị Ngọc Diệp 20DM. Vương Tuấn Vũ (Diepholz) 10DM. Dường Liên Siêu (Celle) 20DM. Diệu Bình (Berlin) 20DM. Tâm Bích (") 20DM. Nguyễn Đình Kham (Hòa Lan) 10Guld. J. Achim (Struysch) 10DM. Võ Thông (Münster) 20DM. Trần Thanh Pháp (Hannover) 20DM. Lê Thị Bích Lan (") 10DM. Loai D.D. (") 10DM. Lưu Văn Minh (Schwerin) 50DM. Lê Thái Bắc (Aschenstedt) 20DM. Từ Phổ (Berlin) 50DM. Thiện Sanh 30DM. Chin Siew 30DM. Trần Thị Minh (Saarbrücken) 50DM. Nguyễn Phương Mai (Weetzen) 10DM. Đỗ Đình Trường 20DM. Nguyễn Trung Dũng (Eisleben) 20DM. Thiện Lý (Fürth) 50DM. Đoàn Thị Hằng 10DM. Nguyễn Trung Hà (Chemnitz) 20DM. Mạch Minh Tân (") 20DM. Mạch Bích Hà 10DM. Nguyễn Xuân Hùng (Hannover) 20DM. Trịnh Ngọc Hải (Memmingen) 20DM. Chu Mai Hương (Schwarzenberg) 100DM. Hàng Hữu Trung (Garbsen) 10DM. Vương Kim Huệ (Suisse) 100DM, HHHH ĐH Vương Bình Pđ Phúc An. Bùi Quý Thủy (Scharzenberg) 50DM. Đào Thiện Mẫn (Weetzen) 10DM. Nguyễn Thị Minh Sáu (Ronnenberg) 20DM. Fam. Teichner (Langenhagen) 10DM. Nguyễn Anh Tu (Mannheim) 30DM. Võ Thị Nhân (Ý) 100.000Lire. Trần Minh Tuấn 20DM. Diệu Phụng (Langen) 100DM. Khóa Giáo Lý nhân lễ Thăng Thiên tại chùa Viên Giác 600DM. Đỗ Tuyết Nga (Mannheim) 200DM. Nguyễn Thị Lý (Göttingen) 20DM. Nguyễn Văn Phong (Paderborn) 150DM. Phạm Đình Nhũ (Schorndorf) 20DM. Bùi Thị Dối (USA) 100US. Lê Thị Ngọc Lan (Erlangen) 50DM, HHHH ĐH Minh Thanh Lê Kim Long. Ngô Quế Chấn (Dachau) 50DM. Võ Thị Dạ Lan (Hòa Lan) 50Guld. Trần Mạnh Quang (") 30Guld. Vũ Ngọc Hiệp (Bernkastel-Kues) 20DM. Lê Thị Bích Tùng (Hannover) 50DM. Nguyễn Thị Mỹ (") 10DM. Trần Thanh Pháp (") 10DM. Hoàng Ngọc Minh (Pháp) 1.000FF, HHHH ĐH Hoàng Ngọc Linh. Nguyễn Văn Tám 20DM. Nguyễn Viết Đạm 10DM. Apa + Horstkönig 20DM. Nguyễn Mỹ Hạnh + T. Mẫn (Weetzen) 20DM. Nguyễn Trinh (Donaueschingen) 50DM. Rangsiya Ahlvers 50DM. Đỗ Chúc Liêm (Schwenningen) 100DM. Lại Huỳnh Thiện Xuân + T. Mỹ (Frankfurt) 100DM. Nguyễn Công Tâm (") 500DM, HHHH ĐH Trương Thị Cửu. Nguyễn Thị Mai Hương 20DM. Nguyễn Duy Ánh 30DM. Đặng Tôn Hiền 50DM. Thái Cẩm Huệ (Nürnberg) 150DM. Trần Phụng 20DM. Phi Thị Chính (Dranske) 20DM. Trần Anh Tuấn (Hannover) 20DM. Nguyễn Viết Tâm (Stuttgart) 20DM. Gđ. họ Trưởng (") 20DM. Đỗ Chánh Dân (Sindelfingen) 100DM. Bà Bảy (") 30DM. Lý Môn 10DM. Nguyễn Thị Tâm (Lehrte) 30DM. Peter Duyệt (Berlin) 25DM. Võ Văn Trúc (") 50DM. Mã Kim 20DM. Bunsong Röhl 50DM. Trương Văn Nhung (Erfurt) 30DM. Nguyễn Thị Hương Mai (") 50DM. Trần Thị Thanh Thủy (Chemnitz) 10DM. Wolfgang Rößiger (") 10DM. Trần (Wünstenbrad) 20DM. Thái Văn Mùi 50DM. Châu Lệ Anh (Sweden) 200Kr. Bảo Thuận (") 300Kr. Bảo Niệm (")

200Kr. Diệu Như (") 400Kr. Diệp Kim Huệ (") 100Kr. Trần Hù (") 500Kr. Vũ Thị Mai (") 200Kr. Chúa Đại Bi (") 500Kr. Nguyễn Thị Thìn (") 200Kr. Diệu Thọ (") 100Kr. Lưu Văn Tý (") 200Kr. Đỗ Thị Phong (") 500Kr. Trần Thị Duyệt (") 200Kr. Trần Hồ (") 200Kr. ĐH. Tuyết (") 500Kr. Khóa học Phật Pháp tại Sweden 5.000Kr. Nguyễn Biên (Neu Anspach) 100DM. Chùa Thiện Hòa (M'Gladbach) 500DM. Thị Khiêm + Tâm Phương + Diệu Cam (Hannover) 500DM. Diệu Hải (Hochdorf) 100DM. Bạch Hồng Dinter (Recke) 30DM. Nguyễn Văn Trí (Ibbenbüren) 20DM. Lai Thị Quý Vân (Wuppertal) 10DM. Lê Giáng (Bi) 3.000FB. Thiện Châu (Nga) 50US. Đặng Quang Ngọc (Bad Munder) 900DM. Ngô Giàu (Berlin) 100DM. Phạm Minh Tâm + Hồng Lê 20DM. Cô Diệu Phước (Đan Mạch) 100US. Trần (Wolfenbüttel) 10DM. GĐPT Pháp Quang (Hamburg) 50DM. Trần Mạnh Thắng (Hildesheim) 20DM. Nguyễn Văn Đại (Mainz) 20DM. Nguyễn Đàm (Köln) 20DM. Thiện Giới (Sindelfingen) 100DM. Quảng Ngộ + Diệu Quý + Diệu Thông (Pháp) 300FF. Chùa Phật Bảo (Barntrup) 1.000DM. Nguyễn Văn Lộc (Hòa Lan) 200Guld. Hiếu Trần + Thanh Nguyên (") 25Guld. Ngũ Cẩm Đường (Berlin) 100DM. Đỗ Nguyên (Plüderhausen) 100DM, HHHL ĐH Nguyễn Văn Minh. Trần Thị Ân (Bi) 2.000FB. Trần Tiến Siêu (Hamburg) 20DM. Nguyễn Văn Sáu (Würzburg) 20DM. Lê Thị Kim Cường (Bubenreuth) 30DM. Nguyễn Xuân Huy (Schweinfurt) 20DM. Đặng Thu Thủy (Heronsbach) 20DM. Đặng Xuân Hương (Erlangen) 30DM. Trần Thị Hải (Lühne) 20DM. Nguyễn Văn Trí (Eisleben) 100DM. Lê Hồng (Wuppertal) 50DM. Tô Thành Quang (Bayreuth) 50DM. Trần Ngộ (Schorndorf) 50DM. Trần Ngọc Tiến (Hamburg) 50DM. Nguyễn Roanh (Lünen) 20DM. Châu Hùng Liệt (Eutin) 200DM. Lý Diệu Ba (") 30DM. Huỳnh Thanh (Hòa Lan) 20DM. Hoàng Cẩm Tố (Homburg) 20DM. Yin War Leong (Münster) 30DM, HHHL ĐH Phan Han Chau. Hồ Đức Quang (") 80DM. Phùng Vi Niệm (Remseck) 20DM. Phùng Bảo Yến (Stuttgart) 150DM. Lê Văn Lập (Frankfurt) 50DM. Nguyễn Ngọc Như Thủy (") 30DM. Đỗ Ngọc Hiền (Nordhorn) 50DM. Trần T. Thập (") 50DM. Nguyễn Phi Văn (") 50DM. Đoàn Tường Khánh (Bielefeld) 50DM. Diệu Thông (Fürth) 50DM. Nguyễn Nhật Thủ (Hannover) 20DM. Trần Quang Trung (Oberhausen) 50DM. Chu Ngọc Khánh (München) 20DM. Nguyễn Hồng Tú (Bad Salzungen) 50DM. Huỳnh Văn Sang (Bad Oldesloh) 50DM. Xí Sách Lương (Stadthagen) 50DM. Tăng Kim Lang (Berlin) 20DM. Alberter Mỹ Linh (Hòa Lan) 30Guld. Vũ Mạnh Sot (Wismar) 20DM. Huỳnh Thị Dung (Bad Doßerau) 20DM. Nguyễn Thị Nhân (Hamburg) 500DM, HHHL ĐH Thiện Lý Ngô Thị Nhiệm. Vũ Thị Đầu (Aachen) 50DM. Phạm Thị Quý (Đan Mạch) 50DM. Lương Văn Xinh (Pforzheim) 20DM. Nguyễn Văn Chương (Karlsruhe) 100DM. Nguyễn Văn Quốc (Erlangen) 50DM. Trần Kim Lê (Berlin) 20DM. Phạm Nhân (") 50DM. Nguyễn Lạc (Nürnberg) 30DM. Nguyễn Tinh (") 30DM. Nguyễn Thị

Yến (") 50DM. Nguyễn Thị Vân (") 30DM. Nguyễn Tăng Lộc (") 80DM. Ấn danh (Mannheim) 50DM. Mai Thị K. Hoàng (Viersen) 30DM. Tâm Đò + Diệu Lý + Diệu Qui (Berlin) 60DM. HH Công đức ĐH Nguyễn V Chương. Quảng Phước (Minden) 20DM. Phouilivong (") 30DM. Ngô Hoàng Phượng (Wiesbaden) 50DM. Phạm Thị Mười (") 30DM. Giang Liên + Trần Lăng Hía (Nürnberg) 70DM. Nguyễn Ngọc Mỹ (Stuttgart) 100DM. Huỳnh Thị Chi (Berlin) 50DM. Lâm Lao Chi (") 50DM. Hồ Thị K. Hoa (Essen) 50DM. Quách Thị Chót (") 30DM. Phạm Ngọc Thưởng (GM. Hütte) 30DM. Nguyễn Quốc Cường (Essen) 50DM. Nguyễn Phạm (") 30DM. Đinh Thu Hà (HH) 30DM. Diệu Trân (") 20DM. Trần Văn Tiến (Bad Krueznach) 50DM. Võ Thị Mai (Pháp) 100DM. Hồ Vượng (California) 200DM, HHL ĐH Châu Hào Đàm Chuyển. Ngô Thị Nam (Lippstadt) 20DM. Gđ. Đinh (Bremen) 20DM. Tôn Hà N. Lý (Straßburg) 100FF. Ngô Thị Dương (Hofgeismar) 80DM. Cao Toàn Phó (Oldenburg) 30DM. Trần Nguyệt Phượng (Koblenz) 20DM. Trần Thị Hồng Châu (Ý) 30.000Lire. Tsang (Rietberg) 50DM. Nguyễn Thị Bảy (Đan Mạch) 100Kr. Trần Thị Yến (Trier) 50DM. Lan Phượng Delarber (Wolfsburg) 20DM. Teweworld Group (BS) 700DM (10 Karte ĐT loại 50DM + 2 Karte ĐT loại 100DM). Nguyễn Văn Hưng (Berlin) 20DM. La Thu Sung 50DM. Trịnh Tuấn Hùng 20DM. Lý Thành Phước (WHV) 30DM. Huỳnh Nghiệp Thanh (Spaichingen) 30DM. Đỗ Văn Kiên (BS) 50DM. Gđ. Trịnh Thị Mai Hoa (Lippstadt) 70DM, HHL ĐH Nguyễn Lộc & Nguyễn Hà. Nguyễn Tấn Phát (HH) 30DM. Minh & Yến 20DM. Lê Thị Hồng (Reutlingen) 20DM. Gđ. Ong 30DM. Lê Lan Anh (Moisburg) 30DM. Nguyễn Công Trường (Stuttgart) 10DM. Võ Dương Hạnh (Marl) 11DM. Nguyễn Thị Chính 50DM. Thân Thị H. Bửu 10DM. Nguyễn Thu Thanh (HH) 20DM. Lưu Thị Trinh (") 40DM. Trương Chanh (Friesoythe) 50DM. Võ Thanh Hùng (Hanau) 20DM. Lưu Quang Thuận (Evessen) 50DM. Nguyễn Định (Lohr a M.) 10DM. Thái Văn Tường (WHV) 50DM. Trương Vinh Khương (Münster) 30DM. Fam. Lương (Bielefeld) 40DM. Ấn danh 50DM. Cao Minh Đức (Lindern) 10DM. Đặng Văn Hiếu 20DM. Huỳnh Thị Khanh 50DM. Hoàng Thị Tai (WHV) 20DM. Diệp Văn Sơn (Wuppertal) 50DM. Tu Cẩm Vinh 20DM. Nguyễn Duy Minh (Wiesbaden) 50DM. Liêu Thị Thà (BS) 10DM. Nguyễn Thị T. Hoa 20DM. Trương Hạnh 20DM. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (Lambrecht) 20DM. Gđ. Ngô Mạnh Tiến (Murg-Oberhof) 100DM. Đào Văn Thuận (Breitscheid) 50DM. Phạm Mai Thanh (Hamel) 20DM. Bùi Văn Hòa 10DM. Nguyễn Thị T. Mai 10DM. Gđ. Đặng Tường Cẩm Đồng 50DM. Nguyễn Thành Ngọc (HH) 20DM. Trần Văn Nam (Pforzheim) 50DM. Nguyễn Cúc Mai (Hannover) 10DM. Nguyễn Thị Loan 10DM. Nguyễn Kỳ Thường 20DM. Nguyễn Trường Chinh 30DM. Bùi Hồng Mạnh (Fürth) 20DM. Nguyễn Thị L. Oanh (") 20DM. Nguyễn Thị Bắc Nam 20DM. Văn Kiêm (HH) 50DM. N.H.E. 20DM. Nguyễn Thị

Thanh (Bergkamen) 50DM. Đào Thị Chuyên 10DM. Nguyễn Ánh Tuyết (Hòa Lan) 25DM. Quách Tu Quang (Wedel) 30DM. Đỗ Văn Nguyên (") 30DM. Trần Tú Ngọc (GF.) 20DM. Gđ. Trần Vinh Cam (Münster) 400DM. Dương Văn Phượng (Essen) 100DM. Trần Thị Thu Thảo (Köln) 50DM, HHL ĐH Thái Thị Đề. Ánh Tuyền 10DM. Nguyễn Văn Cang 50DM. Phùng Văn Bảo 30DM. Vũ Văn Hải (Trier) 30DM. Tăng Như Ấn 20DM. Lưu Tiến Tung (Osterode) 20DM. Lê Văn Quang (Schwedt) 50DM. Nguyễn, Thi Hay (Königsutter) 20DM. Minh Thông + Diệu Thanh 50DM. Ngô Thị Kim Dung (Freiburg) 50DM. Nguyễn Thị Hồng Hoa (Cham) 30DM. Phạm Thị Bích Vân (Lilienthal) 20DM. Lê Văn Mến 20DM. Phạm Xuân Thiệp (Krefeld) 20DM. Phạm Thị Quyên (") 50DM. Phan Văn Thanh (Kleinostheim) 50DM. Antony Đinh Thị Toán (D'dorf) 30DM. Vũ Anh Dũng 10DM. Trần Thị Thu Nghĩa 10DM. Trần Thị Sơn (Ulm) 100DM. Võ Minh Tá 20US. Phạm Hoàng Tuấn 20DM. Lê Thị Lan Anh 20DM. Nguyễn Văn Nhung (Laatzen) 50DM, HHL Thân phụ Nguyễn Văn Nửa và Thân mẫu Trương Thị Diệu. Lâm Ngọc Phượng (Gelsenkirchen) 50DM. Hồ Văn Điều (Göttingen) 20DM. Nguyễn Đăng Thuận (Rhein) 100DM. Lê Thọ Hạng (Reutlingen) 50DM. Gđ. ĐH họ Lý (Aschaffenburg) 800DM. Lay Ngọc Phượng (Stuttgart) 2.000DM. Trần Huệ Nhân 30DM. Trương Tú Phụng 100DM. Ngô Cường (Weilheim Obertragern) 20DM. Vũ Quang Hưng 20DM. Nguyễn Đức Hòa 20DM. Võ Thành Nghĩa (Viersen) 20DM. Lê Hoàng Đế 20DM. Nguyễn Thị Nga (Frechen) 20DM, HHL Nguyễn Xuân Thiều. Đặng Ngọc Bích 10DM. Bùi Thị Hồ Thủy 20DM. Phạm Quang Vượng (Leipzig) 20DM. Trần Yến Trinh 20US. Vương Huệ Trần 10US. Gđ. ĐH Trần Vinh Cam (Münster) 140DM. Fam. Vũ 10DM. Hoàng Thanh Bình 10DM. Ngô Thanh Thủy (Rostock) 20DM. Trần Thái Sơn (Bad Doberan) 50DM. Trần Thị Hải 20DM. Lê Thị Lan 40DM. Tuấn & Phượng 20DM. Nguyễn Huỳnh Long 10DM. Lai Quốc Khánh 20DM. Nguyễn Ngọc Diệp (Darmstadt) 30DM. Nguyễn Thị Hiền (Eimeldingen) 500DM. Văn Thị Bày (Baden-Baden) 50DM. Lưu Quốc Vũ (Berlin) 100DM. Tô Hữu Trần (Recklinghausen) 40DM. Phạm Ngọc Tuấn (Offenbach) 20DM. Lê Thị Nam (Wiesbaden) 20DM. Ngô Văn Thạch 20DM. Nguyễn Thị Minh Sáu (Ronnberg) 10DM. Trương Phúc (Neustadt) 20DM. Gđ. Dương Anh Minh (Augsburg) 50DM. Đinh Văn Tuyền (Duderstadt) 50DM. Nguyễn Khắc Vinh Loan (Würzburg) 20DM. Phan Thị Thủy 10DM. Lê Thanh 30DM. Đinh Nguyễn Duy Bùi 300DM.

● CÚNG DƯỠNG CÁC PHẨM VẬT

ĐH. Nguyễn Văn Trung (Bremerhaven) 6 bao gạo + 2 bao nếp + 3 kg nấm đông cô. Hội Việt Trí Quốc (") 5 bao gạo + 5 thùng dầu ăn. Hồ Minh Hoàng (Frankfurt) 40 kg bánh cuốn chay. Anh Đức (Hess/Oldendorf) 20 thùng dầu ăn. Nguyễn Văn

Rĩnh (Bonames) 3 thùng bún khô. Diệu Nữ (Laatzen) 120 miếng xôi vị. Nguyễn Khắc Lê Chính (München) 10 cuốn kinh Dược Sư. Nguyễn Văn Lượng (D'dorf) 4 kg trái nhãn. Tạ NguyệtTrinh (Heilbronn) một số thuốc tây. Mai Bá Phước 10 thùng dầu ăn. China Rest. Dynastie 10 bao gạo. Văn & Hiệp (Mainz) 1 bao bột bánh bao. Gđ. Bà Thông (Koblenz) bánh bò, xu xê, khoai mì. Võ Thị Lợi 200 bánh xu xê + 200 bánh cam. Chim Thị Hiền (Stuttgart) 1 thùng mì chay + 40 bánh bía. Trần Ngọc Dung (Tübingen) 1 hộp đèn cây + 2 bó nhang. Trần Ngọc Mỹ (") 1 bó hoa tươi. Lê Thị Đỗ (Dietenbach) 61 bảng cải lương. Đoàn Mậu Cang (Reutlingen) 160 bánh xu xê + 90 bánh bò. Nguyễn Phi Long (") 100 giò cháo quày. Trần Văn Huyền (") 30 bánh dẻo. Lê Tại Thanh (") 50 bánh bò. Đặng Ngọc Trần (") 1 thùng bánh bía. Nguyễn Thị Tú (Sindelfingen) 20 đôn bánh tét. Bà Thái Anh (") 2 ổ bánh bò nướng. Đoàn Minh Sơn (Langen) 1 thùng bàn chải và kem đánh răng.

● CÔNG QUẢ & CÚNG DƯỠNG 100 CÁI KỆ ĐỂ KINH

ĐH. Thiện Tâm Nguyễn Hiệp (Mannheim). Nhứt Trọng Trần Văn Minh ("). Thiện Chánh Trần Lê Minh Đức Thiện Hội Đặng Ngọc Hải ("). Diệu Văn Nguyễn Thị Cẩm Thúy ("). Vũ Văn Đông ("). Quyền ("). Minh Văn Trần Văn Phi ("). Thiện Phúc Trần Thị Vinh (Mannheim) 30DM. Trí An Nguyễn Thanh Bình (") 70DM. Diệu Văn Nguyễn Thị Cẩm Thúy (") 50DM. Tâm Vũ Lê Thị Phượng (") 20DM. Thiện Trí Nguyễn Danh Thắng (") 30DM. Thiện Chân Trần Lê Minh Đức (") 30DM. Thực Giác Trần Minh Tâm (") 20DM. Thiện Trí Vũ Thị Tuyết Phi (") 50DM. Thiện Vũ Nguyễn Thị Ẽn (") 10DM. Thiện Xuân Nguyễn Xuân Phúc (") 20DM. Hằng Ứng Lưu Ngọc Lan (Speyer). Ấn danh (") 20DM. Thiện Văn Nguyễn Thị Bình (") 110DM. Tịnh Anh (") 20DM. Diệu Trí Nguyễn Thị Gòg (Neustadt) 10DM. Nguyễn Văn Neang (") 20DM. Thiện Châu Đoàn Văn Chung (Happenheim) 20DM. Trương Cẩm Phát (") 20DM. Minh Trí Nguyễn Duy Uy (Schwetzingen) 20DM. Đồng Ngọc Nguyễn Ngọc Lâm (") 20DM. Tịnh Niệm Trần Văn Tú 20DM. Lê Văn Kết (") 30DM. Giác Hiền Nguyễn Thế Vinh (Heidelberg) 20DM. Đặng Ngọc Hải (Mannheim) 10DM. Huỳnh Sướng Tài (Speyer) 60DM. Đặng Ngọc Hà & Phú (Ludwigshafen) 10DM. - ●

Tòa soạn xin cáo lỗi cùng quý Đạo Hữu Phật Tử vì phần phưởng danh cúng dường kỳ này quá nhiều nên không thể đăng hết được. Chúng tôi chỉ đăng phần cúng dường Tam Bảo. Các phần còn lại sẽ tiếp tục đăng vào Viên Giác số 112 phát hành vào tháng 8 năm 1999.

Mong quý vị hoan hỷ cho.

Chùa Viên Giác



VIÊN GIÁC

TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ
PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI
CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnam-
Flüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

CHU TRƯỞNG (HERAUSGEBER & DRUCK)

Congr. d. Verein Vietn. Buddhi. Kirche e.V
Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover - Deutschland

CHU BÙT

Đạo hữu Nguyễn Trí

QUẢN LÝ TOA SOẠN

Đạo Hữu Thị Tâm

BAN BIÊN TẬP & CÔNG SỰ VIÊN

Thượng Tọa Thích Như Điển - Huy Giang - Đan Hà - Quỳnh
Hoa - Nguyễn Minh Hiền - Từ Hùng Trần Phong Lưu - Thiện
Nghĩa - Hồng Nhiên - Thiện Căn Phạm Hồng Sáu - Thị Tâm
- Phú Văn - .

Hồ Trường An (Pháp) - Tùy Anh (Đức) - Thanh Bình
(Thụy Sĩ) - Người Giám Biên (Đức) - Đông Phương Mai Lý
Cang (Pháp) - Nhất Uyên Phạm Trọng Chánh - Hà Huyền
Chi (Hoa Kỳ) Hạnh Nguyễn (Ấn Độ) - Phương Hà (Bi) -
Thái Tú Hạp (Hoa Kỳ) - Nguyễn Đình Hùng (Hòa Lan) -
Nguyễn Tấn Hùng (Mỹ) - Trần Thị Nhật Hưng (Thụy Sĩ) -
Dr. Thái Văn Kiểm (Pháp) - Nguyễn Minh Khánh
(Canada) - G.S. Vũ Kỳ (Bi) - Huyền Thanh Lữ (Đức) -
Thiện Xuân -Inna Malkhanova (Nga) - Vũ Nam (Đức) - Lê
Thị Bạch Nga (Canada) - Tuệ Nga (Hoa Kỳ) - Phong
Hưng Lưu Nhơn Nghĩa (Úc) - Hoàng Phi Lưu Hoàng
Nguyễn (Úc) - Phan Hưng Nhơn (Đức) - Nguyễn Việt Nữ
(Hoa Kỳ) - Văn Nường LNC (Pháp) - G.S. Lê Văn Quối
(Hòa Lan) - Giang Phúc Đông Sơn (Đức) - T.S. Lâm Như
Tạng (Úc) - Phạm Thăng (Canada) - Đoàn Văn Thông
(Hoa Kỳ) - Nguyễn Thủy (Pháp) - Hoài Việt (Pháp) - Yên
Tử Cư Sĩ Trần Đại Sỹ (Pháp). Võ Thu Tịnh (Pháp).

KỸ THUẬT AN LOẠT (Layout)

Trung Tâm V.H.X.H. P.G Việt Nam Tị Nạn tại CHLB Đức
Ấn Loạt
● Nguyễn Minh Hiền ● Nguyễn Anh Dũng

CÙNG SỰ CỘNG TÁC CỦA :

Mitwirkung von :
Hội Phật Tử Việt Nam Tị Nạn tại Cộng Hòa Liên bang Đức
Vereinigung der Buddhistische-Vietnamflüchtlinge i. d. BRD

TOA SOẠN & ẮN QUẢN

Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Đức
Vietnamesisch-Buddhistisches
Sozio-Kulturzentrum i. d. BRD
c/o Chùa Viên Giác

Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover
Tel. 0511 - 87 96 30 . Fax : 0511 - 87 90 963
E-Mail : pvg @mail.comlink.apc.org
http. //www.comlink.apc.org/pvg/pagode

VIÊN GIÁC erscheint 6 mal Jährlich

- Viên Giác phát hành mỗi 2 tháng vào những tháng chẵn. Nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng người Việt tị nạn tại Đức Quốc trên mọi mặt.
- Viên Giác bảo tồn và phát huy truyền thống Văn Hóa Phật Giáo và Dân Tộc Việt bên cạnh những sinh hoạt Tôn Giáo. Xã Hội hoàn toàn không có tính cách thương mại, tuy nhiên mọi ủng hộ qua hình thức cúng dường. Viên Giác xin chân thành cảm tạ.
- Ủng hộ hiện kim cho Viên Giác. Quý vị sẽ nhận được biên nhận theo sự yêu cầu để làm đơn xin quân bình thuế lương bổng hoặc lợi tức hằng năm.

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V
Konto Nr. 870 16 33 - BLZ 250 700 70
Deutsche Bank Hannover

Mục Lục

trang

Thư Tòa Soạn

1

■ Tôn Giáo

- Thông điệp hưởng về thế kỷ 21 - H.T. Thích Huyền Quang 2 - 5
- Diễn văn chào mừng Đại Hội 8 của VTVHĐ - H.T. Thích Quảng Độ 6
- Thông cáo báo chí của phòng thông tin P.G Quốc Tế 7 - 10
- Bí ẩn về con mắt thú ba huệ nhân - Đoàn Văn Thông 11 - 16
- Thân thể con người - Tâm Quang 17 - 18
- Kề cận tử quang - Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn 19 - 21
- Thức thú Tám - Lâm Như Tạng 21 - 23

■ Auf Deutsch

- Der Buddhismus und die Menschen - Thích Nhu Dien 24 - 27
- Heilsame Saat durch die Praxis der Buddhlehre aussäen - TND 28 - 30

■ Sáng tác - Văn nghệ - Biên Khảo - Tham luận chính trị

- **Vườn thơ Viên Giác** : Nương ánh đạo vàng - Phú Văn 31 - 33
- **Trang Hoa Phụng** : Hoa phong lan (Phạm Minh Châu). Hào Quang (thơ Thu Hồ). Bé Hồng & Thăng Dũng (Huy Giang). Gia Đình Phật Tử (Thiện Căn Phạm Hồng Sáu). Ông già bán bài học ngàn vàng (Hồng Nhiên sưu tầm). Nhạc Lam : dòng suối tử chảy vào lòng nhân thế (Phù Văn). 34 - 39
- Nghi thức Phát Bồ Đề Tâm - Thượng Tọa Thích Nhất Chân 40 - 42
- Tu gieo duyên - Thích Như Điển 43 - 45
- Lối vào - Lâm Thao 45 - 46
- Hồ Xuân Hương và Phật Giáo - Phạm Trọng Chánh 47 - 50
- Thông điệp của Đức Phật - Lê Tấn Bửu biên soạn 51 - 52
- Nguyễn Du và kinh Kim cương - Phan Quang Việt 53 - 58
- Vòng quanh đại đồng - Trần Phong Lưu 59 - 61
- **Trang khoa học** : Người mù và vận tốc - Lê Văn Quối 62
- Chánh sách tiêu diệt Phật Giáo tử trong ... Thích Hạnh Tấn 63 - 65
- Hội An.. Hội An, theo dòng hoài niệm - Vũ Kỳ 66 - 69
- Con rắn đen - Nguyễn Minh Khánh 70 - 72
- Tin thế giới - Người Quan Sát 73 - 79
- **Diễn đàn dân chủ** : Nguyễn Minh Tuyền, Nguyễn Thế Quang, Lê Thái, Võ Thị Nga, Nguyễn Thị Thúy Loan. 80 - 81
- **Sinh hoạt cộng đồng** : Thông báo, Giới thiệu, Tim thân nhân, Chúc mừng, Phân ưu, Cảm tạ v.v... 82 - 85
- Tin Phật Sự , Thông cáo báo chí , Tin cứu trợ, Hộp thư Viên Giác, Phúng danh cúng dường. 86 - 98

■ Thơ

- Mảnh đời và lời tâm sự nhỏ - Vũ Hối 18
- Hoa vô úy - Tuệ Nga 23
- Lòng Trần - Tùy Anh 23
- Dã tràng thế kỷ - Triệu Quyết Thắng 33
- Chùm hoa đạo - Nguyễn Thượng Quê 50
- Viết cho con - Thủy Trúc 69
- Tôi có - Đan Hà 95

Hình bìa : Phạm Thăng

Cáo Lỗi

Vì số trang báo có giới hạn nên các bài của quý văn thi hữu gửi đến, không thể đăng hết trong số báo này được. Chúng tôi sẽ lần lượt tiếp tục đăng trong các kỳ báo tới. Xin thành thật cáo lỗi cùng quý vị.

■ Ban Biên Tập Viên Giác

DONGHI**DU LỊCH
VÀ BẢO HIỂM****REISEN**

Uhu Weg 10 - 50997 Köln

Tel. : 02233 - 922 983.

Fax : 02233 - 922 984

Giờ làm việc
từ 9.00 giờ đến 18.00 giờ

TEL. : 02233 - 21111 (sau giờ làm việc).

DU LỊCH : Á ÂU, ÚC, MỸ CHÂU VÀ CANADA

- Chọn lựa những chuyến bay thuận lợi thích hợp
- Lo thủ tục Visa Á Châu, Úc, Mỹ
- Giá rẻ đặc biệt.



BẢO HIỂM : Du lịch các loại . REISE &

KRANKENVERSICHERUNG

- Cho những người từ Đức đi
- Cho người từ nước ngoài đến Đức : ab DM 115,- / 3 Monaten
- Và tất cả các loại bảo hiểm khác

VIEN GIAC, KARLSRUHER STRASSE 6, 30519 HANNOVER

PSdg, Deutsche Post AG, Entgelt bezahlt **H 46298****Đà Lạt****Nhận nấu ăn cho tiệc cưới, sinh nhật, Mừng thọ, Hạp mặt v.v..**

Có đầy đủ tiện nghi .

Xin liên lạc :

Lý Nguyên Thanh

Syker Str.25

28816 Stuhr Brinkum

Tel. : 0421 - 80 16 68



Chuyên nhận nấu các món ăn Trung Hoa cho tiệc cưới và sinh nhật ... có đầy đủ tiện nghi. Cho mượn khay trà và mâm quả. -

Chúng tôi sẽ làm hóa đơn để quý vị khai thuế cuối năm

Xin liên lạc : HUYNH HOÀNG BÓN

Am Freibad 4, 66299 Fried. --stahl / Saarbrücken

Tel. / Fax : 06897 / 842599. Funk : 0172 / 6831 072

TRẦN DŨNG**Nhận trang trí nhà hàng Tàu,
Việt, Dụng Mới, Sửa cũ
Thẩm Mỹ - Đảm bảo Kỹ Thuật**

Đồng thời có nhiều sáng kiến mới giúp đỡ

nhà hàng Umsatz thấp đạt được cao hơn

Xin liên lạc Trần Dũng : Tel. : 0172 - 582 8883

**NHẬN CHỤP HÌNH & QUAY PHIM
CÁC BUỔI LỄ**

Tân Hôn - Sinh Nhật - Hạp Bạ

Chúng tôi dùng Computer làm phim
thêm linh động và hấp dẫn hơn

Tel. : 07621 / 64 802 hoặc 0172 / 76 65 885



➔ Bán vé máy bay đi, về
và ngược lại các nước ở
**CHÂU ÂU, CHÂU MỸ,
CHÂU ÚC & CHÂU Á**

➔ Hướng dẫn và lo thủ tục Visa

➔ Chọn lựa những chuyến bay thuận lợi, thích hợp và giá rẻ.

Xin quý vị liên lạc qua :

Kim Hoa Doba - KIMADOUhandstr.9
73249 Wernau a. N.Tel. 07153 / 36 890
Fax. 07153 / 37132
Montag - Freitag : 10h - 16 h